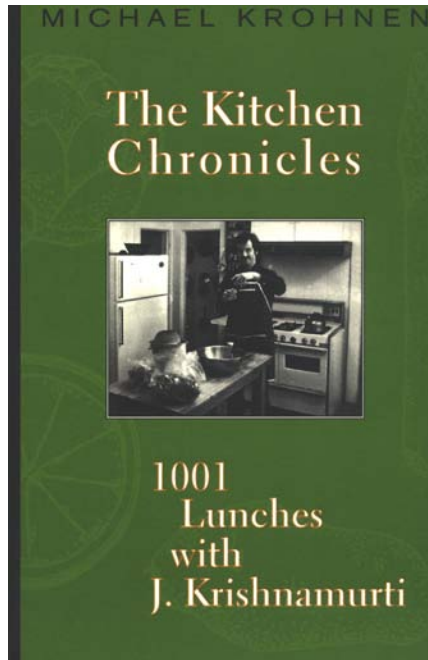


J. KRISHNAMURTI



GHI CHÉP tại NHÀ BẾP

1001 Bữa trưa cùng J. Krishnamurti

THE KITCHEN CHRONICLES

1001 Lunches with J. Krishnamurti

[Nguồn: Internet]

Tác giả: Michael Krohnen

Lời dịch: Ông Không

– Tháng 4-2011–

MICHAEL KROHNEN

GHI CHÉP TẠI NHÀ BẾP
1001 bữa trưa cùng J. Krishnamurti

The Kitchen Chronicles: 1001 Lunches
with J. Krishnamurti
Copyright © 1997 by Michael Krohnen

***“Anna dathu
sukhi bhava”***

***[cầu mong người ban tặng lương thực
được hạnh phúc]***

– Lời cầu nguyện ở Ấn độ trước và sau bữa ăn

NỘI DUNG

LỜI CẢM ƠN
LỜI PHỦ NHẬN
LỜI MỞ ĐẦU CỦA TÁC GIẢ

PHẦN I

GIỚI THIỆU MỘT MẢNH ĐẤT KHÔNG LỐI VÀO

Những bước đầu tiên
Bắt đầu tình bằng hữu
Hương vị trọn vẹn
Lần thứ hai loanh quanh

PHẦN II

NHỮNG BỮA TRƯA CÙNG KRISHNAMURTI

Trong thung lũng của mặt trăng
Tụ họp cùng Krishnaji
Chờ đợi Krishnaji
Ăn trưa cùng Krishnaji
“Tin gì đây, thưa bạn?”
Những dòng nước thiên đàng
Một con người có một cái trí tôn giáo
Một người bạn bắt tử

PHẦN III

NHỮNG NĂM HOÀN TẤT

Một gặp gỡ của những cái trí
Lương thực cho sự suy nghĩ
Chìa khóa mở cửa sự huyền bí của sự sống?
Năng lượng của trống không
Tập hợp của tất cả năng lượng
Một tột đỉnh của đối thoại
Sáng tạo
Đường bay của đại bàng

PHẦN IV

NỎ HOA TRONG TỐT LÀNH

Hòa bình trên quả đất
Một người khoa học của phía bên trong
Tạm biệt lâu dài
Những ngày cuối cùng

PHẦN KẾT

NHỮNG GHI CHÚ TRÍCH DẪN SÁCH

LỜI CẢM ƠN

Mặc dù viết quyển sách này là một hoạt động riêng tư, liên quan đến tác giả và những suy nghĩ của tác giả cùng những trang giấy trắng hay màn hình trống, tuy nhiên nó cần đến sự hợp tác của nhiều người trước, trong suốt và sau khi xuất bản. Khi quyển sách này được thực hiện, tôi rất biết ơn nhiều bạn bè vì sự khuyến khích và sự giúp đỡ tử tế của họ qua nhiều năm tháng. Và tôi hy vọng rằng tôi có lẽ được tha thứ nếu tôi chỉ đề cập danh tánh một ít người.

Đầu tiên tôi phải cảm ơn người mẹ của tôi, mà sự ủng hộ kiên định là vô giá. Bất hạnh thay, mẹ đã không còn sống để thấy kết quả của quyển sách này nhưng qua đời lúc 89 tuổi vào tháng bảy năm 1995.

Đặc biệt những lời cảm ơn chân thành đến Mary Zimbalist, người đã lắng nghe kiên nhẫn và cẩn thận những bài tôi đọc từ những bản nháp thứ nhất và thứ hai. Bà không chỉ khuyến khích tôi nhưng còn giúp đỡ rất nhiều trong việc sửa chữa những sự kiện đúng đắn và văn phong gọn gàng.

Cũng phải cảm ơn vô cùng đến Katherine Han vì là người bạn rộng lượng và hiếu khách và vì cùng chia sẻ ý thức về sự quan trọng của quyển sách.

Thật khó khăn để diễn tả thành từ ngữ sự trợ giúp và sự rộng lượng mà tôi đã nhận được từ Friedrich Grohe. Sẽ rất khó khăn cho tôi để kể về thúc đẩy quyển sách này nếu không có

tình bằng hữu chung thủy và sự cảm hứng của ông, cũng như sự khuyến khích lâu dài của ông.

Tôi cũng muốn cảm ơn David Moody và vợ của ông, Vivienne về sự thân thiện của họ. Bởi vì ông là người biên tập và độc giả đầu tiên của tôi, công hiến những lời khuyên vô giá và chân thật về tất cả những khía cạnh của quyển sách khi đang thực hiện, tôi không thể nghĩ rằng quyển sách này có thể hoàn tất nếu không có những nhận xét sâu sắc của ông.

Cũng vậy, tôi biết ơn Ray McCoy rất nhiều, người đã cẩn thận chỉ ra vô số lỗi lầm và đưa ra những đề nghị hoàn hảo trong những thay đổi về cấu trúc của quyển sách. Tôi trân trọng sâu sắc tình bằng hữu của ông, việc đó còn quý báu hơn mọi thứ.

Sự biết ơn của tôi cũng gửi đến Tom Heggstad vì sự sẵn lòng hy sinh để giúp đỡ tại những khoảnh khắc bị cản trở về điện và vì sự kiên nhẫn vô hạn của ông với một người bạn dốt nát về máy tính.

Ngoài ra, tôi muốn bày tỏ sự cảm ơn của tôi đến Alan và Helen Hooker cho mời hay nhiều năm hơn nữa của sự đồng hợp tác và tình bằng hữu thuộc loại hiếm hoi nhất, mà là phần quan trọng nhất của sự nỗ lực để viết lại quá nhiều bữa ăn trưa.

Những lời cảm ơn đặc biệt đến Mark, Asha, và Nandini, không chỉ cho sự giúp đỡ của họ tại một khoảnh khắc quan trọng nhưng còn cả cho một liên hệ vĩnh cửu của tình yêu và hiểu rõ.

Cũng thật lạ thường khi có một người biên tập không những giỏi giang và hiểu rõ nhưng cũng cảm thấy: sự trân trọng sâu thẳm của tôi đến Stephen và Wendy Smith.

Tôi cũng không quên đề cập sự trân trọng biết ơn của tôi vì sự trợ giúp và tình bằng hữu của Nikos và Stefania Pilavios, Juan và Maria-Angels Colell, Byron và Alida

Allison, Ivan Berkovics, Doug Evans, Sara Cloud, Francis McCam, và Ben Kelly.

Và đến Rita Zampese tôi muốn nói những lời cảm ơn về những bức ảnh tuyệt vời và về sự rộng lượng khi cho phép chúng tôi sử dụng chúng trong quyển sách này.

Cuối cùng nhưng cũng quan trọng không kém, tình yêu và biết ơn của tôi đến Fernandes.

-Michael Krohnen

Ojai, California, tháng 4 năm 1996

LỜI PHỦ NHẬN

Trong hầu hết mọi phần, những đối thoại mà tôi trình bày trong những trang dưới đây không là những thuật lại đúng nguyên văn của Krishnamurti, mặc dù chúng cố gắng diễn tả chính xác sự suy nghĩ của ông. Chúng là những cấu trúc lại theo dạng nói chuyện được đặt nền tảng trên những ghi chú và những hồi tưởng của tôi tại những thời điểm được diễn tả – ngoại trừ những trích dẫn ngắn từ những nói chuyện của ông.

Tương tự, tôi đã sử dụng sự phóng túng về niêm luật nào đó để tái tạo tâm trạng và ý thức của đang ở trong sự hiện diện của một người thầy và một người suy nghĩ cách mạng vĩ đại. Tôi viết những câu chuyện kể lại dưới đây bởi vì tôi đã thấy cái gì đó của vẻ đẹp lạ thường và quý báu đến độ tôi thực sự mong muốn chia sẻ cùng những người khác. Tôi cũng cảm thấy rằng rất quan trọng phải cung cấp bằng chứng cho một sống – một sống đó của J. Krishnamurti – mà đã thuộc một ý nghĩa sống còn trong cốt lõi và lịch sử của ý thức con người. Ngoài ra, vào nhiều dịp cả bạn bè lẫn những người xa lạ đã liên tục hỏi tôi, sống và làm việc cùng người nào đó như Krishnamurti như thế nào. Lúc này, ít ra, tôi cũng có thể cung cấp cho họ một trả lời cho những câu hỏi của họ mà tôi hy vọng sẽ bao hàm tổng thể.

Cuối cùng, cũng do bởi lợi lộc riêng của tôi nên tôi đã sưu tầm những ghi nhớ và những hồi tưởng riêng của tôi và

sắp xếp chúng trong cách nào đó giống như sự trật tự theo thứ tự thời gian. Nó đã giúp đỡ tôi có được một nhận biết rõ ràng hơn của một thời kỳ quan trọng nhất trong sống của tôi, hành động giải thoát đó mà đã liên tục gây ảnh hưởng sâu thẳm đang sống ngày-sang-ngày của tôi.

Và, mặc dù tại đáy lòng, đây là một quyển sách thuật lại rất chủ quan về những ấn tượng của tôi và sự tác động hỗ tương cùng, J. Krishnamurti, thứ tự thời gian được tuân thủ và những sự kiện được diễn tả hoàn toàn trung thực và theo đúng sự kiện.

-Michael Krohnen

PHẦN MỞ ĐẦU CỦA TÁC GIẢ

Trong bốn năm dài chiến tranh đã diễn ra dữ dội khắp thế giới và xu thế dần dần bắt đầu chống lại những kẻ hung hăng khi tôi được sinh ra ở Arnstein, một thị trấn nhỏ gần Frankfurt/Main ở Đức, mùa thu năm 1943.

Lớn lên sau chiến tranh, thiên nhiên và vẻ đẹp của nó có một ý nghĩa sâu đậm đối với tôi. Những cánh đồng cỏ cao màu vàng nhảy múa trong ánh nắng, những đám mây trắng lơ lửng qua bầu trời xanh, những cơn gió lẩn trong cây cối, và những vì sao rực sáng vào buổi tối giống như những khám phá về một thứ khác, kích thích an bình nhiều hơn, khác hẳn thế giới mà con người đã tạo ra. Như tôi có thể nhớ được, tôi ấp ủ một hiếu kỳ hừng hực về cái gì vượt khỏi những hình thể, về những nguyên nhân cuối cùng, về cái thiêng liêng. Những câu chuyện của Kinh Bible cuốn hút tôi, đặc biệt quyển Sự sáng tạo trong Nguồn gốc. Rủi thay, những giáo sĩ Thiên chúa giáo La mã quá sẵn lòng để khắc sâu cái trí nệ dạ, non nớt của tôi bằng những nghi lễ, những lời cầu nguyện và những giáo điều. Trước kia đã lâu lắm rồi, tôi tin rằng tôi ao ước trở thành một người truyền giáo để cứu rỗi những linh hồn khỏi địa ngục.

Nhưng, cảm ơn Thượng đế, tội lỗi đã được ngăn cản, và tôi bắt đầu trải nghiệm khả năng tự nhiên bên trong tôi, với những câu hỏi và những nghi ngờ theo cùng nó. Hình dáng phụ nữ, những cô gái, bỗng nhiên trở thành sự quyến rũ

và cảm thấy lạ lùng. Những vui thú và những đau khổ của sự thôi thúc về tình dục đang thức dậy của tôi là những sức mạnh kỳ lạ đến độ tôi không thể kiểm soát cũng như hiểu rõ. Những giải thích truyền thống không hé lộ bất kỳ ánh sáng nào về vấn đề nhưng chỉ thêm vào nhiều sự hoang mang của tôi, với những đe dọa, sợ hãi và tội lỗi thuộc luân lý của chúng.

Tại mức độ thuộc trí năng nhiều hơn, lịch sử đang dạy tôi một bài học tại cùng thời điểm – bài học của quá khứ tập hợp mới đây của chúng ta. Thật lạ lùng khi nhận ra rằng tôi và những người cùng tuổi lại là con cái của thế hệ mà đã tôn sùng Adolf Hitler và những kế hoạch điên rồ của ông ấy. Khi tôi thấy bằng hai mắt riêng của tôi những cuốn phim về những khủng khiếp của những trại tập trung, sự kinh hãi và những giọt nước mắt thấm đầy thân tâm của tôi. Văn hóa và xã hội kiêu ngạo lúc trước mà tôi đã lớn lên đã làm công việc này, và những người bạn bè của quốc gia tôi ít ra đã là những người đồng lõa yên lặng. Sự tủ nhục và tội lỗi mà tôi đã cảm thấy là không thể khuây khỏa được: sự đau khổ cho Auschwitz, Sobibor và Treblinka, sự đau khổ cho nhân loại mà đã phải chịu đựng quá nhiều đau thương.

Những mục đích và những lý tưởng được định nghĩa bởi xã hội, bởi văn hóa, bởi tôn giáo bỗng nhiên trở thành vô nghĩa đối với tôi. Đọc những quyển sách, viết những bài thơ, vẽ những bức tranh, chơi sáo, đến những quốc gia xa xôi và khám phá những văn hóa mới – đây là những hoạt động mà vẫn còn có giá trị đối với tôi.

Khi tôi đã kiếm được bằng tú tài, tôi di cư đến ‘mảnh đất của cơ hội và những giấc mộng vàng’, mà từ niên thiếu đã làm tôi mê đắm bởi những cuốn phim của nó, những phim hoạt hình và những câu chuyện miền Tây hoang dã. Định cư ở Southern California và theo học đại học mở cánh cửa đến

một sông mới, cùng lúc khơi dậy sự quan tâm của tôi trong nghi vấn về sự thật. Khi tôi bắt đầu tìm hiểu những diễn tả khác nhau về tôn giáo của nhân loại, tôi khám phá Zen cùng những phong cảnh rộng lớn trống không và những nhận biết bất ngờ của nó. Từ Zen là một bước kế tiếp đến Phật và những thấu triệt giải thoát cao cả của ngài vào tính chất tổng thể của sự đau khổ. Ngài chỉ qua bờ bên kia vượt khỏi dòng chảy của sự thèm khát và trở thành.

Khó hiểu nhiều hơn là học thuyết của Lão tử mà, ngay khi nó được diễn tả hay được đặt tên, không còn là Lão tử thực sự. Hành động không nỗ lực, nhìn ngắm không đánh giá, không phân chia khi dòng chảy của những sự kiện là hiệp thông cùng quy luật huyền bí của vũ trụ. Dịch kinh, quyển sách cổ khó hiểu của những Thay đổi, đã giải thích những quy luật của sự thay đổi liên tục trong những biểu tượng thẳng đơn giản. Nhờ vào đó cống hiến một chìa khóa đến sự giải đáp mã số của thiên đàng và quả đất. Nó hướng về sự hiểu rõ về chính mình và hành động đúng đắn.

Từ Ấn độ đến sự thông thái của kinh Upanishad và Vedan rằng cá thể và cái trí vũ trụ là một và giống hệt nhau. Sự nhận ra của sự kiện này là sự giải thoát khỏi Maya ảo tưởng, bức màn vũ trụ của ảo tưởng.

Khi tôi tiếp tục đọc và tìm hiểu những bài giảng của nghi vấn con người về cái thiêng liêng – truyền thống Judan, kinh Sufis, Phraon Ai Cập, những huyền bí của Thiên chúa giáo, và những thứ khác – tôi bị khơi dậy sự ngạc nhiên bởi những tương tự giữa những diễn tả khác nhau này. Nhưng tôi cũng nghi ngờ nữa. Dường như tất cả chúng đều được đặt nền tảng trên một thấu triệt khởi nguồn vào sự huyền bí của sống, đang chuyển tải nó trong những hình ảnh và ngôn ngữ của thời điểm lịch sử tương quan. Tuy nhiên tại cùng lúc, cái gì đó cốt lõi dường như đang bị bỏ lỡ. Có lẽ nó phải thực

hiện bởi đoạn đường của thời gian, với khoảng cách to lớn mà tách rời tôi, đang sống trong thế kỷ thứ hai mươi, khỏi Phật, khỏi Socrates, Pythagoras, Confucius và Meister Eckhardt. Thậm chí nếu trong bản thể chúng đang hàm ý cùng sự việc, mỗi người đều giảng thuyết tại thời điểm riêng của người đó, từ khung cảnh văn hóa riêng của người đó, trong ngôn ngữ riêng của người đó, nói chuyện với những con người của thời kỳ riêng của người đó. Không người nào biết bất kỳ điều gì về những chiến tranh thế giới, những trại tập trung, hay đáp xuống mặt trăng, cũng không biết về điện thoại, máy bay, xe hơi, truyền hình, máy tính, thư điện tử và nhiều dụng cụ công nghệ khác mà xác định cuộc sống hiện đại và những phức tạp vô kể của nó.

Do số mạng một buổi sáng ở San Diego, California, năm 1966, tôi tình cờ đọc một quyển sách không phải bởi, nhưng về một người được gọi là J. Krishnamurti và triết lý của ông về cái trí yên lặng. Bị tò mò, tôi tìm hiểu nó và bị mê mải bởi những trích dẫn từng chữ một hơn là sự diễn giải về triết lý của ông. Những từ ngữ của ông làm thức dậy ngay nghi vấn sâu thẳm và âm ỉ trong cái trí của tôi. Chẳng mấy chốc tôi tìm được nhiều quyển sách được viết bởi ông và ngay tức khắc nhận ra rằng đây là một giọng nói của lý luận, của sự thấu triệt thăm thẳm vào sự quy định của con người, như tôi chưa bao giờ đã từng nghe được trước kia. Không công hiến một hệ thống của niềm tin, một phương pháp hay một diễn giải, ông diễn tả chính xác hoàn cảnh toàn cầu của nhân loại trong ngôn ngữ rõ ràng và đơn giản, giải thích tính hủy hoại của những tổ chức thuộc tôn giáo và quốc gia. Ông thúc giục mọi người tự tìm được sự thật cho chính mình và một mình, và ông phủ nhận bất kỳ hình thức nào của uy quyền thuộc tôn giáo và tinh thần, gồm cả của riêng ông.

Ngoài việc công hiến một tầm nhìn tổng thể và mới mẻ, ông diễn tả ra những từ ngữ một cách chính xác điều gì mà một cách lơ mờ tôi đã luôn luôn cảm giác và thắc mắc. Bất ngờ gặp phải những quyển sách của ông giống như đang có được một món nữ trang quý giá, và điều gì ông nói kích thích tôi hoàn toàn đến độ tôi quyết định tìm ra tất cả mọi điều tôi có thể về con người này và, nếu ông vẫn còn sống, tìm được ông và gặp mặt ông. Tôi phát giác rằng ông vẫn còn sống và thực hiện những nói chuyện trong những vùng đất khác nhau của thế giới. Nhưng chỉ mãi đến tháng 12 năm 1970, tôi mới có thể xác định chỗ ở của ông. Tôi đã đến Ấn độ gặp người bạn cũ của tôi, Sunyata, sống trong tầm nhìn của những đỉnh núi tuyết Himalayas ở Almora, Uttar Pradesh, gần biên giới Tibetan-Nepali. Khi tôi cập nhật thành về Krishnamurti, anh ấy kể cho tôi về sự gặp gỡ riêng của anh ấy với ông, nhiều năm trước ở Lahors. Sự phấn khích của tôi gia tăng khi anh ấy đưa ra một thông báo từ India Krishnamurti Foundation, mà xác định thời khóa biểu nói chuyện của Krishnamurti trong Ấn độ. Khi tôi thấy rằng những nói chuyện kế tiếp của ông ở Madras, không gì có thể ngăn cản được tôi nữa. Đến New Delhi sau chuyến xe buýt mười hai tiếng, tôi vẫn còn có chuyến hành trình bằng xe lửa sáu mươi tiếng trước mặt. Tôi chỉ hy vọng đến được đó kịp giờ để nghe ông nói.

Khi đến Madras ngày 14 tháng 1 năm 1974, tôi vội vã tìm đường đến Greenways Road, nơi tôi đã biết rằng Krishnamurti đang nói chuyện. Người phụ nữ tiếp đón tôi rất hối tiếc khi nói rằng tôi vừa bỏ lỡ nói chuyện thứ ba và cuối cùng ngày hôm trước. Ngay tức khắc tôi sụp đổ. Sau đó bà yên lặng gợi ý rằng, nếu tôi muốn, tôi có thể đến ngày hôm sau và tham gia một đối thoại mà Krishnamurti sẽ thực hiện

cùng một nhóm nhỏ của những người trẻ tuổi. Tôi phần chần lại. Tim tôi đập thành thịch.

Sáng hôm sau, tôi đi bằng xe xích lô máy đến căn nhà tách khỏi Greenways Road, háo hức gặp mặt con người mà tôi cảm thấy đã công bố thông điệp lạ thường nhất của sự tự do cho những con người thời hiện đại.

Phần I



**GIỚI THIỆU
MỘT MẢNH ĐẤT KHÔNG LỐI VÀO**

Chương 1

NHỮNG BƯỚC ĐẦU TIÊN

*“Tự do là sự quan sát thuần túy
mà không có phương hướng,
mà không có sự sợ hãi của
hình phạt và phần thưởng.
Tự do không có động cơ;
tự do không
tại khúc cuối của sự tiến hóa con người
nhưng ngay khởi đầu
sự hiện diện của anh ấy.”*

-J. Krishnamurti
Tâm điểm của những Lời giảng

Ông lặng lẽ đi vào căn phòng không tiếng động. Mặc bộ quần áo Ấn độ rộng chầy dài xuống, ông nhanh nhẹn di chuyển dọc theo bức tường, cẩn thận không giẫm phải bất kỳ người nào đang ngồi trên nền nhà. Mặc dù có phong thái cao quý và kiềm chế, dường như ông thực sự, hoàn toàn nhút nhát, khi ông di chuyển đến một không gian chưa bị người nào chiếm trong góc của căn phòng lớn sáng sủa nhờ ánh mặt trời. Ngay khi đã ngồi kiết già trên một tấm thảm nhỏ, ông ngược mắt lên và gặp gỡ những cái nhìn chăm chăm đang chờ đợi của bốn mươi hay năm mươi người trưởng thành còn trẻ, đang ngồi đối diện ông. Hầu hết, đều mặc tươm tất, giống như ông, trong bộ quần áo rộng thùng thình, màu nhạt, và có vẻ căng thẳng lẫn kính trọng.

Tôi cảm thấy một ý thức diu diu của hân hoan bên trong tôi: cuối cùng những hoàn cảnh thuận lợi đã dẫn dắt tôi đến con người mà đã thức dậy sự suy nghĩ của tôi suốt vài năm qua. Đó kia, ông hiện diện bằng xương bằng thịt, một người đàn ông khoảng giữa những năm bảy mươi, một dọn sống của mái tóc bạc tạo khung những đường nét trên khuôn mặt đẹp đẽ, như điêu khắc của ông. Bằng hai mắt to phản chiếu lấp lánh đầy hài lòng, một cách điềm đạm ông chăm chú nhìn nhóm thanh thiếu nữ trẻ tuổi trước mặt. Mặc dù tôi đã thấy những bức ảnh của khuôn mặt ông, tôi ngạc nhiên bởi sự sôi nổi trẻ trung của nó và sự kết hợp của cao quý và khoáng đạt mà nó phôi bày.

Dường như ông không vội vàng để bắt đầu nói chuyện nhưng từ tốn nhìn chăm chú từng khuôn mặt. Khi hai mắt của chúng tôi gặp nhau, tôi cảm thấy một chấn động, như thể một luồng năng lượng đột nhiên bật lên giữa hai chúng tôi. Mặc dù tôi chỉ là một người trong số năm mươi người và ngồi tại vòng ngoài của nhóm người, sự tiếp xúc ngắn ngủi bằng mắt có một tác động hiệp thông lạ thường.

Sự yên lặng trong căn phòng đang lắng sâu, đang trở thành hầu như cảm thấy được, mặc dù theo đồng hồ nó không kéo dài đến một hay hai phút. Dầu vậy, dường như nó không bị nặng trĩu; tôi trải nghiệm nó hao hao giống như một yên lặng dễ chịu mà trong đó tôi trở nên lặng lẽ nhận biết được chính tôi, cơ thể của tôi và những chuyển động của nó, những người chung quanh tôi, những tiếng ồn từ con đường phía bên ngoài, hoạt động suy nghĩ liên tục của tôi. Nhưng trên tất cả, tôi trở nên nhận biết được con người đó trong góc phòng đang nghiêm nghị nhìn chúng tôi, tuy nhiên lại theo cùng một yếu tố hóm hỉnh. Tôi kinh ngạc khi thấy cơ thể của ông thật mong manh và bé tí, giống như cơ thể của một cậu trai còn trẻ, và quyền năng tinh tế của sự hiện diện của ông dường như tự chuyển tải mà không cần những từ ngữ.

Cuối cùng, ông phá vỡ sự yên lặng bằng cách hỏi, ‘Sáng nay chúng ta sẽ nói về điều gì đây?’

Sau một thoáng ngần ngừ, một người đàn ông Ấn độ trẻ tuổi chỉ cách ông một vài feet cất lời, “Thưa ông, ông nói, ‘Bạn là thế giới, và thế giới là bạn’. Ý nghĩa của câu phát biểu đó là gì?”

Một người phụ nữ phương Tây, mặc một sari bằng lụa xanh lá cây, đưa ra một đề nghị khác, “Liệu chúng ta có thể bàn luận về bản chất của cái trí tôn giáo?”

Đầy chú ý, Krishnamurti đang lắng nghe những người đưa ra câu hỏi, và, không còn ai đề nghị thêm bất kỳ câu hỏi nào, ông hỏi, “Liệu chúng ta sẽ bắt đầu bằng cách thâm nhập vào cái trí tôn giáo? Sau đó chúng ta sẽ đến câu hỏi còn lại. Điều đó được chứ?”

Có những gật đầu háo hức và một xầm xì mãn nguyện trong nhóm người. Ông bắt đầu bằng cách nhấn mạnh rằng đây là một đối thoại, trong đó mọi người sẽ tham gia, và rằng ông không là uy quyền. Khi đối thoại được khai triển, càng

nhiều người tham gia hơn và một trao đổi sinh động của những quan điểm nảy sinh từ đó. Nhưng ông tiếp tục dò dẫm sâu thẳm hơn bằng cách đặt ra những câu hỏi đơn giản và cơ bản, “Tôn giáo là gì? Bạn có ý gì qua từ ngữ ‘đang thâm nhập’?” và đại loại như thế, tập trung sự thâm nhập vào câu hỏi đầu tiên và kiên quyết rằng mọi người phải chậm chậm và cố ý chuyển động cùng nhau. Bỗng nhiên, ông tha thiết nài nỉ chúng tôi đối diện sự thật của điều gì chúng tôi đang bàn luận, “Làm ơn, lắng nghe; chúng ta quan tâm đến đang hiểu rõ về tổng thể của sự hiện diện, không chỉ một góc nhỏ xíu của nó. Bạn phải tìm ra cho chính bạn, khám phá cho chính bạn, sự thật là gì trong sống hàng ngày của bạn, trong sự hiện diện hàng ngày thực sự của bạn.”

Tôi bị sửng sờ bởi sự tức khắc đơn giản của tiếp cận của ông và tánh thực tế của nó, tách khỏi lý thuyết và phỏng đoán trừu tượng. Dường như không trả lời nào gây thỏa mãn ông, không kết luận nào được chấp nhận. Tại một mấu chốt, cuốn hút sự chú ý đến sự kiện rằng suốt lịch sử những tôn giáo có tổ chức đã phân chia nhân loại và gây ra sự xung đột và đau khổ không kể xiết, ông ngừng lại giữa câu nói, và một nụ cười tinh nghịch tỏa ra trên khuôn mặt của ông.

“Tôi xin phép kể cho các bạn một câu chuyện vui?” ông chen vào. “Một số người các bạn có lẽ đã nghe nó, vì vậy đừng bị nhầm chán. Một con quỷ và bạn của nó đang dạo bộ trên quả đất. Trước mặt họ, họ thấy một người đàn ông cúi xuống và nhặt lên cái gì đó chiếu sáng trên mặt đất. Người đàn ông nhìn nó rất say đắm, bỏ nó vào trong túi và bước đi rất phấn khởi. Bạn của nó hỏi, ‘Người đàn ông đó đã tìm được cái gì mà thay đổi anh ta nhiều như thế?’ Con quỷ trả lời, ‘Tôi biết. Anh ta đã tìm được một mảnh của sự thật.’ Người bạn la lớn, ‘Trời ơi! Đó chắc là việc xui xẻo lắm cho

anh ta.’ Con quý trả lời bằng một nụ cười ranh ma, ‘Không đâu. Tôi sẽ giúp anh ta tổ chức nó.’”

Trong khi kể lại câu chuyện đùa, ông thay đổi sắc mặt và những cử chỉ của một người pha trò, thêm thắt những chi tiết của câu chuyện và sẵn sàng tham gia cùng chúng tôi trong tiếng cười bật lên tại điểm gút của câu chuyện. Tôi nghĩ thật lạ thường khi một người mà yêu cầu sự nghiêm túc vô cùng và thâm nhập những nghi vấn mãi mãi về sự hiện diện của con người lại có sự tự do đó để kể những câu chuyện đùa và chia sẻ một tràng cười như thế.

“Tôi có nhiều chuyện vui lắm, những chuyện vui tốt lành, không phải những chuyện vui thô tục,” ông thêm vào một cách bất thường khi sự vui vẻ chung được lắng xuống. “Cười đùa là bộ phận của sự nghiêm túc, đúng chứ? Có thể thực sự cười đùa về chính người ta, quan sát về chính người ta bằng sự rõ ràng và nghiêm túc vô cùng, và tuy nhiên cùng cười đùa...”

Tôi đã và đang theo sát sự đối thoại liên tục linh hoạt đó bằng sự nhiệt thành mỗi lúc một gia tăng, đang kinh ngạc bởi ý thức của thoải mái, thanh thản và chiều sâu mà chính nó tự chuyển tải. Mặc dù tôi là một người hoàn toàn mới mẻ đối với tất cả việc này, tôi cảm thấy hiệp thông cùng tất cả những người chung quanh, đặc biệt cùng Krishnamurti. Chưa bao giờ tham gia một đối thoại nhóm thuộc loại này, tôi trải nghiệm một chấn động bởi sự mới mẻ của tình huống và những thoáng gặp bất ngờ của cái gì đó mà có lẽ được diễn tả như ‘trạng thái tổng thể’. Sự tự do vô hạn mà qua đó chúng tôi thâm nhập về những sống hàng ngày của chúng tôi thật là vui vẻ. Từ đầu cho đến khoảnh khắc này, tôi không tốt ra một từ ngữ nào, một phần do bởi nhút nhát, một phần do bởi một cảm thấy của không tổng thể, mặc dù tôi ao ước thực

hiện một đóng góp không thể quên được cho dòng chảy của ý nghĩa giữa nhóm người và người nói.

Vừa lúc đó Krishnamurti phát biểu, bằng một cử chỉ nhấn mạnh của cả hai bàn tay, “Chừng nào còn có đau khổ và xung đột, không thể có thông minh. Vì vậy, liệu bạn có thể sống một sống hoàn toàn không xung đột? Và làm thế nào bạn sẽ tạo ra điều này?”

Bộ não của tôi bật ra. Tôi biết câu trả lời và, không cần cố ý thêm nữa, thốt ra, “Qua thiên định.”

Nó là một cảm xúc lạ thường khi nghe chính tôi đang tham gia năng động trong đối thoại. Trong một khoảng ngừng ngắn ngủi, tôi nghe tiếng vang của giọng nói của tôi, thấy những từ ngữ của tôi đang lơ lửng trong không gian trống không. Cái nhìn chăm chú của Krishnamurti tập trung vào tôi. Mặc quần áo phương Tây, cơ thể to lớn của tôi nổi bật khỏi phần còn lại của nhóm, tôi có thể dễ dàng được nhận ra. Cái thoáng nhìn nảy bén của ông dịu lại, đầu của ông nghiêng một chút xiu, và một nụ cười rạng rỡ quanh nét mặt của ông khi ông nói bằng sự độ lượng nào đó, “Không, người bạn thân yêu!”

Trong một khoảnh khắc tôi nghĩ rằng tôi đã nghe ông không đúng, sau đó chậm chậm nó thấm vào đầy chắc chắn: ông thực sự đã gọi tôi là ‘người bạn thân yêu’. Tôi phân vân để thấu nhận câu nói này như thế nào đây, sau đó tôi đã chọn chấp nhận nó trong một ý nghĩa cá nhân và tích cực. Điều mà quan điểm của tôi bị khước từ dường như chẳng đặt thành vấn đề bao nhiêu. Ngay khi tôi đã khôi phục mức độ kiểm soát nào đó đối với cơn bột phát thuộc cảm xúc mà tôi đã trải nghiệm bởi sự yêu mến đó, tôi tập trung và sự thâm nhập đang tiếp tục về gốc rễ của sự xung đột.

“Khi không có so sánh, không có tuân phục, vậy thì xung đột kết thúc, và sống là thông minh mà không là thông

minh của bạn hay thông minh của tôi – đơn giản nó là,” Krishnamurti đang nói, “Và chỉ một cái trí không có xung đột mới là một cái trí tôn giáo.”

Khi tôi đang lắng nghe những từ ngữ của ông, lối diễn đạt của tiếng nói của ông, dường như mọi thứ ông nói đều quá đúng đắn, một diễn tả chính xác của sự thật – mặc dù lặp đi lặp lại ông chỉ rõ, “Từ ngữ không là sự kiện, sự diễn tả không là vật được diễn tả.” Nó như thể một cái cửa trong cái trí của tôi đã mở toang và tôi đang nhìn ngắm một phong cảnh đẹp đẽ kinh ngạc, bao la và không có những giới hạn.

“Và khi tôi nhận ra rằng tôi là thế giới, rằng tôi không tách khỏi nó, khi tôi có thể quan sát sự sợ hãi của tôi và được tự do khỏi nó, vậy thì có lẽ thiên định sẽ mở một cái cửa.” Những từ ngữ của ông đã chuyển sang một vang vọng, nghe giống như một bài thánh ca thiêng liêng.

Mọi người chìm trong yên lặng. Ánh mặt trời đang tuôn vào phòng, cùng vô số hạt bụi đang nhảy múa trong nó, và có một ý thức của cùng nhau. Trong một khoảnh khắc, thời gian và không gian trở thành không cụ thể, như thể mọi nơi đều hiện diện ở đây và mọi tích tắc của giây đều là ngay lúc này. Mất dấu vết của tôi là ai và tôi ở đâu, tôi thấy mình đang nhìn vào phía bên trong, nhìn vào cái trí riêng của tôi nhưng trong một cách khác hẳn với thói quen sục sạo vào kho lưu trữ ký ức của tôi. Nó mới mẻ, mới mẻ lạ thường và sinh động.

Khi tôi ngước mắt lên, tôi thấy Krishnamurti đang nhìn chúng tôi, thâm nhận tất cả chúng tôi tại cùng thời điểm, như nó hiện diện. Sau đó ông yên lặng ép hai lòng bàn tay vào cùng nhau trong sự chào hỏi *namaste* giống như câu nguyện, cách tương đương của ‘hello’ và ‘good-bye’. Mọi người trong nhóm đáp lại. Nhưng khi không ai môn đứng dậy, ông phác cử chỉ vào những người ngồi gần ông nhất,

yêu cầu họ bằng một giọng rất nhỏ, “Các bạn làm ơn đứng lên chứ?”

Trong khi mọi người đang đứng lên quanh tôi, tôi kinh ngạc khi nhìn đồng hồ: đối thoại của chúng tôi đã kéo dài gần hai tiếng đồng hồ và tuy nhiên dường như nó không có thời gian gì cả. Tôi đã gặp chút ít khó khăn nào đó để khiến cho hai bàn chân của tôi cựa quậy lại. Mặc dù thường xuyên thay đổi vị trí, hai chân của tôi hoàn toàn cứng đờ, và tôi có một cảm giác tê nhói khi tôi lao đảo đứng thẳng. Nhưng sự chú ý của tôi không quá quan tâm đến sự bất ổn của cơ thể tôi: tôi vẫn còn hoàn toàn bị cuốn hút bởi Krishnamurti, người đang trao đổi vài lời với nhiều người khác. Dáng đi và cử chỉ của ông đầy thanh lịch; hình dáng của ông vẫn tỏa sáng; và trong tất cả mọi khía cạnh ông có vẻ giống như một con người lạ thường: một hoàng tử.

Hai người phụ nữ Ấn độ trong sari lụa màu sắc đến gần ông, và sau một vài từ ngữ ba người bước đi khỏi để vào căn phòng kế bên, đóng cánh cửa gỗ đằng sau họ.

Khi tôi mang giày tại bậc thềm của ngôi nhà, cùng những người đang rời đi hai bên trái phải, hương thơm của đối thoại vẫn còn lần lữa cùng tôi. Nó như thể một ngọn đèn đã được bật lên bên trong bộ não của tôi, hay có lẽ, khác hơn, như thể những giác quan của tôi đã được lau sạch và ngọn đèn có thể đi vào. Suốt phần còn lại của ngày hôm đó, tôi cảm thấy một thanh thoát và hân hoan không thể giải thích được, và sự nhận biết của tôi về thế giới chung quanh cùng sự ồn ào và hỗn loạn của nó dường như, thật lạ lùng, không còn bị vương bận bởi những lo âu và tự quan tâm.

*

Tôi biết tôi khao khát nhiều hơn. Tôi ao ước được nghe nhiều hơn nữa những nói chuyện của ông, tôi ao ước có sự tiếp xúc

cá nhân cùng ông. Trong ý nghĩ a nào đó, tôi cảm thấy đang thương yêu – không chỉ Krishnamurti, con người – nhưng còn cả điều gì ông đã nói, lời giảng giải thoát của sự tự do và sự trong sáng.

Tại căn nhà tách khỏi Greenways Road tôi biết rằng Krishnamurti sẽ thực hiện một nói chuyện trước công chúng tại Indian Institute of Technology chiều hôm sau. Một tiếng đồng hồ trước thời gian ấn định tôi vẫy một chiếc xích lô máy nhỏ đưa tôi đến khu học viện nằm giữa vùng cây cỏ thật đẹp. Giảng đường ngoài trời đông nghẹt người: chắc phải có hai ngàn người, hầu hết là sinh viên.

Khi Krishnamurti hiện diện trên sân khấu, tiếng huyền thuyên giảm dần, và mọi người hướng sự chú ý của họ về ông. Ông dường như cách biệt và khác khổ nhiều hơn tại gặp gỡ nhóm nhỏ ngày hôm trước. Sau vài nhận xét khá nghiêm khắc về sự hỗn loạn mà con người đã tạo ra từ những sống của họ, mà ông nhằm trực tiếp vào những người trước mặt ông, ông làm giảm căng thẳng bằng một quan hệ tương đặc phù hợp nhiều hơn với khán giả. Đang diễn giải một tình huống mà trong đó thực sự không có sự lựa chọn, ông xen vào một chút ít hài hước bằng câu chuyện vui, “Nó giống như người chồng có người vợ mang bầu sắp sửa sinh con. Khi họ đến bệnh viện, người chồng hỏi vợ, ‘Em yêu, em có chắc chắn rằng em muốn trải qua việc này, hay không?’”

Một tràng cười nơi khán giả. “Thật tốt lành khi chúng ta có thể cư ời đùa cùng nhau,” ông nhận xét, “Thật tốt lành khi cười đùa, khi có những câu chuyện vui hay hay cho chính chúng ta. Chúng ta có quá nhiều nước mắt trong những quả tim của chúng ta; có quá nhiều đau khổ.”

Lắng nghe ông nói trước mặt mọi người giống như đang quan sát một họa sĩ tài giỏi vẽ cùng những từ ngữ của anh ấy một bức tranh toàn cảnh của tinh thần con người, đang

chỉ cho chúng ta Nhà nguyện Sistine của ý thức chúng ta. Hình thức của một tập hợp lớn hơn tự nhiên giảm bớt sự ầm ập và ý thức của tình yêu mà tôi đã trải nghiệm trong suốt sự tiếp xúc đầu tiên của tôi cùng ông, nhưng nó không suy giảm sự ảnh hưởng của những từ ngữ của ông. Mặc dù rõ ràng ông vuron tới những người lắng nghe ông, nài nỉ lặp lại và lặp lại tình trạng cùng nhau tham gia, ông không dẫn vào một đối thoại với một vấn đáp qua lại lẫn nhau. Ông bộc lộ sự thấu triệt của ông vào sự quy định của con người một cách rất hiệp thông. Tánh đôn gån và vẻ đẹp của sự thấu triệt này khiến cho nó có thể chuyển tải đến bất kỳ người nào mà sẵn lòng gạt đi những niềm tin và những giáo điều của quá khứ và quan sát mới mẻ lại về đang sống hàng ngày thực sự của anh ấy hay chị ấy.

Sau nói chuyện tôi bất ngờ gặp hai người bạn cũ của tôi trong số hàng ngàn người đang ra về. Tôi sung sướng khi gặp họ quá bất ngờ và thậm chí còn phấn khởi nhiều hơn khi họ nói cho tôi biết về những nói chuyện sắp tới của Krishnamurti tại Rishi Valley, một trường trung học mà ông đã thành ập trước chiến tranh. Bởi vì nó cách Ma dras hai trăm dặm và khó đi đến đó, họ đề nghị cho tôi quá giang trong chiếc xe của họ, một chiếc xe chở hàng cũ kỹ của nước Anh.

Tôi cảm thấy rằng tôi không có sự chọn lựa nào khác trong vấn đề này và sung sướng đồng ý. Kể từ khi tôi tuân theo quả tim của tôi từ Himalayas đến Madras, tôi nghĩ rằng mọi thứ đều có một động lực riêng của chúng, trong phương hướng đúng đắn. Và nếu tôi chỉ cho phép sự khai mở của những sự kiện mà không có quá nhiều sự can thiệp về phần tôi, tôi có lẽ đang nghe nhiều về Krishnamurti. Mà là điều gì tôi ao ước.

Chương 2

BẮT ĐẦU TÌNH BẰNG HỮU

*Tình yêu cũng thực sự, cũng mãnh liệt, như chết.
Nó không liên quan gì đến tưởng tượng,
hay cảm tính, hay lãng mạn;
và dĩ nhiên nó không liên quan gì đến
quyền hành, địa vị, thanh danh.
Nó yên lặng như những dòng nước của đại dương
và cũng vũ bảo như đại dương;
nó giống như những dòng nước đang chảy
của một con sông no nề đang trôi chảy vô tận;
không một khởi đầu hay một kết thúc.”*

-J. Krishnamurti
Krishnamurti Độc thoại

Rishi Valley là một ốc đảo, một nơi cây cối rậm rạp giữa một phong cảnh trần cỗi của những quả đồi trơ trụi, những hình thành của những loại đá kỳ lạ và những tảng đá lóng khổng lồ. Những cây bồ đề nhiều thế kỷ, những cây xoài và cây me đa bóng khắp khuôn viên, những cây cảnh như bức màn đỏ xuống hai phía của những căn nhà nhỏ kiểu thuộc địa.

Ngay sau khi chúng tôi đến, Krishnamurti được sắp xếp chương trình để thực hiện một nói chuyện cùng những học sinh và giáo viên của trường Rishi Valley. Tôi bắt đầu nói chuyện, những người khách, gồm cả chúng tôi, cũng được mời. Có một tâm trạng lễ hội khi chúng tôi cùng tham gia với hàng trăm học sinh và những giáo viên kính trọng trong giảng đường lớn. Tại một đầu của giảng đường, mà được để trống bốn phía chung quanh, có một cái bục thấp phủ bằng những tấm thảm màu sắc. Nhiều chậu cây nhỏ được đặt quanh chúng và một cái giá micro trên bục được nối với những cái loa và với một cái bàn có thiết bị ghi lại.

Khi Krishnamurti đi vào, hai nửa tôi bị chấn động bởi dáng người thanh thanh. Quần áo rộng mà ông mặc tăng thêm sự nhỏ bé của ông, tương phản rõ rệt với những kích thước khổng lồ mà ông đang đảm nhiệm trong cái trí của tôi. Đến bục giảng, ông quay lại và chào hỏi bằng cách chấp hai tay. Tiếng xầm xì phấn khởi của đám đông bỗng nhiên ngừng lại khi cả những giáo viên lẫn những học sinh đồng loạt đáp lễ bằng cử chỉ kính trọng.

Krishnamurti cởi giày sandal và cẩn thận từ từ leo lên bục, ngồi xuống theo vị trí kết già. Ông đối diện khán giả, một nụ cười nhẹ nhàng quanh hai môi của ông, và lại nữa ông chấp hai tay chào hỏi. Cái thoáng nhìn của ông lướt qua những khuôn mặt trẻ đang hướng về ông. Ông mỉm cười hài lòng khi bắt đầu bằng một câu hỏi, “Chúng ta sẽ nói

về điều gì đây?” Sau một khoảng ngừng ngắn ngủi, nhiều học sinh nhỏ, cả nam và nữ, đưa ra vài câu hỏi đơn giản đầy sức thuyết phục, “Thượng đế là gì?” “Tại sao chúng tôi đang được giáo dục?” “Tại sao tôi phải vâng lời giáo viên của tôi?”

Krishnamurti dịu dàng trả lời những câu hỏi, thích thú sự trao đổi bằng lời cùng những học sinh nhỏ, mà cái trí của các em vẫn còn trong sáng và tương đối không bị cản trở bởi những áp lực của kiếm sống và theo đuổi một nghề nghiệp. Có một bầu không khí của sự khoáng đạt không kiềm chế, sống động thêm bởi thỉnh thoảng được xen vào những tiếng cười hân hoan. Tại một thời điểm, đang cười cởi mở, ông thốt ra, “Tôi chưa bao giờ có nhiều vui vẻ như thế này từ khi bà của tôi chết.” Nhận ra rằng câu ngạn ngữ cổ có thể dễ dàng bị hiểu lầm, ông mau lẹ tự sửa chữa bằng cách nói, “Tôi thực sự không có ý điều đó.”

Tôi đang ngồi trên cái ghế băng tại ngay phía sau của giảng đường, quan sát người đàn ông trên bục giảng trên vô số những cái đầu có mái tóc đen. Tôi bị cuốn hút không những bởi điều gì ông đang nói nhưng còn cả bởi sự diễn đạt giọng nói của ông. Thăm thẳm và vang rền, thỉnh thoảng nó cất cao vào nốt nhạc quãng tám cao hơn, với một lên xuống trầm bổng hầu như nhẹ nhàng như giọng phụ nữ. Ông có khuynh hướng bỏ bớt những từ ngữ nào đó, khiến cho câu nói của ông một đặc điểm rõ rệt của người Anh.

Mặc dù có khoảng 500 người hiện diện, tôi cảm thấy rằng ông đang nói hiệp thông cùng tôi, đang diễn giải những quan tâm và những vấn đề cụ thể của tôi. Thật kỳ lạ. Trong khi tôi lắng nghe điều gì ông đang nói bằng một quả tim và cái trí khoáng đạt, có một ý thức của hiệp thông, của sự thanh thoát và hân hoan vô cùng, lạ thường và mới mẻ đối với tôi.

Khi kết thúc nói chuyện, ông yêu cầu, “Chúng ta sẽ ngồi không چرا quây và yên lặng trong nhiều phút nhé?” Nó như thể ông đã đưa ra một tín hiệu: mọi người, ngay cả những học sinh nhỏ tuổi, đang ngồi kiết già trên nền nhà và đã چرا quây suốt nói chuyện, ngay tức khắc bất động. Sau một hay hai phút cùng nhau yên ắng, ông chấp hai bàn tay lại, mà chắc chắn là dấu hiệu cho những học sinh đứng vụt dậy và kèm theo những huyền thuyên đầy sức sống phân tán trong mọi phương hướng.

Tôi vẫn còn bị mê hoặc trong vị trí của tôi giữa những chuyển động bất tỉnh linh quanh tôi. Khi tôi yên lặng nhìn chung quanh, tôi bỗng nhận biết được ngày hôm đó rực rỡ đầy màu sắc. Có chim chóc với những bộ lông lóng lánh đang bay lượn nhẹ nhàng chung quanh; những bông hoa rực rỡ đang nở tròn vẹn. Thiên nhiên dường như ở khắp mọi nơi đầy quyền năng, ngay cả bên trong chính tôi.

Khi tôi đứng dậy ra khỏi chỗ ngồi. Tôi nhận thấy rằng một ít người đã ở lại phía sau và đang tụ họp đông đúc quanh hình bóng của Krishnamurti. Nhã nhận trao đổi một vài từ ngữ với một người, ông quay về người kế bên, bắt tay theo kiểu phương Tây.

Tôi đang đứng yên lặng, với cái trí trắng xóa, băng khuâng quan sát hành động trao đổi từ một khoảng cách khoảng hai mươi yard. Ngay tức khắc, Krishnamurti thấy tôi, đang đứng một mình. Không một chút do dự, ông rời khỏi người mà ông đang nói chuyện, và sai bước đến tôi. Bằng một nụ cười thân thiện ông dơ bàn tay ra, và không nói bất kỳ lời nào chúng tôi bắt tay nhau.

Ảnh hưởng của gặp gỡ bất ngờ này khiến cho tôi không thốt ra được lời nào cả. Ông cũng không nói. Sau điều gì có vẻ là một khoảng ngừng yên lặng thật lâu, sự thôi thúc của truyền thống xã hội để nói điều gì đó, lần át tôi. Tôi

không thể suy nghĩ về bất kỳ điều gì cảm động để diễn tả; những từ ngữ duy nhất mà tôi có thể tập hợp nảy ra từ một cảm giác biết ơn đối với con người khiêm tốn này về việc ban cho tôi một tầm nhìn của cái gì đó mới mẻ tại cốt lõi.

Tôi lấp bắp, “Cám ơn ông, thưa ông. Cám ơn ông!”

Ông mỉm cười rạng rỡ, dò hỏi tôi. “Bạn từ đâu đến?”

Tôi trả lời, “Ồ, tôi có nguồn gốc ở Đức, nhưng tôi đã sống ở Mỹ được nhiều năm cho đến bây giờ, ở California.”

“À vâng, California,” ông nói, “**T**hật thoảng tôi có đến đó.”

Tại khoảnh khắc đó, tôi nhớ lại nhiều bài thơ được sáng tác bởi Krishnamurti trẻ tuổi mà tôi vừa mới đọc và đã gây ấn tượng cho tôi. Bởi vì tôi thích mình là một thi sĩ, tôi nghĩ rằng đây có lẽ là khoảnh khắc thích hợp để nói về thi ca. Vì vậy, tôi hỏi ông, “Tôi đã đọc nhiều bài thơ mà ông đã viết cách đây nhiều năm và thích chúng lắm. Ông còn sáng tác thơ những ngày này?”

Nó như thể tôi đã chạm vào một dây thần kinh hay đã thay đổi bố cục của lãnh vực mà trong nó chúng tôi đang chuyển động. Dường như ông đang lùi xa khỏi tôi, và một thái độ cách biệt đột ngột bao phủ ông. “Tôi xin lỗi, tôi đã quên rồi,” ông trả lời xa xôi và đi khỏi sau khi bắt tay tôi.

Mặc dù tôi không bị bối rối bởi cách xử sự của ông, tôi cảm thấy hơi hơi huyền bí bởi nó. Tôi càng đến gần con người lạ thường này nhiều bao nhiêu, tôi càng trở nên tò mò bấy nhiêu. Nó giống như đang nhìn ngắm mỗi lúc một gần gũi hơn một bông hồng, mà mỗi lúc một phơi bày những chi tiết về những nhụy của nó, chiều sâu màu sắc của nó, và hương thơm của nó.

*

Một vài ngày sau tôi đang dạo bộ trên con đường cây mọc thẳng hàng hai bên của khuôn viên trường, tắm trong ánh sáng mặt trời buổi chiều sớm, khi tôi bất ngờ gặp người hiệu trưởng của trường học. Ông ấy là một người mảnh khảnh đầu bị hói và hai mắt sắc bén, nhanh nhạy và mặc quần áo phương Tây. Sau khi chào hỏi thân thiện, ông ấy hỏi tôi liệu tôi đã tìm **đi** về khả năng gặp gỡ trực tiếp cùng Krishnamurti. Thật ra, sáng hôm đó tôi đã hỏi một trong những giáo viên của trường liệu Krishnamurti sẽ cho những phỏng vấn riêng tư. Nó đã chỉ là một dò hỏi ngẫu nhiên, mà không có bất kỳ sự cấp bách hay dự tính thực sự về phần của tôi. Vì vậy tôi hơi giật mình khi khám phá rằng nó đã được chuyển sang những người đứng đầu thật mau lẹ. Người hiệu trưởng tiếp tục nói với tôi rằng tôi có thể gặp Krishnamurti trong hai mươi phút tại chỗ ở của ông. Đây phần khởi tôi đi nhanh về phòng để tắm rửa cho một sự kiện bất ngờ đó. Nhớ lại hai bài thơ tôi vừa sáng tác, tôi nghĩ rằng đây có lẽ là một dịp thích hợp để trao chúng cho Krishnamurti.

Tôi tìm được đường đến nhà ông. Nó là một ngôi nhà hai tầng được vây quanh bởi những cái cây rất lạ, một trong chúng là một cái cây như lửa có những bông hoa màu đỏ rực. Đường như không ai đang chờ đợi tôi, và tôi cảm thấy nhút nhát lẫn hơi sờ sợ, hầu như giống như một người đang lén lút xâm phạm một nơi tôn nghiêm yên tĩnh. Tôi gõ vào một trong những cái cửa dưới lầu, và một phụ nữ Ấn độ có khuôn mặt thân thiện ra mở nó. Tôi nói với cô ấy rằng tôi có một cuộc hẹn với Krishnamurti. Ngần ngừ trong chốc lát, cô ấy gợi ý rằng ông có lẽ đang nghỉ ngơi. Tôi hòa nhã quả quyết rằng gặp gỡ đã được sắp xếp bởi hiệu trưởng. Bằng một cử chỉ thông thường ở Ấn độ, cô ấy bảo tôi đợi, trong khi cô ấy lên lầu để tìm hiểu về vấn đề.

Khi tôi đứng tại chân cầu thang, trong sự yên lặng oi ả của buổi chiều nóng nực, tôi cảm thấy bị lơ lửng trong một khoảng không, nơi đoạn đường của thời gian dường như không còn nữa. Một yên lặng lạ thường đang bao bọc tôi khi những qui trình suy nghĩ của tôi chậm dần. Tôi tự hỏi mình tại sao tôi ở đây. Tôi chờ đợi điều gì từ gặp gỡ Krishnamurti? Tôi đã không có bất kỳ câu hỏi đặc biệt nào mà tôi muốn hỏi ông. Ông đã giải thích đầy đủ những quan tâm của tôi trong những nói chuyện của ông. Tại cùng thời điểm, tôi nhận ra rằng tôi áp ủ một tò mò dày vò về ông sống như thế nào trong sống hàng ngày của ông. Có lẽ tất cả mọi điều mà tôi ao ước chỉ là được ở trong sự hiện diện của ông.

Một âm thanh xê dịch đến từ bên trên. Nhìn lên, tôi thấy Krishnamurti trong bàn chân trần đang xuống cầu thang bằng những bước chân đều đặn và cẩn thận. Sau khi trườn hai bàn chân vào đôi sandal, ông quay mặt đối diện tôi, và chúng tôi chào hỏi nhau bằng cách chấp hai bàn tay lại. Ông có vẻ khép kín, hầu như không thuộc thế giới này, và khuôn mặt đẹp như điêu khắc mang một diễn tả của sự yên tĩnh an bình, bàng quan. Ông không nói tiếng nào nhưng chỉ đứng đó chờ đợi tôi chuyển động, hay nói điều gì đó, hay có lẽ không.

Những tế bào não đang rối lên nhặt nhạnh để hình thành một câu nói ý nghĩa. Hít vào một hơi cho thông cuống họng, tôi ngập ngừng nói, “Thưa ông, tôi – tôi muốn cảm ơn ông vì, vì – mọi thứ. Tôi có ý, tôi đã đọc những quyển sách của ông, và điều gì ông viết thật tuyệt vời. Tôi có ý, nó đúng thực. Nhưng lúc này, thấy ông và nghe ông sống, thực sự trải nghiệm nó, là – ồ, nó vượt khỏi những từ ngữ – và...”

Ông phác một cử chỉ dịu dàng, và giọng nói của ông bình thản giống như một cái hồ lúc bình minh. “Được thôi, thưa bạn,” ông nói.

Tôi rút ra những mảnh giấy từ túi sau của tôi và đưa chúng cho ông. “Xin lỗi,” tôi lắp bắp, “đây là hai bài thơ mà tôi vừa sáng tác. Tôi muốn nhờ ông xem thử.” Một nụ cười mau lẹ lan trên khuôn mặt của ông khi ông nhận tờ giấy mà không nhìn chúng. Thay vì vậy, ông đơn giản nhìn chăm chú vào tôi trong một cách không tập trung, lạ thường – như thể đang nhìn không gian quanh tôi hơn là hình dáng bên trong không gian đó.

Tôi bỗng nhiên bật tặc, và khi sau một vài khoảnh khắc nó trở nên rõ ràng rằng tôi đã không có bất kỳ câu hỏi nào thêm nữa, ông nói đơn giản, “Được rồi, thưa bạn, tôi sẽ gặp lại bạn ngày mai.” Cùng nó, ông kẹp những tờ giấy bên một cánh tay, chấp hai tay chào tạm biệt và leo lên cầu thang, sau khi cẩn thận xếp đôi sandal sát nhau trên bề cầu thang.

Khi tôi trầm ngâm đi khỏi, bỗng nhiên tôi nhận ra rằng thật ra có lẽ tôi đã ngắt ngang giấc ngủ trưa của ông. Thậm chí như thế, tôi không thể làm gì khác ngoài trừ một hân hoan phần chẵn bởi sự gặp gỡ ngắn ngủi của chúng tôi.

*

Cho đến lúc này, một khẳng định đã hình thành trong cái trí của tôi: tôi quả quyết đi nghe Krishnamurti nói chuyện tại bất kỳ nơi nào tôi có khả năng. Nó là một đặc ân vô cùng, một trường hợp may mắn cực kỳ, khi bất ngờ gặp được người nào đó mà nói sự thật, không có bất kỳ loại động cơ trong tương lai và không có khơi dậy giáo điều hay truyền thống.

Tôi đã nhận thấy rằng có nhiều người, cả Ấn độ lẫn phương Tây, đều đặn có mặt tại tất cả những nói chuyện của ông. Rõ ràng, một vài người là những người thân hữu và những người đồng hợp tác; những người khác dường như là

những “những nhân viên tự do” – những người theo phụ giúp, những người nhỏ tuổi, những học trò, mà theo ông khắp mọi nơi. Một vài người đã kể với tôi rằng họ đã lắng nghe ông nhiều năm trong những quốc gia khác nhau khắp thế giới, bởi vì ông tuân theo một lộ trình đều đặn, nói chuyện ở Ấn độ, California, New York, Thụy sĩ và nước Anh. Mỗi năm ông thực hiện những nói chuyện trước công chúng trong cùng địa điểm tại phòng chừng cùng thời điểm, thỉnh thoảng nói chuyện tại những những địa điểm mới, như ông vừa thực hiện vào tháng mười một, khi ông thực hiện một loạt nói chuyện và đối thoại ở nước Úc.

Dường như đối với tôi việc theo sau ông khắp mọi nơi khiến cho người ta phải đối diện với một mâu thuẫn, bởi vì ông kịch liệt phủ nhận là một người lãnh đạo tinh thần và quả quyết rằng ông không có bất kỳ người theo sau và đệ tử nào. Thật ra, ông hoàn toàn phủ nhận giá trị của truyền thống Ấn giáo cổ xưa mà nhấn mạnh sự liên hệ tinh túy giữa người thầy và đệ tử. Khẳng định rằng không có sự khai tâm vào, hay một truyền tải của, sự thật, ông quả quyết rằng người ta phải khám phá sự thật bởi và cho chính người ta, và là một ngọn đèn đối với chính người ta. Trong một trong những nói chuyện của ông tại Rishi Valley, ví dụ, ông chế giễu một cách vui vẻ và hòa nhã vào thái độ của người nào đó mà muốn học hành sự thật từ một người khác.

“Cho phép tôi kể cho bạn một câu chuyện?” ông bắt đầu, một nhấp nháy tinh nghịch trong hai mắt của ông, khi ông quan sát bao quát số khán giả trẻ tuổi. “Một người thanh niên trẻ tuổi rời nhà đi tìm kiếm sự thật. Cậu đến một đạo sư nổi tiếng đang sống trên bờ của một con sông. ‘Làm ơn, thưa ngài,’ cậu thưa người thầy già, ‘cho phép con theo hầu ngài. Con muốn học hành sự thật từ ngài.’ Và vị đạo sư đồng ý. Và thế là cậu giặt giữ quần áo cho ông ấy, nấu nướng cho ông

ấy, và thi hành mọi loại nhiệm vụ cho người thầy già. Sau năm năm, cậu nói với người thầy, ‘con đã trải qua năm năm với ngài nhưng con vẫn chưa biết sự thật là gì và đã không học hành được điều gì cả. Vì vậy, nếu ngài không phiền, con sẽ từ giả ngài. Có lẽ con có thể tìm được một đạo sư khác, mà từ người ấy con có thể học hành nhiều thêm nữa về sự thật.’ Người thầy già nua nói, ‘Ta không phiền đâu, hãy đi đi.’ Thế là cậu thanh niên trẻ đi khỏi và theo hầu nhiều vị đạo sư khác, từ những người đó cậu học hành được nhiều trò ranh mãnh. Năm năm khác đã trôi qua, cậu nhớ lại người thầy già và đến thăm ông. ‘Vậy là con đã học hành được điều gì?’ người đạo sư già hỏi cậu. Và cậu học trò cũ kể với ông rằng cậu có thể đi trên than hồng, bay lên và vân vân. ‘Đó là tất cả hay sao?’ ông ấy hỏi tiếp. Cậu thanh niên trẻ chỉ tay vào con sông trước mặt và nói đầy kiêu hãnh, ‘Và con có thể đi trên dòng nước đó để qua bờ bên kia.’ ‘Và con phải mất mười năm để học hành việc đó,’ người thầy già nua thốt lên, ‘khi đang kia, cách đây năm mươi yard, con có thể đi phà qua mà chỉ tốn có hai xu!’”

Ngay khi tôi đã tìm hiểu những chi tiết của thời khóa biểu nói chuyện khắp thế giới của Krishnamurti, tôi sắp xếp những kế hoạch riêng của tôi tùy theo nó: người theo sau hay không, tôi ao ước nghe ông nói càng thường xuyên bao nhiêu càng tốt nếu tôi có thể sắp xếp thời gian một cách hợp lý. Sự hiện diện trước công chúng lần kế tiếp sẽ ở Bangalore, một thành phố lớn cách Rishi Valley một trăm dặm ở phía tây, trong kỳ nghỉ cuối tuần tiếp theo. Không khó khăn gì cho tôi khi tìm đường đến đó, bởi vì nhiều người từ Rishi Valley đang đi hoặc bằng xe buýt hoặc bằng taxi đến thành phố thủ đô của Karnataka State.

Những nói chuyện được tổ chức trong một cái lều lớn ở Lal Bagh Gardens, một công viên mát mẻ, với nhiều cây

côi và những bông hoa đang nở rộ. Nhiều ngàn người tham gia nói chuyện, và Krishnamurti rất nghiêm túc, đang nói về sự vui thú và sự sợ hãi, những ý tưởng của nghiệp lực và đầu thai, và sự vô lý của hy vọng một ‘cuộc đời kế tiếp’ tốt đẹp hơn. “Ngày hôm trước tôi thấy một trang hoạt hình trong một tờ tuần báo,” ông kể lại cho khán giả. “Nó ở New York City, tại một ngã tư rất náo nhiệt trong Times Square. Có hai con chó đang ngồi bên lề đường, đang nhìn ngắm mọi người hấp tấp qua lại, luôn luôn lộn rộn chen lấn. Và một con chó nói với con kia, ‘Mày biết không, đầu thai làm cho tao kinh hãi.’”

Tôi là một trong ít người c ười lớn tiếng bởi câu chuyện vui trong khi đa số khán giả giữ yên lặng, hoặc bởi vì họ đã không hiểu nó, hoặc bởi vì sự đầu thai là một chủ đề quá quan trọng khiến họ không thể cười đùa được. Tôi tán thưởng khả năng của Krishnamurti khi giới thiệu sự dí dỏm nhẹ nhàng vào những lãnh vực nghiêm túc vô cùng và chỉ ra rằng cười đùa là bộ phận của sự nghiêm túc. Sự quan sát thông cảm, đùa giỡn về những lỗi bịch trong những sống của chúng ta không chỉ có tầm quan trọng nhất – nó còn là thông minh.

*

Những nói chuyện ở Bombay, một thành phố đông đúc, náo nhiệt trên Arabian Sea, thu hút vô số người. Ngồi lẫn trong ba đến bốn ngàn người chen chúc trong một không gian tương đối nhỏ nơi trung tâm thành phố để lắng nghe ông nói cùng sự ồn ào không ngớt của sự giao thông.

Tôi thấy rằng rất hứng thú khi nghe những nói chuyện của Krishnamurti trong những vị trí khác nhau. Mặc dù lời giảng của ông có vẻ giống hệt nhau, đơn giản và tao nhã vô

cùng, những khía cạnh nào đó của nó được rút ra từ sự bố cục thuộc vật chất và số lượng thay đổi của những người tham gia. Không chỉ điều đó, như ng người ta còn cảm thấy rằng mỗi nói chuyện là một sự kiện đang sống chứ không là một lặp lại máy móc. Vì vậy, luôn luôn nó chứa đựng một yếu tố của sự mới mẻ kinh ngạc, của thay đổi, của đúng lúc và tuy nhiên hướng đến cái gì đó vượt khỏi nó.

Chương 3

HƯƠNG VỊ TRỌN VẸN

*“Sự thật không ở nơi chót vót;
sự thật ngay tại nơi bạn hiện diện,
trong việc gì bạn đang làm,
đang suy nghĩ, đang cảm thấy,
khi bạn hôn hít và ôm ấp,
khi bạn trực lợi –
bạn phải thấy sự thật của tất cả điều đó,
không phải một sự thật tại khúc cuối
của vô số qui trình thuộc sống.”*

-J. Krishnamurti
Tuyển tập của J. Krishnamurti, Tập 5

Mùa hè năm 1971 lần đầu tiên tôi viếng thăm vùng đất Saanen-Gstaad của Thụy sĩ. Nó là một thung lũng rất đẹp của những con sông, những cánh rừng và những cánh đồng cỏ xanh, được vây quanh bởi những đỉnh núi phủ tuyết. Suốt mười năm qua, Krishnamurti đã thực hiện những nói chuyện và bàn luận dài một tháng ở đây trong hai tháng bảy và tháng tám. Một cái lều khổng lồ với sức chứa hơn một ngàn người đã được dựng lên trên bờ con sông Saanen chảy xiết. Cách mỗi buổi sáng vào lúc 11 giờ, Krishnamurti nói chuyện khoảng chín mươi phút cùng những người trẻ và người già, người giàu và người nghèo, mà đã tập hợp ở đây từ khắp thế giới để lắng nghe lời giảng lạ thường của ông.

Vẻ đẹp siêu phàm của thiên nhiên, những thị trấn và những con đường sạch sẽ và ngăn nắp, thành phần quốc tế của khán giả, và, quan trọng hơn tất cả, sự thâm nhập cách mạng vào cái trí của con người, được kết hợp lại để sáng tạo một sự kiện độc nhất trong sự rõ ràng và tức khắc của nó. Tôi cảm thấy bị mê mẩn, như thể nhờ vào ma thuật nào đó tôi đã được dẫn dắt vào một kích thích thiêng liêng. Vai chính tại tâm điểm của sự tập hợp lần khởi này là, dĩ nhiên, Krishnamurti, người mà bằng sự khiêm tốn dịu dàng đã bước lên và rời khỏi bục giảng nơi ông đã nói chuyện. Ông mặc bộ quần áo kiểu phương Tây hoàn hảo. Những cử chỉ của ông, mặc dù rất dè dặt, đã bộc lộ uy quyền vô cùng, nhấn mạnh phương cách hợp thông mà cùng nó ông nói chuyện cùng những người lắng nghe.

Quá dễ dàng khi sáng chế một huyền bí về ông, có lẽ bởi vì chúng ta có nhu cầu vô tận về những huyền bí, những phép lạ và ma thuật trong những sống hàng ngày của chúng ta. Chắc chắn tôi không tránh khỏi sự mê hoặc phải tạo ra một hình ảnh trang nghiêm của ông, đặc biệt bởi vì những dữ kiện về sống cá nhân của ông rất rời rạc. Điều gì tôi thấu

lượm, từng chút một, về sống của ông chỉ củng cố sự tin tưởng của tôi rằng chúng tôi đang đối diện một con người giác ngộ. Tôi càng tìm hiểu về điều đó nhiều bao nhiêu, dường như sống của ông càng giống như một chuyện cổ tích thuộc loại kỳ lạ nhất, một thần thoại, một huyền thoại.

Năm 1909 lúc mười bốn tuổi, ông đã được phát hiện như Phương tiện của Chúa bởi một trong những người lãnh đạo của Theosophical Society Tổ chức Huyền bí, một tổ chức tôn giáo khắp thế giới. Sau khi được thụ nhận bởi họ, ông được nuôi nấng để là Messiah Đấng Cứu thế mới ở Châu Âu và nước Mỹ. Nhưng năm 1929, tại một họp mặt lớn ở Ommen nước Hà Lan, ông lặng lẽ giải tán tổ chức ‘Trật tự của Vì sao’ ‘Order of the Star’, mà đã được đặc biệt thành lập cho ông, và nói với hàng ngàn người theo sau của ông rằng ông không muốn là người lãnh đạo của họ. Kể từ đó, ông đi khắp thế giới, nói chuyện với bất kỳ người nào mà muốn đến lắng nghe về sự sợ hãi và sự đau khổ, và nhu cầu để kết thúc chúng. Điều này, ông khẳng định, chỉ có thể được thực hiện bằng cách quan sát và tìm hiểu những phương cách của cái trí.

Tôi đã đọc rằng truyền thống Mahayana của Phật giáo có một ý tưởng đã diễn tả một người giống như Krishnamurti – một Bồ tát, một Đấng Giác ngộ, người nào đó do bởi từ bi khi nhìn thấy sự đau khổ của nhân loại, từ bỏ tất cả sự quan tâm về chính mình và chỉ rõ sự thật. Bằng cách thêm vào ông ý tưởng này, tại cơ bản tôi đang khiến cho ông trở thành huyền bí. Sự hiếu kỳ của tôi bị dồn dập thêm bởi những câu hỏi: những con người giác ngộ sống như thế nào? Liệu họ tham gia những hoạt động đều đều nhằm chán của sống hàng ngày? Và, ư thể hơn, ông, Krishnamurti làm gì, khi ông không đang thực hiện một nói chuyện hay một đối thoại?

Trong kho dự trữ quý báu của sự tưởng tượng của tôi, tôi tạo ra một tổng thể sắp xếp theo thứ tự một chuỗi sự kiện có vẻ thích hợp: ông sẽ thâm nhập samadhi, một trạng thái không thời gian của an lành và hạnh phúc, cho đến khi những cần thiết của trần gian yêu cầu ông quay lại để hành động.

*

Tại một trong nhiều đàm luận tôi có được tại Saanen về Krishnamurti và sống cá nhân của ông, người nào đó đã phát biểu rằng Krishnamurti đã tự đánh bóng đôi giày riêng của ông, rằng ông thích đọc truyện trinh thám và xem những phim Western trên truyền hình thậm chí nghe có vẻ cảm xúc nhiều hơn. Tôi bị choáng váng. Liệu những khẳng định này có thể đúng thực? Nếu như thế, làm thế nào chúng có thể hòa hợp với hình ảnh của tôi về việc gì một Bồ tát đã làm trong thời gian rảnh rỗi của ông ấy?

Qua sự trùng hợp, Krishnamurti tiếp cận chủ đề này trong suốt một trong những bản luận dưới đây, “Tôi không đọc bất kỳ quyển sách nào cả, tôi cũng không đọc bất kỳ những quyển sách tạm gọi là thiêng liêng. Tôi thực sự có ý về nó; tôi chỉ đọc những tờ tuần báo và những truyện trinh thám,” ông tuyên bố giữa những tràng cười của khán giả. Tôi nhận ra rằng thông tin của tôi về sự khai sáng và những người giác ngộ được bắt nguồn duy nhất từ những quyển sách thiêng liêng và sự đồn đại truyền thống. Vì vậy, những giả thuyết của tôi có lẽ hoàn toàn sai lầm, và điều duy nhất mà tôi có thể làm là xóa sạch chúng và tìm ra cho chính tôi. Điều này làm gia tăng sự hiếu kỳ của tôi về con người Krishnamurti và sống hàng ngày của ông.

*

Sự trải nghiệm của đang hiện diện cùng một ngàn người và đang lắng nghe sự thâm nhập cuốn hút này vào những chiều cao và những chiều sâu của ý thức con người, sáng tạo một ý thức của cùng nhau giữa những người bạn lắng nghe, chính tôi và người nói chuyện.

Khi, sau một nói chuyện, ông đi ra thật nhanh bằng những sải chân dài và quả quyết dọc theo con đường chật hẹp tôi cảm thấy một thôi thúc phải theo sau ông. Thường xuyên một nhóm người ngưỡng mộ háo hức sẽ vội vã đi đến và vây quanh ông khi ông rời cái lều; ông sẽ mau lẹ tách ra, thân thiện nhưng dứt khoát. Tại những thời điểm khác, người nào đó có lẽ đi cùng ông để trao đổi vài từ ngữ, bày tỏ sự biết ơn của họ hay một cách đơn giản cố gắng kéo dài sự vui thú của trong sự hiện diện của ông. Ông sẽ chấp nhận nó một cách hiền lành, mặc dù người đó có lẽ bị dồn ép mạnh để theo kịp bước chân của ông. Một vài lần tôi thử bắt kịp ông chỉ để thấy ông được dắt đi thật nhanh đến cùng chiếc xe Mercedes mà ông đã đến, được lái bởi một phụ nữ hòa nhã. Trong khi ông đang vội vã sải bước, chiếc xe sẽ lái sát ông, ông sẽ vào xe, và họ sẽ đi khỏi về hướng Gstaad.

*

Thực hiện những dò hỏi kín đáo, tôi tìm ra rằng Krishnamurti sống trong một chalet trong vùng cao hơn của Gstaad, hơi khá xa Palace Hotel nổi tiếng. Một buổi chiều có nắng tôi đi bộ thẳng lên con đường nhỏ có cây đến khu thanh lịch này, quang cảnh hoành tráng của những dãy núi tuyết xa khỏi những quả đồi xanh bập bênh được thiên nhiên ban tặng. Tại một khúc queo ngặt của con đường, tôi phát giác cái tên 'Tannegg', được sơn trong những chữ chiếu sáng rực rỡ trên mặt trước của một tòa nhà bằng gỗ lớn.

Tim tôi đập nhanh hơn bởi sự phấn khích và hân hoan của sự khám phá. Đây là nơi Krishnamurti sống, và mọi buổi chiều, tôi được bảo, ông hay dạo bộ. Nếu tôi chờ loanh quanh, tôi có lẽ nhìn thấy ông đang rời khỏi hay đang đi vào chalet. Nhưng tôi cảm thấy khá nhút nhát về sự tò mò của tôi và không muốn bị nhìn thấy khi đang thực hiện sự theo dõi bí mật này. Vì vậy, tôi rút lui đến ngôi nhà bên kia đường, mà có vẻ không có người nào trú ngụ tại thời gian đó và có tầm nhìn tốt về lối xe ra và những cửa ra vào của Chalet Tannegg. Tôi núp phía sau một trong những bụi cây lớn đầy hoa trang trí một bên cổ hình bầu dục phía trước nhà và chỉ đơn giản chờ đợi. Những tia nắng mặt trời buổi chiều thật dễ chịu trên làn da của tôi khi tôi nằm trên bãi cỏ thơm và ngược nhìn màu xanh của bầu trời, nhìn ngắm những chuyển động của một vài đám mây. Rất thường xuyên tôi sẽ thăm dò con đường để thấy liệu ông có xuất hiện trong tầm nhìn.

Sau khoảng ba mươi phút, ba người xuất hiện đang đi xuống con đường hướng về chalet. Tôi lom khom núp phía sau bụi hoa màu vàng, nhìn qua bụi hoa đó. Một trong ba người chính xác là Krishnamurti. Hai phụ nữ theo sau ông đang trao đổi với nhau đầy sinh động. Một trong số họ, vóc dáng mảnh khảnh, tôi nhận ra là người lái chiếc xe Mercedes, trong khi người còn lại có vẻ khá khỏe mạnh và cao. Tôi vẫn còn núp kín và tiếp tục theo dõi Krishnamurti gần sát hơn. Mặc dù hoạt động do thám của tôi tạo ra một day dứt tội lỗi của lương tâm, tuy nhiên tôi cảm thấy một hồi hộp lạ lùng khi đang theo dõi ông.

Bỗng nhiên, ông phản ứng lại, như thể ông nhận biết người nào đó đang theo dõi ông. Ông bị giật mình, nhìn quanh quất thật mau và bắt đầu đi nhanh hơn. Giữ cơ thể gần với bức tường bằng đá của lối xe ra vào, như thể đang tìm kiếm sự bảo vệ của nó, ông vội vàng hướng về cửa ra vào của

chalet và mau ẹ bước vào. Sau khi hai người phụ nữ đã đi vào chalet, tôi ló ra khỏi bụi rậm và đi thẳng lên đồi hướng về cánh rừng nơi họ vừa đến.

*

Một vài ngày sau, vào giữa buổi sáng có nắng. Tôi đi mua một bản sao của International Herald Tribune tại kiosk nhà ga ở Gstaad. Trước khi băng qua con đường đông đúc, tôi nhìn phía bên phải, tiếp theo phía bên trái – và ngay tức thì ông ở đó, đang đứng kế cận tôi.

Đầy vui mừng, tôi la toáng lên, “Krishnaji, thưa ông! Ông khỏe không?”

Tôi không chắc liệu ông có nhớ bất kỳ những gặp gỡ thành linh của chúng tôi ở Rishi Valley và Madras cách đây nhiều tháng, nó cũng không quan trọng tại khoảnh khắc này. Ông mỉm cười khi chúng tôi bắt tay thân thiện và giải thích, “Tôi đang thực hiện vài nói chuyện ở Saanen.”

Sự đơn giản và khiêm tốn khi ông thốt ra câu nói đó gây xúc cảm vô cùng.

“Vâng, thưa ông,” tôi đáp lại đầy nhiệt thành, “Tôi đã tham gia những nói chuyện. Chúng thực sự hay ho lắm. Cám ơn ông, thưa ông.”

Ông nhìn chăm chú khuôn ặtm của tôi, “Bạn từ California đến, đúng chứ?” ông hỏi.

“Ồ, vâng,” tôi trả lời, đang bước đi cạnh ông khi ông băng qua vỉa hè đối diện. “Tôi đã sống ở đó được một vài năm.”

Khi chúng tôi đang ải bước dọc theo vỉa hè, cùng nhiều người đi bộ và xe cộ chung quanh, bỗng nhiên tôi không hiểu ông đang làm gì một mình ở đây. Ông trả lời câu

hỏi của tôi như thể tôi đã lớn tiếng thốt ra, “Tôi đang chờ vài người bạn.”

Tại khoảnh khắc đó, một chiếc xe hơi phóng vọt qua bằng một tiếng gầm và một đám khói đen xả ra. Krishnamurti lắc đầu chê bai. “Những ngày này họ lái xe quá nhanh.”

Tôi bày tỏ sự đồng tình, “Vâng, nó rất nguy hiểm, thậm chí ngay trung tâm thành phố là sự ô nhiễm khủng khiếp...”

Bỗng nhiên ông ngừng lại, chỉ vào một chiếc xe Mercedes vừa ngừng bên kia đường, trước cửa sân hiên của Hotel Berner Hof. “Họ kia rồi,” ông la lên. “Họ đến đón tôi. Chào bạn, thưa bạn.”

Ông mau lẹ bắt tay tôi, và tôi chỉ có thể nói, “Chào ông, thưa ông. Cảm ơn ông rất nhiều!”

Và ông đã băng qua đường hướng về chiếc xe hơi. Tôi băng khuông nhìn dáng đi nhanh nhẹn của ông, với thân mình thẳng đứng và hai cánh tay dài lắc lư trong một nhịp điệu thư giãn.

Khi tôi nhìn chiếc xe hơi lái đi khỏi, tôi nhận biết được một ý thức không tìm kiếm của hân hoan đang tuôn ra bên trong tôi. Tôi phát giác rằng thường xuyên tôi đã trải nghiệm loại cảm xúc này khi đến tiếp xúc cùng Krishnamurti, và chính sự gặp gỡ ngẫu nhiên của chúng tôi cách đây vài khoảnh khắc dường như đã gia tăng sự mãnh liệt của nó.

*

Mùa hè đầu tiên đó ở Saanen là sự kỳ diệu hoàn toàn cho tôi, một thời gian của khám phá những sự việc mới mẻ, của thâm nhập sự phức tạp về những qui trình thuộc cảm xúc và tinh thần của tôi, có những người bạn mới, và hiệp thông cùng thiên nhiên. Nhưng hít thở hương thơm kỳ lạ mà tỏa ra từ

những buổi sáng cùng Krishnamurti của chúng tôi trong cái lều lớn bên cạnh dòng sông là mấu chốt tối quan trọng. Nó là một hộp mật hiệp thông, vĩ đại của những con người sẵn lòng thâm nhập những phương cách của xã hội và chính họ. Tại cuối hộp mật dài một tháng này, người ta không cảm thấy buồn bã do bởi sắp kết thúc nó, nhưng trái lại cảm thấy được phong phú phía bên trong ~~ở~~ khỏi mọi giới hạn và mở toang khoảng khắc đang sống.

*

Khi ở Saanen, tôi hiểu ra rằng cách đây hai năm, năm 1969, một trường nội trú quốc tế đã được bắt đầu ở Anh bởi Krishnamurti. Được gọi là Brockwood Park, nó nằm gần thủ đô cũ Winchester, trong thị xã vùng nông thôn của Hampshire, cách London không sáu mươi dặm. Sắp sửa có bốn nói chuyện và hai bản luận ở đó vào đầu tháng chín. Tôi chẳng mất bao nhiêu thời gian để quyết định viếng thăm miền nam nước Anh vào dịp đó.

Từ Thụy sĩ đến Đức không xa lắm, nơi hai tuần lễ tôi viếng thăm mẹ tôi, đang sống trong một thành phố được gọi là Krefeld ở phía bắc Rhineland. Từ đó tôi đi đến Anh. Ngoại trừ sự kiện rằng giao thông chạy bên tay trái của con đường, tôi không gặp khó khăn lắm để tới Petersfield, chỉ cách Brockwood Park vài dặm.

Con đường tách khỏi xa lộ chính được viền trên hai lề bởi những cây sồi màu đồng uốn cong. Nó dẫn đến một cổng vào, từ nơi đó một lối xe chạt vòng vèo giữa những cánh đồng cỏ đến một biệt thự trắng của thế kỷ mười tám. Kế cận biệt thự là một tháp nước bằng gạch đỏ tiếp giáp bởi một cái vườn lớn và một vườn hoa hồng. Xa xa khỏi khu nhà, một vườn ươm cây, được gọi là Grove, có phong phú đủ mọi cây đẹp từ khắp thế giới, kể cả nhiều cây sequoias to. Trên vườn

cỏ phía sau, một cây sedar hai trăm tuổi đồ sộ của Lebanon chiếm lĩnh bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận. Rõ ràng Brockwood Park là thiên đàng của những người yêu thương cây cối.

Kế cận một vườn táo nhỏ, một cái lều lớn đã được dựng lên cho Họp mặt, mà thu hút trên một ngàn người khách, một vài người dựng trại trên những cánh đồng gần bên. Suốt hai tuần lễ một bầu không khí lễ hội làm sinh động khu đất.

Những nói chuyện và những bàn luận ở Brockwood Park có một cảm giác bằng hữu, hầu như thân mật quanh chúng, cùng những tiếng cười và sự thanh thản và một ý thức tự nhiên của sự đúng đắn. Vào những ngày có những gặp gỡ, bữa ăn trưa sẽ được phục vụ sau nói chuyện hay đối thoại trong một lều thứ hai được nối liền với lều nói chuyện. Vào những dịp đó, thật ngạc nhiên vô cùng khi thấy Krishnamurti hòa cùng những người khách. Lắng nghe “ông già đó trên bục”, như ông thỉnh thoảng nói về ông, là một trải nghiệm sâu thẳm, nhưng quan sát ông trong hành động trao đổi hàng ngày cùng những người khác thêm vào một yếu tố đặc biệt. Trang phục bằng sự thanh lịch bình thường, cân bằng một cái đĩa giấy đựng thức ăn trong một tay, ông có thể được nhìn thấy đang trao đổi thật nhã nhặn với bất kỳ người nào tiếp cận ông. Nó cảm thấy như thể chúng tôi đã được mời vào tổ ấm của ông để chia sẻ trong sống của ông.

Bởi vì tôi đang giúp đỡ như một người tự nguyện trong lều và ngoài vườn, thỉnh thoảng tôi được mời ăn trưa tại phòng ăn của khu nhà chính. Hơn một trăm giáo viên, những học sinh đem bữa trưa của họ đến đó. Tôi xúc động khi thấy Krishnamurti lẫn trong họ. Vì lý do nào đó, tôi phát giác quá cuốn hút khi quan sát ông trong những tình huống bình thường, hàng ngày, có lẽ bởi vì tôi liên tưởng ông quá nhiều với điều gì chúng ta nghĩ rằng những theo đuổi cách biệt. Thái độ và cử chỉ của ông, và cách ông giữ vững chính ông,

là mẫu mực dẫn chứng. Tại những khoảnh khắc khi tôi kín đáo quan sát ông ăn uống, hay trao đổi và nói chuyện với một người gần bên, hay lặng lẽ nhìn qua những người đang ngồi tại những bàn ăn dài bằng gỗ trước mặt ông, tôi cảm thấy một ý thức của lạ lùng và biết ơn vô cùng. Tôi nghĩ tôi đã hiệp thông cùng sự tốt lành, mà đang thể hiện qua con người này. Bỗng nhiên nó có thể thấy được chung quanh tôi.

*

Sau khi những nói chuyện Brockwood Park chấm dứt, tôi tiếp tục ở lại một tháng khác, làm việc như một người tự nguyện trong vườn rau. Nó là một trải nghiệm mới mẻ cho tôi khi sống và làm việc trong một môi trường chung tại một ngôi trường tổ chức như một nhà riêng. Điều gì khiến cho nó có ý nghĩa đặc biệt là những gặp gỡ đều đặn mà Krishnamurti có với những giáo viên và đệ sinh, và những người tự nguyện cũng được mời tham gia. Tôi cảm thấy rằng sống của tôi đang bắt đầu mới mẻ lại mỗi lúc một mãnh liệt hơn mỗi buổi sáng.

Thậm chí như thế, thời gian cũng đến để chào tạm biệt, và tôi quay lại California mùa thu năm 1971. Tôi có nhiều điều để suy ngẫm, và một sống mới mẻ trong sự cô đơn tương đối đã cuốn hút tôi. Suốt mùa đông dài tôi đã sống một hiện diện đơn giản, giống như ẩn dật trong một cabin nhỏ ở cánh rừng gần Mendocino, một trăm dặm phía bắc của San Francisco. Thỉnh thoảng tôi sẽ tham gia lại nền văn minh và viếng thăm bạn bè ở San Francisco và Berkeley. Trong suốt một trong những lần ra ngoài này vào mùa xuân năm 1972, tôi đi đến Los Angeles và biết rằng Krishnamurti đang ở California vào thời gian đó. Ông sẽ thực hiện một loạt nói chuyện trước công chúng đầu tiên tại Santa Monica Civic

Auditorium và sau đó tại Libbey Bowl ở Ojai. Từ lúc này còn gần một tháng nữa, và tôi quyết định ở lại trong khu vực đó.

Một trong những người bạn của tôi từ Ojai bảo với tôi rằng anh ấy đã tham gia một bàn luận nhóm nhỏ cùng Krishnamurti tại một căn nhà ở Malibu trước bàn luận một vài ngày. Khi nghe tin tức này, một ý thức mãnh liệt của sự hiếu kỳ nảy ra trong tôi, và đây phần khởi tôi dò hỏi nó diễn ra ở đâu. Mặc dù người bạn của tôi không thể nhớ nổi địa chỉ chính xác, anh ấy có thể miêu tả những vùng khác nhau, mà giúp đỡ tôi dò theo vị trí phòng chường của căn nhà dọc theo Pacific Coast Highway, nơi chặc chấn Krishnamurti đang cư ngụ. Do sự trùng hợp, tôi đang ở cùng bạn bè tại Topanga Canyon, chỉ cách đó vài dặm ở phía nam. Vì những lý do mà tôi đã không phân tích, tôi cảm thấy rằng sẽ cả tuyệt vời lẫn quan trọng phải có được sự tiếp xúc cá nhân trực tiếp cùng Krishnamurti nếu có thể được.

*

Tách khỏi đường xa lộ bốn làn xe đông đúc, một lối xe dốc nghiêng thẳng lên hướng về một cái cổng giữa cái chòi nhỏ của người coi nhà và một bãi cỏ với cây cối và bụi nhỏ. Một tòa nhà hiện đại bằng gạch và gỗ nằm trên khu đất nhô cao ra biển, với một quang cảnh choáng mắt của biển Thái bình dương mênh mông. Khi tôi rung chuông, một phụ nữ trung niên đeo tạp dề mở cửa cái chòi nhỏ. Tôi nói, “Chào bà, làm ơn tha thứ cho tôi, nhưng liệu ông Krishnamurti sống ở đây?”

“Làm ơn chờ một chút,” bà trả lời, và không cần bất kỳ câu hỏi nào thêm nữa bà hồi hả hướng về tòa nhà chính.

Tôi nhìn quanh, ấn tượng bởi vẻ đẹp của chung quanh. Sau một thời gian ngắn, người nào đó đi về phía tôi từ tòa nhà. Trong tích tắc tôi tưởng lầm ông là một cậu trai nhỏ tuổi, mặc quần jeans xanh, áo sơ mi bằng vải màu xám, tay

dài, và mang dép sandals. Một cơn sóng ấm áp và vui mừng thổi dậy trong tôi khi tôi nhận ra Krishnamurti.

Dãi tóc bạc phát phơ bởi gió khi ông ấn gần. Ngần ngừ, tôi tiến vài bước hướng về ông. Và, ngay lập tức, chúng tôi ôm chầm nhau. Đường như không thể tin nổi. Tôi không có ý tưởng liệu ông nhớ lại bất kỳ những gặp gỡ từ trước nào của chúng tôi. Đơn giản nó chỉ là một cử chỉ của sự thương yêu lạ lùng, và tôi cảm thấy giống như một con gấu đang ôm một đứa bé mỏng manh. Hoàn toàn bị tràn ngập bởi sự biểu lộ thương yêu thanh thoát tự nguyện này, tôi chỉ có thể ấp úng, “Thật tốt lành khi gặp được ông, Krishnaji!” Kể từ lúc ở Ấn độ và Brockwood Park, tôi đã sử dụng hình thức xưng hô như thế này, mà dường như mọi người đều đang sử dụng. Hậu tố *-ji* thể hiện sự kính trọng và yêu mến. Có một nụ cười lạ thường trên khuôn mặt của ông khi ông đập nhẹ nhẹ trên vai tôi và hỏi, “Lúc này bạn đang từ đâu đến vậy, thưa bạn?”

Mỗi lần tôi nhìn vào khuôn mặt của ông tôi bị ấn tượng mới mẻ lại bởi ý thức của thương yêu và sự thông minh tột đỉnh mà nó thể hiện. “Tôi đang sống ở Mendocino County, phía bắc California, được sáu tháng qua. Tôi đã đến đây để tham gia những nói chuyện của ông ở Santa Monica và Ojai. Lúc này, tôi đang ở cùng những người bạn ở Topanga Canyon, cách đây vài ba dặm về hướng nam,” tôi giải thích.

Ông điềm đạm nhìn tôi chăm chú với hai mắt có hình quả hạnh trông giống như hai cái gương sẫm đen. “Bạn bao nhiêu tuổi, thưa bạn?” ông hỏi khi ông quay lại, dẫn đường vào nhà.

“Tôi hai mươi tám tuổi, thưa ông,” tôi trả lời, theo ông đi qua bãi cỏ cắt tỉa gọn gàng.

“A, bạn còn trẻ quá,” ông nhận xét.

Trong khi ông đang mở cái cửa kính kéo trượt, tôi rút một miếng giấy được gấp lại ra khỏi túi áo của tôi và đưa nó

cho ông. Ông chăm chú nhìn nó bằng một diễn tả bối rối khi ông nhận nó.

“Nó là một bài thơ, thưa ông,” tôi giải thích, đang thêm vào bằng sự ngập ngừng ngượng ngập, “tôi đã viết nó dành tặng cho ông.”

“A, cảm ơn bạn,” ông nói, “Liệu bạn có phiền nếu tôi đọc nó sau?”

“Dĩ nhiên không, thưa ông,” tôi trả lời, “nó là của ông.”

“Được rồi, thưa bạn,” ông nói, dẫn đường vào nhà bếp.

Nó là một nhà bếp hiện đại, được trang bị đầy đủ. Người phụ nữ mang miếng tạp dề đã tiếp đón tôi, đang bận rộn tại chậu rửa ly tách.

“Bạn muốn dùng trà hay cà phê không?” Krishnamurti hỏi.

Tôi do dự một chốc lát, bị ngạc nhiên bởi sự mời mọc của ông. Sau đó tôi trả lời, “Ồ, có, thưa ông. Chút cà phê sẽ tốt lắm.”

Ông chỉ vào một trong những chiếc ghế đầu cao bên cạnh quầy nhà bếp, muốn tôi ngồi ở đó. “Cô ấy sẽ pha cho bạn cà phê,” ông nói. Kèm theo đó, ông duỗi tay ra và nói, “Làm ơn tha thứ cho tôi, tôi phải bận vài việc.”

Một phần sung sướng và một phần thất vọng rằng sự cùng nhau của chúng tôi đã kết thúc đột ngột như thế, tôi chỉ có thể đáp ứng, “Cảm ơn ông, Krishnaji!”

Và rất mau lẹ và yên lặng ông đi khỏi. Trong một lóe sáng, tôi có một cảm giác của hụt hẫng và trống không.

“Anh dùng kem và đường?” người phụ nữ hỏi từ phía bên kia cái quầy.

“Vâng, làm ơn,” tôi trả lời và bắt đầu khuấy cà phê cô ấy đặt trước mặt tôi.

*

Nói chuyện tại Santa Monica là lần đầu tiên trong những nói chuyện của Krishnamurti mà tôi tham gia tại nước Mỹ. Nó cũng là lần đầu tiên đã có một lệ phí vào nghe cho một nói chuyện: những nói chuyện trước hoàn toàn được chi phí bởi những số tiền tặng. Phí tổn thuê Santa Monica Auditorium chắc chắn rất cao và cần được thanh toán trực tiếp.

Đó là một buổi sáng thứ bảy có nắng vào tháng ba, và sảnh có bao lơn rộng đầy ắp khán giả mà đa phần là người miền nam California. Tôi ngạc nhiên khi thấy Krishnamurti mặc một bộ com lê, ngồi trên một cái ghế giữa sân khấu, với một cái microphone trước mặt ông. Ông bắt đầu khá nghiêm nghị và, suốt nói chuyện, duy trì một trạng thái nghiêm túc tương phản với tâm trạng bình thường của khán giả.

*

Hai tuần sau, ngay trước Nói chuyện ở Ojai, tôi lại cảm thấy một thôi thúc mạnh mẽ phải gặp Krishnamurti tại ngôi nhà ở Malibu. Tôi đã suy nghĩ nhiều lắm để hình thành một câu hỏi độc đáo mà có lẽ ràng buộc ông trong loại đối thoại nào đó. Nhưng điều đó không dễ dàng lắm, bởi vì trong những nói chuyện của ông, ông đã đưa ra đầy đủ rồi, và đã trả lời hoàn toàn, tất cả những câu hỏi cơ bản mà tôi có thể hình dung. Ngay cả những nghi vấn mà tôi hoàn toàn không nhận biết được, nằm im lìm trong ngõ ngách sâu kín nào đó của cái trí tôi, có vẻ ông đã mang nó ra ngoài và hình thành trong ngôn ngữ rất đơn giản và dễ hiểu.

Điều gì tôi thực sự muốn hỏi ông là chính con người của ông và sống hàng ngày của ông, nhưng tôi nghĩ có lẽ không phù hợp khi đưa ra những câu hỏi thuộc một bản chất rất cá nhân. Ngoài ra, bất kỳ trả lời bằng từ ngữ nào hầu như sẽ không thể đáp ứng, cũng, bởi vì bộ não hiếu kỳ của tôi

muốn nhìn thấy, quan sát và cảm thấy ông một cách hiệp thông. Tôi muốn tận hưởng sự kiện thực sự. Và, tại khoảnh khắc, ông là sự kiện thực sự.

*

Đó là một buổi sáng có nắng khác khi tôi đến ngôi nhà dễ thương tách khỏi Pacific Coast Highway và rung chuông cửa. Chính Krishnamurti ra mở cửa và đón tôi vào phòng khách. Khi chúng tôi đi vào, tôi đang điên cuồng ôn lại câu hỏi mà tôi đã cấu trúc. Những cửa sổ cỡ bức tường cung cấp một quang cảnh kinh ngạc của biển xanh sẫm, đang phản ánh ánh mặt trời rực rỡ giống như một cái gương khổng lồ. Trong khi chúng tôi vẫn còn đang đứng giữa phòng, tôi quay về phía ông và hỏi, “Krishnaji, liệu tôi được phép đưa ra cho ông một câu hỏi?”

Câu hỏi đơn giản đầu tiên của tôi dường như nạp năng lượng trong vùng chung quanh ông: một khoảnh khắc nó yên lặng, khoảnh khắc kế tiếp nó giống như cái gương và tập trung.

Ông đối diện ngay tôi và nói, “Tự nhiên đi, thưa bạn.”

Tôi đưa ra câu hỏi của tôi, trong đó tôi đã pha trộn một quan tâm cá nhân và một phỏng đoán khoa học giả tạo. “Lâu lắm rồi tôi đã bị quấy rầy bởi sự huyền thuyên không ngừng nghỉ của bộ não tôi,” tôi nói, “có những hoạt động suy nghĩ liên tục, những lo âu, những sợ hãi, những ham muốn, những kế hoạch và những giấc mộng đang xảy ra. Nhưng ông nói rằng sự suy nghĩ chỉ là một qui trình thuộc vật chất.”

Đang lắng nghe của ông rất mãnh liệt, và ông đang quan sát tôi kỹ càng trong khi tôi nói, “Vâng, thưa bạn,” ông nói, “Câu hỏi của bạn là gì?”

“Liệu không thể rằng nó là chuyển động không ngừng nghỉ của những điện tử trong những nguyên tử của bộ não mà gây ra sự huyền diệu liên tục này, hay sao?” tôi hỏi.

Trong những tích ức nhất của những khoảnh khắc tôi nghĩ tôi đã phát giác một lóe sáng của sự ngạc nhiên trong hai mắt ông khi nghe câu hỏi của tôi. Ông ngừng một chốc lát, như thể vẫn còn đang lắng nghe; sau đó ông chỉ đơn giản nói, “Hãy tìm ra, thưa bạn.”

Điều mà câu hỏi của tôi bất chợt thoát khỏi ông một cách rất dễ dàng làm mất tự tin nơi tôi một chút ít, và tôi hoàn toàn không thể tìm được một quan điểm để theo đuổi chuỗi lý luận của tôi. Tôi lúng túng sục sạo những từ ngữ, và dường như ông nhận biết sự vô vọng của tôi và giảm bớt sự căng thẳng trong nói chuyện của chúng tôi về những vấn đề hàng ngày nhiều hơn. Ông hỏi tôi liệu đã sẵn sàng để dùng bữa trưa. Khi tôi từ chối khá miễn cưỡng, ngay lập tức ông dắt tôi vào nhà bếp, ấn tôi ngồi xuống trên một trong những cái ghế đầu.

“Cô ấy sẽ tiếp đãi bạn chút ít thức ăn,” ông nói, hướng về người đầu bếp đang rửa chén đĩa phía sau quầy.

Tôi vẫn còn đang cảm ơn ông không tiếc lời khi ông bắt tay từ giã. Như một ý nghĩa nảy ra sau, ông thêm vào bằng một nụ cười “Auf Wiedersehen!” Trước khi tôi biết nó ông đã rời nhà bếp, và tôi ngồi lại ăn một salad. Mặc dù tại một mức độ tôi bị thất vọng khi tôi đã không thành công trong việc thực hiện một đối thoại cùng ông, tuy nhiên tôi cảm thấy một trạng thái lâng lâng và một ý thức lạ lùng của ngây ngất.

Chương 4

LẦN THỨ HAI LOANH QUANH

“Thời gian luôn luôn đang lặp lại sự thách thức của nó
và những vấn đề của nó: những phản hồi và những đáp trả
liên quan đến cái lập tức.
Chúng ta thân thiết với
sự thách thức lập tức
và trả lời lập tức cho nó.
Trả lời lập tức này
đến thách thức lập tức
là thế gian, cùng tất cả
những vấn đề không thể giải đáp và những khốn khổ...
...đáp án vượt khỏi cái lập tức.”

-J. Krishnamurti
Sổ tay của Krishnamurti

Năm 1972 là năm tôi đang theo sát, trong chừng mực nào đó, những bước chân của Krishnamurti. Sau khi tham gia hai nói chuyện tại Libbey Bowl ở Ojai vào đầu tháng tư, tôi đi đến Châu Âu cho Những Họp mặt vào tháng bảy và tám, theo sau bởi Những Nói chuyện Brockwood Park vào tháng chín. Tôi ở lại trường như một công nhân tự nguyện khoảng hai tháng, suốt thời gian này tôi có thể tham gia những gặp gỡ Krishnamurti thực hiện đều đặn cùng khối giáo viên và học sinh. Chúng là những đối thoại cởi mở và thương yêu mãnh liệt, và hơn tất cả bất kỳ nơi nào khác, ở đây tôi trải nghiệm Krishnamurti như một người cha già nhân đức.

Không lâu sau khi ông rời đây để đến Ấn Độ, tôi cũng khởi hành đi tiểu lục địa Châu Á, vào tháng mười một. Sau một loạt nói chuyện ở New Delhi, nó lại tiếp tục ở miền nam, đến Madras. Tôi phát giác rằng Krishnamurti đang ở tại cùng ngôi nhà tách khỏi Greenways Road nơi lần đầu tiên tôi đã lắng nghe ông cách đây một năm. Nhờ vào nhiều trùng hợp nhỏ này, người chủ nhà duyên dáng của ông, một phụ nữ kinh doanh, mở rộng sự hiếu khách của bà đối với tôi, cho phép tôi ở lại một tuần trong cái nhà tạm thời đang được xây dựng trong khuôn viên rộng lớn của ngôi nhà. Nó là một cấu trúc bằng gỗ với một mái lợp tranh, bốn bên trống không, và một cái bục ở phía cuối; khu cò dưới nó được phủ bằng những tấm thảm. Krishnamurti sẽ thực hiện những nói chuyện ở đây; và, ngoài ra, nhiều buổi trình diễn nhạc sẽ được lên sân khấu để tôn vinh ông. Căn phòng riêng của ông chỉ cách đó bốn mươi yard, ở phía bên trái cái sân. Tôi cảm thấy một hội họp vô cùng, và một ý thức của đặc ân, khi có thể sống gần gũi cùng ông như thế. Không khí ban đêm vùng nhiệt đới rất dịu dịu khi ngủ ngoài trời, và người phụ nữ của ngôi nhà không những lo liệu cho tôi sử dụng một buồng tắm, nhưng còn sắp xếp cho những người giúp việc phục vụ

tôi trà và những bữa ăn đều đặn trong nơi cư ngụ tạm thời của tôi.

Điều gì tôi đặc biệt yêu mến về hoàn cảnh tạm thời này là rằng, trong suốt những đêm ngày theo sau, tôi có thể quan sát Krishnamurti tại những khu nhà gần hơn. Từ vị trí xây dựng tạm thời phía dưới, tôi có thể quan sát ông rõ ràng qua cửa sổ lưới mắt cáo và cửa ra vào mở của phòng ông, khi ông di chuyển loang quanh, ngồi viết tại bàn giấy của ông, đến và đi. Nó gây cảm hứng cho tôi khi quan sát ông ở không gian cá nhân của ông, mà không hiểu tại sao tôi lại tưởng tượng là bao la hơn, tự do hơn, và trống không hơn không gian của tôi, mặc dù cùng lúc tôi thấy sự vô lý khi buông thả trong những so sánh thuộc loại này.

Tôi cố gắng giữ một khoảng cách kính trọng, mong muốn không gây bận tâm cho ông trong bất kỳ cách nào, mặc dù người nữ chủ nhà chắc chắn đã báo cho ông về sự hiện diện của tôi, và ông nhận biết rõ ràng được việc này. Thỉnh thoảng, khi ông ra ngoài vào lúc bình minh, hay vào buổi chiều sau giấc ngủ trưa của ông. Ông chào hỏi tôi bằng một cái vẫy tay thân thiện. Và tôi thường yên lặng đáp lại bằng một cử chỉ tương tự từ đầu cuối của sân nhà. Không có cảm giác như thể có bất kỳ khoảng cách nào giữa chúng tôi, trái lại một loại gần gũi cùng nhau.

*

Suốt ngày thứ hai của chuyến ở lại tại ngôi nhà, tôi đang sắp sửa đi dạo qua vùng lân cận. Ánh sáng của hoàng hôn đang ập xuống rồi, bao phủ quả đất trong tia sáng lan tràn đó, đặc trưng cho những vùng nhiệt đới. Bỗng nhiên tôi đứng đầu Krishnamurti, người cũng vừa rời ngôi nhà một mình.

Tôi chào hỏi ông theo truyền thống *namaste* của Ấn độ, “Chào buổi tối, Krishnaji!”

Cái nhìn chăm chú của ông lặng lẽ thấu nhận tôi trước khi có một lóe sáng của sự nhận ra, và, chìa hai bàn tay của ông ra, ông cầm hai bàn tay của tôi, lắc lắc chúng nhẹ nhàng theo truyền thống phương Đông. Sự tiếp xúc mát mẻ và êm ả của những ngón tay ông thật mềm mại như lụa.

“A, chào bạn, thưa bạn,” ông nói. “Bạn đã đến rồi. Bạn đến đây bằng cách nào?”

Nghĩ rằng ông không phiền khi nói chuyện chút ít, tôi trả lời, “Xin lỗi, thưa ông, ông đang trên đường dạo bộ buổi chiều phải không? Liệu ông vui lòng cho phép tôi theo sau?”

Ông mỉm cười thân ái. “Được rồi, thưa bạn, đi cho vui. Tôi chỉ dạo bộ rất ngắn chiều nay thôi: đến góc đường rồi quay lại.”

Tôi lại trải nghiệm ý thức đặc biệt của được dẫn dắt vào một cánh đồng của khoáng đạt và rõ ràng, không rào chắn nhưng được che chở và an toàn, một cảm xúc tôi thường cảm thấy trong sự hiện diện của ông.

Trong vài khoảnh khắc chúng tôi đi bộ yên lặng dọc theo Greenways Road nhá nhem tối. Những chiếc xích lô ba bánh và xe hơi vượt qua chúng tôi ở hai phía đường, bóp còi inh ỏi. Những chiếc xe bò kéo có hai bánh thật to chậm chạp lướt qua. Và đằng trước quầy bán nước trà ở góc đường, lấp lánh bởi những ngọn đèn dầu và những cái bóng đèn không nắp chắn gió, những người đàn ông đang ngồi bó gối và tán chuyện với nhau, hút thuốc và nhấp trà. Dường như mọi nơi đều có trẻ em, chạy nhón nháo cùng những tiếng la hét và cười đùa, hay khóc lóc và tìm kiếm sự dỗ dành nơi bà mẹ của chúng.

Tôi bắt đầu kể chuyện làm thế nào tôi đi đến Ấn độ được. “Đặc biệt ở Châu âu, tôi thích quá giang từ một thành phố này qua một thành phố khác,” tôi nói.

“Bạn làm việc đó bằng cách nào?” ông hỏi.

Tôi giải thích một cách vắn tắt dễ hình dung về phương pháp quá giang ủa tôi bằng cách bước trên đờng và giơ ngón tay cái lên. Việc này khiến ông cười vui vẻ.

“Liệu bạn đi cùng bất kỳ chiếc xe hơi cũ nào ngừng lại?” ông hỏi.

“Dĩ nhiên, nó phải đi đến nơi nào nó dự tính, hay ít nhất trong phương hướng đó. Và nó cũng phải an toàn khi đi cùng những người trong xe đó,” tôi giải thích. Khi tôi tiếp tục kể cho ông một số chi tiết về chuyến đi vất vả từ Central Europe đến South India qua Greece, Asian Minor, Iran, Afghanistan và Pakistan, có vẻ ông bị ấn tượng bởi câu chuyện kể của tôi về chuyến hành trình mạo hiểm. Ông tò mò về vài quốc gia mà ông chưa bao giờ viếng thăm, như Iran và Afghanistan, đưa ra những câu hỏi khiến cho tôi phải rối lên để trả lời chính xác.

Khi những bóng đêm đang trở nên đậm hơn, những ánh đèn đang xuất hiện dọc theo con đường và trong những ngôi nhà. Ngừng lại phía trước khu cư ngụ chung của chúng tôi, Krishnamurti nắm chặt cánh tay của tôi bằng một trong những cử chỉ thương yêu riêng của ông.

“Ngủ ngon, thưa bạn,” ông nói, “gặp bạn ngày mai.”

Và đi vào nhà, ông nhẹ nhàng khép cánh cửa đằng sau ông.

“Ngủ ngon, Krishnaji,” tôi chúc lại.

*

Ở gần ông không những cho tôi một cơ hội để quan sát sống hàng ngày của ông; nó cũng thắm nhuần sống riêng của tôi bằng một nhịp điệu của sự tĩnh lặng suy tư, sự ưa thích mà trước kia tôi chưa bao giờ biết đến.

Tại một mức độ nào đó, sống của ông dường như là chính sự đơn giản. Ông tập thể dục buổi sáng của ông, yoga và pranayama, và dùng những bữa ăn ở nhà, thường có bạn bè; ông viết tại bàn giấy điều gì tôi nghĩ có lẽ là thư từ và nhật ký, bởi vì ông không chuẩn bị trước những nói chuyện của ông nhưng nói một cách tùy ứng, từ bản thể của hoàn cảnh sẵn có. Sau bữa trưa, ông nghỉ ngơi một chút. Một hay hai tiếng đồng hồ trước hoàng hôn ông đi dạo bộ, thường cùng bạn bè, những người đưa ông bằng xe hơi đến bãi biển Adyar. Ngoài việc thực hiện những nói chuyện trước công chúng và những đối thoại, ông có những gặp gỡ thường xuyên cùng những người hợp tác. Những người khác mà ông tiếp đến để bày tỏ sự kính trọng, thường kèm theo sự dâng tặng theo nghi lễ gồm những bông hoa và những giỏ trái cây. Nó là một phần thuộc truyền thống của Ấn độ để tìm kiếm darshan, sự hiện diện của một người thầy tôn giáo hay đạo sư, và sùng kính nhiều đối với con người đó.

Tôi quan sát một loại sùng kính này suốt một trong vài buổi trình diễn nhạc có sân khấu để tôn vinh Krishnamurti. Một trong những ca sĩ nổi tiếng nhất vùng South India. M. S. Subbulakshmi, một phụ nữ có một giọng hát thiên thần, hát những bài hát tôn giáo trên sân khấu trước số đông khán giả, kể cả Krishnamurti. Sau sự trình diễn đầy cuốn hút suốt hai tiếng đồng hồ, người phụ nữ xuống sân khấu và bày tỏ sự kính trọng ông bằng cách quỳ xuống và chạm vào bàn chân của ông bằng những đầu ngón tay. Mặc dù ông không ưa thích cử chỉ như thế, ông tử tế chấp nhận sự phô bày sùng

kính trước công chúng này, đáp lại bằng cách quàng một vòng hoa nhài và những bông hoa plumeria quanh cổ cô ấy.

*

Một ngày sau những nói chuyện ở Madras. Tôi bắt rằng Krishnamurti sẽ rời đây để đến Rishi Valley rất sớm vào buổi sáng và tôi đã chuẩn bị chắc chắn cho cơ hội này. Vẫn còn tối lắm, và tôi nhìn từ xa khi chiếc xe hiệu Ambassador chạy từ từ đến phía trước cái hồ sen và vòi phun nước nhỏ, được trang trí bởi bức tượng bằng sắt của Shiva Nataraj. Những ngọn đèn được bật lên và những người giúp việc bắt đầu chất hành lý lên xe. Hơi se se lạnh trong không khí, và khi tôi nhìn những vì sao sáng trên cao, tôi có thể thấy được sự thể hiện rất nhỏ nhiệm của bình minh, một vệt sáng ở phương Đông. Bỗng nhiên, tất cả những người giúp việc xếp hàng thẳng bên cạnh chiếc xe hơi, và người tài xế mở cửa phía giành cho hành khách. Tôi mau ðể sai bước và đứng cách họ vài feet . Được theo cùng bởi người nữ chủ nhà và một trong những người kết giao của ông, Krishnamurti đi thẳng đến chiếc xe và yên lặng đáp lại tử tế sự kính trọng *namaste* mà chúng tôi đang bày ó. Ông trông yếu ớt khi bước vào xe, được phủ trong cái khăn choàng bằng len. Khi chiếc xe từ từ ra khỏi cái sân, tôi cảm thấy một ý thức lạ lùng của hụt hẫng và trống không. Một tuần lễ sống gần gũi vật chất với ông giúp tôi có thể thoáng hiểu sống tỏa sáng và đơn giản của ông nhưng cũng tạo ra một hình thức quyền uy đối với tôi. Và lúc này nó kết thúc, tôi cảm thấy vừa được phong phú lẫn bị tước đoạt, mặc dù ngày kế tiếp tôi sẽ theo ông đến Rishi Valley.

*

Tại Rishi Valley, và vài tuần sau tại Bangalore, tôi ít thấy Krishnamurti, ngại trừ vào những ngày nói chuyện. Tại Bombay, thủ đô đông đúc trên Arabian Sea, ông sống trong một vùng của thành phố được gọi là Malabar Hill, gần Towers of Silence, khu nghĩa trang Zoroastrian, tôi rung chuông cửa với hy vọng được gặp ông. Người nữ chủ nhà, một phụ nữ quý phái, khỏe mạnh nồng nhiệt tiếp đón tôi, và, sau khi mời tôi uống trà, bảo cho tôi rằng ông đang ở trong nhà nhưng không gặp bất kỳ ai. Tuy nhiên, bà tiết lộ rằng vào những buổi chiều muộn ông thường dạo bộ trong Hanging Gardens gần bên, và rằng tôi có lẽ gặp được ông ở đó.

Việc này đủ kích thích tôi để tìm đường đến công viên công cộng nhìn qua vịnh hình bán nguyệt, đầy những cao ốc. Hanging Gardens hóa ra là một cái vườn nghệ thuật, những bụi cây của nó được tước vào những hình thể trang hoàng của những con voi, con cọp và những thú vật khác. Ngay trước hoàng hôn, những đám đông lớn, không có ngoại lệ, hầu như đều mặc chiếc áo trắng rộng, kéo đến chật ních những con đường nhỏ của cái vườn. Trong khoảnh khắc tôi thối mắc liệu tất cả đều đến để thấy Krishnamurti. Loại bỏ nhận thức này vì không thể như thế, tôi tự nhủ với mình làm thế nào tôi có thể phát hiện ông trong số người đông đúc như thế này.

Bỗng nhiên tôi thấy ông. Ông đang đi ắt nhanh, gần như đang chạy, quanh bãi cỏ trung tâm của cái vườn. Năm hay sáu người đang vội vàng cố gắng theo sát, nhưng không thể nào bắt kịp ông. Dưới bất kỳ hoàn cảnh nào, dường như sẽ thật vô lý khi muốn chào hỏi ông, vì vậy tôi chỉ quan sát ông từ khá xa. Tôi kinh ngạc bởi thể lực ổn định của ông, làm thế nào, không chậm lại bất kỳ thời điểm nào, ông bước đi chung quanh bãi cỏ lặp đi lặp lại khoảng nửa tiếng đồng hồ, trước khi rời đó để về nhà, những người bạn theo sau, trong

khi ánh sáng màu vàng óng hoàng hôn tràn ngập mọi nơi cùng sự yên lặng mênh mang.

*

Sau những nói chuyện ở Bombay, trước hết tôi đến Châu Âu và từ đó tiếp tục đến California, bởi vì tôi đã biết rằng Krishnamurti sẽ nói chuyện ở cả San Francisco và Ojai. Vào đầu tháng ba, năm 1973, ông thực hiện bốn nói chuyện trước công chúng tại Masonic Temple ở thành phố bên cạnh vịnh. Thật là một mẫn nguyện đặc biệt khi lắng nghe ông trong thành phố kỳ diệu này, nơi tôi đã sống nhiều năm.

Những cơn mưa ào ào mùa xuân đã biến California thành một mảnh đất của những quả đồi và những thung lũng xanh rì, với những tấm thảm hoa poppy vàng rực và những hoa đậu lupin xanh sáng dọc theo xa lộ. Suốt chuyến xe về miền nam đến Ojai, tôi nghĩ rằng tôi chưa từng trải nghiệm quả đất và vẻ đẹp của nó sâu sắc nhiều như thế.

Queo khỏi đường cao tốc 101 tại Ventura, tôi vào Ojai Valley trên xa lộ 33. Bức tranh toàn cảnh đầy màu sắc đang thay đổi trước mặt tôi cuốn hút tất cả những giác quan của tôi. Cái chén thung lũng cùng tất cả những đường vòng của nó và những khuôn mẫu theo địa hình của những cánh rừng cam được tắm trong những tia sáng của mặt trời hoàng hôn. Những triền núi và những đường gấp của những hòn núi được khắc viền sắc nét trong những cái bóng màu tím và màu tía, tương phản với những mảng sáng rực của màu xanh da trời và xanh lá cây. Một ý thức mênh mang của sự tĩnh lặng bao phủ quả đất và bầu trời dạ quang. Tôi cảm thấy như thể đang đi vào một quang cảnh của vẻ đẹp ma thuật và thăm thẳm.

Vào một buổi sáng thứ bảy có mặt trời rực rỡ trong tháng tư, Krishnamurti đang thực hiện nói chuyện đầu tiên

trong bốn nói chuyện tại Libbey Bowl ở Ojai. Một cơn gió nhẹ đang xào xạc những chiếc lá cây ngô đồng, khi một cánh cửa hông mở ra và một hình bóng mảnh mai, nhỏ xíu bước vào ánh đèn sân khấu của giảng đường có những bậc ngòi, những bậc của nó đang được ngòi chật ních bởi khoảng một ngàn người hay hơn thế. Ông trang phục nhã nhặn và khiêm tốn trong cái quần dài xám sậm có nếp sắc nét, đôi giày da thuộc mềm màu nâu đã được đánh bóng láng, và một áo sơ mi thêu tay dài. Tôi ~~nhìn~~ thấy rằng màu đỏ Bordeaux của chiếc áo sơ mi của ông giống như màu của chiếc áo tôi đang mặc. Khi ông bước về phía trước, tôi kinh ngạc khi thấy ông xuất hiện trong chính ông trọn vẹn ra sao và ý thức của sự tĩnh lặng tập trung bao phủ quanh ông.

Khi được mời ngồi trên cái ghế dựa chính giữa sân khấu lớn, một cái microphone nhỏ trước mặt ông, ông nhìn chăm chú bằng một bình thần không chút bối rối vào nhiều khuôn mặt đang quan sát ông.

Cuối cùng khi ông bắt đầu nói, dường như ông đang nói chuyện đồng loạt cùng một người duy nhất và mọi người tại cùng một thời điểm. Ông nói về sự suy nghĩ và sự phân chia mà chúng đã gây ra trên mọi mức độ của sự hiện diện; ông nói về sự vui thú và sự sợ hãi, về vẻ đẹp của thiên nhiên, của chết, tình yêu và thiên định, tháo gỡ toàn cảnh sống của con người. Tiếp theo, sau một khoảng ngừng kết thúc của sự yên lặng, ông phác cử chỉ cho mọi người đứng dậy, bởi vì ông thấy không lễ phép khi đứng dậy trước khi họ đứng dậy.

Bỗng nhiên tôi nhớ lại một bài thơ mà tôi vừa viết và dự tính trao cho ông. Tôi đang ngồi hàng thứ ba và nhận thấy một lối ra từ sân khấu đến con đường, bị che khuất bởi một cái cửa bằng gỗ. Tôi vội vã đi đến đó và thấy rằng cửa không bị khóa. Không có ai ở ngoài trừ tôi – khác với Saanen và Ấn độ – dường như sau-nói chuyện đang nhón nháo tìm kiếm

sự tiếp xúc cùng người nói. Tôi lặng lẽ lách qua cái cửa và, đang quay lại, phát giác chính mình mặt đối mặt với Krishnamurti.

Cảm xúc đầu tiên của tôi là sự chấn động yên lặng và một nhịp tim đập nhanh vô cùng của sự nhận ra. Sau đó, theo bản năng tôi lùi lại, sợ hãi rằng tôi đã xâm nhập vào lãnh vực riêng tư của ông. Ông đang đứng một mình, dựa một cánh tay trên bàn, như thể đang lấy lại hơi thở sau một lần chạy marathon. Có một ửng đỏ nhạt khắp khuôn mặt ông, và hai mắt của ông có một tia sáng lạ lùng. Tuy nhiên, dường như ông cũng không ngạc nhiên và không bực bội bởi sự hiện diện bất ngờ của tôi, nhưng chỉ nhìn tôi bằng một xa cách yên lặng.

Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ông như thế: nhút nhát và mỏng manh vô cùng. Tôi cảm thấy bị bối rối bởi sự đồ sộ của tôi. Cử chỉ trao cho ông mảnh giấy có bài thơ trên nó của tôi dường như lộ bịch trong tình huống đó. Nhưng không hiểu vì sao tôi đã thực hiện, áp ứng, “Cám ơn ông, thưa ông. Cám ơn ông.”

Ông nhận mảnh giấy với hai bàn tay run rẩy, và nhìn nó, thắc mắc, như thể không thể giải đoán nó.

“Nó là một bài thơ tôi đã viết tặng ông, thưa ông,” tôi giải thích bằng một giọng nói khá xa lạ đối với tôi.

“Được rồi, thưa bạn. Tôi sẽ đọc nó sau, nếu bạn không phiền.”

Tôi không biết nói gì thêm. Sau một khoảng thời gian yên lặng dường như vô tận ông bắt tay tôi, nói, “Cám ơn bạn, thưa bạn. Chào bạn.”

Tôi cảm thấy vô cùng biết ơn và thân thiện đối với ông khi ông quay lại và đi ra ngoài về hướng con đường.

*

Cùng năm đó, tôi lại bị cuốn hút vào những nói chuyện mùa hè tại Saanen. Tôi giúp đỡ công việc dựng lều bên cạnh bờ sông. Một buổi chiều, nhiều người chúng tôi đang bận rộn hoàn tất công việc, bởi vì những nói chuyện bắt đầu ngày mai. Tôi đang đào một đường mương chung quanh cái lều. Ngay lúc đó, một chiếc xe Mercedes chạy đến và từ từ ngừng lại trước lối vào bên hông. Một ngạc nhiên choáng váng đầy phần khởi ngập tràn trong tôi khi tôi nhìn ra Krishnamurti đang bước ra khỏi chiếc xe hơi. Người phụ nữ theo cùng ông, có chiều cao và vóc người tương đối bằng ông, mặc thanh lịch nhưng kín đáo một cách tinh tế. Khi họ đi quanh lều, cẩn thận tìm hiểu những chi tiết bên ngoài và bên trong, Krishnamurti chào hỏi mọi người ông gặp. Tôi ở bên trong lều khi họ vào không gian cân đối rộng lớn đó. Cả hai người nhận ra tôi từ những lần gặp gỡ bất ngờ lúc trước, và tôi cảm thấy một cơn sóng của hân hoan khi Krishnamurti xưng hô với tôi bằng tên gọi của tôi. Tôi đáp ứng, “Thật tuyệt vời khi gặp lại ông, thưa ông. Chúng tôi hầu như hoàn tất công việc dựng lều cho ngày mai.”

“Công việc khá vất vả, phải không?” ông nhận xét.

Sau khi trao đổi một vài lời với người theo cùng, ông hỏi tôi, “Bạn làm ơn, thưa bạn, lên trên bục đó và ngồi trên ghế dựa trong chốc lát?”

“Dĩ nhiên không sao đâu, thưa ông,” tôi trả lời, hơi bị bối rối bởi lời yêu cầu. Khi tôi bước lên sân khấu, tôi cảm thấy hơi ngượng ngùng, và những tín hiệu suy nghĩ mâu thuẫn nảy ra trong cái trí của tôi về mục đích của sự thực tập.

“Vâng, làm ơn, thưa bạn, hãy ngồi trên ghế,” ông lặp lại, khi ông nhận thấy tôi hơi do dự.

Hạ thấp mình trên cái ghế gỗ, trong chốc lát tôi bị quyến rũ khi đàm trách một trong những tư thế đặc trưng của

Krishnamurti: cầm hai gờ của chiếc ghế bằng cả hai tay và ngồi xuống. Krishnamurti và người phụ nữ đi theo dãy ghế thẳng đến đầu cuối của lều, kiểm soát lại những góc độ của tầm nhìn, trong khi tôi ngồi đó trong sự yên lặng bất động, nhìn ra ngoài qua những dãy ghế bằng gỗ.

“Bạn làm ơn di chuyển cái ghế qua bên trái một chút xíu?” Krishnamurti gọi vọng tới từ hàng ghế sau cùng.

Di chuyển cái ghế, tôi yên lặng nhìn khi họ hỏi ý kiến lẫn nhau. Khi tôi đang ngồi đó trên cái bục, tại nơi của diễn giả, tôi bỗng phát giác là quá mâu thuẫn khi bắt chước ông, hay bất kỳ người nào khác. Cùng lúc, tôi cũng nhận ra rằng tôi có ao ước giống như ông, hay giống như bất kỳ điều gì mà tôi tưởng tượng về ông. Tôi muốn theo một sống không xung đột, có một cái trí yên lặng của sự từ bi và thanh thản, và tuy nhiên lại đầy năng lượng và sinh động lạ thường.

Trong khi những suy nghĩ này đang nảy ra trong cái trí của tôi, Krishnamurti vẫy tay từ phía cuối lều, nói vọng qua những dãy ghế dài trống, “Cám ơn bạn, thưa bạn.”

“Không có gì đâu, thưa ông,” tôi trả lời và đi khỏi sân khấu để tiếp tục công việc chuẩn bị.

PHẦN II



**NHỮNG BỮA ĂN TRƯA CÙNG
KRISHNAMURTI**

Chương 5

TRONG THUNG LŨNG CỦA MẶT TRĂNG

Khai vị

Xà lách xanh trộn dầu ô liu và gia vị hoặc sốt sữa chua.
Rau tươi: cà chua lát mỏng, dưa chuột lát mỏng, cần tây thái hình khối và cà rốt nạo với chanh và mật.
Súp đậu lăng với tiêu, hành, cần tây, cà rốt, cà chua và ngò tây.

Món chính

Gạo lứt hấp với quả hạnh lạng mỏng.
Súp rau kiểu Pháp, chứa tỏi, hành, nấm, ớt ngọt, bí xanh, cà chua và quả cà, ăn cùng phó mát Gruyere nạo tươi.

Tráng miệng

Xà lách trái cây nhiệt đới, với dứa, đu đủ, chuối, quýt và đào, trang trí với những lát dưa tươi.

Sau khi tham gia những nói chuyện tại Brockwood Park và New Delhi vào tháng mười một, tôi đi Đông Nam Á trong một năm, cuối cùng đến Land of the Rising Sun suốt mùa hoa đào của năm 1975. Khi đang dạy học tại một trường tư ở Kyoto, tôi trải qua một thời kỳ mã nh liệt, thâm nhập bố cục và qui trình thuộc sống của tôi. Sự giới thiệu đến công việc của Krishnamurti đã thay đổi một cách cơ bản tầm nhìn của tôi về sống, và thỉnh thoảng sự tiếp xúc cá nhân cùng ông suốt bốn năm qua đã mở toang cánh cửa dẫn đến điều gì tôi nghĩ là một kích thước khác hẳn của ý thức. Nhưng nó chỉ là một thoáng của mảnh đất hứa, cái gì đó mà dường như cách xa sự nhận ra trong đang sống hàng ngày của tôi. Cấu trúc - cái trí của tìm kiếm cái thiêng liêng đang vận hành trọn vẹn, và đang sống trong những văn hóa có một truyền thống Phật giáo, như Nepal, Lào, Thái lan và Nhật, trao tặng cho tôi một thấu triệt bắt buộc vào sự kiện rằng bất kỳ công việc thuộc tôn giáo nào, khi được tổ chức và được hệ thống hóa, sẽ sản sinh một cách nổi bật những hình thức trống rỗng, những mê tín, những giáo điều, và những nghi lễ, xa rời bản thể đang sống của sự thật.

Thấy điều này, tôi thắc mắc liệu không thể cùng nhau làm việc cùng những con người có cái trí như thế trong một hoàn cảnh mà không có những thứ bậc, xung đột, ganh đua và áp lực, và không rơi vào những cái bẫy mà tất cả, hay hầu hết, những tổ chức đã rơi vào. Tôi ao ước làm công việc gì đó có ý nghĩa, vượt khỏi những chu vi chật hẹp của sự quan tâm đến cái tôi mà tôi đã quan sát quanh tôi và trong tôi, cái gì đó

mà có E chuyên chở tiềm năng của sự thay đổi ý thức con người.

Vừa lúc đó, tôi nhận được một lá thư từ một người bạn ở Ojai, cho tôi biết rằng một ngôi trường Krishnamurti mới sẽ bắt đầu ở đó vào tháng chín. Vẫn còn có vài công việc cần đến – một người làm vườn, một người nấu nướng và một người bảo trì – mà tôi có thể làm đơn xin nếu tôi thấy hứng thú. Điều này giống như một thông điệp từ thiên đàng, chính xác đáp lại những ao ước và những nghi vấn của tôi. Tôi đến điện thoại và gọi cho người bạn của tôi ở Ojai để khẳng định rằng tôi rất thích làm việc ở trường đó, trong bất kỳ công việc nào.

Tôi đã gặp Alan Hooker và vợ ông, Helen tại Rishi Valley năm 1972 và chúng tôi đã bắt đầu tình bạn qua thư từ. Họ là những người chủ của nhà hàng Ranch House nổi tiếng, quen thuộc với rất nhiều người nổi tiếng trên sân khấu và trên màn ảnh. Ông đề nghị rằng tôi ngừng lại ở Saanen cho những nói chuyện ở đó, trước khi tiếp tục đến California. Điều đó nghe có vẻ một kế hoạch hoàn hảo, và chúng tôi đồng ý gặp nhau ở Thụy sĩ vào tháng bảy.

*

Lắng nghe Krishnamurti ở Saanen năm đó là một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ đối với tôi – giống như lắng nghe ông lần đầu tiên. Dĩ nhiên, tôi đã nghe những từ ngữ đó trước kia, đã đọc chúng, đã suy nghĩ chúng. Nhưng điều gì ông đạt được để chuyển tải trong cái lều bên cạnh bờ sông có một chất lượng của trạng thái cách mạng mới mẻ. Viễn cảnh của làm việc cùng ông trên một đề án giáo dục mới ở Ojai tràn ngập tôi bằng một ý thức liên quan trong một sự nghiệp có tầm quan trọng sống còn cho nhân loại.

*

Khi tôi đến Ojai giữa tháng tám, tôi phát giác chính mình ở trong một hoàn cảnh hoàn toàn mới mẻ. Sự ngạc nhiên đầu tiên là vẻ đẹp của thung lũng tại cao độ của mùa hè, nóng và khô, kèm theo sự khắc nghiệt đặc trưng của miền sa mạc, mùi thơm ngát của cây sơn và cây ngải đắng, và một bầu trời đêm của những vì sao sáng rực. Đất đai nơi tôi sống và làm việc tại cuối phía đông của thung lũng; nó là một tòa nhà kiểu trang trại rộng lớn được cấu trúc trong phần đầu tiên của thế kỷ và được bao bọc bởi hàng tá mẫu rừng trồng cam và lê. Nó được gọi một cách thích hợp là Arya Vihara, viết tắt là A. V., những từ ngữ tiếng Phạn có nghĩa ‘nơi ở cao quý’, và Krishnamurti, người em trai của ông, và những người kết giao cùng ông, đã sống ở đây từ năm 1922. Ngoài trừ những vườn trái cây, có vô số cây cối: cây khuynh diệp, cây bách, cây thông, cây sung, cây ồng vàng và nhiều loại cây khác cũng như vô số loại bụi hoa khác nhau, như trúc đào, hoa hồng, và hoa nhài. Khu đất dễ thương này không chỉ là nơi cư ngụ của khối giáo viên, nhưng còn cả những phòng học, ít nhất cho đến thời điểm khi những building trường mới tại đầu kia của thung lũng, kế cận Oak Grove, sẽ sẵn sàng để sử dụng.

Sự ngạc nhiên lớn nhất đối với tôi là khi tôi hiểu ra rằng tôi sẽ là đầu bếp của trường. Trong một khoảnh khắc tôi hoàn toàn câm lặng, bởi vì tôi đã ngây thơ tưởng tượng rằng tôi sẽ có một chọn lựa trong vấn đề. Thật ra, tôi đã tưởng tượng mình như một người làm vườn và người coi đất đai, mặc dù kinh nghiệm làm vườn của tôi gần như là con số không. Nhưng tôi không phải mất bao nhiêu thời gian để điều chỉnh đến tình huống hoàn toàn khó khăn này ở phía bên

trong. Có sự tự do vô cùng trong khởi sự từ bàn tay trắng, từ zero tuyệt đối. Tôi nhận ra rằng tôi không biết gì cả và, vì vậy, được tự do khám phá và tìm ra cho chính tôi. Tôi không áp ủ bất kỳ sự giả vờ nào về khả năng và sự quan trọng của tôi và cảm thấy như một đứa trẻ, tự do rong chơi và thâm nhập. Trạng thái này của cái trí cũng khiến cho tôi khoét sâu vào những vấn đề bấp bực. Một tình huống mà giúp đỡ tôi nhiều trong kiếm được từ nghệ thuật nấu nướng là sự gần gũi của gia đình vợ chồng Hookers, những người đã tặng cho tôi quyển sách nấu chay mà Alan đã viết cho món khai vị.

Trong vài tháng kế tiếp tôi tìm hiểu từ đầu đến cuối về những loại rau thơm và gia vị, cân đo, băm nhỏ, quấy và thử. Nó đã trở thành một quyển kinh thánh về nấu nướng, đủ mọi loại, và lại hóa ra rất tiện lợi khi tác giả yêu cầu tôi trả lời những câu hỏi và dạy tôi kinh nghiệm thực hành những bí quyết của nấu nướng. Thật ra, cả Alan và Helen là những giáo viên tuyệt vời, không bao giờ tự khẳng định, không bao giờ áp đặt bất kỳ thứ gì hay tác động đến tôi, nhưng chỉ đưa ra sự trợ giúp: cách đúng đắn của người thầy – cho phép học sinh, thậm chí nếu anh ấy là một người ngu dốt, làm nó theo cách riêng của anh ấy, và chỉ giúp đỡ khi cần thiết.

Một yếu tố khác mà giúp đỡ tôi thoải mái trong vai trò mới mẻ của quán triết nghệ thuật nấu chay là hoàn cảnh rằng số lượng học sinh và giáo viên không khi nào vượt quá mười người, ít ra trong vài tháng đầu tiên của tôi tại A. V. Thậm chí như thế, tôi hoàn toàn không được miễn trừ khỏi căn bệnh tâm lý lạ lùng mà làm khổ sở quá nhiều người khi phải giải quyết sự cân bằng giữa nghề nghiệp và sống riêng tư, cụ thể là: sự căng thẳng, sự đòi hỏi của công việc, hay chỉ là áp lực của thời gian. Dĩ nhiên, trong trường hợp của tôi, đa phần nó bị gây ra bởi những cây kim đồng hồ của nhà bếp, mà điều khiến lạnh lùng giờ ăn trưa hay giờ ăn tối.

Khi hiệu trưởng chỉ rõ những trách nhiệm của tôi như đầu bếp chính của School cũng như của Foundation, ông giải thích rõ ràng rằng ăng chuẩn bị những bữa ăn cho Krishnamurti trong suốt những lần viếng thăm của ông đến Ojai là một phần của công việc đó. Đây là một ngạc nhiên vô cùng, mà gây chấn động, phấn khích và hài lòng cho tôi. Tôi ẫn còn cần mở rộng sự thành thạo nấu nước của tôi nhiều lắm và, vì vậy, cảm thấy không đủ khả năng cho một nhiệm vụ của mệnh lệnh đó. Ngoài ra, tôi nhận thấy nấu nướng cho Krishnamurti là một trách nhiệm lớn lao. Điều gì xảy ra nếu có gì đó sai trái?

Nhưng, tại một mức độ khác, tôi cảm thấy phấn khởi bởi khía cạnh không mong đợi này của vị trí của tôi. Chắc chắn nó là một đặc ân và vinh dự khi nấu nướng cho người nào đó mà người ta khâm phục và quý mến, và, ngo ài việc học hành những món ăn và cách nấu nướng mới, tôi cố gắng khám phá càng nhiều càng tốt những ưa thích và không ưa thích về thức ăn của Krishnamurti. Lại nữa, chính Alan đã có khả năng nhét đầy sự hiểu biết của tôi về những cần thiết cốt lõi của nấu nướng cho Krishnamurti. Ông ấy chỉ nấu ăn cho Krishnamurti trong vài ịp suốt hai mươi năm vừa qua, nhưng cũng đã có công lớn trong việc xây dựng nhà bếp tại Brockwood Park School.

Trong một chế độ ăn chay cơ bản, những giới hạn ăn uống của Krishnamurti không nhiều lắm: không thức ăn béo bở, mà có nghĩa sử dụng tối thiểu những chất béo và những chất dầu và những phó sản; hoàn toàn không dùng kem và bơ, cũng như bột tinh lọc và sản phẩm đường, và những thức ăn chế biến sẵn khác. Không có những loại gia vị cay nhiều, như ớt đỏ cayenne. Sử dụng những thực phẩm tươi nhất có sẵn, có nguồn gốc hữu cơ, nếu có thể được.

Vì Krishnamurti thường đến California vào cuối tháng hai, hầu như tôi có nửa năm để tôi luyện những kỹ năng nấu nướng của tôi và giới giang trong chuẩn bị thức ăn phù hợp sự ưa thích của ông.

*

Bỗng nhiên, vào cuối tháng mười năm 1975, cái gì đó giống như một trạng thái của khẩn cấp được thể hiện trong cái trí của tôi. Nó là nguyên nhân cho sự hoảng hốt lẫn sự hân hoan: Krishnamurti đã hủy bỏ chuyến đi thường lệ ba tháng đến Ấn độ và thay vì thế, ông sẽ đến California. Lý do cho sự thay đổi ấn tượng này là rằng, vào đầu năm, thủ tướng Indira Gandhi đã tuyên bố một tình trạng khẩn cấp, mà tuyên bố sự kiểm duyệt chính của tất cả những xuất bản, những phương tiện truyền thông đại chúng, và những nói chuyện trước công chúng. Những nói chuyện như của Krishnamurti rơi vào sự phân loại sau, và, bởi vì ông không sẵn lòng vận hành dưới những kiểm chế như thế, ông đã dứt khoát hủy bỏ chuyến viếng thăm Ấn độ. Có vài trở trêu trong việc này, bởi vì thủ tướng thường xuyên tìm kiếm lời khuyên thuộc tinh thần và thậm chí cả thực tế của ông. Nhưng ngay cả nếu ông được trao tặng sự ngoại lệ đặc biệt để không bị kiểm chế trong những luật lệ khẩn cấp, rõ ràng ông sẽ không chấp thuận những ân huệ như thế. Thế là, ông đến California.

Thoạt đầu ông ở Malibu nhưng cuối cùng, chúng tôi cho rằng, ông sẽ đến thăm ngôi trường mới ở Ojai.

Đó là một buổi sáng có nắng, âm áp bất thường vào tháng mười một và tin tức đã lan truyền nhanh rằng Krishnamurti sẽ viếng thăm chúng tôi tại A. V. và ở lại ăn trưa. Ngay lập tức tôi thấy công việc này như để thử nghiệm sự kiểm tra quan trọng đầu tiên của tôi, thể hiện điều gì tôi đã học hành được trong lãnh vực nấu nướng suốt ba tháng vừa

qua. Nó là một thách thức mà vừa gây kích thích lẫn làm tôi sợ hãi.

Thật tốt lành khi Alan và Helen ấu hiện hai tiếng đồng hồ trước giờ ăn trưa để giúp đỡ công việc chuẩn bị bữa ăn và sắp xếp bàn ăn. Bất kể cơ hội có triển vọng tốt đẹp, tôi không ở trong tâm trạng nào cho việc nấu nướng thử nghiệm hay nông công nh ưng đơn giản chỉ muốn cho nó an toàn. Thực đơn ăn trưa cho mười bốn người bắt đầu bằng món xà lách tươi tộn, với một chọn lựa của nước sốt sữa chua hay dầu ô liu trộn gia vị, được theo cùng bởi nhiều loại rau sống: cà chua xắt lát, dưa leo xắt lát, cần tây cắt khối và cà rốt nạo, món sau tộn lẫn chanh và mật. Tiếp theo là món súp đậu lăng có tiêu, hành, cần tây, cà chua và ngò tây, tất cả đều thái nhỏ. Những món chính được hấp: cơm gạo lứt, cùng quả hạnh lạng, và một món hầm như thơm phụng phức của súp rau kiểu Pháp, có tỏi và hành, nấm và ớt ngọt, bí xanh và cà chua, và cà tím, được cắt thành khoanh khá lớn và bắt đầu nấu tách rời với những loại rau thơm tương ứng, trước khi được trộn chung trong một cái nồi và ninh nhỏ lửa từ từ đến mức độ người ta hy vọng là hoàn hảo. Chút ít phô mát Gruyere nạo tươi tô điểm để bên cạnh.

Tôi đang chuẩn bị món tráng miệng, xà lách trái cây nhiệt đới, gồm có thơm, đu đủ, chuối, quýt, và đào, được tô điểm bởi những miếng dưa tươi khi người hiệu trưởng vội vã vào nhà bếp. Ông ấy bảo với tôi rằng Krishnamurti đang trên đường đến từ Pine Cottage, nhà của ông ở Ojai từ đầu những năm hai mươi, tách khỏi những building A. V. khoảng năm mươi yards của cánh rừng cam. Ông sẽ gặp gỡ những giáo viên trong phòng khách trong vài phút nữa.

Gặp Krishnamurti luôn luôn là một sự kiện mà tôi không bao giờ có thể hoàn toàn quen thuộc, và trông thấy ông lúc này trong khả năng mới mẻ của tôi như *người đầu*

bếp khiến cho nó gây phần khích đặc biệt. Sau khi tắt nồi đốt bằng gas trên mặt bếp lò, tôi cởi tạp dề và đi vào khu nghỉ của tôi, kế cận nhà bếp. Tôi yên lặng tắm rửa, nhìn kỹ trong gương để trông được chỉnh tề đôi chút, chải tóc và chấm nhẹ chút nước hoa cologne trước khi đi qua nhà bếp và phòng ăn để vào thư viện.

Những người trong ban quản trị, những giáo viên và những người tự nguyện, toàn bộ mười hai người, đang đứng quanh trong những nhóm nhỏ, trao đổi câu chuyện với nhau trong giọng điệu kính trọng. Nó trông hao hao giống như một cảnh trong một vở kịch, trong đó những diễn viên đang vui chơi với nhau một cách ép buộc, giữ gìn mỗi người có sự kiểm soát, có thể như vậy, trong khi người giữ vai chính thực sự, sự tập trung của chú ý, tách khỏi một mình, để hết tâm trí vào vở kịch độc thoại nội tâm riêng của anh ấy. Vậy là nó đây nè: Krishnamurti, mặc thanh lịch đơn giản, đang đứng một mình phía trước kệ sách dùng che một bức tường, đang tìm hiểu những gáy sách, thỉnh thoảng lấy ra một quyển và, sau khi đọc lướt nó, đặt nó lại trên kệ.

Mặc dù tôi biết mọi người trong phòng, tôi cảm thấy khá nhút nhát và hơi căng thẳng và, đang đứng một mình, quan sát Krishnamurti trong chốc lát, trước người hiệu trưởng, một người đàn ông cao ráo có hai mắt xanh lơ rất đáng chú ý, nhận thấy sự vô vọng đăm chiêu của tôi và ra hiệu cho tôi đến gần, để cho ông ấy có thể giới thiệu tôi với Krishnamurti.

“Xin đi, Krishnaji,” ông ấy nói với Krishnamurti, người vừa quay lại để đối diện chúng tôi, một quyển sách trong hai tay ông.

Đặt lại quyển sách, ông chú ý, “Vâng, thưa bạn.”

“Thưa ông, đây là Michael Krohnen, người đầu bếp mới của chúng tôi.”

“Bạn khỏe không, thưa bạn?” Krishnamurti hỏi tôi khi chúng tôi bắt tay nhau.

“Cám ơn ông, thưa ông. Tôi tuyệt vời khi có mặt ở đây và làm việc tại ngôi trường mới. Nhưng tôi vẫn còn có nhiều điều phải học hành lắm,” tôi nhận xét một cách trịnh trọng.

Không ai trong chúng tôi nói về những gặp gỡ trước của chúng tôi, và tôi cũng không chắc chắn rằng ông có ghi nhớ về chúng. Dường như không đặt thành vấn đề, bởi vì chúng tôi đang ở trong một hình dạng mới của những sự kiện, như thể gặp gỡ lần đầu tiên. Trong khi tôi vẫn còn đang mò mẫm tìm ra những từ ngữ để nói thêm, bị tràn ngập bởi một trời dấy của ngậy ngát, Krishnamurti quay lại để tìm hiểu những tựa đề của những quyển sách. Bỗng nhiên tôi nhận thấy trên nóc kệ, ngay phía trên ông, một điều khắc bằng thạch cao của đầu Phật trong kiểu Gandhara, kết hợp cùng những đặc điểm Indic và Hellenic, và không hiểu vì sao lại giống hệt khuôn mặt của Krishnamurti.

Khi tôi quay đi nhà bếp, tôi chợt nảy ra ý nghĩ rằng không những tôi là một khán giả và một chứng nhân như ng còn là một diễn viên trong một vở kịch đang tự nhiên mở ra, hình dáng và những nét chính của nó tôi vẫn chưa thể dò dẫm.

Sau khi tôi đã tô điểm hoàn chỉnh cho bữa trưa, chúng tôi mang những món ăn đến bàn phục vụ trên hành lang phía sau ngay phía bên ngoài nhà bếp. Vẫn còn có nắng và âm áp dễ chịu, và hai cái bàn gỗ đỏ với những ghế băng dài trên hai phía của nó được bày biện những miếng vải lót cốc đĩa, muỗng nĩa dao và những cái ly, với bánh mì và bơ, và những cái bình đựng nước, sữa và nước ép trái cây. Mọi người xếp hàng để tự phục vụ, và tôi nhận thấy rằng Krishnamurti là người đứng cuối cùng. Sau khi tôi đã thu xếp công việc ở nhà

bếp, tôi cầm một cái đĩa và bước đến đứng sau ông. Đúng là ông phải cảm thấy sự hiện diện của tôi bởi vì ông quay lại, nhìn tôi bằng hai mắt thân thiện.

“A, Michael,” ông nói. Bước qua một bên để nhường cho tôi qua, ông thúc gù tôi một cách lịch sự, “Làm ơn, thưa bạn, đi trước đi.”

“Không, làm ơn, thưa ông,” tôi xiết chặt tay cứng rắn, “sẽ không đúng phép nếu tôi đi trước ông: người chuẩn bị thức ăn nên là người cuối cùng. Tôi có ý, nó luôn luôn giống như thế – trong nhà, tại bữa tiệc, và vân vân.”

Có một lớp lãnh hải lòng thật mau trong hai mắt ông khi ông lắng nghe sự biện bác của tôi, quan sát tôi ăn kỹ hơn. “Được rồi, thưa bạn,” ông chấp nhận bằng một nụ cười, thốt ra những từ ngữ bằng một nhấn mạnh nghiêm nghị nhưng vui vẻ, “bạn sẽ là người cuối cùng trong hàng.”

Trong hai nơi còn lại nơi bàn, ông chọn một chỗ ngồi trong bóng râm. Tôi ngồi cách ông vài chỗ, nhưng hầu như không tự nguyện, những thoáng nhìn của tôi thường lang thang trong hướng riêng của ông. Đang nhai thức ăn, ông lặng lẽ theo dõi sự nói chuyện không quá sôi nổi diễn ra giữa chúng tôi. Dường như ông khá nhút nhát và, khi được hỏi một câu hỏi, ông trả lời vắn tắt nhưng lịch sự. Chỉ đến khi nói chuyện quay về chủ đề xe hơi, những giới hạn về tốc độ, và những luật lệ giao thông trong những quốc gia khác nhau, sự quan tâm của ông mới hoạt bát lên. “Tôi đang đi với tốc độ chín mươi dặm một giờ trên tuyến đường xe hơi ở Thụy sĩ vào đầu mùa hè này,” ông kể lại đầy hào hứng, và, nhận thấy sự ngạc nhiên đột ngột trong số vài người khách, thêm vào, “Không phạm luật ở đó. Và nó rất an toàn, tôi đang lái chiếc xe Mercedes.”

Một vài người trong chúng tôi cười, khi chúng tôi hình dung ông đang lái xe thật nhanh.

“Tôi phải kể cho các bạn một câu chuyện vui,” ông bắt đầu, nhưng sau đó hơi hơi tinh nghịch, “Không có ai là người Thiên chúa giáo ở đây phải không?”

“Tất cả chúng tôi đều là những người Thiên chúa giáo, Krishnaji,” một phụ nữ đùa giỡn đáp lại, “hay hầu hết chúng tôi đều như vậy – cho đến khi chúng tôi nghe ông nói.” Nhiều tiếng cười hơn.

“Được rồi, vậy thì bạn sẽ không bực bội khi tôi kể cho các bạn câu chuyện vui này về thiên đàng,” ông tiếp tục. “Một người đàn ông bị chết, Mr. Smith, một người buôn bán xe cũ, và đi tới thiên đàng. St. Peter tiếp nhận ông ấy tại cổng Pearly Gates và, rà soát lại danh sách hàng ngày của vị thánh, nói với ông ấy, “Được rồi, Mr. Smith, ông đã theo một sống khá đứng đắn, không phạm quá nhiều tội lỗi, ông có thể vào thiên đàng. Ông có lát kỳ ước muốn nào, chúng tôi sẽ thực hiện.” Ngay lập tức người đàn ông, “A, tôi luôn luôn ao ước một chiếc xe Ferrari mui trần mới toanh.” St. Peter trả lời, “Không vấn đề gì cả. Chúng tôi có mọi kiểu, màu sắc, năm sản xuất mà bạn có thể mơ ước. Chỉ cần theo tôi.” Và thánh đưa ông đến một bãi xe thật lớn trên những đám mây, chứa hàng dãy xe đẹp nhất. “Lấy bất kỳ kiểu xe nào bạn ưa thích.” St. Peter nói với người đàn ông. Thế là ông ấy lấy một chiếc xe ưa thích, mới toanh và láng bóng. Và St. Peter nói với ông, “Nhưng tôi phải nói với bạn rằng chúng tôi có sự giới hạn tốc độ ở đây – nó là luật lệ của cõi trời: bạn không thể chạy trên ba mươi lăm dặm một giờ. Mọi người phải tuân theo luật lệ này; và nếu bạn vi phạm, bạn sẽ bị thu hồi xe. Tôi hy vọng bạn hiểu rõ điều này.” Và Mr. Smith đồng ý điều đó. Và thế là ông lái xe chạy loanh quanh rất hạnh phúc, luôn luôn giữ trong giới hạn cho phép. Rồi thì có một ngày, một chiếc xe vù qua ông tại tốc độ một trăm dặm một giờ. Ông rất bực bội về việc này nên lái xe tới St. Peter. “Một chiếc xe hơi

vừa qua mặt tôi với tốc độ một trăm dặm một giờ,” ông phàn nàn, “và tôi luôn luôn giữ...” St. Peter ngắt lời ông, “Nó là loại xe nào?” thánh hỏi. “Ồ, tôi nghĩ nó là một chiếc xe mui trần màu đỏ, một chiếc Porsche,” Ông Smith trả lời. “Bạn thấy người lái xe? Ông ấy có bộ râu quai nón và mái tóc dài phải không?” St. Peter dò hỏi. Người đàn ông ngạc nhiên và nói, “Điều đó đúng. Làm thế nào ông biết?” “Ồ,” St. Peter nói cùng một thờ dài và một nhún vai thô bạo, “chúng ta không thể làm gì cả – đó là con trai của ông chủ.””

Tất cả chúng tôi đều bật ra những tiếng cười, không những về chính chuyện vui, nhưng còn cả về cách vui nhộn mà Krishnamurti kể nó, với những cử chỉ sinh động và những diễn tả hài hước trên khuôn mặt. Rõ ràng rằng ông vui vẻ lắm khi kể lại nó.

*

Trong khi những lớp học cho ba học sinh đầu tiên của Oak Grove School, như nó đã được đặt tên từ trước, sẽ được giảng dạy tại A. V., building trường học đầu tiên, Pavilion, đang được xây dựng cách khoảng ba mươi dặm về hướng tây, tại đầu cuối của thung lũng. Krishnamurti và Mrs. Mary Zimbalist, người chủ nhà và thư ký của ông, đến sau khi lái xe từ Malibu, hầu như vào mọi kỳ nghỉ cuối tuần. Họ sẽ dùng bữa trưa cùng nhóm giáo viên cư ngụ tại A. V., và tôi sẽ mang bữa tối của họ đến Pine Cottage, nơi họ nghỉ đêm ở đó. Vào những ngày có nắng, chúng tôi sẽ phục vụ bữa trưa ngoài trời trên hành lang lộ thiên phía sau.

Những lần gặp ăn trưa này cùng Krishnamurti có một tác động ma thuật nào đó cho tôi. Có một không khí của tinh lọc và một dễ dàng của sự thâm nhập lạ thường. Hơn nữa, nó là một cơ hội quan trọng để quan sát và phản ứng qua lại với

ông. Nhưng thật đầu tôi cảm thấy quá ngược ngáp nên không cố gắng lôi kéo ông vào bất kỳ loại nói chuyện nào khác hơn nói chuyện ngắn ngủi bình thường, đặc biệt trong sự hiện diện của những người khác. Tuy nhiên, thỉnh thoảng chúng tôi sẽ có một gặp gỡ tình cờ và trao đổi mọi loại vấn đề khác. Một thứ bảy, khi tôi đang mang chén đĩa từ nhà bếp đến bàn phục vụ phía bên ngoài, bỗng nhiên tôi thấy ông đang đứng phía trước cái máy gọi là ‘máy tự do’ mà chúng tôi đã lắp đặt tại hàng hiên sát tường vài ngày trước. Ông đang cẩn thận tìm hiểu cái máy kỳ cục, mà tỏa ra một rục rờ hơi xanh, theo cùng bởi tiếng ồn rền rền.

“Đây là gì vậy, thưa bạn?” ông hỏi tôi.

“Ồ, Krishnaji,” tôi nói một cách kính trọng, “nó là một cái máy lạng điện được thiết kế để thu hút những con bọ, ruồi và những côn trùng có cánh khác và để – loại bỏ chúng.”

Không phản ứng nào, giống như khiếp sợ hay kinh tởm, mà tôi đã chờ đợi ông có lẽ có khi thấy cái dụng cụ hủy diệt đó, sắp xảy ra. Ông chỉ thể hiện một loại quan tâm về khoa học điềm tĩnh, không có bất kỳ đánh giá thuộc luân lý hay cảm xúc.

“Nó thu hút chúng bằng cách nào?” ông tìm hiểu.

“Tôi nghĩ ánh sáng xanh dịu kích thích chúng, đặc biệt vào ban đêm,” tôi đoán.

“Và nó giết chúng như thế nào?” ông tiếp tục không khách sáo, sử dụng từ ngữ tôi đã cố gắng tránh. Tôi đang bắt đầu cảm thấy căng thẳng và hơi bấn loạn, bởi vì chính tôi đã gợi ý lắp đặt dụng cụ đó để loại bỏ những con bọ sống bằng cách ăn trái cây lị sâu của cánh rừng cam và là một loại gây khó chịu suốt những bữa ăn trưa ngoài trời của chúng tôi.

“Ông thấy sợi dây kim loại này đang giăng trước những bóng đèn? Nó có nạp điện. Khi một côn trùng bay về hướng

ánh đèn, nó chạm cái lưới bởi hai cánh và bị điện giật,” tôi giải thích.

Vừa lúc đó, như thể minh họa cho sự giải thích của tôi, một con ruồi bay về hướng ánh sáng cảm ấ đó , và, khi hai cánh vung vẩy của nó đập vào một sợi dây thép, có một tiếng nổ nhỏ của những tia lửa được theo cùng bởi một tiếng rít ngắn và sắc cạnh. Tôi nhìn ông một cách ngờ vực khi ông quan sát hành động hủy diệt của cái máy. Một trạng thái tĩnh lặng thoáng qua ông, và hai mắt của ông có sự tỉnh táo của quan sát. Ông mau lẹ bước lùi lại bởi âm thanh xèo xèo nhưng tiếp tục quan sát mãnh liệt qui trình, cho đến khi hoạt động đột ngột tắt dần. Quay về phía tôi, ông nói một cách thực tế, “Nó quá hủy diệt, đúng chứ?”

Tôi kinh ngạc khi ông chăm chú theo dõi mà không đánh giá gẽ cả về cái máy hủy diệt còn trùng mau lẹ và sự kiện rằng chúng tôi sử dụng nó ở đây, bởi vì trong những nói chuyện và những đối thoại ông chỉ trích mạnh mẽ bất kỳ hành động giết chết động vật nào bởi con người, gọi việc giết chóc một con người bởi một người khác là điều tội lỗi nhất trong mọi tội lỗi. Tự nhiên tôi kết luận rằng điều này, giống như một giáo điều, chắc chắn bao hàm mọi việc. Nhưng giáo điều trong bất kỳ hình thức hay khuôn mẫu nào chắc chắn không liên quan gì đến nó. Sự thông minh của ông nhận biết được toàn ngữ cảnh, không bị trở ngại bởi những lý tưởng hay những niềm tin và được hướng dẫn chỉ bởi những sự kiện thực tế; vì vậy có thể vận hành trong bất kỳ lãnh vực nào – thậm chí những lãnh vực nhỏ nhoi nhất, và có vẻ tầm thường.

Tôi gật đầu để đáp lại nhận xét của ông và chỉ vào một miếng đồng dính vào cái máy. “Ông thấy, thưa ông, họ gọi nó là gì?”

Ông nhìn sát và đọc, “‘Cái máy tự do’. Trời ơi?”

Tôi bật cười lớn tiếng bởi câu diễn tả và sự mỉa mai ngược đời nghịch lý của cái tên. Krishnamurti tham gia chút ít với tiếng cười của tôi, trước khi nghiêm túc lại.

“Nhưng nó nghe gớm quá,” ông nhận xét.

Tôi nhún vai xin lỗi. “Có lẽ chúng ta nên tắt nó khi chúng ta ăn trưa,” tôi gợi ý.

“Đó là ý kiến hay, thưa bạn,” ông nói và quay vào nhà bếp qua cái cửa có lưới chắn côn trùng.

Chương 6

TỤ HỌP CÙNG KRISHNAMURTI

Khai vị

Xà lách trộn dầu ô liu và gia vị hoặc nước sốt kem mịn.
Củ jimaca lát, chuẩn bị với chanh và ngò tây băm.
Guacamole làm bằng quả bơ avocado đặc.

Món chính

Bắp nguyên trái hầm.
Đậu răng nầu trong nước sốt của cà chua và ớt.
Ớt nhồi: ớt xanh nhồi bơ Monterey Jack và nầu trong một hỗn
hợp loãng của trứng, sữa và bột.

Tráng miệng

Dâu to sequoia, phục vụ cùng một nước sốt của kem chua và gừng ngọt.

Tin tức tôi nhận được trong giữa tháng hai gây ra ả kinh sợ lẫn phấn khích. Trong khoảng dưới một tháng, tháng ba, năm 1961, một hội nghị sáu ngày với Krishnamurti và hơn hai mươi người khoa học và giáo sư từ khắp Bắc Mỹ sẽ diễn ra tại A. V. Nó được tổ chức bởi Dr. David Bohm, một người kết giao gần gũi của Krishnamurti, với chủ đề, “Trong một xã hội đang phân hóa, hành động đúng đắn cho sự sinh tồn trong tự do là gì?”

Nó sẽ ảnh hưởng tôi trong nhiều cách hơn là chỉ công việc bếp núc, bởi vì tôi sẽ phụ trách tất cả những phục vụ ăn uống cho gặp gỡ này. Tất cả, sẽ có khoảng bốn mươi lăm và năm mươi khách ăn trưa, bao gồm những người dự hội nghị, vợ chồng của họ và những giáo viên. Gần tròn sáu tháng kiếm được một *phương thức hoạt động* cơ bản với sự nấu nướng các món chay, tôi, người mới mẽ, sẽ soạn thảo và chuẩn bị những thực đơn ăn trưa và ăn tối cho sự kiện dài một tuần lễ. Dường như nó là một nhiệm vụ nản chí, nhưng rất may mắn Alan và Helen đến, cả hai đã giúp đỡ và đưa ra những ý kiến chuyên môn thông thạo của họ. Ngoài ra, nhiều người tự nguyện có năng lực bỗng nhiên xuất hiện, sẵn lòng giúp đỡ một tay.

Trong khi những bữa ăn được phục vụ tại A. V., hội nghị diễn ra tại ngôi nhà gần bên của Theo và Erna Lilliefelt, ủy viên quản trị của Foundation và những người bạn lâu đời của Krishnamurti. Sau mỗi buổi họp sáng, những tiến sĩ và giáo sư và những người vợ của họ sẽ đến tại A. V. vào đầu

buổi chiều, vẫn còn bị phấn khởi bởi những tranh luận vừa xảy ra, và sẽ tiếp tục bàn luận về những chủ đề suốt bữa ăn trưa. Ở giữa những người học thức, bị mê đắm bởi những lý lẽ của họ, Krishnamurti có vẻ rất đăm chiêu, khá dè dặt. Rất lôi cuốn khi quan sát sự trao đổi của ông với thế giới học thức, mà, ở một phía, gọi sự tò mò cho ông và mà, ở phía kia, ông rất cứng rắn để không bị khuất phục. Ông, người đã rớt nhiều lần trong kỳ thi nhập học những trường đại học nổi tiếng của nước Anh và không có một bằng cấp hay tước hiệu thêm vào cái tên của ông, một cách cơ bản, đang thách thức những giáo sư và những người khoa học tập hợp.

Vào ngày đầu tiên của những gặp gỡ, ông làm nổ tung một quả bom tâm lý tại ngay trung tâm của họ bằng cách tuyên bố rằng “tất cả suy nghĩ đều dẫn đến sự đau khổ.” Trạng thái tuyệt đối của câu phát biểu đơn giản đó không những nghi ngờ những nền tảng của sự hiểu biết mà dựa vào nó sinh kế và những nghề nghiệp của hầu hết những người có mặt đều phụ thuộc, nó cũng ngấm ngấm phủ nhận tuyệt đối những cấu trúc giá trị tập thể và cá nhân của họ. Vì vậy, không gây ngạc nhiên gì lắm khi sự phản ứng theo sau đã không kết thúc đến khi hội thảo chấm dứt.

Sự hiện diện của những người tham gia phô trương đã gia tăng ý nghĩa của vở kịch, mà lan tỏa khắp hội nghị. Thật mau lẹ, một giáo sư từ một trường đại học Canada bộc lộ sự cư xử lập dị. Vì tuyệt vọng khi ông ấy phát giác rằng ông ấy sẽ không có một cơ hội để trình bày sự tranh luận lê thê của ông về cái tôi, ông ấy trở nên thô lỗ và lớn tiếng. Sau sự la ó lảng mạp nào đó, ông hấp tấp rời khỏi hội thảo vào ngày thứ ba. Một học giả từ Southern California đội một cái mũ cowboy rộng vành có một sợi lông chim trên nó, ngay cả khi ông ngồi xuống để ăn. Ông nói về nó như ‘cái mũ quyền lực’ của ông ấy, một ý tưởng được tiếp thu từ những tác phẩm của

Carlos Castaneda, người mà tại thời gian đó đã bắt đầu nổi tiếng. Giáo sư cố gắng rút ra những tương đồng giữa những giảng dạy của nhân vật trung tâm của những tác phẩm, Don Juan, và những lời giảng của Krishnamurti. Một phụ nữ quyến rũ khoảng chừng ba mươi tuổi đến hội nghị không tiết lộ tung tích nhưng lộ diện ngày hôm sau. Hóa ra bà là người vợ nổi tiếng của một người lãnh đạo quốc gia có địa vị danh tiếng nhiều.

Giữa tất cả những xảy ra sôi nổi, Krishnamurti vẫn bình thản, yên lặng quan sát việc gì đang xảy ra chung quanh ông. Suốt một nói chuyện vào bữa ăn trưa bàn về sự xung đột giữa hai siêu thể lực, Mỹ và Liên xô, ngay lập tức ông tham gia câu chuyện, hỏi, “Tôi xin phép kể một chuyện vui? Vào tối khuya, một người say rượu loạng choạng đi qua Red Square phía trước Kremlin, hát vang lớn tiếng, ‘Brezhnev là một người ngu! Brezhnev là một người ngu!’ Ngay lập tức, nhiều mật vụ KGB vây chặt ông ấy và giam giữ trong tù. Sáng hôm sau ông ấy xuất hiện trước quan tòa, mà tuyên bố kết tội ông ấy, ‘Hai mươi năm và hai ngày lao động khổ sai ở Siberia.’ Người đàn ông la gào không tin tưởng, ‘Hai mươi năm và hai ngày! Nhưng tại sao? Tôi chỉ say rượu nơi công cộng.’ Và quan tòa trả lời, ‘Hai ngày vì uống rượu nơi công cộng. Hai mươi năm vì phản bội một bí mật của chính thể.’”

Có một tràng cười tại bàn ăn, và ngay lập tức một vài giáo sư kể lại những chuyện vui của riêng họ. Krishnamurti lắng nghe rất chú ý những câu chuyện của họ, cười buông thả hết mình về một vài câu chuyện, cho đến khi có một khoảng im lặng ngắn. Tiếp theo ông kể một chuyện vui khác từ kho lưu trữ của ông. “Các bạn có lẽ nhớ được thời điểm khi những người Liên xô đưa những phi hành gia đầu tiên vào không gian. Khi họ quay lại mặt đất, họ được khoản đãi long trọng tại một bữa tiệc đặc biệt ở Kremlin. Tất cả những người

lãnh đạo đảng đều hiện diện, kể cả chủ tịch Brezhnev. Khi ông ấy đang gắn những huy chương trên lồng ngực của họ, ông ấy nói nhỏ với họ, ‘Vui lòng đến gặp tôi tại nơi tôi ở sau khi tan tiệc.’ Họ tuân lệnh và đến gặp ông ấy. Và ông ấy hỏi họ, ‘Khi các bạn lên trên đó trong không gian vũ trụ cách xa quả đất, liệu bạn có lẽ gặp một người rất già có bộ râu quai nón bạc dài và một hào quang quanh đầu ông ấy?’ Những phi hành gia trả lời, ‘Ồ, có, thưa đồng chí Chủ tịch, chúng tôi có thấy thực sự một người như thế ở trên đó.’ Brezhnev gật đầu, ‘Đó là điều gì tôi đã nghĩ. Nhưng chú ý, các đồng chí. Không được tỏ lộ bất kỳ lời gì về việc này cho bất kỳ ai! Nó là một bí mật của chính thể. Nếu các đồng chí kể cho bất kỳ người nào về việc này, Siberia và nhà tù Gulag sẽ đón tiếp các bạn. Các bạn hiểu chứ?’ Những phi hành gia kính cẩn chào, ‘Vâng, thưa đồng chí Chủ tịch.’ Tiếp theo họ thực hiện một chuyến đi khắp những quốc gia Cộng sản Đông Châu Âu và cũng viếng thăm Ý, nơi có một đảng Cộng sản lớn. Đức giáo hoàng nghe về chuyến viếng thăm này và thết đãi họ tại một bữa tiệc thịnh soạn ở Vatican. Sau đó, họ được dẫn đến gặp ngài để nhận được một ban ơn đặc biệt, và ngài khe khẽ yêu cầu, ‘Làm ơn đến gặp tôi trong khu ở riêng của tôi.’ Những phi hành gia kinh ngạc quan sát khu ở riêng của Giáo hoàng, vượt hẳn nơi ở độc đáo và rục rờ của Chủ tịch. Và Đức giáo hoàng hỏi họ, ‘Khi các bạn ở trên đó nơi vũ trụ bao la, liệu có lẽ các bạn nhìn thấy một ông già tóc bạc dài và một hào quang quanh ông ấy?’ Những phi hành gia ngạc nhiên nhìn nhau, sau đó ắc đầu, ‘Không, thưa đồng chí Giáo hoàng, chúng tôi không gặp ai giống như thế ở trên đó.’ Giáo hoàng dăm chiêu vuốt cằm, ‘Ồ, đó là điều gì ta đã nghĩ. Nhưng làm ơn đừng bảo cho bất kỳ linh hồn nào biết điều này.’”

Khi câu chuyện đến đó, toàn bàn ăn bật ra những tiếng cười cợt mỉa.

Cuối hội thảo sáu ngày, đã có những câu hỏi về sự thành công của nó. Krishnamurti, bằng sự nghi ngờ nghiêm khắc, không tin rằng nó đã đạt được điều gì nó sắp đặt để thực hiện: tìm hiểu vai trò của sự suy nghĩ và hiểu biết trong một cách hoàn toàn mới mẻ. Tuy nhiên, từ một góc độ nhà bếp chật hẹp, hội thảo là một thành công. Thậm chí không một vị khách thường ăn thịt phàn nàn về món chay mà chúng tôi phục vụ. Thật ra, đã có nhiều khen ngợi, và thỉnh thoảng hỏi tôi về cách chế biến. Tôi cảm thấy nó là một thử thách nấu nướng đầu tiên.

*

Đầu tháng hai có hai tuần nói chuyện trước công chúng tại Oak Grove. Chúng thu hút nhiều ngàn người khắp quốc gia, ngay cả từ nước ngoài, mà tụ họp trên cỏ và ngồi trên những cái ghế dưới một cái vòm của những cây sồi cổ. Nó là một vùng tách biệt của thiên nhiên nguyên sơ mà đã không bao giờ được xây dựng và được sử dụng cho những mục đích thương mại. Trên phía bắc của Oak Grove, một cái bục đã được dựng lên giữa những cái cây, Krishnamurti ngồi trên một cái ghế gỗ đơn giản ở nơi đó, sẽ nói chuyện với những người tụ họp. Họ là những người thân thiện, tánh tình dễ chịu và tự nhiên tro ng phong cách của những người vùng Southern California, và thỉnh thoảng lập dị: một tầng lớp pha tạp của nhân loại, với những chủng tộc, những dân tộc, giai cấp và tuổi tác khác biệt.

Trong một xã hội nơi sự giải trí không những có một vai trò quan trọng nhưng còn chiếm giữ một vị trí cao trong xã hội, Krishnamurti thường xuyên nhấn mạnh và khẳng định rằng sự tụ họp này không là một giải trí, cũng không là một bài giảng, cũng không là bất kỳ loại tuyên truyền hay giảng

đạo nào. Đối với ông, nó là đang cùng nhau thâm nhập vào nhiều vấn đề của sự hiện diện, nó là đang cùng nhau liên tục chất vấn, nghi ngờ, và tìm hiểu phương cách chúng ta sống những sống của chúng ta. Từ ngữ cốt lõi là ‘cùng nhau’. Nếu không có chuyển động cùng nhau này giữa ông, người nói và chúng tôi, người lắng nghe, tại cùng khoảnh khắc, tia lửa sáng tạo sẽ không có. Những hòn núi xanh trong cảnh nền, sự nô đùa của ánh sáng và bóng râm qua những cây sồi già nua sinh động, và đang lắng nghe mãnh liệt của khán giả đến từng từ ngữ được khuếch đại qua những cái loa, tất cả được kết hợp để sáng tạo trong cái trí của tôi ấn tượng của một sự kiện ngất ngây.

*

Sau những nói chuyện ở Oak Grove, Krishnamurti đi máy bay tới New York và từ đó đến Châu Âu và Ấn Độ. Tuy nhiên, lần này, những trách nhiệm tiếp tục của tôi tại Oak Grove School khiến cho tôi không tham gia bất kỳ những tụ họp nào, và mãi đến tháng hai năm sau chúng tôi mới gặp nhau lại tại Ojai.

Một hội nghị vào tháng ba năm 1977, lên chương trình kéo dài suốt ba tuần lễ, sẽ tập hợp cùng nhau những ủy viên của năm Krishnamurti Foundation quốc tế. Những học viện có đặc quyền thuộc quốc gia đã sắp xếp những nói chuyện trước công chúng của ông trong những quốc gia liên quan, thu xếp những sách báo xuất bản và những tài liệu phiên dịch, trông nom sự quản trị của những trường khác nhau mang tên ủa ông, và thu gom những cống hiến ủng hộ những hoạt động này. Khoảng hai mươi ủy viên từ Mỹ, Canada, Anh, Ấn và Châu Mỹ Latinh đã đến Ojai và nhiều người trong số họ đang ở tại A. V. trong thời gian có hội

ngợi. Tôi có trách nhiệm phải nấu nướng cho họ suốt thời gian đó.

Tôi rất đam mê khi thấy sự trao đổi hàng ngày giữa Krishnamurti và những người kết giao lẫn những bạn bè gần gũi trong nhiều năm. Một khía cạnh, ông hoàn toàn dân chủ và bình đẳng trong cách ông đối xử với những người chung quanh. Từ người tự nguyện, người làm vườn, và người nấu nướng đơn giản đến những người kinh doanh thành công và những người quý tộc nổi tiếng, tất cả họ dường như đều giống hệt đối với ông; ông cư xử với mọi người bằng sự tôn trọng và ân cần bình đẳng. Không chỉ rằng ông xưng hô với mọi người bằng những từ ngữ ‘thưa ông’ hay ‘thưa bà’, người ta cũng có thể thấy sự quan tâm thân ái và quan sát sâu thẳm của ông đối với mọi con người. Những thú vật, những bông hoa, những cái cây và những sự vật trong sống hàng ngày không bị loại trừ khỏi sự chăm sóc và ân cần dịu dàng đó. Tôi chưa bao giờ gặp một người có cách cư xử đẹp đẽ như thế, thật ra là hào hiệp, mà trong mọi khía cạnh, không đang gây ảnh hưởng và máy móc.

Mặt khác, tôi không thể kèm hãm được ấn tượng của đang ở tại một cung điện triều đình của một đẳng tối cao, cùng tất cả mọi loại của những phân biệt thứ bậc tinh tế và không-quá-tinh-tế. Sự tập trung tự nguyện của chú ý là Krishnamurti, mà mọi người bày tỏ sự tôn kính một cách tự nhiên. Ông là mục đích duy nhất của sự yêu quý, mà mọi người thực sự thương yêu, và dường như sự gần gũi hay cách xa ông là do bởi một thứ bậc tinh tế. Nhưng chính là chúng tôi mới tạo ra những phân biệt thuộc tâm lý này, cùng những so sánh ngấm ngấm lẫn những rào chắn gây phân chia.

Thậm chí như thế, những bữa ăn trưa là những thời gian dễ chịu, và có Krishnamurti trong chúng tôi, chúng tôi cảm thấy như ở trong một gia đình đồng người, và đối với tất

cả mọi người, sự so sánh, đồ kỵ và ghen tuông hầu như không còn hiện diện, nhưng nơi mà những nói năng, ý muốn tốt lành đều lan tỏa. Mặc dù tôi không tham gia những bàn luận tại nhà của Lilliefelt, tôi có thể thâm lượm đầy đủ thông tin từ những nói chuyện tại bữa ăn trưa tiếp theo, và từ tâm trạng và thái độ chung của những người khách, đạt được một ấn tượng của những gặp gỡ và khuynh hướng chung của họ.

Rõ ràng, ông đang dặt họ vào nhiệm vụ; những vẻ mặt nghiêm túc của họ khi đến dự bữa ăn trưa chứng thực điều đó. Họ không có vẻ u ám hay buồn bã, nhưng trái lại khá trầm tư và hướng vào bên trong – như thể người nào đó đã chỉ cho họ một viên ngọc quý, mà sự chiếu sáng của viên ngọc đó phát ra từ những quả tim riêng của họ. Thông thường, trong suốt những gặp gỡ của ông cùng nhân viên hay công chúng, ông dặt chúng tôi đến nhiệm vụ, mà không có bất kỳ cầu nhàu hay la mắng, nhưng trái lại đang chiếu rọi chúng tôi là gì tại ngay khoảnh khắc đó, đang phác họa, nếu có thể nói như thế, cả những đường viền lẫn bản thể thuộc những sống của chúng tôi. Nhưng ở đây, trong những bạn bè và những người đồng hợp tác, rõ ràng ông ra ngoài điều đó, hỏi han đủ mọi thứ, kể cả sự đóng góp của họ vào công việc của ông, cũng như đề cập đến sự kiện tương lai về cái chết của ông và nó sẽ gây ảnh hưởng ra sao đối với họ và công việc của những Foundation. Sự quan tâm của ông không phải về sự sống còn thuộc tài chánh của chúng, cũng không phải về sự duy trì những tác phẩm được ghi lại của ông, nhưng trái lại về chất lượng đang sống của nó: liệu ngọn lửa có thể được cháy mãi bất kể cái chết của ông. Liệu những người đã làm việc cùng ông suốt nhiều năm có thể chuyển tải ý nghĩa và cảm thấy của nó là như thế nào khi sống cùng ông với một người không bao giờ gặp được ông, ông hỏi những ủy viên của ông. “Bạn sẽ nói gì khi một người từ Seattle đến đây để

tìm hiểu về K, mà không biết gì cả về những việc này? Bạn sẽ chuyển tải nó cho anh ấy như thế nào?” ông hỏi đầy khẩn thiết. Tiếp theo, con người tưởng tượng từ Seattle trở thành một người hơi hơi huyền thoại.

Và, như thể đo lường sức mạnh của sự cam kết của họ, ông khéo léo đưa ra trường hợp của một môn đồ tiếp tục sống sau Phật, và hỏi liệu họ sẽ đi đến tận cùng của quả đất để gặp một con người như thế với mục đích qua ông ấy hiểu rõ được sống cùng Phật ra sao.

*

Trong khi tất cả việc này đang xảy ra, tôi ở trong nhà bếp, đang chuẩn bị bữa ăn trưa cho khoảng ba mươi lăm người. Bữa ăn hôm đó có một chủ đề Mexico, gồm có xà lách xanh với củ jicama cắt lát mỏng, guacamole làm bằng quả bơ avocado đặc từ vườn cây của chúng tôi, và bắp hầm nguyên trái. Ngoài ra, còn có món đậu rang nấu trong nước xốt ớt và, như một món ăn chính, ớt nhồi, ớt xanh nhồi bơ, thay vì xào kỹ, được nấu trong một hỗn hợp loãng gồm trứng, sữa và bột. Món tráng miệng gồm dâu to sequoia từ cánh đồng Oxnard gần bên, được phục vụ cùng một món xốt sữa chua và gừng ngọt.

Những ủy viên và khách mời ăn trưa khác đã đến và đang ở trong phòng khách, trao đổi đầy sôi nổi với nhau trong khi chờ Krishnamurti đến. Mười lăm phút sau, ông vào nhà bếp từ hàng hiên với một câu nói, “Chào buổi sáng, Michael,” mặc dù đã một giờ trưa. Tôi ngừng công việc đang làm và hướng sự chú ý đến ông. “Chào buổi sáng, Krishnaji,” tôi trả lời.

Ông mặc quần jeans xanh và một áo len đan lằng lằng màu xanh phủ trên một cái áo sơ mi vải bông hình bàn cờ

màu xám. Ông trông vui vẻ và vô tư và khi tôi nhìn ông đầy yêu mến, có một cảm thấy đột ngột của hoàn toàn trong khoảnh khắc hiện tại, một ý thức của trạng thái mới mẻ rung động mà tôi thường trải nghiệm trong sự hiện diện của ông.

“Có gì cho bữa ăn trưa a đây, thưa bạn?” ông hỏi, đang bước thẳng đến bếp lò để nhìn vào những cái nồi. Tôi đưa ra một tóm tắt của thực đơn. Khi tôi đề cập đến món ớt nhồi, ông hỏi, “Chúng cay lắm không?”

“Chúng có lẽ hơi tê tê,” tôi trả lời, “nhưng tôi đã lấy hết hạt và màng nhày để khiến cho chúng bớt cay.”

“Vậy thì tôi phải cẩn thận và chỉ ăn một chút xíu thôi,” ông nhận xét. Trong khi tôi bận rộn lấy một cái đĩa nấu bằng gốm ra khỏi bếp lò, bỗng nhiên ông bật ra tràng cười vui vẻ. Ông trả lời cho cái nhìn tò mò của tôi bằng cách chỉ vào miếng dán cao su mà tôi găm vào tủ lạnh.

“Tôi không tham lam, tôi chỉ muốn cái tổng thể,” ông đọc lớn tiếng, cười đầy hài lòng, “Câu đó hay quá: bạn kiếm nó ở đâu vậy?”

“Alan tặng nó cho tôi,” tôi giải thích. “Tôi nghĩ nó có vẻ thích hợp.”

Lau sạch nước mắt từ hai mắt của ông, ông vui vẻ hỏi, “Mọi thứ sẵn sàng chưa, thưa bạn? Tôi sẽ tuyên bố với họ là bữa ăn sắp sửa được phục vụ chứ?”

“Vâng, làm ơn, Krishnaji. Mọi việc còn lại là chỉ mang thức ăn đã nấu xong đến bàn ăn.”

“Tôi xin phép mang giúp món đó nghe?” ông đề nghị.

Tôi ngần ngại chốc lát và sau đó chỉ vào cái đĩa được chất cao ngất những trái bắp hầm nguyên trái. “Nếu ông không phiền, thưa ông, ông có thể mang giúp cái đĩa này.” Tôi đưa cho ông hai miếng vải lót và đẩy cánh cửa tự động có chấn lưới cho ông khi ông cẩn thận cân bằng cái đĩa, đặt

nó trên bàn ăn nơi hành lang, trước khi tiến vào phòng khách để thông báo cho những người khách rằng bữa ăn trưa đã sẵn sàng.

Tôi tình cờ đang ngồi với ông tại cùng bàn ăn, cùng tám người khác, hầu hết trong số họ là những ủy viên từ Ấn và Mỹ. Tại khoảng thời gian nào đó, nói chuyện hướng về truyền thống của Ấn độ rằng sự thật được chuyển tải từ người thầy sang môn đồ, nhấn mạnh vào giá trị của ở trong sự hiện diện của một người đã được khai sáng hay một người thầy tinh thần, mà những người Ấn giáo gọi là *darshan*. Có thể mọi người tại bàn ăn đều nhận biết rằng Krishnamurti nghi ngờ rất nhiều về ý tưởng này. Trong khi lắng nghe bàn luận, tôi chợt lóe ra rằng hầu hết chúng tôi ở đây, trong cách này hay cách khác, lại khác hẳn trong trạng thái của lắng nghe người thầy, mặc dù trong những hoàn cảnh thoải mái và không nghiêm túc lắm.

Krishnamurti đang theo sát nói chuyện, thỉnh thoảng đóng góp vài câu của riêng ông, rồi bỗng nhiên một nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt ông và ông loan báo, “Tôi phải kể cho các bạn một câu chuyện.” Mọi người tại bàn ăn im lặng và hướng về ông. “Một người trẻ tuổi muốn tìm được sự thật nên đến gặp một đạo sư nổi tiếng. ‘Thưa thầy, xin thầy dạy cho con về thiên định và sự thật?’ cậu ta hỏi. Vị đạo sư đồng ý, và người môn đồ ngay tức khắc ngồi tư thế kiết già, nhắm hai mắt lại và hít thở đúng nhịp điệu để thể hiện việc gì cậu ta biết. Người thầy không nói gì cả nhưng nhặt lên hai hòn đá từ dưới đất và bắt đầu chà xát chúng vào nhau. Nghe tiếng ồn ồ ồ, người đệ tử mở mắt ra và hỏi, ‘Thưa thầy, thầy đang làm gì vậy?’ Vị đạo sư trả lời, ‘Ta đang chà xát hai hòn đá này vào nhau để mài láng chúng thành một cái gương để cho ta có thể soi mặt mình.’ Người môn đồ cười, ‘Nhưng, thưa thầy, xin phép thầy cho con được nêu ý kiến: thầy sẽ không bao

giờ có thể tạo ra cái gương từ hai hòn đá này bằng cách chà xát chúng vào nhau. Thầy có thể làm nó cả đời nhưng sẽ không thành công.’ ‘Giống như vậy thôi, người bạn của tôi,’ người thầy nói, ‘Con có thể ngồi như thế suốt đời, nhưng con sẽ không bao giờ thiên định hay hiểu rõ sự thật.’”

Những tiếng cười tán thưởng bật ra quanh bàn ăn, khi ông kết thúc câu chuyện cùng những ứng dụng phong phú của nó.

*

Sau hội nghị của những ủy viên quốc tế tại A. V., ông thực hiện những bàn luận và những nói chuyện trước công chúng ở Oak Grove, trước khi đến New York City cho một hội thảo cuối tuần với những chuyên gia tâm lý học và tâm thần học. Nhưng thay vì tiếp tục đi Châu Âu, như ông thường thực hiện, ông quay lại California để trải qua một giải phẫu tuyến tiền liệt tại một bệnh viện ở Los Angeles. Sau khi nghỉ hồi sức hai tuần lễ ở Malibu, ông viếng thăm Ojai một vài lần. Sau bữa ăn trưa hậu giải phẫu đầu tiên ở A. V., ông yêu cầu tôi pha chế món nước ép quả quất cho ông và phục vụ nó suốt những bữa ăn, và tôi lập tức thực hiện. Ngay trước bữa ăn trưa ngày hôm sau, tôi bất ngờ gặp ông trên bồn cỏ sau hành lang và, tò mò về sự ưa thích nước ép quất của ông, tôi hỏi ông về điều đó. Ông giải thích do bởi lời khuyên của những bác sĩ nên ông đang dùng nước ép đặc biệt này, bởi vì nó rửa sạch thận và hệ thống tiêu tiện. Sau đó, ngạc nhiên thay, ông tiếp tục đưa ra cho tôi một diễn tả vắn tắt nhưng đủ chi tiết của bệnh tật đã làm khổ sở ông và loại giải phẫu ông đã trải qua. Ông hoàn toàn ngây thơ về nó, một chân thật mà chuyển động sâu thẳm nơi thân tâm của tôi.

Vào cuối buổi chiều, tôi mang cái khay có bữa ăn tối của ông đến Pine Cottage. Khi tôi rung chuông, ông ra mở cửa và ngay lập tức tôi cảm thấy một chất lượng của sự thân thiện không kèm hãm, của đang ở trong sự hiện diện của một con người đã vượt khỏi những rào chắn thuộc tâm lý. Sau khi tôi đặt cái mâm trên bàn ăn, ông nói với tôi, “Michael, bạn có thể nấu món xúp đó giùm tôi?”

“Dĩ nhiên, Krishnaji, ông đang nghĩ về món xúp gì vậy?” tôi đồng ý.

“Thình thoảng bạn đã nấu món xúp với đậu trong nó, nhiều loại đậu khác nhau,” ông giải thích. “Bạn gọi nó là gì?”

Sau khi rà soát danh mục bên trong của những thành phần và công thức chế biến của tôi trong vài giây, tôi rút ra được một cái tên khả thi, “Ông có ý món xúp chín loại đậu?”

“Vâng, chính xác là nó. Bạn đã nấu nó ngày nào đó. Mrs. Zimbalist sẽ đi vắng vài ngày, và tôi sẽ ở Malibu một mình. Vì vậy có lẽ bạn có thể nấu nó thật nhiều và bỏ nó trong một cái chậu thủy tinh một gallon, để cho chúng tôi có thể dễ dàng vận chuyển và làm đông nó.”

“Ông không phiền khi phải ăn cùng món thức ăn trong nhiều ngày liên tiếp – và được làm đông lại như thế?”

“Nó là một món xúp ngon và bổ dưỡng, đúng chứ? Chính xác là một bữa ăn trong chính nó. Và mọi việc tôi phải làm là hâm nóng nó. Tôi không biết nhiều về nấu nướng nhưng tôi có thể làm việc đó.”

“Ông không bao giờ nấu nướng hay sao, Krishnaji?”

“Lúc đầu khi em tôi và tôi đến đây, chúng tôi thường chuẩn bị những bữa ăn của chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi phải học cách làm bánh mì nướng, chiên trứng, nấu com, và vân vân,” ông kể lại, sự hồi tưởng những ngày trẻ trung cách đây nửa thế kỷ khiến cho một nụ cười lan trên khuôn mặt ông.

“Và nó hóa ra như thế nào?”

“Chúng tôi thường làm cháy mọi thứ, chúng ăn đờ lăm,” ông tiếp tục và bắt đầu cười. “Có một lần tôi sống một thời gian trong núi, trong dãy núi High Sierras có những cây sequoia cổ thụ. Tôi sống một mình trong một cái cabin và phải chuẩn bị thức ăn riêng của tôi. Tôi quăng mọi thứ vào một cái nồi và khuấy đều nó cho đến khi nó thành một chất đặc sệt.” Lúc này ông đang cười thật cởi mở, hai mắt lóng lánh, và sự thích thú của ông lây lan đến độ tôi chỉ còn cách chia sẻ sự vui vẻ cùng ông. Ông đang bắt chước những cử chỉ của quăng mọi thứ vào trong một cái nồi và quậy mạnh lên. Tiếng cười của chúng tôi sáng tạo một khoảng khắc hoan giữa chúng tôi khi những từ ngữ của ông khơi dậy hình ảnh của Krishnamurti non nớt, trẻ trung trong một cái chòi trên núi đang khuấy món hầm của ông.

“Và liệu món đó ăn được?” tôi tò mò.

Ông tiếp tục cười, nước mắt lăn xuống hai má của ông. “Tôi không có sự chọn lựa. Không có món nào khác để ăn.”

Một tràng cười vui vẻ nữa lan tràn qua hai chúng tôi. Khi bình thân lại, chúng tôi nhìn nhau đầy trù mến và không chút gì bối rối cả.

“Ông muốn bao nhiêu bình xúp đậu, thưa ông?”

Lau sạch hai mắt ướt của ông bằng khăn mùi soa, ông đồng ý, “Được rồi, thưa bạn. Tôi nghĩ hai bình là đủ rồi.”

Khi ông quay đi Ojai kỳ nghỉ cuối tuần sau, ông nói riêng với tôi sau bữa ăn trưa, “Cám ơn bạn rất nhiều về món xúp đó, thưa bạn. Nó ngon lắm. Chúng tôi vẫn còn nửa bình xúp. Tôi không nghĩ rằng nó lại ngon như thế.” Và ông nhấp nháy hai mắt diễn tả bằng sự ngạc nhiên, vội vàng bảo đảm với tôi. “Và chúng tôi sẽ không quăng nó đi đâu, thưa bạn. Nó sẽ bảo quản được lâu khi đông lại chứ?”

“Nếu ông bảo quản nó đông đặc, chắc chắn vẫn còn ăn được khoảng một tháng hay hơn,” tôi nói liêu.

Cuối tháng sáu, ông rời đây để đi Châu Âu, tiếp theo chuyến đi hàng năm cho những nói chuyện và bàn luận ở Thụy Sĩ, Anh và Ấn Độ, trong khi tôi vẫn ở Ojai chăm sóc những nhu cầu nấu nướng cho nhân viên.

Chương 7

CHỜ ĐỢI KRISHNAMURTI

Khai vị

Xà lách xanh trộn với nhiều loại rau vườn tươi, chọn lựa ăn với nước sốt dầu ô liu và gia vị hoặc mè tahini.

Mâm cỏ linh lăng và củ cải.

Cà chua đỏ và bơ avocado cắt lát chấm với chanh.

Món chính

Khoai mỡ.

Xúp chín loại đậu, chế bởi chín loại đậu khác nhau và quả đậu, với hành, ớt to, rau cần và cà rốt, ngò tây và rau thơm. Lá rau spinach chiên khuấy nhanh với một chút dầu ô liu và tỏi.

Tráng miệng

Táo vụn được chế biến bằng táo nạo, nho khô và quả hạnh, được tăng độ ngọt bởi mật và quế, một chút nước cốt chanh

tươi; được nấu trên lò và được phủ trên mặt bởi một lớp yến mạch, bột mì, đường và bơ, phục vụ cùng kem đánh một bên.

Trái cây tươi theo mùa

Đó là năm 1978 và suốt vài tháng vừa qua một loạt những cơn bão đã quét vào California từ biển Thái bình dương, thổi qua vùng ven biển với sức mạnh khủng khiếp. Vào sâu hơn trong đất liền, những khe núi sâu, những con sông khô cạn, đã được biến thành những dòng nước lũ cuồng nộ, lật gốc cây cối và cuốn trôi xe cộ, nhà cửa và con người.

Nhưng buổi chiều đặc biệt này vào cuối tháng ba lại êm ả, cùng bầu không khí trong sáng lạ lùng, được rửa sạch những chất bẩn và phơi bày vẻ đẹp của thung lũng trong những màu sắc rực rỡ. Một nhóm nhỏ những nhân viên và những ủy viên tập hợp tại dưới cây tiêu cổ thụ phía trước Pine Cottage, đang chờ đợi Krishnamurti đến. Cái cây đó có một cái thân đồ sộ với những chổ u lên thật to, và những cành quăn xuống của nó vươn rộng vào không gian, tạo ra một cái vòm của những chiếc lá giống như cái màn ren đang lọc ánh nắng của mặt trời. Có hàng trăm con ong đang bay vù vù giữa những bông hoa trắng bé tí, đung đưa trong những sợi dây dài từ những cành cây. Toàn cảnh là một hình ảnh đồng quê thanh bình.

Có mười người chúng tôi đang đứng chờ dưới cây tiêu, đằng trước garage dành cho hai xe, từ đó có một con đường lát bằng phiến đá dẫn đến Pine Cottage. Ngôi nhà nơi Krishnamurti đã sống từ năm 1922, được đặt tên bởi những cây thông lúc trước vây quanh nó, đã được xây dựng lại hoàn toàn suốt năm vừa qua. Ngôi nhà là một kiến trúc thanh nhã được xây bằng gạch không nung, quét vôi trắng, với nhiều cửa sổ lớn, và bởi vì Mary Z. đã bỏ ngôi nhà của bà ở

Malibu, Krishnamurti đã biến Pine Cottage thành ngôi nhà của ông lại. Bởi một sự trùng hợp kỳ lạ, ông cũng vừa được trao quyền thường trú ở Mỹ, vì vậy trở thành một ‘người ngoại kiều thường trú’ và người có một ‘thẻ xanh’.

Một vài người chúng tôi đang đứng trên bức tường đá thấp được xây quanh cây tiêu cổ thụ để bảo vệ, trong khi những người khác đi đứng luẩn quẩn trên vòng tròn tráng nhựa giữa cái cây và garage. Buổi chiều ấm áp có vẻ thong dong quá, và một nói chuyện thoải mái, dễ chịu đang trôi chảy giữa chúng tôi.

Tôi đang bước đi nhàn nhã tới lui dọc theo đường lái xe, hơi xa khỏi những người khác. Tôi cảm thấy một pha trộn lạ lùng của sự phấn khích vui vẻ và sự bình thản vô cùng bên trong tôi, không chỉ bởi vì gặp lại Krishnamurti, nhưng còn bởi vì viễn ảnh hội họp và hoàn toàn mới mẻ của có ông sống cùng chúng tôi nguyên ba tháng trong năm. Việc đó hứa hẹn là một thay đổi quan trọng cho tôi và có thể cho tất cả chúng tôi ở School và Foundation. Đặc biệt nó hàm ý gặp gỡ ông hàng ngày suốt ba tháng mùa xuân, bởi vì tôi sẽ chuẩn bị những bữa ăn trưa hàng ngày cho ông và những người khách của ông tại A. V. Suốt thời gian đó, tạm thời tôi sẽ ngừng những bổn phận khác ở trường của tôi.

Những tia nắng mặt trời đang nghiêng tại một góc thấp qua cây cối khi tôi nghe một chiếc xe hơi đang tiến đến gần. Chốc lát sau, chiếc sedan Mercedes xuất hiện trên đường lái xe dài qua vườn cây ăn quả. Mọi người ngừng nói chuyện khi thấy chiếc xe hơi. Những người đang ngồi đứng dậy, và dường như theo bản năng chúng tôi tự sắp xếp thành một hàng thẳng trật tự, giống như một hàng rào danh dự. Sau khi chiếc sedan từ từ ngừng lại trước garage, cửa sau mở ra – và ông đó lìa, trông khá yếu ớt và mảnh khảnh, trong một bộ com lê và cà vạt thanh lịch. Tôi cảm thấy một thúc đẩy mãnh

liệt để mở cửa và giúp đỡ ông ra khỏi xe hơi, nhưng tôi biết rằng ông rất kiên định trong sự từ chối giúp đỡ bất kỳ vấn đề gì liên quan đến con người của ông.

Chậm chậm ông đặt chân xuống đất, đẩy thân thể của ông ra khỏi chỗ ngồi khi đang bám vào cái cửa để giữ cho vững vàng. Ông nhìn chăm chú vào nhóm người nghênh đón đang đứng rất chú ý. Có một không gian vô hạn của sự tĩnh lặng, một khoảnh khắc của nhận biết hiệp thông giữa chúng tôi. Sau đó một tiếng cười đột ngột phá tan sự yên lặng. Krishnamurti cảm thấy buồn cười bởi sự vô lý của tình huống, đang cười vang lớn tiếng, “Tại sao tất cả các bạn đang đứng đó trang trọng như thế?”

Như thể được đánh thức bởi sự mơ mộng của một khoảnh khắc, chúng tôi tham gia cùng tiếng cười của ông khi ông mau lẹ tới bắt tay từng người một, trao đổi vài từ ngữ chào mừng thân thiện và thậm chí còn rất lịch sự hôn tay một phụ nữ. Cuối cùng, ông bước về phía tôi, người cuối cùng trong hàng nghênh đón. Ông ân hận nhìn tôi từ đầu đến chân, như thể đánh giá tình trạng sức khỏe cả thể xác lẫn tinh thần của tôi. Bắt tay tôi, ông hỏi, “Bạn thế nào, Michael?”

Tại câu hỏi đơn giản đó, một cơn sóng triu mến trời dậy trong tôi, bóp nghẹt dây thanh quản của tôi. Tôi nhận biết một chân thật và ân cần lan qua từ ông như thể người ta chỉ bắt gặp được nơi những người bạn thân nhất. Điều mà ông đã xung hô với tôi bằng cái tên Michael làm gia tăng cảm giác của thân thiện này.

“Cám ơn ông, Krishnaji,” tôi trả lời, “chúng tôi rất bận rộn ở đây, chuẩn bị đón tiếp ông. Thật tuyệt vời khi gặp lại ông và có ông ở đây cùng chúng tôi lúc này.”

“Đúng rồi, thưa bạn,” ông nói, bắt tay tôi lần nữa. Khi ông quay đi khỏi chúng tôi, ông nhìn ngắm đầy trân trọng những loại hoa khác nhau dùng trang trí lối đi, nhận xét, “Và

lúc này tất cả nghênh đón này đã được chăm sóc...”, đang hàm ý rằng nghi lễ chính thức nào đó đã chấm dứt và tất cả chúng tôi có thể tiếp tục những hoạt động bình thường của chúng tôi.

Nhưng, thật ra, điều đối nghịch lại đúng: sự tham gia của ông vào hoàn cảnh đang thay đổi phong cách thuộc những sống hàng ngày của chúng tôi rồi và, giống như một chất xúc tác của thay đổi, đang gây ảnh hưởng lãnh vực của sự trải nghiệm của chúng tôi.

Lúc này khi ông đi trên con đường lát đá dẫn về ngôi nhà, ông thu nhận quang cảnh chung quanh ông bằng hai mắt phấn khích của một đứa trẻ.

“Đây là một vùng quê đẹp quá!” ông la lên bằng sự hân hoan, đang rần náo để ngưỡng mộ những bụi hồng cao phía trước hành lang có mái phủ. Những bông hồng màu đỏ, vàng và hồng đang nở rộ, và ông dịu dàng cầm một bông hoa, ôm trọn màu đỏ thắm trong hai bàn tay của ông, hít vào hương thơm của nó.

Trong khi một trong những giáo viên và tôi mang những chiếc va li nặng từ xe hơi đến phòng của Krishnamurti hay vào phòng ngoài của ngôi nhà, ông rần náo chờ đợi trong cái sân nhỏ phía trước cửa ra vào sơn màu đỏ cam. Có nhiều thảm hoa, với những bông hoa violet, hoa pansy và hoa forget-me-not. Ông nhìn ngắm chúng bằng niềm hân hoan dịu dàng, chân thật, như thể tại khoảnh khắc đó ông đang hiệp thông cùng chúng.

Bước xuống những bậc thêm rộng bằng đá từ ngôi nhà, tôi thấy ông đang đứng trước những bông hoa violet, lặng lẽ đắm chìm trong vẻ đẹp của chúng. Tôi ngừng bên cạnh ông và nhận xét sau một khoảnh khắc trầm ngâm, “Chúng đẹp quá, phải không?”

Ông quay một phía hướng về tôi, trao tặng cho tôi một cái nhìn phong phú, khen ngợi, như thể ông thấy tôi lần đầu tiên. Sau đó ông vỗ nhẹ nhàng và triu mến trên cái bụng hơi nhô ra của tôi bằng một bàn tay, phát biểu một thực tế, “Bạn đã mập hơn, đúng chứ?”

Thường thường tôi rất nghiêm túc về trọng lượng cơ thể của tôi và, trong một tích tắc, cảm thấy rất bối rối bởi sự quan sát thẳng thắn của ông. Tôi vẫn còn ngỡ ngàng không tìm được những từ ngữ khi ông nhắc nhở tôi trong một giọng chăm sóc và không khiển trách, “Bạn phải quan tâm nhiều đến trọng lượng của bạn, Michael.”

Tôi lập bập xin lỗi, “Ồ, điều đó đúng – tôi vừa tăng cân.”

Việc này gợi lên một tràng cười thân thiện, tự tin từ ông. Ông triu mân vỗ trên vai đầy đặn của tôi. “Vừa tăng cân!” ông cười.

Mary X., vừa đi xuống con đường và chắc chắn đã loáng thoáng nghe được sự trao đổi của chúng tôi, cũng bắt đầu cười. Khuất phục sự bối rối của tôi, cuối cùng tôi không thể kềm hãm nổi và tham gia vào sự vui vẻ. Một thanh thoát lạ thường tự chuyển tải khi chúng tôi chia sẻ một tràng cười giải thoát, sung sướng.

*

Có Krishnamurti cùng chúng tôi một thời gian đã thay đổi rất nhiều nhịp điệu và chất lượng của những sống của chúng tôi tại A. V., nơi những bữa ăn trưa hàng ngày được chuẩn bị và phục vụ. Số người tham gia thay đổi từ ngày này sang ngày khác, trung bình mười hai người suốt tuần lễ và lên đến hai mươi hay nhiều hơn tại những kỳ nghỉ cuối tuần. Tại những thời điểm nào đó, tôi cũng chuẩn bị những bữa ăn tối, đặc

biệt khi Dr. Bohm và người vợ Sarah viếng thăm. Tuy nhiên, Krishnamurti và Mary Z. thường ăn tối tại Pine Cottage.

Từ khi bắt đầu công việc của tôi như đầu bếp tại A. V., tôi được thuyết phục rằng tôi là một chứng nhân trong lý tưởng giải thoát và sự nảy mầm của một văn hóa toàn cầu mới mẻ. Tại cơ bản, con người đến A. V. để ăn trưa cùng nhau. Nhưng, còn nhiều hơn cả một bữa ăn, chính là ý tưởng và sự hiện diện của Krishnamurti mới kéo lại quá nhiều những cái trí, cả bình thường lẫn nổi tiếng, đến bàn ăn trưa. Vẻ đẹp của bố cục, thức ăn, và một nói chuyện hay giữa những con người có cái trí giống nhau, tất cả kết hợp để sáng tạo một bầu không khí đặc biệt.

Luôn luôn, **những** nói chuyện bao phủ toàn lãnh vực của sự quy định của con người, một cách tự do nhưng không phù phiếm hay hời hợt. Mọi người đều trình bày tự nhiên điều gì họ muốn, diễn tả những quan điểm của họ, đưa ra những câu hỏi của họ. Không có bất kỳ lịch trình hay mong đợi, cũng không có bất kỳ cảm đoán ngoại trừ những thô tục quá lộ. Một cách dễ dàng và không chủ ý, Krishnamurti trở thành sự tập trung của chú ý. Sự ảnh hưởng không tìm kiếm của sự hiện diện của ông giống như một hiện tượng tự nhiên: như gió đang thổi một hướng bẻ quặt những cọng cỏ cao của mùa hè trong hướng đối nghịch, sự ảnh hưởng của cá nhân ông vào chúng tôi cũng giống như vậy.

Chương 8

ĂN TRƯA CÙNG KRISHNAMURTI

Món khai vị

Xà lách trộn giòn ăn với nước xốt dầu ô liu và gia vị hoặc bơ
loãng Roquefort.

Xà lách cà chua, với quả ô liu thái nhỏ, tỏi băm, bày biện thêm nụ
bạch hoa giâm.

Xà lách Taloubi chế biến bởi lúa mì Bulgur, ngò tây tươi thái nhỏ
và lá bạc hà, hành xanh và cà chua, gia vị dầu ô liu và nước ép
chanh.

Món chính

Xúp minestrone ăn cùng bánh mì nướng và phó mát Parmesan
nào.

Mì Capelli di Angeli ăn cùng một món xúp pesto gồm lá rau húng
quế tươi, dầu ô liu, quả hạch, phó mát Parmesan, tỏi, muối và tiêu.

Măng tây tươi, hầm mau và nhúng vào rau thơm, dầu ô liu, và
nước chanh.

Món tráng miệng

Kem cây chocolate và bánh quy bột yến mạch.

Trái cây tươi theo mùa.

Một mình tôi ở trong nhà bếp. Đã hơn tám giờ sáng thứ bảy có nắng, và tôi đang sẵn sàng bắt đầu những chuẩn bị cho bữa ăn trưa. Tôi đã đi chợ chiều hôm trước ở Santa Barbara và Ojai – tại nhiều cửa hàng mà tôi biết có sản phẩm tươi và sạch. Tôi dự tính lên kế hoạch một bữa ăn quanh những gì sẵn có của rau tươi theo mùa và trái cây, hữu cơ nếu có thể được. Sáng nay tôi sẽ chuẩn bị ba món xà lách. Một trong chúng là món Ả rập được gọi là tabouli, món thứ hai là xà lách cà chua với quả ô liu thái nhỏ, ít tỏi băm và rau húng quế tươi, tô điểm bởi nụ bạch hoa giài; món thứ ba được chế biến từ rau tươi – tôi thường cố ý nấu một phần tương đương của thức ăn vừa chín và vừa sống – là một món xà lách tươi, với nước sốt chung quanh.

Kế tiếp trên danh sách là món xúp minestrone, dùng với bánh mì nướng và phó mát Parmesan nạo. Tôi đều đặn nấu món xúp, bởi vì Krishnamurti ưa thích chúng. Thêm vào, tôi sẽ làm món mì tươi, capelli di angeli, trên cái máy chế biến mì mà mới đây người nào đó đã tặng cho nhà bếp, và phục vụ nó kèm theo nước sốt pesto gồm lá rau húng quế tươi, quả hạch, phó mát Parmesan, một ít tỏi, muối và tiêu. Món này sẽ được thêm vào bởi một ít măng tây ngon vừa đến mùa, hầm mau và được nhúng vào lác rắc rau thơm, dầu ô liu và nước cốt chanh. Tôi đã không phục vụ nó kèm theo nước sốt hollandaise, chỉ bởi vì nó quá béo và chứa nhiều cholesterol. Cho món tráng miệng, sẽ có món kem cây mà, dĩ nhiên, không thể được nghĩ là có kalori ít hay thấp.

Tôi thích yên lặng làm việc một mình trong nhà bếp. Nó có nhiều ánh sáng và không gian, và những dụng cụ nhà bếp rất thuận tiện khi cần sử dụng. Sau khi làm việc trong yên lặng khoảng một hay hai tiếng đồng hồ, tôi vặn radio chương trình nhạc cổ điển. (Thỉnh thoảng, tôi chuyển qua

phần tin tức để theo dõi những phát triển mới nhất trong tình hình của toàn thế giới.) Tôi hình dung hoạt động nấu nướng của tôi như một dạng nhảy múa, một chuỗi bố trí điệu múa ba lê của những chuyển động, tập trung quanh cái bàn bồng ván cất đặt giữa nhà bếp. Từ đó nó tỏa ra chậu rửa chén đĩa, bếp lò, tủ lạnh, và những cái kệ chứa đồ, mang lại cùng nhau những thành phần và những đồ dùng, hòa hợp chúng cùng những điệu nhạc. Tuy nhiên, khi ắt, băm hay thái rau, một tâm trạng trầm tư sẽ nảy sinh, và nó có vẻ như thể mọi thứ đang chuyển động theo sự hòa hợp riêng của nó, và mọi việc tôi phải làm là nhìn ngắm những sự việc khai mở và những hương thơm pha trộn.

Khoảng mười một giờ hay mười một giờ rưỡi, Alan và Helen đến A. V. Họ thường giúp đỡ bằng cách bày biện bàn ăn, chuẩn bị một món ăn, và nhiều việc khác nữa. Đồng thời, nhân dịp đó tôi sẽ học thêm tài nấu nướng của Alan. Ông là một trong những người đổi mới vĩ đại cho cách nấu nướng của Nam California, sẵn lòng trả lời bất kỳ những câu hỏi nào của tôi và đưa ra những lời khuyên thực tế xuất sắc, mà không bao giờ ra vẻ một thái độ kẻ cả.

Mặc dù hôm đó là một ngày thứ bảy, chỉ có mười bốn người đã thông báo với tôi rằng họ sẽ đến ăn trưa. Alan và Helen đã đi đến phòng khách để tham gia cùng những người khách khác, trong khi tôi quét rác nền nhà, lau chùi đồ dùng nhà bếp, rửa ráy và dọn dẹp những cái quây, cố gắng hết sức sắp xếp cho không gian ủa nhà bếp ra vẻ trống trải và thoáng đãng. Tôi cảm thấy một ý thức dễ chịu của sự thanh thản và một bột phát của năng lượng. Tại mức độ cảm xúc và tinh thần nào đó, tôi đang mong ngóng và tự chuẩn bị chính mình cho điều gì tôi nghĩ đến như là ‘lối vào sự kết nạp’, Krishnamurti đến ăn trưa. Thời gian đó là cao điểm trong ngày và thường thường xảy ra khoảng 1:30 chiều.

Suốt vài năm qua, khi tôi vẫn còn sống trong căn phòng nhỏ kê cạnh nhà bếp, tôi thường sử dụng khoảng thời gian trống giữa sự dọn dẹp và phục vụ bữa ăn để rút lui vào góc nhà nhem ối của cái tủ đứng thật to đi vào được của căn phòng. Ngồi kiết già trên một cái gối khoảng vài phút, hít thở sâu và cố ý, tôi thường hướng về làm trống không cái trí khỏi những áp lực và những lo âu bị tích lũy suốt vài tiếng đồng hồ vừa qua. Theo cách đó, sau khi phía bên trong tôi đã chuẩn bị chính mình cho sự gặp gỡ sắp tới với Krishnamurti và những người khách khác, tôi đi vào phòng tắm kế bên để tắm rửa thay quần áo. Sau khi di chuyển đến căn nhà nhỏ bên ngoài nhà bếp chỉ cách vài bước chân, họa hoàn lắm tôi mới tìm được thời gian để đắm chìm trong sự tĩnh lặng trước bữa ăn trưa, bởi vì rất khó khăn để theo dõi khi ông đến từ đó và canh chừng để mắt vào bất kỳ thứ gì đang sôi sùng sục trên bếp lò. Lúc này, tôi vội vã chải tóc và bệt vào chút ít dầu cologne. Đứng trước gương, tôi cẩn thận nhìn ngắm hình dáng của tôi và thay áo sơ mi của tôi.

Sau khi chúng tôi gặp gỡ nhiều lần một ngày, tôi tải nghiệm mỗi lần như điều gì đó đặc biệt. Không hiểu vì sao, nó là một thách thức khi tiếp xúc với ông, tăng lên mức độ của năng lượng và sự bén nhọn của nhận biết của tôi. Hoàn toàn trong khảnh khắc, giống như ông, luôn luôn có một mối mẻ quanh ông mà cũng gây ngạc nhiên như sự bắt đầu của một ngày mới. Và dường như không gì có thể khiến cho người ta chuẩn bị sẵn sàng cho sự thật của sự kiện đó.

Đi vào lại căn phòng, tôi rà soát những điều khiển nhiệt độ trong bếp lò. Có vẻ mọi thứ đều ở trong trật tự. Tôi đi đến cái máy radio, tắt và xếp gọn ghẽ nó dưới quầy bếp. Giờ ăn trưa chính thức là một giờ, nhưng hiếm khi Krishnamurti và Mary Z. xuất hiện trước 1:30. Và mặc dù hầu hết khách đều

có khuynh hướng đúng giờ, dường như không ai phiền hà khi phải chờ đợi họ.

Khi tôi đang lấy món xà lách ra khỏi tủ lạnh, tôi nghe Krishnamurti và Mary Z. phía trước cửa ra vào có chấn lưới. Ngược nhìn đồng hồ trên tủ lạnh, tôi thấy đã 1:15. Họ hơi sớm hơn thường lệ. Bước thẳng đến cửa ra vào, tôi thấy ông đang thẳng lưng một đồng quân áo được gấp lại ngăn nắp trong một bàn tay và, với bàn tay khác, đầu tranh để mở cách cửa có chấn lưới. Mary Z. đứng phía sau ông với hai chai nhựa đựng nước trong hai tay bà. Bà đang nài nỉ ông, “Làm ơn, thưa ông, để tôi mở cửa giúp cho.”

Dường như ông chẳng để ý gì đến lời cầu khẩn của bà nhưng chỉ đang quan sát những chuyển động riêng của ông bằng sự chú ý mãnh liệt. Do lò xo tự động cực mạnh của cái cửa ra vào, nó phải cần một sức kéo mạnh để mở ra. Khi ông cố gắng làm nó, ông quả quyết, “Không, đừng Mary. Tôi có thể mở nó. Hai tay của bạn đang cầm đồ rồi.”

“Chào buổi sáng, Krishnaji. Chào buổi sáng, Mary,” tôi nói, cẩn thận mở cửa từ bên trong.

Krishnamurti nhìn tôi thật nhanh và trả lời, “Chào buổi sáng, Michael,” rồi nhẹ nhàng di chuyển qua tôi.

“Chào buổi chiều,” Mary Z. nói, sửa chữa sự đánh giá thời gian của chúng tôi. Vì một lý do không rõ ràng lắm đối với tôi, tôi thường chào hỏi ông bằng câu “Chào buổi sáng”, mặc dù rõ ràng là đã qua buổi trưa rồi, và ông cũng có ý định theo cách đó.

“Tôi cảm giúp những thứ này nhé?” tôi hỏi Mary Z.

“Vâng, cảm ơn,” bà trả lời bằng một nụ cười. Sau khi đưa cho tôi hai bình chứa một gallon, bà đi qua và vào phòng khách qua cửa sổ kiểu Pháp của hành lang.

Trong khi tôi đang đặt những chai nước không trên cái bàn kê cạnh thùng rác năm gallon, ông đang đặt đồng quần áo trên cái quày dài, bảo đảm rằng nó được sạch sẽ.

“Đây là vài cái áo sơ mi, thưa bạn. Chúng sạch. Xem thử liệu có cái nào vừa với bạn. Nếu không, đưa chúng cho người nào đó.” Ông phác một cử chỉ gạt bỏ nhẹ nhàng. Tôi nghĩ quá vinh dự khi được trao tặng những quần áo mà ông đã mặc. Hầu hết chúng đều còn mới, sạch sẽ không tí vết và ủi mới toanh, có thể do bởi Mary Z. Bà chăm sóc hầu hết công việc giặt ủi quần áo của ông trong khi họ ở Pine Cottage.

Cám ơn ông một cách chân thật, tôi xem xét những chiếc áo sơ mi để xem thử có cái nào vừa vặn tôi. Ông yên lặng đứng bên cạnh tôi, quan sát tôi. Thật kỳ diệu làm sao khi có lẽ tôi mặc vừa tất cả những chiếc áo mà ông ấy cho, vì những kích cỡ của chúng tôi khá khác biệt. Nhưng nhiều quần áo của ông được may ở Ấn độ đều có khuynh hướng cắt khá rộng và thỉnh thoảng lại thừa rộng rãi cho tôi mặc.

Ngoại trừ những chiếc áo sơ mi, có một chiếc vest bundi Ấn độ không khuy và không cánh tay được may rất đẹp và có một cảm giác dễ chịu đối với nó. Thử nó vào, tôi kêu lên phấn khích, “Cái này vừa tôi quá, thưa ông. Nó thật tuyệt vời. Nó làm bằng gì vậy?”

“Nó bằng lụa nguyên chất.”

“Cám ơn ông, Krishnaji.”

“Không có gì đâu,” ông bình thản trả lời, đặt bàn tay của ông trên hai quyển sách bìa giấy, mà gần như là hai vật trên quày. “Đây là hai quyển sách trinh thám, thưa bạn. Có lẽ bạn đã chưa đọc chúng.”

Trong khi tôi đang đọc những tựa đề và những chương mục của những quyển sách, ông sai chân sang phía bên kia nhà bếp và bắt đầu đổ đầy một trong những cái bình không từ

bình chứa nước. Khi ông đứng phía trước cái bình lớn bằng nhựa, cái lưng hẹp, mảnh khảnh của ông quay về tôi, trông ông có vẻ mỏng manh lạ thường. Ông đang chú ý cẩn thận vào việc gì ông đang làm, một tay cầm cái chai kê sát vòi nước, tay còn lại đang ấn vào cái cần đẩy, chăm chú nhìn xuống khi nước chảy từ cái bình lớn sang cái chai nhỏ, được phụ họa bởi những tiếng ọc ọc lớn. Tôi đã ấp ủ một nghi vấn, mà lúc này bật ra trong cái trí của tôi, và tôi bước thẳng sang phía bên phải của ông, dự tính đưa ra cho ông. Nhưng, bởi vì tôi không muốn làm xao nhãng sự chú ý của ông, tôi yên lặng đứng đó quan sát ông.

Khi ông kéo cái chai đẩy nước ra khỏi đầu vòi, ông đánh giá sai lầm thời gian một phần giây, bật lại cái cần đẩy hơi trễ. Chút ít nước đổ trên nền nhà. Ông lùi lại bằng tốc độ thật nhanh, tránh tia nước và cùng lúc kêu lên, “Ồ, tôi xin lỗi. Tôi đã làm đổ một ít nước. Tôi xin lỗi, thưa bạn. Tôi sẽ lau sạch nó.”

Đường như ông không chỉ bị chán nản bởi sự không chú ý ngắn ngủi của ông nhưng còn cả bị bực dọc với mình bởi vì đã gây ra việc đổ nước. Tôi vội vàng bước sang bên kia, xé một vài giấy lau từ cuộn giấy, và cam đoan với ông, “Tôi sẽ làm nó, Krishnaji. Tôi có thể lau sạch nó.”

Tuy nhiên ông quyết, “Tôi sẽ lau sạch nó, thưa bạn.”

Nhưng trước lúc đó, tôi đã gặp người xuống, lau sạch những giọt nước từ nền nhà, “Tôi đang làm nó, thưa ông. Nó đã được làm rồi.”

Chỉ đến lúc đó ông mới lùi lại để nhìn tôi lau sạch vài giọt nhỏ cuối cùng. “Được rồi, thưa bạn,” ông nói, “Cám ơn bạn.”

Sau khi ông đã thành công trong việc đổ đầy chai thứ hai bằng sự cẩn thận nhiều hơn, và không rơi xuống một giọt,

tôi bắt đầu đưa ra nghi vấn của tôi cho ông, “Krishnaji, tôi xin phép hỏi ông một điều?”

Như tôi đã nhận thấy từ những dịp trước đó, cách xử sự và phạm vi năng lượng của ông chung quanh ông thay đổi lạ thường khi ông được đặt ra một nghi vấn nghiêm túc. Một khoảnh khắc ông đã thư giãn và khoan dung – bất kể sự rủi ro nhỏ nhoi nào – khoảnh khắc kế tiếp có vẻ ông hoàn toàn thu gom bên trong chính ông, với một chú ý được tập trung lạ thường khiến cho người khác phải chú ý. Hai mắt của ông tỏa ra một lóe lánh rạng rỡ và dán chặt vào tôi bằng một nhận biết thụ động, sẵn sàng cho sự thâm nhập thông minh nhất. May quá, nghi vấn của tôi, như thường xuyên như thế, có tính cá nhân nhiều hơn là tìm hiểu và không thể sánh bằng sự rung động yên lặng của ông.

“Cứ hỏi đi, thưa bạn.”

“Ngày hôm qua khi ông đến dùng bữa ăn trưa tôi đã hỏi ông không hiểu ông có bị đói hay không. Và ông trả lời rằng ông không bao giờ bị đói – tôi không chắc liệu ông nhớ.”

“Vâng, điều đó đúng.”

“Qua câu đó ông có ý ằng đờ n giản là ông không trải nghiệm cảm giác của đói?”

Dường như ông đang chuyển động thay đổi lực của bộ não, mà trong khoảnh khắc đã được chuyển sang tốc độ cao nhất. Nhẹ nhàng đặt một bàn tay trên mặt bàn bếp làm bằng gỗ thích, ông nhíu hai hàng mi hơi thấp xuống, trước khi trả lời, “Đơn giản là cơ thể không cảm thấy đói. Chúng tôi đã thí nghiệm nó. Suốt nguyên một tuần lễ, chúng tôi không ăn gì cả. Dĩ nhiên, chỉ một chút nước.”

“Và không đói gì cả, thậm chí chẳng lúc nào thấy đói?”

“Không có ý thức của đói. Nhưng người ta cảm thấy cơ thể đang mỗi lúc một yếu đi ra sao. Cuối cùng, người ta phải có chút lương thực, nếu không...” Ông kết thúc câu nói bằng

một cử chỉ xua đuổi, thể hiện cơ thể sẽ đang cạn kiệt như thế nào. Ông nói nó bằng một háo hức rất trẻ thơ riêng biệt. “Bạn biết, thưa bạn,” ông tiếp tục, chạm nhẹ vào khủy tay của tôi bằng một cử chỉ đặc trưng của ông, “Chúng tôi đã thí nghiệm tất cả những việc này: đi loanh quanh bịt mắt nguyên một tuần lễ, hay không nói một lời với bất kỳ ai trong nhiều ngày, sự yên lặng tuyệt đối.”

“Nhưng tại sao ông muốn làm việc đó?”

Ông cười, “Tôi chỉ muốn biết nó như thế nào, bạn biết: không thể nói – yên lặng, chỉ lắng nghe. Chỉ để vui mà thôi, thấy nó cảm thấy như thế nào. Hay thấy nó như thế nào khi bị mù lòa.”

“Và nó cảm thấy như thế nào?”

“Tất cả những giác quan khác trở nên nhạy cảm lạ thường. Cả xúc giác lẫn thính giác trở nên rất sắc sảo. Người ta có thể nghe những âm thanh nhỏ nhất. Cách xa một inch, người ta có thể nhận biết được một vật, một bức tường hay một cái ghế.” Ông dơ cao những đầu ngón tay nhọn và đẹp, hơi hơi rung rung, để minh họa sự nhạy cảm cao độ của xúc giác. “Nhưng tất cả việc đó đã cách đây nhiều năm rồi.”

Vừa lúc đó một tiếng ồn kèn kẹt có thể nghe được đến từ cái cửa có lưới chắn.

“Cái gì vậy, thưa bạn?” Krishnamurti hỏi.

Đi về phía cái cửa, tôi la lên, “Nhìn kia, Krishnaji, đó là con mèo.”

Ông tiến về phía tôi và chúng tôi cùng nhau theo dõi cảnh tượng. Một con mèo đực có sọc màu xám đang đứng trên chân sau của nó, oằn cơ thể có lông của nó sát vào cái lưới chắn, với những cái móng dương ra, đang cào cái mắt lưới nhỏ. Việc này gây ra một tiếng ồn hỗn tạp, đang tung tung thật sắc bén trên những dây thần kinh của người ta. Cùng thời điểm, con mèo khua khua cái đầu có ria mép của

nó qua lại hai chân trước của nó, nhìn thẳng vào chúng tôi từ hai mắt xanh to rực sáng của nó và kêu meo meo ai oán. Krishnamurti cười khi nhìn cảnh hài hước đó. “Đó là con mèo,” ông nói, “nó muốn vào.”

Thật ra, nó là Alexander the Grey, con mèo nhà của A. V. Ngay sau khi trường bắt đầu tại A. V. năm 1975, con mèo đực trưởng thành bị thiên đã xuất hiện tại cửa nhà bếp và không chịu bị đuổi đi. Không người láng giềng nào biết nó ở đâu, nhưng nó có vẻ hoàn toàn đã thuần hóa, bộc lộ một tình cảm không sợ sệt đối với con người, chan hòa với con người, trong những phạm vi bình đẳng, bằng sự khăng định. Nó ưa thích được bông lên bởi mỗi người và mọi người, phản ứng đến bất kỳ vỗ về nào bằng một cái lưng oằn lên ngay tức khắc và co rúm cái đuôi cong, kêu ư ư. Một trong những học sinh đầu tiên của trường, đã đặt tên nó là Alexander, và sau đó được khai triển bởi một trong những ủy viên thành Alexander the Grey. Tuy nhiên, cái tên yêu quý của con mèo mà ngay tức khắc nó đáp lại, là “kitty-kitty-kitty”, được ưa thích khi phát âm bằng một giọng cao. Sự ưa thích lạ lùng để có sự bầu bạn với con người của nó phù hợp, một cách ngược lại, bởi thái độ kinh tởm những con mèo khác của nó, những con mèo mà nó luôn luôn dùng mọi pháp đe dọa hoặc lẩn tránh. Vào nhiều dịp chúng tôi thấy nó đang rượt những con chó to hơn nó rất nhiều. Nó thường đứng g uốn trên hai chân sau và cào cào cái núm cửa khi muốn ra ngoài. Hay nó sẽ đẩy cái cửa lò xo tự động cho đến khi cái cửa chuyển động tới lui, cho phép nó đi qua thật mau lẹ từ nhà bếp đến phòng khách, nơi nó thích cuộn mình trên cái ghế bành mềm mại. Nhưng kể từ khi cái đuôi của nó bị kẹp giữa cánh cửa và khung cửa, nó khá sợ hãi khi thực hiện màn trình diễn này.

Krishnamurti ưa thích và mê đắm thú vật, hoang dã lẫn thuần hóa. Thỉnh thoảng ông thích kể cho chúng tôi một câu

chuyện của những gặp gỡ bất ngờ với thú vật trong vùng hoang dã.

Lúc này, ông yêu cầu, “Cho nó vào. Nó muốn thức ăn.”

Tôi đẩy cửa lưới ra một ít, và con mèo mau lẹ len vào. Cái đuôi lạ lùng tò mò của nó cong thẳng đứng và vòng lại, chạm vào lưng của nó. Nó ngênh ngang đi thẳng đến Krishnamurti và, cạ vào chân của ông, ngược nhìn ông bằng đôi mắt hiểu biết, bật ra những âm thanh meo meo nho nhỏ và lo lắng.

“Nó đói,” Krishnamurti cảm đoán, khi ông cúi gập xuống vỗ vào lưng của nó bằng những đầu ngón tay của ông. Nó phát ra tiếng miu miu ngay tức khắc.

“Krishnaji, nó là con mèo đực,” tôi nói rõ, như tôi đã làm nhiều lần trước kia. “Tôi đã cho nó ăn sáng nay. Còn khá nhiều thức ăn trên cái đĩa của nó.” Nhưng dĩ nhiên, tôi biết rằng Alexander thích được cho ăn từng chút một bởi những con người, như thể muốn có một liên hệ cá nhân.

Krishnamurti không thêm sự nhận xét của tôi, “Cho nó chút thức ăn, thưa bạn.”

Một trong những đặc điểm của Krishnamurti là, dường như sự liên hệ của ông với thú vật tạm thời át hẳn giới hạn của con người. Tôi lấy một miếng phó mát từ tủ lạnh và bẻ nó thành nhiều phần nhỏ, đặt chúng trên cái bàn kế cận Krishnamurti, “Có ông muốn cho nó ăn một ít phó mát này. Nó thích phó mát lắm.”

Ông lấy một ít phó mát và đưa nó về hướng con mèo, ngân nga, “Đây nè, kitty-kitty.”

Con mèo ngồi chồm hồm và nhướng lên một chút, tham lam giật lấy miếng phó mát giữa những cái móng và răng của nó, cẩn thận không làm đau đón bàn tay đang cho. Chúng tôi yên lặng quan sát con mèo ngồi chồm hồm, dầm nát miếng phó mát trong kiểu cách thanh lịch của nó. Khi đã nhắm nháp

xong, nó chùi mép một vài lần, liếm những miếng vụn và, giật mình bởi bỗng nhiên nhớ lại sự vui thú, ngược lên nhìn chúng tôi, chắc hẳn sẵn sàng mong đợi vài miếng phó mát nữa.

“Nó thèm ăn nữa,” Krishnamurti nói, và ông lấy những miếng phó mát còn lại rồi đặt chúng trên nền nhà trước mặt con mèo.

Trong khi ông tiếp tục nhìn ngắm con mèo. Tự nhiên, tôi nhận biết được sự yên lặng vô cùng đang bao phủ ông: như thể đang quan sát con mèo là việc duy nhất trong thế giới. Tôi cũng trở nên rất yên lặng, và trong một khoảng ngừng ngắn ngủi chỉ còn lại âm thanh chóp chép của con mèo đang nhai miếng phó mát. Trong khoảnh khắc đó sự kiện rằng một tá khách đã tập hợp phòng kế bên, đang chờ đợi được phục vụ bữa ăn, hoàn toàn không có trong cái trí của tôi.

Chùi sạch cẩn thận những ria mép, một tiếng ngáp lớn thỏa mãn và, co rúm cái đuôi cong cong của nó, Alexander the Grey vênh vác đi khỏi để đến tô đựng nước và tô thức ăn đặt bên dưới chậu rửa chén đĩa.

“Nó có cái đuôi lạ lùng,” Krishnamurti kêu lên.

Theo sau con mèo, tôi cứ nó làm một ngụm nước từ cái tô trước khi thả nó ra ngoài cửa.

Trong khi đó, Krishnamurti đã bước gần hơn đến mặt bếp lò để nhìn món gì đang được nấu.

“Món gì vậy, Michael?” ông hỏi, vươn một tay để nhắc nắp vung của cái nồi xúp.

“Cẩn thận, Krishnaji,” tôi cảnh báo, “có thể nó nóng lắm.”

Bàn tay của ông chậm lại nửa chừng, và ông vỗ nhẹ lên cái núm của nắp đậy bằng những đầu ngón tay, vội vã kéo chúng lại. Ông quay về phía tôi. Hai mắt nâu kéo dài được tô

đậm bởi hai hàng lông mi, đã trở thành tròn xoe bởi sự điều
cột trêu chọc, lóng lánh bởi những tia lửa ngạc nhiên của trẻ
con.

“Chúa ơi!” ông la lên, “nóng thật.”

Lấy hai miếng cầm nôi từ bên cạnh giá đựng ớt kê bên
bếp lò, tôi đưa chúng cho Krishnamurti. “Đây, thưa ông. Làm
on dùng chúng.”

Với sự trợ giúp của miếng cầm nôi, ông cẩn thận nhấc
nắp nôi lên và nhìn vào cái nôi, cẩn thận giữ cái đầu tránh
khỏi đám mây của hơi nước đang bốc lên.

“Xúp,” ông nói, đặt lại cái nắp, “Loại xúp gì vậy, thưa
bạn?”

“Nó là món xúp minestrone, Krishnaji.”

“A, minestrone,” ông nói bằng một ngữ điệu tiếng Ý.
Ông ưa thích nước Ý, văn hóa và cách nấu nướng của nó.
Ông đã sống một thời gian khá lâu ở đó và rất th ông thạo
tiếng Ý.

“Và chúng ta có món gì cho bữa trưa nữa đây?” ông
tìm hiểu.

“Ồ, thưa ông,” tôi bắt đầu, “ngoại trừ món xúp và xà
lách trộn, sẽ có mì, *capelli di angeli*, với *pesto di genoa*, và
cũng cả măng tây hầm.”

“*Capelli di angeli*,” ông lặp lại đầy thích thú, thả cho
những âm thanh tiếng Ý cuộn tròn khỏi cái lưỡi của ông.

Trong khi tôi đang đặt một thanh bơ trên cái đĩa đựng
bơ bằng sứ, ông nhàn nhã đi đến bức tường cạnh cửa chắn
lưới. Một quyển lịch có tranh hàng tháng được gắn trên đó,
kế cận một cái bảng có những móc nhỏ dùng treo chìa khóa
của tủ đựng dụng cụ và nhà để xe, kế đó là một bức tranh lớn
mà người nào đó đã tặng A. V.; cuối cùng tôi đã đính nó
bằng những cây đinh bắm vào phần còn trống duy nhất của
bức tường. Một hàng chữ lớn công bố tựa đề: ‘Luật của

Murphy'. Một tiêu đề nhỏ đưa ra định nghĩa: 'Mọi thứ mà có thể sai lầm sẽ sai lầm'. Một bức ảnh đen trắng tại trung tâm minh họa bằng biểu đồ câu phát biểu. Một chiếc xe hơi hoàn hảo Ford T bị lún sâu trong một cánh đồng bùn lầy. Mọi bộ phận có thể nhận biết được bị gãy vụn hay đã rời khỏi chiếc xe hơi. Người tài xế, mặc bộ quần áo ô tô lỗi thời, đứng trong bùn ngập đến tận đầu gối kề cận chiếc xe của anh ấy, suy nghĩ vô vọng về thảm họa và đang gỡ đầu. Phần còn lại của bức tranh gồm có khoảng năm mươi câu nói châm biếm – một thánh giá giữa thấu triết, đùa cợt và phi lý – những mỉa mai của sống đã được giản lược hoàn hảo. Bức tranh đã hiện diện ở đó một khoảng thời gian, và Krishnamurti đều đặn ngừng trước mặt nó, cảm thấy lý thú lắm mặc dù đã đọc lặp đi lặp lại.

Lúc này ông **lật** ra tiếng cười lớn về một trong những câu cách ngôn, và tôi tò mò đi đến đứng cạnh ông.

“Chuyện gì vui vậy, Krishnaji?” tôi hỏi ông.

“Mọi thứ tôi ưa thích lại là hoặc đòi bại hoặc ủy mị”, ông **đọc** ra, vẫn còn cười và dụi mắt. “Câu đó **ắt** thông minh.”

Tôi tham gia cùng **ting** cười của ông. Rất dễ chịu và ấm lòng chân thật khi chia sẻ cùng ông một cười đùa hay ho về bi hài kịch của con người.

“Còn câu này thì sao, Krishnaji?”

Ông **đọc** cẩn thận nó và **cười** thâm trước khi chỉ vào một câu khác mà ông thấy đặc biệt trở trêu.

Thế là chúng tôi tiếp tục một lúc lâu trước bức tranh, cười cợt những mỉa mai và những vô lý của sống, và có lẽ cũng ngấm ngấm nơi chúng tôi. Tại những khoảnh khắc như thế này, ý thức của tình bằng hữu cởi mở có một thẩm thía không thể quên được.

“Mọi thứ sẵn sàng chưa, thưa bạn?” Krishnamurti hỏi.

“Tôi nghĩ xong rồi, thưa ông,” tôi trả lời, đang xem lại món măng tây. Mất rất ít thời gian để hầm nó, và người ta phải thật cẩn thận không được nấu nó chín quá. Tôi lấy một chùm măng ra khỏi nồi bằng một cái kẹp, sau khi cởi sợi dây buộc chúng lại cùng nhau, đặt từng cọng bên cạnh nhau trong một cái đĩa ăn bằng gốm.

“Tôi mang giúp món gì chứ?” Krishnamurti hỏi.

“Vâng, nếu ông không phiền, Krishnaji, có lẽ ông có thể mang nồi xúp.”

Rất cẩn thận ông cầm hai quai của cái nồi không vết bẩn và thả bằng nó qua cái cửa lò xo, mà tôi đang giữ mở cho ông đi qua. Hôm nay chúng tôi dùng bữa trưa trong nhà. (Bởi vì ông thích ăn trưa trong phòng ăn hơn là trên hàng hiên, lúc này chúng tôi hầu như đều ăn trong nhà.) Ông nhẹ nhàng đặt cái nồi kê cạnh cái giá đựng những tô xúp trên cái bàn tròn cứng trong khu phục vụ nhỏ sát phòng ăn. “Đây là nơi đặt nó phải không?” ông hỏi.

“Vâng, cảm ơn ông, thưa ông,” tôi trả lời và đi lấy vài món ăn còn lại từ nhà bếp, trong khi ông lặng lẽ xem xét khung cảnh bữa ăn trưa.

“Hôm nay có nhiều người quá,” ông quan sát. “Tất cả mọi món đầy đủ rồi phải không? Tôi sẽ mời họ ăn chứ?”

“Vâng, làm ơn, Krishnaji,” tôi nói, “nếu ông không phiền.”

Trong một hay hai năm đầu tiên, tôi thường dùng một cái chuông đồng nhỏ để báo cho những người khách đến bàn. Lúc đầu cái chuông đó là một vật trang hoàng cho một con voi trong một diễu hành lễ hội. Không hiểu vì sao nó đã bị mất và tôi đã phải đảm trách vai trò của người quản gia, đi đến những người khách trong phòng khách và tuyên bố sang sảng rằng bữa ăn trưa đã sẵn sàng. Lời tuyên bố của tôi thường thường được đón chào bằng sự yên lặng sững sờ bởi

đám đông đang ra ả, và sau một khoảng ngừng ch út xíu họ lại tiếp tục những nói chuyện của họ như thể không có gì đã xảy ra. Tôi thường xuyên cảm thấy thất vọng khi một lời mời thứ hai phải được phát ra và nhiều đồ dành hòa nhã hơn được cần đến để đưa những người khách vào xếp hàng cho bữa ăn tự phục vụ. Công việc đó ẽ hiệu quả hơn nhiều khi Krishnamurti thực hiện lời tuyên bố rằng bữa ăn trưa đã sẵn sàng.

Tôi vẫn đứng tại cái cửa lò xo, nhìn ngắm làm thế nào ông, lặng lẽ, hầu như nhút nhát, đi hết chiều dài của phòng ăn và tiếp cận những người khách, đang thơ thẩn trên ghế sofa hay đang đứng loanh quanh theo từng nhóm. Ngay lập tức mức độ ồn ào lắng xuống, khi những người khách bắt đầu nhìn thấy ông. Có một khoảng ngừng của yên lặng trước khi ông lễ phép cúi đầu trước nhiều phụ nữ và tuyên bố bằng sự trang trọng bình thản, "*Madame est servie.*" Nó là một màn trình diễn xuất sắc, đến độ thậm chí một người quản gia giỏi nhất cũng không thể trội hơn. Ngay lập tức mọi người đứng dậy để phục họa cùng lời mời đến bàn ăn. Nhưng một tắc nghẽn khác đang đe dọa trong những lối đi chật quanh bàn ăn trưa. Bằng sự lịch sự kiên trì mỗi người đều quả quyết rằng người còn lại đi trước ông ấy hay bà ấy, cho đến khi sau vài đưa đẩy tới lui Krishnamurti đề nghị bằng một nụ cười yên lặng, "Quý bà trước." Nhưng, khi những phụ nữ đã tập hợp thành nhóm, không ai muốn gánh nhiệm vụ phải là người đầu tiên tự phục vụ thức ăn cho chính người ấy. Sau vài phản kháng bồi rối, một phụ nữ ủy viên đã thành công khi mời một người khách đặc biệt chọn món ăn cho mình.

Trong khi chờ đợi, tôi ép mình xếp cuối hàng, phía sau Krishnamurti. Ông đang ắm chặt cánh tay của người hiệu trưởng, mà bằng một nụ cười thú vị đang nói với ông, "Làm ơn, thưa ông, ông đi **trư**." Có một đùa giỡn nhẹ nhàng

trong giọng nói của Krishnamurti vừa đủ để thuyết phục người kia, “Không, thưa bạn. Bạn đi trước.”

Người hiệu trưởng thua cuộc, vì ông biết khá rõ rằng Krishnamurti rất sắt đá trong việc nhường những người khác đi trước ông, ngay cả những người thỉnh thoảng đến trễ. Như tôi biết được, Krishnamurti cư xử như thế này chỉ tại Ojai, có lẽ bởi vì ở đây phần lớn ông ở trong một nhóm bạn bè ít hơn, thân mật hơn những nơi ông ở lại khác.

Tôi yên lặng quan sát người hiệu trưởng và ông trao đổi vài thông tin về Oak Grove School, khi bỗng nhiên ông nhận ra sự hiện diện của tôi phía sau ông. Quay người lại, ông nắm chặt cánh tay tôi và khấn khoản, “Làm ơn, thưa bạn, đi trước đi.”

Tôi nhìn ông bằng một cảm giác dịu dàng trong quả tim của tôi, bởi vì tôi nhận ra đây không là một cử chỉ thói quen của ông: chính là sự khiêm tốn tự nhiên của ông khi nghĩ về những người khác trước tiên.

Tôi phản đối bằng một nụ cười bối rối, “Tôi xin lỗi, Krishnaji, tôi phải đi cưỡi cùng. Bởi vì, tôi nấu nướng thức ăn. Và người nấu nướng nên nhường cho tất cả những người khác lấy thức ăn trước ông ấy. Thực ra, đó là một truyền thống nấu nướng.”

Ông chăm chú tìm hiểu tôi bằng nụ cười mỉm nghi ngờ đặc trưng của ông.

“Nó cũng giống hết trong một ngôi nhà, đúng chứ?” Tôi tiếp tục nhấn mạnh. “Dường như hoàn toàn hợp lý và khôn ngoan.”

Cuối cùng ông phải nhượng bộ bởi sự tranh luận thuyết phục của tôi, thừa nhận, “Được rồi, thưa bạn. Bạn đi sau cùng.”

Chúng tôi đã đùa giỡn trò chơi vận vật này, thỉnh thoảng trải qua cùng sự tranh luận như thế, hàng tá lần trong

vài năm vừa qua. Một pha trộn lạ thường của sự nghiêm túc và sự hài hước tinh tế tiềm ẩn trong sự trao đổi điều cốt của chúng tôi. Lạ lùng thay, nó không bao giờ cảm thấy lặp lại nhưng có một chất lượng trừu tượng đối với nó. Nó nhắc tôi nhớ lại câu chuyện Hoàng tử Bé tí của tác giả Saint Exupery đang thần hóa con cáo nhỏ. Dĩ nhiên, tôi thấy chính bản thân mình như con cáo.

Đến lúc này mọi người đã ngồi vào chỗ, trong khi tôi và Krishnamurti là những người cuối cùng đi quanh bàn phục vụ. Tôi đang sải bước đằng sau ông, sẵn sàng cung cấp thông tin về nấu nướng mà ông thường xuyên yêu cầu. Ông đang thăng bằng cái đĩa trong cả hai tay, dựa nó trên mặt bàn kế mỗi món ăn, khi ông cúi xuống nhìn cận kề những món nhỏ trước khi tự phục vụ một chút ít món đó.

“Món gì đây, thưa bạn?” ông tìm hiểu.

“Nó được gọi là *tabouli*, Krishnaji,” tôi giải thích. “Nó được chế từ lúa mì bulgur, một loại lúa mì bị vỡ nấu sẵn. Nó được pha trộn với nhiều ngò tây và bạc hà tươi băm mịn, ít hành và cà chua xanh, và thêm hương bởi dầu ô liu và nước ép chanh.”

Ông thẳng băng cơ thể khi tôi trình bày cách thực hiện món đó, lắng nghe chú ý điều gì tôi đang nói. Khi tôi kể lê thê, ông tròn xoe hai mắt trong sự khâm phục kích lệ và vui đùa nhận xét, “Tôi sẽ thử món đó, thưa bạn.”

Sau khi đổ hai muỗng lớn vào đĩa của ông, ông tiếp tục lấy những phần nhỏ của những món còn lại. Nhìn vào những thứ gì còn lại – một ít mì, nhiều cọng măng tây, và ít xúp – ông do dự và quay lại tôi. “Hầu như chẳng còn lại gì cả, Michael.”

Cảm thấy hơi hơi phải bảo vệ, tôi quan sát, “Nhưng Krishnaji, chúng ta là những người cuối cùng trong hàng.

Ông không nghĩ rằng từng này là đủ cho hai chúng ta hay sao?”

“Ồ, thưa bạn,” ông quả quyết, “Bạn đang cắt giảm thức ăn kỹ càng quá.”

“Krishnaji,” tôi phản đối, “tôi đang ô gắng chuẩn bị vừa đủ cho mọi người, để cho sẽ không có quá nhiều thức ăn dư thừa và phí phạm.”

“Được rồi, thưa bạn, nhưng bạn đang đong đo nó kỹ càng quá.”

Bỏ vài cọng măng tây trên đĩa của ông, ông thêm vào bằng một nụ cười xoa dịu, “Bạn là tay đầu bếp giỏi lắm.”

Ông thường thường tránh sự khen ngợi cá nhân và không bao giờ nịnh nọt bất kỳ ai, như tôi có thể thấy được. Cảm thấy hơi hơi mơ hồ về vấn đề phải thấu nhận câu nói của ông như thế nào, tôi tọc mạch nhìn ông và kết luận rằng không có sự châm biếm cố tình nào.

Ngừng lại trước một cái bàn nhỏ bên hông, nơi trái cây và thức ăn tráng miệng đang bày biện, ông hỏi, “Đây là gì vậy, Michael?”

“Đó là món tráng miệng Krishnaji. Món mousse chocolate.”

Khi đề cập đến từ ngữ ‘chocolate’, mặt của ông chuyển thành một biểu lộ giật mình của không ưa thích. “Ồ, tôi sẽ không đụng đến nó,” ông tuyên bố.

Trước kia tôi đã nhận thấy ông tránh món chocolate và bất kỳ thứ gì có chứa nó nhưng chưa bao giờ hiểu rõ những lý do cho sự không ưa thích này.

“Tại sao ông không thích món chocolate, thưa ông?”

Một thoáng tối tăm của ác cảm hiện lên trên nét mặt nhân từ của ông. “Nó là một loại thuốc, một chất kích thích, bạn biết chứ, thưa bạn. Và nó quá nhiều chất béo: dầu, đường, và vân vân.”

Tôi là một người khá chuộng chocolate và ngạc nhiên khi nghe nó được diễn tả như một loại thuốc kích thích. Tuy nhiên, tôi đã đọc về những chất kích thích trong nó, mà được nói là làm hoạt động một hormone giống như chất bộ não đã sản sinh khi một người đang yêu. Không công nhận chất béo, ngọt ngay lúc đó và sau đó, tôi nói một cách bảo vệ, “Tôi hiểu rồi.”

Tiên đoán sự ác cảm của ông, tôi đã chuẩn bị một món tráng miệng khác. “Nhưng tôi cũng làm những bánh quy bột yến mạch – bánh quy tròn.” Tôi tự sửa chữa, chấp nhận thuật ngữ tiếng Anh ông thường sử dụng.

Khuôn mặt của ông sáng lên với sự thú vị trẻ con. “Tốt. Tôi sẽ dùng một chút sau khi ăn xong.”

Đặt đĩa của ông cạnh nồi xúp, ông dùng muôi múc một ít xúp vào một cái tô, tuyên bố đầy nhiệt tình, “*Minestre.*” Đang rắc ít Parmesan trên nó, ông thích thú thêm vào, “*Con parmigiano.*”

Trong tiếng Ý tốt nhất của tôi, tôi phát âm, “*C 'e bene.*”

“*C 'e buono,*” ông sửa nó.

“À, vâng,” tôi nói, “*buono* – tĩnh từ.”

“Tôi sẽ quay lại món đó,” ông nói, đang gặt đầu vào tô xúp, khi ông quay đi để mang cái đĩa của ông đến bàn ăn, nơi những người khách đã bắt đầu ăn rồi.

“Tôi sẽ mang nó, thưa ông.”

Nó cho tôi một sự thỏa mãn giác quan khó hiểu khi làm những sự việc giùm ông. Thậm chí khi thực hiện những công việc nhỏ nhoi – được yêu cầu hay không – là một nguồn hân hoan vô cùng. Ông bình thần ngược nhìn tôi, “Cám ơn bạn, thưa bạn.”

Đó là một bữa ăn trưa sinh động, và nói chuyện chạm vào hoàn cảnh xã hội hiện nay khắp thế giới và những thái độ văn hóa khác nhau đối với sự liên hệ đàn ông - đàn bà. Tỉnh

thoảng, dường như Krishnamurti theo những quan điểm hao hao thời Victoria, mặc dù nó cũng khá rõ ràng rằng, không chỉ trích gì về tình dục, ông chỉ không chấp nhận sự phơi bày và trục lợi của nó.

Chúng tôi đang nói về thói quen so sánh giữa các nền văn hóa của một vài giáo sĩ, nữ tu và thầy tu để kiên cử tránh làm mất kỳ sự tiếp xúc thân mật nào với người khác phái bằng cách theo đuổi những lời thề trong trắng. Krishnamurti nghi ngờ ý nghĩa của truyền thống này. “Tôi không hiểu, thưa bạn, liệu sự độc thân có bất kỳ liên quan gì đến đời sống tôn giáo thực sự,” ông bình phẩm với những ủy viên đang ngồi đối diện ông. “Giữ một lời thề sống trong trắng...nhưng phía bên trong họ đang cháy bỏng bởi thất vọng và ham muốn, sôi sục bởi nó. Đè nén, đè nén, thậm chí đừng nhìn một người đàn bà, một khuôn mặt đẹp đẽ! Việc đó không liên quan gì với cái trí tôn giáo.” Ông ngừng lại sau khi đưa ra câu nói cuối cùng này, hơi nhấn mạnh và bằng nhiều đam mê. “Tôi phải kể cho bạn một câu chuyện hay về vấn đề này. Có hai thầy tu ở Ấn độ, đang đi từ làng này sang làng kia, xin của bố thí. Vào một ngày họ bắt gặp một thiếu nữ còn trẻ đang khóc một mình gần bờ sông. Một trong hai người thầy tu tiến đến gần cô gái và hỏi, ‘Thưa cô, tại sao cô đang khóc vậy?’ Cô ấy trả lời, ‘Thầy thấy ngôi nhà đó bên kia sông? Đó là nơi tôi sống, và sáng sớm nay tôi đã lội qua sông mà chẳng sao cả. Nhưng lúc này nước đã dâng cao, và tôi không thể quay lại và không có con thuyền nào để đưa tôi sang’. ‘Đừng lo,’ người thầy tu nói, ‘tôi sẽ giúp cô.’ Và ông ấy nhắc cô gái lên cõng trên lưng băng qua bờ bên kia an toàn. Và hai thầy tu tiếp tục đi về hướng làng kế bên. Họ đi trong yên lặng nhiều tiếng đồng hồ, khi bỗng nhiên người thầy tu thứ hai cất tiếng nói, ‘Anh ơi, anh đã phạm một tội lỗi khủng khiếp. Chúng ta đã có một lời thề sống trong trắng,

không bao giờ chạm vào một người đàn bà. Anh không cảm thấy một cảm xúc mạnh khi anh chạm thân thể cô gái đó, hay sao?’ Người thầy tu thứ nhất trả lời, ‘Tôi đã bỏ cô gái ấy lại cách đây hai **hàng** đồng hồ – nhưng anh, dĩ nhiên, vẫn còn đang mang theo cô ấy cùng anh.’ Bạn hiểu rõ câu chuyện này, thưa bạn?”

Chúng tôi **hàng** cười khi nghe câu chuyện, nhưng Krishnamurti chăm chú nhìn chúng tôi **hàng** hai mắt nghiêm túc.

Chương 9

“TIN GÌ ĐÂY, THƯA BẠN?”

Món khai vị

Xà lách trộn rau diếp, cải bắp đỏ tách ra, giá và cà chua ăn với nước sốt dầu và giấm hoặc mè ngâm.

Xà lách bí zucchini nạo và củ cải nạo, chuẩn bị bằng nhúng nước cốt cam tươi và vỏ cam.

Món chính

Khoai tây thìa là nướng.

Bánh phở mát Thụy sĩ làm bằng vụn bánh quy giòn, mù tạt, hành xanh, mù tạt, phở mát Emmenthal nạo, trứng và kem chua.

Cải hoa, cà rốt và đậu xanh hầm được tô điểm bằng mù tạt tây băm và quả ô liu cắt lát.

Món tráng miệng

Kem mơ làm bằng quả mơ phơi nắng ngâm mềm trong nước và hòa với kem và va ni.

Trái cây tươi theo mùa.

Suốt những tuần và những tháng tiếp theo của mùa xuân năm 1978, chúng tôi được mời đến những gặp gỡ đối thoại thường xuyên cùng Krishnamurti tại Pine Cottage. Những gặp gỡ này thông thường gồm có những ủy viên, những giáo viên Oak Grove School, một vài phụ huynh và những người tình nguyện. Chúng diễn ra trong phòng khách lớn tại Pine Cottage mới. Dường như nó là một gặp mặt thích hợp cho sự đối thoại nghiêm túc, một không gian mở lớn có nhiều ánh sáng: một hàng những cửa sổ mái nhà ngay dưới chóp nóc của trần nhà có đầu hồi cao, thêm vào nhiều cửa sổ lớn và một cái cửa sổ kiểu Pháp cho phép ánh sáng ban ngày tràn ngập căn phòng. Những bức tường, trần nhà và những rui nhà cắt phần trên cao của căn phòng được sơn màu trắng, đá lát nền trắng của Ý có một thiết kế hoa văn tinh tế. Một lò sưởi lớn với khoảng lát đá tự nhiên trước mặt là điểm tập trung quanh đó được bày biện những ghế sofa, ghế bành, và những cái bàn thấp cùng những cái đèn và lọ hoa. Những giá sách không đầy và nhiều bức tranh hiện đại mềm mại trang trí những bức tường, tất cả trong một màu sắc dịu. Có hai đứa bé có cánh thuộc nghệ thuật Baroque mạ vàng đang đỡ cái chụp đèn, nhiều chậu cảnh và một cây sung cao trang trí làm sinh động căn phòng. Nó là một nơi đơn giản tuy nhiên thanh lịch và tinh tế, thoáng khí và sáng rực, và thậm chí sự hiện diện của năm mươi người không làm chật chội không gian của nó. Ở đây, Krishnamurti thường gặp gỡ chúng tôi để thâm nhập những nghi vấn nghiêm túc nhất liên quan đến những sống hàng ngày của chúng tôi, đến cách nhận biết suy nghĩ và hành động của chúng tôi, và đến cách chúng tôi giáo dục những người trẻ được giao phó cho chúng tôi.

Suốt những đối thoại này, ông thường đề cập *Mind in the Waters Cái trí trong Những Dòng nước*, một cụm từ cuốn hút sự chú ý của tôi. Tôi phải mất một thời gian để hình dung

rằng ông đang trình bày về vô vàn hình thức của sự sống thuộc loại động vật có vú trong những đại dương của quả đất. Thật ra, nó là tựa đề của một quyển sách mà ông vừa đang đọc. Ông mê say những diễn tả sinh động về sự thông minh của những động vật biển có vú, mà chắc chắn rất gần gũi với chủng loại riêng của chúng ta. Như thể ông khám phá ức khắc một lãnh vực hoàn toàn mới mẻ của sự sống, và những tường thuật trên truyền hình, những bức ảnh và những chuyện kể về cá voi và cá heo không ngớt gây thú vị vô cùng cho ông. Vì lý do đó, ông cảm thấy kinh hãi bởi sự hủy diệt dã man mà những con người gây ra cho những con hải cẩu, cá voi con và những động vật dưới nước khác. Bất kỳ khi nào ông chỉ trích những độc ác này, giọng nói của ông nặng trĩu sự tuyệt vọng và đau khổ chân thật, và khuôn mặt của ông phản ánh sự đau đớn khủng khiếp mà loài người đã gây ra cho những sinh vật bằng hữu của nó, môi trường tự nhiên của nó, và chính nó.

Ngoài Cái trí trong Những Dòng nước, có nhiều chủ đề trên phương tiện truyền thông đại chúng thông báo những đối thoại của chúng tôi tại bàn ăn trưa của A. V. Trong một khoảng thời gian, chính là cuốn phim tài liệu *“The Ascent of Man”* *“Sự Thăng hoa của Con người”* của Jacob Bronowski thôi thúc những nhận xét thường xuyên bởi Krishnamurti. Mặc dù ông bị ấn tượng bởi phong cách và sự trình bày của những chương trình truyền hình, ông hùng hồn tranh luận đầy ngờ vực về sự mãn nguyện rằng nhân loại đã tiến hóa qua sự hiểu biết mỗi lúc một gia tăng của quyển sách đó. Trái lại, ông nêu lên rằng ngày nay đàn ông và đàn bà thuộc tâm lý vẫn còn ban sơ như những tổ tiên thời Đồ đá của họ – bị đè nặng bởi sợ hãi và mê tín, ích kỷ, độc ác và hung bạo – bất kể sự tiến bộ khủng khiếp trong khoa học và công nghệ. Những chương trình tin tức như “60 phút” và “Giờ tin tức McNeil -

Lehrer” cung cấp nhiều thông tin sống cho sự xem xét lại hàng ngày của chúng ta về tình hình của thế giới hiện nay. Những diễn viên chính trong hiện trường của toàn cầu trong cuối những năm 70 là hai siêu cường quốc, Mỹ và Liên xô, mà vẫn còn đang ganh đua với nhau, mặc dù ‘Chiến tranh Lạnh’ đã được thay thế chính thức bởi ‘tình trạng bót căng thẳng’. Một vài tháng trước, Jimmy Carter đã tuyên thệ nhậm chức Tổng thống Mỹ, và mọi người tại bàn ăn trưa có vẻ ưa thích ông ấy. Trong khi chúng tôi đang bàn luận làm thế nào vị Tổng thống mới có thể thân thiện với người lãnh đạo Xô viết, Leonid Brezhnev, Krishnamurti nói, “Tôi phải kể cho bạn câu chuyện này nếu tôi được phép.” Và ông lễ phép nhìn quanh bàn ăn. Mọi người tự nhiên yên lặng và quay về phía ông, háo hức để nghe câu chuyện của ông. “Điều này xảy ra trong thời gian khi Nixon vẫn còn là Tổng thống,” ông giải thích bằng một nụ cười. “Brezhnev gọi Nixon qua đường dây nóng và nói, ‘Xin chào, Mr. President, ông khỏe không? Tôi đã nghe rằng ông có siêu máy tính hiện đại nhất trong toàn thế giới.’ Nixon trả lời, ‘Ồ, Mr. Chairman, tôi không biết ông nhận được tin tức này như thế nào bởi vì nó là tối mật. Nhưng tôi có thể nói với ông rằng nó là máy tính nhanh nhất trong thế giới và có thể tiên đoán những sự kiện trước ba mươi năm. Brezhnev bần tợng, ‘Ba mươi năm: việc đó đáng kinh ngạc. Thậm chí ở đây, Xô viết chúng tôi cũng không có bất kỳ thứ gì như thế. Thật ra, tôi muốn yêu cầu ông một ân huệ, nếu ông không phiền.’ Nixon trả lời, ‘Bất kỳ điều gì ông muốn, vì tình trạng giảm căng thẳng, miễn là nó không thuộc một bí mật quốc gia hay đi ngược lại những lợi ích của nước Mỹ.’ Brezhnev, ‘Tôi sẽ không mơ ước về bất kỳ những thứ đó. Nhưng ông làm ơn hỏi máy tính của ông ai sẽ là người đứng đầu cơ quan lãnh đạo tối cao của đảng cộng sản ở đây trong năm 2000?’ Tổng thống trả lời, ‘Để thôi,

Leonid, chỉ cần chờ tôi một phút thôi.’ Và đường dây điện thoại yên lặng trong khi ông ấy đang hỏi ý kiến máy tính. Brezhnev ấn lại vào cái ống nghe nhưng chỉ có những tiếng rung của điện thoại khi từng phút trôi đi. Cuối cùng ông ấy hỏi, ‘Ông vẫn còn đó chứ, Richard?’ (họ đã gọi nhau bằng tên) ‘Ồ, còn, Leonid,’ Nixon trả lời, ‘Nhưng tôi không thể tìm hiểu được.’ ‘Nhưng nó nói gì?’ Không còn kiên nhẫn nữa Brezhnev hỏi. Và Nixon trả lời, ‘Đó chính xác là nó. Tôi không thể đọc được nó nói gì – tất cả đều bằng tiếng Trung quốc.’”

Mọi người bật ra những tràng cười hết sức vui vẻ. Tôi đang ngồi đối diện với Krishnamurti và thấy ông thích kể những chuyện vui nhiều đến chừng nào. Đầu hơi ngả về sau, ông cười phóng khoáng. Mặc dù hiếm khi nào tôi có thể nhớ những chuyện vui. Luôn luôn tôi lại nhớ những chuyện ông kể, có lẽ bởi vì tôi quá ưa thích khiếu hài hước của ông và sự vui vẻ nó đem lại. Khi tiếng cười đã lắng xuống, tôi hỏi ông, “Ông biết chuyện nào nữa không, thưa ông?”

“Một chuyện nữa?” ông nhướn mày lên.

“Vâng, làm ơn, thưa ông.”

Ông nhìn những khuôn mặt chờ đợi quanh bàn ăn, sau đó nhìn tôi, và, hít một hơi thở, nói, “Được rồi, thưa bạn, tôi biết một câu chuyện nữa, cũng về Brezhnev. Ông ấy là Tổng bí thư đảng Cộng sản và Chủ tịch Xô viết được vài năm, và quốc gia này có quyền lực rất lớn. Cứ cách mỗi chủ nhật, người mẹ già nua của ông ấy từ vùng quê viếng thăm ông ấy tại Kremlin. Lần này bà mang cho ông ấy một ít bánh hấp ưa thích. Trước khi rời đi, bà nói với ông là bà lo lắng lắm. Brezhnev cố gắng trấn an bà, ‘nhìn kìa, thưa mẹ, không có gì đáng phải lo lắng đâu. Ở đây con có đủ ăn và căn phòng ấm lắm.’ Nhưng bà cứ tiếp tục, ‘Không, không, con trai ơi, mẹ lo lắng cho con và quốc gia.’ Hai tuần sau bà lại đến thăm và

mang cho ông đôi găng tay ấm và một khăn choàng cổ che cả mũi và miệng. Ông ấy cảm ơn mẹ và bảo với mẹ mọi thứ đều quá tuyệt vời, nhưng bà quả quyết, ‘Không không, con trai Leonid yêu nên, tất cả đều không tốt cả đâu. Mẹ thực sự lo lắng cho con và mọi việc đang xảy ra. Ai mà biết được việc gì có thể xảy ra?’ ‘Nhưng, mẹ yêu quý,’ ông ấy nói, ‘Thật ra con sống một sống rất an toàn và tốt đẹp ở đây. Có những người bảo vệ ở ngoài cửa để bảo vệ cho con, và con đang kiểm soát mọi thứ, sai bảo mọi người phải làm gì.’ ‘Không, không,’ bà lầm bầm khi đang rời, ‘tất cả đều không tốt đẹp đâu.’ Hai tuần sau, bà lại đến, mang cho ông một chai rượu vokda làm ở nhà ưa thích nhất của ông ấy. Sau một lúc bà lại bày tỏ những lo lắng sâu thẳm của bà cho ông ấy nghe. Brezhnev cố gắng làm vui nỗi sợ hãi của bà lần cuối cùng. ‘Mẹ yêu quý,’ ông ấy nói, ‘con có tất cả mọi thứ mà bất kỳ người nào đều mơ ước – ngay cả chiếc xe thể thao đắt tiền nhất từ phương Tây suy đồi. Con đang mặc quần áo đẹp nhất và ăn những thức ăn ngon nhất. Thật ra, con là người có quyền hành nhiều nhất trong toàn quốc gia. Vì vậy, mẹ làm ơn bảo cho con biết tại sao mẹ cứ lo lắng hoài?’ ‘Leonid, con trai của mẹ,’ mẹ nói với ông, ‘con không biết sao? Những người Cộng sản có thể tiếp quản quốc gia này.’”

Nói đến đó, mọi người tại bàn ăn bật ra những tiếng cười khan cả cuống họng. Cách ông kể những chuyện đùa hoàn toàn không thể bắt chước được, với những cử chỉ minh họa và những diễn tả trên khuôn mặt giống như kịch câm, và một tự tin lạ lùng.

*

Ngoại trừ Krishnamurti và Mary Z., có một nhóm trung tâm gồm khoảng sáu đến tám ủy viên và giáo viên đều đặn tham

gia những bữa ăn trưa hàng ngày tại A. V. Tất cả họ đều ưa thích những vấn đề văn hóa và chính trị thời sự và đều đặn theo dõi những tin tức trên truyền hình và báo chí. Tôi cũng tình cờ là một người hâm mộ tin tức thể giới và thường cố gắng đọc những nhật báo từ đầu đến cuối.

Rõ ràng, Krishnamuriti cũng rất quan tâm đến việc gì đang xảy ra trong thế giới và dường như được thông báo rất rõ về những phát triển mới nhất. Trong khi tôi đặt mua tờ *Christian Science Monitor*, Mary nhận tờ *Los Angeles Times*. Sau khi chúng in ấn xong, tôi thường hoặc nhận nó muộn vào buổi chiều hoặc Krishnamuriti sẽ mang nó đến tại giờ ăn trưa.

Buổi chiều đặc biệt đó, ông vào nhà bếp như ông thường làm, qua cái cửa chắn lưới phía hàng hiên. Chào hỏi tôi thân thiện, ông sai bước đến cửa sổ và đặt một tờ *Los Angeles Times* trên bàn. “Đây nè, thưa anh,” ông nói, “quá nhiều giấy.”

“Cám ơn ông, Krishnaji. Ông thực sự đọc nó?”

“Không, thưa bạn,” ông trả lời, đơn giản là nhiều quá không đọc hết nổi. Ngày qua ngày, tất cả những bài báo dài này. Và chúng luôn luôn cập đến cùng mớ vớ vẩn – lặp lại, lặp lại, lặp lại. Thỉnh thoảng tôi nhìn những đầu đề, đó là tất cả.”

“Ồ,” tôi nói, hơi thất vọng bởi thái độ ngờ vực của ông, mà khác hẳn những tìm hiểu riêng nhiệt thành của tôi, “nhưng còn những tranh hài thì sao, thưa ông? Ông có đọc những phần đó không?”

“Tranh hoạt hình? Tôi thích những hoạt hình trong tuần báo *New Yorker*, chúng thường rất bén nhạy. Hay cậu bé nhỏ, tên cậu ta là gì nhỉ?”

“Charlie Brown trong tranh hài ‘Peanuts’?”

“Không,” ông nói. “Cậu bé này luôn luôn gặp rắc rối. Cậu ta khá tinh nghịch.”

Rà soát lại kho ký ức về những nhân vật hoạt hình của tôi, tôi mau lẹ bắt gặp một nhân vật khá dĩ nhất, “Có phải đó là Dennis the Menace, Krishnaji?”

“Vâng, chính xác là cậu ta – quá nghịch ngợm, nhưng rất quyến rũ.”

Hôm đó chỉ có vài người chúng tôi dùng bữa trưa – cái vòng tròn phía bên trong, có thể nói như vậy. Thường thường khi chúng tôi *en famille trong gia đình*, chúng tôi sẽ có những bàn luận rất sinh động, nhưng lần này mọi người khá giảm bớt cảm xúc, và nói chuyện rất rời rạc. Tôi đang ngồi đối diện Krishnamurti, và tất thường xuyên cái nhìn chăm chú của tôi sẽ lang thang đến ông. Ông đang nhai cẩn thận và từ từ với hai mắt hơi hơi khép lại. Bàn tay trái dài, khép lại đặt trên miếng khăn giấy màu trắng bên cạnh cái đĩa ăn của ông. Ông có vẻ hoàn toàn tự chủ và bình thản, không bộc lộ sự căng thẳng hay lo lắng vì sự yên lặng lan tỏa quanh bàn ăn. Khi mắt chúng tôi tiếp xúc nhau, tôi cảm thấy hơi rụt rè và mắt tự nhiên nhưng không nhận ra bất kỳ phản ứng nào trên hai mắt của ông. Chỉ có một chất lượng như gương soi trên hai mắt của ông.

Bị bút rút bởi sự trầm lặng đang tiếp tục, tôi cảm thấy một thôi thúc phải giải trí cho ông bằng điều gì đó. Tôi nghiêng về trước và hỏi ông bằng một giọng nhỏ nhẹ, “Xin lỗi, Krishnaji. Ông có nghe được việc gì đang xảy ra ở Trung quốc?” Ông nhìn thẳng vào tôi nhưng không chút hàm ý của sự tò mò: tôi chỉ có thể phát hiện sự phẳng lặng như cái gương. Có một khoảng ngừng ngắn ngủi, mà cảm thấy giống như một hành động thăng bằng trên một sợi dây thép cao, khi tôi đáp lại cái nhìn chăm chú của ông, chờ đợi câu trả lời của ông. Sau đó, một lóng lánh vui vẻ vào hai mắt của ông, và ông nói, “Không, tôi chưa nghe gì cả. Việc gì đang xảy ra ở Trung quốc, thưa bạn?”

Tôi bắt đầu một bài thuyết trình khá dài về những phát triển mới nhất ở Trung quốc và Đông nam á, vắn tắt một chút ít ở đây, nói thêm một chút ít ở đó, và thông thường bỏ sung cho dồi dào những chi tiết về một bài báo tôi đã đọc ngày hôm trước. Khi bắt đầu câu chuyện, tôi cảm thấy không tự tin lắm, nhưng ngay khi tôi đã từ bỏ bất kỳ mong ước để được khuyến khích, và không còn tìm kiếm những dấu hiệu quan tâm nơi người lắng nghe tôi, luận văn vắn tắt của tôi gánh vác động lượng riêng của nó. Tôi hâm nóng chủ đề đó khi tôi đang trình bày, vẽ ra một phác họa về lịch sử cổ xưa và mới đây của Trung quốc, cùng những mảnh thông tin rải rác mà bất chợt đến với tôi từ nơi nào chỉ có trời mới biết. Tôi bắt đầu hứng chí khi tôi tiếp tục về những phong tục của Khổng tử và những thái độ thuộc tâm lý. Krishnamurti lắng nghe bằng sự mãnh liệt đang gia tăng, đưa ra nhiều câu hỏi, mà thêm vào tổng lượng cho bài luận văn của tôi. Cuối cùng những người khác tại bàn ăn hưởng ứng, đóng góp vào một nói chuyện sinh động về sự sống còn của truyền thống trong những xã hội cách mạng.

Bỗng nhiên Krishnamurti giơ tay lên, “Điều này nhắc tôi nhớ về một chuyện vui tôi vừa mới nghe. Việc này xảy ra tại Kremlin ở Moscow, vị trí của quyền lực tối cao. Mỗi buổi sáng người đội trưởng đội bảo vệ đi vào phòng ngủ của Chủ tịch Brezhnev, mang bữa điểm tâm của ông ấy trên cái khay, kèm theo tờ nhật báo Pravda. Người đội trưởng kéo những bức màn từ cái cửa sổ lớn nhìn ra Red Square, chào nghiêm chỉnh và nói vắn tắt cho ông về những diễn biến mới nhất trong thế giới. Khi chấm dứt, Brezhnev nói, ‘Được rồi, đồng chí, liệu đó là tất cả?’ Người sĩ quan ngậm ngừng, ‘Ồ, đồng chí Chủ tịch, còn một việc nữa: có một đám đông lớn phía bên ngoài, trong Red Square, và dường như họ đang picnic.’ Brezhnev trả lời một cách hào hiệp, ‘Sáng hôm nay đẹp trời

lắm, và mặt trời đang chiếu sáng; hãy cho phép những công nhân tận hưởng một lần.’ Người sĩ quan chào và rời phòng.” Mỗi lần ông đề cập người sĩ quan, Krishnamurti giơ hai tay lên trán của ông, bắt chước kiểu chào mạnh mẽ của người sĩ quan. Sáng hôm sau lại cùng công việc: bữa điếm tâm, báo, màn kéo lên, chào, báo cáo những biến cố mới nhất, và vân vân. Và Brezhnev đi, ‘Còn bất kỳ điều gì tôi nên biết không?’ Người đại úy nói, ‘Còn, đồng chí Chủ tịch, có một đám đông thậm chí còn lớn hơn ở ngoài đó trong Red Square, có lẽ một trăm ngàn người, và dường như họ đang picnic.’ ‘Cho phép họ, cho phép họ,’ Chủ tịch trả lời. ‘Vào một buổi sáng nắng ráo như thế này, những người chủ nghĩa vô sản nên thụ hưởng một chút ít.’ Người sĩ quan chào và mau lẹ rút lui. Sáng kế tiếp, cùng sự việc như cũ. ‘Còn bất kỳ điều gì nữa không?’ Brezhnev hỏi khi kết thúc. Và khi người đại úy bắt đầu, chỉ xuống Red Square, Chủ tịch cười cười giơ bàn tay của ông lên và chặn đại úy lại, ‘Được rồi đồng chí, ta nghĩ ta biết chính xác người sẽ nói gì: vào một buổi sáng đẹp trời như thế này, có một đám đông khoảng một triệu người đang ở dưới Red Square đó, và họ đang có một picnic. Tôi nói đúng chứ?’ ‘Vâng, ngài nói đúng, đồng chí Chủ tịch,’ người sĩ quan trả lời. ‘Nhưng còn một điều khác nữa: tất cả bọn họ đều đang ăn bằng đũa.’”

Sau khi chúng tôi đã cười được một lúc, Krishnamurti quay về tôi và hỏi, với hai mắt nhấp nháy và chút ít châm biếm trong giọng nói của ông, “Liệu có bất kỳ tin tức quan trọng nào mà tôi phải biết không?” Câu hỏi này bật ra những tiếng cười mới của chúng tôi, và nó cũng thêm dầu mỡ vào ngọn lửa của tôi. Tôi nhớ lại một lưu ý vắn tắt trong cột khoa học của tờ Times diễn tả sự khám phá mới đây về thiên thể, được gọi là một chuẩn tinh, trong vùng phụ cận giải ngân hà của chúng ta. Người ta nói rằng chuẩn tinh này có năng

lượng phi thường. Krishnamurti hoàn toàn bị cuốn hút bởi câu chuyện của tôi về sự khám phá vũ trụ, đang lắng nghe đầy chú ý.

Được cảm hứng bởi sự trình diễn ứng khẩu này, tôi sẽ, trong những ngày và những tuần lễ kế tiếp, kể một câu chuyện của những sự kiện thế giới nổi bật nhất cho Krishnamurti, đặc biệt khi có một thời gian trầm lặng trong nói chuyện. Nhưng tôi sẽ chỉ làm như thế khi chúng tôi ở trong một vòng tròn nhóm nhỏ và khi tình cờ tôi đang ngồi cạnh Krishnamurti, bởi vì chính do ông mà tôi mới đang tường thuật. Kể cho ông những tin tức mới của thế giới dần dần trở thành một nhiệm vụ mới trong công việc của tôi. Thái độ vui đùa của ông đối với nguồn tin tức tin cậy tại bàn ăn trưa của tôi định đoạt nó nhiều lắm. Rõ ràng ông thích thú phần điếm lại báo chí vắn tắt và đầy đủ tin tức về những biến cố toàn cầu, và, chẳng mấy chốc, bắt đầu khuyến khích tôi, đặc biệt mỗi khi tôi quên thực hiện những tuyên bố tin tức hàng ngày của tôi, bằng cách hỏi tôi rất nghiêm túc, “Tin gì đây, thưa bạn?”

Nó đã trở thành trò chơi nho nhỏ triu mến giữa chúng tôi, mà, mặc dù vui đùa tại một mức độ nào đó, đã cho phép một hình thức mới của sự nghiêm túc. Nó là một giao kèo đặc biệt giữa chúng tôi mà đã xảy ra một cách tự nhiên, thực tế với sự tự nguyện riêng của nó, không động cơ hay kế hoạch ở cả hai người. Sự hài hước phong phú và sự hiếu kỳ chân thật của ông về việc gì đang xảy ra trong thế giới khiến cho nó sinh động. Cũng có một đùa giỡn quanh nó, và tôi rất sung sướng khi có một trung gian cụ thể để hiệp thông cùng ông, mặc dù việc này không phải độc quyền, bởi vì bất kỳ người nào cũng có thể tham gia tại bất kỳ thời điểm nào.

Khi bắt đầu trò chơi của chúng tôi, tôi tường thuật tin tức do bởi sự thôi thúc của khoảnh khắc không cố ý trong cái

trí của tôi, không có bất kỳ sự suy nghĩ hay rà soát từ trước. Nhưng khi “Tin gì đây, thưa bạn?” trở thành một câu hỏi đều đặn, và hầu như xảy ra hàng ngày, nó cũng trở thành một thách thức. Hiếm khi nào tôi phát giác mình không thể rút ra một chủ đề xứng đáng để tường thuật từ nguồn phương tiện truyền thông đại chúng. Nhưng thỉnh thoảng những sự kiện tôi tường thuật, hay góc độ đặc biệt của sự trình bày của tôi, sẽ bị thách thức bởi một người ăn trưa có nhiều thông tin. Vì vậy tôi phải khiến cho những sự kiện của tôi trung thực, với mục đích cởi mở và không giữ thế thủ quanh họ. Đồng thời, tôi cảm thấy một thôi thúc vô cùng để cả chính xác lẫn xuất sắc trong sự giải trí mà tôi cung cấp. Tại cơ bản sự thách thức được truyền cảm hứng bởi Krishnamurti, người mà dường như không cần nỗ lực hay cố ý đã sáng tạo sự mong muốn cao độ của một con người.

Nơi dựa dẫm tin cậy về tin tức ứng khẩu khởi đầu của tôi dần dần trở nên tinh tế và văn chương hơn, nhưng cũng ít lặp lại hơn. Thoạt đầu, tôi chỉ trích dẫn đơn giản những đầu đề và cung cấp một tóm tắt về những sự kiện nổi bật nhất trong ngày. Krishnamurti có thể quen thuộc với hầu hết điều gì tôi đang nói. Thậm chí như thế, ông rất chú ý lắng nghe sự tóm tắt của tôi về những đề tài nổi bật trong ngày, và hiếm khi nào ông ngắt lời tôi bằng, “Tôi biết, thưa bạn, tôi biết.” Vì vậy, tôi có khuynh hướng tập trung mỗi lúc một nhiều hơn vào những sự kiện ít công khai hơn. Thật mau lẹ, tôi phát giác rằng tôi đang hiến dâng một lượng thời gian và năng lượng đáng kể vào sự tìm hiểu những việc đang xảy ra cực kỳ phức tạp trong đấu trường thuộc chính trị. Tuy nhiên, cơ sở chỗ dựa chính của tôi vẫn là cái máy radio để bàn nhỏ cổ lỗ mà tôi mở liên tục đến đài tin tức.

Khi có nhiều khách hay người nào đó đặc biệt được mời đến ăn trưa, chúng tôi sẽ hoãn trò chơi “Tin gì đây, thưa

bạn?” Vào những dịp này, hiếm khi Krishnamurti quên chất vấn tôi trong nhà bếp, hay, giống như ý tưởng nảy ra trễ, ông sẽ đi thẳng đến tôi sau bữa ăn trưa và hỏi, “Tin gì đây, thưa bạn?” chỉ giữa hai chúng tôi. Trò chơi tin tức của chúng tôi tiếp tục trong nhiều năm tháng, bắt đầu mới mẻ lại mỗi mùa khi Krishnamurti đến ở tại Ojai. Mỗi lần, nó khoác vào một hình thức hơi khác biệt, bởi vì “Tin gì đây, thưa bạn?” đã trở thành cái gì đó của một cơ sở giáo dục tại A. V.

Nhưng, dĩ nhiên, trò chơi của chúng tôi không phải là trò chơi duy nhất trong thị trấn: tôi đã khám phá rằng Krishnamurti ưa thích chơi những trò chơi nhỏ với nhiều người bạn của ông. Một trong số họ, Mr. Lilliefelt, một người ngoại giao Liên hiệp quốc của Thụy điển đã về hưu, có một dụng cụ đo mức độ mưa trong vườn của ông ấy. Krishnamurti thường hỏi ông ấy, “Bao nhiêu inch vậy, thưa bạn?”

“Sáng nay chúng ta có một inch mưa, Krishnaji.”

Và họ tiếp tục bày tỏ sự thỏa mãn thú vị của họ bởi sự phong phú của nước trong thung lũng và tham gia một trao đổi vẫn tất về lượng mưa trung bình và từng mùa.

*

Một trò chơi khác xoay quanh cái đồng hồ bỏ túi Patek-Philipe quý giá của Krishnamurti. Ở đề tài này, câu hỏi là, “Bao nhiêu giây vậy, thưa bạn?” Khi ông phát giác rằng cái đồng hồ của ông chậm nhiều giây, ông rất háo hức muốn nó chạy đúng lại. Người bảo trì đồng hồ mà ông thường so sánh thời gian đề nghị kiểm soát lại và điều chỉnh nó giúp ông. Ông ấy lau chùi nó và chỉnh theo Giờ tiêu chuẩn thế giới, sau đó gửi lại cái đồng hồ cho Krishnamurti. Bất kỳ khi nào ông ấy đến ăn trưa, Krishnamurti sẽ đi thẳng đến và đưa cái đồng

hồ cho ông ấy, hỏi trong lúc nó được trả lại, “Bao nhiêu giây, thưa bạn?” và người bảo trì sẽ trả lời, “Nó vẫn chậm nửa giây, thưa ông.” Việc này tiếp tục khoảng vài tuần, cho đến khi cuối cùng câu trả lời là, “Nó chính xác đến từng giây, thưa ông.”

Mặc dù những trò chơi và những chuyện đùa thương yêu này mang lại một yếu tố thư thái cho những tụ họp bữa trưa của chúng tôi tại A. V., chúng không bị lệch khỏi ý thức của sự nghiêm túc thăm thẳm mà Krishnamurti thể hiện giữa chúng tôi. Sự nghiêm túc của ông giống như một tảng đá, và không gì có thể xô dịch được nó. Nó được bám rễ trong thực sự của khoảnh khắc đó, trong cái nguồn đang sống của năng lượng, nhưng nó không loại trừ tiếng cười và hài hước.

Chương 10

NHỮNG DÒNG NƯỚC THIÊN ĐÀNG

Món khai vị

Xà lách xanh trộn ăn với nước xốt dầu ô liu và gia vị hoặc rau mùi tây.

Xà lách yến mạch nước được chuẩn bị với nho Hy Lạp, cây bạch hoa, hạt thông và cà chua ướp phơi nắng.

Cà rốt nạo, nhúng chanh và mật.

Món chính

Hạt kê hầm được bày biện với lát quả hạnh nướng.

Đậu garbanzo hầm, được nấu trong nước xốt riêng của nó với bột mè tahini và nước ép cam, hành, cần tây và mùi tây băm nhỏ.

Củ cải Thụy sĩ, được hầm và trải với dầu ô liu, tỏi, nước ép chanh và một khoanh bột hạt nhục đậu khấu tươi.

Món tráng miệng

Bánh phồng khoai lang, được làm bằng khoai lang nướng, siro nhựa cây thích, bơ, trứng và vỏ cam.

Trái cây tươi theo mùa.

1978 là một năm có lượng mưa d ồi dào ở Nam California, kèm theo lũ lụt kinh hoàng, đặc biệt ở những vùng núi như Ojai Valley. Sốt nhiều ngày cho đến khi kết thúc, mưa trút xuống liên tục từ những bầu trời phủ đầy những đám mây đen có màu xám xịt. Hẻm núi khô cạn của Thacher Creek, mà cắt ngang McAndrew Road dưới một cái cầu cách A. V. một trăm yard, gần như đang bị chảy tràn qua bởi dòng nước xoáy có màu nâu sậm.

Trong khi chúng tôi tụ họp quanh bàn ăn trưa, chúng tôi có thể nghe không chỉ tiếng trống đánh rất mạnh của cơn mưa trên mái nhà, nhưng ồn cả tiếng gầm thét của Thacher Creek và sự va chạm lớn tiếng của những tảng đá láng không lồ đang đập vào nhau. Chúng tôi đang bàn luận về việc gì sẽ xảy ra với ‘Những nói chuyện trước công chúng’, mà đã được lên thời khóa biểu để bắt đầu tuần tới, vào đầu tháng tư. Một ủy viên nữ phác họa một kế hoạch để đối phó những việc xảy ra bất ngờ. Bà ấy nói, rõ ràng rằng Những Nói chuyện không thể xảy ra ở Oak Grove như đã được lên kế hoạch, ngay cả đến lúc đó mưa đã chấm dứt, bởi vì khu đậu xe là một cánh đồng đầy bùn. Trong hầu hết Những Nói chuyện cuối tuần, những sắp xếp đã được thực hiện để Krishnamurti nói chuyện tại phòng tập thể dục của Nordhoff High School. Những Gặp gỡ câu hỏi -trả lời Thứ ba và Thứ bảy sẽ được tổ chức tại Libbey Bowl, nếu thời tiết cho phép. Nó là một bàn luận sinh động và mọi người nói xen vào, trong khi Krishnamurti nghiêng về phía sau trong ghế của ông và lắng nghe một cách yên lặng nhưng mãnh liệt đến điều gì đang được nói. Thoạt đầu, có vẻ lạ lùng đối với tôi rằng khi, trong vấn đề có sự quan tâm cốt lõi đối với ông, ông thường vẫn giữ vẻ khá ít nói. Chỉ khi suy nghĩ kỹ càng tôi mới chợt hiểu ra rằng đơn giản đây là cách của ông: ông đã giao trách nhiệm sự tổ chức Những Nói chuyện cho những ủy

viên, và họ đang thu xếp nó. Dĩ nhiên, họ sẽ hỏi ý kiến ông và sẽ không làm bất kỳ việc gì trái ngược những mong ước của ông, nhưng tại cơ bản ông để cho họ làm công việc của họ mà không có sự can thiệp không hợp lý của ông.

Mưa như trút nước vẫn tiếp tục và sự lo lắng chung của chúng tôi về Những Nói chuyện sắp tới tạo ra một ý thức mãnh liệt của cùng nhau trong chúng tôi, khi chúng tôi hội ý với nhau quanh bàn. Trong khi mười người khách khác tham gia một bàn bạc sôi nổi về ngày tháng, vị trí và những việc thay thế, tôi đang quan sát ông. Sự diễn tả trên khuôn mặt của ông là không gì cả, khi ông đang chú ý theo dõi những việc đang diễn ra. Ngay lúc bàn tay của ông với tới cái ly hết nước của ông, như thể ông muốn uống, thế là tôi vội vàng cầm bình nước kế cận tôi và chuẩn bị rót nước vào cái ly. Bị ngạc nhiên bởi phản ứng mau lẹ của tôi, ông ngược mắt về phía tôi.

“Cho tôi một chút thôi, thưa bạn.” ông nói.

Tôi đã rót khoảng dưới nửa inch vào ly của ông trước khi ông nói, “Cám ơn bạn, thưa bạn. Từng đó đủ rồi.”

Tôi luôn luôn ngạc nhiên bởi một lượng nước rất ít ông tiêu thụ suốt những bữa ăn. Thỉnh thoảng, khi tôi đã rót cho ông chút ít nước, tại cuối bữa ăn ông thường cẩn thận chỉ rõ cho tôi rằng ông đã không chạm đến nó. Luân phiên, tôi sẽ cam đoan với ông rằng nó sẽ không bị đổ đi và rót nó vào cái ấm cho tách trà kế tiếp. Ông sẽ mỉm cười, hài lòng về tính tiết kiệm của tôi.

Lúc này, ông nhấp một chút nước từ cái ly và hướng sự chú ý đến bàn luận đang xảy ra. Sau vài phút, dường như hầu hết mọi chi tiết đã được rõ ràng, và một trong những ủy viên phụ nữ quay về phía Krishnamurti và hỏi, “Việc đó nghe như thế nào đây, Krishnaji? Ông nghĩ chúng ta có thể xúc tiến như vậy?”

Ông mỉm cười rạng rỡ với bà và trả lời, “Vâng, nó có vẻ được đó. Chỉ có điều, chúng ta sẽ làm gì nếu có mưa vào một ngày của đôi thoại?”

Người phụ nữ thở dài, “Ồ, Krishnaji, vậy thì chúng ta hoặc phải hủy bỏ nó, hoặc chúng ta có lẽ thuê giảng đường Art Center. Ông nghĩ gì đây?” bà hỏi người hiệu trưởng.

“Đó là một khả năng,” người hiệu trưởng trả lời. “Chỉ có điều là sức chứa khá giới hạn: tối đa một trăm năm mươi hay một trăm bảy mươi lăm người, tôi nghĩ. Và người chỉ huy ngành Cứu hỏa khá nghiêm khắc về điều này.”

Ngay lúc đó một cơn mưa bất thành linh tạo ra một ồn ào ồn ngất ngang và mọi người im lặng. Sau một lúc Krishnamurti nói, “Các bạn sẽ thực hiện được nó.” Kèm theo một liếc nhìn quanh thật mau, ông tiếp tục, “Cơn mưa này nhắc tôi nhớ lại một câu chuyện hay. Có lẽ trước kia bạn đã nghe nó rồi. Narada là một yogi thành công đến độ vào một ngày thần Vishnu hiện ra trước mặt ông và nói, ‘Narada, ta ban cho ngươi bất kỳ ao ước nào ngươi muốn. Chỉ cần kể cho ta và ngươi sẽ có được nó.’ Thế là Narada nói với Vishnu, ‘Tất cả mọi điều mà con muốn là hiểu rõ Maya, sức mạnh của ảo tưởng.’ Và Vishnu thở dài, ‘Thực hiện việc đó khó lắm. Liệu không có ao ước nào khác hay sao, tiền bạc hay quyền lực, hay sự vui thú thiêng liêng nào đó?’ Nhưng Narada quả quyết, ‘Đó là tất cả mà con muốn.’ Vishnu nói, ‘Vậy thì, được rồi. Nhưng hôm nay là ngày đẹp trời, vì vậy chúng ta hãy đi dạo trong khi ta giải thích điều này cho ngươi.’ Họ đang dạo bộ giữa những quả đồi như hai người bạn, nhìn ngắm những hòn núi có đỉnh phủ tuyết hoành tráng xa xa. Nắng rất gắt, và Vishnu ngừng lại dưới một cái cây có bóng râm và nói với Narada, “Trời ơi, nóng quá và ta rất khát. Vì vậy, trước khi chúng ta nói về việc này, ngươi có thể lấy cho ta ít nước từ cái nhà tranh dưới kia? Ta sẽ đợi ở đây.”

Narada nói, “Được thôi, thưa ngài. Con sẽ trở lại ngay.” Và cậu ta phóng thẳng đến cái nhà đó và gõ cửa. Cửa được mở bởi một cô gái tuyệt đẹp. Cậu ta hoàn toàn bị mê hoặc khi cô gái mời vào nhà. Cậu ta gặp gia đình của cô gái và họ mời cùng ăn trưa với họ, và trước khi cậu ta hiểu rõ mọi việc thì cậu ta đã mê đắm cô gái trẻ rồi. Họ mời cậu ta ở lại đêm đó, và cuối cùng cậu ta lấy cô gái. Họ có con cái và hưởng một cuộc đời giàu có và hạnh phúc. Thế nhưng, vào một năm, những cơn mưa gió mùa mạnh nhất từ trước đến nay đã xảy ra. Mưa liên tục ngày này sang ngày khác, gây ngập lụt những cánh đồng và cuốn trôi nhiều nhà cửa. Vì nước cứ dâng cao, Narada nắm chặt vợ và con cái bằng tay, trên vai cõng đứa nhỏ nhất, và cùng nhau họ cố gắng cứu mạng sống bằng cách leo lên mái nhà. Nhưng con cái, đứa này tiếp theo đứa khác, bị cuốn trôi bởi dòng nước cuồng nộ. Và ngay lúc Narada cố gắng kéo vợ lên mái nhà, cô ấy cũng bị nuốt trọn bởi cơn lụt. Narada cảm thấy bị tan nát hoàn toàn bởi sự mất mát toàn bộ mọi thứ mà cậu ta nâng niu. Cậu ta đang bám chặt vào cuộc đời đáng quý này và, trong sự tuyệt vọng, cậu ta bắt đầu hăng hái cầu nguyện, ‘Thần ơi, làm ơn giúp con qua khỏi sự đau khổ này.’ Và qua tiếng nước gầm thét vang lên giọng nói của Vishnu, ‘Vậy thì ly nước của ta đâu rồi?’”

Giữa tiếng ồn ào của cơn mưa đang trút xuống, chúng tôi lắng ra những tiếng cư ời. Nghe Krishnamurti kể một chuyện vặt hay chuyện đùa luôn luôn là một hân hoan vô cùng cho tôi. Nó không bao giờ hết gây ngạc nhiên cho tôi rằng một người mà sống và hình thành một lời giảng của thấu triệt và siêu phàm độc nhất lại cũng ưa thích kể những chuyện bông đùa. Dĩ nhiên, nó là những câu chuyện hữu ích. Trong trường hợp này, tôi nhận ra câu chuyện như một bài tóm tắt ngắn của thần thoại Ấn giáo về Narada và Vishnu, mà

cũng được kể lại trong chương cuối của *The Glass-Bead Game Trò chơi Hạt-Thủy tinh* được viết bởi Herman Hesse.

*

Cuối cùng, Những Nói chuyện trước công chúng năm 1978 được tổ chức tại phòng tập thể dục Nordhoff High School và Libbey Bowl. Mưa ắt buộc một trong những gặp gỡ đối thoại phải được chuyển đến Ojai Arts Center vào phút cuối. Sảnh nôm chạt người, và hơn một trăm năm mươi người đang chờ đợi để vào nghe. Bởi vì không còn chỗ nào nữa, nhiều cái loa mau chóng được lắp đặt phía bên ngoài, để cho những người đứng ngoài trong cơn mưa có thể theo dõi đối thoại được bảo vệ bởi những cái dù và những vật dụng tránh mưa.

Phía bên trong, có ử ngộp thở, v ới những con người dồn ép vào nhau. Thậm chí trên bục thêm nhỏ, Krishnamurti cũng không thể tránh khỏi bị vây chặt bởi những người không còn mị nào nữa để ngồi hay đứng. Nhiều nhân viên của trường, kể cả tôi, hình thành một vòng tròn loại bảo vệ quanh ông, để cho ít ra ông có thể có một khoảng trống tối thiểu nào đó để cựa quậy. Ngoài ra, hệ thống âm thanh của sảnh, kết hợp với những tiếng ồn của cơn mưa đang trút xuống, khiến cho ông rất khó khăn khi nghe rõ điều gì đang được trình bày. Do vậy, ông nhờ một trong những giáo viên đang ngồi cạnh ông lặp lại câu hỏi và câu nói từ khán giả. Bất kể sự sắp xếp có vẻ kỳ cục này, nó hóa ra lại là một gặp gỡ câu hỏi-trả lời rất sinh động và sôi nổi. Chất lượng đặc biệt của cùng nhau của nó có ể đã được sáng tạo, phần nào, bởi sự gần gũi thuộc vật chất của chúng tôi và sự bất lợi của những yếu tố nghịch cảnh.

*

Mỗi lúc một trở nên rõ ràng rằng thỉnh thoảng Krishnamurti gặp khó khăn khi nghe, đặc biệt khi có nhiều nhiễu loạn của bối cảnh, hoặc khi nhiều người đang nói cùng một lúc. Suốt những bàn luận cùng nhân viên tại Pine Cottage và tại những đối thoại trước công chúng thường thường rất cần thiết phải lặp lại những câu hỏi nhiều lần trước khi ông hiểu rõ nó. Một vài nhân viên tỏ ý lo ngại về tình trạng bị điếc đang giã tăng của ông. Nói chuyện về vấn đề đó với Krishnamurti và Mary Z., họ đề nghị rằng ông nên sử dụng máy trợ thính. Sau những suy tính lâu và sự do dự ban đầu, ông đồng ý thử dùng nó. Sau khi mang dụng cụ đó nhiều lần, ông không thể quen thuộc với công việc điều chỉnh mức độ âm thanh, mà sinh ra một tiếng rít rít gây nhức nhối. Ông cũng không thích cảm giác của bị nhét chặt cái gì đó đằng sau dái tai của ông. Thế là, chúng tôi phải tiếp tục lặp lại những câu hỏi.

*

Nói chuyện cuối cùng trong một chuỗi nói chuyện ở Ojai năm 1978 xảy ra tại một địa điểm khá không phù hợp, sân thể thao của Nordhoff High School. Một sân khấu nhỏ đã được dựng lên trên sân bóng phía trước khán đài không mái che. Đó là một buổi sáng rõ ràng và lóng lánh, và ~~on~~ cơn gió lạnh đang rượt đuổi những đám mây trắng qua bầu trời xanh sẫm. Có vẻ là một tình huống kỳ cục – những băng ghế xếp thành tầng trên một phía sân chật cứng người tùm tùm vào nhau trong những cái áo khoác và những cái mền, và, phía sân bên kia, một con người cô đơn đang nói từ một cái bục trong một cái sân trống không khác hẳn. Gió tạo ra những ảnh hưởng âm thanh vù vù trên hệ thống loa phóng thanh, trong khi, phía bên trái, những chiếc xe hơi đang vù vù chạy qua dọc theo Maricopa Highway. Nhưng vào một buổi sáng

đẹp như thế này Krishnamurti có vẻ không bị bối rối bởi những hoàn cảnh bất thường. Bình tĩnh và hầu như nghiêm nghị, ông nói về thiên định, chết, tình yêu và cái thiêng liêng.

*

Một vài ngày sau khi kết thúc những nói chuyện, ông và Mary Z. đến thăm Wolf Lake School mới trên Vancouver Island ở British Columbia. Sau khi quay lại Ojai, ông chỉ ở lại một tuần lễ trước khi bắt đầu chuyến hành trình hàng năm của ông, mà đưa ông đến Brockwood Park vào đầu tháng năm, sau đó đến Saanen, trở lại Brockwood Park, và tiếp tục đến Ấn độ vào tháng mười.

*

Tôi ở lại California và bận rộn tại Oak Grove School, nhưng tôi lỡ tham gia những nói chuyện trong những địa điểm khác nhau. Tháng chín năm 1978 chúng tôi bắt đầu nhận được những lá thư gửi chung cho mọi người từ ông. Những lá thư này sau đó được xuất bản với tựa đề *Letters to the Schools Thư gửi Trường học*. Trong văn phong súc tích và sâu sắc, chúng nhấn mạnh vào sự chú ý của cả những giáo viên lẫn những học sinh về những nghi vấn nghiêm túc của sống. Chúng dài trung bình khoảng một và hai trang, tóm lược bản thể của lời giảng của ông và ý nghĩa của sự giáo dục như ông nhìn thấy nó. Trong chúng, ông thường sử dụng những cụm từ kinh ngạc, như là ‘những lý tưởng làm hư hỏng cái trí’; ‘kiếm sống là sự phủ nhận của sống’; ‘Thượng đế là vô trật tự’; ‘chúng ta sống bằng những từ ngữ và những từ ngữ trở thành ngục tù của chúng ta’; và vân vân. Mặc dù chúng được viết trong một văn phong không cá nhân và gửi cho hàng

trăm giáo viên và hàng ngàn học sinh tại những trường học ở Ojai, Canada, Anh và Ấn độ, tôi cảm thấy chúng đang nói với tôi một cách cá nhân. Khi chúng tôi nhận chúng được nhiều năm, chúng trở thành nền tảng cho nhiều bàn luận sinh động của giáo viên về ý nghĩa của sự giáo dục và vai trò của chúng tôi trong nó.

*

Krishnamurti quay lại Ojai vào tháng hai năm 1979. Đã có khoảng mười sáu người khách tại bữa ăn trưa thứ bảy sau khi ông đến. Mọi người vui mừng khi gặp lại ông, và nó cảm thấy giống như một gia đình lớn, một tập hợp của những người bạn nghênh đón lại con người mà không hiểu vì sao đã mang tất cả họ lại cùng nhau. Tôi đang ngồi chéo góc với Krishnamurti và nhận thấy rằng ông khá trầm ngâm và kín đáo. Mặc dù ông theo dõi nói chuyện sinh động, hiếm khi nào ông tham gia nó. Vì ông chỉ mới từ Ấn độ đến, ngừng lại chút xíu tại Brockwood Park, vài người hỏi ông về những trường học ở đó, nhưng chỉ nhận được những câu trả lời đại khái. Cái gì đó đang làm bận tâm cái trí của ông.

Hầu hết những người khách đã bắt đầu thưởng thức món mouss chocolate của họ, khi bỗng nhiên Krishnamurti từ bỏ sự xa xăm của ông và nói chuyện với hai người ngồi cạnh ông. Như thường lệ, câu hỏi của ông tưởng là đơn giản nhưng dễ bị làm lẫn trong cách nói, tuy nhiên nó có một tác động của một triển vọng hoàn toàn khác với câu hỏi của những bộ não khác. Và dường như nó có liên quan trực tiếp đến tình hình hiện nay. Rất bất ngờ ông hỏi, “Cái trí Mỹ là gì?”

Những người ngồi quanh bàn đáp lại trong sự yên lặng hiệp thông khi họ thâm nhập câu hỏi: mọi người ngừng nhai,

hạ thấp muông nĩa, và quay đầu hướng về cái nguồn của câu hỏi. Nó nhắc nhở tôi về một chương trình truyền hình: khi Krishnamurti nói, mọi người lắng nghe. Tôi cũng mang máng nhớ rằng Krishnamurti đã đưa ra cùng câu hỏi như thế nhiều lần trước khi ông đến California. Có lẽ ông hỏi nó bởi vì những ấn tượng tức khắc của văn hóa và xã hội Mỹ vẫn còn mới mẻ trong cái trí của ông.

Không trả lời tức khắc nào có sẵn. Ông lặp lại nó một cách khấn thiết vào sự yên lặng được tạo ra bởi một tá bộ não đang suy ngẫm những từ ngữ của ông: Cái trí Mỹ là gì? Hầu như tôi có thể nghe những chuyển động tinh thần đang quay cuồng và răng rắc trong mỗi hộp sọ của cá thể, bởi vì nó không là một câu hỏi bình thường và khiếm nhã nhưng một câu hỏi mà đã chạm vào những gốc rễ thuộc văn hóa của hầu hết mọi người hiện diện tại đây. Chỉ một vài người trong chúng tôi, giống như Krishnamurti và tôi, là những ngoại kiều.

Sau một khoảng thời gian, nhiều người bắt đầu đưa ra những quan điểm của họ. Một phụ nữ lớn tuổi tự nguyện, “Ồ, những quan tâm về thương mại hay vật chất chắc chắn là những nét quan trọng của cái trí Mỹ. Tiền bạc, của cải, và tiêu chuẩn sống vật chất có thể được áp ử nhiều hơn bất kỳ thứ gì khác.”

“ Dĩ nhiên, nó là Mơ ước của người Mỹ,” người nào đó bày tỏ sự đồng tình.

“Mơ ước của người Mỹ là gì?” Tôi hỏi, có một nhận thức mơ hồ về điều gì được hàm ý bởi thuật ngữ được nghe thường xuyên này.

“Nó là có một ngôi nhà riêng của bạn, một chiếc xe hơi riêng của bạn, và cũng cả sự mong đợi và sự tin tưởng rằng mọi thứ sẽ luôn luôn trở thành tốt đẹp hơn,” Alan giải thích.

“Không, không,” Krishnamurti nói bằng một cử chỉ tự phát, “thật ra điều đó không trả lời câu hỏi. Rốt cuộc, hầu hết thế giới phương Tây, có lẽ thậm chí toàn thế giới, đều rất vật chất và có tính buôn bán. Đó không là đặc điểm độc nhất của người Mỹ. Không, Cái trí Mỹ là gì – trong bản thể của nó? Điều gì khiến cho nó khác biệt với cái trí Pháp, cái trí Anh, cái trí Trung quốc?”

Một trong những ủy viên phát biểu, “Cái trí Mỹ có đặc điểm rất cá nhân. Sự nghiệp và sự chủ động cá nhân được đánh giá cao...”

Một lúc đầu không đồng ý khác bởi Krishnamurti, người đã kiềm chế chặt chẽ theo đúng hướng của bàn luận đó, đang bám chặt nó trong giới hạn của câu hỏi của ông. “Không, không...”

“Có một chất phác ở đó, một hồn nhiên của cái trí, một chất lượng trẻ con, mà hiểu kỳ với mọi thứ – đùa giỡn, nhưng cũng rất rộng lượng,” một phụ nữ khác gọi ý.

Điều này gọi tò mò cho Krishnamurti và rốt cuộc được thâm nhập bởi ông và nhiều người khác, mà đồng tình với nó như một đặc điểm của cái trí Mỹ. Trong nhiều khía cạnh, nó phù hợp với một số trong những ấn tượng đầu tiên của Krishnamurti về nước Mỹ, khi ông và người em Nitya của ông đầu tiên đặt chân lên nước Mỹ năm 1922. Ông đã viết một chủ đề về sự tiếp xúc đầu tiên với Thế giới Mới này, trong nó ông diễn tả đầy nhiệt thành về vẻ đẹp của đất đai và không gian khoáng đạt, tinh thần không thành kiến của con người, với sự say mê trẻ trung cho sống. Bất ngờ gặp gỡ một thái độ khoan dung nhiều hơn thái độ ông đã tìm thấy ở nước Anh và những vùng đất khác của thế giới, nơi nước da đen ngăm ngăm của ông thỉnh thoảng gây ra sự nhạo báng công khai, rõ ràng đã có một tác động tích cực vào cái trí trẻ thơ của Krishnamurti. Nhưng, dĩ nhiên, nhiều việc đã thay đổi ở

nước Mỹ và những nơi khác suốt sáu mươi năm này. Không những nước Mỹ đã phát triển khủng khiếp trong dân số và trong sức mạnh kinh tế lẫn quân sự, nhưng cũng còn có những thể hiện rõ ràng của sự suy đồi xã hội.

Một phân nào đó ông đồng tình với quan điểm được đưa ra, nhưng ông ãng không đồng ý lắm. Tôi không nghĩ ông đã đạt được một trả lời cụ thể cho câu hỏi của ông và đang chờ đợi chúng tôi khám phá nó, nhưng ông có một nhận biết cụ thể, và có thể rất tổng thể về chất lượng của cái trí Mỹ. Lúc này cái trí Mỹ này, qua sự thâm nhập chung hòa hợp, được khám phá khi đang vận hành thực sự.

Ông cẩn thận che giấu trả lời của ông bằng cách nói, “Vâng, có cái gì đó đối với cái trí đó. Có một chân thật và hồn nhiên nào đó, nhưng nó không hoàn toàn thể hiện chất lượng độc đáo của cái trí đó.”

Một người khác cố gắng diễn đạt những cảm nghĩ về chất lượng hoàn hảo của tinh thần người Mỹ. “Nhưng, thưa ông, liệu sự tự do không là thành tựu vĩ đại nhất của người Mỹ, hay sao? Tự do xã hội, tự do chọn lựa, những cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người?”

Sự gợi ý của bà gây ra những tiếng cười, trong đó Krishnamurti tham gia, bởi vì quá nhiều đề nghị trong bài giảng của ông đã được tập trung vào sự tự do như một thực sự thuộc tâm lý. Vẫn vậy, ông đã sử dụng từ ngữ ‘tự do’ trong một ý nghĩa rất tinh tế và thuần khiết. Nó không phải ‘tự do khỏi’ hay ‘tự do để’ mà ông đang yêu cầu, cũng không phải thuần khái niệm chung như ‘tự do của chọn lựa’ hay ‘tự do làm việc gì người ta ưa thích’. Không tự do nào trong những thứ này dính dáng vẻ đẹp bên trong của chất lượng cơ bản của sự hiện diện mà ông đang ám chỉ. Sự hình thành thuộc từ ngữ gần gũi nhất mà tôi có thể suy nghĩ là ‘sự tự do quan sát’.

Lúc này một người khác gợi ý, “Thật ra người ta có thể đề nghị điều đó, trong xã hội này, một bình đẳng cơ bản thực sự hiện diện cho mọi người. Nó được minh họa bởi hệ thống pháp luật, mà mọi người đều có sự tiếp cận như nhau.”

Một bàn luận sinh động, đồng ý hay không đồng ý, trong đó những ưu điểm và khuyết điểm của hệ thống luật pháp Mỹ được đánh giá. Một giáo viên tranh luận, “Ồ, đúng thực rằng mọi người đều có sự tiếp cận bình đẳng đối với luật pháp. Điều đó thực sự có nghĩa rằng mọi người đều có thể thừa kiện bất kỳ người nào vì lý do cũ kỹ. Dĩ nhiên, có một giải pháp thực thi của công lý bằng luật pháp trong đó nhưng...”

Một trong những ủy viên ngắt lời ông, “Nhưng hãy thấy điều gì xảy ra: chúng ta có xã hội ưa thích kiện tụng nhất trong thế giới. Từ ngữ của bất kỳ người nào không còn có ý nghĩa gì cả; bất kỳ loại thỏa thuận hay hợp đồng nào đều phải được viết ra trong những giấy tờ, được đóng dấu, được chứng thực, và được ký bởi những thẩm phán và những luật sư.”

Một phụ nữ đồng ý, “Hoàn toàn đúng, hiện nay có trên 700.000 luật sư trong quốc gia này, hàng ngàn người đang được thêm vào mỗi năm – nhiều hơn bất kỳ nơi nào khác trong thế giới. Nhưng liệu có bất kỳ quan tâm thực sự nào về công lý? Mọi luật sư chỉ muốn thắng được vụ kiện của họ, bất kể những yếu tố thực sự của vấn đề.”

“Nhưng bạn còn muốn đề nghị một hệ thống luật pháp vận hành cởi mở hơn như thế nào nữa đây?” một luật sư chặn lại.

“Làm ơn,” Krishnamurti làm im bặt những cơn sóng bập bênh, chỉ để chiêm ngòi một *sóng thần* của riêng ông, “chúng ta hãy đối diện sự kiện đơn giản: không có công lý

trong thế giới này. Không có ở đây và cũng không có ở bất kỳ nơi nào khác. Đó là một sự kiện không thể tranh cãi. Công lý không hiện diện. Hãy đối diện nó, thưa các bạn!”

Trong một khoảnh khắc tôi cảm thấy bị sét đánh bởi nhận xét đơn giản của ông. Không phải rằng tôi chưa bao giờ nghe hay áp ủ một nhận thức như thế, nhưng, bởi vì như thường lệ, những quan sát của ông, được diễn tả trong những từ ngữ chính xác, đơn giản có một sức mạnh lạ thường và dường như tác động ngay tại chiều sâu ý thức của tôi. Tôi cảm thấy tôi đang hiệp thông sự thật của điều gì ông đang nói, cùng những hàm ý phong phú của nó. Như thể trong một tích tắc tôi đang quan sát toàn mạng lưới của ảo tưởng đó, mà đã được tạo ra bởi ý tưởng ‘công lý’, và sự tin tưởng ngấm ngấm rằng nó hiện diện hay có lẽ đã được thực hiện bởi sự nỗ lực của con người. Đồng thời, đối với tôi rõ ràng rằng thấu triệt này không phủ nhận sự ao ước, thật ra là cần thiết, cho bất kỳ cấu trúc xã hội nào của con người đều phải tranh đấu cho công lý, công bằng, và bình đẳng trước luật pháp. Nhưng hiểu rõ sự kiện rằng công lý không hiện diện và không là gì cả ngoài từ một cấu trúc của sự suy nghĩ là điều kiện tiên quyết khiến cho thấu triệt này có thể xảy ra được.

Mọi người tại bàn ăn dường như cũng bị choáng váng như tôi và chú ý lắng nghe, khi Krishnamurti tiếp tục giải thích quan điểm của ông. “Có công lý gì trong điều này: bạn được sinh ra ở đây, trong quốc gia này – giáo dục tốt, gia đình giàu có và vân vân. Người khác được sinh ra ở Châu phi, hay quốc gia nghèo khổ khủng khiếp nào đó – gia đình nghèo khổ, đói khát, không có giáo dục. Có công lý nào trong điều đó? Hay bạn bị rắc rối,” ông nói bằng một tiếng cười kiềm hãm, có lẽ bởi sự vô lý của tất cả nó, “bạn bị rắc rối bởi luật pháp. Bạn có tiền bạc để thuê một luật sư giỏi, và bạn thoát được nó. Người khác – nghèo khổ, không được

giáo dục, và tất cả điều đó – anh ấy bị bỏ tù trong cùng vi phạm, đúng chứ? Bạn biết tất cả điều đó, phải không? Không, công lý không hiện diện.”

Có một khoảng ngừng yên lặng thật lâu sau câu phát biểu này. Tôi nhìn quanh và thấy mọi người đang theo đuổi những suy nghĩ riêng của họ, hay đang lắng nghe phía bên trong khi sự tiết lộ kinh ngạc lắng sâu.

Không phải là bất thường khi những khoảnh khắc yên lặng đó xảy ra quanh bàn ăn, lắng xuống nhẹ nhàng giống như tuyết trên phong cảnh đồi núi. Người ta có thể cảm thấy tiếng đập của quả tim và nhịp điệu của hơi thở người ta, và cùng nhau chúng tôi yên lặng.

“Không, không, không,” Krishnamurti nói. “Cái trí Mỹ là gì? Trả lời câu hỏi của tôi, thưa các bạn. Chất lượng cơ bản của nó là gì?”

Một ủy viên phụ nữ đưa ra một phản đối đột ngột, “Nhưng, Krishnaji, liệu đó là câu hỏi đúng đắn? Ông có ý gì qua từ ngữ ‘cái trí Mỹ’? Đó là một câu tổng quát vô cùng, đúng chứ? Và đây không là điều gì tạo ra những thành kiến về những quốc tịch và những văn hóa khác biệt, hay sao?”

Krishnamurti lắng nghe cô lắng một nụ cười, sau đó nhìn người giáo viên đang ngồi đối diện ông, mà đã không cất lời suốt toàn nói chuyện. Không phản đối trực tiếp sự tranh luận của người phụ nữ, anh ấy nói với ông, “Lắng nghe, thưa ông. Dĩ nhiên nó là một tổng quát đúng đắn. Nhưng có cái gì đó giống như cái trí Mỹ – điều đó rõ ràng đúng chứ? Cái trí Mỹ khác biệt cái trí Ấn độ, mà rất thông minh, mê tín, ủy mị, tin tưởng thứ bậc, uy quyền, truyền thống, và vân vân. Hay cái trí Pháp – rất cá nhân, ích kỷ, phân tích, nhạy bén, ngôn ngữ. Hay cái trí Anh – hẹp hòi, cô độc, kهنh kiệu, và tất cả điều đó.”

Đề mục về những đặc điểm thuộc quốc gia được nhận xét hăm hở và mọi người bày tỏ những quan điểm và những quan sát của họ, cuối cùng cho đến khi Krishnamurti kiểm soát bàn luận bằng cách lặng lẽ kiên trì, “Cái trí Mỹ là gì?”

Bởi vì không ai nói gì cả, ông tiếp tục trả lời câu hỏi riêng của ông bằng cách kết hợp nhiều gợi ý lúc trước, “Được rồi. Cái trí Mỹ rất nhẹ dạ, hời hợt, thông tục. Nó rất thay đổi và tin tưởng tất cả loại người chuyên môn cho mọi khía cạnh của sống. Có một người chuyên môn cho tôn giáo, cho tình dục, làm thế nào để cư xử, sống, làm thế nào để ngồi, và làm thế nào để chải tóc của bạn. Nó bị say đắm trong giải trí, rất buồn bán và vân vân. Nhưng nó cũng rất rộng lượng, ngây thơ, cởi mở, hiếu kỳ và năng động.”

Đến lúc này người giáo viên đang ngồi đối diện Krishnamurti và đã không nói nhiều lắm đưa ra sự nhận xét của anh ấy về cái trí Mỹ bằng cách cố ý nêu lên một từ ngữ: “Chủ nghĩa nhiều.” Dường như Krishnamurti bị hấp dẫn bởi sự đánh giá hơi bí mật này. Một vài người tại cuối bàn hỏi, “Anh ấy đã nói gì?”

Người giáo viên sẵn lòng lặp lại và khai triển sự nhận xét của anh ấy. “Chủ nghĩa nhiều. Nó hàm ý rằng cái trí và văn hóa Mỹ chấp nhận những quan điểm, những phong cách sống, những giá trị và những nhóm người khác nhau. Những nhóm thiểu số, văn hóa, chính trị hay tôn giáo có thể tự do thực hiện những hoạt động tương ứng của họ, có thể tự tổ chức và truyền bá những quan điểm của họ. Những quyền lợi của thiểu số được bảo vệ bởi Hiến pháp và Luật pháp của quốc gia.”

Sự phác họa chính xác của anh ấy cuốn hút Krishnamurti, có lẽ bởi vì nó tiếp cận gần hơn bất kỳ quan điểm nào đã được đề cập lúc trước về điều gì ông cảm thấy là bản thể của cái trí Mỹ. Sự trình bày kỹ lưỡng của anh ấy nhắc

tôi nhớ lại khẩu hiệu phương châm ‘*E pluribus unum*’ ‘*Trong số nhiều, một*’ được viết trên tất cả và tiền giấy một đô la tiền các Mỹ, mà diễn tả ý tưởng của hợp nhất và nhiều.

“Đúng, thưa bạn,” Krishnamurti xác nhận. “Cái trí Mỹ có tính nhiều. Điều đó có nghĩa, đúng chứ, thực sự không có một sự việc như một cái trí Mỹ, bởi vì nó không có truyền thống; nó vẫn còn trẻ trung, đang chuyển động, đang thay đổi. Nhưng nó cũng có thể bị vỡ vụn, bị phân chia và bị hỗn loạn.”

“Giống như hầu hết chúng ta,” một trong những ủy viên phụ nữ chưa xót nói.

Điều này nắm bắt một cách phù hợp cái gì có thể được nói về sự hiện diện hay không hiện diện của cái trí Mỹ. Hầu hết mọi người đang gật đầu đồng ý một cách yên lặng. Tuy nhiên, đến lúc này, gần như đã ba giờ chiều và nhiều người miễn cưỡng đứng dậy và xin lỗi phải rời bữa ăn bởi vì đã có những cuộc hẹn.

Nói chuyện thay đổi vấn đề từ vấn đề này sang vấn đề khác: buổi hòa nhạc piano hay vào tối qua, cuộc biến động chính trị mới đây ở Iran, vài vấn đề của trường học, và vân vân. Tại một vấn đề, một phụ nữ hỏi ông, “Krishnamurti, khi ông thực hiện một nói chuyện trước công chúng, như ở Oak Grove, ông có thể nói liệu có bất kỳ ai trong số khán giả hiểu rõ điều gì ông đang nói?” Câu trả lời của ông ngắn gọn và dường như thể hiện rằng ông không quan tâm đến sự theo đuổi vấn đề đó, “Không, thưa bà, tôi không có ý tưởng nào cả.”

*

Tháng sau, cuối tháng ba, một hội thảo kéo dài một tuần lễ cùng những nghệ sĩ trẻ tuổi, những người khoa học và những

người triết lý được lên chương trình diễn ra tại Pine Cottage. Một giáo sư vật lý người Đức, mà, cùng người vợ được sinh ra ở Đan mạch của ông, đã tham gia công việc của trường hai năm trước tổ chức cuộc hội thảo. Những gặp gỡ mang lại cùng nhau một nhóm người từ những nền tảng văn hóa khác biệt. Có một giáo sĩ Do thái, nhiều người cực đoan Nam Mỹ, và thậm chí cả một cặp vợ chồng từ Persian Gulf. Hiếm khi nào lại có chuyện những người có nền tảng Hồi giáo lại quan tâm đến lời giảng của Krishnamurti. Vì vậy, quá ngạc nhiên khi thấy hai người Ả rập trẻ tuổi từ Kuwait và Bahrain, cả hai là những sinh viên tại California University ở Santa Barbara, đến tham gia hội thảo. Qua những gặp gỡ, người thanh niên trẻ tuổi này luôn luôn lặp lại quan điểm của anh ấy, mà thực sự không được chia sẻ bởi bất kỳ người nào hiện diện ở đó, ngoại trừ có lẽ người bạn gái của anh ấy, mà không nói gì cả. Sự cố chấp của anh ấy làm rối tung dòng chảy của đối thoại. Cùng lúc, anh ấy bị xôn xao bởi sự phản đối anh ấy gặp phải.

Sau bữa ăn trưa thứ hai được phục vụ trên hàng hiên sau, Krishnamurti đến ngồi cạnh anh ấy. Họ trao đổi rất sôi nổi về một số trong những chủ đề bận tâm. Người thanh niên Ả rập trẻ tuổi, đẹp trai và mái tóc quăn, nét mặt đen sẫm, sôi nổi trong việc bảo vệ những niềm tin của anh ấy. Krishnamurti cũng rất sôi nổi, nhưng trong một thái độ mềm mỏng. Bởi vì nó không là một nói chuyện riêng tư, một nhóm nhỏ chúng tôi vẫn còn đang ngồi tại những cái bàn gỗ đỏ, háo hức lắng nghe những trao đổi. Người sinh viên phát biểu quan điểm của anh ấy rất sôi nổi, tuôn ra những âm bật hơi tại cổ họng. Anh ấy phản đối kịch liệt sự gợi ý rằng ‘Thượng đế’ có lẽ chỉ là một ý tưởng được tạo ra bởi sự suy nghĩ của con người, và rằng sự tiến hóa thuộc tâm lý có lẽ không hiện diện. Nhưng Krishnamurti đang hàm ý điều gì đó khác hẳn. Ông quan tâm đến tổng thể sống của con người trong sự thể

hiện hàng ngày của nó, cùng những khuôn mẫu được sinh ra mà đã tích lũy vào tình trạng bị quy định luôn gia tăng, đến độ từng chút một, vẻ đẹp bao la của sự sống bị thu hẹp vào một góc nhỏ xíu của lẽ thói và những chuyên biệt.

Tại một mẫu chốt, Krishnamurti ấn mạnh ngón trở dài và thon trên mặt bàn nâu sẫm. Tôi bị cuốn hút bởi sự mềm dẻo mà hai khớp nối đầu của ngón tay gập vào tại một góc gần bằng chín mươi độ. Ông nói rất phân loại, “Được sinh ra.” Ông ngừng lại để nhìn người còn lại cho một thể hiện rằng ông đã nắm bắt được ý nghĩa của anh ấy. Nhưng, rõ ràng, người thanh niên Ả rập không là người duy nhất trông hoang mang: không hiểu vì lý do gì hầu hết chúng tôi đều cảm thấy bối rối.

Krishnamurti trượt ngón tay b gập của ông về phía phải mười inch và nói, “Chết.” Và lại nữa, ông nhìn quanh cho một dấu hiệu của hiểu rõ trước khi thốt ra điểm mẫu chốt, “Đó là tất cả?”

Không có trả lời. Tôi cảm thấy khá khó hiểu, thậm chí hoang mang, về điều gì ông đang nói. Trong nhiều khoảnh khắc, tôi bị mê hoặc bởi sự chuyển động của ngón tay ông phía bên kia bàn đến độ tôi nghĩ rằng ông đang nói chuyện về chính cái bàn. Sau đó tôi chợt nhận ra rằng ông đang minh họa sự ngăn ngại và sự giới hạn của đời người cá nhân. Ông lặp lại cùng sự chuyển động, lần này mau lẹ hơn, sử dụng cùng những từ ngữ để diễn tả những điểm hoàn toàn đối nghịch của sự chuyển động: “Sinh-chết. Đó là tất cả?”

Cử chỉ và những từ ngữ của ông bắt đầu đảm đương quyền năng của một công án Zen. Người Ả rập trẻ tuổi mỗi lúc một mất kiên nhẫn và đang ở trong trạng thái của lần tránh chủ đề bằng cách bộc lộ những ý tưởng riêng của anh ấy. Thậm chí trước khi anh ấy há miệng ra, Krishnamurti rất mau lẹ đoán trước chuyển động của người thanh niên và nắm

chặt bàn tay của anh ấy. Lại nữa, ông lặp lại cử động ngón tay trên bàn, phát biểu nhấn mạnh, “Sinh-chết. Đó là tất cả?”

Một trong những người lắng nghe, một ủy viên phụ nữ, giúp đỡ người thanh niên trẻ tuổi bằng cách hỏi, “Ồ, còn có gì nữa, Krishnaji? Người ta được sinh ra, người ta sống và người ta chết.”

Ông liếc nhìn bà bằng sự ngạc nhiên điều cợt, như thể bị kinh ngạc bởi cái trí đơn giản của bà. Sau đó ông nhún vai, quăng hai bàn tay lên trong một cử chỉ của cam chịu, “Né u đó là tất cả – sinh ra và chết đi – vậy thì...”

Ông đột ngột ngưng lại câu nói dở dang, để cho sự tưởng tượng của mọi người tự do lấp đầy khoảng trống.

Người thanh niên Kuwait không theo dõi tranh luận và quay lại khẳng định của anh ấy rằng Thượng đế nhúng tay trong tất cả việc đó. Mỗi lần anh ấy thực hiện quan điểm, Krishnamurti dịu dàng cầm bàn tay của người thanh niên trong bàn tay của ông, đặt hai bàn tay nắm chặt của họ trên bàn giữa hai người. Tôi hiểu nó như một cử chỉ của tình bằng hữu không cá nhân: rằng, bất kể những quan điểm khác nhau, không có sự phân chia giữa họ. Bất kỳ khi nào người thanh niên Á rập nói, anh ấy vô tình rút bàn tay ra khỏi sự nắm chặt của người đàn ông già, và ngay khi đến phiên Krishnamurti nói ông lại cầm bàn tay của người thanh niên. Việc này xảy ra nhiều lần, khiến cho những người bàng quan phải kiềm chế sự buồn cười, trong khi người thanh niên trẻ trong tình trạng bị kích động của anh ấy có vẻ không nhận biết được cử chỉ thương yêu được lặp đi lặp lại. Cuối cùng, Krishnamurti cố ý nắm chặt bàn tay của người thanh niên trẻ và giơ cao nó lên cho mọi người nhìn thấy, giống như một người trọng tài giơ cánh tay của người chiến thắng trong đài boxing. Chúng tôi bắt đầu cười lớn tiếng. Lúc này, người thanh niên nhận biết được kiểu nắm tay, thả tay, và mỉm cười một cách

ngượng ngùng, trước khi tham gia sự vui ẻ chung. Krishnamurti, đang giơ hai bàn tay ắm chặt của họ một lần nữa, cười, “Tôi chỉ không để cho bạn theo hướng đó.”

Nhiều tuần sau, người thanh niên Kuwait xuất hiện tại A. V. với một giỏ đan lớn đựng quả chà là , trái cây khô và kẹo mà anh ấy muốn tặng cho Krishnamurti. Hai năm sau đó, tôi tình cờ gặp lại anh ấy tại những nói chuyện ở Oak Grove. Người bạn gái Bahrain của anh ấy, bây giờ là vợ, theo cùng anh ấy, và họ bảo với tôi rằng họ sắp sửa quay về quê nhà của họ ở Persian Gulf.

Chương 11

MỘT CON NGƯỜI CÓ MỘT CÁI TRÍ TÔN GIÁO

Món khai vị

Lát dưa đỏ nhúng nước ép chanh.
Xà lách xanh lật qua lại ăn với nước sốt dầu ô liu và gia vị hoặc
nước sốt gia vị 1000 đảo.
Rễ rau spinach ướp.
Cà rốt nạo.
Cải bắp xanh trộn.

Món chính

Xúp đậu tươi rời, chế với hành, ớt chuông, cần tây, và cà rốt
thái hình khối với nhiều rau mùi tây.
Khoai tây nướng với kem chua.
Cải hoa hầm, ăn với sốt ô liu – quả ô liu, nụ bạch hoa giâm và
men thơm khói trong dầu ô liu.

Món tráng miệng

Bánh gạo, chế biến với gạo trắng basmati, nho khô, quả hạnh,
đường, va ni, me, trứng và sữa.
Trái cây tươi theo mùa.

Sau kết luận của hội nghị, chỉ còn có một tuần lễ trước khi bắt đầu Những Nói chuyện trước Công chúng vào ngày 7 tháng tư năm 1979. Vào ngày thứ tư chen giữa, chúng tôi *en famille trong gia đình* quanh bàn ăn trưa. Nó là một bữa ăn trưa đơn giản cho mười bốn người, bắt đầu bằng món dưa đỏ và xà lách xanh lật qua lại, rế rau spinach ướp, cà rốt nạo, và cải bắp xanh trộn. Món ăn nóng là xúp đậu xanh rời, khoai tây nướng với kem chua, và cải bắp hầm với *sauce olivos*. Món tráng miệng là bánh gạo.

Mọi người đều thư giãn, và nói chuyện dễ tính xoay quanh thi ca. Nhiều người chúng tôi đang kể về những thi sĩ ưa thích của chúng tôi. Để trả lời một câu hỏi, tôi nói, “Tôi thực sự ưa thích Rilke, nhưng cũng cả Lorca, Neruda, và một vài thi sĩ Pháp, như Villon, Rimbaud và Baudelaire.” Nhận thấy rằng Krishnamurti vẫn chưa tiết lộ những người ưa thích của ông. Tôi hỏi ông (ông đang ngồi chéo góc đối diện tôi), “Có bất kỳ thi sĩ nào ông ưa thích, Krishnaji?”

Sự chú ý của mọi người chuyển về ông, khi ông ngả về phía sau và bằng một nụ cười thích thú nói, “À, thơ của Keat rất đặc biệt. Nó được gọi là gì, Ode...?”

“*Ode to a Nightingale*?” tôi gợi ý.

“Không, bài thơ khác,” ông nói, bỗng nhiên nhớ ra nó, “*Ode on a Grecian Urn*: ‘Thou still unravish’d bride of quietness’, đó là cách bài thơ bắt đầu, và nó chấm dứt với ‘Beauty is truth, truth beauty – that is all / Ye know on earth, anh all ye need to know.’” Trong khi ông đang ngâm những câu thơ, hai mắt của ông nhắm lại, và giọng của ông bị xúc động mạnh. Người ta có thể nói rằng ông yêu thi ca. Mở hai mắt ra lại, ông hít vào thật sâu, lắc đầu một chút xiu như thể xua tan một cảm xúc đang tràn ngập và, bằng một nụ cười mãn nguyện, nói, “Lúc trước tôi có thể ngâm cả bài thơ nhưng lúc này tôi đã quên gần hết – cũng cả những thi sĩ lãng

man mà hồi trước chúng tôi thường đọc: Shelly, Lord Byron, Coleridge, và Wordsworth.”

Một nữ giáo viên trẻ tuổi hỏi, “Liệu đúng thật rằng, thưa ông, lúc trước ông thường đọc Bible Kinh thánh?”

Ông trả lời bằng một tiếng cười gọn gậy kinh ngạc chúng tôi, “Có chứ, như ng chỉ một phần rất cũ, nó được gọi là gì đây, Old Testament Cựu ước trong bản dịch của King James.”

“Tại sao ông thường đọc Scriptures, Krishnaji? Tôi nghĩ ông đã nói rằng ông không bao giờ đọc bất kỳ quyển sách tạm gọi là Những Quyển sách Thiên liêng nào?”

“Tôi ưa thích ngôn ngữ, thi ca của nó,” ông trả lời. “Tôi không quan tâm đến những câu chuyện khó tin về một vị thần tức giận và mọi thứ vớ vẩn như thế. Tôi không đọc nó bởi vì tôi tin nó chứa đựng một thông điệp đặc biệt về sự thật, hay là lại tiết lộ thần thánh nào đó. Đó là điều vô lý hoàn toàn. Không quyển sách nào có thể chứa đựng sự thật. Sự thật là một sự việc đang sống. Nó là...” Ông giơ bàn tay đầy nhiệt thành với những ngón tay xò ra hết, cố gắng tìm ra một từ ngữ để diễn tả cái không thể diễn tả được. Ông bỏ lại câu nói đu đưa trong không gian, tình trạng chưa hoàn thành của nó kéo dài vào sự yên lặng mỗi lúc một gia tăng. Bỗng nhiên ông quay về phía người hỏi và hùng hồn ngâm bài thơ, “Người yêu quý của tôi cất giọng, và nói với tôi, đứng lên, tình yêu của tôi, người thương yêu của tôi, và rời khỏi, vì, mùa đông là quá khổ, mưa đã chấm dứt và qua rồi: những bông hoa xuất hiện trên quả đất; thời gian lú lo của chim chóc đến, và tiếng hót của con cu gáy được nghe trong đất đai của chúng ta; dậy đi tình yêu của tôi, người thương yêu của tôi, và rời khỏi.”

Cách ông ngâm những vần thơ thật là cuốn hút, và ngay tức khắc sự đam mê được ôm ấp trong chúng trở nên sinh

động, “Các bạn thấy vẻ đẹp của những từ ngữ này?” Ông hỏi sau một khoảng ngừng rung động. “Chúng đã xuất hiện cách đây trên ba ngàn năm. Bài ca của những Bài ca hay Bài ca của Solomon – nó thật lạ thường, đúng chứ?” Một ủy viên phụ nữ đồng tình, “Và suy nghĩ về thi ca của Psalms, hay Book of Job – chúng là những tuyệt tác văn chương.”

Một phụ nữ trẻ vừa nhận công việc thư ký tại văn phòng Foundation đang ngồi đối diện Krishnamurti. Cô có thể là người duy nhất tại bàn ăn không đặc biệt quan tâm đến những lời giảng, bởi vì lý do chính cho sự hiện diện của cô ở đây là ở cùng người bạn trai của cô. Vì vậy, hình ảnh về Krishnamurti của cô, tương phản rõ rệt với phần còn lại của chúng tôi, có thể là rất hơi hợt ; cô thấy ông như một người quý phái già quỵến rũ, ‘duyên dáng’, như có một lần cô bảo cho tôi. Cô đã yên lặng theo dõi nói chuyện và lúc này quay về phía Krishnamurti, “Còn về truyện trinh thám thì sao, thưa ông? Ông có khi nào đọc loại sách đó?”

Ông không trả lời ngay câu hỏi của cô nhưng nhìn cô bằng một diễn tả bối rối. Mau lẹ cô nói rõ ý nghĩa, “Ông biết – những truyện ly kỳ, những truyện trinh thám?”

Một lông lánh hài lòng lóe lên mắt ông. “Vâng, những truyện gay cấn,” ông trả lời. “Tôi thích đọc chúng. Chúng thì sao?”

“Tôi cũng thế! Tôi thích những chuyện ly kỳ. Vậy thì, tác giả ưa thích của ông là ai, Krishnaji?”

“Tôi đọc nhiều truyện của Agatha Christie. Và tôi thích những truyện được viết bởi Rex Stout. Tên của nhân vật đó là gì, người thám tử mập?”

“Nero Wolfe.”

“Và người trợ tá của ông ấy, một loại...luôn làm hỏng việc.”

“Archie,” cô nói. “Raymond Chandler thì sao, có khi nào ông đọc bất kỳ truyện nào của ông ấy?”

“Ông ấy là ai vậy?”

“Ông ấy sáng chế nhân vật Philip Marlow, thám tử tư cương nghị, sống ở Los Angeles những năm 40 và 50.”

“À, có, tôi nghĩ tôi đã đọc tất cả những quyển đó.”

“Và ông có bắt John D. MacDonald? Ông ấy là một trong những tác giả ưa thích của tôi.”

“John D. -?”

“Nhân vật chính là Travis McGee, và tựa đề của mỗi quyển có cốt truyện khác nhau trong nó. Và nó thường xảy ra ở Florida...”

“Và ông ấy sống trên một cái thuyền và lái chiếc xe Rolls-Royce – nhân vật đó phải không?”

“Đúng. Và luôn luôn có nhiều triết lý trong nó. Nhưng cũng có những tình tiết lãng mạn, khi nhân vật chính dính dáng đến một phụ nữ. Tôi nghĩ chút chút tình dục, ông không nghĩ thế sao?”

Cô hỏi điều này khi liếc nhìn nhanh vào những người ngồi quanh bàn ăn.

Krishnamuriti trả lời không biểu lộ sự bối rối, “À, tôi luôn luôn bỏ qua những phần đó. Tôi không thấy hứng thú khi đọc chúng, vì vậy tôi chỉ liếc qua chúng thật nhanh.”

Cô đang cười cười mở khi thấy ông diễn tả nơi khuôn mặt, mà giống như sự diễn tả của một đứa trẻ không hài lòng khi phải chứng kiến cuộc sống tình yêu của những người lớn tuổi. Lúc này những người khác tại bàn ăn cũng cười lớn tiếng. Krishnamuriti bắt đầu ý thức được phản ứng tùy tiện của ông và tham gia sự vui vẻ chung.

“Nhưng ông làm gì Krishnaji,” cô tiếp tục, “khi ông xem một cuốn phim hay một chương trình trên TV, và họ ôm nhau và hôn nhau?”

“Đơn giản là tôi chỉ nhắm hai mắt lại,” ông tuyên bố, che hai mắt bằng hai bàn tay, sau đó mở những ngón tay ra và nhìn qua kẽ tay. “Và khi nó chấm dứt, tôi xem tiếp.”

Tiếng cười lan ra giống như lửa đại quanh bàn ăn.

Khi, sau bữa ăn trưa, tôi đi lau chùi bàn phục vụ thức ăn, tôi thấy Krishnamurti đang đứng trước kệ sách chiếm nửa bức tường của phòng để thức ăn. Nó chất đầy sách bìa mềm, hầu hết là truyện trinh thám và gián điệp. Tôi ngừng công việc đang làm và ~~ch~~ kể ông, để xem thử ông chọn quyển truyện gay cấn nào.

“Nói cho tôi biết quyển nào hay thực sự đây,” ông nói. “Bạn biết: cốt truyện hay và viết truyện cảm, không phải mớ tình cảm lằng nhằng đó.”

Tôi do dự chốc lát. “Ồ, Krishnaji, ông có thể đọc hầu hết những quyển truyện ở đây. Tôi vừa đọc vài quyển gián điệp được viết bởi Eric Ambler, chúng hay lắm.” Tôi lấy ra một quyển từ kệ sách và đưa nó cho ông. “Đây là một trong số chúng.”

“The Mask of Dimitrios,” ông ~~đ~~ lớn tiếng và gọn gàng lật qua trang bìa và trang cuối. “Tôi nghĩ tôi đã đọc nó rồi,” ông nhận xét và đặt lại nó trên kệ.

“Hay còn Ross McDonald thì sao,” tôi ~~đ~~ ý, chỉ vào một số gáy sách mang tên ông ấy. “Ông ấy là tác giả hay và sống ở Santa Barbara nơi hầu hết những bối cảnh của ông ấy xảy ra.”

“Được rồi, thưa bạn, cho tôi hai quyển hay nhất.”

Tôi lựa ra hai tựa đề mà tôi nghĩ đang cuốn hút độc giả. Ông tìm ~~h~~ những mục lục trên hai bìa một chốc lát rồi nhận xét sâu sắc, “Có lẽ tôi đã đọc hai quyển này lâu rồi, nhưng tôi không thể nhớ được. Không đặt thành vấn đề, chỉ cho qua thời gian thôi. Không gì phải giữ lại.”

Ông vỗ vai tôi thân mật và thật nhanh, kẹp hai quyển sách dưới cánh tay và quay lại rời đi. “Chào bạn, thưa bạn,” ông nói, “cám ơn bạn.”

“Cám ơn ông, Krishnaji,” tôi trả lời.

*

Vài ngày sau, một nam và một nữ diễn viên người Ấn độ đến gặp Krishnamurti và được mời đến dùng bữa trưa cùng chúng tôi. Cô ấy khá cao, với nét mặt cổ điển Ấn độ đẹp kinh ngạc và mái tóc đen bóng mượt thả xuống hai vai của cô ấy. Mặc trong một sari cực kỳ tinh tế, với những sợi chỉ vàng chảy qua lụa xanh da trời, cô chuyên động bằng tư thế thanh lịch. Một chấm *bindi* màu đỏ thẫm nằm giữa hai mắt của cô tô điểm vẻ đẹp diễm ảo của chúng.

Suốt bữa ăn trưa người phụ nữ, một nữ hoàng sắc đẹp biến thành một ngôi sao màn ảnh, nói rằng cả hai người đang trên đường đến Hollywood – cô đóng vai đầu tiên ở Mỹ trong một cuốn phim khoa học giả tưởng, anh đóng vai chính trong một cuốn phim phiêu lưu cho truyền hình. Cô tiếp tục kể rằng vai diễn của cô yêu cầu cô phải cạo sạch mái tóc bóng mượt. Nhìn thấy nó đang rũ xuống hai vai của cô, rất khó khăn cho tôi khi tưởng tượng rằng cô sẽ thực sự thực hiện công việc đó và trong khoảnh khắc tôi đã nghĩ rằng cô chỉ đang kể một câu chuyện phóng đại quá mức.

Khi nói chuyện xoay quanh chủ đề phim ảnh, đóng phim, và những nam nữ diễn viên, Krishnamurti nhận xét khá tổng quát, “Những diễn viên đều đang sống trong ảo tưởng.” Khi nghe như thế, người nữ diễn viên ngừng nhai thức ăn và hai mắt đen của cô lóe sáng, có lẽ bởi vì cô thấu nhận sự nhận xét của ông như đang nhắm trực tiếp vào cô. Tián tỉnh, cô vịn lại mà không biểu lộ sự tức giận nhưng bằng một ngữ

điều khá bình thản, “Nhưng, Krishnaji, ông cũng không hơi hơi ảo tưởng hay sao? Rốt cuộc, ông chải tóc của ông để che kín khoảng da đầu bị hói trên trán của ông.”

Cách nói bình thản, thực tế làm dịu lại câu phát biểu thẳng thắn và tạo ra một yên lặng chút xíu quanh bàn ăn. Tôi, lần đầu tiên, bị ngạc nhiên quá đỗi, cả do bởi sự quan sát tinh tế của cô và cũng bởi sự kiện rằng trước đó tôi đã không nhận ra rằng ông có một khoảng da đầu không tóc rộng mà bị che kín bởi một dải tóc phiêu lưu.

Krishnamurti không phản ứng gì cả. Ông im lặng nhìn cô trong một giây không thở, không nháy mắt, cũng không thốt ra một từ ngữ. Với một nụ cười nhỏ xíu trên hai môi, ông đưa cái nĩa lên miệng để nhận thức ăn. Nói chuyện tiếp tục một cách hòa nhã. Sau bữa trưa, Krishnamurti đưa vợ chồng trẻ dạo bộ qua Oak Grove, xanh rì sau những cơn mưa.

Nhiều tháng sau, gần cuối năm, tôi đi xem cuốn phim người phụ nữ diễn, Star Trek One. Thoạt đầu tôi gặp khó khăn khi nhận ra cô với một cái đầu trọc lóc. Bất kể cái đầu không tóc này, hay có lẽ do bởi nó, bỗng nhiên cô đẹp kinh ngạc.

*

Những cơn mưa nhiều lắm suốt vài tuần lễ vừa qua và chúng tôi hồi hộp chờ đợi để xem thử liệu chúng sẽ ngừng đúng lúc cho Những Nói chuyện tại Oak Grove, hay liệu chúng tôi sẽ phải chạy khắp thị trấn lại, như chúng tôi đã làm năm trước. Cuối cùng, hóa ra là mảnh đất đã rất khô ráo cho chúng tôi tiếp tục như đã lên kế hoạch. Mọi thứ đều xanh tươi và đang bùng bùng, và có vẻ đã sẵn sàng cho một sự kiện, mà đối với tôi đã gọi lên một cảm giác của lễ hội – như thể Giáng sinh, Phục sinh và Năm mới đang xảy ra cùng một ngày.

Hàng ngàn người khắp thế giới đang tụ họp trong thung lũng để nghe Krishnamurti nói. Không nghi ngờ gì cả, nó là một sự kiện văn hóa của trật tự đầu tiên, đang thâm nhập và đang đặt nền tảng cho một ý thức mới mẻ, thậm chí có lẽ còn báo trước một văn hóa mới mẻ. Suốt vài nói chuyện đầu tiên, ông thâm nhập vào điều gì ông nghĩ là cái nguồn của một văn hóa mới mẻ – tốt lành. “Một xã hội tốt lành – những người Ấn độ, những người Hy Lạp, những người Ai Cập cổ xưa, đều mơ ước xã hội này,” ông tuyên bố.

Trong nhiều khía cạnh, dường như ông khắc sâu bản thể của văn hóa mới mẻ trong con người riêng của ông, bởi vì văn hóa là một sự việc đang sống đối với ông, không phải cái gì đó được ghi lại, chết rồi và lỗi thời. Thấy ông đến cho một nói chuyện, bước lên bục, và thực hiện một nói chuyện cùng nhiều ngàn người là thấy một con người có một văn hóa và sự tinh lọc mới mẻ. Không có bất kỳ thứ gì kهنh kiêu và phù phiếm quanh ông. Ông được bám rễ trong thông minh, trong nhận biết của khoảnh khắc đó ngay lúc này, và trong sự bi chân thật cho tất cả những sinh vật đang sống. Dường như ông thể hiện điều gì từ ngữ ‘văn hóa’ mới mẻ hàm ý: một tôn trọng và chăm sóc sâu thẳm cho quả đất, cho những động vật, những cái cây và những bông hoa của nó, và, nhiều hơn bất kỳ thứ gì, sự tôn trọng cho những con người – tất cả những con người, bất kể địa vị, giai cấp và nền tảng xã hội của họ.

Trong khi nhận biết ‘tốt lành’ như con suối không cạn của một văn hóa mới mẻ, ông quả quyết một khác biệt tinh tế nhưng rõ ràng giữa cái trí sáng tạo của văn hóa và sức mạnh sáng tạo khởi nguồn của thiên nhiên và vũ trụ. Viết một bài thơ xuất thần, sáng tác một bản hòa âm, hay dựng lên một thánh đường hoành tráng – không thứ nào, ông cảm thấy, chạm đến nền tảng nguyên thủy của sự sáng tạo. Ngay cả những diễn tả văn hóa tinh tế và tinh vi nhất vẫn còn được

chất lọc từ sự suy nghĩ và cái tôi, cái ngã với sự quan tâm được xác định chặt hẹp của nó. “Trạng thái sáng tạo thực sự không cần diễn tả,” ông nói. Và, đang hàm ý khía cạnh tổng thể của một văn hóa mới mẽ được bám rễ trong sống cá thể đó, “Nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật của đang sống.”

*

Hôm nay là thứ hai sau hai nói chuyện cuối cùng của tuần đầu tiên tại Oak Grove, và chúng tôi có khoảng hai mươi người khách dùng bữa ăn trưa. Nhiều ủy viên từ những Foundation khác và tất cả những ủy viên KFA đều có mặt. Bầu không khí khá trang trọng hơn thường lệ, và nói chuyện tập trung quanh những chủ đề của nghệ thuật và văn hóa. Krishnamurti đang nói với một trong những ủy viên nước Anh, “Bạn đã thấy Chartres, đúng chứ? Một thánh đường nguy nga h hùng! Hãy suy nghĩ về năng lượng to tát và sự đồng hợp tác phi thường để xây dựng cái gì đó như thế. Chắc chắn đã phải mất nhiều thập niên, thậm chí hàng thế kỷ.”

“Tất cả đều được sáng tạo bởi những người nhiệt thành về tôn giáo, vì tôn vinh Thượng đế.”

“Và hoàn toàn vô danh, ẩn hiệu chứ? Không ai biết người kiến trúc là ai. Tại thời gian đó, không người nào ký tên vào tác phẩm như họ làm bây giờ. Những con người có thể thực hiện những công việc phi thường nhất khi họ tập trung vào nó. Đi đến mặt trăng cần có một trăm ngàn người làm việc cùng nhau, tôi nghĩ, nhưng họ đã thực hiện nó.”

Một người khách Ấn độ bắt đầu kể về những kỳ quan kiến trúc của quốc gia ông ấy, về những ngôi đền, những hang động, và những thánh đường Hồi giáo đã được sáng tạo bởi những con người có cảm hứng từ tinh thần tôn giáo. Ông ấy đề cập đến ngôi đền hang động Ellora và Ajantha, Taj

Mahal, Konarak và Puri. Krishnamurti đang lắng nghe câu chuyện của ông ấy và lúc này yên lặng chen vào, “Và có một hòn đảo gần Bombay nơi vài thầy tu đã khắc những ngôi đền trong đá. Nó chắc đã phải cách đây một ngàn năm. Một trong những điều khắc bằng đá này là thần Shiva đang thể hiện ba khuôn mặt của thần. Nó là một bức tượng tuyệt vời.”

Nhận ra sự diễn tả của một cảnh mà tôi đã viếng thăm cách đây vài năm, tôi ậ xét, “Elephanta Island và thần Mahesh.”

“Vị thần ba mặt này, như nó được gọi,” ông tiếp tục, “thực sự là một hình ảnh lạ thường, đầy chiều sâu và cao quý. Hãy tưởng tượng trạng thái của người khắc chạm nó phải như thế nào!” Có một ý thức của kính phục trong giọng nói của ông, khi ông suy nghĩ về ý thức đó mà đã sáng tạo bức tượng của vị thần ba mặt. Một khoảng ngừng yên lặng quanh bàn ăn, như thể cái trí tôn giáo đang thể hiện trong chúng tôi. Cuối cùng tôi bạo dạn nói, “Chắc là họ phải có sự cảm hứng và hiến dâng to tát.”

“Không, thưa bạn,” ông trả lời. “Chắc chắn họ đã hiểu rõ điều gì đó, đã có một thấu triệt vào cái trí tôn giáo đó.”

Ông thực hiện một cử chỉ nhấn mạnh, bằng những ngón tay mở rộng như cái quạt. Mọi người dường như nắm bắt được điều gì ông đang nói: cái trí tôn giáo, mà ông tin là chìa khóa cho sự hiểu rõ về sự hiện diện của con người và *sine qua non điều kiện cốt lõi* cho sống hiệp thông và sự khởi đầu của một văn hóa mới mẻ.

*

Sau khi kết thúc những nói chuyện vào cuối tháng tư, ông gặp khối giáo viên tại Pine Cottage cho nhiều bàn luận. Như thường lệ, ông nhấn mạnh sự quan trọng của lắng nghe,

“Lắng nghe bằng toàn thân tâm của bạn, bằng tất cả quả tim và cái trí của bạn, và tất cả những giác quan của bạn. Lắng nghe âm thanh của một cái cây, không phải của gió hay những chiếc lá, nhưng âm thanh của thân cây, âm thanh yên lặng của những cái rễ.” Sau đó, suốt bữa ăn trưa, chúng tôi đang nói về âm nhạc và một vài người trình diễn hiện nay về nhạc cổ điển, khi Krishnamurti đề cập rằng người nào đó đã gửi cho ông một băng cassette về nhạc được chơi bằng dụng cụ cổ điển của vùng Nam Ấn. Nó nghe thật lạ thường, và ông mời chúng tôi đến nghe nó sau bữa ăn trưa.

Khoảng mười người chúng tôi kéo đến Pine Cottage và vào phòng khách nhỏ kế phòng ngủ của ông. Nó được trang bị đồ đạc thật tao nhã và đơn giản. Chúng tôi hiếm khi nào có dịp vào khu ở riêng tư của ông, vì vậy nó cảm thấy như một đặc ân khi được hiện diện cùng ông ở đây. Chúng tôi được mời ngồi trên những cái ghế dựa sắp xếp dọc theo tường, và, mặc dù nó là một không gian tương đối nhỏ cho mười người, nó không cảm thấy bị đông đúc. Tôi phát hiện chính mình đang trở nên yên lặng bên trong tôi khi suy nghĩ về lắng nghe mãnh liệt mà đã xảy ra bên trong những giới hạn này trong thời gian dài.

Như đi giới thiệu, Krishnamurti nói với chúng tôi, “Bây giờ các bạn có thể nghe loại nhạc hoàn hảo – không phải loại mà các bạn nghe từ những nhạc sĩ Ấn độ nổi tiếng mà thực hiện nó cho phương Tây. Họ chỉ bị hư hỏng và thoái hóa bởi công chúng và tiền bạc. Thế là, âm nhạc trở thành thứ phụ, bởi vì họ thực hiện nó vì những lý do thương mại, vì tiền bạc. Nhưng đây là âm nhạc thực sự, bằng sự hiệp thông lạ thường, không chỉ bằng lợi lộc. Nó là âm nhạc thiêng liêng.” Những tiêu chuẩn của nghệ thuật thuần khiết của Krishnamurti là mộc mạc và không thỏa hiệp, đòi hỏi không những sự hoàn hảo về kỹ thuật nhưng còn cả một trạng thái

hiển dương không cái tôi. Không có bất kỳ động cơ nào, từ *joie de vivre niềm vui sống*, một người trình diễn nhạc vì lợi ích riêng của nó.

Lúc này, ông mở máy. Những âm thanh vang dội của đàn dây và bộ gõ và những giai điệu du dương của một cây sáo trúc khơi dậy một quang cảnh và một không khí khác hẳn, và một truyền thống nhạc khác hẳn. Tôi theo đuổi khuynh hướng tự nhiên của tôi và nhắm hai mắt lại để hòa hợp cùng âm thanh thấp đều đều liên tục của những nhạc cụ. Dường như nó giống như một phơi bày không hình ảnh của âm thanh thuần khiết, đang tái sáng tạo một vũ trụ của âm thanh phía bên trong, đang kể một câu chuyện về những chu trình vô tận của sự sáng tạo và sự hủy diệt vũ trụ.

Khi âm nhạc kết thúc và tôi mở hai mắt ra, trong một khoảnh khắc tôi đã nghĩ rằng tôi đang nhìn thấy một thế giới mới mẻ. Dường như những người quanh tôi đều có những khuôn mặt mới, như thể một ánh sáng bên trong đang chiếu sáng những nét mặt của họ. Một liên kết của yên lặng và lắng nghe gắn chặt chúng tôi lại cùng nhau trong một tịch tặc, và người ta cảm thấy nhút nhát và mỏng manh lạ lùng. Sau đó, không có bất kỳ bình phẩm hay bàn luận nào, chúng tôi cảm ơn Krishnamurti về buổi thết đãi lắng nghe và nói đuổi nhau ra khỏi phòng khách về những nơi riêng của chúng tôi.

*

Nhiều ngày sau (đó là tuần lễ thứ hai của tháng năm), tôi ở trong nhà bếp đang xếp đặt những món cuối cho bữa ăn trưa cuối cùng của mùa này cùng Krishnamurti. Tôi đã mở cái radio trên bàn và đang làm việc theo những âm thanh của bản giao hưởng *Choral* của Beethoven, mà đang lan tỏa khắp không gian có nắng của nhà bếp. Tôi không còn ý thức của

thời gian, bởi vì khi sắp sửa kết thúc phần nhạc thứ ba, Krishnamurti đi vào nhà bếp. Tôi đi đến bàn để tắt máy radio, nhưng ông mau ẹ ngăn tôi lại và nói, “Ồ, không, thưa bạn, đừng tắt nó. Nó là bản giao hưởng *Thứ chín* của Beethoven.”

“Ông biết nó rất rõ, Krishnaji.”

“Vâng, dĩ nhiên. Tôi đã sống một mình trong một cabin cũ trong dãy núi High Sierras và chỉ có một cái đĩa, mà tôi nghe mỗi ngày. Nó là bản giao hưởng *Thứ Chín* của Beethoven và nó là ~~lọt~~ trong những máy hát đĩa cổ, mà người ta phải lên giây, và cái loa thật khủng khiếp.” Ông làm cử chỉ để diễn tả cái loa mà kêu giống như cái sừng dê đựng nhiều hoa quả trong nó.

“Chỉ có một cái đĩa nhạc ở đó – bản giao hưởng *Thứ Chín* của Beethoven – và tôi nghe nó hàng ngày, hàng tuần cho đến khi về, lắng nghe mọi sắc thái tinh tế, mọi nốt nhạc và giai điệu. Sau một hay hai tuần lễ dường như tôi có thể phân biệt rõ ràng những nhạc cụ khác nhau. Cuối cùng tôi thuộc lòng toàn bộ bản giao hưởng. Tôi nghe nó mỗi buổi sáng lúc mười một giờ.

“Tại sao luôn luôn lúc mười một giờ, thưa ông?”

“Đó là sau bữa điem tâm, và tôi đã rửa chén đĩa. Nó là khoảnh khắc nhàn rãi, ánh nắng mặt trời đang chiếu vào phòng. Nó sáng tạo một ý thức của trật tự đang diễn tiến của một ngày trong vùng hoang dã.”

Một hình ảnh lóe lên qua cái trí của tôi: nơi nào đó trong thế giới núi non, trong một cabin nhỏ giữa những cây sequoia, những chứng nhân một ngàn năm của sự yên lặng, Krishnamurti trẻ tuổi đặt cái kim trên cái đĩa hát đen bóng và, ngồi trên cái ghế băng bằng gỗ, hai mắt nhắm lại, lắng nghe những giai điệu của bậc thầy bị điếc.

Khi những giọng hát hợp xướng trên radio bắt đầu vang lên bài hát ủa tinh huynh đệ toàn cầu, “Freude, schoner

Gotterfunken...alle Menschen werden Bruden...”, tôi yên lặng chăm chú nhìn Krishnamurti, khi ông đứng cạnh tôi đang lắng nghe nhạc. Tôi cảm thấy một ý thức bất ngờ, đột ngột của sự tự do vô hạn. Trong một khoảnh khắc không có sự vội vã, không có thời gian và áp lực, không khoảnh khắc kế tiếp và không suy nghĩ, chỉ đang lắng nghe. Sau đó, qua những hợp âm, tôi nghe tiếng nói của ông đang hỏi, “Món gì cho bữa ăn trưa vậy, Michael?”

Trong một tích tắc và không có bất kỳ lý do gì, tôi cảm thấy như bật ra tiếng cười hân hoan. Kèm hãm lại, tôi mỉm cười với ông và trả lời, “Hôm nay, chúng ta sẽ dùng thức ăn Mexican: xà lách sốt bơ avocado và củ jimaca, món enchilada, bắp nguyên trái và đậu đen, xà lách trộn xoài và đu đủ ăn với bánh dẹt tròn, bánh quy, từng đó.”

“A, ngon lắm. Tôi giúp gì chứ?”

“Vâng, thưa ông,” tôi nhiệt thành trả lời.

Nó là một bữa ăn trưa thông dong với tất cả mười sáu người. Bởi vì Krishnamurti và Mary Z. sẽ đi nước Anh ngày hôm sau, nhiều nói chuyện xoay quanh giờ đi và đến của họ, hãng máy bay đi, và những vấn đề đi lại khác. Nhiều người trong chúng tôi sẽ không gặp ông suốt nhiều tháng. Nhưng có vẻ, không ai trong chúng tôi buồn bã hay ủy mị, không chỉ bởi vì ông kính hãi cách cư xử thuộc cảm xúc nhưng đơn giản chỉ vì ông vẫn còn ở cùng chúng tôi tại khoảnh khắc và sự hiện diện của ông trọn vẹn và át hẳn mọi suy nghĩ khác.

Ngay lập tức ông nói, “Tôi phải kể cho bạn một câu chuyện tôi đã nghe lúc trước. Nó xảy ra nơi Ấn độ cổ xưa. Có một yogi nổi tiếng về sự thành tựu và khổ hạnh của ông. Ông chỉ có hai miếng khố – một để giặt và một để mặc. Ông đến thăm thủ đô của vua và sự nổi tiếng của ông đến tai nhà vua, người mời yogi viếng thăm cung điện của ngài. Nhà vua chào

hỏi vị yogi bằng sự kính trọng xứng đáng, đưa đi thăm khắp cung điện, và đưa đến hầm chứa của cải, nơi vua có vô số nữ trang và vàng. Vua nói với yogi, ‘Bất kỳ ngài muốn gì ta đều trao tặng hết. Chỉ cần bảo cho ta ngài ưa thích món gì, và ngài có thể nhận nó.’ Nhưng vị yogi kiêu hãnh từ chối, ‘Những tài sản thế gian không có ý nghĩa gì đối với ta. Trong thế gian này ta chỉ có hai cái khó.’ Vị vua bị ấn tượng và nói với ông, ‘Làm ơn ở với tôi một ngày và chỉ cho tôi sự bí mật về tánh từ bỏ và sự thông thái của ngài.’ Và yogi chấp nhận lời mời. Người hầu đưa yogi đến một căn phòng trống không, nơi ông nghỉ đêm. Giữa đêm, có sự ồn ào khủng khiếp, mọi người đang la hét và chạy trốn. Người nào đó mở toang cửa phòng của yogi và la lớn, ‘Chạy đi để cứu mạng sống! Cung điện đang bị hỏa hoạn.’ Yogi chạy vọt ra khỏi phòng. Có đầy lửa và khói trong những hành lang, và mọi người đang chạy. Khi yogi chạy ra ngoài vào màn đêm, ông thấy vị vua khoác chiếc áo choàng đang gập bên ông. Và khi họ đang nhìn lại phía sau để thấy cung điện đang sụp đổ trong cơn bão lửa, vị vua nói với yogi, ‘Ồ, tất cả đồ trang sức và của cải của ta đều tan thành mây khói. Nhưng ta không màng nữa: ngài đã dạy ta rằng tài sản không quan trọng, và mọi điều ta cần chỉ là bộ quần áo đơn giản.’ Nghe những từ ngữ đó, yogi bỗng nhiên quay lại và chạy về hướng cung điện đang cháy. Vị vua không hiểu yogi đang làm việc quái quỷ gì, đang tìm đến cái chết. Vì thế vua chạy theo ông và theo kịp, ‘Ngài đang làm gì vậy? Ngài điên à? Ngài sẽ chết cháy trong ngọn lửa đó. Tại sao?’ Và yogi quay về phía ngài với khuôn mặt đầy lo âu và sợ hãi và nói, ‘Cái khó của ta, cái khó còn lại của ta, ta bỏ quên nó trong cung điện, ta phải lấy được nó, nó là tất cả mà ta có.’ Và bỗng nhiên vị vua cười ngặt nghẽo, ‘Ngài sẵn lòng từ bỏ mạng sống của ngài chỉ vì cái khó đáng thương đó? Và ngài đang dạy tôi về sự từ bỏ và tự do khỏi những sở hữu!’ ”

“Vậy là, luân lý của câu chuyện là gì?” một phụ nữ hỏi. “Đừng cố gắng cứu tài sản của bạn khi ngôi nhà đang cháy?”

“Không, nó nói về sự quyến luyến,” người nào đó nhận xét. “Không đặt thành vấn đề liệu người ta quyến luyến đến cái gì đó quý giá hay cái gì đó nhỏ nòi, nó vẫn còn là sự quyến luyến.”

“Nhưng nó cũng không nói về sự ham muốn, hay sao?” một phụ nữ lớn tuổi gợi ý. “Thậm chí muốn được tự do khỏi sự ham muốn vẫn còn là sự ham muốn.”

“Đừng quyến luyến.” Krishnamurti nói, “Đừng quyến luyến bất kỳ người nào hay bất kỳ thứ gì.”

Khi tất cả chúng tôi đứng lên rời bàn ăn, mọi người mang những chiếc đĩa bẩn của họ đến chậu rửa chén đĩa, tôi nghĩ nó là một câu chuyện tạm biệt thích hợp.

Rất khiêm tốn, bởi vì ông làm tất cả mọi việc, Krishnamurti giúp đỡ công việc dọn dẹp bàn ăn, mang những bình nước, chén đĩa và những cái tô vào nhà bếp. Nhìn thấy ông giúp đỡ công việc nhà bếp, ngay tức khắc những vị khách và những ủy viên đều làm theo. Ngay cả những người mà từ trước đến nay thông thường không nghĩ ngợi về sự giúp đỡ vào dịp này cũng thay đổi thái độ và hỏi tôi họ có thể làm gì để giúp đỡ. Thế là tôi vui vẻ gia ơn bằng cách phát ra những găng tay cao su, khăn lau chén đĩa, miếng tạp dề và những cái chổi, và đưa ra những hướng dẫn vắn tắt về việc gì cần được làm.

Trong khi mọi người đang bận rộn với công việc dọn dẹp, Krishnamurti đứng yên lặng giữa cái tủ lạnh và bàn thái thức ăn và quan sát hoạt động quanh ông bằng sự vui đùa kiên nhẫn. Tôi đang bỏ những thức ăn còn dư vào những cái thùng cất giữ bằng nhựa, và ông hỏi tôi, “Bạn sẽ làm gì với thứ này, thưa bạn?”

“Chúng tôi sẽ ăn nó chiều nay, Krishnaji. Nó vẫn còn ăn được. Chúng tôi thường tận dụng hết những thức ăn còn thừa. Tôi không thích phí phạm lương thực hay quẳng nó đi.”

“Tốt.”

Lúc này ông hơi hơi **ấn** kiên nhẫn và gọi vọng tới Mary mà, vói găng tay và tạp dề, đang bận rộn tại chậu rửa chén đĩa. “Maria,” ông gọi bằng sự vui vẻ kiểu Ý, “chúng ta phải đi. Bạn vẫn còn phải sửa soạn quần áo của bạn.”

“Tôi sắp sửa xong rồi, thưa anh,” bà trả lời và quay lại nhìn ông, “Tôi vừa rửa xong vài cái đĩa cuối cùng này.”

Ông thấy rằng tôi đang để những cái bánh quy còn thừa trong một cái hộp thiếc. Tiến thẳng đến nơi tôi đang đứng, ông thỉnh cầu bằng một giọng nói thấp, “Bạn có thể cho chúng tôi vài cái bánh đó để ăn trong chuyến đi không?”

“Được thôi, Krishnaji, tôi sẽ gói nó ngay,” tôi trả lời và cuốn tròn khoảng tám cái, đầu tiên trong loại giấy trong suốt và sau đó trong lá nhôm. “Cái này sẽ bảo quản cho nó được tươi. Ông nghĩ từng đó đủ chưa?”

“Thừa rồi, thừa bạn, cảm ơn bạn,” ông trả lời. Cảm gói bánh, ông gọi vọng tới một lần nữa, “Maria.”

“Vâng, thưa anh, tôi đang đến đây,” bà trả lời.

Chương 12

MỘT NGƯỜI BẠN BẮT TỬ

Món khai vị

Xà lách trộn nhiều loại rau xanh ăn với nước sốt dầu ô liu và gia vị hay nước sốt tỏi và sữa chua.

Xà lách Hy Lạp, chế biến với cà chua, dưa leo, ớt chuông, quả ô liu, và phó mát feta.

Xà lách bông cải xanh và quả ô liu trộn.

Món chính

Mì ống phẳng rau spinach chế biến ở nhà, được xếp nhiều tầng trong nước sốt trắng và cà chua, ăn với phô mát mozzarella và parmesan.

Măng tây hầm, trong nước sốt chanh và dầu ô liu với chút muối thảo mộc.

Món tráng miệng

Bánh nướng cam phơi, chế biến với nguyên quả cam và nho khô, ăn cùng kem đánh.
Trái cây tươi theo mùa.

Giống như chúng tôi nghênh đón ông đến Ojai, chúng tôi cũng từ giả ông khi ông khởi hành đi Châu Âu. Một nhóm tám hay mười người chúng tôi tập họp ngay dưới cây tiêu buổi chiều tháng năm đó. Chúng tôi đã chất xong hành lý vào chiếc xe của trường. Hiệu trưởng sẽ lái xe đưa Krishnamurti và Mary Z. đến Los Angeles Airport, từ đó họ sẽ đi thẳng đến London. Lúc này tất cả còn sót lại là một tạm biệt mau và không xúc động, và chúng tôi quay lại công việc đều đặn của chúng tôi.

Krishnamurti, bảnh bao trong một áo khoác thể thao và cà vạt, đeo găng tay bằng da mềm, bước ra khỏi nhà, theo cùng bởi Mary Z. cũng mặc quần áo thanh lịch cho chuyến hành trình. Krishnamurti, người luôn luôn cảm thấy và cư xử như một người khách, bắt tay từng người một đứng quanh, cảm ơn từng người và mọi người vì đã tiếp đãi ông ở đây. Luân phiên chúng tôi cảm ơn ông vì đã ở cùng chúng tôi. Sau khi xong, họ lên xe của trường và đi khỏi.

Chúng tôi nhìn lẫn nhau và thở dài. Dường như thật lạ lùng đối với tôi, nhưng ngay lập tức tôi cảm thấy một mình. Có sự đau nhói của chia ly, một ý thức lạ lùng của vắng mặt, một trống không, giống như chết. Nhưng có một minh bạch đối với nó; nó không là một chất nặng bởi cảm xúc, và nó cũng không lưu lại một hương vị chua xót.

*

Mùa hè và mùa thu trôi qua, và tôi bận rộn những công việc thông thường ở trường, bao gồm công việc nấu nướng cho khối giáo viên và học sinh tại Oak Grove School, dạy những lớp học và tiếp tục những đạo bộ trên cánh đồng. Ngoài ra, tôi giúp đỡ những hội thảo cuối tuần hay nguyên một tuần lễ của Adult Center tại Arya Vihara, được thực hiện hàng tháng

bởi giáo sư vật lý người Đức và vợ của ông ấy. Trước Giáng sinh và Năm mới 1980, những suy nghĩ của tôi, mà không bao giờ hoàn toàn rời xa Krishnamurti, bắt đầu nghĩ đi nghĩ lại về việc trở lại vào đầu tháng hai của ông.

Ông đến giống như cơn gió trong lành đang mang hương thơm của một mùa mới. Trước một tuần, tôi đã bắt đầu gây dựng nhà bếp Arya Vihara cho những bữa ăn trưa sắp tới ở đó. Suốt thời gian tôi vắng mặt, người đầu bếp phụ đảm trách những bữa nấu nướng của tôi tại Oak Grove School. Đó là một thay đổi thích thú, và tôi phải cảm ơn vì cơ hội được nấu nướng cho Krishnamurti và những người khách của ông nguyên ba tháng.

Tại bữa ăn trưa đầu tiên, sau khi những câu hỏi thông thường liên quan đến những chi tiết về chuyến đi của ông đã được nói hết, bỗng nhiên ông quay về phía người hiệu trưởng, đang ngồi đối diện ông, và hi, “Những đứa trẻ, những học sinh có tin tưởng bạn không? Các em có tin tưởng những giáo viên không?”

“Ồ, đến một mức độ nào đó, chúng có tin tưởng. Các em càng trưởng thành bao nhiêu, các em càng ít tin tưởng những người lớn tuổi bấy nhiêu.”

“Tùng đó không đủ,” Krishnamurti tuyên bố. “Phải có sự tin tưởng: tin tưởng thực sự, không phải sự tin tưởng giới hạn. Các em phải cảm thấy hoàn toàn an toàn, hoàn toàn ở nhà cùng bạn.”

Khi nói chuyện tiếp tục, tôi nhận ra rằng chủ đề chính đã được thăm dò. Lần này nó là ‘tin tưởng’. Đã có một khuôn mẫu nào đó đối với cách mà chủ đề được đưa ra lúc đầu, mặc dù mỗi năm nó thay đổi và hình thức của những thay đổi về chủ đề cũng thay đổi. Một năm nó là ‘trách nhiệm’, năm sau ‘áp lực tâm lý’, được tiếp theo bởi ‘quan tâm và quan tâm về chính mình’, và năm sau đó ‘tôn giáo’. Thông thường

Krishnamurti đưa ra chủ đề trước tại bàn ăn trưa, sau đó khai triển nó tại những bàn luận và những đối thoại cùng những ủy viên, những giáo viên và những phụ huynh. Nếu có bất kỳ hội thảo hay hội nghị nào cùng những người khoa học và những nghệ sĩ, ông sẽ thường sử dụng chủ đề này để tiếp cận những chủ đề khác mà là sự tập trung của sự thâm nhập của ông vào ý thức, sống, chết và thiên định. Luôn luôn nó là một tiến hành đang sống của thâm nhập, một chuyển động có hệ thống mà khai mở giống như một bông hoa. Và, cuối cùng, chủ đề sẽ đan quyện vào những nói chuyện trước công chúng tại Oak Grove.

“Tin tưởng là gì đối với bạn?” ông đang hỏi một trong những ủy viên. “Liệu bạn tin tưởng bất kỳ người nào? Bạn tin tưởng người vợ của bạn? Bạn tin tưởng một phần, ở đây nhưng không ở đó? Tin tưởng là gì đối với bạn, thưa bạn?”

Người đàn ông ngập ngừng. “Nếu tôi tin tưởng ông,” ông ấy nói, “Vậy thì tôi có thể nương dựa ông, vậy thì tôi có sự tin tưởng nơi ông.”

Nhưng những trả lời giống như thế hiếm khi nào thỏa mãn Krishnamurti. Ông thường chuyển tải một ý nghĩa rất cụ thể đến bất kỳ từ ngữ trọng điểm nào mà ông đang sử dụng tại khoảnh khắc đó, trao cho nó một chiều sâu và minh bạch mà mở toang cánh cửa dẫn đến một nhận biết mới mẻ về sống.

“Tôi không có ý nương dựa. Nếu thế tôi phụ thuộc bạn,” ông giải thích. “Và tôi cũng không có ý sự trung thành. Đó là điều gì Giáo hội Thiên chúa giáo đã và đang yêu cầu suốt hàng trăm năm, ‘Hãy trung thành, hãy tin tưởng Chúa Jesus.’ Điều đó nhắc tôi nhớ lại một chuyện vui mà tôi vừa mới nghe. Các bạn muốn nghe nó? Một người Thiên chúa giáo đang đứng trên một hòn núi và nhìn xuống vẻ đẹp của thung lũng. Bỗng nhiên ông ấy trượt chân và rơi xuống vực

thăm và chỉ vừa đủ để bám vào một nhánh cây đang mọc ló ra khỏi vách đá. Dưới ông ấy là một vực thăm sâu một ngàn feet. Không biết phải làm gì nên ông ấy cầu nguyện, ‘Làm ơn, Chúa ơi, giúp con. Cứu con khỏi chết đi Chúa ơi.’ Và một tiếng nói từ trên trời vọng xuống, ‘Hãy tin tưởng, buông tay ra!’ Và người đàn ông ngược lên và nói lớn tiếng, ‘Có ai ở trên đó không?’”

Trong khi tất cả chúng tôi đều đang cười, Krishnamurti nhìn chúng tôi bằng hai mắt sáng rực, cuối cùng hỏi, “Tin tưởng là gì? Bạn có tin tưởng? Không phải tin tưởng điều gì đó, ý tưởng hay lý tưởng của tôi, chỉ tin tưởng.”

Cuối bữa ăn, chúng tôi đứng dậy cùng nghi vấn vẫn còn không được giải đáp. Đối với tôi, nó lảng vảng trong khi tôi đang quét rền nhà bếp, và tiếp theo suốt ngày nó trở đi trở lại. Bởi vì tôi cứ suy nghĩ về nó, tôi nghĩ tôi đang thoáng nắm được điều gì ông hàm ý: tin tưởng như một trạng thái của cái trí, trong nó không có sợ hãi, không lo âu, không nghi ngờ và xung đột; một cái trí không có áp lực, không có những vấn đề cá nhân.

*

Vài ngày sau chúng tôi bỏ bữa ăn trưa bởi vì Krishnamurti muốn nghỉ ngơi một ngày, như thỉnh thoảng ông thực hiện để bảo toàn năng lượng của ông (lúc này ông đã tám mươi lăm). Tôi sửa soạn vài món ăn đơn giản, sau đó mang trên một cái khay đến Pine Cottage. Sau khi đặt khay trên bàn, tôi hỏi ông khi nào tôi phải quay lại để thu dọn bữa ăn.

“Hãy đến sau một tiếng đồng hồ, thưa bạn,” ông nói. “Đừng rung chuông, chỉ đi vào thẳng. Tôi sẽ để cửa mở.”

Khi tôi quay lại một tiếng đồng hồ sau, tôi choáng váng bởi quang cảnh tôi bắt gặp phải trong phòng ăn. Krishnamurti đang ngồi không ngay thẳng tại bàn ăn, cũng không nhai thức ăn trong miệng ba mươi hai lần, cũng không tiêu hóa những hoa màu của quả đất một cách thiền định. Ông đang cúi người trên cái đĩa trong một dáng điệu rất thoải mái, đang cầm cái nĩa trong một tay và một quyển sách trong một tay còn lại. Dường như ông mê mải đọc quyển sách. Nó như thể một hình ảnh trong những hình ảnh của tôi đang bị xé nát: ông không làm mọi thứ bằng sự chú ý trọn vẹn 100%. Không thể kềm hãm sự ngạc nhiên tôi nói, “Ông đọc trong khi ông đang ăn, Krishnaji?”

“Thỉnh thoảng thức ăn cũng chán lắm,” ông trả lời, sau đó mau lẹ thêm vào, “Nó ăn ngon lắm, ngon lắm, thưa bạn. Chỉ khi nào bạn ngồi một mình nhai nó, nó mới hơi chán một chút.”

Sự giải thích đơn giản của ông khiến cho tôi nguôi bớt và mang lại một nụ cười toe toét hân hoan trên khuôn mặt của tôi. Thu dọn những cái đĩa trên khay, tôi hỏi, “Ông đang đọc gì vậy, thưa ông?”

“Một quyển trình thám, viết bởi Rex Stout,” ông trả lời và giơ trang tựa đề ra.

Khi tôi đang rời Pine Cottage, ông mỉm cười và nói, “Cám ơn bạn, Michael! Gặp bạn ngày mai.”

*

Cái tên ‘Krishnamurti’ có nghĩa ‘yêu quý Krishna’, và nói về người anh hùng thần thánh của thần thoại Ấn giáo, Krishna. Khi ở Madras, tôi phát giác nó là một cái tên thông dụng ở Nam Ấn: quyển danh bạ điện thoại có nhiều trang về nó trong những đánh vần khác nhau. Trong thế giới phương Tây,

với sự vui đùa của chúng tôi, tên của ông thường bị phát âm và đánh vần sai. Một số những lá thư của người hâm mộ và thư linh tinh mà ông nhận được đề gửi đến Krishna Murphy, Christian Murphy, Kristy Moorty, Christoph Murphy và còn nhiều tên nữa.

Ông có cách đặc trưng riêng của ông khi nói về mình. Suốt những nói chuyện trước công chúng ông sẽ thường sử dụng thuật ngữ ‘người nói’ và ‘người ta’, ‘chúng ta’ và ‘bạn’ trong một nỗ lực từ bỏ từ ngữ ‘tôi’. Ông thường thích chế giễu mình, với những cụm từ ‘cái người trên bục’, ‘gã tội nghiệp’, ‘lão già’, và những diễn tả tương tự. Nhưng nói chung cách thường xuyên nhất mà ông nói về mình, cả trước công chúng hay nơi riêng tư, đơn giản là ‘K’. Có lẽ do bởi sự giấu tên bằng một ký hiệu chữ cái gây ra sự hấp dẫn cho ông.

*

Tại những bữa ăn trưa đầu tháng ba, chúng tôi là một nhóm thân thiết tương đối ít người cùng một người khách đặc biệt, một phụ nữ lớn tuổi người Ấn độ, mà đã là một người bạn và người cộng tác của Krishnamurti suốt nhiều năm. Bà đang ngồi đối diện ông, trong một sari màu đỏ sẫm với một chấm *bindi* màu đỏ trên trán của bà. Ông đang trao chú ý trọn vẹn vào bà, nghiêng người trên bàn khi họ trao đổi. Dường như nó giống như một nói chuyện riêng tư, mặc dù nó diễn ra trong sự hiện diện của mười hai người khác. Họ đang nói về con người và những sự kiện cách đây lâu lắm rồi, mãi đến tận những ngày tháng của Theosophical Society. Sự nhớ lại của Krishnamurti về những ngày đó dường như khá mờ mờ. Ông cứ hỏi người phụ nữ về những chi tiết của những tình huống cụ thể, bà ấy cứ nhắc ông về việc gì ông đã làm và người nào đã có mặt lúc đó. Nghe ra có vẻ ngạc nhiên cũng như khá

huyền bí. Tại một vấn đề, ông ngã người ra phía sau và thắc mắc lớn tiếng, “Tại sao cậu trai đó không bị ảnh hưởng hay hư hỏng bởi tất cả nịnh nọt, tiền bạc và quyền hành?” Qua từ ngữ ‘cậu trai’ ông đang nói về mình như một thiếu niên suốt những ngày đầu tiên ở Theosophy.

Tôi đã nghe ông hỏi vấn đề tương tự vào một dịp trước. Có vẻ nó không giống như một câu hỏi khoa trương. Có những khía cạnh khó hiểu của con người và sống của ông, mà có vẻ là một huyền bí đối với ông cũng giống hệt như những người chúng tôi.

“Liệu nó là một cái trí ráo hoảnh?” ông dò dẫm, “Cậu trai mơ mộng, trống rỗng, hầu như khờ dại. Không bám chặt thứ gì; mọi thứ chỉ thoáng qua cái trí. Nó giống như một cái sàng, không giữ lại bất kỳ thứ gì.” Ông nhìn dò hỏi, đầu tiên người phụ nữ, sau đó chúng tôi, như thể một trong chúng tôi có thể cung cấp một trả lời cho những sự kiện bất thường đã tạo ra sống của ông.

“Khi cậu ta đi bằng xe lửa,” ông nhớ lại, nửa ngạc nhiên và nửa vui vui, “họ thường dành riêng một ngăn cho cậu ta. Hai ngăn kế, trước và sau, dành cho những người theo cùng.”

“Nhưng tại sao?” tôi hỏi.

“Để bảo vệ cậu ta,” ông cười. “Để bảo đảm rằng không người nào gây phiền hà cậu ta, và để giữ gìn cho cậu ta được thuần khiết và không vấy bẩn. Không người nào được phép chạm vào người cậu ta hay những đồ dùng cá nhân của cậu ta. Và luôn luôn có người nào đó theo cùng cậu ta.”

“Và người em nhận được cùng sự đối xử?” tôi hỏi, nói về người em của ông, Nityananda đã chết tại Arya Vihara năm 1925.

“Ồ không,” ông trả lời, và, chọc một ngón tay thon dài vào ngực, thêm vào bằng một tiếng cười mỉa mai, “Đây là

Phương tiện. Tất cả những người khác phải chăm sóc cậu ta. Họ thường phủ phục người xuống trước cậu ta, tôn thờ một cách thực tế cậu ta. Nhưng không rình nọt và nhặng xị nào có thể gây xúc động cậu ta. Không việc gì có ý nghĩa đối với cậu ta, các bạn hiểu chứ, thưa các bạn? Tại sao như thế? Tại sao cậu ta không bị hư hỏng bởi tất cả việc đó? Liệu nó là cái trí trống không của cậu ta?” Ông bỗng nhiên yên lặng, trầm ngâm suy tưởng về sự huyền bí của thời xa xưa.

*

Ngày tiếp theo, chúng tôi ăn trưa món xà lách ~~on~~ kiêu Hy Lạp, xà lách ~~tôn~~ bông cải xanh và quả ô liu, mì ống phẳng spinach chế biến với một nước sốt trắng và một nước sốt cà chua, măng tây, và bánh ~~ong~~ cam phoi cho món tráng miệng. Chúng tôi đang nói về Oak Grove School và ~~sr~~ liên hệ của nó với cộng đồng, và Krishnamurti hỏi hiệu trưởng, “Người công nhân bình thường đang làm việc tại quầy tính tiền của chợ Meiner’s Oak nghĩ gì về Oak Grove School? Anh ấy, hay chị ấy, có bất kỳ ý tưởng nào về việc gì chúng ta đang làm? Hay ~~h~~ nghĩ rằng chúng ta là tôn giáo phương Đông kỳ dị nào đó?”

Một số người chúng tôi mỉm cười bởi câu hỏi, mà nghe có vẻ ngây thơ nhưng có một góc độ liên quan. Hiệu trưởng trả lời, “Ồ, Krishnaji, tôi nghi ngờ liệu có bất kỳ những công nhân bậc thấp nào đã nghe về ngôi trường hay về ông.”

Một giáo viên thêm vào, “Có thể họ đã thấy biển chỉ đường khi họ đang lái xe chạy qua, vì vậy ít nhất họ biết rằng có một trường học.”

“Nếu họ không có con cái riêng của họ ở đây, họ sẽ chẳng quan tâm gì đến ngôi trường cả,” người nào khác thừa nhận.

Krishnamurti không ~~đ~~ trả lời.
“Không, thưa bạn, tôi biết tất cả việc đó. Nếu không có người nội trợ nào ngoài chợ, ví dụ một người nào đó có giáo dục khá mà có sự nhận biết nào đó về việc gì đang diễn ra ở Ojai Valley và trong ~~t~~ giới. ” Ông ~~l~~ bắt đầu cười lớn tiếng với dòng suy nghĩ riêng của ông. “Được rồi, thưa bạn, ví dụ một người rất có giáo dục, khá thông minh, một bác sĩ, một luật sư – không, không ~~p~~ một luật sư – ví dụ hiệu trưởng Thacher School: họ nói gì về Oak Grove School?”

Hiệu trưởng trả lời, “Ồ, thưa ông, ông biết rằng chúng tôi vừa dựng lên một cái bảng gỗ thật lớn tại lối vào của trường và...”

“Tôi biết tất cả việc đó, thưa bạn. Làm ơn tiếp cận câu hỏi. Vấn đề là gì? Liệu nó là cái tên? Cái tên ‘Krishnamurti’?”

Sự chân thật thấm thía và không mất tự chủ của ông cắt đứt hoàn toàn ý thức của dao động đang nảy sinh, bất kỳ khi nào đề tài ‘cái tên’ được đưa ra. Một giáo viên thẳng thắn nói, “Krishnaji, cái tên ‘Krishnamurti’ ~~g~~ lên sự sợ hãi, nếu không thành kiến, trong những người Mỹ trung bình. Nó gọi lên những ý nghĩ về cái gì đó ngoại lai, về những đạo sư, những giáo phái, những nghi lễ lạ lùng nào đó. Sự liên tưởng đầu tiên là phong trào Krishna Consciousness, mà ~~ã~~ được biết đến khắp thế giới. Những người biết rất ít về tất cả điều này hầu như có sự liên tưởng tự động giữa những cái tên này – Krishna, Krishna Consciousness, Krishnamurti. Nó nghe giống y hệt đối với họ, và trong cách nào đó nó là giống y hệt. Dĩ nhiên nó là một phản ứng rất hời hợt, nhưng nhiều người đã từng nghe về Krishna Consciousness hơn là nghe về ông.”

“VẬY thì bỏ nó đi,” Krishnamurti tuyên bố rất nhấn mạnh và không chút do dự. “Bỏ cái tên đi, thưa bạn. Cái tên không quan trọng gì cả. Nếu nó là một cản trở, bỏ nó đi.”

Hành động của ông là tức khắc và không chần chừ. Tuy nhiên, mọi người khác có mặt tại bàn ăn phản ứng bằng những mức độ khác nhau của sự choáng váng đối với lời đề nghị của ông. Một ủy viên nói, “Nhưng Krishna, làm thế nào chúng tôi bỏ cái tên đó? Chúng ta là Krishnamurti Foundation.”

Một người khác lắp bắp, “Chúng ta không thể bỏ cái tên đó – làm thế nào người ta có thể...?”

Một giáo viên nói, “Nó không có ý nghĩa. Chúng ta sẽ gọi chúng ta là gì, Học viện Giáo dục?”

Tâm trạng lo lắng bất ngờ tràn ngập nhóm người, bởi vì ngay lập tức mọi người đưa ra quan điểm của mình. Tôi đang nhìn Krishnamurti, người mà những từ ngữ của ông đã châm ngòi sự khuấy động thuộc cảm xúc. Ông đang ngả người trong ghế, bình thản gấp hai bàn tay trên đùi và quan sát bằng một diễn tả xa cách việc gì đang xảy ra quanh ông. Ông có ý về điều gì ông đã nói. Một cái tên – dù nó là của riêng ông hay người nào khác – chẳng có chút xíu quan trọng nào đối với ông, đặc biệt nếu nó cản đường cái gì đó vĩ đại và đầy sức sống hơn.

Hiệu trưởng nói, “Krishnaji, ông biết rằng chúng tôi vừa dựng lên cái biển chỉ đường mới.” Ông ấy đang nói về một cái biển bằng gỗ to lớn, và vừa được dựng lên tại lối vào đường xe hơi dẫn đến khuôn viên trường. Nó là, ‘Oak Grove School of the Krishnamurti Foundation of America’, hàng thứ hai nổi bật hơn hàng thứ nhất.

“Phải mất thời gian nhiều lắm...”

“Hạ nó xuống.”

“Ông có ý...?”

“Hạ cái biển xuống và thay thế nó bằng một cái biển mà chỉ đề cập đến tên trường. Việc đó sẽ chăm sóc cho nó. Chấm dứt. Đủ rồi.”

Lúc này, ông có ột khả năng hiếm có để cắt đứt những lang thang của sự suy nghĩ, cắt đứt những tính toán dài dòng của ủng hộ hay phản đối, và đạt đến một quyết định. Nhưng ông không phải là không thể sai lầm, khi ông là người đầu tiên sẽ thừa nhận. Đặc biệt trong những vấn đề cá nhân hay thực tế, thỉnh thoảng những quyết định của ông hóa ra lại sai lầm. Và quá thường xuyên, chúng tôi có khuynh hướng tuân theo sự ham muốn của chúng tôi để làm vui lòng ông và không thách thức ông đúng mức.

Kết thúc vấn đề, ông nhận xét, “Có lẽ tôi nên thay đổi cái tên của tôi thành Christopher Murphy.”

Sự căng thẳng phát sinh quanh bàn ăn được giải phóng, và một trong những ủy viên nhận xét hóm hỉnh, “Việc đó sẽ giải quyết được nhiều vấn đề, Krishnaji.”

Như một kết luận của nói chuyện này, biển chỉ đường trước ngôi trường được hạ xuống và được thay thế bởi một cái biển nhỏ hơn mà chỉ viết đơn giản, ‘Oak Grove School’.

*

Tháng ba, Krishnamurti bắt đầu gặp gỡ đều đặn giáo viên và phụ huynh vào những buổi chiều cuối tuần tại Pine Cottage. Những bữa ăn trưa vào những ngày đó được tham gia đông lắm. Nhiều giáo viên tận hưởng cơ hội để đưa ra cho ông những câu hỏi về sống của ông, và ông tự nguyện và cởi mở trả lời những tìm hiểu của họ.

Một trong những giáo viên, đang ngồi cạnh ông tại bữa ăn trưa vào ngày ất biệt này, mong muốn biết về những người nổi tiếng mà ông đã gặp ở California. Mặc dù ông nhớ

lại đã gặp Stravinsky, Isherwood, Chaplin, Greta Garbo và John Barrymore, trong ố những người nổi tiếng khác, ông không có nhiều giai thoại về họ. Chỉ đến khi bạn ấy đề cập Aldous Huxley, người viết tiểu thuyết Anh, ông bắt đầu thao thao và kể lại câu chuyện của tình bằng hữu lâu dài và phong phú của họ.

“Lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau trước chiến tranh và thường thăm viếng nhau, và liên lạc thư từ. Mỗi lần tôi đến gặp bạn ấy và người vợ Bỉ, Maria, ở Mojave Desert, nơi họ vừa dọn đến. Tôi vừa viết ra một vài quan sát của tôi và đưa nó cho Aldous đọc. Lúc đó tôi nhút nhát lắm. Nhưng bạn ấy đọc nó say mê, nói rằng nó rất mới mẻ, và thúc giục tôi tiếp tục viết. Bạn ấy nói rằng chưa bao giờ thấy văn phong này trong văn chương thế giới trước kia – một diễn tả tự nhiên được theo sau bởi một đoạn văn triết lý dài và một đối thoại. Bạn ấy khuyên tôi viết đều đặn, có lẽ một hay hai trang một ngày, và thế là tôi tuân theo điều đó.” Ông phác một cử chỉ xin lỗi nhẹ, như ông thỉnh thoảng làm khi đang nói về mình. “Chúng tôi thường dạo bộ rất lâu trong những quả đồi, và bạn ấy sẽ thuyết trình lê thê về những bông hoa và những cái cây bên đường đi và những con thú mà chúng tôi bất ngờ gặp phải.” Một ý thức sâu thẳm của thương yêu chiếu sáng qua những từ ngữ của ông khi ông nói về người bạn đã chết mười bảy năm trước. “Aldous có sự hiểu biết lạ thường về mọi thứ. Bạn ấy là quyển tự điển bách khoa sống. Bạn có thể hỏi bạn ấy về bất kỳ điều gì, và bạn ấy có thể cho một bài diễn thuyết uyên bác về nó, dù là tôn giáo, âm nhạc hay nghệ thuật, một con côn trùng lạ hay một cái cây.” Ông ngừng lại và nhìn người phụ nữ bên cạnh ông. “Nhưng bạn ấy nhận ra rằng sự hiểu biết phi thường của bạn ấy là một gánh nặng và ngăn cản bạn ấy không trải nghiệm mọi thứ mới mẻ lại. Tất cả mớ ký ức được lưu trữ đó khiến cho bạn ấy không hiệp

thông cùng cái mới mẻ và khởi nguồn. Và bạn ấy nhận biết rất rõ ràng về nó. Thỉnh thoảng bạn ấy thường nói với tôi, ‘Tôi sẽ sung sướng từ bỏ mọi thứ, tất cả sự hiểu biết và sự thông thái của tôi, để nắm bắt một chút xíu về *cái đó*, để nhận được một nhận biết hiệp thông của sự thật.’ Và Krishnamurti phác cử chỉ nhấn mạnh, chỉ thẳng vào cái đó mà vượt khỏi những từ ngữ. “Chúng tôi có một liên hệ thật lạ lùng – rất thương yêu và tnhị. Thường xuyên trong suốt những chuyến dạo bộ cùng nhau chúng tôi sẽ không nói một lời, hay chúng tôi sẽ ngồi yên lặng cùng nhau.”

“Liệu ông ấy cũng không sử dụng những loại thuốc ảo giác một thời gian, hay sao?” cô ấy hỏi.

“Ông ấy đã viết về nó trong *The doors of Perception Cánh cửa của Sự Nhận biết* và *Heaven and Hell Thiên đàng và Địa ngục*,” tôi chen vào.

“Đúng, bạn ấy có thử nghiệm chúng,” Krishnamurti trả lời. Mặc dù tôi biết rằng ông không chấp nhận thuốc men thuộc bất kỳ loại nào và chối từ giá trị của những trải nghiệm nhờ vào thuốc men, tôi không nhận thấy bất kỳ âm điệu đánh giá nào trong giọng nói của ông. “Bạn ấy thường kể cho tôi về những cảm giác của bạn ấy: những màu sắc của những bông hoa nở nên rực rỡ và sinh động ra sao, và không gian giữa bạn ấy và bông hoa biến mất như thế nào.”

Ông ngừng lại một chút và mỉm cười. Nhìn thấy những khuôn mặt háo hức của chúng tôi, ông hỏi, “Tất cả những điều này gây hứng thú cho các bạn à?”

Khi nhiều người trong chúng tôi trả lời đầy nhiệt tình, “Có, có,” ông biểu lộ một trong những nhún vai đặc trưng của ông, thể hiện rằng nó hoàn toàn tùy vào chúng tôi. “Bạn ấy bị mù một mắt,” ông tiếp tục, “và có thị lực sút kém nơi mắt còn lại. Bạn ấy thường thực hành một phương pháp đặc

biệt về tập thể dục cho mắt, Bates Method. Bạn ấy giải thích cho tôi từng chi tiết, và tôi đã thực hành nó kể từ đó.”

“Ông thực hành nó hàng ngày?” tôi hỏi.

Ông gật đầu, “Hàng ngày khoảng nửa tiếng đồng hồ.”

“Những bài tập thể dục này gồm có gì?” một giáo viên đeo kính hỏi đầy hứng thú.

Ngay tức khắc Krishnamurti trình bày những bài tập đơn giản, như xoa bóp hai mí mắt trong kiểu vòng tròn, chuyên nhãn cầu trong những phương hướng khác biệt, và tập trung vào những vật tại một khoảng cách xa, trong khi che một mắt bằng bàn tay. Thật vui khi nhìn thấy sự thỏa mãn ông nhận được trong diễn tả những khía cạnh khác nhau của phương pháp Bates, và tôi kinh ngạc bởi sự cẩn thận mà ông giải thích những vấn đề dường như nhỏ nhất như thế. Vào một dịp trước ông đã giải thích rõ ràng về cách đánh bóng đôi giày, công việc mà ông làm đều đặn. Một lần khác ông giải thích cho chúng tôi làm thế nào để đi đúng cách trong những rặng núi từ một đội trưởng của toán leo núi Alps.

Kể hết câu chuyện về tập thể dục hai mắt của ông, ông vẫn tắt quay lại để nói về người bạn vĩ đại của ông từ nước Anh. “Aldous hút thuốc nhiều lắm. Cuối cùng bạn ấy bị ung thư lưỡi. Đó là lý do tại sao bạn ấy chết.”

Phần III



NHỮNG NĂM HOÀN TẤT

Chương 13

MỘT GẶP GỠ CỦA NHỮNG CÁI TRÍ

Món khai vị

Xà lách xanh lật qua lại với nước sốt dầu ô liu và gia vị hoặc pho mát sữa cừu.

Xà lách mì, chế biến với mì ống mỏng, ô liu và hạt thông thái nhỏ, và nước sốt pesto.

Cà chua tươi thái, với những lát pho mát mozzarella mỏng và rau húng quế ngọt.

Món chính

Bắp hầm: hạt bắp ngọt trong một pha trộn của hành, ớt ngọt, và cà rốt.

Đậu đen Cuba, nấu trong một nước sốt cà chua với cần tây, ớt ngọt, rau mùi và ớt bột dịu.

Cà rốt và dưa.

Món tráng miệng

Bánh bột năng tapioca.
Trái cây tươi theo mùa.

Tháng ba năm 1980, Giáo sư David Bohm và người vợ của ông Saral đến ở cùng chúng tôi sáu tuần lễ. Họ đã đều đặn viếng thăm Ojai từ năm 1976 khoảng thời gian của Những Nói chuyện, ở lại khoảng một hay hai tháng trong khu dành cho khách trên lầu đối diện Pine Cottage. Qua nhiều năm tháng tôi đã có thể chứng kiến rất gần tình bằng hữu tốt lành giữa Krishnamurti và David, mà đã được nở hoa trọn vẹn suốt hai mươi năm trường.

Lần đầu tiên tôi đã nghe về David Bohm suốt Những Nói chuyện trước công chúng tại Brockwood năm 1972, khi một sinh viên đề cập đến ông ấy như ‘một người tay phải’ của Krishnamurti, một diễn tả tôi thấy hơi hơi lạ lùng. Anh ấy tiếp tục kể cho tôi rằng Bohm, từ nước Mỹ, là một giáo sư vật lý lý thuyết tại London University. Thời gian trước ông ấy đã làm việc với Einstein và Oppenheimer và giữ những chức vụ dạy học tại những trường đại học ở Brazil và Israel. Là một ủy viên của English Foundation, ông và vợ ông đều đặn viếng thăm Brockwood Park và thực hiện những đối thoại cùng Krishnamurti, cũng như với giáo viên và học sinh.

Năm sau, 1973 tại Saanen, tôi đọc một quyển sách vừa xuất bản được viết bởi Krishnamurti, *The Awakening of Intelligence Sự Thức dậy của Thông minh*. Chương cuối cùng, có tựa đề *On Intelligence Bàn về Thông minh*, chứa đựng một bản chép lại được biên tập của một đối thoại tập trung giữa Krishnamurti và Bohm. Hai cái trí lỗi lạc chuyển động cùng nhau và thâm nhập chiều rộng và chiều sâu của sự suy nghĩ và thông minh. Tôi chưa bao giờ đọc hay nghe về bất kỳ chủ đề nào giống như thế trước kia. Vài ngày sau sự khám phá này, tôi đã có một gặp gỡ bất ngờ ngắn ngủi với David và vợ ông, khi chúng tôi đang trên đường đến cái lều nơi Krishnamurti sắp sửa thực hiện một nói chuyện sáng hôm

đó. Nhưng chỉ mãi đến mùa xuân năm 1976, chúng tôi mới biết nhau nhiều hơn và trở thành những người bạn thân.

*

Trong tiến hành tình bằng hữu của họ, Krishnamurti và David phát giác rằng họ chia sẻ không những một đam mê muốn lật tung những phương cách của sự suy nghĩ nhưng còn cả một quan tâm về ngôn ngữ và cách sử dụng thích hợp của nó, với một ưa thích để dỏi theo những nguồn gốc và lịch sử của những từ ngữ. Trong những đối thoại của họ, cả hai người thường bộc lộ rằng quay lại ý nghĩa gốc của một từ ngữ có thể cung cấp một thấu triệt kinh ngạc – không chỉ vào lịch sử của nó nhưng còn cả vào sự thật của từ ngữ đó đại diện cho cái gì. Ngạc nhiên thay, họ khám phá rằng họ đang sử dụng cùng quyển tự điển, mà cũng không phải là Oxford hay Webster nhưng **chỉ** ít được biết đến *Universal Dictionary of the English Language* viết bởi Wyld & Partridge.

Suốt những năm tháng đồng hợp tác của họ, Krishnamurti và David tham gia nhiều đối thoại, một số trong chúng, như **ột** loạt mười hai đối thoại năm 1975 tại Brockwood Park, **được** thu băng lại. Năm 1976, bảy bản luận giữa Krishnamurti, David Bohm, và David Shainberg, một người phân tâm học từ New York City, được thu video lần đầu tiên và xuất bản dưới tựa đề *The Transformation of Man Sự Thay đổi của Con người*.

Suốt tiến hành những đối thoại của họ, họ không chỉ thâm nhập bản chất của cái trí nhưng còn cả mài bén sự chính xác thuộc từ ngữ của họ bằng cách định nghĩa rõ ràng những ý tưởng chính. Krishnamurti kiên trì sử dụng ngôn ngữ hàng ngày, đơn **gần** để diễn tả những thấu triệt của ông, thành

thoảng sử dụng những hình ảnh thi ca. Tận đáy lòng, ông bám chặt sự thật rằng ‘sự diễn tả không là điều được diễn tả, từ ngữ không là sự việc’. Đó là, ông sử dụng những từ ngữ để chỉ ra cái gì đó vượt khỏi từ ngữ và vì vậy có khuynh hướng linh động trong sự sử dụng từ ngữ của ông.

Điều này được khiến cho minh bạch khi họ làm cho hòa hợp sự khác biệt giữa những ý tưởng liên quan, như ‘cái trí’, ‘bộ não’, ‘trí năng’, và ‘suy nghĩ’; ‘sự nhận biết’, ‘sự chú ý’, và ‘thấu triệt’; và ‘thực tế’, ‘thực sự’, và ‘sự thật’, thường được sử dụng hoán đổi cho nhau bởi Krishnamurti. Đặc biệt trong ví dụ sau, sự khai triển rõ ràng tạo ra những khía cạnh của ý nghĩa đang nói nào đó. Từ ngữ ‘reality’ thực tế có từ tiếng Latin ‘res’ có nghĩa ‘vật’, mà luân phiên liên quan đến ‘rere’ = ‘để suy nghĩ’. Như vậy theo cách đó, thực tế hàng ngày của chúng ta gồm có những sự vật mà hiện diện và chúng ta có thể suy nghĩ về chúng. Vì vậy, ngay cả những ảo tưởng, những sai lầm và những dối trá đều là những hình thức của thực tế – ít ra, trong bộ não mà chúng xuất hiện trong đó và trong những ảnh hưởng thực tế mà kết quả từ những hành động chúng có thể gây ra. Do đó, một người đang trải qua ảo tưởng rằng anh ấy hay chị ấy là Napoleon sẽ tạo ra những đặc điểm cư xử của Napoleon. Trái ngược với ‘thực tế’ có ‘thực sự’ – ‘cái mà hành động’, hay sử dụng cụm từ của Krishnamurti, *cái gì là*. ‘Thực sự’ bao gồm ‘thực tế’ nhưng cũng cả thăng hoa nó, trong thực sự nó tương ứng với một tình trạng tổng thể năng động, mà trong đó tất cả những sự vật sự việc có liên quan qua đi và tác động lẫn nhau và nơi mà sự phân chia thông thường được ngừng lại và được khiến thành tổng thể. Kế tiếp, ‘sự thật’ vượt khỏi cả ‘thực tế’ lẫn ‘thực sự’, giống như nền tảng hay hậu cảnh mà cho phép cái thực sự thể hiện. Một cách cơ bản, sự thật vượt khỏi sự

hiểu rõ và sự diễn đạt bằng từ ngữ: tình trạng không-vật tuyệt đối.

Tất cả đang định nghĩa này về những từ ngữ, những hình ảnh, và những ý tưởng, đều nghiêm túc và thăm thẳm chứ không phải là sự đùa giỡn thuộc ngữ nghĩa – nó tương đương một tiến hành thực sự, trong đó hai cái trí thông minh thâm nhập ý thức của con người để thấy liệu có cái gì đó vượt khỏi những chu vi của sự suy nghĩ: cái không biết được, cái không giới hạn.

*

Khi David và Saral Bohm^đ ở cùng chúng tôi tại Arya Vihara, nó là một đột phá trong nhiều khía cạnh, cho cả những giáo viên và chính tôi. Bữa ăn chiều mà tôi nấu nướng cho họ tại A. V. trở thành một sự kiện văn hóa, thuộc mọi loại. Bất kỳ những giáo viên nào đều được nghênh đón để tham gia cùng David và những cư dân của A. V. cho bữa ăn tối và để tham gia trong đối thoại, mà thường thường bắt đầu suốt bữa ăn và tiếp tục sau đó trong phòng khách. Rất nhiều giáo viên tận hưởng cơ hội để trao đổi với David Bohm trong một không khí thư giãn, nhờ đó kiếm được một triển vọng mới mẻ về những nghi vấn được đưa ra bởi Krishnamurti, cũng như bày tỏ những ý kiến riêng của họ. Những buổi chiều cùng David này đầy những khám phá và tiếng cười thoải mái.

Một buổi chiều tháng ba năm 1980, sau khi chúng tôi ăn tối xong và rút về phòng khách, một giáo viên mới đến trường tò mò muốn biết làm thế nào hai con người khác biệt quá nhiều về phẩm chất, tính khí và nền quá khứ như Krishnamurti và David lại gặp nhau được.

“Làm thế nào ông và Krishnamurti lại quen biết nhau?” cô ấy hỏi.

Bởi vì thỉnh thoảng ông ấy có thói quen, ông để nó cho Saral trả lời những câu hỏi liên quan đến cả hai người. “Đó là năm 1957,” bà ấy bắt đầu, “và Dave đang làm việc tại Bristol University. Một buổi chiều chúng tôi đang ở trong thư viện trường, và tôi bất chợt bắt gặp một quyển sách có tựa đề *The First and Last Freedom Tự do Đầu tiên và Cuối cùng*. Đọc nó, tôi nhận thấy nhiều đoạn văn nói về ‘người quan sát và vật được quan sát’, mà nhắc tôi về công việc mà Dave đang nghiên cứu trong lãnh vực của cơ học lượng tử. Thế là tôi đưa quyển sách cho ông đọc, và mỗi lúc ông càng mê say nó. Bởi vì chúng tôi không biết gì về tác giả, cuối cùng chúng tôi viết cho nhà xuất bản để có được thông tin về Krishnamurti. Họ gửi cho chúng tôi một địa chỉ nơi chúng tôi có thể tìm hiểu thêm nữa về Krishnamurti. Khi chúng tôi liên lạc với văn phòng, mà lúc đó đặt ở London, họ đưa cho chúng tôi ngày tháng và địa điểm của một nói chuyện nơi ông sẽ tổ chức. Chúng tôi nghe ông nói lần đầu tiên vào năm 1960.”

“Và làm thế nào anh chị gặp riêng Krishnamurti?”

“Sau khi chúng tôi nghe những nói chuyện của ông, Dave bắt đầu rất mong muốn được gặp gỡ cá nhân ông. Thế là chúng tôi lại viết cho văn phòng ở London và hỏi liệu một gặp gỡ riêng có thể được sắp xếp, và rất mau họ trả lời, hỏi chúng tôi liệu có thuận tiện để gặp gỡ Krishnamurti tại một địa điểm và thời gian như thế. Ông đang ở tại một khách sạn ở London, và chúng tôi đi thẳng đến phòng của ông. Ông rất thân thiện, cố gắng khiến cho chúng tôi cảm thấy thoải mái. Khoảng thời gian đầu nó cảm thấy hơi trang trọng, nhưng ông rất cởi mở và chú ý khi Dave bắt đầu nói với ông về công việc của anh ấy. Ông lắng nghe kỹ lưỡng, hỏi Dave mọi loại câu hỏi, hoàn toàn không có sự dè dặt hay bất kỳ rào cản

nào giữa họ. Khi Dave bắt đầu nói chuyện về người quan sát và vật được quan sát, Krishnamurti mỗi lúc một phần khích, nói ‘Vâng, vâng, vâng,’ và cuối cùng ông ôm Dave.” Bà bắt đầu cười khi kể lại phần cuối của câu chuyện.

Mười người chúng tôi ngồi thoải mái trên ghế sofa của phòng khách có đèn sáng trưng tham gia trò chơi của bà khi câu chuyện kể của bà khơi dậy sự gặp gỡ giữa vị giáo sư yên lặng, bảo thủ và Krishnamurti năng động, người lớn hơn ông ấy hai mươi lăm tuổi. David cũng cười vui vẻ, vỗ mạnh vào phía sau đầu bằng một bàn tay, một trong những cử chỉ đặc trưng của ông ấy.

Sau lần đó, sự quen biết của họ thăng hoa thành tình bạn và đồng hợp tác khi gia đình Bohm đều đặn tham gia Những Nói chuyện tại Saanen. Trong sự hoành tráng tự nhiên của những rặng núi Thụy sĩ, hai người đàn ông thực hiện những chuyến dạo bộ dài, cùng nhau nói chuyện về những vấn đề và những thách thức to tát đang đối diện nhân loại. Khi vào năm 1968 một Foundation quốc tế, mới – Krishnamurti Foundation Trust – được thành lập ở Anh, Krishnamurti mời David là một trong những ủy viên của nó. Sau sự kiện đó, cả David và Saral bắt đầu để hết tâm trí trong công việc của ngôi trường mới tại Brockwood Park.

*

Cuối tháng ba năm 1980, Krishnamurti bắt đầu thực hiện những gặp gỡ buổi chiều đều đặn cùng cả những giáo viên và phụ huynh của Oak Grove. Đúng thời gian đó, gia đình Bohm đến. Krishnamurti đón chào nồng nhiệt và bảo đảm rằng họ có đủ mọi thứ họ cần trong khu dành cho khách, cách nơi ông ở dưới hai mươi yard. Ông và Mary Z. tham gia cùng David và Saral và những người còn lại của chúng tôi cho bữa

ăn tối tại A. V. chiều hôm đó, một sự kiện hiếm hoi, bởi vì họ thường ăn tối riêng tại Pine Cottage. Krishnamurti mời David đến tham gia Gặp gỡ cùng những giáo viên vào ngày hôm sau.

Ngay lúc đầu của đối thoại trong phòng khách của Pine Cottage, Krishnamurti mời David ngồi trong một cái ghế bành cạnh ông và giới thiệu ông cùng Sarah cho những giáo viên – mặc dù nhiều người trong chúng tôi đã quen biết ông rồi. Trước công chúng, ông có khuynh hướng trang trọng và lúc này cũng gọi ông ấy là ‘Dr. Bohm’ và ‘Professor Bohm’. Nhưng khi vào sâu trong bàn luận, bỗng nhiên ông quay về phía David và hỏi, “Tôi xin phép gọi bạn là David được chứ? Rút cục, chúng ta đã quen biết và bàn luận với nhau được trên hai mươi năm.” Nó là một câu hỏi hoàn toàn chân thật, mặc dù hiện diện cả sự thương yêu thăm thẳm lẫn sự hài hước vui vẻ.

David trả lời, “Đĩ nhiên, Krishnaji. Thật ra, tôi đã gọi ông là Krishnaji từ lâu lắm rồi.”

Tiếng cười vui vẻ bật lên trong chúng tôi, được chia sẻ bởi Krishnamurti và David, và một tinh thần bằng hữu tự chuyển tải chính nó.

Suốt bữa ăn trưa ngày hôm sau Krishnamurti hỏi David đang ngồi đối diện ông, “Khi nào chúng ta sẽ bắt đầu đối thoại của chúng ta, thưa bạn?”

“Bất kỳ lúc nào thuận tiện cho anh, Krishnaji. Có lẽ vài ngày tới?”

“Chiều mai?” Krishnamurti hỏi, đang nhìn về dò hỏi về phía người giáo viên phụ trách ghi lại. “Hôm đó được không, thưa bạn?”

“Ngày mai vào buổi chiều à?” người giáo viên nói. “Sẽ là thứ ba, ngày một tháng tư. Vâng, tôi nghĩ ngày mai được, Krishnaji. Máy giờ? Bốn giờ?”

Chiều hôm sau, hai người bạn gặp nhau trước lò sưởi của Pine Cottage, những cái microphone gắn vào ve áo của họ, để bắt đầu một thâm nhập rất nghiêm túc và thăm thẳm vào sự quy định của con người. Những ủy viên và nhiều người khác trong chúng tôi được mời tham gia đối thoại như những người quan sát. Krishnamurti mặc một quần jeans và một áo len đen, trong khi Dave mặc một áo len kín dài tay, một áo vét tông và cà vạt, như ông ấy thường mặc.

Krishnamurti bắt đầu bằng cách gợi ý rằng cách đây lâu lắm rồi nhân loại đã sử dụng một chuyên động sai lầm, mà đã dẫn đến xung đột và đau khổ liên tục. ‘Cái tôi’ và những khuôn mẫu của trở thành và phân chia của nó là gốc rễ của xung đột. Thời gian thuộc tâm lý là kẻ thù của con người. Tiếp tục một cách thăm dò, họ kết luận rằng phía bên ngoài và phía bên trong không tách rời nhưng là một và cùng chuyển động. Khi chuyển động đó ngừng lại, khi cái trí tự yên lặng, có thiền định. Krishnamurti kể lại một sự kiện như thế từ quá khứ của ông. Một đêm ở Ấn độ, ông thức giấc lúc mười hai giờ mười lăm phút, và cái nguồn của tất cả mọi năng lượng đã được tiếp xúc. Bởi vì việc này đã dẫn đến một ý thức trọn vẹn của an bình và tình yêu, ông muốn những người khác đến được mấu chốt này, ông bảo David.

Đang nghi ngờ liệu có một việc như sự tiến hóa thuộc tâm lý, họ thâm nhập sự khác nhau giữa cái trí và bộ não, và sự ảnh hưởng lẫn nhau của suy nghĩ, hiểu biết, ký ức và trải nghiệm. Ngay khi hiểu biết thuộc tâm lý, mà hình thành ‘cái tôi’, kết thúc, sẽ có tình trạng không-vật. Tình trạng không-vật này là mọi thứ, và mọi thứ là năng lượng.

Chắc chắn đã có nhiều đột biến xảy ra trong suốt đối thoại của họ. Đối với chúng tôi, những người lắng nghe, nó là một nhóm người có liên hệ lạ thường của tình trạng tổng thể. Chúng tôi chỉ có thể kinh ngạc bởi khả năng thâm nhập của

hai cái trí này, làm thế nào họ cùng nhau dò dẫm trong suốt những khoảng trống lâu của sự yên lặng, làm thế nào họ thỉnh thoảng nói tại cùng thời điểm nhưng không bao giờ mất hiệp thông cùng nhau. Nó là một vũ điệu nghệ thuật bố trí tuyệt vời từ ý thức đến trống không. Kết thúc nói chuyện của họ, họ cùng nhau bộc lộ rằng trong sự kết thúc của thời gian có một bắt đầu mới mẻ, mà không thuộc thời gian.

Một đối thoại với nội dung mới mẻ lạ thường được tiếp tục ngày hôm sau, lại cùng với nhiều người chúng tôi hiện diện như những người quan sát. Krishnamurti và David bắt đầu nơi họ đã thâm nhập dở dang chiều hôm qua, dò dẫm không những vào cái trí riêng biệt, cùng những khuôn mẫu của trở thành và xung đột của nó, nhưng còn cả cái trí vũ trụ và cái gì vượt khỏi. Đã xóa sạch thời gian thuộc tâm lý, trở thành và ham muốn, họ chuyển động từng chút một vượt khỏi thiên nhiên và sáng tạo, vượt khỏi cái trí vũ trụ, vượt khỏi năng lượng, trống không và yên lặng, đến một mệnh mang nơi khởi đầu và kết thúc là một, đều giống hệt. Tại một mấu chốt họ đối diện sự nghịch lý rằng điều gì họ đang làm đang đặt cái tuyệt đối vào những từ ngữ. Họ đồng ý rằng nó phải được thực hiện, mặc dù cái tuyệt đối không bao giờ có thể được diễn tả thành những từ ngữ. Cuối cùng khi họ tiếp cận cái đó mà không còn gì ả vượt khỏi nó, cái đó, mà không có nguyên nhân, họ do dự nói về nó như ‘nền tảng’, nơi không khởi đầu và không kết thúc.

Sau khi thực hiện chuyển hành trình kinh ngạc này đến tận bờ mé giữa cái có thể diễn tả và cái không thể diễn tả, họ thắc mắc làm thế nào tất cả điều này có thể chuyển tải sang một người bình thường. Bất kể sự khó khăn rành rành, họ cảm thấy rất cần thiết phải thực hiện nó bởi vì nếu không có sự liên hệ nào đó với ‘nền tảng’, đang sống không có bất kỳ ý nghĩa gì cả. Krishnamurti đề nghị rằng sự theo đuổi điều này

dẫn đến một thế giới có trật tự lạ thường. Luân phiên, David thắc mắc người ta sẽ làm gì trong một thế giới như thế, và Krishnamurti trả lời rằng, ngay khi những nhân tố của xung đột và vô trật tự biến mất, cái gì khác, mà ông gọi là sáng tạo, sẽ vận hành. Giáo sư nghĩ rằng giải thích điều này rõ ràng là điều rất quan trọng, bởi vì ý tưởng của Thiên chúa giáo về thiên đàng như cái hoàn hảo có vẻ khá nhàm chán, bởi vì không có gì để làm cả. “Điều đó nhắc tôi nhớ về một câu chuyện vui.” Krishnamurti nhận xét. “Một người chết và đi thẳng lên Cổng Thiên đàng. St. Peter nói với ông ấy, ‘Người đã theo một sông khá lương thiện, không lừa gạt hay gây tội nhiều lắm. Nhưng trước khi vào thiên đàng ta phải nói cho người biết rằng tất cả chúng ta ở đây đều buồn chán lắm. Thượng đế không bao giờ chịu cười cả, và những thiên thần luôn luôn u ám, lúc nào cũng cầu nguyện. Vì vậy, làm ơn hãy dẫn đò trước khi vào thiên đàng. Có lẽ người muốn quay lại dưới để xem thử ở đó như thế nào. Sau đó hãy lên đây và nói cho ta biết người ưa thích nơi nào. Nhưng điều đó tùy ý muốn của người thôi. Chỉ cần rung cái chuông ở đàng đó. Một cái thang máy sẽ xuất hiện và đưa người xuống dưới.’ Thế là, người đàn ông rung chuông và theo thang máy xuống dưới. Những cánh cửa mở ra và ông được đón chào bởi những cô gái đẹp nhất, mà chăm sóc ông ấy, vân vân và vân vân. ‘Chúa ơi’, ông ấy nghĩ, ‘đây là sống.’ Và ông ấy nói với những cô gái, ‘Cho phép tôi đi lên và kê cho St. Peter?’ Ông ấy rung chuông, vào thang máy và đi lên. Ông ấy nói với St. Peter, ‘Thưa ngài, ngài rất tốt khi đã cho con sự chọn lựa, con thích ở dưới hơn.’ St. Peter nói, ‘Ta nghĩ người thích dưới đó.’ Người đàn ông lại rung chuông và đi xuống. Cửa mở ra và những người hung dữ giằng lấy ông và đánh đập, xô đẩy và đâm đá ông ấy. Ông than van, ‘Chờ một chút, chỉ vừa lúc

này, các bạn đối xử với tôi như một ông vua. Và bây giờ lại thế này; tại sao?’ ‘A, vậy là bạn là một du khách.’”

Chúng tôi đã bắt đầu cười ngặt nghẽo rồi, trong khi ông đang kể một hơi câu chuyện vui. Tại những điểm nút chúng tôi bật ra những vui vẻ cười mở. Có cái gì đó hoàn toàn lộn nhiên quanh ông, khi ông thâm nhập cái tuyệt đối trong đối thoại cùng người bạn của ông và kết luận nó bằng một chuyện vui về thiên đàng và địa ngục. Khi tiếng cười lắng xuống, ông thêm vào, “Xin lỗi. Từ điều siêu phàm đến điều lố bịch – mà cũng tốt cả.”

Khi tất cả chúng tôi đứng dậy, những giọt nước mắt vui vẻ trong hai mắt của chúng tôi và một ý thức của khâm phục trong những quả tim của chúng tôi. Krishnamurti đề nghị tiếp tục đối thoại cùng David.

*

Qua hai tuần kế tiếp, họ thực hiện thêm sáu đối thoại nữa, suốt những đối thoại đó nhiều người quan sát đã tham gia nhưng chỉ lắng nghe. Họ thâm nhập vai trò thống trị mà con người đã giao cho sự suy nghĩ và dò hỏi liệu có thể có một thay đổi thuộc vật chất, thực sự của những tế bào não qua sự thấu triệt hiệp thông. Ý nghĩa của chết, và điều gì là hành động của một người mà đã tiếp xúc ‘nền tảng’ liên quan đến phần còn lại của nhân loại là những quan tâm mà họ thâm nhập suốt hai nói chuyện cuối trong tám nói chuyện của họ ở Ojai. Những Nói chuyện ở Ojai, lên thời khóa biểu cho hai tuần lễ đầu tiên vào tháng năm, chen giữa. Sau đó trễ hơn nhiều, vào tháng sáu và tháng chín năm 1980, Krishnamurti và David sẽ kết thúc những thâm nhập của họ vào bản chất của cái trí và bộ não suốt bảy đối thoại khác tại Brockwood Park.

Mười lăm đối thoại năm 1980 này, năm đối thoại cuối cùng của chúng cũng được quay video, được thấy như một chuỗi mạch lạc và cuối cùng được xuất bản trong dạng sách mang tựa đề *The Ending of Time Sự Kết thúc của Thời gian*.

Chương 14

LƯƠNG THỰC CHO SỰ SUY NGHĨ

Món khai vị

Xà lách xanh lật qua lại với nước sốt dầu ô liu và gia vị hay kem làm ở nhà.

Xà lách waldorf, chế biến với táo, nho, cần tây và quả óc chó.
Xà lách dưa chuột, ăn với kem chua, nước ép chanh pha mật, và rau mùi.

Món chính

Xúp đậu trắng, ăn với hành, cần tây và cà chua.
Mì ống rau spinach làm ở nhà, ăn với cà chua và nước sốt húng quế tươi và phó mát parmesan nạo.
Bí xanh nướng nguyên quả trong lò.

Món tráng miệng

Ba loại kem và bánh đậu phộng, nho khô và mơ khô.
Trái cây tươi theo mùa.

Năm 1980, Những Nói chuyện ở Ojai không xảy ra vào tháng tư như những năm trước nhưng vào đầu tháng năm, bởi vì vào thời gian đó có thể ít bị hoãn lại vì những trận mưa lớn. Có sáu nói chuyện liên tục vào ba kỳ nghỉ cuối tuần, với bốn gặp gỡ câu hỏi-trả lời chen vào giữa. Một đoàn chuyên nghiệp quay video chúng.

Một vài ngày sau khi kết thúc Họp mặt, chúng tôi tiễn biệt Krishnamurti dưới cây tiêu, ông đầy năng lượng tinh tế, cùng một ngọn lửa phía bên trong mà thâm nhập tất cả chúng tôi. Bất kể vóc dáng mảnh mai của ông, dường như ông ở tột đỉnh những quyền năng của ông, lúc tám mươi lăm tuổi.

Trong chín tháng kế tiếp tôi ở Ojai, làm việc ở trường. Nhưng trong cái trí của tôi, tôi đang theo sát chuyến hành trình của ông qua bề mặt của toàn cầu – đến Châu Âu, Ấn Độ và Sri Lanka – háo hức chờ đợi tin tức của những nói chuyện và những bàn luận của ông.

*

Krishnamurti và Mary Z. đến Pine Cottage lúc nhá nhem tối ngày thứ sáu 20 tháng hai năm 1981. Họ đã quá cảnh nước Anh, nơi họ ngừng tại Brockwood Park trong năm ngày trên chuyến đi trở về từ Bombay. Trong Krishnamurti mệt mỏi và yếu ớt, không chỉ bởi vì chuyến hành trình dài, nhưng còn cả bởi vì chương trình khắt khe mà ông đã làm việc ở Ấn Độ.

Cho bữa ăn trưa ngày hôm sau tôi nấu món xà lách waldorf với kem chua, xúp đậu trắng, mì ống rau spinach làm ở nhà với nước sốt cà chua và bí xanh nướng lò, và cho món tráng miệng, ba loại kem và bánh đậu phộng, nho khô và mơ khô. Nó là ngày đầu tiên của kỳ nghỉ mùa xuân ở trường, vì vậy chỉ những người khách đều đặn mới có mặt, có đến tất cả mười hai người. Quan trọng hơn hết, Krishnamurti muốn biết

ngôi trường đang tiến triển ra sao và điềm tĩnh lắng nghe báo cáo của hiệu trưởng, thỉnh thoảng đưa ra những câu hỏi. Tôi phải chờ khá lâu trước khi có khoảnh khắc đúng đắn để đưa ra câu hỏi, “Ông có vừa nghe được chuyện vui nào không, Krishnaji?”

Tôi đang ngồi đối diện bàn cách hai ghế và hỏi lớn tiếng. Ông có vẻ giật mình trong chốc lát trước khi tập trung cái nhìn ngạc nhiên vào tôi. Khuôn mặt của ông sáng lên bằng một nụ cười vui vẻ, và chẳng mất giây phút nào ông bắt đầu một câu chuyện mới nhất trong kho suru tầm chuyện vui của ông. Nhìn quanh bàn, ông bắt đầu giới thiệu nó bằng cách hỏi, “Liệu có bất kỳ người theo Thiên chúa giáo nào ở đây không? Tôi không có ý báng bổ hay xúc phạm bất kỳ người nào.” Vì không có ai nhận, ông tiếp tục, “Chúa và St. Peter đang ở trên thiên đàng theo dõi dưới quả đất trên một máy truyền hình. Họ kinh ngạc bởi điều gì họ thấy: người ta luôn luôn lấp tấp khắp mọi nơi, liên tục đang đào bới và đang xây dựng, lấp nên những thành phố mới, mọi nơi, bận rộn, bận rộn, bận rộn, từ sáng sớm đến suốt đêm. Chúa quay về St. Peter và hoài nghi hỏi, ‘Tất cả bọn họ đang làm gì vậy, bận rộn từ sáng đến khuya, không bao giờ nghỉ, luôn luôn đấu tranh, cố gắng, ganh đua? Để làm gì vậy?’ St. Peter trả lời, ‘Ồ, thưa Chúa, những người này là những môn đồ của ngài, họ tin tưởng ngài và vâng lời ngài. Và ngài đã dạy họ hãy đổ mồ hôi nước mắt để ăn bánh mì của họ.’ Và Chúa nói với St. Peter, ‘Nhưng ta chỉ đùa thôi.’”

Chúng tôi bắt đầu cười, nhưng Krishnamurti ra cử chỉ yêu cầu chúng tôi bình tĩnh, nói lớn, “Đừng, đừng cười vội. Còn có nhiều điều vui lắm. St. Peter chuyển kênh và họ thấy một cái sảnh đang bày biện một bữa tiệc hoành tráng trong tòa thánh Vatican với những cái bàn thật to và những món ăn ngon đất tiên. Có món tưng cá và nấm truffle và mọi loại

rượu ngon nhất và vân vân. Hàng trăm người đàn ông béo phệ trong những cái áo màu tím đang ngồi quanh những cái bàn này, đang ăn và cười đùa, đang uống cognac và hút xì gà. Họ là những hồng y và những giám mục đang dự một buổi tiệc. ‘Nhưng còn những người này thì sao,’ Chúa hỏi St. Peter, ‘có vẻ họ không đổ mồ hôi nước mắt để có món ăn như thế. Nếu người hỏi ta, đừng như họ đang thụ hưởng vui vẻ.’ St. Peter trả lời, ‘Ồ, thưa Chúa, đây là những người mà *biết* ngài chỉ đang đùa giỡn.’”

Khi những tiếng cười vui vẻ của chúng tôi đã lắng xuống, ông hướng về tôi và hỏi bằng hai mắt lấp lánh vui nhộn, “Tin gì đây, thưa bạn?”

Vài ngày cuối tôi đã bận rộn nhiều, chuẩn bị nhà bếp A. V. để đón ông, và đã không dành nhiều thời gian theo dõi sự phát triển tin tức mới nhất. Hít một hơi thật sâu, tôi mau lẹ cố gắng tập hợp sự thông minh. “Ồ, Krishnaji, có thể ông biết rõ hầu hết những sự kiện này. Nếu ông không phiền, tôi sẽ tóm tắt những sự kiện quan trọng nhất. Như ông biết, tháng trước Ronald đã tuyên thệ nhậm chức tổng thống. Do sự trùng hợp, sau một năm rưỡi bị giam giữ, những con tin người Mỹ tại tòa đại sứ Mỹ ở Teheran được thả tự do vào ngày Tuyên thệ. Trong khi đó, sự xâm lăng Afghanistan của Xô viết đang tiếp tục đổ máu nhiều, và sự xung đột giữa Iran và Irak có vẻ đang gia tăng. Trong âm hứng , tôi tuôn ra một rà soát lại những nét chính về những sự kiện của thế giới trong vài tháng qua. Krishnamurti lắng nghe rất chú ý câu chuyện của tôi, một nụ cười giỡn cợt nơi hai mắt và hai môi của ông. Khi tôi không thể nghĩ ra bất kỳ điều gì để nói nữa, tôi quay về ông, “Và ông, Krishnaji, cũng có trong phần tin tức. Ông Lilliefelt và Hooker bảo với chúng tôi rằng Indira Gandhi đã viếng thăm ông ở Rishi Valley với nhiều người bảo vệ có vũ trang và dưới sự an ninh nghiêm ngặt. Và, trước đó, ông

được mời đến Sri Lanka và có một nói chuyện với thủ tướng ở đó. Nó như thế nào, thưa ông?”

Krishnamurti nhún vai và phác một cử chỉ đặc trưng, thể hiện rằng tất cả những việc đó chẳng có gì quan trọng cả. Alan Hooker và Theo Lillifelt, cả hai đều có mặt tại bàn ăn, đã ở Ấn độ cùng ông vào tháng mười hai năm 1980 và, khi họ quay lại Ojai, đã kể cho chúng tôi một câu chuyện chi tiết và vui vẻ về chuyến viếng thăm Krishnamurti của thủ tướng Ấn độ tại Rishi Valley School. Lúc này mọi người hướng về Krishnamurti, háo hức nghe ông kể về chuyến viếng thăm đảo ngọc, Sri Lanka, lúc trước được biết đến như Ceylon và Serendip.

Làm vẻ mặt hài hước khi ông nhìn chúng tôi, ông hỏi, “Các bạn muốn tôi kể cho bạn về nó à?”

“Vâng, thưa ông,” nhiều người chúng tôi phụ họa.

“Được rồi, chính phủ Sri Lanka đã mời chúng tôi đến viếng thăm như những người khách chính thức. Họ xếp đặt cho chúng tôi ở tại nhà khách của chính phủ. Nhiều người quyền cao chức trọng và những bộ trưởng đến đón chào chúng tôi, và sau đó chúng tôi có một phỏng vấn với một người trong họ trên truyền hình. Có nhiều Nói chuyện trước Công chúng, tôi nghĩ bốn nói chuyện. Họ tường thuật nó trên báo chí, radio và truyền hình. Bạn ấy ở cùng tôi suốt thời gian này và có thể trình bày cho các bạn từng chi tiết,” ông thêm vào, chỉ Mary Z. Thông thường ông tránh kể lại những trải nghiệm cá nhân và thậm chí thỉnh thoảng còn xin lỗi khi nói về ông.

Mary Z. sẵn sàng tiếp tục, “Pupul Jayakar ở cùng chúng tôi, và suốt những ngày sau chúng tôi bận rộn bởi những hội nghị báo chí và những phỏng vấn trên radio và truyền hình. Sau ngày chúng tôi ở , Krishnaji , thủ tướng , Mr. Premadasa, một người rất tử tế. Bốn Nói chuyện trước Công

chúng ở Colombo được tham gia bởi hàng ngàn người và truyền hình trực tiếp khắp hòn đảo. Tiếp theo, Krishnamurti thực hiện nhiều đối thoại cùng những thầy tu Phật giáo và nói chuyện tại Colombo University. Một buổi chiều tổng thống Sri Lanka mời chúng tôi dùng trà. Ông ấy rất quan tâm điều gì Krishnamurti nói và yêu cầu một phỏng vấn riêng với ông, mà cuối cùng kéo dài gần một tiếng rưỡi đồng hồ. Cuối cùng, ông mời chúng tôi viếng thăm Kandy, vùng đất bên trong của quốc gia.

Tôi đã viếng thăm Kandy, thủ đô hoàng gia của Sri Lanka, mười hai năm trước. Nó là một thị trấn quyền rũ bên cạnh một cái hồ trong những cao nguyên nhiệt đới, nổi tiếng trong thế giới Phật giáo về Ngôi đền Tooth, mà chứa thánh tích của Guatama Siddharta Shakyamuni, Phật. Suốt thời gian trăng tròn vào tháng tám, có một lễ rước hoành tráng kéo dài nguyên tuần lễ – hàng ngàn vũ công trong quần áo chạm bạc, theo cùng bởi những người đánh trống và những người thổi kèn và hàng trăm con voi trang hoàng rực rỡ – qua những đường phố khắp thị trấn thấp sáng bằng những bó đuốc. Lễ rước, được gọi là ‘Esala Perahera’ và có ý nghĩa tôn giáo đặc biệt, bắt đầu và kết thúc tại Ngôi đền Tooth. Tôi bị cuốn hút bởi sự hoành tráng của lễ rước và ý nghĩa của sự ồn ào náo động trong số lượng hàng trăm ngàn người tham gia. Lúc này tôi hỏi Krishnamurti, “Ông đã viếng thăm Ngôi đền Tooth, thưa ông, trong khi ông ở Kandy?”

“Không, thưa bạn, ba người phụ nữ đi thăm trong khi tôi nghỉ ngơi,” ông trả lời, thêm vào sau một khoảnh khắc cố ý yên lặng, “nhưng cách đây hai mươi năm tôi đã nói chuyện ở Colombo, và họ đưa chúng tôi đi khắp hòn đảo để thăm những đài kỷ niệm và những ngôi đền. Khi chúng tôi viếng thăm Kandy vào thời gian đó, họ cũng chỉ cho chúng tôi Ngôi đền Tooth.” Một lông lánh hiện lên hai mắt ông, và ông

giải thích bằng một mỉm cười phóng khoáng, “Họ giữ gìn một trong những di vật thiêng liêng nhất của thế giới Phật giáo ở đó, một cái răng của Phật. Vì vậy, tất cả đều theo nghi lễ và trang nghiêm khi chúng tôi vào ngôi đền, và người thầy tu đứng đầu trong áo choàng màu vàng nghệ và cái đầu cạo láng bóng nghênh đón và đưa chúng tôi vào khu thiêng liêng phía bên trong.” Lúc này ông đang cười khi nhớ lại sự kiện đó. “Và họ mang ra một cái hộp trang hoàng những nữ trang quý báu, trong đó họ đựng cái răng. Họ mở nó ra một cách thành kính, để cho chúng tôi có thể quan sát cái răng. Nó là cái răng cũ thật to, màu vàng và bị mòn.” Bằng ngón cái và ngón trỏ ông minh họa kích cỡ của cái răng, rộng gần một inch. “Và tôi đang thắc mắc không hiểu liệu nó thực sự là cái răng thật của con người. Có thể dễ dàng nhận thấy nó là một cái răng ngựa, bởi vì sự to lớn của nó.”

Tất cả chúng tôi đều cười ồa lên do sự diễn tả của ông. Thật ra, ông tôn kính Phật nhiều nhất, có thể nhiều hơn bất kỳ những người tôn giáo nào trong lịch sử. Tại cùng lúc, ông không bao giờ từ bỏ những nghi ngờ cơ bản của ông liên quan đến những lễ nghi và những truyền thống thuộc tôn giáo, như ông đã vừa thể hiện.

*

Suốt những tuần lễ sau, có mưa liên tục, mà thỉnh thoảng được gia tăng bởi những cơn bão sấm sét và những trận mưa trút nước, che phủ những sườn núi cao của thung lũng phủ tuyết. Một số giáo viên bắt đầu luân phiên tham gia ăn trưa cùng chúng tôi tại A. V., nhưng rồi thay Krishnamurti cảm thấy không được khỏe trong nhiều ngày, và chúng tôi phải ăn trưa mà không có ông.

Ông hoàn toàn có một quan điểm tách rời về những yếu tố mà thỉnh thoảng làm đau đớn ông, như sốt mùa hè, viêm xoang và những rắc rối về thính giác, đùa giỡn vui vẻ, “Đầu tiên những cái răng biến mất, sau đó hai tai và sau đó hai mắt, và cuối cùng bạn cũng đi xuống dưới lòng đất.”

Thỉnh thoảng, giống như bây giờ, tôi phải quan sát sự trung thực của câu phát biểu này, không chỉ trong chính tôi nhưng còn cả trong Krishnamurti. Ông đang cảm thấy kiệt sức, có thể do bởi chương trình khắc nghiệt của ông ở Ấn độ, được theo sau bởi sự đi lại quá nhiều nơi và sự thay đổi liên tục của khí hậu. Ngoài ra, ông có một cái bao tử rất yếu, có lẽ do bởi sự tấn công của một cơn bệnh cúm. Khoảng giờ ăn trưa, tôi mang đĩa ăn của ông đến Pine Cottage và ngạc nhiên khi thấy ông ra mở cửa. Nhìn vào mặt ông, thậm chí tôi còn kinh ngạc hơn bởi một thay đổi cơ bản trong nó. Hai môi được kéo vào trong bất thường, rút ngắn khoảng cách giữa mũi và cằm và vì vậy thay đổi toàn cấu trúc của khuôn mặt. Ngay tức khắc ông nhận biết được sự kinh ngạc của tôi, và, di chuyển bàn tay để dò dẫm miệng của ông, ông nói không chút bối rối, “Tôi đã gặp vài phiền muộn với răng của tôi. Nhiều cái phải được nhổ ra, và nha sĩ gắn vào thiết bị giữ răng giả. Tôi quên đặt chúng vào.”

Vì lý do nào đó, tôi cảm thấy một ý thức sâu thẳm của hèn kém, khi ông giải thích cho tôi những chi tiết về sức khỏe của ông. Khi tôi không đáp lại câu nói của ông, ông tiếp tục, “Bạn biết, thưa bạn, răng của tôi rất nhạy cảm. Có thể do bởi gene.”

Nhiều ngày sau, thứ hai đầu tiên của tháng ba và ngày bắt đầu của ngôi trường sau kỳ nghỉ xuân, ông đến ăn trưa một mình vì Mary Z. đã đi LAX để đón vài người bạn từ Pháp sẽ đến chiều hôm đó. Ông vào nhà bếp, và chúng tôi nồng nhiệt chào hỏi tôi, khi ngay lập tức tôi nhận thấy rằng

miệng của ông bị nhăn nheo. Ngập ngừng chút xíu, tôi nói, “Xin lỗi, Krishnaji, liệu có phải rằng ông đã quên đặt cái cầu răng vào?”

Ông che miệng bằng một bàn tay và nói, kinh ngạc bởi sự đãng trí của ông, “Chúa ơi, thưa bạn, bạn nói đúng. Tôi quên đặt chúng vào rồi. Tôi để chúng trong phòng tắm. Tôi phải quay lại.”

Ông bắt đầu cười khúc khích một mình khi đang tìm cái gì đó trong những cái túi quần của ông. Cuối cùng ông rút ra một xâu chìa khóa. “Ồ, tôi có chìa khóa rồi – tôi sẽ quay lại mau thôi.”

Mười phút sau ông quay lại có cái cầu răng được đặt vào và không suy suyễn khuôn mặt rạn rở của ông và hỏi, “Món gì cho bữa trưa đây, Michael?”

Tôi kể cho ông thực đơn, chỉ vào những món ăn liên quan, “Dĩ nhiên, có xà lách xanh, và một món xà lách pasta, và một món xà lách quả mơ, được chế biến bởi quả mơ, cà chua, hành và ớt chuông. Sau đó chúng ta có khoai tây nướng lò, và một loại quiche chế biến bởi bí xanh và phó mát nạo. Món này theo cùng một món rau mà hơi hơi giống ratatouille, ngoại trừ nó được chế biến bởi bí xanh, cà to – hay cà tím – và nước sốt cà chua.”

Ông đang chú ý đến điều gì tôi đang nói. Nó luôn luôn gây ngạc nhiên cho tôi khi sự hứng thú mãnh liệt của ông lan rộng từng giây phút của sống hàng ngày.

“Và cho món tráng miệng, Krishnaji,” tôi nói bằng một giọng hơi khoe khoang, bởi vì ông ưa thích một món ngọt, “chúng ta sẽ dùng món halva. Nó là một món ngọt vùng Trung đông được chế biến từ mè và mật.”

Ông nhướn chân mày bằng một ngạc nhiên hài lòng và, chỉ vào những món ăn, nhận xét, “Nhưng bạn chuẩn bị những phần ăn khá ít ngày hôm nay, đúng chứ?”

“Hôm nay chỉ có năm người chúng ta thôi, Krishnaji,” tôi trả lời, “vì vậy chúng ta cần ít hơn thường lệ nhiều.”

Ông gật gù hiểu rõ, “Ai sẽ đến ăn trưa, thưa bạn?”

“Ồ, gia đình Lilliefelt ở đây, Mr. Hooker, ông và tôi – đó là tất cả,” tôi trả lời.

“A, tốt,” ông nói, “chúng ta sẽ là *en famille* trong gia đình.”

Thật ra, đó là một bữa ăn rất thân mật, thư giãn. Trong khi nói lại tình hình thế giới hiện nay, chúng tôi bắt đầu nói về hệ thống cộng sản và quyền lãnh đạo của Liên bang Xô viết trên những quốc gia Đông Âu. Erna Lilliefelt đề cập rằng trong nhiều quốc gia này, đặc biệt ở Poland và Romania, có sự quan tâm đáng kể đến Krishnamurti.

“Nó giống như một phong trào ngấm ngấm, Krishnaji,” bà ấy nói. “Họ dịch những quyển sách của ông và bí mật sao chép ra vài quyển, rồi chuyển tay nhau đọc.”

“Và nó không thể an toàn,” tôi thêm vào, “bất kể sự độc lập tương đối với Moscow, chế độ Ceausescu đàn áp ở quốc gia họ ghê lắm. Bất kỳ hình thức nào của sự chống đối đều bị loại bỏ hung tợn. Ngày hôm trước tôi đã đọc rằng mọi người có một máy đánh chữ phải đăng ký nó với nhà nước.”

“Tại sao? Để kiểm soát bất kỳ hình thức nào của thông tin công chúng được in ấn?” Alan hỏi.

“Tôi nghĩ như thế,” tôi trả lời. “Nó cũng dễ dàng để sao chép trên một máy đánh chữ với một tờ giấy carbon,” tôi gợi ý. Quay về phía Krishnamurti, tôi hỏi, “Krishnaji, ông có khi nào đã viếng thăm và nói chuyện ở bất kỳ quốc gia Đông Âu nào?”

“Tôi nghĩ đó là đầu những năm 1930, khi tôi nói chuyện ở Athens và quá cảnh Constantinople khi đi đến Bucharest,” ông kể lại. “Nữ hoàng – tôi quên tên của bà ấy – đã mời chúng tôi đến cung điện nhiều lần. Nhưng có vài sinh

viên theo chủ nghĩa dân tộc cuồng tín, mà đã thực hiện những đe dọa đến mạng sống của tôi.”

Tôi hoài nghi, “Nhưng tại sao, thưa ông?”

Ông bật ra tiếng cười nhẹ, “Họ thấy chúng tôi như một đe dọa đến những kế hoạch của họ. Chúng tôi nói chuyện chống lại tôn giáo có tổ chức, chống lại chủ nghĩa dân tộc, và vân vân. Thật ra tôi không bị đe dọa nhiều lắm nhưng nhà nước có thực hiện. Họ gửi lực lượng vũ trang đứng tại cửa những phòng khách sạn của chúng tôi. Mỗi lần chúng tôi đến và đi, họ luôn luôn ở đó, theo sát chúng tôi cả ngày lẫn đêm. Nhưng không việc gì đã xảy ra. Khi chúng tôi đang rời quốc gia đó ngay lập tức tôi bị bệnh trầm trọng trên xe ừa – ói mửa, thổ huyết, và vân vân. Tôi không thể tiêu hóa bất kỳ thức ăn nào trong nhiều ngày.”

Tôi hoàn toàn không hiểu rõ sự liên quan giữa những đe dọa mạng sống của ông và bị bệnh của ông, vì vậy tôi hỏi, “Nhưng việc gì khiến cho ông bị bệnh đột ngột như thế?”

“Bằng cách này hay cách khác chắc chắn họ đã lén lút bỏ thuốc độc trong thức ăn của tôi. Thật lạ lùng. Tôi là người duy nhất bị bệnh. Tôi không hiểu tại sao họ làm nó,” ông nói. “Và tôi bệnh một thời gian lâu lắm.”

“Ông có ý ông phải bị bệnh lâu?”

“Vâng,” ông trả lời, “căn bệnh, thuốc độc, bất kỳ việc gì. Suốt nhiều năm sau đó, nó tái đi tái lại tại những mức độ khác nhau, và tôi chỉ từ từ dứt hẳn.”

“Ông vẫn còn bị bệnh bây giờ?”

“Ồ, không, nó hết từ lâu rồi,” ông nói bằng một thái độ xua đuổi.

Chúng tôi bắt đầu nói về Giáo hội Thiên chúa giáo La mã và sự giàu có cũng như quyền hành khủng khiếp của nó, và xuyên suốt lịch sử làm thế nào nó đã kiếm được những

quyền hành đặc biệt như thế, ngay cả việc này đã xảy ra nơi những chế độ độc tài, như chế độ Fascist.

Bỗng nhiên Krishnamurit hỏi chúng tôi, “Các bạn biết Stresa?”

Tôi nghĩ ông đang nói về một người và hỏi, “Không, tôi không biết. Người nào vậy?”

Ông mỉm cười, “Nó là một thị trấn, một khu nghỉ mát nổi tiếng trên Lago Maggiore ở phía bắc nước Ý. Vào đầu những năm ba mươi, trong khi Mussolini đang nắm quyền, tôi được mời thực hiện nhiều nói chuyện ở Stresa. Vào ngày đầu tiên đã có tất cả những hồng y, những giám mục và những tướng lãnh ngồi nơi những dãy ghế trước. Tôi không biết tại sao họ đến – có lẽ họ nghĩ tôi là khách của chính phủ. Tôi nói chuyện về sự tự do khỏi uy quyền, theo sau bất kỳ người nào là điều thoái hóa vô cùng, và vân vân. Ngày hôm sau tất cả những dãy ghế trước đều không có người nào, và chỉ có một bà cụ già đang ngồi ở dãy ghế sau cùng.”

Chúng tôi chia sẻ tiếng cười của ông bởi quang cảnh sống động của cách đây năm mươi năm. Nghiêm túc lại, ông tiếp tục, “Không, thưa bạn. Họ không thể lắng nghe bất kỳ ai đang nghỉ ngơi về uy quyền của họ. Nó cũng giống hệt ở Argentina. Tôi đã thực hiện một chuyến đi ở Nam Mỹ và nói chuyện tại nhiều thành phố. Ở Buenos Aires, báo chí đông nghẹt, tường thuật mỗi nói chuyện, kèm theo những hình ảnh và vân vân. Họ đang phát thanh những nói chuyện, không chỉ trên radio nhưng òn trên những loa phóng thanh tại nhiều góc đường. Nhưng trong nhà thờ, họ đang cầu nguyện chống lại tôi, nói rằng tôi là người chống chúa, và muốn trục xuất tôi ra khỏi quốc gia đó.”

“Và họ đã thành công?” một phụ nữ hỏi.

“Không, không thành công gì cả,” ông trả lời. “Một số báo chí và những người trí thức đứng về phía tôi, in và phân phát những nói chuyện trong bản dịch tiếng Tây ban nha.”

Chúng tôi yên lặng trong chốc lát, sau đó Krishnamurti cất lời. “Việc đó nhắc tôi một chuyện vui tôi đã nghe lúc trước. Giáo hoàng chết và ông ấy đi thẳng lên cổng thiên đàng nơi St. Peter đang đứng chờ. Ông ấy nói, ‘Chắc hẳn ngài là St. Peter.’ St. Peter trả lời, ‘Và ngươi là ai?’ Giáo hoàng lùi lại, ‘Ngài không nhận ra tôi? Tôi là Giáo hoàng.’ St. Peter cầm tờ danh sách lên và đọc lướt những cái tên, ‘Giáo hoàng, giáo hoàng – ta xin lỗi, ở đây không người nào có tên như là Ta xin lỗi, nhưng ta không thể cho phép ngươi vào thiên đàng.’ Giáo hoàng choáng váng. ‘Phải có sai lầm gì đó. Điều đó không thể được – tôi phải có tên trong danh sách đó. Ngài làm ơn xem lại cẩn thận: tôi là Giáo hoàng!’ St. Peter hét còn kiên nhẫn và bảo ông biến khỏi đó. Đến lúc này, Giáo hoàng trào nước mắt và năn nỉ St. Peter, ‘Làm ơn, St. Peter, con là người kế tục của Ngài và là người đại diện Chúa Jesus trên quả đất này. Con là người đứng đầu của Giáo hội Thiên chúa giáo La mã. Con có quyền đi vào thiên đàng.’ St. Peter đang bực dọc và nói, ‘Ta chưa bao giờ nghe bất kỳ điều gì ngu xuẩn như thế. Nếu ngươi không biến khỏi đây ngay lập tức, ta sẽ gọi các thiên thần đến với những cây gươm lửa.’ Giáo hoàng hoàn toàn tuyệt vọng. ‘Đừng, làm ơn đừng. Con van xin ngài. Ngài không thể hỏi người nào đó mà biết rõ con, hay sao? Có ẽ Chúa Jesus hay một trong những vị thánh để xác nhận con.’ St. Peter nhượng bộ và nói với ông, ‘Được rồi, ta sẽ vào trong và hỏi, và có Jesus, mẹ Mary của ngài. Ngươi ở đây và đừng chạm đến bất kỳ thứ gì.’ Thế là thánh đi vào trong, và có Jesus, mẹ Mary của chúa, những tông đồ và nhiều thiên thần lẫn các thánh. ‘Xin lỗi, thưa Chúa,’ Peter nói, ‘có một người xưng tên là Giáo

hoàng muốn vào thiên đàng. Ông ấy quả quyết là người đại diện của ngài trên quả đất.’ Chúa Jesus cười, ‘Người đại diện của ta trên quả đất? Điều đó quá vô lý, đúng chứ? Và ta chưa bao giờ nghe về bất kỳ cái tên nào như Giáo hoàng.’ Quay về những người khác, Chúa hỏi, ‘Liệu có bất kỳ người nào nghe về một Giáo hoàng?’ Dường như không ai biết Giáo hoàng, cho đến khi bỗng nhiên Mẹ Mary Đồng trinh nói lên, ‘Chờ một chút. Giáo hoàng – có phải ông ấy là người mà tung những tin tức đồn đại về ta và các thánh thần?’”

Bật ra những tràng cười, năm người chúng tôi cùng chung vui và hóm hỉnh của câu chuyện bất kính này. Phía bên ngoài trên hành lang, chúng tôi nghe mưa đang kêuộpộp và một tiếng sấm.

“Tôi phải quay lại văn phòng,” Erna Lilliefelt tuyên bố và, đứng dậy rời bàn ăn, thu dọn đĩa và muỗng nĩa. Tôi vội vã đứng dậy và chồm qua để lấy cái đĩa của Krishnamurti, như tôi thường làm. “Tôi xin phép thu dọn đĩa của ông, thưa ông?” Tôi ẵ phép hỏi, và ông ngược nhìn tôi bằng một nụ cười khi tôi thu dọn. Không hiểu vì sao, tôi tìm thấy niềm vui khi phục vụ ông trong những công việc nhỏ nhoi như thế này.

“Những cái này còn sạch, thưa bạn,” ông nói, chỉ vào khăn giấy và ly không dùng đến. Cùng với việc đó, ông đứng dậy và giúp đỡ dọn dẹp bàn ăn.

Sau khi bỏ một ít thức ăn còn thừa trong bình nhựa, tôi mang chúng ra ngoài đến tủ lạnh dùng chứa thức ăn trong căn phòng nhỏ trước nhà bếp. Khi đang đặt những thức ăn trong tủ lạnh, tôi thấy một khoanh lớn mút mật ong trộn vừng đang ở trên kệ. Tôi vẫn còn có thể ngửi được hương vị ngọt ngào thoang thoảng của món mút tôi vừa dùng cho món tráng miệng và bỗng nhiên thèm ăn nữa. Tôi lấy con dao và cắt một miếng khi bỗng nhiên tôi nghe một tiếng nói dịu dàng phía sau tôi, “Bạn làm ơn cũng cắt cho tôi một miếng?”

Tôi quay lại đối diện với Krishnamurti, người đã theo tôi qua cửa nhà bếp và thẳng lên những bậc thềm vào căn phòng nhỏ phía trước. Bỗng nhiên tôi cảm thấy một ý thức tội lỗi hiện diện và bị bối rối trong chốc lát – như thể tôi đang bị bắt quả tang. Nhưng Krishnamurti đứng tại cửa phòng và ung dung mỉm cười, làm yên ổn sự sợ hãi tức khắc của tôi, mà có thể là kết quả của nhiều dịp thềm muốn lên lút thời niên thiếu.

Tôi nhận xét, hơi hơi có vẻ xin lỗi, “Loại mứt mật này ngon lắm, phải không?” Vẽ một đường thẳng bằng dao qua một phần của nó, tôi hỏi, “Ông muốn bao nhiêu, thưa ông? Nhiều từng này được chứ?”

Có một chất lượng kinh ngạc giống như cái gương soi về ông khi ông yên lặng đứng ở đó, nhìn ngắm tôi bằng sự chân thật và phóng khoáng không cần che giấu. Không phân chia giữa chúng tôi, nhưng cũng không có ý thức của sự đồng lõa. Ông nhìn miếng mứt mà tôi đang chỉ tay vào.

“Có Ế nhiều hơn một chút,” ông yêu cầu và sau đó quay lại nhìn cẩn thận vào cái bản đồ địa hình ba chiều bằng plastic trên tường.

“Tôi thích đem nó tới nhà bếp hơn và bọc nó lại bằng plastic.”

“Đúng rồi, thưa bạn,” ông đồng ý và sau đó hỏi, “Đây là gì vậy?”

“Bản đồ của khu vực này, Krishnaji,” tôi giải thích. “Ông thấy, đây là Ojai Valley. Đây là Topa Topa Range, và chúng ta ở đây, McAndrew Road. Dĩ nhiên, tỷ lệ của những hòn núi được phóng đại. Có Venture, và trong hướng này có Los Angeles.”

“Ừ, nó nhiều chi tiết quá,” ông nhận xét bằng một nụ cười.

Sau khi quay lại nhà bếp, tôi gói mứt trong giấy film và đưa cho ông. Cảm ơn tôi, ông rời qua cửa sau về hướng Pine Cottage. Bỗng nhiên tôi nhận ra rằng tôi đã quên một miếng mứt. Tôi mau lẹ cắt một miếng và bắt đầu thưởng thức vị ngọt của nó trước khi tiếp tục dọn dẹp nhà bếp.

*

Mưa tiếp tục trong vài ngày kế tiếp, và chúng tôi có những bữa ăn thân mật ít người tại A. V. Vào một ngày, chỉ có sáu người chúng tôi tại bàn ăn, và Krishnamurti kể lại điều gì ông vừa xem trên “Phil Donahue Show”, một chương trình thỉnh thoảng ông xem.

“Không thể tin được, thưa bạn, sự buông thả của xã hội này,” ông nói với Theo Lilliefelt đang ngồi bên cạnh ông. “Ngày hôm trước, có một – họ gọi chúng là gì? – một vũ công, một nam vũ công thoát y. Anh ấy trình diễn vũ điệu của anh ấy, hầu như trần truồng, và những phụ nữ trong số khán giả đang la hét và vỗ tay, tất cả đều rất phấn khích. Nó quá thô tục.” Ông rùng mình khi nhớ lại nó. “Nhưng không phải chỉ có vậy, họ phơi bày mọi chi tiết về quan hệ tình dục, những chuyện thầm kín trước công chúng. Mọi thứ đều thay đổi, và họ quá cầu thả về những quan hệ của họ, về hôn nhân của họ. Một phụ nữ đã nói rằng cô ấy không yêu người chồng của cô ấy nữa bởi vì có một người đàn ông khác tử tế hơn, đẹp trai hơn, và mọi chuyện như thế, và cô ấy sẽ bỏ người này để theo người kia. Tưởng tượng nó, thưa bạn – nói điều này công khai!”

“Ồ, Krishnaji,” một phụ nữ nói bằng một nụ cười nhẹ nhàng, “người phụ nữ ngày nay có những quyền lợi bình đẳng và tận hưởng cùng sự tự do mà người đàn ông có được.”

“Bình đẳng với ai? Tự do để làm việc gì?” Krishnamurti hỏi đầy đam mê. “Họ nói đây là một quốc gia tự do. Và mọi người đều cảm thấy tự do để làm việc gì họ muốn – theo đuổi sự vui thú của anh ấy hay chị ấy, không thèm quan tâm đến bất kỳ người nào khác. Không có bất kỳ sự tôn trọng, không có bất kỳ ý thức trách nhiệm về những hành động riêng của họ hay đối với những người khác, không có bất kỳ loại kiềm chế nào.” Ông nhìn dò hỏi chúng tôi, như thể đang chỉ trích chúng tôi về thái độ tương tự.

“Nó là một phần thuộc toàn văn hóa, thuộc đặc tính của nước Mỹ,” tôi gợi ý. Ông quay về phía tôi và tôi cảm thấy một cơn sóng của năng lượng mãnh liệt đang ủa vào tôi.

“Không, thưa bạn,” ông vững vàng nói, “từng đó vẫn chưa đủ. Nước Mỹ đang đặt ra một tiêu chuẩn cho phần còn lại của thế giới. Mọi nơi, thậm chí ở Nga hay Ấn độ, họ đang tuân theo mẫu mực của nó. Những người trẻ ở đó bắt chước quần áo, vũ điệu và âm nhạc – bạn biết, rock ‘n’ roll, tình dục và phim ảnh. Nó sẽ dẫn đến đâu? Mọi người đều vì chính người ấy và mặc kệ những người khác!”

“Nó là thời kỳ suy đồi khắp thế giới,” Theo nói.

“Có lẽ những học viện hôn nhân và gia đình đều đã lỗi thời,” một phụ nữ gợi ý.

Một nụ cười thỉnh linh làm dịu khuôn mặt của Krishnamurti, quay về phía tất cả chúng tôi, bằng tất cả chân thật trong giọng nói ông hỏi để khiến cho nó giống như một nghi vấn nghiêm túc, “Vậy là điều gì xảy ra khi một người ích kỷ kết hôn với một người ích kỷ khác?”

Tôi không biết làm thế nào tiếp nhận nghi vấn, liệu suy xét nó trên một quan điểm hài hước hay nghiêm túc. Tôi đang suy nghĩ về tình trạng một, sự loại bỏ của thái độ ích kỷ, và vân vân. Sau khi nhiều trả lời ngập ngừng bị khước từ, ông đưa ra đáp án đơn giản, “Hai người ích kỷ.”

Chương 15

CHÌA KHÓA MỞ CỬA SỰ HUYỀN BÍ CỦA SỰ SỐNG

Món khai vị

Xà lách lật qua lại ăn với nước xốt dầu ô liu và gia vị hay mè tahini.

Xà lách mì ống chế biến với cần tây, cà rốt, ớt chuông, bí xanh, hạt thông, bông cải xanh, quả ô liu và cà chua phơi nắng thái thành hình khối,

Xà lách avocado chế biến với cà chua, ớt chuông cắt thành hình khối, tỏi thái mỏng, rau mùi tây và nước ép chanh.

Món chính

Cà chua nướng lò nhồi hành và nấm.

Bánh quiche được chế biến với bí xanh, phó mát nạo, trứng, ngò tây, hành, và cần tây.

Cà tím provencale: cà to thái theo hình khối trong nước xốt cà chua.

Món tráng miệng

Bánh mật halvah, được chế biến từ hạt mè và mật.

Trái cây tươi theo mùa.

Suốt vài tuần kế tiếp, cơ hội để có những bữa ăn trưa thân mật, yên lặng cùng Krishnamurti trở nên hiếm hoi hơn, và tốc độ hoạt động mau lẹ hơn. Ông có nhiều gặp gỡ cùng những giáo viên và phụ huynh của trường, trước một hội nghị về giáo dục, được tài trợ một phần bởi một chương trình của chính phủ Mỹ, bắt đầu vào ngày 20 tháng ba. Một giáo sư từ San Bernardino State University đã tổ chức sự kiện ba ngày đó, được tham gia bởi ba mươi giáo sư, giáo viên và sinh viên học sinh. Krishnamurti bàn luận cùng họ ý nghĩa của sự giáo dục, bản chất của sự hiểu biết và sự suy nghĩ, vai trò của giáo viên, và sự liên quan giữa *cái gì là*, thấu triệt và hành động đúng đắn. Tất cả bốn buổi này đều được quay video bởi một đội chuyên nghiệp và cuối cùng được xuất bản trong dạng sách đọc.

Suốt những ngày tiếp theo, có một hoạt động nhộn nhịp, khi những người khách, những người bạn và những người kết giao đến và đi và thường ở lại dùng bữa trưa. Trong số họ là David và Saral Bohm, mà lại nữa ở lại trong khu nhà khách khảng một tháng. Họ có một chương trình bận rộn và sôi nổi của riêng họ, và những cuộc hẹn nói chuyện của David khiến cho họ phải rời trước khi bắt đầu Những Nói chuyện ở Ojai vào đầu tháng năm. Đó là lần đầu tiên trong năm năm mà họ không tham gia chúng.

Cuối tháng ba, Krishnamurti có nhiều đôi thoại cuối tuần cùng những giáo viên và phụ huynh tại Pine Cottage. Những đôi thoại này diễn ra vào lúc mười một giờ sáng, mà đôi khi tôi phải chuẩn bị bữa ăn trưa vào chiều hôm trước hay từ sáng sớm, nếu tôi không muốn bỏ tham gia những đôi thoại. Tôi yêu quý những gặp gỡ cùng Krishnamurti này. Về đẹp rục rĩ của chúng nằm trong sự đơn giản cơ bản mà ông bắt đầu thâm nhập vào ý nghĩa của sự giáo dục và sống. Nghi vấn ông theo đuổi qua hai gặp gỡ là, “Người ta thâm nhập

như thế nào?” Nó mở cánh cửa đến một thâm nhập về vấn đề làm thế nào những cái trí của chúng ta thực sự áp ủ một nghi vấn và cuối cùng dẫn đến ‘sự tôn trọng’ như thái độ tổng thể cần thiết để đối diện sự phức tạp thuộc những sống của chúng ta. “Tôn trọng là đang lắng nghe,” ông nói.

*

Suốt những năm 70 và 80, Krishnamurti bắt đầu bị cuốn hút bởi máy tính, bởi sự quan trọng đang gia tăng mà nó đang thực hiện trong những công việc của con người, và vai trò của nó trong sự phát triển của cái trí con người. Điều gì đặc biệt gây tò mò cho ông là khả năng lạ thường của máy tính để suy nghĩ vượt trội và trình diễn vượt trội người sáng chế ra nó trong hầu hết những công việc máy móc thuộc tinh thần. Suốt những nói chuyện và những bàn luận của ông, và cũng tại bàn ăn trưa, ông thường đề cập những ảnh hưởng tích cực của nó vào những sống của chúng ta, đồng thời cũng không bỏ sót những khía cạnh tiêu cực của nó.

Gần đến cuối tháng ba, một người bạn Ấn độ của ông, Asit Chandmal, người cung cấp cho ông nhiều thông tin về chức năng và vai trò của những máy tính, viếng thăm chúng tôi trong nhiều ngày. Ngày 1 tháng tư, gia đình Bohm quay lại Ojai từ một hội thảo họ đã bắt đầu tham gia ở Los Angeles. Suốt bữa ăn trưa ngày hôm đó, nói chuyện, chủ yếu giữa ba người họ, xoay quanh những dụng cụ điện tử và máy thông minh nhân tạo.

Krishnamurti đang nói với David, “Thưa bạn, có nhiều sự tương đồng giữa máy tính và bộ não. Cả hai đều được đặt nền tảng trên ký ức, là những kho lưu trữ của sự hiểu biết, và vận hành tùy theo những chương trình. Máy tính có thể làm

mọi việc mà bộ não có thể làm. Và nó lại có thể làm nhanh hơn một ngàn lần và chính xác hơn.”

Asit thêm vào, “Người Nhật đang lập kế hoạch để chế tạo thế hệ thứ năm của máy tính, mà sẽ là một bản sao của những qui trình của bộ não con người. Chính phủ đang đầu tư những số tiền khổng lồ vào đề án này. Đã có vài kiểu mẫu, mà có thể học hỏi từ những dữ kiện được nhập vào cho chúng và bổ sung những chương trình riêng của chúng. Và những người di truyền học đang cùng làm việc với những người khoa học máy tính, đang nghiên cứu sự sử dụng của những phân tử carbon và hydrogen của bộ não, thay vì chất silicon, trong sự chế tạo máy tính.”

David nghi ngờ và nói một cách đo lường, “Tôi nghi ngờ liệu bất kỳ sự kết nối của cơ quan hữu cơ và cái máy sẽ dẫn đến bất kỳ thứ gì.”

Krishnamurti theo đuổi hướng nghi vấn của ông, “Thưa bạn, nếu máy tính đảm đương tất cả những công việc máy móc, điều gì còn lại cho bộ não của con người? Có lẽ máy tính sẽ không thể sáng tác nhạc như Mozart và Beethoven, hay viết những bài thơ như Shakespear và Keats đã làm. Nó sẽ không bao giờ có thể nhìn ngắm các vì sao và thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên và vũ trụ. Nhưng hầu hết những việc khác sẽ được thực hiện bởi những máy tính và robot, vì vậy điều gì sẽ xảy ra cho bộ não của con người? Nó sẽ bị teo lại?”

Tôi không thể giải đáp được, cũng như nhiều người khác nơi bàn ăn. “Ông cố gì qua điều đó, thưa ông?” tôi hỏi.

“Chỉ có hai cách cho bộ não chuyển động: một cách là hướng vào bên trong, vào chính nó, vào tự thâm nhập và vân vân. Mà là điều gì chúng ta đang nói. Cách còn lại là hướng ra phía bên ngoài: trí, tiêu khiển, vui chơi, kích thích

nhiều hơn – bạn biết việc gì đang diễn ra. Vì vậy bộ não còn việc gì phải làm? Hầu hết tất cả những chức năng của nó đã được đảm đương bởi máy tính. Đúng chứ? Có một gia tăng khủng khiếp cho sự nhàn rỗi được dành sẵn cho con người. Và nếu bộ não không tìm ra một tiếp cận hoàn toàn khác hẳn, nó sẽ bị teo lại giống như một cơ bắp mà không đang được sử dụng nữa. Đơn giản là nó sẽ quắt lại, teo lại. Lúc này nó đang xảy ra, thưa bạn!”

Có vẻ không phải mọi người tại bàn ăn sẵn lòng chấp thuận loại tiên đoán này và có nhiều phản đối được đưa ra. Thường thường Krishnamurti ưa thích được thách thức và tiếp tục bằng sự chắc chắn bình tĩnh chống lại một cơn sóng của sự nghi ngờ: “Máy tính không bị giới hạn bởi những biên giới, bởi những dân tộc và những chính phủ, như chúng ta. Nó vượt khỏi tất cả những điều này và nó suy nghĩ vượt trội hơn chúng ta. Nó sẽ có thể sáng chế thượng đế riêng của nó, mà chúng ta sẽ tôn thờ. Tôi phải kể cho bạn một chuyện vui về điều này. Một người đi vào một căn phòng đầy những máy tính và người khoa học ở đó bảo ông ấy đặt ra bất kỳ câu hỏi nào mà ông ấy muốn. Thế là người đàn ông hỏi, ‘Liệu có một thượng đế?’ Người khoa học nhập vào câu hỏi, và máy tính bắt đầu làm việc và kêu ù ù. Sau một lúc câu trả lời hiện ra, ‘Hiện nay có.’”

Khi chúng tôi đang cười, Kris hnamurti nhìn chúng tôi bằng cách gì đó giống như thương hại và vui đùa ngờ vực: “Vâng, thưa bạn, hãy đối diện nó.” Quay về phía David và Asit, ông nói, “Đã muộn rồi . Chúng ta sẽ tiếp tục đối thoại này chiều nay nhé?”

Họ đồng ý, và vài tiếng đồng hồ sau, lúc bốn giờ chiều hôm đó, ba người gặp gỡ trong phòng khách của Pine Cottage. Những ủy viên, những người khách, và những giáo viên có thời gian rảnh rỗi để tham gia đều có mặt ở đó. Đối

thoại tập trung vào công nghệ mới mẻ của những máy tính và nó đưa đến điều gì cho tương lai của nhân loại. Họ thâm nhập vào sự suy nghĩ và hiểu biết, thông minh và thấu triệt, liên quan đến cái máy do con người chế tạo. Krishnamurti bị tò mò bởi nhiều khía cạnh và ứng dụng tương lai của những máy tính, trong khi David có ẻ nghi ngờ nhiều hơn về một số trong những tuyên bố khá cường điệu được đưa ra bởi người bạn đối thoại Ấn độ của họ. Dẫu vậy, cuối cùng họ đồng ý rằng bộ não con người có khả năng vô hạn – cái gì đó mà máy tính không thể so bì được.

Gần chám dứt đối thoại của họ, Krishnamurti lặp lại sự cảnh báo của ông rằng máy tính sẽ sáng chế thượng đế riêng của nó và chúng ta có thể trở thành những nô lệ của nó, nếu không có một thay đổi cơ bản của những tế bào não qua sự thấu triệt. Và ông kể lại một câu chuyện khác về con người, thượng đế và máy tính: “Một người đang cầu nguyện Thượng đế. Và có một máy tính trong phòng kế bên, một trong những siêu vi tính cao cấp nhất. Và máy tính đó nói, ‘Bạn đang cầu nguyện ai vậy? Thượng đế ở đây nè.’”

*

Kỳ nghỉ cuối tuần đầu tiên của tháng tư, một hội nghị khác, được tổ chức bởi David Bohm, diễn ra tại Pine Cottage và A. V. Suốt ba buổi sáng liên tục, Krishnamurti gặp gỡ nhiều giáo sư của xã hội học, tôn giáo và triết học, một giáo sĩ luật Do thái giáo từ New York, và thi sĩ Kenneth Rexroth, người sống tại Santa Barbara. Tôi quen thuộc và ngưỡng mộ thi ca của ông ấy, và những bản dịch hay của những bài thơ phương Đông. Vì vậy, tôi rất hồi hộp khi được gặp ông ấy. Quả hơi bị choáng váng khi thấy rằng ông ấy gặp khó khăn khi đi bằng cây gậy, thỉnh thoảng phải nhờ đến sự trợ giúp của người vợ.

Ngoài ra, ông ấy đang phải ăn kiêng đặc biệt rất giới hạn. Bất kể sự suy giảm sức khỏe của ông ấy, ông thiết lập một liên hệ hiệp thông cùng Krishnamurti suốt những bàn luận này (ông qua đời năm sau.)

Suốt tháng tư, có nhiều gặp gỡ gồm có Krishnamurti, David, những ủy viên, những giáo viên và phụ huynh, và cũng giữa David và những giáo viên. Việc này dẫn đến những Nói chuyện trước Công chúng đầu tháng năm, mà lại thu hút hàng ngàn người khắp thế giới – mặc dù, dĩ nhiên, đa số là những người California.

Một ngày sau nói chuyện lần thứ sáu và cuối cùng của loạt này, Krishnamurti có một cuộc hẹn quan trọng ở Los Angeles. Ông sẽ được phỏng vấn bởi Keith Berwick tại NBC studio cho một chương trình nói chuyện trên truyền hình được gọi là “Odyssey”.

Tôi vừa trên đường tới văn phòng để nạp vài hóa đơn, khi tôi nhận thấy bốn người vội vã phía trước garage đang mở kế cây tiêu to. Họ là Krishnamurti và Mary Z. mặc tươm tất cho chuyến đi đến thành phố, và hai ủy viên, gia đình Lilliefelts. Họ có vẻ khá kích động và lúng túng, bởi vì họ đang bàn bạc sôi nổi với nhau. Tôi đi vào văn phòng và tính toán những số tiền phải trả của tôi. Năm phút sau, trên đường quay lại A. V., tôi nhận thấy ba người trong họ vẫn còn đang đứng ở đó, bị lúng túng không thể nào thoát được, trong khi Krishnamurti đang ảo bước tới lui. Tò mò, tôi bước thẳng ng đến họ và nói, “Có vẻ các ông bà đang gặp rắc rối.”

Mary Z. giải thích, “Xe không nổ máy, và chúng tôi phải có mặt ở Los Angeles trước bốn giờ ba mươi.”

Mặc dù hoàn toàn dốt nát về xe hơi, tôi gợi ý vài vấn đề gặp phải khi khởi động xe. “Có thể là bình điện?” tôi hỏi.

“Đó là việc đầu tiên chúng tôi kiểm soát,” bà trả lời. “Nhưng đèn đang sáng, vì vậy không thể như thế được.”

“Động cơ quay khi bà vặn chìa khóa?”

“Đó là rắc rối đây. Khi tôi vặn chìa khóa, không gì xảy ra cả. Không kim chỉ nào trên bảng đồng hồ nhúc nhích.”

“Có âm thanh nào không?”

“Không âm thanh nào cả, thậm chí một tiếng cạch.”

“Cho phép tôi thử lại lần nữa, Mary,” Theo, cựu ngoại giao L.H.Q. tóc hoa tiêu gợi ý.

Bà đưa chìa khóa cho ông ấy, và ông đi vào garage ngồi tại chỗ tài xế của chiếc Mercedes xám chạy bằng diesel.

Trong lúc đó, Krishnamurti tiếp tục bước tới lui, trông có vẻ khá đăm chiêu, như thể đang bị đối diện bởi một huyền bí, manh mối mà ông có lẽ khám phá tại bất kỳ khoảnh khắc nào. “Không phải, nó bị hư bởi lỗi nào khác,” ông nói, ắc đầu trong sự kinh ngạc bối rối. “Tôi bảo đảm nó bị hư bởi lỗi nào khác.”

Theo Lilliefelts bước ra khỏi garage và, đưa chìa khóa lại cho Mary, nhún vai nói ~~đây~~ thất vọng, “ Không gì cả, không gì cả.”

“Chúng ta không nên gọi Triple -A hay sao?” người vợ của ông ấy, Erna đề nghị. “Phải mất thời gian để thợ sửa xe đến nhưng chúng ta vẫn còn kịp thời gian.”

“Không hiểu liệu nó có thể khởi động,” Mary nghi ngờ, sau đó đồng ý, “Ồ, vâng, tôi nghĩ chúng ta nên gọi họ.”

“Tôi sẽ gọi điện tại văn phòng,” Erna nói, vội vã đi về phía văn phòng. “Tôi sẽ dùng số thẻ điện thoại của tôi.”

“Ồ,” Mary Z. nói, bằng một âm điệu hơi cam chịu, hơi vui vẻ, ngược đầu lên cao theo thói quen, “Có lẽ tôi nên thử một lần nữa.” và bà đi vào chỗ ngồi của tài xế để thử vận may.

Trong khi đó, Krishnamurti đang mê mải trong điều huyền bí bằng cách đi bộ loanh quanh, chắc chắn đang tìm kiếm một liên kết đang thiếu sót, thậm chí rất thường xuyên

thực hiện một tuyên bố huyền bí. “Nó phải là điều gì khác, điều gì đó mà chúng ta không nghĩ ra.”

Mary Z. xuất hiện từ garage, bằng một cử chỉ vô vọng biểu lộ sự không thành công rõ ràng của bà.

“Nó phải là lỗi gì khác; không hiểu vì sao, chúng ta không thấy lỗi đó rõ ràng,” Krishnamurti quả quyết, như thể đã có một giải pháp đơn giản lạ lùng mà không một ai trong họ, kể cả chính ông, có thể tìm ra lỗi lầm.

“Sao bà không sử dụng chiếc xe hơi còn lại?” tôi hỏi, chỉ vào cánh cửa garage đóng lại phía tay trái.

“Nó không ở đó,” Mary Z. trả lời đơn giản, “nó đang ở trạm xăng để vô dầu mỡ.”

Ngay lúc đó Erna xuất hiện từ văn phòng, la lớn, khi bà ấy đến gần, “Không lâu lắm đâu. Họ sẽ đến đây khoảng mười phút nữa.” Và, giơ tay về phía Mary Z., bà ấy hỏi bằng một tiếng cười ngắn, “Tại sao bạn không cho phép tôi thử nó lần nữa trong khi chờ đợi?”

Mary Z. đưa chìa khóa cho bà ấy, và bà ấy đi đến xe để khởi động.

Suy nghĩ về nguyên nhân cơ bản của nó, tôi do dự đưa ra một kết luận, “Nó phải là hệ thống điện.”

Không ai lưu ý lời đề nghị của tôi. Krishnamurti ngừng đi qua lại trong chốc lát để nói với Theo, “Nó phải là lỗi gì khác, thưa bạn; lỗi gì đó rất đơn giản và rành rành, mà chúng ta không thấy. Nhưng nó có thể là lỗi gì?”

Những hình ảnh hài hước lóe sáng trước mắt cái trí của tôi, khi tôi cố gắng điên cuồng để giải quyết vấn đề bằng cách tìm hiểu có hệ thống tất cả những khả năng có thể suy nghĩ lẫn không thể suy nghĩ. Nhìn hai quý ông lớn tuổi cao quý đang bàn bạc với vẻ mặt nghiêm chỉnh, tôi có hình ảnh về Sherlock Holmes và Dr. Watson đang đối diện một vụ bí ẩn và đang tìm hiểu những chứng cứ. Sau đó sử dụng nhận thức

vụt ra trong cái trí của tôi rằng đây là một loại xô số: gia tài kếch sù cho người nào may mắn mà tìm được đáp án cho câu đó.

Erna xuất hiện lại, đùa giỡn bằng một tiếng cười không chút ngưng ngừng, “Tôi cũng không khởi động được.”

“Lỗi rành rành mà chúng ta không thể hình dung ra là gì, thưa bạn?” tôi nghe Krishnamurti hỏi Theo.

Sự suy nghĩ về trùng số xô lóe lên trong đầu óc tôi: Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi làm được? Tôi do dự tiến đến Mary Z. và hỏi, “Bà cho tôi thử nghe?”

Bà cười gọn, hơi hơi tức bực, đưa tôi xâu chìa khóa, “Tại sao không? Tất cả chúng ta đều phải thử? Nó có tạo ra sự khác biệt gì đâu?”

Tôi nhìn chìa khóa có biểu tượng Mercedes nổi tiếng trên nó. Khi tôi đi vào garage, tôi nhận thấy không gian trống bên tay trái, nơi chiếc xe hơi hai chỗ của Krishnamurti thường đậu. Tôi thả mình vào chiếc ghế nệm có bọc của chiếc xe, nhận thấy điều kiện không chệ vào đâu được của phía bên trong xe sau nhiều năm sử dụng. Tôi cắm chìa khóa vào ổ khởi động và quay nó. Không gì cả – không tiếng cạch cạch, không tín hiệu, không tiếng gầm của động cơ.

Tôi xuống xe và giao chìa khóa lại cho Mary Z.

Krishnamurti vẫn còn đang nhai lại cùng vấn đề, la lớn đầy ngờ vực, “Nó có thể do lỗi gì đây? Chúng ta đã bỏ sót cái gì? Lỗi gì đó rất, rất đơn giản.”

Ngay lúc đó một tiếng ồn lớn ló dạng nơi đường vào. “Đúng là xe sửa chữa của công ty,” Erna cam đoan.

Chúng tôi quay lại để thấy chiếc xe kéo rõ ràng.

Ngay lúc đó, Mary Z. đang nhìn lần lượt vào những chìa khóa và chùm chìa khóa nào khác còn lại trong túi của bà. Ngay khi chiếc xe tải ngừng gần chúng tôi, bà nói bằng giọng chắc chắn và êm ả, “Tôi nghĩ tôi đã gây lỗi nghiêm

trọng. Tôi xin lỗi, tôi nghĩ chúng ta đang sử dụng làm chìa khóa.”

Krishnamurti bỗng nhiên bật cười, không một chút trách móc hay đánh giá, “A, hóa ra là nó! Đó là điều gì chúng ta không thể nghĩ ra.”

Mary Z. đi thật mau đến chiếc xe với chìa khóa thứ hai vừa được tìm ra từ ví của bà, trong khi Krishnamurti cười vui vẻ, vỗ vai Theo, người cũng đang tham gia cùng ông bằng sự thân thiện. Trong khi đó Erna đi về phía tài xế của xe sửa chữa. “Tôi nghĩ chúng tôi vừa tìm ra vấn đề,” bà ấy giải thích, ngay khi động cơ của chiếc Mercedes bắt đầu khởi động. Người tài xế, không biểu lộ dấu hiệu của sự bức tức, như thể anh ấy đã quá quen thuộc với loại sự việc này, nói vấn đề, “Ồ, tôi vẫn cần thẻ hội viên của bà.”

Trong khi việc này đang được thực hiện, Mary Z. lùi xe ra garage vừa đủ để có thể vượt qua chiếc xe tải, và Krishnamurti mau lẹ leo vào xe. Khi họ lái xe đi khỏi, tôi đi xuống con đường hẹp qua rừng cam đến những khu nhà A. V. Bỗng nhiên, một mình, toàn cảnh của sự việc vừa qua trôi qua trước mắt bên trong của tôi và tôi không thể làm gì khác hơn ngoại trừ bật cười lớn tiếng bằng toàn thân tâm. Việc gì tôi vừa chứng kiến tự công hiến như một minh họa về phương cách chúng ta tiếp cận đa số những vấn đề cơ bản và những nghi vấn hóc búa của sống. Chúng ta cứ thử cái chìa khóa sai lầm, trong khi cái đúng đắn luôn luôn đang hiện diện ở đó, ngay tại bàn tay, còn gần gũi hơn bàn tay mà người ta có thể hình dung.

Hai ngày sau, ngày 20 tháng năm, một lần nữa chúng tôi già từ Krishnamurti và Mary Z. dưới cây tiêu, khi họ khởi hành đi Brockwood Park và vùng đất xa xăm ủa những châu lục khác.

*

Vào tháng sáu cuối niên học, chúng tôi nhận được nguồn tin kinh ngạc qua mạng lưới khắp thế giới liên quan đến những trường học và Foundation của Krishnamurti: David Bohm đang gặp phải một ca đau tim trầm trọng ở London. Chúng tôi choáng váng khi biết tin ông ấy phải trải qua ba lần giải phẫu dùng tim nhân tạo và, trong nhiều ngày sau vụ giải phẫu, lơ lửng trên ngưỡng cửa giữa sống và chết. Krishnamurti đến thăm ông ấy trước và sau ca mổ, cố gắng làm dịu bớt sự sợ hãi tinh tế về chết của người bạn thân của ông. Chẳng ngạc nhiên gì lắm, đang tiếp cận mặt đối mặt với chết là một trải nghiệm kinh hoàng cho ông ấy, để lại một ấn tượng lâu dài. Dường như nó đã làm sâu sắc thêm ý thức khiêm tốn của ông ấy.

David chỉ từ từ hồi phục khỏi sự thử thách này và từ nay trở về sau phải cẩn thận vô cùng, cả sự ăn uống và những hoạt động hàng ngày của ông ấy.

*

Ngoại trừ thực hiện những nói chuyện tại những địa điểm thông thường, Krishnamurti đã nói chuyện hai lần trước số khán giả đông nghẹt ở Amsterdam trong tháng chín năm 1981. Trong khi ông đang theo dõi những lang thang hàng năm của ông khắp thế giới, tại Oak Grove School chúng tôi đang bận rộn bởi số học sinh mỗi lúc một đông thêm, mà đã lên đến một trăm em. Ngoài những trách nhiệm nấu nướng và dạy học của tôi, tôi cũng phát giác mình đang dạy thay thế một lớp học tiếng Tây ban nha trong nhiều tháng, bởi vì người giáo viên Tây ban nha vừa nghỉ dạy bất thành linh.

Trong khi đang vật lộn với sự thách thức ghê gớm của sự tác động lẫn nhau bởi nguyên một thể hệ mới trong lớp học, tôi cũng áp ủ nghi vấn của sự thay đổi, mà Krishnamurti

đã thường xuyên và khấn thiết đưa ra. Tôi tự hỏi chính mình, “Liệu tôi thực sự muốn một thay đổi cơ bản, trọn vẹn? Những hàm ý của nghi vấn đó là gì? Nó là một nghi vấn giá trị? Và, nếu như thế, có ích lợi gì đâu khi trả lời nghi vấn đó trên mức độ từ ngữ? Một đáp án thuần túy thuộc từ ngữ chẳng có giá trị gì cả. Đáp án trung thực duy nhất là đang làm thực sự.”

Tôi nhận ra rằng yếu tố cốt lõi trong sự thay đổi là thời gian. Nó chỉ có thể xảy ra trong hiện tại đang sống, trong khoảnh khắc thực sự. Ngay khi tôi đo lường, so sánh, chiếu rọi nó vào tương lai, sự thay đổi là một ảo tưởng. Chỉ khi nào không còn khoảng trống trong thời gian giữa sự quan sát và hành động, khi nó xảy ra ngay tức khắc, sự thay đổi mới có thể xảy ra. Chính là trong phạm vi của những hàng ngày và những thông thường, cũng như là những gốc rễ của ý thức, mà nó vận hành. Nhưng tôi cũng biết rất dễ dàng khi lừa dối chính mình và sáng sủa nhận biết tưởng tượng của đã được thay đổi. Đang nhìn ngắm là mọi thứ.

*

Cuối kỳ nghỉ mùa xuân của trường, vào ngày 14 tháng hai năm 1982, Krishnamurti quay lại Ojai. Dường như ông đang ở trong hình thức hoang đường khó tin, hăm hở muốn khởi sự. Ngày hôm sau – ngày sinh nhật của Washington – có một bữa ăn trưa cho ông và những ủy viên. Ông muốn biết ngôi trường đã tiến triển ra sao khi ông vắng mặt, đặc biệt từ khi những kế hoạch để thành lập một trường trung học (trong một tòa nhà vẫn chưa xây dựng xong) đang tiến triển tốt đẹp. Háo hức muốn nói chuyện với những giáo viên, ông yêu cầu gặp gỡ chúng tôi tại Pine Cottage chiều hôm sau.

Chủ đề mà ông đưa ra suốt những bàn luận là ‘tôn trọng và không tôn trọng’. “Những học sinh tôn trọng các bạn, những giáo viên và những người lớn tuổi?” ông hỏi chúng tôi. “Và họ có một cảm thấy của tôn trọng đối với thiên nhiên, đối với quả đất?” Nó là một chủ đề mà sẽ chi phối những gặp gỡ và những đối thoại của chúng tôi suốt nhiều tháng kế tiếp.

*

Kỳ nghỉ cuối tuần đó, Krishnamurti đăng ký vào một bệnh viện ở Los Angeles để trải qua một ca mổ chứng sa ruột. Mary Z. tháp tùng và ở lại cùng ông suốt bốn ngày hồi sức tại U. C. L. A. Medical Center. Khi ông quay lại Pine Cottage ngày Ash Wednesday, 24 tháng hai, ‘nhóm tùy viên nhỏ trung thành hoan nghênh’ đang chờ đợi ông đến. Chúng tôi thật đau đớn khi phải thấy ông đang khổ sở. Như chưa bao giờ chậm chạp như thế, ông bước ra khỏi chiếc xe Mercedes, dựa vào cánh cửa xe để làm vững vàng ông. Hầu như không tự nguyện tôi bước lại gần hơn và vươn về phía ông để giúp đỡ. Nhưng ông vẫy tay tôi ra xa và nói rất quả quyết, “Không, thưa bạn, tôi phải tự làm việc này.” Cùng khi nói, ông đi rất chậm, từng bước một, thăng trên những phiến đá nhỏ dẫn đến Pine Cottage. Một giáo viên khác và tôi đi chậm chậm đằng sau ông, vì sợ rằng ông bị vấp ngã hay trượt chân.

Ông phải mất hai tuần lễ để hồi phục hoàn toàn, và chỉ đến thứ bảy, 13 tháng ba chúng tôi mới lại bắt đầu có những bữa ăn trưa đều đặn tại A. V. Chiều hôm đó ông có một bàn luận cùng Dr. Jacob Needleman ở San Francisco State University và người bạn Ấn độ của ông, Asit Chandmal, mà giúp ông nhận thông tin về những phát triển mới nhất trong

thế giới máy tính. Thứ hai kế tiếp, khi những cơn mưa cứ trút xuống, chúng tôi có một bữa ăn trưa nhỏ và lạ thường, mà gồm có Asit, những ủy viên, và những người cư ngụ ở A. V. Nói chuyện tập trung quanh những máy tính, và sự thông minh của con người và nhân tạo. Tại một mẩu chốt. Krishnamurti chuyển trực tiếp đến sự thông minh ‘của ông’, giải thích rõ ràng rằng ông không đang khẳng định nó như của riêng ông bằng cách nêu rõ, “Nó cũng không phải thông minh của tôi, cũng không phải thông minh của bạn; nó là thông minh”. Ông không suy nghĩ về thông minh trong ý nghĩa cổ truyền – như trí nhớ, sự tích lũy của hiểu biết, hay khả năng tính toán mau lẹ – nhưng khác hơn như sức mạnh không cá nhân, đơn giản của sự quan sát mà vận hành trong hiện tại đang sống và có thể làm việc trong lãnh vực phức tạp nhất. Ông hỏi, “Liệu bộ não của K chỉ là một sự kiện quái dị, hay liệu những con người khác cũng có một bộ não như thế?”

Một trong những phụ nữ ủy viên thắc mắc, “Ông sẽ diễn tả bộ não đó như thế nào, Krishnaji?”

“Nó ráo hoảnh, mộc mạc, không bận tâm, nhưng cũng tinh táo và rất cảnh giác. Nó không ghi lại bất kỳ sự tổn thương cá nhân hay sự đau khổ tâm lý,” ông giải thích, khi tất cả chúng tôi đều lắng nghe đầy chú ý.

Cuối cùng nói chuyện chuyển động đến tốt lành và xấu xa. Krishnamurti khẳng định, “Có một kho dự trữ của tốt lành, và nó không liên quan gì đến xấu xa.”

Tôi gặp khó khăn khi nắm bắt điều gì ông có ý và gợi ý, “Vậy thì, xấu xa là một ảo tưởng?”

“Không, thưa bạn, xấu xa hiện diện, chắc chắn,” ông quả quyết. “Nhưng nó không thể tiếp cận điều còn lại, nó không có liên quan đến tốt lành.” Khi tôi đang trầm ngâm cùng những nghi ngờ của tôi, ông ngừng tôi lại, nói, “Làm ơn lắng nghe điều này, thưa bạn. Lắng nghe một cách đơn giản.”

Nhưng, bất kể lắng nghe cẩn thận, tôi thấy quá khó khăn để hiểu rõ điều gì đối với ông là đơn giản.

Mưa tiếp tục rơi và người ta mỗi lúc một nhận thấy lạnh lẽo hơn. Suốt nói chuyện ngày hôm sau, Krishnamurti bắt đầu thắc mắc về giới trẻ hiện đại, về những trường hợp thai nghén và tình dục của giới trẻ. Bỗng nhiên ông hỏi hiệu trưởng, người đang ngồi đối diện ông, “Có bất kỳ thiên tài nào trong số những học sinh của bạn?”

“Ông có ý nghĩ thiên tài trẻ tuổi, Krishnaji?” hiệu trưởng hỏi.

“Vâng, giống như Mozart hay Beethoven,” ông trả lời. “Một thiên tài trẻ tuổi là ai khác? Có lẽ Aldous Huxley. Liệu K là một thiên tài? Cậu trai i có tài năng nào đó?” Sau một khoảnh khắc cố ý, ông liệt kê nhiều điểm mà dường như gợi ý ngược lại. “Cậu trai mơ mộng, lơ đãng, hầu như khờ dại, không thể lưu giữ một việc gì. Tất cả mà cậu trai quan tâm là thể thao và những vật dụng máy móc, tháo rời một chiếc đồng hồ và sau đó lắp ráp nó lại như cũ, và lớn hơn tháo rời và lắp ráp lại một động cơ xe hơi.”

Một phụ nữ gợi ý, “Có lẽ chính bởi sự khờ dại này, Krishnaji, sự trống không này của cái trí mà là một thể hiện từ khi còn non trẻ về việc gì mà sau đó đã thể hiện như thiên tài K – một tài năng, không phải trong một lãnh vực đặc biệt, nhưng thuộc về một trật tự khác hẳn.”

Krishnamurti do dự khi chấp nhận một gợi ý như thế mà không thâm nhập kỹ càng. Chỉ sau một thời gian cân nhắc thật lâu ông mới cho phép, “Ồ, có lẽ K có thể, trong một ý nghĩa nào đó, được coi như là một thiên tài.”

Suốt bữa ăn trưa ngày hôm sau, mưa vẫn còn đang trút xuống, chúng tôi nói về một số trong những nét tiêu biểu của Krishnamurti. Bởi vì không có bất kỳ sự quyến luyến thuộc cảm xúc nào với chính ông, ông không thêm lưu ý khi chúng

tôi đưa ra những câu hỏi về ông, miễn là nó là một tìm hiểu không thành kiến vào hiện tượng được gọi là Krishnamurti.

“K rất đơn giản,” ông nói, “có một ý thức của hồn nhiên và tin cậy quanh ông. Ông cởi mở và không nghi ngờ, ngay cả đối với những người lạ mặt. Tôi phải kể cho các bạn một câu chuyện khi tôi đang ở nhà của Mrs. Mary Zimbalist tại Malibu cách đây vài năm. Vào buổi chiều, chúng tôi thường dạo bộ trên bãi biển gần Pacific. Có một ngày, một người đàn ông mà trước đó tôi chưa bao giờ biết mặt đến gần và hỏi tôi liệu ông ấy được phép theo cùng tôi. Tôi nói, ‘Được thôi, đi cho vui.’ Và cùng nhau chúng tôi sải bước dọc theo bãi biển, không nói nhiều lắm, chỉ nhìn những con sóng và phong cảnh đẹp. Lúc sau, ông ấy hỏi liệu chúng tôi có thể ngồi xuống một chốc lát. Tôi trả lời, ‘Được thôi.’ Thế là chúng tôi ngồi trên một thân cây khô, một miếng gỗ trôi giạt từ xa đến đó. Chúng tôi ngồi yên lặng một chút xíu, nhìn ra biển xanh mênh mông. Sau đó ông ấy xin phép cầm tay tôi. Vì vậy tôi đưa bàn tay cho ông ấy cầm, và chúng tôi ngồi đó cầm tay nhau một lúc lâu.”

Nhóm ít người đang ngồi tại bàn hoàn toàn bị mê hoặc bởi câu chuyện lạ lùng của ông. Nó có sự ảnh hưởng của một hội hộp đối với tôi, cùng ý thức của nguy hiểm và những hàm ý thuộc tình dục của nó. Tại cùng thời điểm, tôi cũng kinh ngạc bởi sự ngây thơ của ông khi đặt mình trong một tình huống có thể nguy hiểm như thế. Nhưng dường như ông không lưu tâm đến ý thức sợ hãi của chúng tôi và tiếp tục, “Sau khi chúng tôi đang ngồi yên lặng ở đó, cầm tay nhau, và nhìn ngắm phong cảnh dễ thương, ông ấy hỏi tôi liệu ông ấy có thể hôn tôi một cái.”

Tôi vô tình nín thở.

“Thế là tôi nói, ‘Được thôi,’ và ông ấy hôn vội vào má của tôi.”

Ý thức hồi hộp mãnh liệt thêm khi chúng tôi, **nhưng** người lắng nghe của ông, hỏi không thể diễn đạt bằng từ ngữ, “Chuyện gì sau đó?”

“Đó là tất cả,” ông kết luận, thấu nhận mọi người bằng một thoáng nhìn.

Tôi cảm thấy lơ lửng trong làn sương mong manh của sự tưởng tượng riêng của tôi. Phản ánh vào chính tôi, tôi lặng lẽ kinh ngạc trước sự hồn nhiên và sự khoáng đạt chân thật của ông. Giống như một đứa trẻ, tự do khỏi sự sợ hãi và ngờ vực, dường như ông sẵn sàng để là người bạn của mọi người.

Khi ông đến ăn trưa ngày hôm sau, tôi thấy rằng ông vẫn còn bước đi khá chậm chạp và cẩn thận. Tôi giữ cửa chắn lưới mở cho ông, và sau chào hỏi đầu tiên của chúng tôi ông vội vã tiếp tục nói với tôi, “Không còn món tráng miệng nữa, không còn kẹo nữa – chấm dứt.”

Tôi choáng váng, “Nhưng tại sao, Krishnaji, chuyện gì xảy ra vậy?”

“Ngày hôm qua chúng tôi đi khám **đồng** quát tại bệnh viện ở đây – bạn biết chứ, bởi vì ca mổ. Họ thử nghiệm máu của tôi và phát giác rằng mức độ đường trong máu tiếp tục quá cao. Vì vậy, tôi phải cắt tất cả kẹo, đường, mật, và vân vân.”

“Ồ, điều đó tệ quá,” tôi nói tiếc nuối, “Còn nước ép cà rốt thì sao? Ông vẫn có thể dùng nó?” Lúc trước ông thích dùng món nước ép cà rốt tươi với bữa ăn của ông.

“Món đó cũng chấm dứt.”

“Và mứt, bắp ngọt, và cà rốt sống hay nấu chín?”

Tôi háo hức muốn tìm ra tất cả những khía cạnh của thực phẩm ăn kiêng mới của ông, hơi hơi cảnh giác bởi viễn cảnh của những giới hạn về nhiều món ăn.

“Rau thì được thôi, thậm chí cà rốt sống,” ông giải thích. “Tôi chỉ phải tránh sự tập trung cao độ của đường, như được chứa đựng trong nước ép cà rốt.”

“Còn những nước ép trái cây khác thì sao?” tôi tiếp tục, ghi nhớ trong đầu óc. “Chấm dứt,” ông trả lời bằng một kết thúc dễ dàng.

“Liệu ông vẫn còn có thể ăn trái cây, như táo, lê, và vân vân?”

“Chút chút thôi – có lẽ một hay hai quả một ngày, đó là tất cả.”

Trong khoảnh khắc, một làn sóng của đồng cảm nảy sinh trong tôi, khi tôi nhớ lại ông đã ưa thích một món ngọt, hay một miếng kem cho bữa tráng miệng nhiều ra sao. Nhưng bất kỳ loại tự thương xót hay tặc nuối quá khứ đều không có trong ông, và ông nhìn tôi thật thắm thía và nói, “ Dĩ nhiên, thưa bạn, bạn phải tiếp tục làm những món tráng miệng cho những người khác. Họ không nên bị cắt bớt chỉ bởi vì tôi không thể ăn ngọt được nữa. Sẽ rất phi lý khi bắt buộc họ phải theo những giới hạn ăn kiêng của tôi.”

Ông có thể từ bỏ mọi thứ trên mức độ thực tế bằng sự thanh thản tuyệt vời, sánh ngang với, nếu không nói vượt trội hơn, khả năng kết thúc những dính líu thuộc tâm lý và tinh thần từ một tích tắc sang một tích tắc – như thể không có thời gian dính dáng trong thực hiện một quyết định nhưng chỉ còn khoảnh khắc của sự nhận biết. Nó là một khả năng gây kinh ngạc tôi, một sinh vật bị quyến luyến những vui thú, những cảm giác và những giải trí, mà phải đấu tranh để từ bỏ những thói quen ạm gọi là xấu xa. Tuy nhiên, sự tự do phía bên trong này, không loại trừ sự trung thành cá nhân, cũng không loại trừ một vũng vàng bất động, tinh tế trong bám chặt vào nguồn hành động của ông.

*

Vào sáng sớm ngày 24 tháng ba, Krishnamurti và Mary Z. rời đây để đi New York City, nơi ông sẽ thực hiện hai nói chuyện tại Carnegie Hall kỳ nghỉ cuối tuần kế tiếp. Ngày hôm sau, David và Saral Bohm đến Arya Vihara. Mặc dù đã hoàn toàn hồi phục khỏi ca giải phẫu, David đã mất đi nhiều cân, nhợt nhạt và thể hiện sự chạm trán chớp nhoáng cùng chết của ông ấy.

Chương 16

NĂNG LƯỢNG CỦA TRÔNG KHÔNG

Món tráng miệng

Xà lách trộn với rau diếp, cải brussels và cải bắp đỏ, dùng với nước sốt dầu ô liu và gia vị hay tahini.

Xà lách cà chua với rau húng quế và mozzarella tươi.

Tabouli chế biến từ cous-cous, rau ngò tây, bạc hà, nho Hy Lạp tươi, cà chua phơi nắng, và hạt thông.

Hummus nhúng đậu garbanzo phục vụ với bánh mì pita.

Món chính

Gạo màu vàng nghệ.

Cà Parmigiana, chế biến từ những lát cà to nướng rắc bột quế, trong một nước sốt cà chua đậm đà và những lát phô mát Parmesan và mazzarella.

Nguyên zucchini, nướng mau đến chín.

Món tráng miệng

Ba loại kem khác nhau.

Trái cây tươi theo mùa.

Krishnamurti và Mary Z. ở New York City quay lại vào ngày 1 tháng tư. Suốt bữa ăn trưa ngày hôm sau, ông sôi nổi kể cho chúng tôi về những đám đông người chật kín sảnh. Ông kinh ngạc khi biết rằng những cái vé cho những nói chuyện của ông đang bị mua đi bán lại với giá quá cao.

Tôi đang phục vụ món tráng miệng ăn thêm cho mình – dâu sequoia to với kem gừng – khi tôi nhìn ra ngoài cửa sổ của khu để thức ăn bên góc phòng và thấy một con cú sừng lớn đang đậu trên một nhánh cây cao kế cận căn nhà nhỏ của tôi. Nhiều con cú lớn đang làm tổ trong những cái cây tại A. V., tải qua những tiếng đồng hồ ban ngày trên cao giữa những tán lá của những cây khuynh diệp chanh có vỏ trắng quanh khu đậu xe. Khi hoàng hôn và vào ban đêm người ta thường có thể nghe tiếng kêu diu diu âm điệu thấp của chúng.

Do phấn khích đột ngột tôi nghĩ rằng Krishnamurti có lẽ thích nhìn ngắm những sinh vật có cánh kia. Ông rất ưa thích thú vật và thường kể về những gặp gỡ bất ngờ với những con linh miêu, những con gấu và những con cọp trong vùng hoang dã. Rất hiếm hoi khi tôi có dịp chỉ cho ông thứ gì đó hoang dã và xinh đẹp, thế là tôi vội vã chạy vào phòng ăn và, không ần nhọc nhằn lắm, không kịp thở nói với ông, “Thưa ông, đến đây xem nè, có một con cú sừng lớn ở rất cao trên cây.”

Không có bất kỳ do dự nào, ông đứng dậy và cùng tôi đi vào căn phòng nhỏ. Dường như không người nào tại bàn ăn có vẻ hứng thú viễn ảnh nhìn ngắm một con cú sinh động. Tôi hăm hở đứng cạnh ông và chỉ lên cao hướng về cái cây. “Đó kìa, Krishnaji, trên nhánh thứ hai, không, nhánh thứ ba bên tay trái. Ông thấy nó chứ?”

Ông đang chăm chú nhìn lên cao nơi tôi đang chỉ nhưng khó mà nhận rõ hình dáng kín đáo không phô trương trong bộ lông ngụy trang của nó. Quay đầu hướng này và

hướng kia, cuối cùng ông nói, “Tôi không thể thấy nó, Michael. Nó ở đâu vậy?”

Trong chốc lát tôi sợ hãi rằng sự khám phá của tôi có lẽ bay đi mất trước khi tôi có thể chia sẻ nó cùng ông, vì thế tôi nói, “Tha thứ cho tôi, Krishnaji, nhưng sẽ dễ dàng trông thấy hơn nếu chúng ta có thể bước ra ngoài trong chốc lát.”

Ông không phản đối. Ông đi qua nhà bếp, ra khỏi cửa và quanh góc nhà cho đến khi chúng tôi đứng lại cách thân cây láng màu **trng** khoảng mười yard. Ngược nhìn lên những tia lá hình lưỡi liềm đang đong đưa trong cơn gió nhẹ, tôi thấy con cú vẫn đậu nguyên một chỗ. Thật ra, nó đã chú ý đến chúng tôi và đang thực hiện những chuyển động đặc điểm của loài cú để thương lượng lòng khi cọ xát qua lại khuôn mặt tròn và dẹt của nó vào hai vai của nó và chuyển động cái đầu của nó theo nhịp điệu từ phía này sang phía kia, như thể đang muốn dò hỏi chúng tôi. Cái sừng của nó như lòi ra và hai mắt to tròn có thể nhìn thấy rõ ràng. Bằng sự phấn khích bất ngờ, tôi chỉ tay về hướng nó, thì thầm, ‘Ông thấy nó, thưa ông, ông thấy nó? Nó đang chuyển động cái đầu qua lại.’”

Krishnamurti đứng đó, mảnh mai và yếu đuối, giống như một cậu bé nhỏ thó, đầu ngả về phía sau, và nheo mắt vào ánh sáng buổi chiều rực sáng, che hai mắt của ông bằng bàn tay trái. Ngay **ập** tức ôn g la lên nho nhỏ, “À, vâng, lúc này tôi thấy nó rồi.”

Tôi cảm thấy khuây khỏa và một ý thức của chứa chan tình cảm bất ngờ. Có một không gian yên lặng và nhìn ngắm mãnh liệt khi chúng tôi đang đứng đó dưới ánh mặt trời. Con chim đang nhìn ngắm lại chúng tôi.

“Nó to quá, đúng chứ?” ông nhận xét chốc lát sau.

“Nó chắc phải có một dải cánh thật rộng.”

Nhiều khoảnh khắc quan sát yên lặng trôi qua trước khi ông nắm chặt cánh tay của tôi bằng một cử chỉ đặc trưng và dắt tôi về phía cửa, nói, “Được rồi, thưa bạn.”

Quay lại phòng ăn tôi thấy những người khách khác vẫn còn đang ngồi nói chuyện. Tôi có một cảm giác lạ lùng rằng, trong một khoảnh khắc, tôi đã bước vào một thế giới khác hẳn của những màu sắc rực rỡ và sự khám phá và lúc này quay trở lại một không gian chật hẹp hơn của những quen thuộc.

*

Những trận mưa tiếp tục không giảm bớt suốt tuần lễ tiếp theo, Krishnamurti bàn luận cùng những giáo viên trường bốn lần liên tiếp, nói về sự tin tưởng mà tất cả chúng tôi đều phải cần có để có thể xây dựng ngôi trường mà ông đã hình dung.

Vào cuối kỳ nghỉ cuối tuần của ngày 16-18 tháng tư, một đoàn quay phim truyền hình chuyên nghiệp đến để quay bốn đối thoại giữa David Bohm, Dr. John Hidley, một chuyên gia về tâm thần học địa phương, và Dr. Rupert Sheldrake, một chuyên gia về sinh học người Anh, mà vừa mới đây đã phát triển một lý thuyết mới gây thách thức mọi người. Ông ấy đặt tên nó là ‘sự cộng hưởng hình dạng’, gợi ý rằng những thành viên của một chủng loại chung, như những con khỉ, những con người, chia sẻ sự học hỏi và bất kỳ khám phá mới quan trọng nào qua ‘những phạm vi gene-morpho’, những kênh thuộc sinh học của sự truyền động, mặc dù những thành viên cá thể sống tách rời và không có sự tiếp xúc thuộc vật chất với nhau. Bốn bản luận tại Pine Cottage, được sản xuất trên video với tựa đề *The Nature of the Mind*

Bản chất của Cái trí, được tài trợ bởi một tổ chức tư nhân mà gây quỹ cho những đề án thuộc sức khỏe tinh thần.

*

Đến lúc này, cuối tháng tư, cuối cùng mưa đã chấm dứt và chúng tôi lại đang tận hưởng những ngày rực rỡ, quang đãng. Suốt bữa ăn trưa, tôi phục vụ món fettucini làm mỡ nhà với nước xốt cà chua và phó mát Parmesan, một món đậu garbanzo, và cây a ti sô hầm với một nước xốt mayonnaise và mustard đơn giản. Krishnamurti thường ưa thích cách nấu nướng của Ý và Provençal, và vì vậy, tôi đã nghĩ rằng ông thích a ti sô. Bởi vì chúng tôi sống gần Watsonville, tạm gọi là thủ đô của a ti sô của thế giới, chúng tôi được hạnh phúc bởi nguồn tiếp liệu dư thừa của ‘cây kế thuộc hoàng gia’. Những loại to lớn đều sẵn có với giá cả phải chăng tại những chợ địa phương. Tôi đã phát triển được một ưa thích về những chiếc lá to béo và đều đặn phục vụ chúng, trải qua sự chế biến cực nhọc và thỉnh thoảng bị đau đớn khi cắt mỗi cái gai nhô ra từ ngọn lá.

Tôi đang hăng hái làm việc vui vẻ khi tôi nhận thấy Krishnamurti đang tìm hiểu ngờ vực một chiếc lá a ti sô trong hai bàn tay của ông. Ông nói với người đối diện ông, “Thật quá chán khi phải tách tất cả những chiếc lá này ra. Và lại chẳng có bao nhiêu lá.” Người phụ nữ làm một tiếng ồn như thể đồng tình với sự bình phẩm về vấn đề a ti sô của ông. Tuy nhiên, lúc đó tôi cảm thấy bị chết lặng trong tâm trạng vỡ mộng đột ngột. Hồi phục khỏi sự chết lặng của tôi, tôi cố gắng lên tiếng để bảo vệ những đầu hoa của tôi, “Nhưng Krishnaji, chúng không ngon lắm nhưng còn là một nguồn vitamin B-12 tuyệt vời.”

Ông không thể hiện bị ấn tượng bởi khẳng định của tôi và nói, trong giọng hơi châm biếm, “Phải tốn thời gian rất lâu mới ăn được chúng.”

“Tôi nghĩ ông thích chúng, thưa ông?” tôi buồn rầu nói.

Vài khoảnh khắc sau, ông quay về phía tôi và hỏi, “Tin gì đây, thưa bạn?”

Nó cảm thấy giống như một giải trí vui thích thoát khỏi sự thất vọng về cây a ti sô của tôi, và tôi bắt đầu tóm tắt những phát triển mới nhất về vụ Falklands War giữa Britain và Argentina. Tôi kết luận nó bằng cách trích dẫn lời của nhà văn vĩ đại người Argentina, Jorge Luis Borges, mà sự nhận xét nổi bật của ông về vụ xung đột chết người tôi vừa đọc trong một tuần báo tin tức: “Nó giống như hai người trọc đầu đang đánh nhau vì một cái lược.”

Krishnamurti bật cười thú vị. “Câu đó rất hay – hai người trọc đầu đang đánh nhau vì một cái lược! Tôi phải nhớ câu đó.”

Khi nói chuyện tiếp tục, nó tập trung quanh sự xung đột của con người, đặc biệt về chiến tranh và nó ảnh hưởng ý thức tập thể lẫn ý thức cá thể ra sao. David Bohm mô tả chiến tranh như sự xung đột có tổ chức, sinh ra một dạng của sự cuồng tín công chúng, mà có những gốc rễ của chúng trong sự tin tưởng rằng quốc gia riêng của một người là cao cấp hơn và luôn luôn đúng. Như một minh họa ông ấy trích dẫn những từ ngữ mở đầu của bài quốc ca cũ của nước Đức, ‘Deutschland uber Alles’ (nước Đức trên tất cả), và câu nói, ‘Quốc gia của tôi đúng hay sai’, mà minh họa sự ảnh hưởng mãnh liệt của những khẩu hiệu quốc gia trên sự suy nghĩ của cá thể. Krishnamurti so sánh nó với một dạng của ám ảnh, mà hoàn toàn gây thoái hóa đức tính và cách cư xử của một xã hội. Ông tiếp tục khi kể lại một sự kiện từ sống của ông.

“Nó xảy ra suốt những năm chiến tranh khi tôi ở đây, California, khi một phụ nữ đến gần tôi với một cái hộp trong bàn tay của bà. Bà nói rằng hôn phu của bà vừa gửi cho bà một món quà từ tiền tuyến, nơi nào đó ở Thái bình dương, và bà muốn chỉ nó cho tôi. Bà mở cái hộp, và tôi co mình lại. Có một cái đầu người đã bị teo lại trong nó. Bà hỏi liệu tôi muốn mua nó như một món quà. Thử tưởng tượng nó, thưa bạn!”

Mọi người tại bàn ăn kinh hãi, tưởng tượng cảnh kinh hoàng đó. Nói lại những đối thoại mới đây về sức khỏe tinh thần, nhiều người bắt đầu nói về những trạng thái bất bình thường của cái trí, như sự điều khiển những khả năng về tinh thần bởi những ma quỷ và những lực lượng tinh thần lạ lùng khác.

Một phụ nữ hỏi Krishnamurti, “Ông nghĩ rằng một ý thức có thể bị chiếm hữu bởi những lực lượng ma quỷ? Tôi không có ý tình trạng điên khùng hay những ảo giác, nhưng những thực thể khác.”

Sau một khoảnh khắc suy nghĩ, ông trả lời, “Tôi xin phép kể một câu chuyện. Nó xảy ra cách đây vài năm ở London. Tôi đang ở nhà của một người bạn ở vùng ngoại ô, và một buổi chiều tôi đang nhìn ra ngoài cửa sổ khi một chiếc xe Mercedes chạy thẳng đến đường vào. Người tài xế đi ra và mở cửa cho một phụ nữ, trang điểm và trang phục thanh lịch. Cô ấy rung chuông. Tôi ở nhà một mình và ra mở cửa. Người phụ nữ giới thiệu mình và xin phép nói chuyện riêng với tôi; nó là một trường hợp khẩn cấp. Vì vậy tôi mời cô ấy vào nhà. Cô ấy đi thẳng vào câu chuyện và bảo với tôi rằng cô ấy là một gái gọi cao cấp và rất thành công. Cô ấy đã kiếm được cả một gia tài khi ngủ với hàng trăm người đàn ông thuộc giai cấp xã hội cao nhất – những người quý tộc, những người chính trị và những người kinh doanh. Sáu tháng trước một trong những tình nhân của cô ấy, người mà cô ấy thương yêu

hơn tất cả những người khác, đã rời bỏ cô ấy vĩnh viễn. Cô ấy kể cho tôi tất cả câu chuyện thực tế này rất bình thản. Một buổi chiều cô ấy ở nhà một mình, đang ngồi phía trước lò sưởi. Nhìn vào ngọn lửa, cô ấy bắt đầu đùa giỡn tưởng tượng hình ảnh của người tình nhân cũ đó trong cái trí của cô. Cô ấy kinh hãi khi thấy một con ma có hình hài vật chất bước ra khỏi lò sưởi, mang hình dạng của người tình nhân cũ của cô. Cô ấy tiếp tục kể với tôi rằng sau đó cô ấy ái ân với con ma này. Cô ấy phát giác mình rất hứng thú và thỏa mãn nhiều, và thế là cùng sự việc như thế xảy ra trong những đêm kế tiếp, nhưng chỉ khi nào cô ấy ở một mình. Nó tiếp tục suốt nhiều tháng. Nhưng con ma trở nên càng nhiều uy quyền và bắt đầu kiểm soát cô ấy. Nó sai bảo cô ấy phải làm gì, và những mong muốn của nó trở nên đòi hỏi nhiều hơn, bảo cô ấy chính xác khi nào họ sẽ gặp nhau, và vân vân. Cô ấy bị sở hữu bởi con ma, và nó điều phối sống của cô ấy. Cô ấy muốn chấm dứt toàn sự việc nhưng không cách nào thoát khỏi. Cô ấy không muốn hỏi ý kiến bất kỳ người tâm lý hay giáo sĩ hay những người chuyên nghiệp khác. Vì vậy, cô ấy kín đáo hỏi một số bạn bè có địa vị cao liệu họ biết bất kỳ người nào đáng tin cậy mà có thể đưa lời khuyên cho cô ấy trong một vấn đề riêng tư, nhạy cảm nhất này. Tên của chúng tôi xuất hiện, và sau khi tham gia một hay hai nói chuyện, cô ấy cảm thấy tự tin rằng tôi có lẽ giúp đỡ cô ấy trong tình huống khó khăn lạ lùng này. Cô ấy đã không kể cho ai biết về những trải nghiệm quái dị này; tôi là người đầu tiên biết về chúng. Cô ấy rơm rớm nước mắt khi cô ấy kể câu chuyện, rõ ràng đang bị buồn thảm lắm. Tôi đồng ý giúp đỡ cô ấy với điều kiện phải làm chính xác như tôi chỉ bảo. Cô ấy hứa hẹn. Tôi yêu cầu cô ấy để lại một trong những chiếc nhẫn đang đeo và quay lại sau ba ngày. Trong suốt ba ngày đó, cô ấy không được ái ân, cũng không ở nhà một mình, để cho con ma

không thể tiếp xúc cô ấy. Khi cô ấy từ giã tôi, cô ấy biểu một số tiền lớn vì sự giúp đỡ của chúng tôi, nhưng tôi không nhận nó. Tôi đặt chiếc nhẫn của cô ấy trên kệ lò sưởi. Đó là nơi nó nằm ở đó trong ba ngày kế tiếp. Tôi không sờ vào nó hay làm bất kỳ việc gì với nó. Ba ngày sau, người phụ nữ đến trong chiếc xe Rolls-Royce. Tôi trả chiếc nhẫn lại và bảo cô ấy luôn luôn đeo vào, sống bình thường và xem thử việc gì xảy ra. Một tuần lễ sau cô ấy gọi điện thoại cho tôi. Cô ấy vui mừng quá đỗi. Con ma đã bị trục xuất. Ngay cả khi cô ấy ở nhà một mình trước lò sưởi, con ma cũng không xuất hiện. Có vẻ nó đã bị cấm cửa vĩnh viễn. Cô ấy cảm ơn tôi rồi rit, lại biểu tiền, mà, dĩ nhiên, tôi không thể nhận.”

Chúng tôi h mê hoặc và không cự quậy trong ghế, lắng nghe câu chuyện kỳ dị của ông. Nó điếm tô ma thuật và siêu nhiên của nó và dường như bắt nguồn từ thế giới của *A Thousand-And-One-Nights Một ngàn lẻ một đêm*, hơn là từ hai môi của ông. Có một khoảng ngừng của sự yên lặng kinh ngạc, suốt thời gian đó người ta có thể nghe được một cách thực tế những dây thần kinh của sự nhẹ dạ phía bên trong của người ta đang được căng ra hết cỡ. Sau đó, như thể được ra lệnh, mọi người phấn khích bắt đầu nói cùng lúc, phê bình hồi tưởng những chi tiết của câu chuyện kỳ dị với nhau.

Yên lặng và vui đùa, Krishnamurti đang quan sát ảnh hưởng của câu chuyện đối với chúng tôi. Sau đó, giơ một bàn tay lên, ông nói ồn tiếng, mau lẹ nắm lại sự chú ý của mọi người. “Chờ một chút. Câu chuyện chưa chấm dứt ở đó đâu. Vẫn còn có việc khác sắp xảy ra, một bước ngoặt kết thúc.” Vài tháng sau, chúng tôi đang ăn trong một nhà hàng ở thành phố, và người phụ nữ đó cũng có mặt tại một bàn ăn khác với vài người bạn. Cô ấy nhận ra và chào tôi từ xa. Khi tôi có một mình trong chốc lát, vội vàng cô ấy đến bàn và nói có điều gì đó quan trọng phải kể cho tôi. Cô ấy xin lỗi nhiều vì

phí thời gian của tôi và cảm ơn tôi một lần nữa về sự giúp đỡ của tôi khi cô đang bị suy sụp, sau đó tiếp tục kể cho tôi rằng, khi thời gian trôi đi, cô ấy bắt đầu cảm thấy buồn chán và cô độc; vừa cách đây một tháng cô ấy lại tưởng tượng về con ma, chỉ để vui mà thôi, và lúc này toàn sự việc lại luôn luôn xảy ra...”

Khuôn mặt của ông lại diễn tả một châm biếm vui nhộn khi, với hai lông mày nhướng lên, ông chăm chỉ thâm nhập mỗi khuôn mặt để dò hỏi phản ứng của nó đối với kết cuộc của câu chuyện. Có một chuỗi hình ảnh đầy đủ của những phản ứng, trải dài từ sự phẫn nộ hoàn toàn, ngờ vực và cả tin, đến vui vẻ. Hầu như phản ứng riêng của tôi là tiếng cười điên dại, đến độ tôi cảm thấy đang dâng trào bên trong chính tôi nhưng được kềm hãm lại. Tôi đang tự hỏi liệu có lẽ không có một tương đồng kinh ngạc giữa trạng thái cái trí của cô gái gọi và trạng thái cái trí của hầu hết chúng tôi ở đây. Chúng tôi có lẽ quả quyết muốn ý thức của chúng tôi phải được thay đổi triệt để, những sống của chúng tôi không ích kỷ và không xung đột, nhưng việc gì sẽ xảy ra nếu, bởi ma thuật và không có bất kỳ nỗ lực nào về phần chúng tôi, chúng tôi được thay đổi thành những con người hoàn chỉnh hơn và trọn vẹn hơn, cùng những cái trí tinh táo nhưng trống không? Liệu chúng tôi sẽ không hò hét đòi hỏi sự an toàn, chỗ ẩn náu quen thuộc của cái tôi cũ kỹ của chúng tôi, bộ quần áo cũ rích của những kỷ niệm, mà đã trở thành chúng tôi, mà là chúng tôi, hay sao? Liệu chúng tôi sẽ không hối hả trở về dưới mái nhà che chở của tổ ấm thân thuộc của chúng tôi, thay vì đứng một mình trong sự bao la của bầu trời khoáng đạt, hay sao? Suy nghĩ về điều này, tôi phải thú nhận rằng tôi thực sự không thể tìm được đáp án. Thế là tôi hỏi Krishnamurti, “Và điều gì xảy ra sau đó?”

Ông diễn tả bằng một nhún vai, “Ồ, chẳng có gì cả... nó chỉ tiếp tục, tôi đoán thế.”

Ông không đưa ra bất kỳ giải thích thêm nào, và chúng tôi bị bỏ lại cho những dụng cụ của bộ não riêng của chúng tôi để thực hiện đầu đuôi giai thoại kỳ lạ này. Chẳng mấy chốc sau, chúng tôi dọn dẹp bàn ăn và quay lại công việc thường làm.

*

Vài ngày sau Saral Bohm thông báo với tôi rằng sẽ có một người khách nữa cho bữa ăn trưa: ông ấy là một người bạn thời sinh viên của David tại UC Berkeley. Cả hai đã trở thành những người giải thích của cơ học lượng tử và lúc trước đã dạy học ở Brazil một thời gian. Tên của ông ấy là Richard Feynman và ông dạy tại California Institute of Technology ở Pasadena. Ngoài trừ những giải thưởng khác, ông ấy là một người đoạt giải Nobel Vật lý, đã nhận được giải thưởng danh giá đó vì tìm ra một phương cách mới để xử lý động lực điện lượng tử và cũng vì những giảng thuyết vui nhộn và mẫu mực của ông về Thuyết Lượng tử, mà sau đó được xuất bản như một quyển sách giáo khoa về chủ đề này. Saral đề cập kín đáo rằng ông ấy đã được chẩn đoán đang bị thời kỳ cuối của bệnh ung thư.

Ông ấy khoảng sáu mươi tuổi, một người đẹp trai, trông nổi bật, trẻ hơn David vài tuổi. Vóc dáng gọn gàng, trung bình, với một khuôn mặt biểu cảm, những nét tinh tế, một cái trán cao, và mái tóc dày màu nâu nhạt, chải ngược về sau. Ông ấy ăn mặc trang nhã theo phong cách California, toát ra một dáng điệu của sự tự tin lãnh đạm, dễ chịu. Rõ ràng ông là nhân vật nổi tiếng thuộc khoa học của tầng lớp cao nhất.

Tôi đã chuẩn bị một món xà lách cà chua với phó mát mozzarella và rau húng ếu , món ầu garbanzo, xà lách tabouli, ăn với bánh mì pita, cơm vàng nghệ, cà Parmigianna và bí xanh nướng lò, theo sau bởi món kem tráng miệng. Có khoảng mười sáu người cho bữa ăn trưa ngày hôm đó.

Trong cách khiêm tốn thông thường của ông ấy, David giới thiệu người bạn cho Krishnamurti. Họ lịch sự bắt tay nhau và trao đổi những chào hỏi. Nhưng rõ ràng rằng Dr. Feynman có mặt chủ yếu bởi vì ông ấy đang viếng thăm người bạn cũ thời đại học, David, và không quan tâm lắm đến Krishnamurti và công việc của ông . Krishnamurti yên lặng nhìn ngắm những người khách đang phục vụ món ăn của họ. Khi Dr. Feynman đến gần, ông hướng dẫn ông ấy đến cái ghế ở đầu bàn, nói, “Làm ơn ngồi ở đây, thưa bạn, nhờ thế bạn có thể ngồi cạnh David.”

Trong khi David ngồi phía tay trái của Dr. Feynman, Krishnamurti ngồi nơi thường lệ của ông, chỗ ngồi đầu tiên bên tay phải. Tôi ngồi cách ba ghế. Tôi đang mong chờ tại một mấu chốt thuận lợi nào đó một nói chuyện sinh động sẽ khai triển giữa Krishnamurti và Dr. Feynman, hay giữa ba người họ. Nhưng dường như không có gì thuộc loại này trở thành hiện thực. Tuy nhiên, một số giáo viên háo hức đưa ra những câu hỏi cho người khách nổi tiếng và đánh giá sự suy nghĩ của ông về những chủ đề khác nhau.

Krishnamurti có vẻ khá yên lặng và rút lui. Hiếm khi nào tôi thấy ông ít nói như thế suốt một bữa ăn. Thậm chí như thế, ông đang nhìn ngắm chú ý lắm về việc gì đang xảy ra. Dr. Feynman có vẻ quen là trung tâm của sự chú ý. Không có bất kỳ ý thức nào của sự khăng định quá mức, ông ấy ưa thích vai trò của người có tài nói chuyện. Tôi vừa thắc mắc liệu ông ấy có bất kỳ sự quan tâm nào đến Krishnamurti và lời giảng của ông thì một trong những giáo viên thận trọng

hỏi, “Thưa ông, ông nghĩ rằng triết học có bất kỳ vai trò gì với giáo dục?”

Dr. Feynman mau d trả lời, “Tôi chưa bao giờ quan tâm đến triết học. Tôi không bắt bất kỳ điều gì về nó, tôi cũng không nói bất kỳ điều gì về chủ đề đó.”

Người hỏi không dễ dàng bị nản chí và tiếp tục bằng cách tập trung vào những câu hỏi của tâm lý học và giáo dục. Nhiều người khác tham gia, và chắc chắn Dr. Feynman cảm thấy thoải mái hơn với những chủ đề này. Ông ấy bắt đầu nói về gia đình của ông ấy, ông ấy trao đổi với con cái của ông ấy như thế nào, và vân vân. Dần dần, ông ấy cuốn hút sự chú ý của mọi người khi ông ấy hỏi tuông về sự giáo dục riêng của ông ấy, về những chuyến dạo bộ thiên nhiên cùng người cha của ông ấy, người đã chỉ ra cho ông ấy những kỳ quan vĩ đại lẫn nhỏ bé của quả đất, giải thích những hiện tượng khác nhau bằng cách sáng chế những từ ngữ tuông tuông. Tất cả chúng tôi đều đang lắng nghe mê mải những chuyện kể vui vui và quyến rũ của ông. Người ta có thể nói rằng người ta ở trong sự hiện diện của một người thầy thiên tài và người kể chuyện thú vị, một người khoa học nổi bật, và có thể một con người tuyệt vời.

Krishnamurti yên lặng theo dõi câu chuyện sinh động, và người ta có thể nhận biết sự tôn trọng trong đang quan sát yên lặng của ông. Có một nhân nhượng lẫn nhau giữa ông và Dr. Feynman, khi họ giữ một khoảng cách tôn trọng và thận trọng với lẫn nhau – một xa cách. Rõ ràng, Dr. Feynman có mặt ở đây để viếng thăm người bạn David của ông ấy, không còn gì thêm nữa, và Krishnamurti tôn trọng triệt để và để nguyên nó như thế.

Sau bữa ăn trưa, Krishnamurti nhận xét với một trong những giáo viên tháp tùng ông về Pine Cottage, “Bạn nhận thấy điều đó, thưa bạn, về Dr. Feynman?”

Người giáo viên trẻ tuổi bị bối rối và hỏi, “Tôi xin lỗi, Krishnaji, tôi không hiểu ông có ý gì?”

“Ông ấy là một người rất bất hạnh,” Krishnamurti thận trọng nói. “Tôi đã quan sát ông ấy rất kỹ càng.”

Người giáo viên cảm thấy bí ẩn trong nhận xét này nhưng không theo đuổi đề tài, bởi vì anh ấy phải đi về văn phòng, trong khi Krishnamurti đi đến Pine Cottage. Nó có lẽ là một quan sát chính xác, đặc biệt nếu người ta suy xét về căn bệnh ở giai đoạn cuối cùng của ông ấy.

Sau đó Saral Bohm kể với tôi rằng David và Feynman đã dành ra hầu hết phần còn lại của buổi chiều tâm sự tại bàn cà phê trong khu nhà của họ, trao đổi lẫn nhau trong một loại của ‘khoa học’, như bà ấy giải thích nó, giao tiếp qua một mã số của những biểu thức toán học, những công thức, và những thuật ngữ khá khó hiểu khác, chỉ có thể hiểu rõ bởi một ít người có chuyên môn cao về môn cơ học lượng tử.

Một vài năm sau, Dr. Feynman trở nên nổi tiếng khắp quốc gia về hai điểm: như người chủ tịch nổi bật của ủy ban tìm hiểu thảm họa của phi thuyền con thoi Challenger năm 1986, mà vừa cất cánh đã nổ tung, giết chết tất cả bảy phi hành gia trên tàu; và như tác giả của một tự truyện bán chạy nhất, mà phơi bày khiếu hài hước và khả năng tuyệt vời khi kể chuyện. Vừa mới đây, tôi tình cờ xem một cuốn phim tài liệu trên truyền hình trong tập phim Nova, được phát hình trên Public Broadcasting System, mô tả một phỏng vấn sinh động của Dr. Feynman. Ngạc nhiên thay, ông ấy đang kể lại đúng từng chữ một cùng câu chuyện về gia đình và thời niên thiếu của ông ấy mà ông đã kể cho chúng tôi tại bàn ăn trưa A. V.

Dr. Richard Feynman chết năm 1988.

*

Chúng tôi sung sướng khi những cơn mưa đã tạnh hẳn đúng lúc cho nặt đất sũng ướt được khô ráo trước khi bắt đầu những nói chuyện trước công chúng vào ngày 1 tháng năm. Ngoại trừ những gặp gỡ đối thoại cùng Krishnamurti tại Pine Cottage, mọi người đều bận rộn bởi những chuẩn bị cho sự kiện hai tuần lễ đó.

Trong suốt một bữa ăn trưa vào giữa tuần được tham gia chủ yếu bởi “những người đều đặn” và một vài ủy viên từ nước ngoài, chúng tôi bắt đầu nói về Hy Lạp cổ xưa và sự thành công phi thường của nó trong việc truyền lại những ý tưởng và những giáo dục cơ bản cho thế giới ngày nay: sự ảnh hưởng thuộc chính trị, văn hóa và khoa học của nó hiện diện khắp mọi nơi. Tôi ~~đi~~ ~~rằng~~ ngoại trừ Chartres Cathedral, bức điêu khắc Shiva trên Elephanta Island, và Winged Victory of Samothrace trong Louvre, Krishnamurti khâm phục nhiều nhất thành lũy cổ xưa của Athens, Acropolis, với ngôi đền có cột hùng vĩ của nó, Partheon. Ông đã viếng thăm nơi sinh của sự dân chủ nhiều lần trong những năm 1930, và ~~hạ~~ lại trong năm 1954 và 1956, tự diễn tả cõi mở về những tuyệt tác kiến trúc này. Thậm chí ông đã tuyên bố mình bị mê mẩn bởi bức tượng đá cẩm thạch của Goddess of Justice, Themis.

Vài ngày trước, tôi đã đọc một bài báo về thảm họa hủy diệt mà khói thải xe hơi và sự ô nhiễm thuộc công nghiệp khác đang tác ~~đng~~ vào những di tích bằng đá cẩm thạch cách đây hai ngàn năm trong thủ đô đông đúc Athens. Nghĩ rằng điều này có lẽ là một thông tin lý thú, tôi bắt đầu bằng cách nói với Krishnamurti đang ngồi bên cạnh tôi, “Mưa acid và những chất ô xy hóa sulfur đang ăn mòn thật mau lẹ những đài kỷ niệm bằng đá cẩm thạch này mà đã hiện diện được suốt ba ngàn năm. Trong dưới một vài thập kỷ tất cả những tuyệt tác không thể thay thế được này sẽ...”

Ông hướng về tôi khi tôi đang nói chuyện, và một biểu lộ đau khổ hiện lên trên khuôn mặt ông. Bỗng nhiên ông ngắt lời tôi bằng một giọng tôn thương tột độ, “Không, thưa bạn, làm ơn, đừng nói về nó. Bạn không biết...nó quá...nó quá...”

Ông không kết thúc câu nói nhưng thả cho nó kéo lê vào sự đau đớn không rõ rệt. Ngay lập tức tôi cảm thấy khó xử lắm, như thể tôi đã phạm tội do bởi đã đề cập đến chủ đề đau khổ này. Trong tích tắc, tôi thực sự nghĩ rằng vài người ngồi đối diện đang bức dọc nhìn tôi bằng sự yên lặng, trách mắng. Tôi đã làm gì? Tôi cảm thấy muốn xin lỗi, mặc dù, suy đi tính lại, có vẻ khá lỗi bịch khi làm như thế. Tôi liếc nhìn trộm Krishnamurti. Ông đang yên lặng nhai thức ăn, hai mí mắt hơi khép lại, không biểu lộ bất kỳ dấu hiệu của đau khổ nào. Tôi hít vào một hơi thở khuây khỏa – tôi đã buông thả sự quy định của tội lỗi bẩm sinh thẳng thê trong tôi.

*

Trước khi chúng tôi biết nó, những nói chuyện đã bắt đầu rồi. Trong suốt những gặp gỡ câu hỏi-trả lời lần thứ hai và thứ tư, ông nêu lên một đề tài cũ, bày tỏ nó bằng một mảnh liệt đến độ tác động vào tôi suốt con đường về nhà. “Tại sao con người đã không thay đổi?” ông hỏi bằng sự đam mê lạ thường, phát biểu lại nghi vấn trực tiếp hơn một tuần lễ sau, “Tại sao bạn đã không thay đổi?”

Không có đáp án – trừ phi người ta muốn lý luận. Người ta chỉ có thể áp ủ nghi vấn đó bên trong chính người ta và thâm nhập vào nó, sống cùng nó.

Suốt những nói chuyện cuối tuần ông đưa ra những chủ đề như ‘trật tự, sợ hãi và suy nghĩ’, ‘hiểu biết, chết và tình yêu’, và, cuối cùng, ‘thiên định và sống tôn giáo’.

Thứ sáu ngày 21 tháng năm, một chu trình theo mùa của sống cùng Krishnamurti kết thúc, khi ông và Mary khởi hành đi nước Anh.

Chương 17

TẬP HỢP TẤT CẢ NĂNG LƯỢNG

Món tráng miệng

Xà lách xanh lật qua lại với nước xốt dầu ô liu hay mustard kem.

Một sắp xếp của những loại rau tươi: ớt chuông, bí xanh, cần tây, nấm thái thành lát, cải bắp đỏ, cà rốt và củ cải đường nạo.

A ti sô hằm, phục vụ với nước xốt mayonnaise-mustard.

Món chính

Cây quinoa hằm, bày biện với mùi tây, nho và hạt thông.

Đậu azuki, chế biến với hành và nước tương.

Bí đỏ kabocha nướng lò.

Món tráng miệng

Quả mâm xôi tươi, phục vụ trong một nước xốt của kem và cognac với kem đánh trên một phía.

Trái cây tươi theo mùa.

Suốt những tháng tiếp theo, những giáo viên Oak Grove tiếp tục đấu tranh với việc đưa vào hành động ‘Mục đích’ của nó – câu phát biểu được sáng tạo bởi Krishnamurti năm 1975, mà tuyên bố rằng mục đích của trường là ‘tạo ra một thay đổi cơ bản trong ý thức của nhân loại’.

Trên một mức độ cá nhân, tôi liên tục đấu tranh chủ yếu về những nghi vấn của sự liên hệ và tình dục và bị mê mải trong những tình huống cơ bản của đang sống ngày sang ngày. Dầu vậy, trong thời gian đó tôi tiếp tục làm thơ và thâm nhập sống của tôi trong cái gương lạ thường của lời giảng của Krishnamurti. Những ô uê của tôi đã không tan biến, tôi đã không thay đổi tại gốc rễ ý thức của tôi, và tôi cảm thấy rằng mọi việc mà tôi có thể làm là nhìn ngắm những giới hạn và những lỗi lầm của tôi mà không đánh giá, nỗ lực hay chọn lựa. Trong đó có một tự do vô cùng, mà tôi cũng cảm thấy trong sự tiếp xúc hàng ngày của tôi cùng thiên nhiên hoang dã của thung lũng và những hòn núi.

*

Trong thời gian đó, Krishnamurti theo đuổi lộ trình đều đặn của ông từ Châu Âu đến Ấn Độ. Hai sự kiện đặc biệt trong suốt thời gian này là hai nói chuyện ông thực hiện tại Barbican Center ở London vào tháng sáu, và bốn nói chuyện ở Calcutta vào tháng mười năm 1982.

*

Tuần lễ vừa qua chúng tôi đã phải gánh một loạt những trận mưa bão khốc liệt. Lúc này không khí trong lành và không bị ô nhiễm, và đất đai được chùi rửa sạch sẽ và sáng bóng; nó là ngày 9 tháng giêng năm 1983, ngày *quajai* của

Krishnamurti. Mary Z., người đã ở đây từ tháng mười một vừa qua, lái xe đón ông tại LAX khi ông từ London Heathrow đến.

Mười người chúng tôi đang đứng chờ dưới cây tiêu. Tôi cảm thấy một ý thức của hân hoan vô cùng đang dâng trào trong tôi khi chiếc Mercedes xám đượ nhìn thấy từ xa và từ từ đậu trước garage. Krishnamurti, ăn mặc quần áo du lịch trang nhã, ra khỏi xe. Ông trông nhỏ nhắn và yếu ớt và có vẻ hơi hơi mệt, khi ông lần lượt chào hỏi mỗi người chúng tôi. Quay lại để nhìn hình dáng in lên bầu trời của những quả đồi, thấu nhận vẻ đẹp của đất đai bằng một thoáng nhìn bao quát, sau một khoảng trống của yên lặng ông la lên, “Vùng đất này đẹp làm sao! Quá trù phú và nên thơ, quá rộng lớn!”

Ngày tiếp theo, một ngày thứ năm, chúng tôi có một bữa ăn trưa nhỏ chỉ tám người. Khi chúng tôi đang sôi nổi nói chuyện về thời gian ở Ấn độ của Krishnamurti và chuyến hành trình đến California của ông, lợi dụng cơ hội đó tôi hỏi ông, “Mới đây ông có nghe bất kỳ chuyện vui hay hay nào không, thưa ông?”

Ông thư giãn một chút xíu và trong trạng thái đúng đắn trả lời, “Được rồi, thưa bạn. Có ba chuyện vui hay lắm mà tôi vừa nghe được. Trong chuyện đầu tiên, Thượng đế vừa hoàn tất sự sáng tạo thế giới, với biển cả và tất cả những châu lục và những sinh vật của nó, gồm cả những con người. Khi ông khảo sát tác phẩm của ông, một thiên thần chỉ ra rằng còn một đốm nhỏ nơi trung tâm của Châu Âu đã bị bỏ sót và không có gì cả. Thượng đế nói, ‘Chắc ta đã không thấy đốm đó. Chúng ta sẽ làm gì với nó đây?’ Và thiên thần trả lời, ‘Nếu tôi được phép đề nghị nó, thưa Thượng đế, tại sao ngài không sáng tạo một mảnh đất của sữa và mật, được gọi là Switzerland – với những hòn núi có đỉnh phủ tuyết, những con suối, những cánh rừng và những cánh đồng cỏ xanh tươi,

nơi những con bò sẽ ăn cỏ và sản xuất loại sữa ngon nhất thế giới?’ Thượng đế trả lời, ‘Điều đó nghe được lắm. Và con người ở đó thì sao?’ Và thiên thần gợi ý, ‘Tại sao không sáng tạo họ sạch sẽ, trật tự, và chăm chỉ, kèm theo sự tôn trọng quý báu về tiền bạc?’ Và Thượng đế nói, ‘Nó như thế.’ Và thế là việc đó được thực hiện. Sau một khoảng thời gian, Thượng đế muốn thấy việc gì ngài đã sáng tạo và xuống thăm quả đất. Ngài dạo bộ giữa những hòn núi, thưởng thức vẻ đẹp của phong cảnh. Sau một lúc ngài đến một ngôi làng nhỏ, rất sạch sẽ và ngăn nắp. Khi ngày đang nóng lên, ngài cảm thấy hơi khát nước. Thế là ngài đi thẳng đến một trong những quán café có bàn ghế ngoài trời. Người chủ nhà tức khắc nhận ra ngài và chạy vội đến, chào hỏi ngài đầy kính trọng, ‘Ồ, Thượng đế, mời ngài ngồi xuống. Thật vinh hạnh vô cùng khi được tiếp đón ngài tại thị trấn nhỏ của chúng tôi và quán café của tôi. Liệu có bất kỳ việc gì, bất kỳ việc gì mà chúng tôi có thể làm cho ngài?’ Thượng đế hài lòng và nói, ‘À, ta thấy những con bò to béo của người đang gặm cỏ ngoài đó. Cho ta một ly sữa to, tươi và lạnh.’ ‘Có liền, thưa Thượng đế.’ Và người đàn ông đi khỏi và mang lại một ly sữa to, tươi và lạnh đầy bọt trên miệng ly rồi đặt nó trước Thượng đế. Ngài uống nó thật ngon lành. Ngài vừa đang đứng dậy khỏi bàn thì người chủ chạy đến, và với một cái đầu kính trọng, đặt một cái đĩa nhỏ với một miếng giấy trước mặt ngài. Thượng đế nhìn nó và hỏi người đàn ông, ‘Giấy gì vậy?’ Người chủ lại cúi đầu và giải thích, ‘Bằng tất cả sự kính trọng, thưa Thượng đế, đó là hóa đơn.’”

Chúng tôi cười lớn tiếng bởi câu chuyện và cách ông kể nó, làm thế nào ông diễn xuất với chút ít những cử chỉ và những diễn tả trên khuôn mặt những vai của Thượng đế và người chủ quán café nhỏ.

Một người phụ nữ hỏi, “Ông sáng chế tất cả những chuyện vui của ông?”

Ông trả lời, “Ồ, không, không phải đâu. Người nào đó kể cho tôi và thỉnh thoảng tôi nhớ chúng – nếu chúng là những chuyện vui hay hay. Tôi chỉ sáng chế một chuyện vui, và cách đây lâu lắm rồi. Tôi được kể câu chuyện dưới đây ở Ấn độ. Bạn có lẽ đã nghe về Birla, một người công nghiệp. Ông ấy từ Calcutta, giàu khủng khiếp, và suốt nhiều năm công ty của ông ấy đã hoàn toàn độc quyền về những xe hơi chở khách ở Ấn độ được lắp ráp, có tên là Ambassador. Chúng không là những xe được chế tạo tốt lắm, không tiện nghi lắm, và chúng thường bị hư hỏng. Thế là, Birla chết và đi lên thiên đàng. St. Peter đón ông tại cổng thiên đàng và hỏi, ‘Nhà ngươi là ai?’ ‘Tôi là Birla,’ ông trả lời, hơi bực dọc bởi vì không được nhận ra. St. Peter rà soát danh sách tên của ông. ‘B-B-Birla. Ta xin đi, tên của ngươi không có trong danh sách. Ta không nghĩ ngươi được phép vào thiên đàng.’ Birla tức giận phản đối, ‘Tôi là Birla, người công nghiệp giàu có. Tôi phải ở trong danh sách đó. Nhìn lại xem. B-i-r-l-a.’ St. Peter thụt lùi bởi sự hung hăng của người đàn ông và nói, ‘Ta không thấy bất kỳ người nào có cái tên đó.’ ‘Trời ơi,’ Birla la lên, ‘mọi người đều biết tôi – mọi người. Và ông đang cố gắng bảo với tôi...’ Peter nói lễ phép nhưng cương quyết, ‘Làm ơn, đừng quá tức tối. Việc đó không giúp ngươi lên đây được đâu. Tên của ngươi không có trong danh sách. Ta chưa bao giờ nghe về ngươi, và ta e rằng ngươi sẽ không được phép vào thiên đàng.’ Trong một khoảnh khắc Birla bị tan nát và rơi vào một yên lặng rầu rĩ. Peter cảm thấy thương hại cho ông ấy và nói, ‘Nhưng có lẽ ngươi có thể cho chúng ta một lý do đúng đắn về việc tại sao chúng ta nên cho ngươi vào.’ Birla ngay lập tức trở nên vui vẻ hơn, ‘Tôi đã giúp đỡ phát triển nhiều tôn giáo bằng cách tiêu hàng triệu và hàng

triệu để xây dựng những đền chùa, những thánh đường và những nhà thờ.’ St. Peter trả lời, ‘Việc đó tự nhiên thôi, tất cả những người giàu có đều làm việc đó: họ muốn được nổi tiếng và giảm bớt tiền thuế. Nhưng việc đó hầu như không khiến cho người vào được thiên đàng.’ Đến lúc này Birla đang cảm thấy hoàn toàn tuyệt vọng và la lên, ‘Bây giờ nhìn kỹ đây, thưa ngài, không có ai trong toàn nước Ấn độ, có lẽ trong toàn thế giới, mà đã làm quá nhiều cho những công nhân của họ và những gia đình của họ, xây dựng hàng trăm bệnh viện, nhà cửa cho những trại mồ côi và những người già, những trường học và những trường đại học.’ St. Peter nói, ‘Ta không chắc việc đó có thể tính đến. Rốt cuộc, những người này đang đổ bao nhiêu năng lượng của họ, sức lao động của họ, những sống của họ, để cho người giàu có như thế. Không, không – không việc nào nhà người làm có ý nghĩa trong thiên đàng. Điều gì chúng ta yêu cầu, mà là câu hỏi thực sự: Người đã từng thực hiện công việc gì cho Thượng đế?’ Birla điên cuồng sục sạo ký ức của ông ấy và cuối cùng sáng lên, nói đầy thỏa mãn, ‘Ồ, thưa ngài, trong hàng chục năm chúng tôi đã chế tạo xe hơi Ambassador nổi tiếng. Và, bất kỳ khi nào mọi người mở cửa vào trong xe của họ, họ đều la lên, ‘Ôi, Thượng đế ơi!’”

Chúng tôi vẫn còn đang cười khi Krishnamurti bắt đầu kể câu chuyện vui thứ ba trong những câu chuyện mới của ông. “Một người triệu triệu phú Mỹ sống ở Anh muốn trở thành một quý ông người Anh hoàn hảo, đúng cách. Thế là ông đi đến tiệm may Huntsman trên Savile Row và yêu cầu may cho ông ~~những~~ bộ com lê sang ~~tọng~~ nhất, cùng với những cà vạt và những áo khoác Jaquet. Sau đó ông yêu cầu người thợ may giới thiệu người đóng giày giỏi nhất. ‘Tại sao, thưa ông, ngay kể đây mà, tiệm giày Loeb’s.’ Ông đi đến đó, đo chân và ~~đặt~~ một tá giày làm bằng tay loại đẹp nhất. Khi

ông hỏi thăm nơi tốt nhất để mua cây gậy và cái dù, họ chỉ ông qua tiệm kế bên. Tiếp tục từ một cửa hàng sang một cửa hàng khác, ông gầy dần dần trang bị đầy đủ những thứ tốt nhất, trông giống hệt một quý ông người Anh hoàn hảo. Lần sau ông ấy đến tiệm may để sửa đổi ít quần áo, ông ấy bảo tài xế đậu chiếc xe Rolls Royce ngay trước cửa tiệm. Người thợ may, mà đã trở thành người bạn tốt của ông ấy – họ cùng gia nhập một câu lạc bộ và vân vân – ngay lập tức nhận ra rằng ông ấy đang ở trong tâm trạng rất buồn bực và u uất. Thế là người thợ may hỏi người Mỹ, ‘Chuyện gì vậy, thưa ông? Ông trông như thể điều gì đó khủng khiếp vừa xảy ra.’ ‘Vâng, tôi thực sự cảm thấy khiếp đảm lắm. Tôi không thể vượt qua nó,’ người đàn ông giàu có trả lời. ‘Nhưng tại sao, thưa ông?’ người thợ may ngạc nhiên, ‘Ông đã có mọi thứ tốt nhất: chiếc xe hơi tuyệt vời, quần áo và giày dép, dù, găng tay thanh lịch, vân vân. Ông trông giống hệt một người Anh quý phái. Làm thế nào ông có thể cảm thấy buồn bực?’ Đến lúc này, người Mỹ gần như trào nước mắt. ‘Bởi vì chúng ta vừa mất nước Ấn độ.’”

Mọi người nơi bàn ăn đều cười đến độ chảy nước mắt, họ đang cười không thể kềm hãm được. Không phải chỉ vì câu chuyện vui và cách ông kể nó mới gây vui vẻ như thế, nhưng cũng còn bởi sự kiện rằng ông đã liệt kê ngay những cửa tiệm trên đường Savile Row mà chính ông cũng thường xuyên đến may quần áo và giày dép.

Chủ nhật kế tiếp là ngày đầu của Năm mới Âm lịch, năm con heo, và mười sáu người đến dự bữa ăn trưa. Chúng tôi dùng món xà lách Greek, một món xà lách cà rốt và gừng, bột mì với quả hạnh nướng, xúp rau kiểu Pháp, tàu hủ chiên với hành xanh và mùi tây, nhiều loại pho mát với trái cây và bánh mì tỏi, và bánh mì chà là và kem cho món tráng miệng.

Sau vài câu chuyện bình thường, Krishnamurti bắt đầu một nói chuyện nghiêm túc bằng cách hỏi hiệu trưởng, “Tại sao các em nhỏ tại một giai đoạn nào đó trong sự tăng trưởng biến thành ‘những quái vật’? Bạn biết tôi có ý gì: hung dữ, thiếu thận trọng, ích kỷ, và vân vân.”

Một người hỏi, “Ông nghĩ điều này xảy ra với tất cả trẻ em?”

“Trong cùng mực nào đó, không ít thì nhiều,” Krishnamurti trả lời, “có lẽ nhiều với những cậu trai hơn là với những cô gái.”

“Nó cũng thay đổi theo văn hóa,” hiệu trưởng nói. “Ở Ấn độ, trẻ em cư xử rất tốt, vâng lời và kính trọng, đặc biệt khi các em còn bé.”

Krishnamurti đồng tình, “Vâng, nó thực sự rất đáng chú ý. Tôi nói với các em, ‘Chúng ta hãy ngồi yên lặng trong vài phút,’ và ngay lập tức tất cả các em chuyển sang tư thế ngồi kiết già. Liệu những đứa trẻ ở Mỹ có thể làm như thế?”

Một ủy viên phụ nữ phản đối, “Nhưng Krishnaji, đó là một văn hóa hoàn toàn khác biệt. Trẻ em ở Ấn độ bị quy định từ sớm để hành động và ngồi trong một cách nào đó, vâng lời. Nó hoàn toàn khác biệt ở đây.”

Một giáo viên gợi ý, “Ở đây các em quá phấn khích và hiếu động. Có lẽ do bởi ăn uống và giải trí, tất cả những thức ăn tạp nhạp và sự áp lực soi mói liên tục.”

Krishnamurti không đồng ý với bất kỳ điều gì đang được nói nhưng thâm nhập nó sâu thêm nữa bằng cách hỏi, “Liệu người ta có thể chỉ cho các em sự trách nhiệm, thưa bạn? Bạn biết tôi có ý gì qua từ ngữ ‘trách nhiệm’ đó? Liệu người ta có thể trao cho chúng trách nhiệm?”

Người giáo viên hỏi, “Ông đề nghị, Krishnamurti, trao cho học sinh một trách nhiệm cụ thể – cho một con thú, cho

một không gian nhỏ trong một lớp học? Liệu đó là điều gì ông có ý?”

“Không, thưa bạn. Không chỉ sự trách nhiệm cho một cái cây, một con thú, một lớp học, và vân vân. Bất kỳ ví dụ cụ thể nào là quá chật hẹp. Liệu người ta có thể chuyển tải sang cậu trai hay cô gái một ý thức của trách nhiệm cho mọi thứ – cho quả đất, cho thiên nhiên, cho tất cả nhân loại? Bạn hiểu chứ?”

“Nhưng làm thế nào người ta có thể thực hiện được điều đó? Đó là một trách nhiệm vô cùng to tát cho một đứa trẻ – tất cả nhân loại.”

“Bạn thấy, thưa bạn, bạn đang tạo ra một vấn đề cho nó. Bạn đang hỏi ‘làm thế nào’ – mà là một phương pháp. Đừng tạo ra một vấn đề về nó. Nó không là: tôi không có trách nhiệm, làm thế nào tôi có được nó? Nhưng khác hơn, lắng nghe trong yên lặng, quan sát, nhìn ngắm – liệu bạn có thể chuyển tải điều đó sang em học sinh?”

“Tôi nghĩ về từ ngữ ‘trách nhiệm’ như điều gì đó mà tôi phải chịu trách nhiệm.”

“Đó là điều gì thông thường được hiểu bởi từ ngữ đó. Nó cũng hàm ý một bồn phận, một gánh nặng, và vân vân. Chúng ta có ý điều gì đó hoàn toàn khác hẳn qua từ ngữ trách nhiệm – cụ thể là, khả năng để phản ứng. Phản ứng trọn vẹn đến một thách thức, đến việc gì đang xảy ra. Và muốn làm việc đó người ta phải lắng nghe, quan sát, nhận biết một cách không chọn lựa được toàn tình huống.”

Trách nhiệm trở thành một trong những chủ đề chính suốt hai tháng kế tiếp, khi Krishnamurti gặp gỡ những giáo viên mười hai lần tại Pine Cottage. Ngoại trừ lặp đi và lặp lại hỏi chúng tôi tại sao chúng tôi không thay đổi, ông còn thâm nhập những nghi vấn của sự rối loạn và vô tận tự, nguyên nhân và hậu quả, và cuối cùng hỏi, “Một cái trí nhạy cảm,

một cái trí tốt lành là gì?” Nghi vấn này dẫn đến một thâm nhập vào bộ não, ý thức, cái trí và thông minh.

Năm nay có evKrishnamurti tr ần đ ầy năng lượng không cạn kiệt. Còn nhiều hơn chưa bao giờ trước kia, ông đang hùng hực để chuyển tải thấu triết của ông, thường xuyên gặp gỡ những giáo viên và phụ huynh, những ủy viên và những người được ủy thác, ngoại trừ thời khóa biểu nói chuyện trước công chúng bận rộn bất thường của ông. Chính là khoảng thời gian này mà Krishnamurti bắt đầu một nhật ký lạ thường, mà, không giống như những ghi chép trước, ông không viết ra nhưng đọc nó vào một cái máy ghi âm trong khi vẫn còn trên giường vào sáng sớm. Những phản ảnh mê ly này về thiên nhiên và cái trí con người sau đó đ ược chép lại và xuất bản với tựa đề *Krishnamurti to Himself Krishnamurti Độc thoại*.

*

Cuối tháng ba, Dr. và Mrs. Jonas Salk từ Salk Institute ở San Diego viếng thăm chúng tôi. Suốt bữa ăn tối tại A. V. người phát minh của vaccine ngừa bại liệt bắt đầu một nói chuyện sôi nổi cùng Krishnamurti về tình trạng hỗn loạn của thế giới và điều gì có thể được thực hiện cho nó. Từ bi là gì, khai sáng là gì, và nó có thể tác động thế giới như thế nào? Là một ít trong những nghi vấn mà họ đưa ra. Mặc dù họ đồng ý về nhiều chủ đề, những quan điểm của họ không hoàn toàn thống nhất. Ngày hôm sau, chủ nhật ngày 27 tháng ba, họ có một đối thoại quay video trong bối cảnh trang trọng hơn của Pine Cottage.

Không có ăn trưa tại A. V. trong hai ngày kế tiếp, bởi vì Mary Z. và gia đình Lilliefelt đã đi cùng Krishnamurti đến luật sư của họ ở Oxnard. Ông đang cung cấp bằng chứng của

ông trong một vụ kiện của Foundation chống lại Rajagopal. Đây là một trong một loạt những kiện cáo qua lại, mà đã tiếp tục từ năm 1969. Foundation đang tìm kiếm để khôi phục những tài liệu viết tay và ghi băng khác của Krishnamurti, cũng như những đánh giá về ông cho công việc của ông, từ K&R Foundation, được kiểm soát bởi Rajagopal.

Sau khi dành ra gần hết ngày tại văn phòng luật sư, bốn người họ đã dùng bữa tối tại A.V. – một trường hợp hiếm hoi. Suốt bữa ăn tối họ vẫn còn bận tâm bởi những thủ tục luật pháp lê thê, bàn bạc về những khía cạnh khác nhau của những bằng chứng. Krishnamurti bị căng thẳng rõ ràng, bởi vì đã phải chịu đựng những chất vấn rất thù địch bởi những luật sư của phe kia. Với mục đích tránh những phiền hà thêm nữa và có thể phải ra tòa án, người ta quyết định hủy bỏ vụ kiện, một hành động được chính thức hóa vào ngày 1 tháng tư.

*

Vào cuối buổi chiều ngày 30 tháng ba, David và Saral Bohm đến Pine Cottage. Krishnamurti đượ kiến tham gia cùng chúng tôi dưới cây tiêu để nghênh đón giáo sư và vợ của ông ấy. Ông chào hỏi người bạn thân của ông bằng một chăm sóc trù mến, hỏi thăm sức khỏe của họ và bảo đảm rằng họ cảm thấy như ở nhà trong khu dành cho khách ở trên lầu. David trông nhợt nhạt và kiệt sức sau chuyến hành trình dài, trong khi Saral trông vẫn vui vẻ và nhiệt tình như bao giờ.

Ngày hôm sau, khi Krishnamurti gặp gỡ những giáo viên ở trường cho một bàn luận trong phòng khách sáng sủa của Pine Cottage, ông lịch sự mời Dr. Bohm ngồi bên cạnh ông, trao cho ông ấy chỗ ngồi danh dự. David rất yên lặng và chỉ nói vài lần, khi được hỏi trực tiếp.

Năm nay có một đặc biệt cho những lần đến và đi của Krishnamurti và David Bohm: ngay ~~khỏi~~ người đến, người còn lại ngay tức khắc rời đi. Năm ngày sau khi gia đình Bohm đến, Krishnamurti và Mary Z. đi máy bay đến New York City, nơi ông sẽ thực hiện hai nói chuyện tại Fe It Forum, Madison Square Garden, vào ngày 9 và 10 tháng tư. Suốt bữa ăn trưa trước khi ông rời, ông thúc giục David có những gặp gỡ đối thoại với những giáo viên của trường, một thỉnh cầu mà ông ấy sung sướng chiều theo.

Tại bữa ăn trưa hai ngày sau khi ông quay lại từ New York City, Krishnamurti ~~ấn~~ tất diễn tả những nói chuyện của ông, đã được tham gia trên bốn ngàn người, và nhiều phỏng vấn ông đã thực hiện cho những nhật báo và tuần báo. Nhưng cái trí của ông quan tâm đến ngôi trường, và ngay lập tức ông thâm nhập vào bàn luận về loại trường nào ông hình dung, ~~nhấn~~ mạnh rằng ông mong muốn một trường học ‘mạnh mẽ’, mà sẽ kéo dài hàng trăm năm.

Suốt bữa ăn trưa ngày thứ hai, Krishnamurti hỏi David và Saral, sẽ đi San Francisco Bay Area ngày ~~thứ~~ tư, về hộ ~~đ~~ thảo họ sẽ tham gia. Nó sẽ diễn ra tại một Chistian College, với nhiều người Thiên chúa giáo tham gia. Krishnamurti hỏi trong thái ~~đ~~ bình thường, “Dr. Bohm sẽ nói chuyện với những người Thiên chúa giáo về linh hồn như thế nào đây?”

Trong khi ~~những~~ cơn mưa phía bên ngoài đang trút xuống từ bầu trời đen kịt, mọi người thâm nhập câu hỏi bằng những tiếng cười hồ hởi, mặc dù cuối cùng chúng tôi gần như chẳng có bao nhiêu lời khuyên cụ thể. Vào buổi chiều, Krishnamurti gặp gỡ những giáo viên tại Pine Cottage và đầy thuyết phục đưa ra nghi vấn của điều gì cấu thành một ngôi trường ‘mạnh mẽ’. Nó được đặt nền tảng trên học hành và suy nghĩ cùng nhau và hàm ý sự vun quén tánh hiếu kỳ và nghi ngờ.

Tại bữa ăn trưa hôm sau, David đưa ra nghi vấn riêng của ông, mà ông đặt ra cho Krishnamurti: “Sự liên quan giữa nhìn ngắm, nhận biết, nhận biết không chọn lựa, tập trung, chú ý và thấu triệt là gì?” Một đối thoại bất ngờ, đầy bản lĩnh diễn ra, chủ yếu giữa Krishnamurti và David. Nó là một đối thoại đầy tinh tế, những phân biệt nhỏ nhiệm, và sự minh bạch đột ngột. Mọi người tại bàn ăn bị cuốn hút, trong khi những cơn mưa cứ trút xuống không ngừng. Một vài cái trí can đảm cố gắng tham gia đối thoại bằng cách đưa ra những quan điểm riêng của họ. Nhưng sức mạnh tinh tế của dòng chảy về ý nghĩa dường như quá mãnh liệt cho bất kỳ người nào ngoại trừ hai diễn viên chính đang thâm nhập. Hầu hết chúng tôi chỉ đang lắng nghe yên lặng và mãi mê.

Hơn một tiếng đồng hồ đã trôi qua từ khi mọi người tại bàn ăn dùng xong món tráng miệng của họ. Thịnh thoảng, người nào đó làm một ngụm nước lạnh hay nước ép trái cây; nếu không, chỉ có sự thâm nhập đang sâu thẳm thêm vào thấu triệt mới là việc quan trọng. Nó như thể những tuôn trào của năng lượng lóe lên qua lại giữa những cực của hai cái trí nổi bật này, đang chiếu sáng toàn khu vực quanh họ. Bỗng nhiên có một khoảng ngừng. Một ý thức sâu lắng của yên lặng lan khắp căn phòng, và âm thanh duy nhất có thể nghe được là sự ồn ào của những giọt mưa đang rơi lộp bộp trên khung cửa gỗ và những mái nhà. Sau đó, bằng một cái bắt tay thuộc từ ngữ, họ đồng ý, “Chỉ thấu triệt hành động.”

Bằng một kinh ngạc yên lặng, chúng tôi nhòm dậy khỏi bàn ăn, thì một trong những ủy viên nhận xét một cách buồn rầu, “Thật ra chúng ta nên thảo luận đối thoại này.”

*

Vào ngày khởi hành đi Bay Area của gia đình Bohm, Krishnamurti gặp gỡ những giáo viên và hỏi sự giải trí đã có một vai trò gì trong sống của đứa trẻ và những sống của chúng ta. “Liệu các bạn có thể chuyển tải sang đứa trẻ về tình trạng bị quy định? Không chỉ tình trạng bị quy định của em ấy, nhưng còn cả học hành về tình trạng bị quy định của bạn tại cùng thời điểm?”

Sau khi thâm nhập sự tách rời của sống thành công việc và nhàn rỗi, ông đưa ra một trong những câu hỏi tưởng rằng đơn giản của ông, mà có sự tác động của một thâm nhập sâu thẳm vào ý thức của người ta. “Bạn thực sự thương yêu công việc gì bạn đang làm?”

Nếu người ta không thực sự thương yêu công việc gì người ta đang làm, làm thế nào người ta có thể giúp đỡ đứa trẻ, giáo dục đứa trẻ?

*

Một tuần sau khi gia đình Bohm quay lại từ hội thảo ở Bay Area, chỉ để thấy Krishnamurti và Mary Z. khởi hành đi San Francisco ngày hôm sau. Ông sẽ thực hiện hai nói chuyện tại Masonic Auditorium vào kỳ nghỉ cuối tuần. Bởi vì tôi cũng sẽ lái xe đi hướng bắc ngày hôm sau để tham gia những nói chuyện này, tôi xin lỗi gia đình Bohm vì không thể chăm sóc họ trong suốt thời gian của họ ở Ojai.

*

Tôi rời hộp vô cùng khi viếng thăm San Francisco, một thành phố tôi đã sống nhiều năm vào cuối những năm 60, và lại được lắng nghe Krishnamurti nói chuyện tại Masonic Hall. Suốt nói chuyện thứ hai vào chủ nhật ngày 1 tháng

năm, tôi bị xúc động sâu thẳm khi ông khơi dậy hình ảnh của hai người bạn đang đi bên cạnh nhau dọc theo một con đường rừng trong ánh sáng mặt trời lốm đốm, cùng nhau nói chuyện về những nghi vấn quan trọng của sống – sinh và chết, hân hoan và đau khổ, hòa bình và xung đột, tự do và tình yêu. Ông tiếp tục vạch rõ rằng những từ ngữ ‘bằng hữu’ và ‘tự do’ có liên quan mật thiết với nhau: gốc rễ chung của chúng có nghĩa là ‘tình yêu’.

*

Sau khi quay lại Ojai, Krishnamurti trải qua năm ngày cùng nhau, trước khi David và Saral rời vào ngày 8 tháng năm để đi Toronto, nơi họ có một cuộc hẹn. Việc này có nghĩa họ bỏ lỡ Những Nói chuyện Ojai, mà bắt đầu kỳ nghỉ cuối tuần sau.

Một tiếng đồng hồ sau khi họ khởi hành, chúng tôi có một gặp gỡ cùng Krishnamurti tại Pine Cottage, suốt thời gian đó ông hỏi, “Hành động là gì?” Từng bước một chúng tôi thâm nhập toàn nghi vấn phức tạp của hành động và phát giác rằng hành động được đặt nền tảng trên suy nghĩ, ký ức và hiểu biết – rõ ràng đại đa số những hành động hàng ngày của chúng ta – đều bị giới hạn. Và giới hạn hàm ý phân chia và, thế là, xung đột. Phân chia là xung đột, một định luật đơn giản.

Bởi vì tuổi tác cao của Krishnamurti – ông đã 88 tuổi – nói chuyện trước công chúng 1983 tại Ojai phải rút ngắn từ ba đến hai kỳ nghỉ cuối tuần, đến độ bây giờ chỉ còn có bốn thay vì sáu nói chuyện và hai thay vì bốn gặp gỡ câu hỏi - trả lời. Nhưng chắc chắn người ta không nhận rõ bất kỳ giảm sút nào trong năng lượng trong ông, khi ông bước lên cái bục giữa cánh rừng cây sồi sinh động để nói chuyện với ba ngàn người tụ họp trước mặt ông. Vào ngày chủ nhật đầu tiên, ông

diễn tả làm thế nào ông đang đạo bộ cùng khán giả, như cùng một người bạn, dọc theo con đường lốm đốm ánh mặt trời, khấn thiết tâm nhập không rào chắn những nghi vấn nghiêm túc mà ứ dai dẳng hiện diện suốt sống của người ta. Suốt gặp gỡ câu hỏi-trả lời đầu tiên, vào ~~từ~~ ba ngày 17 tháng năm, ông định nghĩa từ ngữ ‘guru’ ‘đạo sư’, mà quá thường xuyên bị sử dụng sai trái đối với những người bịp bợm và những người cứu rỗi tự xưng. Khẳng định rõ ràng rằng ông không là một đạo sư và không có những người theo sau hay đệ tử, ông giải thích rằng từ ngữ ‘đạo sư’ được rút ra từ một từ ngữ tiếng Phạn có nghĩa ‘oai nghiêm, uy lực, nghiêm túc’.

“Vi vậy một đạo sư là người nào đó mà vạch ra và xua tan những ảo tưởng, và do đó xóa sạch sự dốt nát,” ông nói, “không phải người nào đó mà áp đặt sự dốt nát của ông ấy vào những người khác.”

Vài phút sau ông khai ~~tri~~ nghĩa lý của từ ngữ ‘mantra’, mà khởi nguồn từ tiếng Phạn có nghĩa ‘đo lường, suy nghĩ’ và dẫn đến nghĩa lý là ‘suy nghĩ về không trở thành, và loại bỏ tất cả những hoạt động tự cho mình là trung tâm’. Ông nhấn mạnh rằng đây là nghĩa lý thực sự của một mantra – không phải sự thực hành trực lợi, rẻ tiền của bán kiếm tiền một vài âm tiết, mà, họ cam đoan, sinh ra một trạng thái yên lặng của cái trí.

“Bạn có lẽ lặp lại từ ngữ ‘Coca Cola’ nhiều lần,” ông châm biếm trong tiếng cười từ khán giả. “Nó sẽ có cùng ảnh hưởng của thôi miên bạn.”

Trong nhiều năm, Krishnamurti đã đả kích sự trực lợi thuộc thương mại trong nghi vấn của con người về sự thật. Ông kinh tởm bất kỳ sự giảng thuyết và hoạt động thuộc tôn giáo vì lợi lộc tài chánh. Sự thật không là một món hàng để bày bán, nó cũng không bao giờ có thể bị độc quyền, bị tổ chức hay bị sở hữu bởi bất kỳ ai. Bởi vì điều này, ông khẳng

định rằng không tiền lệ phí nào phải cần đến khi tham gia những nói chuyện và những đối thoại của ông, và cũng không phải trả tiền cho bất kỳ những phỏng vấn riêng tư và công khai của ông. Việc trả lệ phí duy nhất đã từng được thực hiện bởi Foundation cho một nói chuyện là khi phí tổn của thuê mướn một phương tiện công cộng, như là Masonic Temple, Santa Monica Civic Auditorium, hay Carnegie Hall được cần đến phải được thanh toán qua việc bán vé.

Sự khẳng định rõ ràng của Krishnamurti về sự tham gia miễn phí những nói chuyện của ông đưa ra một vấn đề khó xử cho những ủy viên và những người lo việc tài chánh của Foundation. Cả Foundation lẫn ngôi trường đều rất phụ thuộc vào những khoản biếu tặng của những con người quan tâm ủng hộ công việc của Krishnamurti. Và, mặc dù, Những Nói chuyện tại Oak Grove diễn ra trên lãnh thổ của tổ ấm, chúng vẫn phải gánh chịu sự chi phí đáng kể. Hai người cầm hai cái hộp có khe nhét tiền đứng tại mỗi lối vào Oak Grove, yêu cầu biếu ba đô la cho nói chuyện. Bất kỳ người nào không đồng ý đóng góp vẫn có thể vào nghe, nhưng phải chịu đựng những cái nhìn khinh mạn của người đứng nhận tiền. Bất kể việc này và những thỉnh cầu đóng góp được đưa ra bởi những ủy viên trước một nói chuyện, tiền thu được hiếm khi nào, nếu không nói là luôn luôn, đủ để trang trải chi phí tổ chức.

Một việc bất thường xảy ra tại cuối gặp gỡ câu hỏi-trả lời đầu tiên. Ngay khi ông đang rời Oak Grove, Krishnamurti được một giấy triệu tập tại tòa án buộc tội ông và những ủy viên khác của Foundation. Rajagopal đã khởi sự một vụ kiện khác, mặc dù vụ kiện của Foundation đã được thu hồi.

*

Suốt những nói chuyện có nhiều khách, kể cả những ủy viên từ nước ngoài, mà đều đặn đến dùng bữa ăn trưa cùng Krishnamurti tại A.V., vì vậy, nó là một thời gian rất bận rộn cho tôi trong nhà bếp, và chúng tôi có những tập họp cùng nhau rất vui vẻ quanh bàn ăn.

Tại một trong những bữa ăn trưa giữa tuần, nói chuyện tập trung vào những tôn giáo có tổ chức khác nhau và vô số những xung đột và đau khổ mà chúng đã gây ra xuyên suốt lịch sử của nhân loại. Một trong những ủy viên đang nói, “Quan sát những xung đột mới đây liên quan đến những người Hồi giáo – Iran và Irak – và những đấu tranh đã diễn ra giữa những người Israel với những người Palestine và những người hàng xóm Hồi giáo khác; quan sát những chiến tranh giữa Hồi giáo và Ấn giáo ở Ấn độ, và vân vân. Hồi giáo thực sự là một tôn giáo của thanh gươm.”

Krishnamurti trả lời, “Đổi diện nó, thưa bạn: Thiên chúa giáo đã gây ra nhiều chiến tranh và đổ máu hơn bất kỳ tôn giáo nào khác trên quả đất này. Tôi thắc mắc liệu do bởi rằng nó tuyên bố nhận được sự soi sáng thiêng liêng, một cách trực tiếp từ nguồn tin đáng tin cậy.”

“Nhưng Hồi giáo và Do thái giáo cũng thế,” tôi nói giữa những tiếng cười. “Trong những khía cạnh nào đó tất cả họ đều công nhận kinh thánh như một nguồn của khai huyền. Tất cả họ đều tin tưởng một Thượng đế.”

“Nhưng những quyển sách thiêng liêng quan trọng nhất của họ lại khác biệt,” một giáo viên vạch ra. “Quyển Torah, quyển New Testament và quyển Koran – mỗi quyển này đều được nói là chứa đựng sự thật tối thượng, độc nhất và duy nhất.”

“Chúng là những tôn giáo của ‘Quyển sách’,” Krishnamurti nói. “Khi một tôn giáo được đặt nền tảng trên một quyển sách, như quyển Bible hay quyển Koran, bạn có

những con người mà mê tín, cố chấp, thiên cận. Bạn có thể thấy nó, thừa bạn. Quyền sách nói như thế, và đó là như thế. Nếu những người Thiên chúa giáo và những người Hồi giáo bắt buộc cho phép sự ngờ vực, toàn sự việc sẽ sụp đổ.”

“Nhưng những người Ấn giáo cũng có những quyền sách thiêng liêng của họ,” một phụ nữ phản đối, “và những tôn giáo Á châu khác cũng thế.”

“Những người Ấn giáo và những người Phật giáo có nhiều quyền sách tạm gọi là thiêng liêng, nhưng không quyền nào được coi như là uy quyền độc quyền. Họ có một truyền thống lâu dài của thâm nhập và nghi ngờ. Họ đã cổ vũ thái độ nghi ngờ: bạn có thể chất vấn mọi thứ. Và những người Ấn giáo có 100.000 vị thần – bạn được tự do để chọn lựa trong số họ một vị thần ưa thích nhất của bạn.”

Sau khi những tràng cười xảy ra sau đó đã giảm xuống, ông trầm ngâm, “Tôi không hiểu liệu Giáo hoàng và những giám mục và tất cả những người giảng đạo khác có thực sự tin tưởng điều gì họ đang nói. Dường như họ là những người được giáo dục khá đầy đủ, và tuy nhiên họ vẫn tiếp tục về còn đồng trình mà sinh đẻ, chết thăng lên thiên đàng, an vị bên tay phải của Thượng đế, và tất cả mọi chuyện vô lý đó. Chắc hẳn họ phải có sự nghi ngờ nào đó trong những cái trí của họ. Họ nói ra tất cả điều này và thấy sự nhẹ dạ của con người và đi về nhà lặng lẽ cười cợt cho sự dốt nát của những người đó, bạn không nghĩ như thế sao?”

Ông nhìn chúng tôi dò hỏi. Hầu hết những người quanh bàn ăn đều có vài yếu tố Thiên chúa giáo hay Do thái giáo nào đó trong nền quá khứ của họ và có vẻ ngờ vực về điều gì ông đang gợi ý. Tôi thấy thật khó khăn khi chấp nhận sự đạo đức giả và hoài nghi hoàn toàn của những người chuyên nghiệp thuộc tôn giáo.

“Tại sao, Krishnaji?” tôi phản đối. “Tại sao họ giả vờ tin tưởng những sự việc này và dẫn dắt sai lầm mọi người?”

“Điều đó đơn giản lắm,” ông trả lời, “có quá nhiều lợi lộc trong nó, nhiều tiền bạc, quyền hành, thanh danh. Quan sát Giáo hội Thiên chúa giáo, nó giàu có biết chừng nào. Đất đai mênh mông, những tòa nhà to lớn, những bộ sưu tập nghệ thuật quý báu, những nữ trang, vàng bạc và kho tàng vô giá – người ta không thể tưởng tượng sự giàu có. Hay hàng triệu đô la những người truyền giáo và những người giảng đạo đang kiếm lượm trong quốc gia này. Và mọi người cúi đầu trước bạn, và hôn bàn tay của bạn. Hãy suy nghĩ về thanh danh và vinh quang mà những giám mục và những hồng y nhận được. Vì vậy, có nhiều lý do và phần thưởng để dính dáng trong cái mạng lưới này. Nhưng tôi vẫn còn nghi ngờ liệu họ tin tưởng tất cả những giáo điều, những học thuyết và những chuyện hoang đường này.”

Nhiều người diễn tả một hoài nghi nào đó rằng Giáo hoàng và những chức sắc tôn giáo bậc cao có ý dính dáng trong một kế hoạch lừa gạt và trục lợi.

“Tại mức độ nào đó của sự hiện diện của họ, chắc chắn họ phải tin tưởng điều gì họ nói và đại diện,” một giáo viên quả quyết.

Krishnamurti không trả lời trực tiếp nhưng phản đối khác nhau nhưng tiếp tục thâm nhập phương hướng lý luận riêng của ông, “Ngày hôm trước tôi thấy một người trên truyền hình, bạn biết, một trong những người giảng đạo theo trào lưu chính thống – bạn gọi nó là gì?”

“Truyền đạo trên truyền hình,” một phụ nữ trả lời.

“Vâng, một người truyền đạo trên truyền hình. Ông ấy đang giảng dạy những giáo dân của ông ấy: hàng trăm, có lẽ hàng ngàn người, cả già lẫn trẻ, trong một nhà thờ hiện đại to lớn. Họ đang ca hát và đang cầu nguyện, và người này nói,

‘Sẽ có một lỗ màu trắng trong chòm sao...’ Ông nhìn quanh tìm kiếm, “Tên của chòm sao nổi tiếng đó là gì nhỉ?”

“Chòm sao Pleiades?” người nào đó gợi ý.

“Không, không phải chòm sao Pleiades.”

“Chòm sao Orion?” tôi gợi ý.

“Vâng, đó là nó. ⚡ có một lỗ hồng màu trắng trong chòm sao Orion, và Jesus sẽ xuất hiện trong nó cùng tất cả những thiên thần và những tông đồ của ngài, và ngài sẽ dắt tất cả những người đệ tử, 12.000 người hay số lượng khoảng chừng đó, cùng với ngài qua cái lỗ hồng trắng đó vào thiên đàng. Và máy quay chiếu những khuôn mặt của k hán giả, tất cả đều cung kính, với những giọt lệ trong hai mắt của họ, tin tưởng tất cả những vớ vẩn mà người đàn ông đó đang nói.”

Trong khi đang kể câu chuyện truyền giáo trên truyền hình này, ông khoác vào một thái độ đóng kịch, duỗi dài hai cánh tay của ông và bắt chước trò đạo đức giả giả tạo chán ngấy của người giảng đạo. Chúng tôi theo dõi sự trình diễn của ông bằng sự đam mê mỗi lúc một gia tăng, với tiếng cười khúc khích đó đây, mà cuối cùng bùng nổ trong những tràng cười tự do cởi mở. Không phải do bởi sự bắt chước hài hước rất giỏi của ông mà gây quá nhiều vui nhộn, nhưng cũng còn cả nhận biết rằng Krishnamurti ‘Thầy Thế giới’ có thể đang ngồi trước một máy truyền hình, quan sát người truyền giáo trên truyền hình đang tuôn ra câu chuyện lừa dối của ông ấy. Vào nhiều dịp trước ông đã diễn tả nhiều Đức cha Thiên chúa giáo, mà trình diễn trên kênh truyền hình riêng của họ, gạ gẫm tiền bạc bằng cách bán tôn giáo, những phép lạ và chữa trị.

“Người ta không thể tưởng tượng được sự nhẹ dạ của những con người ở đó,” ông tiếp tục, hơi nghiêm túc hơn, vì một giọng điệu của hoài nghi hiển hiện trong tiếng nói của ông, “tất cả bọn họ quá nhẹ dạ, nuốt trọn nó, mua mọi từ ngữ

của nó. Và mọi điều ông ấy nói đều được đặt nền tảng trên Bible; làm như thể nó là sự thật chính xác, tuyệt đối. Sự vô lý của tất cả!”

Một ủy viên hỏi, “Tên của người giảng đạo mà ông đang quan sát là gì, Krishnaji?”

Ông đã quên cái tên đó – rất cuộc, có hàng tá những người giảng đạo trên những sóng truyền thanh và truyền hình. Nhưng sự hời hợt của ông về những chi tiết của người giảng đạo – kiểu cười, chiếc áo choàng, cách giảng đạo và ca hát – rất dí dỏm và dẫn đến hiện tượng thực tế lạ thường. Một trò chơi phỏng đoán xảy ra sau đó, mà hầu hết chúng tôi đều tham gia, bộc lộ sự hiểu biết quá rộng rãi của chúng tôi về nhiều người làm trò giải trí thuộc tôn giáo nổi bật. Sau khi cuối cùng mọi người đã đồng ý về người giảng đạo nào mà ông đang nói đến, ông cam đoan, “Người đàn ông đó không tin tưởng điều gì ông ấy đang nói cho những con người đó.”

Tại điểm này, một cách thực tế mọi người đều sẵn sàng thừa nhận rằng, nhân danh tôn giáo, sự lừa bịp và trục lợi tâm vĩ mô đang xảy ra trên truyền hình. Quá nhiều những người trong công chúng trở thành những nạn nhân quá sẵn lòng, do bởi cô độc, thất vọng và hoang mang. Thậm chí như thế, có một thái độ bất đồng quan điểm từ những tiếng nói phản đối không thể tránh khỏi. Một giáo viên đưa ra ý kiến, “Được rồi, họ lừa bịp và kiếm tiền bạc, và vân vân, nhưng tôi chắc chắn rằng họ tin tưởng Jesus, và những quyển kinh thánh, và...”

“Không, thưa bà,” Krishnamurti phản đối mạnh mẽ, “từng đó vẫn chưa đủ. Và một người già có thể quả quyết sự tin tưởng Jesus và tiếp tục công việc tham lam của ông ấy – điều đó quá dễ dàng.”

Tôi thỉnh thoảng cảm thấy rằng ông quá dứt khoát trong sự từ chối toàn thể những sự việc của Thiên chúa giáo.

“Nhưng còn về những việc huyền bí thì sao?” Tôi hỏi, thay đổi chủ đề. “Meister Eckhardt, St. John of the Cross, Hildegard von Bingen, Theresa of Avila – họ không có thấu triết nào đó, hiệp thông nào đó cùng, cái thiêng liêng suốt những sống của họ, hay sao?”

“Như tôi có thể hiểu rõ, thưa bạn,” ông trả lời, “những huyền bí của Thiên chúa giáo vẫn còn bám rễ trong Jesus, trong Giáo hội, và toàn hệ thống niềm tin Thiên chúa giáo. Họ không bao giờ vượt khỏi nó.”

Tôi rơi vào yên lặng, không biết phải trả lời ra sao.

“Không có tôn giáo nào trong những tôn giáo của ‘những quyển sách’ có thể thực sự chất vấn chúng được đặt nền tảng trên cái gì,” một giáo viên khác phát biểu. “Họ không thể vượt khỏi cái nguồn gốc của sự soi sáng của họ. Họ tin tưởng quyển sách đó chứa đựng sự thật cố định, không thể thay đổi.”

Krishnamurti đồng tình, “Không quyển sách nào chứa đựng sự thật. Sự thật là một sự việc đang sống. Làm thế nào nó có thể bị cố định? Họ đã không còn tìm hiểu, đó là lý do tại sao họ là những người chết rồi. Và bạn biết từ ngữ ‘tôn giáo’ có nghĩa gì? Tôi đã tra cứu nó trong tự điển. Họ thực sự không biết nguồn gốc của từ ngữ đó, nhưng có lẽ có hai nghĩa lý gốc. Một là ‘thâu lượm, gom lại, buộc lại’. Và nó cũng có nghĩa ‘cân nhắc, quan sát, quan tâm’. Chúng ta đang nói, tôn giáo là sự tập hợp của tất cả năng lượng để tìm ra sự thật.”

Chúng tôi chìm trong yên lặng. Ngay lập tức tôi có thể thấy tôn giáo – không phải như một học viện, không phải như một thứ bậc có tổ chức, không phải như một hệ thống niềm tin với những đền chùa và những nhà thờ, những quyển sách và những giáo điều – nhưng như một nỗ lực đang sống, như một ngọn lửa đang bùng bùng trong cái trí.

Chốc lát sau chúng tôi đứng dậy ra khỏi bàn và mang chén đĩa vào nhà bếp, Krishnamurti cùng phụ giúp chúng tôi.

*

Vào ngày của nói chuyện cuối cùng, chủ nhật ngày 22 tháng năm, tôi có một cơ hội hiếm hoi để xem một cuốn phim cùng Krishnamurti trong rạp chiếu phim. Lúc đó là năm gì ở tại Ojai Playhouse, rạp chiếu phim địa phương ngay trung tâm thành phố. Có nhiều trăm khách mời, mà đến để xem buổi chiếu đầu tiên của cuốn phim, *The Challenge of Change Sự thách thức của thay đổi* được sản xuất bởi Evelyne Blau, một ủy viên của Foundation. Chủ đề của cuốn phim không ai khác hơn là chính Krishnamurti.

Vài phút trước khi bắt đầu theo thời khóa biểu của cuốn phim, Krishnamurti và Mary Z. đến và mau lẹ vào chỗ ngồi của họ ở những dãy ghế sau của rạp hát. Tôi nghĩ thật lạ thường khi ông rụt rè nhút nhát làm sao, đang cố gắng không để ai trông thấy mình, chỉ vài tiếng đồng hồ sau một nói chuyện soi sáng về tôn giáo và thiên định.

Cuốn phim miêu tả sinh động về ông và công việc của ông từ những ngày còn ở Theosophical Society cho đến hiện nay, đang kể câu chuyện của một sống lạ thường, mà dường như khởi nguồn trực tiếp từ A Thousand-And-One Nights.

*

Vài ngày sau, ngày 27 tháng năm, chúng tôi có một bữa ăn trưa sớm lúc 12:30, để cho 14:00 Krishnamurti và Mary Z. có thể rời đây đón chuyến bay đi Anh quốc.

Nó đã là một mùa lạ thường. Nhiều hơn từ trước đến nay, việc đến và đi của Krishnamurti giống như một cơn bão

manh, mà khuấy động mọi sự việc và mọi con người. Sau đó, không gì còn giống như cũ; cho đến khi, dĩ nhiên, những khuôn mẫu thuộc thói quen của chúng tôi lại bắt đầu, giống như lớp bụi đang bám trên những kệ sách.

Chương 18

MỘT TỐT ĐỈNH CỦA ĐỐI THOẠI

Món khai vị

Xà lách Shepherd: một món xà lách gồm nhiều loại rau xanh với nước sốt dầu ô liu, gia vị và phó mát xanh.

Nụ a ti sô ướp, xà lách cà chua và ô liu.

Xà lách gừng và cà rốt.

Món chính

Súp cà chua và tỏi tây.

Mì primavera: mì sợi ngắn với đậu tươi, cà rốt, bí xanh, ớt chuông đỏ và xanh, tô điểm với hạt thông và rau húng quế tươi, ăn với phó mát Parmesan nạo.

Đậu xanh hầm với quả hạnh cắt lát và rau mùi tây băm nhỏ.

Món tráng miệng

Xà lách trái cây với yogurt, được làm ngọt bởi nước cốt nhựa cây thích.

Trong khi chúng tôi đang tranh để trở lại phương hướng của chúng tôi sau khi ông rời đi, Krishnamurti phải đối diện với một loạt những khó khăn tại Brockwood Park. Vào tháng tư, một trận hỏa hoạn đã làm hư hại nặng nề phòng ngủ và phòng khách của ông, đến độ ông phải sử dụng những khu ở khác trong một khoảng thời gian. Tháng sáu, Dorothy Simmons, hiệu trưởng của trường, bị một ca đột quỵ. Bốn người quản lý được bổ nhiệm để phụ trách những trách nhiệm của bà, mà dẫn đến một bất hòa giữa những giáo viên của trường. Một đấu tranh kéo dài đã xảy ra, bất kể những gắng sức của Krishnamurti để sáng tạo sự hiệp thông. Một sự kiện sáng tạo nhiều hơn vào tháng sáu là gặp gỡ của Krishnamurti và David tại Brockwood Park. Hai đối thoại giữa hai người bạn thân được quay video và ghi âm và có tựa đề là *The Future of Humanity Tương lai của Nhân loại*.

Khoảng thời gian nào đó vào tháng tám năm 1983, chúng tôi nhận được một tin phấn khởi rằng Krishnamurti sẽ đến Ojai vào đầu tháng chín, ngay sau kết thúc Hội nghị Brockwood Park; ông sẽ ở cùng chúng tôi nguyên một tháng. Lý do cho chuyến viếng thăm bất thường này là rằng, bởi vì vụ kiện của Rajagopal đã bắt đầu, một ngày tháng đã được cố định cho Krishnamurti và Mary Z. để đưa ra những chứng cứ ở Ventura. Ngày yêu cầu là 20 tháng chín và, dĩ nhiên, điều này bắt buộc sự hiện diện của họ ở California.

*

Hiệu trưởng yêu cầu tôi theo cùng ông đến phi trường để đón Krishnamurti, Mary Z. và Dr. Parchure, một bác sĩ người Ấn tháp tùng ông. Ngày hôm đó có nắng và sáng sủa khi chúng tôi lái chiếc xe van của trường theo Pacific Coast Highway

đến LAX. Chuyến bay đến đúng giờ, và chúng tôi không phải chờ đợi lâu lắm.

Bỗng nhiên hiệu trưởng chỉ vào một nhóm hành khách đang xuất hiện trên đường dẫn đến lối ra. Sau đó tôi nhận ra Mary Z., người đang đẩy một xe lăn có người nào đó trong nó. Tôi không nhận ra Krishnamurti ngay tức khắc, bởi vì ông được quấn lại giống như một bó trong những cái mền. Dr. Parchure, người phục vụ y tế cá nhân của ông, đang đẩy một chiếc xe hành lý chất thật cao bởi những chiếc va ly. Hiệu trưởng và tôi đi đến nghênh đón họ.

Krishnamurti trông mỏng manh và nhỏ xíu, giống như một đứa trẻ, với một cái mền quấn quanh hai chân và thân mình của ông. Ông trông xúc động và, sắc mặt ửng đỏ, với một màu tái tái trên hai má ủa ông. Sau khi chúng tôi đã chất hành lý vào phía sau xe van, ~~ăm~~ người chúng tôi bắt đầu lái xe về hướng bắc.

Đó là lần đầu tiên tôi được đi cùng Krishnamurti trên một chiếc xe. Không hiểu vì sao, tôi nghĩ về nó như điều gì đó đặc biệt, một đặc ân, mặc dù tôi không chắc chắn tại sao. Khi chúng tôi đang đi xe qua Santa Monica, Malibu, Oxnard và Ventura, Krishnamurti rất ít nói, nhìn ra ngoài cửa sổ vào bầu trời xanh mờ và những quả đồi màu vàng nung. Mary Z. ngồi phía trước cùng hiệu trưởng, đang đưa ra những câu hỏi về ngôi trường. Dr. P. ngồi phía sau họ, đang đọc một tuần báo. Krishnamurti ngồi một mình cùng dãy ghế phía bên trái, trong khi tôi chêm hết chỗ ghế phía đuôi xe. Thỉnh thoảng, tôi nghĩ tôi cảm thấy những rung động mãnh liệt của sự yên lặng đang phát ra từ ông, tỏa khắp chiếc xe. Nhưng những suy nghĩ của tôi, tiếng ồn của chiếc xe, và xe cộ đông đúc trên xa lộ làm tôi xao nhãng khỏi sự mãnh liệt của yên lặng.

*

Bữa ăn trưa đầu tiên, ngày hôm sau, ngày 8 tháng chín, gồm có nụ a ti sô, xà lách cà chua và ô liu, một món xà lách gừng và cà rốt, xúp khoai tây và tỏi tây, mì primavera ăn với phó mát parmesan nạo, và đậu xanh hầm được tô điểm bởi quả hạnh cắt lát và nhiều rau mùi tây băm nhỏ. Cho món tráng miệng tôi làm một xà lách trái cây, với yogurt được làm ngọt bởi nước cốt nhựa cây thích.

Mary Z. kể với chúng tôi về trải nghiệm của Krishnamurti trên chuyến bay từ London Heathrow đến LAX. Ông ngồi khu hạng nhất của Boeing 747, khi một trong những người điều khiển máy bay, nhận thấy sự quan tâm của ông trong những chi tiết kỹ thuật của máy bay, mời ông vào buồng lái. Ông bị cuốn hút bởi nhiều bảng số, những màn hình, những bộ kiểm tra và những đồng hồ cần thiết để điều khiển chiếc máy bay khổng lồ này.

Một trong những giáo viên nhận xét điều cốt, “Đáng ra ông phải đội cái mũ của người phi công trưởng, thưa ông.”

Chúng tôi tiếp tục tính toán xem thử ông đã đi bao nhiêu dặm suốt sống của ông. Giả sử rằng thường thường ông đi vòng quanh quả đất ít nhất mỗi năm một lần – kể cả những chuyến đi đầu tiên bằng tàu hơi nước – chúng tôi đã t được một con số phỏng chừng là một triệu dặm. Chúng tôi cảm thấy kinh hoàng. Ngay lập tức, ông nhớ lại một chuyện vui mà ông vừa mới nghe được. “Nó là chuyến bay đầu tiên của chiếc máy bay phản lực siêu thanh, không phi hành đoàn và không người lái, được tự động và được vi tính hóa hoàn toàn,” ông kể lại, kèm theo một lông lánh quyn rũ trong hai mắt của ông. “Máy bay đã được đặt đủ chỗ sau một vận động truyền thông tốn kém. Hành khách được mời vào chỗ ngồi và máy bay cất cánh êm ả. Khi đã ở trên không trung, hệ thống liên lạc tự động vang lên để đón chào hành khách, ‘Chào mừng, quý bà và quý ông, trong chuyến bay đầu tiên của

chúng tôi từ London đến New York trong một chiếc máy bay không phi hành đoàn, không người lái, được vi tính hóa hoàn toàn đầu tiên. Hệ thống bay được vi tính hóa được đảm bảo những tiêu chuẩn an toàn cao nhất. Hãy thư giãn trong chỗ ngồi của bạn và tận hưởng chuyến bay, trong khi những tiếp viên robot phục vụ các bạn nước uống. Hãy tin chắc rằng tuyệt đối không thứ gì có thể sai lầm, không thứ gì có thể sai lầm, không thứ gì có thể sai lầm...”

Trong khi chúng tôi vẫn còn đang tận hưởng những tiếng cười vui vẻ, tôi chợt nhớ nhiệm vụ người đưa tin của tôi và bắt đầu, ngay khi mọi người đã yên lặng, “Được rồi, Krishnaji, ông có lẽ đã nghe về thảm họa máy bay mới đây – nó chỉ xảy ra cách đây hai ngày – khi người Sô viết bắn rơi chiếc máy bay của chuyến bay 007 Korean Airlines khi nó đang bay qua đảo Sakhalin...”

Điều này khởi động cho mọi người nói chuyện bởi vì biến cố này đã thống trị tin tức suốt bốn mươi tám tiếng đồng hồ vừa qua.

*

Suốt sống của tôi, tôi là một cổ động viên cuồng nhiệt của phim ảnh, thích những chương trình chiếu phim trên màn ảnh lớn cũng như trên truyền hình, và đi xem phim rất thường xuyên. Dĩ nhiên, tôi cố gắng tránh những cuốn phim kém cỏi và tìm xem những kiệt tác hiếm hoi. Thỉnh thoảng, nói chuyện tại bàn ăn trưa xoay quanh những cuốn phim vừa được chiếu. Tôi thường đưa ra vài phê bình, sau khi tôi đã xem một cuốn phim ở Ventura hay Santa Barbara – hay ít thường xuyên hơn, ở Ojai. Krishnamurti thường quan tâm đến sự phê bình của tôi nhưng, tại một điểm này hay điểm

kia, sẽ cắt ngang bài diễn thuyết uyên bác của tôi bằng cách hỏi đơn giản, “Nó hay không?”

Đường như ông không ưa thích những cuốn phim nghệ thuật, lãng mạn hay xã hội, hay những cuốn phim có một thông điệp. Ông ưa thích những cuốn phim hành động – phiêu lưu, cao bồi, trinh thám, và tương tự. Suốt bữa ăn trưa đầu tháng tám chúng tôi đang nói về ‘spaghetti westerns’, mà đã tạo nên danh tiếng cho Clint Eastwood. Krishnamurti, người thích diễn viên ương ngạnh, thú nhận rằng ưa thích những cuốn phim của ông ấy. Người khách phụ nữ diễn tả sự choáng váng không giấu giếm. “Làm thế nào ông có thể ưa thích tất cả những cảnh bắn phá và giết chóc như thế, Krishnaji?” bà ấy hỏi.

Ông nhìn bà ấy bằng sự chú ý yên lặng. Một lóng lánh tinh nghịch lóe lên nơi hai mắt ông, khi ông trả lời, “Nhưng thật ra họ đâu có giết chết nhau. Tất cả đều giả vờ mà: Họ tận dụng những khoảng trống, và máu là nước cốt cà chua, hay phẩm màu đỏ. Sau khi họ bị bắn và ngã xuống, họ lại đứng dậy. Nó chỉ biểu diễn thôi mà.”

Người phụ nữ không được thuyết phục lắm và lấp bắp, “Nhưng tại sao, tại sao...?”

Krishnamurti lịch sự không để ý đến sự bối rối của bà ấy. Ngả người trong ghế của ông, ông nói, “Và tôi thích phong cảnh, hậu cảnh của những hòn núi và những thung lũng. Và thật đáng yêu khi trông thấy những con ngựa đang chạy nhanh hết sức và nhảy qua những tảng đá và những khe rãnh.”

Tôi luôn ngạc nhiên bởi khả năng của ông để dựng lên một tâm trạng thi ca bằng ít từ ngữ nhất, rút ra một lược đồ mau lẹ của một tình huống bằng cách điểm tô chỉ một ít từ ngữ.

Người nào đó đề cập đến cuốn phim E. T. – *The Extraterrestrial Những người ngoài quả đất*, mà đây là một thành công lớn ở Mỹ và nước ngoài. Nhiều người chúng tôi phê bình và khen ngợi câu chuyện tưởng tượng về chuyến viếng thăm quả đất của sinh vật yêu quý từ không gian bên ngoài. Ngay lập tức, Krishnamurti trở nên hiếu kỳ bởi điều gì ông đã nghe và bắt đầu đưa ra những câu hỏi về cuốn phim. Tôi nói rõ rằng một rạp hát ở Ventura có những buổi chiếu buổi chiều cho cuốn phim đó. Erna Lilliefelt ngay tức khắc đề nghị ông đi xem cùng họ tại một trong những buổi chiếu phim sớm. Hai mắt ông sáng lên, và ông sung sướng chấp nhận lời đề nghị.

Sau ngày ông xem cuốn phim đó, một vài người chúng tôi hỏi, “Krishnaji, ông thích cuốn phim đó ra sao?”

Ông có mắt hơi mộng mơ khi nhớ lại câu chuyện của cuốn phim người ngoài hành tinh và nói một cách đơn giản, “Tôi thích nó.” Sau một khoảnh khắc cố ý, ông thêm và o, “Nó thực sự đáng khâm phục. Một sinh vật quyền rũ, E.T.”

Erna châm bích bằng một nụ cười, “Ồ, Krishnaji, ông là E.T. Ông là người ngoài hành tinh.”

Ông không nói bất kỳ điều gì nhưng chỉ mỉm cười. Chúng tôi bật ra những tiếng cười tương tự, và chẳng mấy chốc ông cũng cười òa lên.

*

Vào bữa ăn trưa chủ nhật ngày 15 tháng chín, chỉ có tám người chúng tôi. Nói chuyện về thời gian khi lần đầu tiên Krishnamurti được giới thiệu đến xã hội tầng lớp thượng lưu Victoria của nước Anh, dưới sự giáo dục của Annie Besant. Ông nhớ bà rất nhiều, nói đến bà qua cái tên ‘Dr. Besant’.

Alan hỏi ông, “Có khi nào ông gặp George Bernard Shaw? Ông ấy có lẽ là một trong những người bạn tốt của Annie Besant.

Krishnamurti cười, “Ông ấy thích được gọi là GBS. Lần đầu tiên tôi gặp ông ấy khi em tôi và tôi vừa mới đến nước Anh. Những ngày đó tôi nhút nhát lắm và hầu như không nói một lời. Có một ngày chúng tôi được mời đến ăn tối tại một biệt thự lớn, tôi nghĩ nó ở Wimbledon. Chúng tôi ngồi tại một bàn ăn dài, được sắp đặt như lễ hội, với những cây đèn cây và đồ pha lê, những người hầu và mọi chuyện của nó. Dr. Besant đang ngồi tại một đầu bàn, em tôi và tôi ngồi hai bên bà, và tại đầu bên kia của cái bàn dài là GBS, với mái tóc và chòm râu quai nón bạc, dài. Những người khách khác đều là những người có địa vị cao và nói chuyện rất lịch sự và kiềm chế, khi bỗng nhiên, khoảng giữa bữa ăn, GBS gọi lớn trong giọng vang của ông, ‘Annie, tôi vừa nghe rằng bà đang nuôi nấng một Đấng Cứu thế mới từ Ấn độ.’”

Krishnamurti ngừng lại và, bằng một nụ cười toe toét ranh mãnh, chỉ ngón tay trở dài rung rung vào ngực của ông. Chúng tôi phá lên cười, và Erna hỏi, “Phản ứng của những người khách khác là gì?”

“Có một yên lặng trong một khoảnh khắc, sau đó tất cả bọn họ đều cười.”

“Còn ông thì sao, thưa ông?” tôi hỏi, “Ông cảm thấy như thế nào?”

“Ồ, tôi chỉ đang ngồi đó và không thể chạy trốn. Tôi cảm thấy ngưng ngưng kinh khủng, và đỏ bừng mặt, và ao ước mặt đất nứt ra và nuốt trọn tôi.”

Nói tới đó, tiếng cười của chúng tôi càng mạnh hơn và, trong một khoảnh khắc, chúng tôi chia sẻ sự vui đùa hiệp thông, không kiềm chế.

*

Bởi vì sắp sửa đưa bằng chứng trong vụ kiện, nói chuyện tại bàn ăn trưa thh thoảng tập trung quan h những luật sư, những quan tòa và sự thịnh hành của kiện tụng trong những xã hội hiện đại.

“Điều đó nhắc tôi nhớ về việc gì đó đã xảy ra ở Ấn độ cách đây lâu rồi,” Krishnamurti bắt đầu. “Tôi đang thực hiện một nói chuyện ở Bombay, và sau đó một người đàn ông đến gặp tôi. Ông ấy là một người đứng tuổi có mái tóc bạc, có tác phong cao quý, và ông ấy kể cho tôi câu chuyện này: Ông ấy đã là một quan tòa tại một tòa án cấp cao trong nhiều năm và có một gia đình với nhiều con cái. Một buổi sáng ông tự nói với mình, ‘Suốt nhiều năm đến bây giờ tôi đã thốt ra nhiều nhận xét về tất cả mọi loại người – những tội phạm và những người cướp bóc, cùng như những người kinh doanh gian lận và những người chính trị thoái hóa. Nhưng tôi thực sự không biết sự thật là gì, hay thậm chí liệu công lý có hiện diện?’ Và thế là ông quyết định tuân theo truyền thống của Ấn độ, rút lui khỏi chức vụ của ông, từ bỏ gia đình – sau khi sắp xếp cuộc sống của họ, dĩ nhiên – và lang thang vào rừng hẻo lánh để thiền định và tìm ra sự thật. Ông ấy thiền định một mình suốt hai mươi lăm năm trong cánh rừng, bạn hiểu chứ? Ông ấy tiếp tục như thế suốt hai mươi lăm năm, và sau đó vào một buổi chiều ông ấy đến nghe một nói chuyện ở Bombay. Khi ông ấy đến gặp tôi sau đó, những giọt lệ trong hai mắt của ông ấy. ‘Tôi đã nghe điều gì ông nói,’ ông ấy bảo tôi, ‘và bỗng nhiên tôi nhận ra rằng tôi đã và đang tự lừa dối chính mình: suốt hai mươi lăm năm tôi đã nghĩ rằng tôi đang thiền định, nhưng tôi chỉ đang thôi miên chính tôi.’ Đó là điều gì ông ấy đã nói. Và đối với người nào đó mà đã thực hành thiền định mỗi ngày suốt hai mươi lăm năm để thú nhận rằng ông ấy đã tự lừa dối chính mình; nó là việc gì đó khủng khiếp lắm – bản chất của một con người giống như thế.”

Krishnamurti rơi vào yên lặng sau câu chuyện đầy xúc động, giống như tất cả chúng tôi quanh bàn ăn. Tôi sẽ làm gì, tôi tự hỏi mình, nếu bỗng nhiên tôi phát giác rằng sống của tôi đã là một tự lừa dối dài đằng đằng? Tôi thực sự không biết.

*

Ngày 19 tháng chín là ngày đầu tiên của học kỳ mới. Vào ba ngày tiếp theo không có bất kỳ bữa ăn trưa nào tại A. V., bởi vì Krishnamurti, Mary Z. và gia đình Lilliefelt đang bận rộn đưa ra những bằng chứng ở Ventura. Tuy nhiên, những thủ tục luật pháp lê thê vẫn không thể kết thúc được: chúng kéo dài suốt nhiều năm nữa và chỉ mãi đến tháng sáu năm 1986 mới được dàn xếp.

Vào ngày 10 tháng mười, Christopher Columbus Day, Krishnamurti, được theo cùng bởi Mary Z. và Dr. P., khởi hành đi nước Anh, nơi ông tiếp tục thời khóa biểu đi lại đều đặn, sau đó đến Ấn độ vào tháng mười một.

*

Đó là một mùa bão táp ở ngôi trường. Nhiều phụ huynh, được tham gia bởi nhiều giáo viên, kịch liệt phản đối, chống lại sự quản trị của trường và một ít trong những chỉ thị hướng dẫn mới đây của nó. Dường như một trùng hợp lạ lùng rằng, sau Brockwood Park và Rajghat School Varanasi, lúc này Ojai đang trải nghiệm sự rối loạn và xung đột của riêng nó. Sự bất mãn không phải không được thể hiện tại Oak Grove, bởi vì nhiều người tham gia những trường học của Krishnamurti luôn luôn đến bằng những mong đợi cao nhất, đòi hỏi sự hoàn hảo tuyệt đối – nếu không phải từ chính họ, ít

ra cũng từ những người quanh họ. Và bởi vì, ngoại trừ một hoặc hai ngoại lệ nổi bật, tất cả chúng tôi đều là những người bình thường, những người mà chờ đợi một thiên đàng tức khắc của những con người được khai sáng hiếm có, thì sự va chạm với thực tế đang bắt buộc chúng tôi phải cảm thấy nghiêm túc và thâm ậm cần thận . Timh thoảng Krishnamurti trích dẫn một câu nói nổi tiếng mà hàm ý điều này, “Chúng ta gặp gỡ kẻ thù – nó là chúng ta.”

*

Năm trước hai hiệu trưởng phụ trách Oak Grove School, một người cho công việc điều hành, một người cho những vấn đề giáo dục. Vào ngày 21 tháng hai năm 1984, hai hiệu trưởng lái xe đến phi trường đón Krishnamurti, Mary Z., và David và Saral Bohm. Nó là lần duy nhất mà, bởi một trùng hợp hiếm hoi, Krishnamurti và David đến LAX tại cùng thời gian. Và cũng bất thường đối với chúng tôi, ủy ban nghênh đón, khi chào mừng hai người bạn vĩ đại cùng một lúc dưới cây tiêu đó.

Krishnamurti khá mệt mỏi và không đến dùng bữa ăn trưa ngày hôm sau. Nhưng ngày sau đó ông tham gia cùng chúng tôi tại bàn ăn trưa và có một lúc đã kể cho chúng tôi câu chuyện vui mà ông vừa mới nghe.

“Bạn có lẽ đã nghe chuyện vui này – về việc đặt tên đứa trẻ thiêng liêng ở Bethlehem,” ông bắt đầu. “Đứa trẻ ở trong máng lừa, được vây quanh bởi những con bò và những con cừu, trong khi người mẹ của đứa trẻ, Mary, và người cha Joseph đang bàn bạc phải đặt cho em bé tên gì. Solomon được gợi ý, Mosex, và David, nhưng họ không hoàn toàn đồng ý. Ngay lúc đó, nhóm Magi, ba người tiên tri từ phương Đông, bước vào chuồng lừa. Bày tỏ sự cung kính đến đứa trẻ

vừa mới sinh ra, họ đặt những vật biếu tặng gồm hương trầm và nhựa thơm trước mặt em bé. Người thứ ba, rất cao lớn, quỳ xuống để dâng quà biếu bằng vàng của ông ấy. Khi ông ấy đứng dậy, ông ấy đập đầu vào những cái xà thấp của chuồng lừa và kêu lên trong đau khổ ‘Jesus Christ!’ Mary quay về phía Joseph và nói, ‘Đó là một cái tên đẹp. Đó là cái tên mà chúng ta sẽ gọi nó.’”

Trong khi chúng tôi vẫn còn đang cười, ông nhìn quanh bàn ăn và xin lỗi, “Tôi mong rằng tôi không đang lãng mạ bất kỳ ai.”

Một trong những ủy viên hỏi ông về thời gian ông ở Ấn độ. Ông chỉ vắn tắt đưa ra những dấu hiệu về chương trình bận rộn của ông và những khó khăn ông bất ngờ gặp phải ở đó, trước khi chúng tôi ngừng lại cho ngày hôm đó.

Suốt bữa ăn trưa ngày hôm sau, thứ sáu ngày 24 tháng hai, David Bohm bắt đầu một nói chuyện bằng cách đưa ra một nghi vấn cho Krishnamurti, người đang ngồi bên cạnh. Có vẻ ông ấy có rất nhiều nghi vấn cốt lõi trong cái trí của ông ấy và háo hức hình thành hẳn thâm nhập cùng Krishnamurti. Một trôi chảy minh mẫn của ý nghĩa bắt đầu chuyển động giữa hai cái trí, giống như những con sóng dồn dập từ bờ phía này sang phía kia. Nhiều người, kể cả tôi, cảm thấy thừa tự tin để góp phần vào nói chuyện. Việc này thêm vào động lực của đối thoại, mang tất cả chúng tôi lại cùng nhau trong cùng một chuyển động. Tính tự nhiên của đối thoại làm tăng thêm cảm thấy của cùng nhau. Bắt đầu bằng một câu hỏi đơn giản và một trả lời đơn giản, nó mau lẹ nhận vào trọng lượng và chiều sâu của sự nghiêm túc không hạn lượng.

Erna Lilliefelt chắc chắn đã nhận thấy một cái máy ghi âm dưới cái quây bên cạnh cửa sổ. Bà nghiêng về phía tôi và thì thầm, “Tại sao chúng ta không ghi âm đối thoại này?”

Tôi thì thầm đáp lại, “Vâng, một ý tưởng hay – nhưng chúng ta không có một cái tape trắng.”

Bà kiên quyết, bởi vì khuynh hướng tự nhiên của bà, “Chúng ta không thể có một cái tape hay sao? Có lẽ chạy qua văn phòng?”

Trong khi đó, Krishnamurti và David ~~đ~~ định thành nghi vấn, “Liệu có một tầm nhìn toàn cầu? Và nó hàm ý điều gì?”

Đây là một nghi vấn mà tôi quan tâm sâu thẳm, đặc biệt là lúc này tôi đang giảng dạy một khóa học tại trường trung học được gọi là ‘Những công việc của thế giới đương đại’, mà liên quan trực tiếp đến chủ đề này. Trong một tích tắc tôi trải nghiệm sự chống đối bởi viễn cảnh của mất một cơ hội để là một bộ phận của đối thoại khai sáng này. Sau đó bỗng nhiên tôi ~~l~~ lại và thì thầm với Erna, “Tôi còn vài ~~cu~~ băng trong phòng của tôi. Tôi sẽ đi lấy chúng thật mau.”

Tôi chỉ cần mất một phút để quay lại với hai cuộn băng trắng.

Sự thâm nhập vào tình huống của con người toàn cầu tiếp tục trên bàn ăn với những cái đĩa bản thiu của chúng tôi. Sự chú ý của mọi người được tập trung vào hai người bạn, mà những năng lượng của họ đã được bao bọc mãnh liệt, mặc dù họ trao đổi những quan điểm của họ bằng sự thanh thản lịch sự.

Trong chốc lát tôi cảm thấy bối rối, khi tôi bắt đầu đặt cái máy thâu băng, ngay ~~t~~ cạnh Krishnamurti và David . Họ ngừng lại những bàn cãi và quay nhìn tôi bằng những diễn tả hơi hơi thắc mắc lẫn vui vẻ trên những khuôn mặt của họ. Có một không gian của yên lặng. Để che giấu sự bối rối của tôi, tôi mau lẹ hỏi họ, “Tôi hy vọng các ông không phiền khi tôi ghi lại đối thoại này.”

Không ai trong hai người thấy bất kỳ lý do nào để phản đối sự yêu cầu của tôi và ra dấu sự đồng ý của họ bằng một cái gật đầu gọn, trước khi quay lại chủ đề đang thâm nhập. Tôi nhét cuộn băng trắng vào máy và ấn nút ghi lại. Những bánh xe nhỏ bắt đầu quay.

“Làm thế nào người ta có thể chuyển tải một tầm nhìn toàn cầu sang những học sinh của người ta?” Krishnamurti hỏi, trầm ngâm ngừng lại một chút xíu trước khi ông tiếp tục. “Chúng ta thực sự có ý gì qua từ ngữ ‘tầm nhìn toàn cầu’? Liệu người ta có thể sống cùng sự nhận biết của một tầm nhìn toàn cầu mà người ta có được như thế?”

“Chắc chắn, một tầm nhìn toàn cầu phải có liên quan đến tổng thể, tình trạng tổng thể của sự sống,” David gợi ý.

“Vâng, thưa bạn, không bị tách rời; không thấy và suy nghĩ một điều, nói một điều khác, và tiếp theo làm việc gì đó hoàn toàn khác hẳn.”

Chúng tôi thêm vào nhưng không có giá trị bao nhiêu cho đối thoại. Tại một mấu chốt, Krishnamurti hỏi David, “Thưa bạn, liệu bạn nghĩ rằng có thể có cái gì đó giống như một tôn giáo toàn cầu?”

Trong một khoảnh khắc có sự phấn khởi nhưng cũng cả tiếng cười, bởi vì chúng tôi hình dung một hình thức có tổ chức của tôn giáo toàn cầu. Nhưng chẳng mấy chốc nó trở nên rõ ràng rằng Krishnamurti khước từ bất kỳ lời gợi ý nào nói ra tùy hứng và không hiểu rõ, đặc biệt khi nó được gợi ý rằng lời giảng của ông thiết lập nền tảng cho một cơ cấu khắp thế giới. Nhận thức đó là một kinh tởm đối với ông và hoàn toàn trái ngược điều gì ông có trong cái trí.

“Chúng ta muốn khiến cho con người được tự do,” ông tuyên bố bằng trạng thái nghiêm túc vô cùng, “không sáng chế những công cụ cho anh ấy.”

David vạch rõ rằng những tôn giáo khác nhau khắp thế giới đã bắt đầu bằng một ý định của giành cho tổng thể của nhân loại và mang lại cùng nhau tất cả những con người. Nhưng cuối cùng mỗi hệ thống niềm tin có tổ chức đều khẳng định đã sở hữu sự thật, loại trừ tất cả những tôn giáo khác, và kết cục đã tạo ra sự phân chia, xung đột và đau khổ không kể xiết suốt dòng lịch sử. Một cách thực tế, ông ấy phát biểu rằng nghi vấn, ‘Nên có một tôn giáo toàn cầu?’ là quá lý thuyết và, vì vậy, không gây lợi lộc cho sự thâm nhập. Krishnamurti bày tỏ sự đồng tình với sự nhận xét của ông ấy, và chúng tôi để nghi vấn lại ở đó. Chúng tôi nhất trí đứng dậy khỏi bàn ăn và mang những chén đĩa bẩn của chúng tôi vào nhà bếp. Dường như có một ràng buộc lạ lùng mà hợp nhất tất cả chúng tôi cho khoảnh khắc đó. Tất cả mười sáu người chúng tôi đã cùng nhau thâm nhập cái gì đó, đã là một cái trí trong hai tiếng đồng hồ vừa qua, một phần lớn nhờ vào hai người xúc tác đó.

Hiệu trưởng và tôi bàn bạc vấn đề phải làm gì với máy ghi âm và sự ghi lại. Mặc dù chúng tôi không chắc chắn liệu sẽ có một thâm nhập vào đối thoại bất thường tốt đỉnh này, chúng tôi đồng ý rằng tôi tiếp tục việc ghi lại cho những ngày tiếp theo, vì e rằng một cơ hội tương tự như thế sẽ nảy sinh lại. Đã có nhiều cuốn băng ghi lại của Krishnamurti, Dr. Bohm và những người khác trong đối thoại, nhưng những vị trí luôn luôn được sắp xếp theo thực tế một cách cẩn thận. Ở đây, lần đầu tiên, chúng tôi đã ghi lại một đối thoại mà hoàn toàn xảy ra một cách tự nhiên – một nói chuyện tại bàn ăn trưa mà vẫn chưa có chiều sâu và lãnh vực trọn vẹn của sự thâm nhập.

*

Ngày hôm sau là một ngày thứ bảy, và tôi chờ đợi khoảng chừng hai mươi người khách cho bữa ăn trưa. Trước khi bắt đầu sự chuẩn bị bữa ăn trong buổi sáng. Tôi sắp xếp máy ghi âm, để cho tôi có thể ngay lập tức, nếu và khi một đối thoại khác diễn ra.

Krishnamurti nhìn thẳng David, mà vẫn còn đang nhai những miếng thức ăn cuối cùng, và hỏi bằng một mím cười thật nhanh, “Được rồi, thưa bạn, chúng ta sẽ tiếp tục nơi chúng ta đã để lại ngày hôm qua chứ?”

Uống một ngụm nước súc miệng, David mím cười thật rộng và yêu mến. Đẩy một bàn tay qua mái tóc dày nhưng bạc trắng của ông ấy, ông ấy trả lời, “Ồ, vâng. Chúng ta đã đề cập đến đâu ngày hôm qua rồi?”

Thật ra, họ phát giác rằng họ đã bỏ lại tại một mấu chốt mà sẽ chẳng có ý nghĩa gì khi tiếp tục vượt khỏi nó. Thâm nhập của ngày hôm qua vào tôn giáo toàn cầu đã được bỏ lại trên bậc cửa của ý thức cá thể. Vấn đề hóc búa duy nhất là, Krishnamurti giải thích lặp đi lặp lại đầy thuyết phục rằng không có ‘cá thể’ như thế. Ông nói, “Chúng ta không là những cá thể. Từ ngữ ‘cá thể’ có nghĩa ‘không bị phân chia’. Nhưng chúng ta là những con người tách rời, phân chia, cả phía bên trong và giữa chúng ta; vì vậy, chúng ta không là những cá thể.”

Tôi có thể theo sát bàn luận của ông và nắm bắt nó một cách trí năng, nhưng tôi không thể thấy nó như một sự kiện vững như bàn thạch. Rõ ràng, để có thấu triệt này trong ngữ cảnh của ‘bạn là thế giới, và thế giới là bạn’ đòi hỏi một nhận biết tinh tế vượt khỏi.

Tôi quan sát Krishnamurti, đúng như ông đang cân nhắc một nghi vấn trong cái trí của ông. Ông hoàn toàn và cẩn thận lưu ý David và cuối cùng hỏi, “Chân thật là gì, thưa bạn?”

Và rất thường xuyên, hình thức và nội dung của điều gì ông nói rất đơn giản, nhưng có một ý nghĩa thăm thẳm hơn – mà vượt khỏi những từ ngữ – được chuyển tải không từ ngữ. David không thâm nhận nghi vấn nhẹ nhàng lắm, ông ấy cũng không bị lôi cuốn để công hiến một đáp án mau lẹ, dễ dàng. Ông bắt đầu bằng cách cẩn thận cân nhắc gốc rễ nguyên của từ ngữ ‘chân thật’. Có một chất lượng vui đùa đối với loại thâm nhập này, mà cả Krishnamurti và David đều ưa thích sử dụng, và chỉ có sự kết hợp của vui đùa và nghiêm túc này mới cho phép ý nghĩa thực sự nở rộ trọn vẹn. David có một khả năng lạ thường của thuộc lòng những từ ngữ, những gốc rễ của chúng, và những nghĩa lý gốc của chúng. “ ‘Honesty’ Chân thật,” ông giải thích, “có liên quan đến và có cùng nghĩa lý cơ bản như từ ngữ ‘honor’ danh dự. Và ‘danh dự’ có nghĩa là ‘cao quý, trịnh trọng, thanh danh, kính mến, đền ơn và danh tiếng tốt.’ ”

Krishnamurti nhắm mắt nghi ngờ, không phản đối nhiều lắm đến những định nghĩa gốc nhưng không chấp nhận những nghĩa lý của nó cho sự thâm nhập lúc này. “Không, thưa bạn, đó là điều gì những người chính trị quan tâm – bạn biết, thanh danh, tiếng tốt và mọi chuyện của nó, trong khi thật ra họ liên tục lừa dối, tham vọng và giả dối.”

“Ồ,” David nói, “nghĩa lý của chân thật, như lúc này chúng ta hiểu nó, là ‘thẳng thắn, tin cậy, nguyên vẹn.’ ”

Điều đó có vẻ hiệp thông cùng Krishnamurti về ý nghĩa thực sự của từ ngữ ‘chân thật’, bởi vì dường như ông có ý định thiết lập một liên quan giữa nó và sự thật, cách cư xử đạo đức, và không lừa dối.

Nửa chừng của đối thoại, bỗng nhiên Krishnamurti ngừng lại và nhìn David bằng một diễn tả ngạc nhiên, “Bạn có một gặp gỡ tại trường chiều nay, đúng chứ?”

David yên ắng gặt đầu và Krishn amurti tiếp tục, “Ồ, gần ba giờ rồi. Chúng ta nên ngừng lại, bạn không nghĩ như vậy sao?”

Krishnamurti đã khuyến khích David thực hiện nhiều gặp gỡ bàn luận cùng cả những giáo viên trường và những ủy viên Foundation khi ông ở tại Ojai, mà năm nay chỉ kéo dài hai tuần lễ. Không có bất kỳ ý thức nào của sự ganh đua, ông nâng người bạn lên, thăng hoa những mô tả ích kỷ, tầm thường mà được thiết lập quá dễ dàng bởi mọi quan liêu qui tắc. Ngày hôm sau, ông đi David, “Nó diễn biến thế nào đây?” Và David đưa ra những tóm tắt của gặp gỡ.

*

Chúng tôi kiểm soát những ghi lại từ hai đối thoại tại bàn ăn trưa nhưng phát giác chất lượng âm thanh rất kém. Vì vậy, chúng tôi thay đổi máy ghi âm cũ bằng một kiểu mới hơn. Nó là một cái máy ghi âm có tính cách lịch sử: Krishnamurti đã sử dụng nó cho những bài đọc một mình của ông, được xuất bản dưới tựa đề *Krishnamurti to Himself Krishnamurti Độc thoại*. Không hiểu vì sao, tôi cảm thấy ngất ngây khi được sử dụng cái máy tiên tiến này.

Lúc này, những đối thoại trở nên nghiêm túc hơn. Một trong những ủy viên sẽ giới thiệu nó bằng cách nói vào cái microphone đặt tại bàn, “Ngày 26 tháng hai năm 1984: bàn luận nơi bàn ăn sau bữa ăn trưa tại Arya Vihara, Ojai, California, giữa Mr. J. Krishnamurti, Dr. David Bohm và những người khác.” May thay, ý thức của th âm nhập đang trôi chảy tự do và sự tham gia không bị cấm đoán bởi những người hiện diện đều không bị ảnh hưởng bởi những trịnh trọng hình thức này.

Hôm đó là ch nhật, và có mười chín người khách quanh bàn ăn. Trong khoảnh khắc, mọi người dường như được sở hữu một ý thức của thanh thản, không bị bận tâm bởi bất kỳ những ràng buộc ngoại lai nào mà không liên quan đến nghi vấn đang đề cập. Tại cuối bữa ăn trưa, Krishnamurti thì thầm cùng David – như thể đến lúc này nó là việc tự nhiên để làm, “Chúng ta sẽ bắt đầu chứ?”

Và họ thâm nhập ngay vào đối thoại, trong khi một số người khách vẫn còn đang dùng muỗng để ăn món tráng miệng của họ, kem. Không ai trong họ có một nghi vấn được hình thành từ trước. Thật ra nó như thể họ đang dạo bộ dọc theo một con đường nhỏ trong rừng có ánh sáng lốm đốm, nói chuyện về những khuôn mẫu phổ biến của sống và ý thức.

Krishnamurti sử dụng sự tương đồng của ‘thủy triều ra vào của sự sống’. Cả hai đều đồng ý rằng những chuyển động của sự sống là hợp nhất và cùng bản chất – những chuyển động ra và những chuyển động vào của ý thức là một và giống y hệt, như những thủy triều của đại dương là những chuyển động của cùng nước, chỉ khác biệt trong phương hướng của dòng chảy. Cái bên ngoài tạo ra cái bên trong; cái bên trong gây ảnh hưởng và định hình cái bên ngoài. Cái nào trong hai cái này hiện diện trước và thống trị cái kia là nghi vấn nan giải hiện diện vĩnh viễn của con gà và quả trứng. Thật ra, tại một khoảnh khắc gây ấn tượng nhất trong đối thoại, Krishnamurti gợi ý rằng không có ‘bên trong’, ít ra trong ý nghĩa mà chúng ta thường nghĩ về nó. Nếu bất kỳ ‘bên trong’ thực sự nào hiện diện, nó là cái không biết được và không thể biết được. Sau sự cân nhắc nào đó, cả hai đều đồng ý về mấu chốt cốt lõi này.

Tôi vừa bị kinh ngạc lẫn cảm thấy huyền bí bởi sự xác định này. Mặc dù tôi không thể nắm bắt được cốt lõi của nó,

tôi thoáng thấy vừa đủ sự thật của nó đến độ phải áp ủ nghi vấn.

Krishnamurti tiếp tục thâm nhập lãnh vực của đang sống hàng ngày bằng cách dò dẫm vào hành động đúng đắn. Nó là hành động mà trong chính nó không chứa đựng hạt giống của sự phân chia và không trọn vẹn và, vì vậy, được tự do khỏi sự đòi hỏi của điều chỉnh thêm nữa. Như ông giải thích nó, “Liệu tôi có thể sống mà không có một vấn đề? Liệu tôi có thể được tự do để nhìn ngắm và quan sát?”

Đang đưa ra nghi vấn một cách phủ định xóa sạch vô vàn những hình thành tích cực của cái gì cấu thành hạnh phúc, khai sáng, vân vân. Như ông vạch ra, “Những bộ não của chúng ta, từ niên thiếu, đã được đào tạo để giải quyết những vấn đề. Nhưng chúng ta đã tạo ra hầu hết những vấn đề mà khiến cho chúng ta phải đương đầu. Những vấn đề là một hình thức của kích thích; chúng ta nhận ngập chúng. Nếu không có bất kỳ vấn đề nào, chúng ta cảm thấy chết rồi.”

Ông đề nghị rằng chúng ta cần một bộ não hoàn toàn không bị bận tâm và được tự do khỏi mọi vấn đề với mục đích để giải quyết những vấn đề tự nhiên phát sinh – tại ngay khoảnh khắc nó xảy ra. Mặc dù nó nghe có vẻ giống như một bí ẩn liên hoàn, một câu tục ngữ ai cũng biết ‘Catch-22’, nhưng rõ ràng nó lại rất hợp lý và thực tế. Đối với hầu hết những người chúng tôi đang lắng nghe, dường như ông đang trao tặng một diễn tả của *cái khác lạ* tại đường chân trời sáng rực. Chúng tôi có thể thấy nó rõ ràng, nhưng làm thế nào đến được nơi đó? Cái gì ngăn cản chúng tôi không nắm bắt được điều gì ông đang ám chỉ và, trong một cú chop hủy diệt, biến nó thành một thực sự tức khắc? Liệu có một khoảng cách, một rào chắn, mà gây biến dạng sự nhận biết của chúng tôi? Hay liệu nó đòi hỏi một hành động tổng thể, một tức khắc

không bị phân chia, phía bên trong, mà không **lỗi** vì sao chúng tôi không có khả năng?

Dường như chúng tôi đang ở trên một trục lăn. Đến lúc này, đối thoại sau bữa ăn trưa đã trở thành một điểm đặc trưng được thừa nhận. Hầu như những người khách đều chờ đợi tôi mang máy ghi âm ra để cho chúng tôi có thể được bắt đầu.

Nó là đối thoại thứ tư vào thứ hai ngày 27 tháng ba năm 1984, và Krishnamurti bắt đầu bằng cách hỏi David, “Thưa bạn, liệu có bất kỳ cái gì phía bên ngoài bộ não – ngoại trừ thiên nhiên?”

Trong đối thoại kế tiếp, mọi người gợi ý rằng chúng ta sống hầu như một cách loại trừ trong một thế giới của tạo tác riêng của chúng ta – thế giới bị thao túng, bị phân tích, bị diễn giải của sông hàng ngày của chúng ta, bị định hình và bị tạo ra bởi sự suy nghĩ. Từ những cái ghế chúng ta đang ngồi trên nó, cái bàn chúng ta vừa ăn xong, những chiếc xe hơi chúng ta lái trên những con đường thẳng băng, đến những sống nghề nghiệp và những hoạt động tương tác thuộc xã hội của chúng ta, và toàn bộ những tạo tác bên trong của những kỷ niệm và những ý tưởng – tất cả những việc đó được tạo ra bởi bộ não. Và mặc dù con người, qua dụng cụ của suy nghĩ, thao túng, trục lợi, và cố gắng kiểm soát thiên nhiên, chắc chắn tổng thể của thiên nhiên nằm phía bên ngoài của bộ não. Thiên nhiên là một bối cảnh rộng lớn hơn, ma thuật đó và mảnh đất mà từ đó chúng ta xuất phát và chúng ta thuộc về chỉ là những bộ phận nhỏ xíu. Thiên nhiên đã làm tiến hóa bộ não.

Cuối cùng, Krishnamurti hỏi, “Liệu có cái gì đó tách khỏi thiên nhiên và bộ não mà đã tạo ra tính thực tế riêng của nó? Liệu có cái gì đó mà hoàn toàn khác hẳn thuộc chất lượng?”

Khuynh hướng của tranh luận nhắc tôi nhớ lại mang máng về những đối thoại *The Ending of Time Đạn kết của Thời gian* cách đây bốn năm, bởi vì David đáp lại một cách gợi ý, “Có lẽ không-gì-cả là chất lượng đó, là tình trạng đó.”

Khi họ cố gắng định nghĩa cái mà không thể định nghĩa được tại cơ bản, họ coi như tương đương với tình yêu, sự thật và vẻ đẹp, và thấy nó như cái nguồn của sự chú ý. Lúc này, Krishnamurti chuyển động vào lãnh vực thực tế nhiều hơn bằng cách hỏi, “Liệu có thể làm trống không hoàn toàn bộ não khỏi nội dung thuộc tâm lý của nó?”

Đường như ông hàm ý rằng không-gì-cả không thể chứng tỏ, trở thành ‘đang sống’, có thể nói như vậy, cho đến khi đang **tống** không thuộc tâm lý này đã xảy ra, mà, dĩ nhiên, hàm ý một từ bỏ hoàn toàn của sự quan tâm về cái tôi, thậm chí sự triệt tiêu của cấu trúc cái ngã: ‘cái tôi’ và ‘cái tôi lệ thuộc’.

Hầu hết chúng tôi đều ngồi yên lặng, khi ánh mặt trời buổi chiều chiếu qua những cửa sổ có màn che và phản ảnh lại từ mặt bàn màu sẫm, không thể nói bất kỳ điều gì. ‘Làm thế nào? Làm thế nào?’, người ta muốn hỏi. Nhưng chúng tôi biết tốt hơn là không xin xỏ một phương pháp.

Bỗng nhiên, Saral nhớ rằng David có một kỳ đối thoại buổi chiều khác cùng nhân viên tại sảnh đường của trường. Chúng tôi đứng dậy khỏi bàn ăn mau lẹ, nghi vấn cốt lõi vẫn còn đang sống trong những cái trí của chúng tôi.

*

Nhiều ủy viên kiểm tra những đối thoại được ghi lại trên máy ghi âm rời và phát hiện chúng có chất lượng kém lắm. Những tiếng ồn hậu cảnh của đồ dùng trên bàn, những chiếc ghế xoay qua lại, những tiếng ục ục và những tiếng ho

đã biến dạng âm thanh. Họ đề nghị rằng chúng tôi nên sử dụng máy ghi âm Nagra có hai cuộn băng rời chất lượng tốt thường được sử dụng cho ghi lại những nói chuyện trước công chúng, những đối thoại và những phỏng vấn chính thức. Tôi cảm thấy sợ hãi về sự thay đổi này, bởi vì tôi sẽ phải sử dụng một cái microphone rời để thu nhận những tín hiệu âm thanh và headset để điều chỉnh những mức độ nghe của ghi lại. Ngoài ra việc lắp và chuyển những cuộn băng là một công việc khá nhạy cảm, không được dành cho người nào đó mà dễ dàng biến thành một người vụng về, giống như tôi.

Khi bắt đầu đối thoại sau bữa ăn trưa lần thứ năm, Krishnamurti nói đùa, “Trước khi chúng ta đi ngủ, chúng ta sẽ bàn luận điều gì đây?”

Dường như không người nào có một câu hỏi thích đáng trong cái trí của họ, vì vậy, sau một khoảng ngừng của sự yên lặng cố ý, ông hỏi một cách đơn giản, “Thoái hóa là gì?”

Sau một tìm hiểu vắn tắt về ngữ nghĩa, mà bộc lộ rằng ‘thoái hóa’ có nghĩa ‘bị tách rời, bị vỡ vụn’, chúng tôi xem xét những nguyên nhân thuộc lịch sử có thể được cho sự thoái hóa phổ biến của xã hội loài người.

Krishnamurti do dự khi cho phép ý tưởng của ‘xã hội’ vào đối thoại, bởi vì nó gợi ý một thực thể mà tách rời, bên ngoài, và cả độc lập lẫn vô danh. Luôn luôn, nó phủ nhận sự trách nhiệm riêng biệt của mỗi con người.

“Xã hội được sắp xếp vào chung bởi những con người, nó là điều gì chúng ta là,” ông quả quyết. “Xã hội không khác biệt chúng ta. Chúng ta là xã hội.”

Vẫn vậy, ông kiên quyết bám chặt bản thể và xác đáng của bàn luận của chúng tôi. Đối với ông, không có gì thuộc lý thuyết về nó. Khắc chặt máu chốt vào mỗi người chúng tôi đang có mặt tại bàn ăn, ông thay đổi cụm từ của nghi vấn thành một câu hỏi đơn giản, trực tiếp “Tại sao tôi thoái hóa?”

Ông đưa ra nghi vấn cho chúng tôi – rõ ràng ông cảm thấy rằng ông không thoái hóa. Tôi cũng không bao giờ đã chứng kiến bất kỳ thể hiện rằng ông có lẽ chia sẻ chất lượng hủy hoại và thông thường đó với những người còn lại của chúng tôi. Chắc chắn điều này khiến cho chúng tôi phải đối diện với nghi vấn, như trong một cái gương soi. Ông lặp lại nó liên tiếp, và sức mạnh không ngớt của tự thâm nhập vào chính chúng tôi có sẵn trong sự trình bày rõ ràng đơn giản này dồn chặt mỗi người vào bức tường. Bất kỳ đáp án nào mà chúng tôi lóe ra đều bị quét sạch bởi vì nó chỉ là sự lý luận thuần túy và sự biện hộ vòng vo.

David gợi ý rằng người ta đã mất đi niềm tin trong sự hợp nhất của xã hội. Người nào đó nêu ra sự dư thừa dân số và áp lực theo cùng bởi sự sinh tồn, sự tìm kiếm an toàn, và sự ganh đua. Nhưng Krishnamurti lặp đi và lặp lại quay về nghi vấn khởi đầu, không thỏa mãn bởi bất kỳ giải thích nào. Chia sẻ với mọi người ông hỏi, “Tại sao tôi đã trở thành như thế này? Tại sao tôi thoái hóa? Điều gì đã làm cho tôi thoái hóa?”

Tôi có thể quan sát trong chính tôi rằng người ta thực sự né tránh phải đặt ra một cách nghiêm túc nghi vấn này cho chính người ta. Có lẽ không nhiều người lăm tại bàn ăn, kể cả tôi, thực sự nhận biết được sự kiện của sự thoái hóa của họ. David thấy điều gì Krishnamurti đang nhắm đến và nói lại nghi vấn trong một hình thức khách quan, thực sự đối với phương pháp khoa học, “Làm thế nào sự thoái hóa gây ảnh hưởng bộ não?”

Tuy nhiên, Krishnamurti quả quyết đặt nó ngay trên bậc cửa của mọi người, “Tự đặt ra cho chính bạn nghi vấn đó: ‘Tại sao tôi thoái hóa?’”

Dò dẫm nguyên nhân bên trong của sự thoái hóa phổ biến này, ông do dự đưa ra nhiều đáp án, mà không ai trong chúng tôi đã từng ấp ủ.

“Liệu nó là hiểu biết?” ông hỏi. “Liệu nó là sự quan trọng lạ thường được trao cho mảnh trí năng?”

Dường như ông không bao giờ hoàn toàn sẵn sàng để chấp nhận một đáp án, ngay cả của riêng ông. Ông vẫn còn trong trạng thái của không-đang-biết; ông tiếp tục dò dẫm, thúc giục, nghi ngờ, không bao giờ cho phép bất kỳ sự hình thành một lý lẽ, dù hợp lý ra sao, để trở thành một kết luận. Đối với ông, một kết luận là một kết thúc chết rồi. Cuối cùng, sau khi ấp ủ i nghi vấn, “Tại sao tôi thoái hóa?” giữa hai mươi và ba mươi lần qua một thời kỳ dài hai tiếng đồng hồ, ông thực hiện một đột phá khủng khiếp mà dường như chỉ có mình ông mới có thể làm được. Nó là một đoạn kết không thể tưởng tượng được, không được suy nghĩ từ trước của một nghệt thờ tâm lý xuất thần, mà trong nó tất cả chúng tôi đều là những người tham gia, những nạn nhân, những thủ phạm gây ra. Và một cú bẻ quặt 180 độ từ mặt phẳng nằm ngang đến mặt phẳng thẳng đứng, chuyển tải sự rõ ràng và đơn giản, là cái gì đó mà không người nào trong chúng tôi đã hình dung.

Thậm chí như thế, ông cố gắng không khẳng định rằng ý kiến của ông là đúng đắn. Về đẹp của nghi vấn nằm trong đang chất vấn nghi vấn hay khác hơn, động cơ phía sau nó. Ông gợi ý rằng mong muốn một kết luận – mà cốt lõi là hàm ý đang biết nguyên nhân, mà kế tiếp luận phiên sẽ trở thành hiểu biết – chính nó là sự thoái hóa. Mong muốn tìm ra nguyên nhân của một nghi vấn là cùng sự việc. Cái mà đã và đang gây ra sự thoái hóa, đó là, suy nghĩ và hiểu biết, cũng đang thâm nhập nghi vấn.

Liệu đây là một trường hợp của dẫn dắt đối thoại *ad absurdum giảm đến vô lý?*, tôi tự hỏi mình. Hay liệu nó là vẻ đẹp của một thâm nhập vào *cái gì là*, một chuyển động từ không-gì-cả vào không-gì-cả? Để làm minh bạch một cách tích cực mâu chốt mà ông đang thực hiện – và tôi nghĩ ông tuyệt đối có ý ề điều gì ông nói tại khoảnh khắc đó – Krishnimurti đơn giản phát biểu, “Tôi không muốn biết.”

Ai có thể theo kịp điều đó?

*

Ngày hôm sau, 29 tháng hai, không đối thoại xảy ra suốt bữa ăn trưa. Có ẽ mọi người cần một hơi thở, hoặc có một nhu cầu để rơi vào thực chất của vấn đề, bởi vì chỉ có vấn đề tiền bạc được bàn luận. Ngày sau ngày đó, tuy nhiên, Krishnamurti sẵn sàng cho một kỳ đối thoại khác cùng David Bohm và sự kết hợp của những cái trí phụ của chúng tôi. Bắt đầu bằng một trong những câu hỏi ra vẻ đơn giản của ông, mà tuy nhiên ại có tiềm năng của dẫn dắt đến cái công vào của sự thật, ông hỏi, “Thời gian là gì?”

Có nhiều giải thích, định nghĩa khác nhau, và những quan điểm liên quan hời hợt được đưa ra, nhưng ông có ý định thực hiện sự thâm nhập một cách thực tế, liên quan đến cá nhân, và ngayúc khắc. “Thời gian có nghĩa gì đối với bạn?” ông muốn biết.

Khi chúng tôi nói ra những nhận thức của chúng tôi, nhiều khía cạnh của thời gian dần dần được phơi bày. Có quá khứ, hiện tại, tương lai, trở thành, tiếp tục, chết, thay đổi, bắt đầu và chấm dứt, ký ức, suy nghĩ và hiểu biết, và ngay lúc này. Nhưng ông muốn thâm nhập sự kiện hàng ngày của thời gian, sự thực tế phức tạp hay đơn giản của nó. Ông muốn chúng tôi nhìn ăt sâu thẳm vào những cái trí riêng của

chúng tôi, không phải một cách lý thuyết nhưng thực tế, trong khi chúng tôi đang nói và đang lắng nghe. Cuối cùng, ông phát biểu, giống như một người ảo thuật mà khiến cho mọi thứ biến mất, “Chỉ có sự thay đổi nếu có sự kết thúc. Nếu tôi tìm kiếm sự thay đổi, không có thay đổi. Thế là, tôi sẽ không tìm kiếm nó. Kết thúc không một tương lai có nghĩa không thời gian.”

Tôi nghĩ chúng tôi đã hiểu rõ điều gì ông có ý đến hết mức độ mà từ ngữ và ý nghĩa có thể diễn tả; nhưng tại mức độ cơ bản, nơi từ ngữ và ý nghĩa không khác biệt, dường như không người nào trong chúng tôi hoàn toàn hiện diện ở đó. Một khoảnh khắc ngắn ngủi của sự yên lặng đến trước sự ồn ào của những cái ghế đang được di chuyển và những tiếng leng keng của muỗng nĩa khi chúng tôi đứng dậy rời bàn ăn.

*

Ngày hôm sau, Krishnamurti và Mary Z. đi Los Angeles, và không có bữa ăn trưa. Nhưng vào thứ bảy ngày 3 tháng ba, tôi ghi lại một đối thoại sau bữa ăn trưa khác giữa Krishnamurti, David, và nhiều ủy viên và giáo viên khác. Nó khác biệt một cách cụ thể với sáu nói chuyện trước, cả về chủ đề lẫn về chất lượng. Thật ra, bởi vì sự quan trọng của chủ đề rất đặc biệt và nhạy cảm, David chỉ nói một cách tối thiểu.

Ngôi trường đã và đang trải qua nhiều khó khăn. Những khách ăn trưa chủ yếu là những giáo viên và những ủy viên, và mọi người dường như quá bận tâm bởi những phàn nàn và những chê trách mới đây. Ngày hôm trước, Krishnamurti đã nhận được một lá thư phàn nàn nghiêm trọng từ một nhóm phụ huynh, và ông khá bức dọc. Khi chúng tôi đang nói về vấn đề đó, ông có vẻ trở nên giận dữ hơn, thách thức dữ dội tất cả chúng tôi, những người mà nói

ra có vẻ biểu lộ sự hối tiếc và tự thỏa mãn với công việc của họ. Khi người nào đó thường thường khá gần gũi ông nói về sự tin cậy, mất kiên nhẫn ông quay về bà ấy bằng những từ ngữ, “Bạn có ý gì qua từ ngữ tin cậy? Tại sao tôi phải nên tin cậy bạn?” Nó giống như một đấu tranh bằng từ ngữ mà trong đó không người nào được cho phép trốn chạy bằng một lời nhận xét cầu thả.

Vấn đề của ngôi trường không giải quyết xong. Những câu hỏi là làm thế nào để xây dựng nó, đặc biệt với truyền thống mới đây của một trường trung học; ai phụ trách và chịu trách nhiệm; làm thế nào để gắn liền với phụ huynh; những lời giảng của Krishnamurti có vai trò gì trong những công việc của trường, và liệu chúng có mâu thuẫn với những môn học của trường? Krishnamurti bàn luận những vấn đề này cùng những ủy viên, những phụ huynh và những giáo viên lặp lại nhiều lần suốt những tháng kế tiếp. Không có giải pháp dễ dàng; nó là một công việc liên tục của tình yêu, nếu nó muốn tạo ra bất kỳ khác biệt nào.

*

David và Saral Bohm rời sáng hôm sau, ngày 4 tháng ba để gặp gỡ những cam kết riêng của họ. Vì vậy, họ không tham gia Những Nói chuyện Ojai 1984. Thực sự, hóa ra ằng sáu nói chuyện bất thường tại bàn ăn trưa này tại Arya Vihara là chính những đối t hoại được ghi lại cuối cùng giữa Krishnamurti và David – một gặp gỡ của những cái trí lỗi lạc, một đạo bộ hiếm hoi của hai người bạn vĩ đại dọc theo những con đường có bóng mát của sự sống.

Chương 19

SÁNG TẠO

Món khai vị

Xà lách xanh lật qua lại với nước sốt dầu ô liu và gia vị hoặc nước sốt tỏi.

Xà lách Hy Lạp, chế biến bằng những khoanh cà chua, hành, ớt chuông, bày biện cùng quả ô liu và phó mát sữa cừu.

Xà lách Ấn Độ-Hy Lạp, với yogurt, bột thìa là và rau mùi tây.

Món chính

Súp măng tây.

Moussaka chay, chế biến bằng những tầng của cà tím, lúa mì bulgur và quả óc chó, với một nước sốt bechamel, tăng mùi thơm bằng quế.

Bí xanh trong nước sốt cà chua.

Món khai vị

Kem quả hồng, chế biến bằng quả hồng Kaki chín và kem.
Trái cây tươi theo mùa.

Nó là một sự kiện bất thường lắm. Krishnamurti đã được mời để thực hiện một nói chuyện tại trung tâm được điều hành bởi chính phủ National Laboratory Research Center ở Los Alamos, New Mexico, nơi ra đời của quả bom nguyên tử và kỹ nguyên nguyên tử. Bốn mươi năm trước, Richard Feynman đã làm việc ở đó về dự án Mahattan mà David Bohm hầu như đã tham gia.

Vào ngày 20 tháng ba năm 1984, Krishnamurti nói chuyện cùng hàng trăm người khoa học thường trú về ‘Sáng tạo trong Khoa học’. Mặc dù ông không phủ nhận hoàn toàn khả năng của sáng tạo trong lãnh vực khoa học, ông lịch sự gợi ý rằng điều gì ông nghĩ là sáng tạo sẽ không thể nở hoa trong vị trí hiện nay. Ngày kế tiếp, ông trả lời những câu hỏi-trả lời liên quan đến cùng chủ đề bởi những người vật lý tụ họp lại.

Suốt bữa ăn trưa vào ngày ông quay lại Ojai, ông và Mary Z. kể lại vài ấn tượng về chuyến đi ba ngày đến Indian Country cho vài người chúng tôi quanh bàn ăn. Cuối cùng ông trầm ngâm, “Tôi không hiểu liệu có bất kỳ điều gì chúng ta nói đã gây ảnh hưởng họ. Những người khoa học quá bám rễ trong hiểu biết, luôn luôn đang thu lượm nhiều hơn và nhiều hơn. Làm thế nào họ gạt bỏ tất cả những điều đó?”

Một ủy viên phụ nữ gợi ý, “Nhưng, Krishnamurti, chắc chắn phải có ít nhất một hay hai người trong họ mà thực sự lắng nghe ông. Và có lẽ một số trong những điều gì ông đang nói đã xuyên thủng hàng rào của hiểu biết, và vài hạt giống được thả lại ở đó.”

“Điều đó nhắc tôi nhớ về một câu chuyện hay mà tôi vừa mới nghe được,” ông nói. “Và, làm ơn, tôi không đang so sánh những người khoa học với những người trong câu chuyện, mà liên quan đến những người ăn trộm.”

Tất cả chúng tôi bắt đầu cười bởi cách hài hước mà ông giới thiệu khi kể câu chuyện.

“Đó là một gia đình của những người ăn trộm, và họ đã là những người ăn trộm trong nhiều thế hệ. Người cha thường đưa hai đứa con trai ra ngoài để hành nghề và dạy chúng ăn trộm như thế nào. Sau một vụ trộm lớn, ông thường đi đến nhà thờ với chúng và cảm ơn Thượng đế về sự rộng lượng của ngài và thắp sáng những cây đèn cầy trong nhà thờ, bởi vì đây là tâm nguyện của họ. Thế là vào một ngày họ đang quay lại từ một vụ trộm cấp thành công, túi của họ đầy tiền và những nữ trang ăn cắp được, và đang băng qua quảng trường lớn trước nhà của họ. Một đám đông người đang tụ tập và lắng nghe một người đàn ông đang giảng đạo. Khi người đàn ông nghe điều gì vị giáo sĩ đang giảng, ông bảo hai cậu trai, ‘Mau lên, bịt chặt hai tai lại!’ Một trong hai cậu vâng lời, nhưng đứa con còn lại tò mò muốn biết vị giáo sĩ đang giảng điều gì. Và vị giáo sĩ đang giảng cho những người lắng nghe ông, ‘Rất sai trái khi trộm cắp và cướp bóc những người khác. Đừng bao giờ gây tổn thương một con người, nhưng hãy tử tế với nhau.’ Cậu ấy nghe những từ ngữ đó nhưng tiếp tục sống hết cuộc đời của cậu ấy như một người trộm cắp. Và cậu ấy sống trong đau khổ và xung đột liên tục suốt phần còn lại của cuộc đời.”

“Nhưng liệu cậu ấy không thể thay đổi sống của cậu ấy và từ bỏ việc trộm cắp và cướp bóc, hay sao?” tôi hỏi.

Krishnamurti quay về phía tôi, và tôi cảm thấy một cơn sóng mãnh liệt của năng lượng. “Ê,” ông nói bằng giọng ngạc nhiên và sau đó mở rộng hai mắt của ông để diễn tả sự hài hước, “bạn không đang nắm bắt câu chuyện, Michael. Nó là sống của cậu ấy, nó là công việc kiếm tiền của cậu ấy.”

Người giáo viên ngồi bên cạnh tôi giải thích, “Câu ấy nghe sự thật nhưng không hành động dựa vào nó. Thế là, nó trở thành viên thuốc độc và hành hạ cậu ấy suốt sống sau đó.”

“Ồ, vâng,” tôi nói bằng một tiếng cười bối rối, “Tôi hiểu rõ điều đó. Nhưng nếu cậu ấy đã thay đổi sống của cậu ấy, nó sẽ không là một câu chuyện – hay nó sẽ?”

Một tuần lễ sau, ngày 29 tháng ba, Krishnamurti gặp gỡ những giáo viên của ngôi trường tại Pine Cottage lúc bốn giờ chiều. Vì lý do nào đó, nhiều câu hỏi về thức ăn và thực đơn ăn chay hàng ngày được đưa ra. Thức ăn là một chủ đề đã được đề cập đưa ra từ khi bắt đầu ngôi trường năm 1975, và nó cứ tiếp tục lại suốt những gặp gỡ giữa những giáo viên và phụ huynh. Tự nhiên, thức ăn là một quan tâm quan trọng, và nó cần được nói chuyện trong ngữ cảnh thích hợp của văn hóa, tình trạng bị quy định, sức khỏe và sống đúng đắn. Mặc dù không phải tất cả những ủy viên, cũng không phải tất cả những giáo viên, và chắc chắn cũng không phải tất cả những gia đình của các em đều là những người ăn chay, đã có một đồng ý từ ngày khai giảng trường phải duy trì một khuôn viên ăn chay. Chính Krishnamurti là một người ăn chay suốt sống của ông, không bao giờ ném thịt, cá, hay gia cầm, nhưng ông cũng không quan tâm đến chủ nghĩa ăn chay như một chủ đề thuộc giáo phái, một nguyên nhân, hay một phong trào. Tại một mẩu chốt ông đã giải thích rõ ràng câu hỏi, “Theo dinh dưỡng và khoa học, không cần thiết phải ăn thịt. Người ta có thể sống rất lành mạnh, và có nhiều năng lượng bằng cách dùng loại thức ăn đúng đắn. Mà có nghĩa không thịt.”

Nhưng ông quan tâm sâu sắc về vấn đề của những luật lệ bất đồng về ăn và không ăn thịt ảnh hưởng đứa trẻ như thế nào. “Ồ đây chúng ta nói, đừng ăn thịt. Các em quay về nhà, và toàn gia đình ăn nó. Đứa trẻ sẽ không bị hoang mang,

hay sao? Ở đây thế này, ở đó thế kia. Liệu chúng ta đang tạo ra sự xung đột bên trong cho em học sinh?”

Khi chúng tôi tiếp tục một bản luận sôi nổi về nó, mọi người thêm vào những ý kiến không quan trọng, Krishnamurti cứ đơn giản sự tiếp cận luận quần của chúng tôi, khai quang nhữ ng ý kiến thấp kém thuộc cảm xúc và cá nhân.

“Tôi đang dọn dẹp những boong tàu khi chúng ta đang thực hiện chuyến hành trình,” ông nói bằng một nụ cười hơi tinh quái. “Hãy quan sát, ~~ta~~ các bạn – hãy khiến cho nó thật đơn giản. Không *chủ nghĩa* ăn chay. Tôi không thích *chủ nghĩa* ăn chay. Tôi không là ~~ột~~ người theo chủ nghĩa ăn chay. Chúng ta không là những người ăn chay.”

Vài người chúng tôi hơi giật mình. Cái gì?

Ông nhận thấy ngay tức khắc và khai thông, “Không chủ nghĩa. Không có vị trí cho bất kỳ chủ nghĩa nào, bất kỳ giáo điều hay học thuyết nào. Đơn giản là tôi sẽ không giết chóc. Thật sai lầm khi giết chóc. Đó là tất cả.”

Chúng tôi ngồi đó trong sự yên lặng khai sáng. Bỗng nhiên mọi thứ trở thành đơn giản, minh bạch và hiển nhiên. Thấu triệt của ông đã cắt đứt những chướng ngại bám rễ chặt của ủng hộ hay chống đối, bệnh vực và phản đối – thật ra, đến ngay tâm điểm của vấn đề. Một yên lặng then thùng lan đầy căn phòng sáng sủa, và bằng sự yên lặng nhấn mạnh, ông thêm vào, “Giết chết một người khác là tội lỗi to tát nhất.”

Chúng tôi bị lơ lửng bởi một yên lặng thấm thía tinh tế; kế tiếp ngay lập tức ông châm thêm chút hài hước nhẹ nhàng vào bản luận, “Nhưng đừng đến gặp tôi và hỏi liệu có sai lầm khi giết chết những cây rau.”

Một nữ giáo viên ngay tức khắc cảm thấy bị thúc ép phải duy trì bản luận và hỏi, “Ồ, trong một cách, nó giống

như giết chóc, đúng chứ? Nếu tôi cắt bắp cải và súp lơ từ đất...”

“Nhưng thưa bạn, chúng ta cần phải sống! Bạn không chỉ sống dựa vào không khí và nước.” Một khoảng ngừng nhân mạnh. “Không, thưa bạn, bạn thấy, bạn tiếp tục bởi...này” Tiếng nói của ông nhẹ nhẹ rồi ngừng, để lại câu nói còn nở. “Nếu bạn là một người Eskimo và bạn sống trong những vùng đất hoang băng giá, bạn làm gì? Không có rau và tất cả những thứ đó. Thế là, bạn sẵn bản để tồn tại, đúng chứ?”

Không ai phản đối.

“Nhưng chúng ta ở California. Có tất cả mọi loại rau cỏ và trái cây quanh đây, quanh năm suốt tháng. Vì vậy, quá dễ dàng để sống với thức ăn chay hàng ngày và khỏe mạnh lẫn dư thừa năng lượng.”

Chủ đề lại được đưa ra suốt bữa ăn trưa thứ hai ngày 2 tháng tư. Tám người chúng tôi đang bàn luận về chủ nghĩa ăn chay, thuốc men, thuốc lá, rượu, và vân vân, và liệu ngôi trường có thể giải quyết những vấn đề này qua những luật lệ. Bởi vì thấy sự cần thiết phải có những luật lệ nào đó tại một trường học, chúng tôi tìm hiểu nghi vấn của làm thế nào tránh được sự xung đột mà chúng tạo ra trong những em học sinh.

Sáng chủ nhật sau, Krishnamurti gặp gỡ những giáo viên và thâm nhập sự kết thúc của thời gian, vạch rõ ăng hiểu biết là cái tôi. Nuôi dưỡng ảo tưởng rằng ý thức của cái tôi, cảm thấy dường như không thể thay đổi của nhân dạng không là gì cả ngoại trừ một mớ của những kỷ niệm mà cả đang làm tự do lẫn gây vui vẻ cho tôi.

Chỉ có sáu người chúng tôi cho bữa ăn trưa ngày thứ hai – nó là ngày của nghi lễ Academy Awards ở Los Angeles. Chúng tôi đang có một nói chuyện dễ dàng, thú vị,

một nói chuyện giữa những người bạn, đang nói về những trải nghiệm mà đã chạm vào lãnh vực của siêu nhiên, phép lạ và khả năng ngoại cảm.

“Tôi phải kể cho các bạn một câu chuyện đã xảy ra cho tôi ở Ấn độ cách đây lâu rồi,” Krishnamurti bắt đầu và nhìn chúng tôi bằng một diễn tả nghiêm túc. “Đây không là tưởng tượng nhưng thực sự. Một nhóm người chúng tôi đang ngồi trên một hàng hiên bằng đá nhìn ra một bãi cỏ và một cái vườn trồng hoa hồng nhỏ. Nó là một buổi chiều dễ thương, và chúng tôi đang nói chuyện thanh thản khi, ngay lập tức, người giúp việc đến và nói rằng người nào đó muốn gặp chúng tôi. Đó là một trong những *khất sĩ* nghèo nàn đi xin ăn khắp nơi, và ông ấy muốn biểu diễn cho chúng tôi việc gì đó. Vì vậy chúng tôi đồng ý. Ông ấy yêu cầu một tờ báo. Sau đó, ông ấy yêu cầu người giúp việc, đang cầm tờ báo, gấp nó lại ngay chính giữa, sau đó một lần nữa, và một lần nữa. Suốt thời gian này ông ấy đang ngồi kiết già trên bãi cỏ, bên phía đối diện những bụi hồng, cách chúng tôi khoảng mười hay mười lăm yard. Kế tiếp, ông ấy bảo người giúp việc đặt tờ báo đã gấp tại chân bậc thang dẫn đến hàng hiên. Ông ấy bảo chúng tôi nhìn tờ báo rất cẩn thận. Ông ấy chỉ đang ngồi đó, nhắm hai mắt lại, nhưng ông ấy không bao giờ tiếp xúc với tờ báo hay điều khiển nó. Khi chúng tôi đang nhìn tờ báo rất cẩn thận, nó bắt đầu co rúm lại. Nó từ từ trở nên nhỏ hơn và nhỏ hơn, cho đến khi ngay tức khắc nó hoàn toàn biến mất. Nó đã tan biến vào không khí. Nguyên tờ báo đã không còn nữa chỉ trong một vài khoảnh khắc.”

Krishnamurti chìa ra hai bàn tay thon thả, nhỏ nhắn và minh họa việc làm đó bằng cách chập hai lòng bàn tay vào nhau. Bỗng nhiên, khi chúng tôi bị xúc động, ông bắt thình lình giật mạnh nó ra. “Biến!” Ông nhìn kỹ những khuôn mặt

kỳ bí của chúng tôi. Mọi người đều có vẻ bị ấn tượng và không tin lắm.

Tôi có thể đã chất vấn sự kể lại của người chứng kiến một cách ngờ vực nhiều hơn, nếu nó đã không được kể lại bởi Krishnamurti. Thay vì thế tôi chỉ hỏi, “Nó hoàn toàn tan biến vào làn không khí mỏng tanh?”

“Tôi đang quan sát ông ấy và tờ báo như một con chim ung, và những người khác cũng đang quan sát toàn sự kiện đó rất cẩn thận. Tôi không thể hình dung được ông ấy biểu diễn nó như thế nào.” Như thể xác nhận độ tin cậy của những người cùng quan sát, ông thêm vào, “Không ai trong chúng tôi đã uống một ngụm rượu nào.”

Chúng tôi yên lặng trầm ngâm về câu chuyện đó, chờ đợi ông đưa ra một giải thích về biểu diễn ảo thuật đó, nhưng có vẻ không người nào sẵn sàng nói ra yêu cầu. Sau một khoảng thời gian yên lặng, tôi thắc mắc lớn tiếng, “Nhưng tại sao ông ấy đã làm như thế? Tôi có ý, tại sao ông ấy đã đến biểu diễn trò ảo thuật đó cho ông xem?”

“Tôi không chắc lắm,” Krishnamurti trả lời. “Có lẽ ông ấy bị cuốn hút bởi sự hiện diện của nhóm người, có lẽ bởi sự hiện diện của Krishnamurti. Sau đó chúng tôi biểu ông ấy tiền, nhưng ông ấy từ chối. Chấp nhận tiền bạc cho việc này sẽ khiến cho nó trở thành rẻ tiền, bạn biết.” Ông phác một cử chỉ tùy tiện như thể muốn cho biết rằng truyền thống của nhiều khát sĩ Ấn độ không nằm trong lãnh vực của tiền bạc.

“Nhưng liệu nó là thực sự?” Erna hỏi.

Ông cười ngắn đầy thú vị, “Ồ, có chứ, nó thực sự mà.”

Rõ ràng ông rất thích thú khi thấy chúng tôi ngẩn ngơ bởi sự huyền bí và để cho khía cạnh bí ẩn thấm vào ý thức của chúng tôi, mà hoặc là quá nhẹ dạ hoặc là hiếm khi nào dám bước ra khỏi sự giới hạn của nguyên nhân và hậu quả.

“Nhưng nó có ý gì?” người nào đó hỏi.

“Có lẽ nó không có nghĩa gì cả. Nhiều khát sĩ và người tập yoga ở Ấn độ có được một khả năng lạ thường khi tập luyện liên tục. Nếu bạn làm việc cùng nó hàng ngày bằng tất cả sức mạnh của bạn, bạn có thể thành tựu những việc kinh ngạc – bước trên than hồng, làm hiện ra và làm biến mất những thứ vật chất, nhịn ăn hàng tuần lễ liên tục, bay lên, nín thở thật lâu, và vân vân và vân vân. Và cuối cùng của nó, bạn hỏi, tất cả việc đó có nghĩa gì? Việc đó ra sao? Có sự khác biệt gì nếu bạn có thể ngồi trên những cây đinh hay nín thở nửa tiếng đồng hồ? Bạn thấy chứ, thưa bạn?”

“Nhưng tại sao họ trải qua mọi đấu tranh để có được những khả năng này?” tôi hỏi.

“À, điều đó rất đơn giản, đúng chứ? Thế là họ có sự quan trọng nào đó, có quyền hành, gây ấn tượng những người khác. Đối với một số người, như người đàn ông đó, nó là một tài năng đặc biệt và họ không nhận tiền bạc vì nó. Nhưng nhiều người trong số họ kinh qua những khổ hạnh cực kỳ – khước từ nhận cho chính họ và cơ thể của họ bất kỳ thoải mái hay vui thú nào – chỉ để đạt được điều này. Và họ luyện tập nó. Nó có thể thực hiện được. Những việc không thể tin được nhất đều có thể thực hiện được nếu bạn dốc hết tâm trí cho nó. Nhưng cái việc còn lại này – việc gì chúng tôi đang nói chuyện – nó là việc gì đó hoàn toàn khác hẳn. Nó không liên quan gì đến bất kỳ những ma mãnh hay những khả năng ma thuật nào.”

Tôi nghĩ tôi đã hiểu rõ điều gì ông có ý. Những chiến công của những người tập yoga đòi hỏi một tập hợp của năng lượng, được tập trung duy nhất vào sự hoàn hảo của một kỹ năng cụ thể, hầu như giống một vận động viên, trong khi ông đòi hỏi một thay đổi tổng thể và cơ bản của ý thức con người, để cho người ta có thể sống một cách thông minh và không có xung đột.

“Tôi phải kể cho bạn một câu chuyện khác về việc này,” ông thêm vào, và khuôn mặt của ông khoác vào một diễn tả tinh nghịch. “Chúng tôi đang ở tại một căn nhà ở Bombay,” ông tiếp tục. “Hai người khất sĩ đi ngang qua nhà, một đạo sư lớn tuổi và một đệ tử, hay gọi là *chela*. Họ đang thực hiện chuyến hành hương tôn giáo, đi bộ suốt chiều dài của Ấn độ – một ngàn dặm – đi bộ, bạn hiểu chứ, không phải bằng xe hơi hay bằng xe lửa. Người lớn tuổi nhận biết được sự hiện diện của một con người vĩ đại trong căn nhà và gửi *chela* đi tìm hiểu liệu họ có thể vào căn nhà và thăm chúng tôi. Thế là chúng tôi đồng ý gặp họ, và tất cả chúng tôi ngồi trong một căn phòng, và có mặt Pupul Jayakar ở đó, và cậu *chela* nhỏ tuổi bảo đảm rằng cậu ấy không ngồi chung cái chiếu mà Pupul đang ngồi.”

“Tại sao cậu ấy không ngồi chung cùng cái chiếu?” tôi tìm hiểu.

Một lấp lánh hài hước lóe lên trong hai mắt ông. “Ồ,” ông giải thích, “bất kỳ sự tiếp xúc nào với một phụ nữ đều vi phạm lời thề trong trắng của cậu ấy và sẽ làm ô uế cậu ấy, vì vậy ngồi cùng cái chiếu của bạn ấy...”, ông bắt đầu cười, ra cử chỉ miêu tả, “bạn thấy, qua cái chiếu, cậu ấy sẽ đang tiếp xúc với bà ấy, hay có lẽ cách ngược lại – bà ấy đang tiếp xúc với cậu ấy.” Tiếng cười của ông bao bọc tất cả chúng tôi. Sau khi bình tĩnh lại, ông tiếp tục, “Thế là người khất sĩ lớn tuổi yêu cầu đem lại một chút nước, và họ rót nó qua hai bàn tay của ông ấy, hứng lại bằng một cái chậu đặt phía dưới. Ông ấy chuyển chậu nước cho chúng tôi và nói, ‘Ném thử nó.’ Vì vậy, tất cả chúng tôi ném nó.”

Tôi cảm thấy một khiếp sợ nào đó bởi ý tưởng phải ném nước được rót ra trên hai bàn tay của một người khác, nhưng Krishnamurti vẫn nhiên tiếp tục, “Nó là nước sạch được lọc đi lọc lại. Ông ấy yêu cầu đổ nước đó đi, và nước

sạch khác được rót qua hai bàn tay của ông ấy lần thứ hai. Lại nữa ông yêu cầu chúng tôi ném nó, và nó có mùi thơm và hương vị chính xác của nước hoa hồng. Tôi đang quan sát người đàn ông đó rất, rất chăm chú. Tôi nghi ngờ không hiểu ông ấy có bỏ bất kỳ thứ gì vào nước. Những người khác đồng ý rằng nó ngửi và ném giống nước hoa hồng, và họ cũng quan sát ông ấy. Nó không là một trò bịp bợm, bạn hiểu chứ? Làm thế nào bạn giải thích điều gì đó giống như thế?”

Chúng tôi vắt óc ra để suy nghĩ, nhưng không thể đưa ra một giải thích về những biểu hiện cho thấy nguyên nhân nằm dưới những hiện tượng kỳ bí này. Krishnamurti cũng không đưa ra sự giải thích của ông.

Nói chuyện hòa nhã của chúng tôi tiếp tục giữa những tiếng cười vui vẻ khi tôi nói vắn tắt về tình hình thế giới hiện nay, như sự rút lui của lực lượng Mỹ khỏi Lebanon, làm thế nào sự bãi bỏ Thiên chúa giáo La mã như một tôn giáo của chính thể đã ảnh hưởng nước Ý, và một vài công bố chính thức của Margaret Thatcher về Liên hiệp Châu Âu. Rõ ràng điều này khiến cho Krishnamurti nhớ lại điều gì đó vui lắm, bởi vì ông yên lặng bắt đầu cười tùm tùm một mình. Ông tiết lộ cái nguồn của sự vui thích của ông là quyển *The Kingdom of the Sea Vương quốc dưới Đại dương*, một quyển sách ông đã đọc cách đây vài ngày. Một số trong những diễn tả chính của người Anh ông phát giác là quá hài hước và quan sát một cách chính xác đến độ ông bật ra những tràng cười lớn khi đang kể cho chúng tôi về nó.

Suốt sống của ông, Krishnamurti duy trì một liên quan yêu-ghét với những thứ ở Anh. Nước Anh đang tại đỉnh điểm của quyền hành thực dân khi cậu bé Brahmin chất phác từ những tù túng ở Nam Ấn được giới thiệu đến cực điểm của văn hóa phương Tây. Những người quý tộc đã bảo trợ ông, thậm chí ông bằng những tiêu chuẩn sống đúng cách. Mặc

dù ông có **n**hưng phong thái hoàn hảo của một hoàng tử ,
thỉnh thoảng ông phải đối diện sự phân biệt chủng tộc bởi vì
nước da sẫm của ông. Ông duy trì **n**hưng thái độ ngờ vực đối
với những tục lệ hẹp hòi và thường thường ngu xuẩn, mà đầy
đầy trong xã hội nước Anh. Hoàn toàn có **t**hể hiểu rõ về
những lập dị của những giai cấp đang cai trị, ông thích chế
giễu những vô lý của họ. Đặc biệt nên quân chủ, chỗ dựa
quan trọng nhất của đế quốc, bị ông kinh tởm. Ông thấy nó
như một thể chế lỗi thời và khó chịu. Thật lạ lùng, chúng tôi
có một ít người ủng hộ chế độ quân chủ, mà theo **đ**ối một
cách thích thú cách sống ketch cớm của vua chúa trong mục
tin tức của phương tiện truyền thông. Bất kỳ khi nào có
những bàn tán vắn tắt về Thái tử và Hoàng hậu được đưa ra
nơi bàn ăn, Krishnamurti thường b ịt hai tai lại bằng cả hai
bàn tay và la lớn đầy kinh hãi, “Đừng, đừng, đừng nói về mớ
rác rưởi đó. Tất cả những việc đó đều quá thối nát!”

*

Hai ngày sau, Krishnamurti theo cùng **g**ười Mary Z. và Asit
Chandmal, đi New York City, nơi, vào **l**ễ nghỉ cuối tuần của
tháng tư ngày 14-15, ông **t**hực hiện hai nói chuyện trước
công chúng tại Felt Forum ở Madison Square Garden. Hai
ngày sau ông **đ**ược mời nói chuyện tại tổ chức ‘Pacem in
Terris Hòa bình trên Quả đất’ ở Liên hiệp quốc.

*

Ngay sau khi ông quay **đ**ại, thứ bảy ngày 21 tháng tư, chỉ có
năm người chúng tôi dùng bữa trưa. Tôi đang chế biến một
bữa ăn gồm món xà lách Hy Lạp, xà lách yogurt và dưa leo,
súp măng tây, món moussaka chay và bí xanh trong **n**ước xốt
cà chua, cùng kem quả hồng cho món tráng miệng, khi
Krishnamurti nhanh **n**hẹn đi vào nhà bếp . Trông ông không

mệt mỏi bởi mười ngày ở Big Apple, nhưng khá năng động. Sau khi chúng tôi trao đổi những lời chào hỏi, tôi hỏi ông, “Mọi chuyện thế nào, Krishnaji?”

Ông không hoàn toàn trong tâm trạng của cung cấp cho tôi một câu chuyện chi tiết của mười ngày quá khứ, ngoại trừ nói rằng đã có một lượng khán giả đông và mọi chuyện diễn ra tốt đẹp.

Tôi nhận thấy rằng ông đang ôm một bàn tay, một ngón tay của nó được băng lại. “Việc gì xảy ra cho tay ông vậy, Krishnaji?”

Ông nhìn nó và trả lời bằng một cử chỉ tùy tiện, “Chúng tôi đi đến một nhà hàng, và người nào đó đóng cửa xe hơi đập vào nó khi tôi đang chun vào xe.”

Tôi nhăn mặt khi suy nghĩ về sự đau nhói đó.

Ông vội vã thêm vào, “Dĩ nhiên, ông ấy không cố ý. Ông ấy chỉ không đang chú ý. Nhưng lúc này nó gần khỏi rồi.” Việc này khơi dậy một kỷ niệm khác mà làm cho ông giận lắm. “Và chúng tôi có món ăn tuyệt vời nào đó. Chúng là những thứ tròn, nhỏ, xanh và tan trong miệng người ta, đơn giản là ngon lắm. Liệu bạn có thể làm món đó, thưa bạn?”

Tôi chưa bao giờ nghe ông nhận xét về thức ăn. Ông thường tuyên bố – hoàn toàn đúng thật, không nghi ngờ – rằng thức ăn khiến cho ông phát chán. Tôi vừa bị ngạc nhiên và hơi hơi lúng túng bởi sự yêu cầu của ông để sao chép một công việc nấu nướng bằng sự diễn tả sơ đẳng nhất. Tôi tìm hiểu ông để có những chi tiết thêm, nhưng sự nhận biết về nấu nướng của ông khá mơ hồ: ông chỉ có thể đưa ra một diễn tả chung chung về những thành phần của món đó: xanh lá cây, hơi hơi trong, nhớt, có lẽ được chế biến từ rau spinach, và dứt khoát là món ăn của Ý, rất thanh. Tôi hứa hẹn sẽ thử nấu nó nếu tôi có thể tìm được một công thức chế biến

gần gần sự diễn tả của ông. Khi sau đó tôi hỏi Mary Z. về món ăn bần đó, bà khẳng định rằng nó là món gnocchi verde, bánh bột rau spinach.

Tò mò về nhà hàng, tôi hỏi ông, “Nó là loại nhà hàng gì vậy, Krishnaji?”

“Nó khá nhỏ nhưng trang trí tuyệt vời: đồ dùng thật đẹp, bằng pha lê và tất cả thứ đó, trong khu người Ý của thị trấn. Nó được gọi là ‘Il Nido’ mà có nghĩa ‘Cái tổ chim’. Khi chúng tôi đến đó, tôi nói tiếng Ý với người chủ và người hầu bàn, và họ chỉ cho chúng tôi cái bàn tốt nhất trong một góc phòng bên cạnh cửa sổ. Mọi thứ đều thuộc hạng nhất. Chúng tôi đi đến đó hầu như mỗi ngày,” ông kể lại, bằng một biểu cảm thật đẹp trên khuôn mặt, phản chiếu trải nghiệm thú vị đó.

“Ông dùng những món gì, thưa ông?”

Ký ức của ông ngập ngừng một chút xíu. “Có mì pasta – làm ở nhà, dĩ nhiên, nhẹ và ngon tuyệt. Và họ có món sốt cà chua ngon lắm, được chế từ cà chua tươi với chút xíu rau húng quế – rất đơn giản và thơm.”

Tôi ghi nhớ trong bộ não để chế biến một món sốt như thế. Nhưng luôn luôn có một trở ngại ghê lắm khi người ta cố gắng sáng chế lại một món ăn đặc trưng, đặc biệt nếu nó đã được thực hiện bởi một người đầu bếp trứ danh, như không nghi ngờ gì cả là món ăn tại ‘Il Nido’. Thậm chí công thức chính xác nhất cũng không nhất thiết sẽ khiến cho món đó ngon bằng món gốc. Nhiều yếu tố có lẽ chịu trách nhiệm cho việc này: thành phần nhỏ xíu nổi tiếng kỳ lạ, mà người đầu bếp giữ như điều bí mật cá nhân, hay, có thể, một chất lượng mơ hồ nào đó, khó khăn để định nghĩa nhưng phải thực hiện bởi từng chi tiết nhỏ, thành thạo tinh thông, tính toán thời gian khéo léo. Điều này không phải nói rằng những quyển sách dạy nấu nướng đều vô ích. Ngược lại, công thức làm

món ăn thường là một kết hợp tuyệt vời giữa từ ngữ và thực tế. Nhưng nó là một vấn đề gay go khi tái tạo một món ăn mà trước kia đã được thưởng thức ở nhà hay trong một nhà hàng, bởi vì luôn luôn nhiều yếu tố phức tạp kết hợp để tạo ra một trải nghiệm ưa thích.

“Họ cũng có những loại rượu ngon,” Krishnamurti nhận xét.

“Nhưng Krishnaji, tôi nghĩ ông không uống rượu.”

Ông mỉm cười nhìn tôi một cách cam đoan. “Không, thưa bạn, tôi không uống rượu – nhưng những người khác uống. Tôi ném thử một hay hai giọt – chỉ xem thử hương vị ra sao.”

Mặc dù ông không chấp nhận rượu như một tẩu thoát, ông có nhiều người bạn có xuất xứ từ Ý và Pháp rất tự nhiên khi dùng rượu suốt những bữa ăn của họ. Ông dường như không quan tâm, và trong thực tế thường xuyên những người chiêu đãi ông sẽ mời những người khách của ông dùng nó.

Tôi tiếp tục tìm kiếm một cách nấu món gnocchi verde và chẳng mấy chốc đã tìm được. Caren thận trọng theo những bước làm được quy định, tôi chế biến và phục vụ chúng cho bữa ăn trưa. Sau đó, tôi hỏi Krishnamurti liệu chúng giống g món ăn mà ông đã dùng tại nhà hàng. Ông trả lời bằng một chân thật lịch sự, “Không giống lắm, thưa bạn.”

Vài ngày sau, tôi lại chế biến món đó. Lần này Krishnamurti ngáp ngừng, ném món ăn và hương vị, và tuyên bố, “Ồ, nó gần gần rồi, nhưng vẫn còn không giống hết.”

Tôi bỏ món ăn ở đó, từ bỏ sự ham muốn của bất chước hay ganh đua – ít ra, liên quan đến món bánh spinach.

*

Cuối tháng tư là thời gian của sự thay đổi tinh tế. Luôn luôn có sự náo động và bất mãn tại ngôi trường, mà không có một giải pháp nào thỏa đáng: Krishnamurti dư thừa năng lượng và có khuynh hướng thực hiện những công việc mới mẻ, mong muốn đổi diện những thách thức mới mẻ. Một quý ông từ Wasshington, D.C., lúc ~~tức~~ là người viết diễn văn cho nhiều đời tổng thống liên tiếp của nước Mỹ, viếng thăm chúng tôi vào cuối tháng tư. Ông ấy là một người hùng biện và vui vẻ, rất quan tâm đến Krishnamurti và công việc của ông, và đề nghị ông thực hiện những nói chuyện trước công chúng trong ngay ~~thành~~ ~~lũy~~ của uy quyền toàn cầu. Krishnamurti thích ý tưởng đó và, sau khi cân nhắc cẩn thận, đồng ý nhận sự thách thức. Những kế hoạch và những chuẩn bị cẩn thận được sắp xếp cho ông nói chuyện tại Kennedy Center ở Washington, D.C., một năm sau, tháng tư năm 1985.

*

Một người bạn mới của chúng tôi từ Washington, D.C., thích kể chuyện vui và có một vốn liếng về nhiều chủ đề. Krishnamurti thích bản chất thân mật của ông ấy, và họ trao đổi những chuyện vui và những giai thoại tại bàn ăn trưa. Sau khi nghe một chuyện vui hơi khiếm nhã về Giáo hoàng, có tựa đề ‘Tutti Frutti’, Krishnamurti kể một chuyện mà tôi chưa từng được nghe trước kia.

“Hai người bạn, một trong số họ là một giám mục, chết trong một vụ tông xe. Họ đi thẳng lên thiên đàng và gặp St. Peter. Không ai trong số họ có tội lỗi nhiều lắm, vì vậy thánh cho phép họ vào. Và ngài nói với họ, ‘Nếu các người có bất kỳ yêu cầu nào, hãy kể cho ta biết ngay lúc này, và ta sẽ xem thử liệu có thể thực hiện được nó.’” Vị giám mục, một người

mộ đạo, xin phép gặp Thượng đế. St. Peter kinh ngạc bởi sự yêu cầu của ông ấy và cố gắng can ngăn, ‘Gặp Thượng đế là một việc rất nhạy cảm – nó rất choáng váng. Chẳng có bao nhiêu người có thể chịu đựng nổi. Nếu ta được phép khuyên người, làm ơn đừng nài nỉ điều này.’ Nhưng vị giám mục vẫn cứng rắn và quả quyết với ước ao của ông ấy. Cuối cùng St. Peter nhượng bộ và bảo ông ấy, ‘Tốt thôi, nếu người quả quyết. Chỉ đừng trách mắng ta sau đó. Đi lối này và theo sau dấu hiệu ‘Thượng đế’. Và đừng quên quay lại đây.’ Ông ấy vội vã đi gặp Thượng đế, trong khi người bạn cùng St. Peter đứng chờ ông ấy trở lại. Phải mất mười hay mười lăm phút trước khi ông ấy quay lại. Ông ấy chỉ như một cái bóng của chính mình, mặt nhợt nhạt như một con ma, và kéo lê hai chân trong sự choáng váng thất thần. Người bạn rất âu lo khi thấy ông ấy trong tình trạng như thế và nói, ‘Trời ơi, việc gì đã xảy ra cho bạn vậy? Ngài trông như thế nào?’ Nhưng vị giám mục chỉ có thể rên rỉ, ‘Bà ấy người da đen,’’

Câu chuyện này tạo ra nhiều tràng cười vui vẻ. Sau khi chúng tôi đã nghiêm túc lại, chúng tôi bắt đầu nói về những tôn giáo, những giáo phái và những hệ thống thờ cúng có tổ chức, và đặc biệt là Thiên chúa giáo. Tôi thực sự quá kinh ngạc khi, hoàn toàn bất ngờ, Krishnamurti nói thẳng thắn với người khách của chúng tôi một cách táo bạo, “Jesus Christ có lẽ đã không bao giờ hiện diện. Không có tài liệu độc lập, khách quan từ thời kỳ đó mà đề cập đến tên của ông ấy. Tất cả mọi điều chúng ta thực sự biết là những môn đồ và những người truyền giáo đã viết sau đó năm mươi hay một trăm năm, và họ có lẽ đã sáng chế toàn sự việc.”

Thực tế, mọi người tại bàn ăn cũng kinh ngạc như tôi, đặc biệt bởi vì Krishnamurti hoàn toàn nghiêm túc khi ông đưa ra câu phát biểu đó. Và cũng quá thường xuyên những quan điểm của ông được chấp nhận một cách không ngờ vực,

nhưng lúc này bỗng nhiên ông bị đối diện bởi một cơn bão nhỏ của sự phản đối to tiếng, “Nhưng Krishnaji, thật ra điều đó quá cường điệu gượng gạo. Làm thế nào...?”

Ông rất thích kích động sự tranh luận. Cuối cùng, nó trở nên rõ ràng rằng ông đã đọc một quyển sách của một người viết sử Ý, Emilio Mella, mà khẳng định đã thực hiện cuộc nghiên cứu kỹ lưỡng và khó nhọc nhất vào những ghi chép lại được lưu trữ bởi những thẩm quyền La mã, mà cai trị Judaea và Palestine khi bắt đầu kỷ nguyên Thiên chúa giáo. “Tại thời điểm đó, những người La mã giữ những ghi lại tỉ mỉ của tất cả những vụ thi hành án tử hình trong phạm vi quyền xét xử của họ,” ông giải thích, hoàn toàn được thuyết phục bởi điều gì ông đã đọc. “Và không ai trong số những người bị hành hình có tên là Jesus.”

“Nhưng, Krishnaji, điều đó không có nghĩa rằng cái con người Jesus chưa bao giờ hiện diện,” một phụ nữ phản đối.

“Và tài liệu có bị thất lạc,” một giáo viên đồng tình. “Việc này đã cách đây hai ngàn năm.”

Một liên tục sôi nổi bất thường của những tranh luận thuộc lịch sử và lý luận đã xảy ra, trước khi cuối cùng Krishnamurti thừa nhận rằng rất có thể đã có người nào đó được gọi là Jesus (hay Joshua). Nhưng, ông quả quyết, người thầy tôn giáo này chắc chắn khác biệt với những hình ảnh của truyền thống thịnh hành và không liên quan gì đến nhân vật mà những người theo đạo Thiên chúa giáo đã sáng chế ra.

Sau bữa ăn trưa một vài ngày sau, và Krishnamurti vừa đang mang những cái nồi vào nhà bếp thì chuông cửa reng. Tôi đi đến mở cửa và thấy một người đàn ông đứng tuổi đang đứng trên bậc cửa với một bó hoa trong hai tay. Ông ấy trịnh trọng hỏi tôi liệu có thể gặp Krishnamurti. Mang máng tôi nhớ đã gặp ông ấy ở nơi nào đó. Ông ấy là một người thầy

tinh thần tự tạo phong cách riêng, với hệ thống riêng của ông ấy về những niềm tin mà trong đó ông ấy đã kết hợp những yếu tố Thiên chúa giáo với những khía cạnh của những lời giảng của Krishnamurti.

Ông ấy có thái độ hòa nhã và lịch sự cho tôi biết danh tánh của ông ấy. Tôi yêu cầu ông ấy đứng chờ khi tôi chuyển sự yêu cầu đến Krishnamurti, mà vẫn còn ở trong nhà bếp. Krishnamurti có vẻ ngạc nhiên bởi sự xuất hiện bất ngờ của người đàn ông và chần chừ một lúc trước khi ra gặp ông ấy. Trong khi tôi tiếp tục dọn dẹp bàn bếp, tôi loáng thoáng nghe được nói chuyện của họ. Rõ ràng họ đã gặp nhau trước kia. Krishnamurti đang nhấn mạnh một mấu chốt mà ông đang diễn đạt bằng sự chú ý cao độ, đang đưa ra một cách cách vô lý. Người khách, vừa ở trong nhà được hai bước chân, ửa ra vào vẫn còn mở phía sau ông ấy, dường như kiên trì dài lâu. Krishnamurti phát biểu một cách nhấn mạnh, “Thậm chí không người nào biết được liệu Jesus có hiện diện hay không...”

Khi tôi vào phòng một phút sau, ông đang nói, “Những người La mã tại thời điểm đó giữ những ghi lại tỉ mỉ của tất cả những thủ tục ở tòa án và những vụ thi hành án tử hình. Cái tên Jesus đã không được đề cập một lần nào trong những danh sách hành hình của họ...”

Nhiều tháng sau tôi thấy cả hai đang dạo bộ đến Pine Cottage. Khi tôi hỏi Krishnamurti về nó ngày hôm sau, ông chỉ giải thích, “Chúng tôi chỉ dùng trà và nói chuyện vắn tắt.”

Chương 20

ĐƯỜNG BAY CỦA ĐẠI BÀNG

Món khai vị

Rau diếp baby limestone ăn với nước xốt dầu ô liu và gia vị
hoặc nước xốt Roquefort.

Cà chua cherry và mầm cỏ linh lăng.

Xà lách trộn cải bắp đỏ, chế biến bằng hạt thìa là, nụ bạch hoa
và quả ô liu thái.

Bí xanh nạo, với chút xíu chanh lá cam.

Món chính

Gạo Provencal, với nho Hy Lạp và hạt đào lộn hột, theo cùng
bởi một món xốt nấm với ‘Marmite’ (men làm bánh).

Rau spinach quiche à trois fromage chế biến bằng phó mát dè
tươi, phó mát Parmesan và Gruyere nạo.

Món tráng miệng

Quả vả mission đen ướp trong mật và chanh, phục vụ với kem
đánh hương vị va ni.

Trái cây tươi theo mùa.

Ngày 2 tháng năm chúng tôi có một bữa ăn trưa sớm, để Krishnamurti và Mary Z. có thể rời đúng giờ đi Santa Barbara, từ đó họ sẽ đến San Francisco. Vài tiếng đồng hồ sau khi họ khởi hành, tôi cũng khởi hành để đến City on the Bay. Lái xe dọc Highway 101, tôi thường thức phong cảnh của những quả đồi tròn trĩnh, rải rác những cây sồi, mà màu xanh của nó đã biến thành vàng trong những tia nắng của mặt trời hừng hực.

Sáng thứ bảy và chủ nhật, Krishnamurti thực hiện hai nói chuyện tại Masonic Temple. Tôi phụ giúp công việc sắp xếp những quầy sách và bán sách, băng thâu. Suốt nói chuyện lần thứ hai ông bắt đầu kể lại câu chuyện hai người bạn đang dạo bộ qua cánh rừng trên con đường mòn có bóng mát, đang nói chuyện về những quan tâm nghiêm túc của họ. Nó gây xúc động tôi, và tôi nghĩ về chính tôi như một trong hai người bạn này. Ngay sau khi chấm dứt nói chuyện ngày chủ nhật tôi lái xe theo hướng nam về Ojai, để cho tôi có thể kịp giờ chuẩn bị bữa ăn trưa ngày hôm sau. Hóa ra rằng chỉ có bốn người chúng tôi hôm đó. Thật thích thú khi được nói chuyện thông thả cùng Krishnamurti về kỳ nghỉ cuối tuần chung của chúng tôi tại Bay Area.

Trong khi thăm vài người bạn trên East Bay, tôi ngừng gần khuôn viên trường đại học tại Berkeley để lướt qua vài cửa hàng bán sách lớn dọc theo Telegraph Avenue. Vui làm sao đâu, tôi tình cờ tìm được quyển *The Patagonian Express* của Theroux. Nó hẳn như hoàn toàn mới, bìa bị bụi của nó được bọc bởi miếng nhựa. Tôi mua nó bởi vì tôi biết rằng Krishnamurti đã ưa thích cách vết chàm biếm của Theroux, và sau khi đọc xong quyển *The Great Asian Railway Bazaar*, đã tìm kiếm chuyện phiêu lưu trên xe lửa thứ hai, nhưng không thành công.

Krishnamurti sắp sửa rời nhà bếp để quay về Pine Cottage, khi tình cờ nảy ra trong cái trí của tôi rằng lúc này có lẽ là khoảnh khắc tốt nhất để tặng quyển sách cho ông. Tôi gọi với theo ông, “Làm ơn, Krishnaji, chờ một tí.”

Ông quay lại, một diễn tả của sự bình thản và kiên nhẫn vô cùng trên khuôn mặt của ông.

“Chuyện gì vậy, Michael?” Ông hỏi dịu dàng.

“Tôi tìm được quyển sách đó,” tôi lấp bắp một cách háo hức, đưa cho ông quyển sách, kèm theo một vài câu vấn tắt về tôi đã tìm được như thế nào.

Phản ứng của ông khác hẳn điều gì tôi chờ đợi. Thay vì nhận quyển sách, mà tôi đưa ra cho ông, ông sợ hãi nhìn nó, như thể nó có lẽ ẩn chứa sự hiểm nguy giấu giếm. Do dự ông chìa bàn tay ra và vội vàng sờ cái bìa bằng plastic bằng một đầu ngón tay, rút lại thật nhanh. “Bạn rửa sạch nó chưa?” ông hỏi.

Tôi cảm thấy bối rối. “Rửa nó à?” tôi lặp lại.

“Nó là một quyển sách cũ, đã được đọc rồi, đúng chứ? Nhiều người có lẽ đã sờ vào nó, thưa bạn, và nó có lẽ bị bẩn.”

Tôi phải mất một giây để theo kịp dòng suy nghĩ của ông. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi tôi cảm thấy sự thúc giục phải bật ra tiếng cười, bởi vì hình ảnh của tôi đang đứng tại chậu rửa chén đĩa, đang rửa mỗi trang của quyển sách bằng xà phòng và bọt biển, trông có vẻ rất buồn cười. “Điều đó đúng, Krishnaji,” tôi trả lời, vẫn còn không hiểu phải làm gì với nó.

“Chỉ cần rửa cái bìa và bên trong, và đưa nó cho tôi sau đó,” ông nói, trước khi rời nhà bếp.

Trong khi tôi sắp sửa cọ quyển sách bằng xà phòng và nước, tôi suy nghĩ về thái độ của ông đối với sự vệ sinh và sạch sẽ. Tôi đã nhận thấy sự nhạy cảm của ông đối với những thứ vật chất – không chỉ sự nhận thức của ông về bề ngoài

sạch sẽ và quần áo sạch sẽ, nhưng còn cả sự ác cảm của ông đối với sự tiếp xúc thông thường với bất kỳ thứ gì bẩn thỉu, hay bị sờ chạm bởi nhiều bàn tay. Đây có thể là lý do ông mang găng tay bằng da mịn khi đi lại bằng xe hơi, xe lửa và máy bay.

Tôi bắt đầu làm khô quyển sách đã được rửa bằng một cái khăn lau chén đĩa sạch. Sau đó vào buổi chiều, tôi mang quyển sách cùng món xúp cho bữa ăn tối qua Pine Cottage.

*

Chín người chúng tôi có mặt cho bữa ăn trưa vào thứ bảy ngày 12 tháng năm. Trong ~~cuộc~~ ~~cuộc~~ nói chuyện Krishnamurti đưa ra sự trái nghịch giữa quan tâm và chú ý, những chủ đề mà sau đó ông theo đuổi trong suốt những gặp gỡ cùng giáo viên và tại những nói chuyện trước công chúng. Sau hai tiếng đồng hồ nói chuyện sinh động, chúng tôi đến được hai câu phát biểu mà gói gọn ý nghĩa chính của thâm nhập của chúng tôi, “Chú ý là học hành; quan tâm là không chú ý.”

Ba ngày sau, Krishnamurti gặp gỡ những giáo viên trường trong phòng khách của Arya Vihara lúc bốn giờ chiều. Tôi tham dự nói chuyện trong một máy thu âm băng. Ông bắt đầu bằng cách tuyên bố rằng mục đích thực sự của giáo dục là sự kết thúc cái tôi. Bởi vì sự hiểu biết thuộc tâm lý là cái tôi, nó hàm ý sự kết thúc của loại hiểu biết đó. Ông rất chống đối việc đánh thức ‘quan tâm’ của đứa trẻ trong một lãnh vực đặc biệt, bởi vì quan tâm là tách rời, ngược lại chú ý là tổng thể.

“Sự kết thúc của quan tâm về chính mình là sự khởi đầu của thông minh,” ông vạch rõ.

Chúng tôi thâm nhập sâu thêm lắng cách xét lại một câu phát biểu lúc đầu được viết bởi ông năm 1975 và được biết đến như là ‘Ý định của Oak Grove School’. Nó có mục đích cung cấp một phác họa rõ ràng về *lý do hiện diện* của ngôi trường. Phần nhiều trong những phát biểu có hệ thống của nó có vẻ hơi mơ hồ hoặc, trong vài ví dụ, quá cực đoan tại cơ bản. Bởi vì tất cả chúng tôi đều cảm thấy sự cần thiết phải có một phát biểu chính xác và rõ ràng, chúng tôi rà soát lại nó, đặt lại những từ ngữ. Krishnamurti tạo không khí chung cho bàn luận. Chúng tôi đồng ý rằng ngôi trường sẽ là ‘một ốc đảo...nơi người ta có thể học hành một cách sống mà là ông thể, lành mạnh và thông minh. Và mục đích của những nỗ lực thuộc giáo dục của chúng tôi, cả liên quan đến những học sinh lẫn liên quan đến chính chúng tôi, là ‘sáng tạo một thay đổi thăm thẳm trong ý thức của nhân loại’. Trong những năm tiếp theo, câu phát biểu này không chỉ là một hướng dẫn và kích thích khả năng sáng tạo cảm hứng, nhưng còn cả mấu chốt tập trung của nhiều bàn luận sôi nổi trong những giáo viên.

*

Chỉ còn vài ngày nữa là đến Những Nói chuyện Ojai 1984, thời tiết nóng nực bất thường, và mặt trời tiếp tục nung nóng những quả đồi và những thung lũng.

Có mười một người chúng tôi dùng bữa ăn trưa ngày hôm đó. Trong số những người khách đều đặn là một người tương đối mới đến, mà đã đến Ojai lần đầu tiên. Ông ấy có vóc dáng nhỏ con, trong những tuổi năm mươi, hói và mang kính. Khi chúng tôi được giới thiệu với nhau, ông ấy kể với tôi rằng ông ấy có nguồn gốc ở Đức nhưng đã đến sống ở Thụy sĩ được nhiều năm. Ba năm trước sự khám phá của ông

ấy về những lời giảng của Krishnamurti đã thay đổi toàn sống của ông ấy. Vừa mới rút lui khỏi công việc kinh doanh của gia đình, lúc này ông ấy đang dành hầu hết thời gian và năng lượng của ông để thâm nhập vào những nghi vấn sâu thẳm hơn của sống. Năm trước, ông đã nghe Krishnamurti nói chuyện tại Saanen lần đầu tiên và cuối cùng đã gặp riêng ông. Chẳng mấy chốc họ nảy sinh một tình bạn, mà đã tác động ông ấy nhiều lắm. Sau khi thăm Brochwood Park, ông đề nghị giúp đỡ công việc của Krishnamurti bằng những tháo vát đáng kể của ông ấy.

Tôi đang ngồi đối diện Krishnamurti tại bàn ăn, và Friedrich Grohe – mà là tên của người đàn ông đó – ngồi bên phải tôi. Krishnamurti và một phụ nữ bên trái của ông đang nói về một người thứ ba không có mặt, đang miêu tả ông ấy như một người ‘stick-in-the-mud’ thực sự. Tôi đang lắng nghe nói chuyện của họ và bị kinh ngạc bởi sự miêu tả, tôi nói với Krishnamurti, “Xin lỗi, Krishnaji, nó có nghĩa gì – stick-in-the-mud?”

Ông ngừng lại và, sau khi suy nghĩ một chút, trả lời, “Một người đàn độn không có bất kỳ sáng kiến nào.”

Mr. Grobe nói lưu loát ả tiếng Đức và tiếng Pháp và thường trao đổi với Krishnamurti bằng tiếng Pháp. Mặc dù ông ấy cũng rất giỏi tiếng Anh nhưng cảm thấy nhút nhát khi sử dụng nó. Một người khiêm tốn, nói năng nhỏ nhẹ, lúc này ông hỏi nhỏ tôi cụm từ đó có nghĩa gì trong tiếng Đức, bởi vì ông không nghe rõ hoàn toàn sự giải thích của Krishnamurti. Tôi không thể ngay lập tức nghĩ về một cụm từ tương đương trong tiếng Đức và thậm chí không biết liệu nó có hiện diện, vì vậy tôi chỉ đơn giản dịch ra nó từng từ ngữ một và nói, “*Stock im Schlamm.*” Theo ngữ âm, ngẫu nhiên nó lại là *Shtok im Shlumm.*

Krishnamurti đã theo dõi sự trao đổi giữa Mr. Grobe và tôi. Khi tôi thốt ra những từ ngữ, ông bật ra tràng cười ngạc nhiên và la lên, “Cái gì? Cái gì? Đó có nghĩa gì vậy, thưa bạn?”

“Ồ, Mr. Grobe không biết... là gì.”

“Vâng, vâng, tôi biết điều đó, nhưng bạn vừa nói gì?”

Tôi cảm thấy hơi hơi ngượng ngập và nói, “Ồ, tôi dịch câu ‘stick-in-the-mud’ theo từng từ ngữ ra tiếng Đức, bởi vì không có một tương đương. Nó có nghĩa *Stock im Schlamm*.”

Khi tôi phát âm cụm từ tiếng Đức, Krishnamurti lại phá ra cười cười mở. Những người còn lại tại bàn ăn đang lắng nghe đối đáp của chúng tôi, tham gia đầy vui vẻ – có lẽ bởi vì chất lượng tượng thanh của những từ ngữ và nhóm ngôn ngữ các dân tộc German. Mr. Grobe và tôi, gần gũi nhau nhờ có gốc gác của German, cần một khoảnh khắc để vượt qua sự ngượng ngập của chúng tôi, trước khi chúng tôi cũng tham gia vào tiếng cười. Sau khi vui cười đã giảm xuống một chút, Krishnamurti nhìn tôi bằng một lấp lánh trong hai mắt ông và thích thú cười nắc nẻ, “Lặp lại nó đi, thưa bạn.”

Đến lúc này, tôi bắt đầu tận hưởng vai trò của tôi như người hài hước và phát âm bằng một giọng lớn hơn, “*Stock im Schlamma!*”

Có một tràng cười khác. Thật tuyệt vời khi thấy Krishnamurti trong một tâm trạng hân hoan như thế, hoàn toàn buông thả trong sự vui vẻ chung, cười khanh khách với đầu ngả về sau và những giọt nước mắt lăn xuống hai má. Toàn thân tâm của ông dường như đang rung động bởi những cơn sóng của sự hài lòng thuộc vật chất này. Khi những tiếng cười đã giảm xuống, ông cố gắng phát âm cụm từ ngữ. Nhưng ông hoàn toàn không thể hình thành những âm thanh German, những phụ âm không rành mạch. Mọi người lại tham gia một tràng cười hân hoan khác, khi tôi sửa chữa cho

ông và phát âm **ah** chậm mỗi vắn, “ *Sh-tokh imm sh-lumm.*”

Cắt đứt những tràng cười, ông cố gắng lại, phát ra từng từ ngữ chính xác hơn nhưng vẫn còn không hoàn hảo.

“Không, thưa ông: *Sh-tokh imm sh-lumm.*”

Ông nhìn hai môi của tôi khi tôi định hình những âm thanh và cố gắng lại, làm mọi người phải cười. Chúng tôi thực hiện một vài lần nữa; sau đó, không thể phát âm hoàn toàn đúng, cuối cùng chúng tôi ngừng lại, mệt mỏi bởi những tràng cười.

Những khoảnh khắc sau, khi mọi người đã rời đi, tôi vẫn còn nhận biết những rung động sau đó của tinh thần cao độ của chúng tôi. Một mình trong nhà bếp tôi phản ánh lại nguyên vấn đề cười đùa này. Nó chợt nảy ra trong cái trí của tôi rằng, từ một mấu chốt cao hơn của quan điểm, hầu hết chúng tôi, kể cả tôi, có thể được miêu tả như những người stick-in-the-muds. Tôi phì cười trong nhà bếp yên lặng và cô đơn. Vâng, đó có thể là chuyện vui thực sự.

Hơn bao giờ hết, tôi phải tán thưởng khiếu hài hước tuyệt vời của Krishnamurti. Những từ ngữ hóm hỉnh sâu sắc của ông, mà nghe có vẻ như thật, nảy ra trong cái trí của tôi: “Cười đùa là một phần của sự nghiêm túc. Sự nghiêm túc không chối từ hân hoan, vui vẻ. Hài hước thực sự có nghĩa chế nhạo chính người ta, chỉ quan sát chúng ta bằng những tiếng cười, nhìn ngắm bằng sự rõ ràng, bằng sự nghiêm túc, và tuy nhiên bằng sự vui vẻ nếu người ta có thể.”

Ông sẵn sàng cười đùa, không chỉ những trớ trêu và những vô lý về sống của những người khác, nhưng, nhiều hơn tất cả, còn cả về chính ông và những tình huống lố bịch mà thỉnh thoảng ông phát giác về chính mình.

*

Thứ ba ngày 22 tháng năm, Krishnamurti vừa ngồi xuống trên cái ghế gấp bằng gỗ cho gấp gỡ câu hỏi-trả lời, khi bỗng nhiên một người phụ nữ trẻ nhảy lên bục giảng và mau lẹ ngồi xuống trong tư thế hoa sen tại ngay dưới chân của ông, nhìn chăm chăm và mỉm cười với ông bằng một đam mê lạnh cứng. Trong một tích tắc dường như ông giật mình bởi sự ngất ngang bất ngờ này, la lên, “Việc gì...!”

Hai người tình nguyện ở dãy ghế trước chồm dậy, dự tính kiềm chế người phụ nữ và đưa cô ấy xuống bục giảng, nhưng Krishnamurti mau lẹ nắm bắt tình hình và vẫy lùi hai thanh niên. Cúi xuống người phụ nữ trẻ, đang nhe răng cười toe toét một cách hơi hơi khờ dại, ông nói, “Cô ấy sẽ giữ yên lặng ở đây. Bạn đồng ý chứ? Vậy thì bạn có thể ngồi ở đó.” Cô ấy vui vẻ gật đầu trong sự đồng ý yên lặng, vẫn còn ngồi dưới chân ông cho đến khi chấm dứt nói chuyện. Sau đó ông lại cúi xuống và nói với cô ấy, “Bây giờ xong rồi, bạn có thể đứng dậy.”

*

Vào buổi chiều nắng nóng cùng ngày đó, chúng tôi sắp sửa kỷ niệm việc hoàn thành những tòa nhà High School mới bằng một nghi thức trồng cây. Khu liên hợp, gồm có nhiều phòng học và một thư viện, kế cận Oak Grove về hướng bắc. Có gần hai trăm người đang đi lại loanh quanh – những ủy viên, những giáo viên, những phụ huynh và những học sinh, những người tình nguyện và những người tham gia tại những nói chuyện. Nhấp nước ngọt, nước trà và nhai bánh cookies, họ tham gia những nói chuyện sinh động.

Cuối cùng chiếc xe Mercedes màu xám từ từ ngừng lại, và Krishnamurti ngáp ngừng ló ra bên cửa hành khách. Ông trang phục trong sự thanh lịch đơn giản, không thích hợp duy

nhất là đôi giày chạy bộ ông mang cho dịp này. Ông chào hỏi những người đến bắt tay ông và trao đổi vài từ ngữ, mỉm cười một cách dè dặt.

Người hiệu trưởng cao, chịu trách nhiệm tổ chức những nói chuyện, đưa ông đến nơi những cái cây sắp được trồng. Bảy người chúng tôi đi phía sau ông, trong khi những người khách còn lại thông thả đi đến. Ông cẩn thận tìm hiểu những cái cây, lắng nghe sự giải thích của hiệu trưởng, “Những cây này ở đây, Krishnaji, là loại cây liquid amber. Trong mùa thu những chiếc lá của chúng biến thành màu cam và vàng rực. Và đây là loại cây đa.”

Suốt sống của ông, Krishnamurti thương yêu quả đất và tất cả những sinh vật sống, duy trì một ưa thích đặc biệt cho cây cối. Một lần ông đã nói, “Nếu bạn thiết lập một liên hệ đặc biệt với cái cây đó, vậy thì bạn có sự liên hệ với con người.” Vào những dịp khác ông đã nói về “lắng nghe âm thanh yên ắng của những cái i rể đó”. Không phải khó nhọc lắm, lúc này ông nhặt một cái xẻng, trong khi hai người chúng tôi khiêng cái chậu nặng có cây đa (hay bồ đề) còn non và đặt nó trong cái hố đã được đào sẵn. Ông đang quan sát cẩn thận việc gì chúng tôi đang làm và ngay tức khắc nhận ra điều gì sai lầm. “Tùng này chưa đủ sâu đâu, thưa bạn,” ông nói, “Bạn phải đem nó ra lại, để cho chúng ta có thể đào sâu thêm một chút.”

Sau khi nhấc cái chậu lên lại, bốn người chúng tôi, kể cả Krishnamurti, cào bới ra thêm nữa đất nữa. Thịnh thoảng, tôi thường dùng một cái rìu để tách một cục đá tại đáy hố. Bị mê mải bởi hoạt động cơ thể vất vả này, người ta dễ dàng quên rằng đó là Krishnamurti, gần tám mươi chín tuổi, người có mặt ở đó ngay kế cận chúng tôi, những người trẻ tuổi, đang hết lòng sử dụng một cái xẻng. Một vòng người đứng nhìn đã hình thành một khoảng cách kính phục,

một vài người đang chụp những bức ảnh ông đang đào đất. Krishnamurti không màng đến tình huống lạ lùng này – thực hành công việc chân tay trước một số khán giả: ông trao toàn chú ý và ăng lượng vào công việc thiêng liêng của trồng cây.

“Có một cục đá to ở đó, thưa bạn,” ông chỉ, gây kinh ngạc cho tôi khỏi một khoảnh khắc của sự suy nghĩ xao nhãng.

“Ồ, tôi xin lỗi, thưa ông,” tôi nói, và quay lại công việc, đu đưa cái rìu cán gỗ dài, đập mạnh nó xuống đất cục chung quanh, làm rơi cục đá. Cuối cùng cái hố cũng đủ sâu, ngay khi cây non được cân bằng đúng cách, chúng tôi tước ra vỏ ngoài plastic của cái chậu và nhét đầy đất màu vào khoảng trống. Tiếp theo tất cả chúng tôi tiếp tục nhồi đất quanh cái thân mảnh khảnh của cây non bằng cách giậm nó thật chặt. Chúng tôi để lại một vòng tròn hơi lõm gần thân cây, để cho nước mà người nào đó đang xịt xuống từ cái vòi sẽ không thoát ra ngay tức khắc nhưng gom lại gần hệ thống rễ. Chúng tôi tiếp tục như thế với nhiều cây khác, Krishnamurti không biểu lộ dấu hiệu của sự mệt nhọc. Một vài người đàn ông đứng xem bắt đầu ưa thích hành động đó và, xin những cái xẻng, tham gia lực lượng lao động. Tuy vậy, phải mất gần một tiếng đồng hồ để trồng mười hay mười lăm cây mới. Khi chúng tôi làm xong, Krishnamurti nhàn nhàn một nụ cười thỏa mãn và nhân hậu khi những cây non điểm tô bãi cỏ phía trước những tòa nhà của ngôi trường mới.

*

Buổi chiều sau nói chuyện lần thứ tư và lần cuối cùng, thứ hai ngày 28 tháng năm, Krishnamurti gặp gỡ những ủy viên và những giáo viên tại Pine Cottage để bàn luận những khó

khăn dai đàng của trường. Sau một bàn luận sôi nổi và lâu, nhiều sự thay đổi về cách điều hành trường được tuyên bố, gồm cả sự bổ nhiệm một hiệu trưởng mới của High School.

Ngày hôm sau, nhiều người nổi tiếng tham gia cùng chúng tôi cho bữa ăn trưa. Tại bàn ăn, một trong số họ, một diễn viên nam, đang ngồi đối diện Krishnamurti, trong khi tôi phát giác mình đang ngồi tận phía cuối bàn, không thể theo dõi nói chuyện của họ. Sau bữa ăn trưa, tôi thấy Krishnamurti và diễn viên đó đang đi cùng nhau đến Pine Cottage.

Khoảng 8 giờ sáng hôm sau, có một nhật thực từng phần, mà tôi có thể quan sát. Khi Krishnamurti đi vào nhà bếp khoảng 1:20 chiều, tôi vẫn còn giữ lại chút tò mò về người khách của chúng tôi ngày hôm trước.

“Xin đi, Krishnaji,” tôi hỏi, “quý ông mà ông nói chuyện ngày hôm qua – ông ấy là một người lý thú, ông ấy có đưa ra bất kỳ câu hỏi hay nào không?”

Ông nhìn tôi lắng một diễn tả vui nhộn trong hai mắt của ông và sau đó trả lời xã giao, “À, bạn biết chứ, những diễn viên hiếm khi nào biết được họ thực sự là ai.”

Thoạt đầu, tôi nghĩ câu trả lời của ông chỉ liên quan đến những diễn viên, cho đến khi, sau khi phản ánh lại, nó nảy ra trong cái trí của tôi rằng điều đó thực sự đối với tất cả chúng tôi. Ai thực sự biết rõ anh ấy hay chị ấy là ai? Theo một vài người, thậm chí Krishnamurti cũng không biết rõ ông là ai hay là gì. Ông cứ tiếp tục tìm hiểu, thâm nhập và học hành, và dường như ông không bao giờ có một kết luận rõ ràng.

*

Trái ngược với những bữa ăn trưa vài tuần lễ vừa qua, chúng tôi là một nhóm nhỏ chỉ có mười người hôm đó. Có ba người đồng nghiệp cũ của chúng tôi, một trong số họ đang học bằng

tiến sĩ của ông ấy môn triết học tại Oxford University; người thứ hai làm trong một công ty xây dựng; trong khi người còn lại đã tham gia một công ty quốc tế nhỏ ngành công nghệ cao, trong ột chức vụ cao cấp. Cối bữa ăn trưa , Krishnamurti kể lại một chuyện vui, điều gì đó ông đã làm trong một thời gian. Không vì lý do đặc biệt nào, ông bắt đầu hỏi, “Bạn có phiền nếu tôi kể cho bạn một chuyện vui, mà tôi vừa nghe được ngày hôm trước?”

“Làm ơn, thưa ông,” tôi háu ch trả lời, và những người khác gật đầu đồng ý.

“Có ba thầy tu, đã ngồi tham thiền suốt nhiều năm trong những đỉnh núi tuyết Himalaya, không bao giờ nói một lời, hoàn toàn yên lặng. Một buổi sáng, một trong những thầy tu bỗng nói, ‘Sáng nay đẹp ghê.’ Và ông ấy lại yên lặng. Năm năm yên lặng trôi qua, khi bỗng nhiên người thầy tu thứ hai lên tiếng, ‘Nhưng chúng ta có thể làm gì đó với cơn mưa này.’ Có sự yên lặng sâu thẳm trong họ thêm năm năm nữa, rồi bỗng nhiên người thầy tu thứ ba lại nói, ‘Tại sao hai bạn không thể ngừng huyền thuyên?’”

Tất cả chúng tôi tán dương và tận hưởng một tràng cười thật vui vẻ, trước khi chúng tôi đứng dậy khỏi bàn ăn.

*

Những tháng và những tuần vừa qua bận rộn lắm, cả tại Oak Grove và ại Arya Vihara . Một dòng những người khách viếng thăm và những người nổi tiếng đến và đi, ngoài số người đều đặn gồm những ủy viên và những giáo viên. Những bữa ăn trưa tại A. V. được tham gia đông lắm, thường xuyên trên hai mươi khách ột bữa ăn – mà, dĩ nhiên, gia tăng đáng kể công việc của tôi.

Krishnamurti trung thành tiếp tục vào nhà bếp qua cửa hành lang, và chúng tôi có nói chuyện trước bữa ăn trưa vẫn tất nhưng đầy thương yêu của chúng tôi. Thậm chí như thế, tôi trải nghiệm một ý thức của không hài lòng, mà không thể nhận biết được nguyên nhân của nó. Những cơ hội đưa ra những tường thuật tin tức của tôi đã bị biến mất. Thịnh thoảng Krishnamurti thường đến gần tôi trong nhà bếp sau bữa ăn trưa và hỏi, giữa lúc chỉ có hai chúng tôi, “Tin gì đây, thưa bạn?” Và tôi sẽ trích dẫn rất gọn một tựa đề hay đưa ra một tóm tắt của một tin tức có giá trị. Dĩ nhiên việc này không hoàn toàn thú vị như sự trình bày thông thả tại bàn ăn, mà tôi đã bắt đầu ấp ủ.

Thịnh thoảng tôi nghĩ tôi đang trải nghiệm những dẫn vật của sự ghen tuông, khi tôi thấy những nhóm khách xúm lại đi dạo bộ cùng Krishnamurti trong khi tôi phải lái xe vào thị trấn và đến những cửa hàng để mua sắm hoặc làm những công việc vặt vãnh. Hơn tất cả, tôi muốn thấy tình bằng hữu của chúng tôi được khẳng định và nở hoa, không phải qua bất kỳ hành động nào trong những hành động của ông – bởi vì tôi đã nhận thấy sự ân cần và thương yêu của ông luôn luôn mãnh liệt – nhưng qua một hành động trong những hành động của tôi. Từ nhu cầu cá nhân nào đó, có lẽ một ý thức của không đền bù thỏa đáng, tôi có một thôi thúc phải diễn tả những cảm giác của tôi cho ông biết: rằng tôi là bạn của ông. Điều đó khá phi lý, nhưng tôi không thể xua đuổi nó. Tôi muốn được bảo đảm rằng ông biết tôi là bạn của ông.

Ngày 31 tháng năm, ngày trước khi ông rời để đi Anh, ông đi vào nhà bếp như thường lệ. Sau khi chúng tôi đã trao đổi những chào hỏi, tôi can đảm nói nhưng hơi ngập ngừng, “Krishnaji, có điều gì đó tôi muốn nói cho ông – nếu ông không phiền.”

Thái độ dễ tính của ông thay đổi mau lẹ, và một cảnh giác rực sáng hiện diện nơi ông, “Được rồi, thưa bạn, cứ nói đi.”

Tôi bắt đầu cảm thấy không tự nhiên lạ lùng, khi ông giam chặt tôi trong cái nhìn chăm chăm điềm tĩnh của ông.

“Tôi... tôi muốn nói cho ông, tôi có ý, tôi muốn cam đoan với ông...”

“Nói vào vệt máu chót đi, thưa bạn,” mắt kiên nhẫn ông nói.

“Tôi chỉ muốn nói với ông, Krishnaji, ằng tôi là bạn của ông.”

“Được rồi, thưa bạn,” ông nói, và sự nhạy bén dịu lại, ‘Rất tốt, Michael. Bây giờ chúng ta hãy đi ăn trưa. Tôi nghĩ những người khác đang chờ.’”

Tôi biết rằng ông ghê tởm tất cả cảm tính hay bất kỳ sự bộc lộ nào của những cảm xúc cá nhân, mặc dù ông là một người từ bi thực sự. Ông có thói quen diễn tả sự thương yêu thăm thẳm của ông một cách gián tiếp, như trong suốt những đối thoại cùng những giáo viên và những ủy viên, khi tôi đã nghe ông nói, “Nếu tôi nói tôi thương yêu bạn, liệu bạn sẽ lắng nghe nó? Hay liệu bạn sẽ nảy sinh mọi loại câu hỏi và phản đối: Ông thương yêu tôi đến chừng nào? Ông sẽ thương yêu tôi bao lâu, và vân vân? Tôi thương yêu bạn – đó là tất cả.”

Mặc dù như thế, sự đo lường thực sự của thương yêu là trong hành động của ông và trong sự chăm sóc mà ông bắt thành linh ập mỗi người. Tuy nhiên, tại khoảnh khắc này, mặc dù ông không phản ứng thêm nữa và tôi đã không mong chờ bất kỳ điều gì ngoại trừ đang lắng nghe yên lặng của ông, tôi cảm thấy tốt lành và khuây khỏa về sự thú nhận đơn giản của tình bằng hữu của tôi.

Bữa ăn trưa tiếp theo là một bữa ăn thân thiện và ít người. Ngoại trừ bảy người đầu đàn, một người bạn cũ từ Mount Shasta ở Northern California đang tham gia bữa ăn trưa cùng chúng tôi. Chúng tôi nói về những tình hình của thế giới và thần thoại học. Tôi vừa mới đọc vài quyển sách của Joseph Campbell về những thần thoại thế giới và hỏi Krishnamurti, “Lệu ông có hứng thú trong những huyền thoại của Hy Lạp và Ấn Độ cổ xưa? Và ông nghĩ chúng có bất kỳ ý nghĩa gì?”

“Chắc chắn, tôi thích chính những câu chuyện. Nhưng tôi không thích tất cả những phân tích, giải thích cái gì có nghĩa cái gì, và sự diễn giải liên tục của những biểu tượng, và tất cả mọi vô lý khác nữa. Chúng là những truyện cổ hay lắm, không gì thêm nữa.”

Ngày hôm sau, thứ sáu ngày 1 tháng sáu, chúng tôi có một bữa ăn trưa sớm lúc 12:30 bởi vì Krishnamurti và Mary Z. sẽ đi Anh vào chiều hôm đó. Lại nữa, chúng tôi có cơ hội để chào tạm biệt họ dưới cây tiêu.

Phần IV



NỞ HOA TRONG TỐT LÀNH

Chương 21

HÒA BÌNH TRÊN QUẢ ĐẤT

Món khai vị

Xà lách xanh lật qua lại trộn với nước sốt dầu ô liu và gia vị hay đậu phụng.

Xà lách cần tây trong nước sốt cải mù tạt và ớt.

Xà lách đậu xanh lạnh với hành, mùi tây, dầu ô liu và chanh, tô điểm với hạt hướng dương rang.

Món chính

Gạo wild, với nho Hy Lạp, nụ bạch hoa giâm, và hạt thông.

Đậu lăng Hy Lạp trộn với hành cà chua và cần tây.

Bông cải xanh hầm phục vụ cùng nước sốt dầu ô liu và nụ bạch hoa giâm.

Món tráng miệng

Kem xoài, chế biến bởi cơm xoài và kem.

Trái cây tươi theo mùa.

Bánh cookies bơ đậu phộng.

Trong khi Krishnamurti đang thực hiện những nói chuyện hàng năm lần thứ hai mươi tư tại Saanen, Thế vận hội mùa hè lần thứ XXIII đang được tổ chức, không có Liên xô, tại Los Angeles tháng bảy và tháng tám năm 1984. Một số hành động Olympic tràn vào Ojai Valley, khi những cuộc tranh tài được thực hiện tại Lake Casistas gần bên.

Đầu tháng chín, khi Krishnamurti đang kết thúc Những Nói chuyện Brockwood Park, chúng tôi đang trải qua một đợt nóng đầu tiên, nhiệt độ lên tới 106°F (41°C) trong nhiều ngày liên tiếp cho đến khi chấm dứt. Cũng có một sự kiện thiên thể lạ lùng đang xảy ra tại thời gian đó, mà nhìn thấy rõ ràng trong bầu trời hướng tây: một hàng thẳng của những hành tinh chính – sao Kim, sao Thổ, sao Hỏa và sao Mộc. Tôi thật phần khích khi quan sát những vì sao trên bầu trời như những điểm sáng của ánh sáng tương phản màu sắc của bầu trời hoàng hôn.

Ngày 26 tháng mười, Krishnamurti và Mary Z. ~~kh~~ hành từ nước Anh để đi New Delhi, Ấn độ. Vài ngày sau, ngày 31 tháng mười, Indira Gandhi, thủ tư ớng Ấn độ, mà rất kính trọng Krishnamurti và thường tìm kiếm lời khuyên nơi ông, bị ám sát tại nơi ở của bà ấy bởi hai người cận vệ. Krishnamurti đang ở không xa nhà ủa bà ấy lắm và mau chóng rời thành phố để tránh những hỗn loạn chính trị và những nổi loạn lan tràn, trong đó trên hàng ngàn thường dân vô tội bị chết. Ngoại trừ những thay đổi không đáng kể, ông tiếp tục thời khóa biểu nói chuyện của ông, trong khi Mary Z. đã bị bệnh, quay lại Ojai vào cuối tháng giêng.

Theo cùng với Asit Chandmal, Krishnamurti đến Ojai vào ngày 17 tháng hai năm 1985. Bị kiệt sức bởi sự đi lại và lịch trình làm việc quá bận rộn của ông, ông trải qua ngày hôm sau trên giường, nghỉ ngơi và khôi phục năng lượng của ông.

Cho bữa ăn trưa ngày hôm sau, tôi chuẩn bị món xà lách ô liu và bắp, món sốt bơ guacamole, súp đậu xanh, cà chua, thìa là, với bánh quiche rau spinach ba miếng pho mát, bông cải xanh với nước sốt olivos, và xà lách trái cây và yoyurt cho món tráng miệng. Có mười một người khách, và mỗi người đều vui mừng khi gặp lại ông, hỏi han về thời gian ông ở Ấn độ. Ông và Mary Z. kể lại sinh động cho chúng tôi về những sự kiện hỗn loạn quanh vụ ám sát Indira Gandhi.

Mặc dù ông cảm thấy khao khát và vui mừng khi quay lại Ojai, trông ông có vẻ mệt mỏi lắm. Trong khi chúng tôi đang dọn dẹp bàn ăn. Tôi nhận xét về số lần đi lại quá nhiều mà ông đã vừa thực hiện. Ông nhìn tôi bằng hai mắt ân cần và nói, “Bạn biết, thưa bạn, tất cả mọi đi lại bằng máy bay, tàu thuyền và xe hơi này không tốt lắm cho các cơ quan cơ thể. Chúng ta đã thực hiện công việc đi lại suốt bảy mươi năm, hay nhiều hơn. Nó làm bất an, gây rối loạn cơ thể. Luôn luôn cần thời gian để làm dịu lại và điều chỉnh. Nếu nó không di chuyển liên tục, cơ thể có lẽ sống lâu hơn – có lẽ một trăm năm, hay thậm chí có lẽ một trăm hai mươi năm. Vì vậy, hãy ở yên một chỗ và theo một sống yên lặng.”

Tôi hiểu rõ điều gì ông đang nói nhưng hơi ngỡ vực, bởi vì tôi thích đi lại và có dòng máu du mục trong tôi.

*

Đến chủ nhật, ngày 24 tháng hai, Krishnamurti đã khôi phục năng lượng rực sáng của ông và hào hứng muốn học hành thêm nữa về ngôi trường của ông. Khi mười hai người chúng tôi đang nói về những khó khăn của chương trình nội trú mới được thành lập, ông bắt đầu hỏi tuông về Happy Valley School, mà ông và Aldoux Huxley đã giúp đỡ để thành lập nhưng từ đó ông đã tự tách ra sau chỉ vài năm. “Bạn thấy,”

ông nói, “đầu tiên nó xảy ra tại Happy Valley School cũ, cùng những vấn đề – hút thuốc, uống rượu, thuốc men, tình dục, và vân vân. Lúc này bạn có chúng ở đây. Câu hỏi cơ bản là: ‘Bạn sẽ làm gì với những em học sinh này?’ Liệu bạn sẽ cho em sự nhân nhả? Liệu bạn sẽ cho em sự giải trí? Hay liệu bạn sẽ có một chương trình nghiêm ngặt, khiến cho các em bận rộn từ sáng đến khuya? Bạn thấy nó làm gì cho các em học sinh. Bạn sẽ đang nuôi dưỡng một phân chia trong các em – công việc đối nghịch với thời gian rảnh rỗi – mà là sự phân chia thực sự của sống.”

Sau khi bàn luận về tình hình nội trú khá lâu và đồng ý nhu cầu phải có một chương trình cân bằng, chúng tôi bắt đầu bàn về những tiếp cận trái với thông lệ đến sức khỏe và bệnh tật. Tôi đề cập phương pháp Bircher-Benner về chữa trị những bệnh tật kinh niên qua một chế độ ăn uống hàng ngày gồm thực phẩm chay được nấu chín hoặc sống. Tôi đã sử dụng một số trong những nguyên tắc ăn uống này khi chuẩn bị những bữa ăn ở đây.

“À, vâng, Bircher-Benner,” ông nói. “Tôi đã ở tại bệnh viện của họ gần Zurich trong vài tuần lễ.”

“Ông đã đến đó cho một mục đích đặc biệt, Krishnaji?” tôi hỏi.

“Nó là vào năm 1960, sau ca nhiễm trùng thận ở Ấn độ; họ khám nghiệm tôi và yêu cầu một thực đơn nghiêm ngặt.”

“Loại thức ăn nào họ yêu cầu ông ăn, thưa ông?”

“Họ chủ yếu cho tôi ăn bí xanh – tươi và chín – trong tất cả mọi hình thức và những chuẩn bị. Nó chữa trị tôi đến mức độ nào đó, nhưng sau một khoảng thời gian quá chán khi phải ăn một món y hết lặp đi và lặp lại.”

Chúng tôi cười bởi bộ mặt méo mó mà ông làm bộ. Người nào đó đưa ra sự chữa trị thuộc một loại khác, và cái tên Vimala Thakar được đề cập. Bà ấy là một người hoạt

động Ấn độ rất nổi tiếng. Trong một trong những quyển sách, bà ấy miêu tả làm thế nào một căn bệnh tai trầm trọng, mà nhiều bác sĩ y khoa chuyên môn không thể chữa trị, đã được chữa khỏi bởi Krishnamurti qua sự tiếp xúc bởi hai bàn tay của ông. Một giáo viên hỏi ông về trường hợp này, nhưng ông có vẻ khá miễn cưỡng khi nói về nó, bởi vì sự khẳng định liên tục của người phụ nữ đó rằng việc đặt hai bàn tay của ông đã giúp ích nhiều hơn chữa trị bằng thuốc men cái tai của bà ấy – nó cũng ban tặng một loại của khai sáng cho bà ấy.

Ông nhìn ngắm hai bàn tay dài, thon thả của ông và dăm chiêu, “Mẹ tôi cũng bảo trước cho tôi rằng tôi có quyền năng chữa trị trong hai bàn tay của tôi.” Ngược nhìn chúng tôi, ông ngưng ngưng nói, “Tôi muốn kể cho các bạn một câu chuyện vừa mới xảy ra cho tôi, nếu các bạn cho phép. Và làm ơn, tôi không đang ó gắng khoa trương như một người chữa bệnh hay một người làm phép lạ. Tôi thực sự không thích loại quảng cáo đó. Vì vậy, làm ơn đừng đi loanh quanh và la lên rằng Krishnamurti là người chữa bệnh. Việc này xảy ra ở Madras, một buổi chiều, và tôi đang dạo bộ dọc theo bãi biển tại Adyar. Có nhiều cái chòi cá ở đó và vài ngôi nhà phía sau nó. Một cậu trai nhỏ khoảng mười bốn tuổi chạy đến gặp tôi từ một trong những ngôi nhà đó và nắm chặt tay tôi và cảm ơn tôi rối rít. ‘Cảm ơn ông, thưa ông, cảm ơn ông về việc gì ông đã giúp đỡ,’ cậu bé nói. Tôi không biết nó là việc gì, vì vậy tôi hỏi cậu bé, ‘Bạn cảm ơn tôi về việc gì?’ Và cậu bé nói, ‘Con thấy ông vừa đi đến đây và nhận ra ông. Ông không nhớ con sao, thưa ông? Ông chữa bệnh cho mẹ con cách đây một năm. Mẹ bệnh rất nặng, và chúng con đến gặp ông và mang m đến phòng của ông. Và lúc này m bình phục rồi và có thể đi lại được.’ Cậu ta cứ cảm ơn tôi rối rít. Sau đó tôi nhớ ra rằng năm ngoái một chiếc xe hơi đã lái

thăng đến trước Vasanta Vihar. Toàn gia đình ra khỏi xe, nhiều trẻ em trong số họ, và họ khiêng người mẹ trên một cái cáng lên thăng trên lầu nơi tôi đang ở lại. Họ nài nỉ tôi giúp bà ấy. Bà ấy chắc chắn đang ở trên ngưỡng cửa của cái chết, không thể chuyển động hay nói chuyện, và những bác sĩ dường như không thể chẩn đoán căn bệnh của bà ấy hay làm bất kỳ việc gì về nó. Thế là, tôi bảo họ đặt cái cáng trước phòng của tôi và để tôi lại một mình với bà ấy. Sau chốc lát bà ấy hồi tỉnh lại và có thể đứng dậy với sự trợ giúp nào đó.”

Người giáo viên háo hức muốn biết rõ những chi tiết của tiến hành chữa trị thực sự và hỏi, “Ông thực sự làm gì, Krishnaji?”

Thình thoảng, khi những câu hỏi trở thành quá cá nhân hay đòi hỏi những thông tin quá sâu và không cần thiết, ông có thể trở thành bậc thầy của sự lảng tránh khéo léo. Ông phác một cử chỉ lịch sự của ‘hiểu nó ngay đó’ và tả lời hơi hơi bí ẩn, “Chúng ta đã làm điều gì chúng ta có thể.” Tiếp tục câu chuyện của ông, ông nói, “Họ phải giúp bà ấy khi bà ấy đi xuống cầu thang, nhưng bà ấy có thể đi được. Tất cả họ đều cảm ơn tôi, và đó là tất cả. Cậu bé trên bãi biển, cậu con trai của bà ấy, đang cầm bàn tay của tôi, lúc này mời tôi đến nhà của họ và gặp gia đình của cậu bé. Tôi cảm ơn cậu bé và xin lỗi. Và đó là câu chuyện.”

Ông yên ắng, và câu chuyện hiện ra trước mắt tinh thần của chúng tôi giống như một ảnh ba chiều, phơi bày ma thuật lạ thường của con người từ bi này, mà sự hiện diện của người ấy được đan quyện vào chính kết cấu thuộc những sông riêng của chúng tôi giống như một sợi chỉ bằng vàng.

*

Kỳ nghỉ cuối tuần tiếp theo, ngày 2 tháng ba, Krishanamurti gặp gỡ những giáo viên lần đầu tiên. Chúng tôi bàn luận về

sự phân chia lan tràn trong những sống của chúng tôi và cũng cả sự chuyển động của những chuyên môn hóa, mà đã phân chia sống thành công việc và nhàn rỗi, vì vậy đang tạo ra một nguồn của sự xung đột. Chúng tôi bị trói buộc trong một vòng tròn hiểm độc của những vấn đề vô tận. Mặc dù chúng tôi không hiểu rõ về qui trình suy nghĩ của chúng tôi, chúng tôi liên tục, dù là không đúng cách, sử dụng suy nghĩ, dụng cụ chính của hành động và sinh tồn của chúng tôi. Việc này tự nhiên sinh ra mọi loại vấn đề. Sự khó khăn bị làm cho tồi tệ hơn bởi sự kiện rằng chúng tôi tìm kiếm để giải quyết chúng bằng việc sử dụng sự suy nghĩ, chính dụng cụ mà đã gây ra chúng từ lúc đầu.

Trong khi chúng tôi đang thực hiện chuyên hành trình của thâm nhập vào những cái trí của chúng tôi, cùng những vấn đề của chúng, một cơn mưa đá trút xuống đột ngột tạo ra những tiếng lộp bộp cực mạnh trên mái nhà và những khung cửa kính. Nhìn ra ngoài sân, tôi thấy mặt đất bị bao phủ bởi một tầng mỏng của những viên đá, những cục đá tròn láng bóng màu trắng lóng lánh thật mau chóng tan chảy. Vì lý do nào đó tôi thâm nhận nó như một điềm báo tốt lành.

Suốt bữa ăn trưa ngày thứ hai kế tiếp, Krishnamurti đề cập một quyển sách mà ông vừa bắt đầu đọc, *Breaking with Moscow Tuyên giao với Moscow*, viết bởi Arcady Shevchenko. Tác giả đã là nhân viên ngoại giao Xô viết có thứ hạng cao nhất, một phó tổng thư ký tại Liên hiệp quốc ở New York, cho đến khi ông vừa bỏ đảng qua nước Mỹ. Sau khi được thẩm vấn và được công nhận là tị nạn chính trị, ông ấy bắt đầu lọt tin tức ra ngoài công chúng rất đầy đủ. Krishnamurti bị cuốn hút bởi chuyện kể lần đầu tiên của ông ấy về mưu đồ vận động ngầm trong bộ sậu cấp cao của sự thiết lập củng cố chính tị Xô viết. Ông háo hức bàn luận những chi tiết của quyển sách với Theo Lilliefelt, giữ chức

vụ ngoại giao L.H.Q. trước đây, người đã đề nghị ông đọc quyền sách đó. Ông bị kinh hoàng bởi những tiết lộ yếm thế bi quan giữa những người lãnh đạo chớp bu của Sô viết, sự trục lợi trơ trẽn của họ về quyền hành cũng như về đặc quyền, và sự tham nhũng không thể cứu vãn được của họ. Suốt vài bữa ăn trưa tiếp theo, ông đều đặn kể lại cho chúng tôi những phần đọc xong mỗi ngày. Ông chỉ không thể tưởng tượng nổi chiều sâu của sự thoái hóa của họ.

“Thưa bạn,” ông nói với Theo, “thật không thể tin được làm thế nào họ nói một việc và làm một việc hoàn toàn khác hẳn. Trong khi những người khác đang chết đói, những người chính trị này giả vờ rằng đang hầu hạ họ, nói vô tận về nhân dân – nó đã tạo ra những tốt đẹp như thế nào cho nhân dân, và vân vân. Nhưng họ chỉ đang phục vụ cho chính họ. Nó chỉ đang cho cái tôi cũ kỹ sự tốt đẹp – những chiếc xe hơi thượng hạng, những ngôi nhà, những lễ hội và những bữa tiệc hoành tráng – bạn biết, tất cả sự tham nhũng và suy đồi mà họ gây ra. Và những người này là những người đứng đầu của chính thể cộng sản, với quyền hành khủng khiếp, đang kiểm soát vũ khí hạt nhân. Họ định đoạt phương hướng tương lai của nhân loại – điều đó thật kinh hoàng,”

Thông thường, ông rất ngờ vực về bất kỳ những hệ thống chính trị xã hội nào được sáng chế bởi sự suy nghĩ của con người, bởi vì chúng luôn luôn bị sai lầm bởi một cấu thành cơ bản, bản chất của con người. Đối với ông, chủ nghĩa quốc gia trong bất kỳ hình thức nào không là gì cả ngoại trừ một dạng tôn vinh của chủ nghĩa bộ lạc, sự tiếp tục của những phân chia, những thành kiến, những sợ hãi, những hận thù, và những chiến tranh từ khi có con người trên quả đất. Nhưng ông nhận ra ‘cái giả dối như cái giả dối, cái sự thật như cái sự thật, và cái sự thật trong cái giả dối’, như ông diễn tả nó. Không tán thành bất kỳ hình thức đặc biệt nào của

chính phủ, ông ưa thích sự dân chủ và nhận biết rõ ràng những chất lượng của những hệ thống chuyên chế – thực chất đều hủy diệt và xấu xa. Thật ra, ông thường nói, “Quyền hành trong bất kỳ hình thức nào đều xấu xa.”

Breaking with Moscow Tuyệt giao với Moscow có vẻ cung cấp cho ông chứng cứ đầu tiên, không thể bác bỏ được rằng hệ thống Cộng sản bị thối nát đến tận xương tủy, lừa dối nhân dân riêng của họ cũng như thế giới bên ngoài, và đang đe dọa nghiêm trọng đến hạnh phúc của nhân loại. Tôi cũng đọc quyển sách nhưng cảm thấy hơi nghi ngờ về những khía cạnh nào đó của quyển sách. Tôi nói lên những nghi ngờ của tôi tại bàn ăn.

“Krishnaji,” tôi hỏi, “ông không nghĩ rằng trong nhiều cách tác giả có những động cơ kín đáo, đặc biệt trong việc cố gắng tẩy rửa chính ông ấy bằng cách miêu tả sinh động những kẻ thù của ông ấy như quá nhiều thoái hóa tội tệ? Rốt cuộc, ông ấy cũng đã là một người vận hành có cấp bậc cao trong nhiều năm, cũng góp phần hoàn toàn trong tất cả sự thoái hóa này?”

Có vẻ ông không quan tâm theo đổi hướng nhận xét của tôi và trả lời, “Không, không, thưa bạn. Chỉ thấy điều gì ông ấy đang nói.”

Khoảng thời gian này, giữa tháng ba năm 1985, người lãnh đạo thứ ba của Liên bang Xô viết trong nhiều năm đã qua đời khi đang tại vị. Brezhnev đã chết năm 1982, sau nhiều năm đứng đầu; người kế nhiệm, Yuri Andropov, từ già thế giới năm 1984, sau chỉ mười lăm tháng nắm quyền; và hiện nay Chernenko, cai trị chỉ mới một năm, đã chết và được thay thế bởi Mikhail Gorbachev, năm mươi bốn tuổi, người lãnh đạo trẻ nhất lên nắm quyền hành ở Liên bang Xô viết. Trong khi chúng tôi bàn luận những thay đổi này trong hệ thống thứ bậc của siêu quyền lực Cộng sản, người nào đó

chuyên đọc một tuần báo tin tức mà có hình của chủ tịch mới. Krishnamurti không nói gì cả, như ng chỉ thâm nhập kỹ càng khuôn mặt của Gorbachev rất lâu.

Sau chốc lát, ông nói, “Tôi phải kể cho các bạn một chuyện vui mà tôi vừa mới nghe. Một người đàn ông chết và đi tới địa ngục. Khi ông ấy đến gần, ông ấy nhận thấy hai cái cổng lớn dẫn vào địa ngục phía bên trong. Cả hai đều được canh gác bởi những quỷ dữ. Trước một cái cổng, có một hàng dài người đang chờ đợi đi vào, trong khi cổng còn lại chẳng có ai cả. Người đàn ông đi đến cái cổng không người chờ đợi và đọc dấu hiệu trên nó, ‘Địa ngục Tư bản’. Ông ấy hỏi con quỷ đang canh gác, ‘Chính xác ông làm gì đây?’ Con quỷ trả lời, ‘Chúng tôi khoan những cái lỗ trong những người bị xử tội và đổ đầy chúng bằng dầu nóng.’ Người đàn ông đi đến cái cổng kia nơi hàng ngàn người đang xếp hàng. Ở đây cái bảng viết, ‘Địa ngục Xã hội chủ nghĩa’. Người đàn ông quay về phía tên quỷ đang đứng gác và hỏi, ‘Và ông làm gì ở đây, trong Địa ngục Xã hội chủ nghĩa?’ Tên quỷ trả lời, ‘Chúng tôi khoan những cái lỗ trong những người bị xử tội và đổ đầy chúng bằng dầu nóng.’ Người đàn ông quá kinh ngạc và la lên, ‘Nhưng đó chính xác là việc gì họ đang làm đằng kia, trong Địa ngục Tư bản. Vì vậy, tại sao không có ai ở đằng kia, trong khi ở đây hàng ngàn người lại đang chờ đợi?’ Tên quỷ nhún vai, “Ồ, bạn biết trong chủ nghĩa tư bản mọi thứ vận hành một cách hiệu quả. Ở đây trong Địa ngục Xã hội Chủ nghĩa chúng tôi vẫn còn đang chờ đợi những lỗ khoan, và chúng tôi cũng hết dầu rồi.”

Giữa những tiếng cười, Krishnamurti lặng lẽ cười thầm, “Đó có lẽ là nơi duy nhất mà chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản có ích lợi – trong địa ngục.”

*

Suốt tháng ba, Krishnamurti gặp gỡ những giáo viên trường tại Pine Cottage mỗi sáng thứ bảy lúc mười một giờ, để bàn luận những vấn đề liên quan đến sống hàng ngày của chúng tôi và những hoạt động giáo dục – không phải như những chủ đề tách rời nhưng có liên quan lẫn nhau. Ông tóm lược bản thể của một đối thoại bằng cách nói, “Sự kết thúc của quan tâm về chính mình là sự khởi đầu của thông minh.” Năm bắt đầu này không chỉ theo trí năng nhưng cũng còn cả, và quan trọng nhiều hơn, nhận ra nó trong sống hàng ngày của chúng ta là một đột biến vượt khỏi một cách thực tế khả năng của mọi người. Tôi phát giác chính bản thân mình đang hỏi, ‘Liệu tôi có thể thực sự kết thúc tự quan tâm về chính mình của tôi? Tại sao nó có vẻ khó khăn quá?’ Trong suốt đối thoại kế tiếp chúng tôi thâm nhập chủ đề tự quan tâm về chính mình tại chiều sâu vô hạn, gắn liền nó với những ưa thích và những không ưa thích, những quan điểm và những thị hiếu cá nhân, và sự quyến luyến.

Thứ bảy tiếp theo, Krishnamurti bắt đầu bằng cách đưa ra một câu hỏi đơn giản nhưng dễ bị lừa, “Sống có nghĩa gì đối với bạn?”

Nói chuyện vợ vẫn qua những lãnh vực của vui thú và đau khổ, quyến luyến, tội lỗi và kiềm chế. Trong hướng thâm nhập của chúng tôi, tôi cảm thấy tôi đang bị đưa vào mặt đối mặt với một thực tế của đang sống hàng ngày mà hiếm khi nào tôi nhận biết, bối cảnh sâu thẳm hơn của việc gì đang xảy ra. Từ khi bắt đầu làm việc cùng Krishnamurti, tôi đã quan tâm sâu thẳm trong sự khai sáng và sự thay đổi. Dần dần tôi đã nhận ra những lảng tránh khó nắm bắt của những lý tưởng này, đặc biệt khi được hình thành như những mục tiêu phải đạt được qua những hệ thống của đang trở thành. Khi Krishnamurti bắt đầu nói về nghệ thuật sống, xóa sạch ý tưởng của những mục tiêu cố định mà người ta theo đuổi, nó

là một tiếng gọi thức dậy. Thực tế một cách lạ lùng và tốt lành một cách sâu thẳm, sự tiếp cận này liên quan trực tiếp đến sống ngày-sang-ngày thực sự của người ta và không phải đến lý tưởng tượng tượng nào đó. Mặc dù tất nhiên không dễ dàng, để thấy nó rất rõ ràng và đơn giản.

Vì vậy, Krishnamurti giải thích nó theo cách đó: “Nghệ thuật sống là nghệ thuật quan trọng nhất, to tát hơn bất kỳ nghệ thuật nào khác, vĩ đại hơn viết một bài thơ hay sáng tác một bản giao hưởng, linh thiêng hơn tất cả những đèn chùa và những nhà thờ.” Ông tiếp tục sau một chút yên lặng, “Và không ai có thể dạy cho bạn nghệ thuật này.”

Cuối cùng, ông giải thích nó rõ ràng rằng nghệ thuật sống có nghĩa không sợ hãi, không đau khổ, sống không bất kỳ xung đột hay vấn đề; và rằng nó theo cùng nghệ thuật chết.

*

Thứ hai ngày 25 tháng ba, chỉ có sáu người chúng tôi dùng bữa ăn trưa. Một người khách từ Ấn độ đã là một người bạn thân của Krishnamurti suốt nhiều năm. Trong khi chúng tôi thường thức một bữa ăn của gạo trồng tự nhiên, đậu lăng Hy Lạp, bắp cải hấp và xốt nụ bạch hoa giâm và ô liu, được theo sau bởi món kem quả hồng, một cảm giác của thân thiện và cởi mở đã phát triển. Krishnamurti nói chuyện hòa nhã cùng người bạn cũ của ông về truyền thống đạo sư và những ý tưởng của Phật giáo về những bồ tát. Mặc dù ông không bao giờ phát biểu rõ ràng liệu những bậc này có hiện diện hay không, rõ ràng ông bị cuốn hút bởi chủ đề này. Suốt những nói chuyện trước công chúng và những đối thoại riêng tư, thỉnh thoảng ông nói về những bồ tát và những hiện diện được khai sáng; ông cũng thường trả lời về những câu hỏi

những người tạm gọi là bậc thầy của Theosophy – nhưng cũng chỉ từ chối hay giải thích, hơn là khẳng định hay phủ nhận ý tưởng đó. Ông hoàn toàn nhạy cảm về những vấn đề này và không thích những nội dung của những nói chuyện của ông được lặp lại, bởi vì chúng có thể dễ dàng bị diễn giải sai lầm. Không có bất kỳ vấn đề nào trong nó có liên quan đến lời giảng của ông.

*

Cuối tháng tư, hiệu trưởng của sự phát triển, người mới đây đã quay lại sau khi viếng thăm nhiều trường cao đẳng và đại học ở Coast East, tham gia ăn trưa cùng chúng tôi. Trong bữa ăn ông ấy kể cho Krishnamurti rằng những lời giảng của ông đã hình thành 1 phần của những khóa triết học tại nhiều trường đại học. Phản ứng của Krishnamurti được kèm hăm nhưng đầy sự mê say ngây thơ bởi tin tức từ những học viện giáo dục cấp cao này. Đưa ra những tờ giấy, hiệu trưởng giải thích, “Krishnaji, đây là những câu hỏi kiểm tra. Những sinh viên theo khóa học về những lời giảng của ông phải vượt qua bài kiểm tra này.”

Krishnamurti bối rối nhìn và tò mò cầm những tờ giấy trên hai tay ông để xem nó kỹ càng hơn.

Một ủy viên phụ nữ châm biếm, “Liệu tất cả nó là loại những câu hỏi đúng sai, hay loại chọn câu nào đúng nhất?”

Mọi người tại bàn ăn, kể cả Krishnamurti, đều bật ra tiếng cười, và hiệu trưởng trả lời, “Ồ, vâng, có những câu hỏi đúng-sai và chọn câu nào đúng, nhưng phần chính của bài kiểm tra gồm có những bài luận.”

Krishnamurti, trong thời gian đó, đã đọc lướt những giấy thi và đặt chúng trên bàn bên cạnh đĩa ăn của ông; ông nhận xét bằng một nụ cười tán thưởng, “Những kiểm tra này

thật hay. Vâng, chúng thực sự là những câu hỏi rất tốt.” Sau đó ông nói thêm thật lạ lùng, “Tôi không hiểu liệu tôi đậu nổi bài kiểm tra này.”

Câu đó hoàn toàn châm chọc cho những tiếng cười vui vẻ. Chúng tôi đang nắm chặt cạnh bàn bởi sự đùa giỡn cởi mở. Trả lời của hiệu trưởng về sự nhận xét của Krishnamurti thêm vào một tràng cười ngặt nghẽo khác, “ Dĩ nhiên, thưa ông, tôi cam đoan rằng ông sẽ đậu với điểm xuất sắc nhất.”

*

Đầu tháng tư, thời tiết bỗng nhiên nóng khiếp lắm. Thứ hai ngày 1 tháng tư có mười hai người ăn trưa. Ngoại trừ một người bên ngoài, tất cả chúng tôi đều là những thành viên lâu đời của School và Foundation. Tôi đã chuẩn bị một món xà lách đậu hũ ướp, một xà lách trứng và khoai tây, súp cà chua gazpacho, bột mì nấu với rau Provençal, và bánh sô cô la hạnh nhân và kem cho món tráng miệng.

Hầu như ngay từ khi bắt đầu ăn trưa, một căng thẳng khó chịu, lạ lùng đang lan tràn trong chúng tôi. Bỗng nhiên, một phản ứng dây chuyền xảy ra, giải phóng những cảm giác đối địch bị dồn ép. ‘Người bên ngoài’ duy nhất trong số chúng tôi, một người đầu bếp viếng thăm từ Brockwood Park, hơi kinh ngạc một cách hồn nhiên bởi điều gì ông ấy nghĩ là những cao lương mỹ vị mà chúng tôi phục vụ cho bữa ăn trưa, và một trong những ủy viên mau chóng khiển trách tôi vì quá phung phí trong nhiều loại thức ăn mà tôi phục vụ. Điều này được tiếp theo bởi một vài ủy viên và hiệu trưởng tranh cãi lẫn nhau. Tôi bị choáng váng – không chỉ do bởi bị trở thành mục tiêu, nhưng còn bởi sự bộc lộ bất ngờ này của hờn dỗi lẫn nhau trước mặt Krishnamurti.

Rõ ràng ông nhận thấy sự cãi cọ thấp giọng này nhưng không tham gia vào, chỉ một khoảng cách quan sát, nhút nhát, không nói một lời. Cuối cùng, không cần đạt đến gốc rễ của sự tranh luận, chúng tôi điềm tĩnh lại. Nói chuyện chuyển thành những xung đột xa xôi hơn – tình hình siêu quyền hành toàn cầu và sự đe dọa của chiến tranh hạt nhân. Một người thắc mắc, “Sau một chiến tranh hạt nhân giữa những siêu quyền hành, có thể sẽ không còn nhiều nơi trên quả đất mà con người có thể sống được.”

Chúng tôi bắt đầu một trò chơi phỏng đoán, về vấn đề chúng tôi muốn ở nơi nào, nếu một xung đột hạt nhân chết người xảy ra. Người nào đó đề nghị New Zealand như một nơi an toàn, một người khác Nam Mỹ. Một phụ nữ quay về Krishnamurti và hỏi ông, “Ông muốn ở đâu suốt một thảm họa như thế, Krishnaji?”

Suy nghĩ về câu hỏi trong chốc lát, ông trả lời bằng một nụ cười dờn cợt, “Tôi nên nghĩ Ojai Valley sẽ là một nơi an toàn, đúng chứ? Nó được bảo vệ bởi những hòn núi vây quanh, và người ta có thể ngồi dưới một cây cam và sống nhờ vào quả của nó.”

“Chỉ sống nhờ vào những quả cam?” Tôi ngạc nhiên.

Người phụ nữ đó phản đối, “Nhưng nó rất gần Los Angeles, mà sẽ là một trong những mục tiêu đầu tiên của một tấn công của kẻ thù. Chắc chắn, phóng xạ hạt nhân sẽ ảnh hưởng Valley.”

“Và Vandenburg Air Force Base có thể lãnh đủ bởi một hỏa tiễn liên lục địa,” hiệu trưởng nhận xét.

“Được rồi, được rồi,” Krishnamurti trả lời, cười, “Tôi sẽ tìm một nơi an toàn khác.” Ông tìm kiếm một vài chọn lựa khác, chỉ để loại bỏ chúng. Cuối cùng ông nói, “À, tôi đã kiếm được nó: khu Dordogne ở Pháp sẽ là một nơi an toàn để sống. Những người tiền sử hồi trước thường sống ở đó trong

những hang động, suốt mười ngàn năm. Tôi đã thăm vùng đó. Nó rất đẹp và phì nhiêu, và nó có thể sẽ là một nơi an toàn như bất kỳ nơi nào.”

*

Ba ngày sau, tứ năm, ngày trăng tròn tháng tư, không có bữa ăn trưa. Mary Z. phải lái xe đi Los Angeles vào buổi sáng, và Krishnamurti sẽ ở trên giường nguyên ngày hôm đó. Vì vậy tất cả chúng tôi đều đồng ý hủy bỏ bữa ăn trưa thường xuyên, trong khi tôi chuẩn bị một ít thức ăn cho Krishnamurti và mang nó cho ông tại Pine Cottage.

Ngày hôm đó sáng sủa, nóng, và ánh mặt trời phản ánh rực rỡ từ những bức tường gạch không nung sơn trắng của ngôi nhà. Thẳng lẳng cái khay trên lòng bàn tay phải đang nâng cao của tôi, tôi đi qua những bụi hồng, những bông hoa nở rộ um tùm của nó đang bắt đầu bị tàn tạ trong sức nóng. Chậm chậm bước lên những bậc thềm đến cái cửa màu đỏ thẫm, tôi sửa cho vững vàng cái khay bằng bàn tay trái của tôi, với mục đích ngăn cản những bình đựng thức ăn không va chạm vào nhau. Ngày hôm trước ông đã bảo tôi, “Đến khoảng một giờ, thưa bạn, và rung chuông. Tôi sẽ ra mở cửa cho bạn. Tôi sẽ để cửa không khóa, bởi vì tôi là người duy nhất trong nhà và tôi có thể nghe người nào đó đi vào.”

Tôi cẩn thận nhấn vào cái nút và nghe tiếng chuông leng keng xa xa trong nhà. Những giây trôi qua khi tôi đứng chờ ở đó. Không có tiếng ồn, chỉ có sức nóng của ban ngày và tiếng ù ù của những côn trùng. Tôi bắt đầu tự hỏi không hiểu ông đã nghe tiếng chuông và đang định nhấn chuông lại, thì cánh cửa được mở ra một cách yên lặng, và ông xuất hiện.

Đối với tôi, Krishnamurti luôn luôn là một hình bóng lạ thường phải được nhìn ngắm. Nhưng dưới những trường hợp

nào đó, thường thường những tình huống không tiên đoán, thậm chí ông còn trông lạ thường hơn thường lệ. Hôm nay đã tình cờ là một trong những dịp hiếm hoi như thế. Ngoài ra, chúng tôi đang gặp gỡ mặt đối mặt nhau, chỉ có hai người chúng tôi. Ông đang mặc một áo choàng tắm màu trắng vải bông xù, mịn và thoáng, mà kéo dài đến tận hai bàn chân đi sandal của ông. Từ hai ống tay áo rộng, bành bồng, hai bàn tay đen sẫm mảnh khảnh của ông thò ra. Đầu của ông được quấn trên đỉnh bởi một cái quàng tóc bạc xoắn tít lại.

Sự phong phú quá mức của ánh sáng làm sững sốt tôi. Mọi thứ trắng xóa và rực rỡ lạ kỳ: ánh sáng cực mạnh của ban ngày đang ủa vào phía bên trong ngôi nhà, được phản ảnh từ những bức tường trắng và những miếng đá lát nền trắng; và Krishnamurti, tóc bạc trắng, trong một chiếc áo choàng trắng. Nó tác động vào tôi giống như một cảnh nằm mơ rõ ràng, nơi tất cả những yếu tố hòa hợp cùng một chuyển động đang trôi chảy, một cách rung động đang tạo ra và không đang tạo ra những hình thể và những đường lượn lờ như vũ ba lê từ một bối cảnh chung. Ông bước về phía trước khỏi bối cảnh rung động đó, giống như một bậc thầy cổ xưa của thuật giả kim, người đã đạt được sự tốt lành tột đỉnh: không chỉ để thay đổi kim loại chì và những kim loại cơ bản khác thành vàng, nhưng còn để làm tan chảy và chuyển đổi tất cả những sự vật và những sinh linh vào chính ông, và, qua ông, vào trông không minh bạch.

“Chào, Michael,” ông nói bằng một nụ cười nghênh đón. Dường như ông tỏa sáng, và hai mắt thân thiện của ông chiếu ra bằng một ngọn lửa dịu dàng, như cái gương soi.

“Tôi đem bữa trưa của ông, Krishnaji,” tôi giải thích. “Ông muốn tôi đặt nó ở đâu?”

“Đặt nó đằng đó trên cái quầy nhà bếp,” ông nói, và theo sau khi tôi đi vào nhà bếp và đặt cái khay trên quầy.

Như tôi thường làm vào những dịp này, tôi chỉ vào những món ăn khác nhau, gọi tên chúng và đọc lại những thành phần của nó. Ông lắng nghe đầy chú ý bài đọc nấu nướng của tôi, hỏi han một hay hai chi tiết, trước khi bỗng nhiên nắm chặt cánh tay tôi trong một trong những cử chỉ quen thuộc của ông và nói, “Cám ơn bạn, thưa bạn. Tôi sẽ mang nó vào phòng ngủ trong một cái khay khác.”

Qua gặp gỡ ngắn ngủi của chúng tôi, lắng nghe sự vang rền của tiếng nói ông, tôi có một cảm giác của sự thanh thoát không thể diễn tả được. Những lo âu, những phiền muộn, và tất cả những quan tâm thế gian đã rơi rụng hết, và, lúc này khi tôi đi bước đến cửa trước, cùng Krishnamurti đang đi phía sau tôi, tôi nhận biết những đường nét liền liền như một mảnh của một bao la không biết được. Một cách chính xác, lơ lửng về hướng cửa ra vào và rời khỏi sự hiện diện bao bọc của ông, vào sự rục rở gây lóa mắt của ban ngày, tôi quay lại, một chân đã ở trên bậc thềm thứ hai, để đối diện Krishnamurti bằng một chào hỏi từ già. Ông đứng đó, tỏa sáng rực rỡ trong chiếc áo choàng thùng thình, thẳng đứng nhưng mong manh và bé xíu, một tay đặt trên núm cửa đồ thảm đã mở ra một nửa, tay còn lại buông thõng thảnh thơi bên hông của ông. Ông đang nhìn tôi một cách không tập trung lắm, như thể ông đang chăm chú vào khoảng không gian quanh đầu và cơ thể của tôi hơn là chính cái cơ thể. Tôi vừa dự tính thốt ra vài từ ngữ biết ơn, bỗng nhiên ông nói trước: ông lặp lại một câu văn bằng tiếng nước ngoài, mà tôi không hiểu rõ cũng như không nhận dạng được. Có một vang rền của sự cao cả trang nghiêm trong những từ ngữ, được tăng mạnh thêm bởi kiểu phát âm đặc trưng của ông. Nghiêng đầu về phía sau và hơi hơi khép hai mí mắt lại, ông phát âm những từ ngữ giống như một câu thần chú ma thuật, đầy chiều sâu vang vọng. Mở hai mắt ra, ông nhìn thẳng vào

hai mắt của tôi, nơi có lẽ ông đã phát hiện không có gì ở ngoài trừ sự ngỡ ngàng.

Tôi do dự hỏi, “Tôi xin lỗi, thưa ông. Ông đã nói gì vậy?”

Ông lật ra lại những từ ngữ, “*Anna dathu sukhi bhava.*”

Có một âm điệu đối với nó, với nhiều nhấn mạnh và những phụ âm được giữ lại, đang tạo ra một rung động trong một nốt o o trầm. Tôi cố gắng lặp lại những từ ngữ nhưng không được, “Nó có nghĩa gì vậy, Krishnaji?” tôi hỏi.

“Nó là một câu nói bằng tiếng Phạn cổ. Nó có nghĩa, ‘Cầu cho người ban lương thực được hạnh phúc.’”

Tôi cảm thấy một hân hoan bất ngờ đang trào dâng bên trong tôi, và tôi cảm ơn ông như thể ông đã cho tôi một món quà quý báu, “Cảm ơn ông, thưa ông.”

Một nụ cười tươi trao đổi giữa chúng tôi, và tôi nhảy nhót quay về nhà bếp Arya Vihara qua cánh rừng cam.

*

Ba ngày sau, sáng sớm ngày thứ bảy, Krishnamurti và Mary Z. rời đó để đến phi trường đón chuyến bay đi New York City, nơi ông đã có thời khóa biểu nói chuyện tại L.H.Q. ngày 11 tháng tư. Vào kỳ nghỉ cuối tuần ngày 20 và 21 tháng tư, ông sẽ thực hiện hai nói chuyện tại Kennedy Center, Washington, D.C., và quay lại Ojai thứ hai sau. Thế là, ông sẽ không hiện diện ở đây suốt hai tuần lễ.

Người đồng nghiệp của tôi và tôi nhân cơ hội này lái xe thẳng tới Pacific Coast qua Bic Sur đến San Francisco trong một tuần lễ. Sau khi quay lại Ojai, tôi đón một chuyến bay từ LAX đến Washington, D.C., để tham gia những nói chuyện ở đó. Đó là chuyến viếng thăm đầu tiên của tôi đến thủ đô của

quốc gia, và tôi bị ấn tượng sâu thẳm, không những bởi sự tập trung quyền hành to tát, nhưng còn cả bởi những sưu tầm khổng lồ của những kho báu nghệ thuật, và những thiết kế kiến trúc của thành phố.

Tuy nhiên, điều gì gây ấn tượng tôi nhất là thấy Krishnamurti đang thực hiện một nói chuyện tại một Center nổi tiếng của Nghệ thuật Biểu diễn vào lúc 2;30 chiều thứ bảy. Mặc bộ com lê nâu cài chéo, với một cà vạt màu đỏ tía và một cái khăn mùi soa nhỏ màu trắng trong túi ngực của ông, ông ngồi trên một cái ghế đơn giản ngay giữa sân khấu lớn đèn mờ. Có một cái microphone trước mặt ông, và một cái microphone kẹp được đính vào ve áo. Thật khó khăn để hình dung một tương phản cảm động hơn : một người một mình trên cái sân khấu lớn trống không, đang đối diện một lượng khán giả quốc tế theo dõi gồm ba ngàn người, được tập hợp trong một nhà hát tại địa điểm của siêu quyền hành. Nói chuyện bắt đầu theo một nhịp điệu sai lầm, bởi vì hệ thống loa tạm thời không hoạt động tốt. Nhưng ngay khi nó được điều chỉnh, Krishnamurti thâm nhập vào một trong những tổng kết súc tích, thôi thúc nhất của những lời giảng không thời gian của ông. Ông khẩn thiết nói, cùng rất ít những cử chỉ, ngồi thẳng đứng và hầu như bất động trong cái ghế của ông. Ông nói về tình trạng bị quy định của con người, về xung đột và đau khổ, về hòa bình, về thâm nhập, về vẻ đẹp và sợ hãi, về thời gian và suy nghĩ.

Sáng hôm sau, lúc 11 sáng, ông tiếp tục chuyến hành trình toàn cảnh vào ý thức con người cùng những người lắng nghe của ông. Cũng nghiêm túc như ngày hôm trước, ông bắt đầu bằng cách thâm nhập sự vui thú và vai trò thống trị mà nó đảm trách trong những sống của chúng ta. Tại một mấu chốt, ông nói, “Chúng ta sợ hãi quan sát về chính chúng ta. Như chúng ta đã nói – quan sát về chính chúng ta rất rõ ràng,

chính xác, tí mĩ chỉ có thể xảy ra được trong cái gương của sự liên hệ: đó là cái gương duy nhất mà chúng ta có. Khi bạn quan sát về chính bạn – dù bạn đang chải tóc của bạn, hay bạn đang cạo râu, hay bất kỳ việc gì bạn đang làm với khuôn mặt của bạn...”

Bỗng nhiên và vì một lý do không rõ ràng ngay lúc đó, ông cười gọn và sau đó nói, “Xin lỗi.” Có một khoảng ngừng ngắn của yên lặng khi ông khôi phục sự bình tĩnh, nhưng trong lúc đó một số người đã bắt đầu u cười khúc khích bởi sự hàm ý hài hước trong gợi ý nhìn ngắm về chính người ta như người ta làm trong một cái gương ở phòng tắm.

Ông tiếp tục, “Bạn nhìn trong cái gương của bạn”, nhưng một lần nữa ông bị khuấy phục bởi hình ảnh vui vẻ nào đó đã được khơi dậy trong ông. “Xin lỗi,” ông lại nói bằng hai mắt tươi cười. Có nhiều tiếng cười hơn từ khán giả để đáp lại sự phơi bày bất thần của đùa giỡn, mà tương phản rõ ràng với vẻ nghiêm túc trước đây của ông. Trở lại khuôn mặt nghiêm túc, ông sắp sửa tiếp tục, bỗng nhiên một lần nữa ông bị áp đảo bởi một tràng cười nữa. Lắc đầu tức bực do bởi không thể xua đuổi sự thôi thúc tự bột phát đó, ông nhượng bộ những tràng cười liên tục, mà đến lúc này đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ trong tất cả khán giả. Sau khi đã cười không thể kềm hãm được trong vài khoảnh khắc, ông hỗn hển thở ra một xin lỗi khác, “Tôi xin lỗi.”

Những từ ngữ của ông lại bị nuốt trọn bởi một tràng cười khác. Việc này tiếp tục được một hoặc hai phút, trong khi ông quan sát hàng ngàn khuôn mặt đang cười i trước mặt ông bằng một diễn tả của sự hài lòng hoàn toàn chân thật. Sau khi sự vui vẻ đã giảm xuống phần nào, ông gãi má của ông bằng một ngón tay và nhận xét, “Tôi vui mừng khi các bạn chấp nhận.”

Cuối cùng, bình tĩnh lại, ông tiếp tục, “Cái gương đó phản ánh chính xác bạn là gì.”

Mặc dù nó có lẽ không là gì cả nhưng một bùng nổ của sự vui vẻ lây lan mà không có nghĩa lý hay lý do, có một chất lượng kể chuyện tuyệt vời về sự kiện này, bộc lộ khiếu hài hước trôi chảy tự do của Krishnamurti. Ông tiếp tục nói chuyện bằng cách thâm nhập vào trật tự và vô trật tự, học hành, đau khổ, tình yêu và chết, tôn giáo và thiêng liêng, và thiên định. Nó đang gây xúc động lạ lùng, khi, tại khúc cuối của nói chuyện lạ thường này, một bé gái đi lên sân khấu với một bó hoa trong tay và tặng nó cho Krishnamurti, người nghiêng mình xuống để nhận nó từ bé gái.

*

Hai ngày sau, tất cả chúng tôi lại ở Ojai, chia sẻ bữa ăn trưa tại A.V. Bởi vì có năm hay sáu người khách không đi East Coast, Krishnamurti, Mary Z. và tôi cho họ về những sự kiện ở Washington, D.C. Tò mò về thời gian ông ở New York City, tôi hỏi ông, “Và còn nói chuyện của ông tại Liên hiệp quốc thì sao, thưa ông? Nó diễn biến như thế nào?”

“Tôi nói chuyện tại ‘Pacem-in-Terris Society’ Tổ chức Hòa bình Thế giới, nhưng tôi không hề liệu có bất kỳ đại biểu nào của L.H.Q. có quan tâm đến hòa bình. Một người đến gặp tôi sau đó và nói, ‘Tôi đã làm việc ở L.H.Q. suốt bốn mươi năm, và sau khi nghe ông nói chuyện tôi đã có một kết luận rằng chiến tranh là sai lầm.’ Hãy tưởng tượng điều đó, thưa bạn, ông ấy phải mất bốn mươi năm để có được sự hiểu rõ đó! Và đó chính là những người điều hành tổ chức.”

Mary Z. bắt đầu cười nhè nhẹ và giải thích, “Krishnaji được trao tặng một huy chương hòa bình. Nhưng sau đó ông

quên nó trên bàn, và một người theo sau ông để đưa cái huy chương.”

Chúng tôi bắt đầu cười vui vẻ bởi bố cục của những sự kiện, và Krishnamurti cũng tham gia cùng sự vui vẻ của chúng tôi.

Hiệu trưởng hỏi ông, nghiêm túc hơn, “Ồ, thưa ông, điều gì xảy ra nếu ông được đề cử Giải Nobel Hòa bình – ông sẽ nhận nó?”

Krishnamurti ngạc nhiên nhìn ông ấy, và sau đó trả lời, “Thưa bạn, làm thế nào tôi có thể nhận một phần thưởng như thế? Một phần thưởng cho việc gì? Những người chính trị đã đang ặng thưởng giải thưởng hòa bình này cho lẫn nhau nhiều năm rồi, nhưng không có bất kỳ hòa bình nào trong thế giới. Tất cả nó chính xác là một trò hề, một loại trò chơi nào đó mà họ đang đùa giỡn. Không, thưa bạn, nếu bạn đang làm công việc đúng đắn, bạn sẽ không nhận bất kỳ giải thưởng hay phần thưởng nào. Hành động đúng đắn là một kết thúc trong chính nó.”

Bỗng nhiên, tất cả chúng tôi đều đang nói chuyện hào hứng tại cùng thời gian, suy xét về ủng hộ hay phản đối của Giải thưởng Nobel Hòa bình, như thể nó là một điều xảy ra thực sự. Nhưng Krishnamurti vẫn tách rời, không quan tâm bất kỳ những giải thưởng thực sự có thể xảy ra nào.

Chương 22

MỘT NGƯỜI KHOA HỌC CỦA PHÍA BÊN TRONG

Món khai vị

Xà lách xanh lật qua lại với nước xốt dầu ô liu và gia vị hoặc
phó mát xanh.

Xà lách đậu hũ ướp, ăn với cà rốt nạo, cần tây, mùi tây và
gừng cắt thành khối đẹp.

Xà lách trứng và khoai tây gia vị bởi thìa là và rau dâm cắt
thành hình khối đẹp.

Món chính

Súp lạnh gazpacho, nấu với cà chua, dưa chuột và mùi tây.

Mì couscous với mùi tây, nho khô, và quả hạnh.

Rau Provençal, bí xanh, nấm, và ớt chuông, xanh, đỏ và vàng
chiên quây khô.

Món tráng miệng

Bánh sô cô la hạnh nhân, ăn cùng kem va ni.

Trái cây tươi theo mùa.

Cuối tháng tư, có một người khách trú ngụ tại nhà lần đầu tiên đến Arya Vihara. Mr. Grobe, người kinh doanh về hưu từ Thụy sĩ, chọn vào một trong những phòng được sử dụng cho suốt thời gian của những nói chuyện sắp đến, bởi vì căn nhà ở Ojai mà ông vừa có đang được trang trí lại. Ông ấy và người vợ sắp cưới, một phụ nữ từ Nga, đều đặn tham gia ăn trưa cùng chúng tôi.

Như thường lệ, nhiều bạn bè của Krishnamurti đến dùng bữa ăn trưa cùng chúng tôi suốt những ngày cuối tháng tư. Trong số họ là Ronald Eyre, một người sản xuất phim cho nhà hát và truyền hình, người đã thực hiện một đối thoại có quay video cùng ông tại Brockwood Park về ‘tính hay vui đùa’ trong tháng sáu năm 1984. Ông ấy là một người hùng biện, cởi mở, dường như thích cười lắm. Liền ngay khi vào bữa ăn, họ đang trao đổi những chuyện vui lẫn nhau, làm cho mọi người vui vẻ lắm. Một người khác, khách đều đặn hơn, là Sidney Field, lãnh sự Costa Rica ở Los Angeles, và một người viết bản thảo phim Hollywood. Ông ấy thường đến gặp người bạn cũ của ông ấy: Krishnamurti, và ăn trưa cùng chúng tôi một vài lần mỗi năm. Họ đã gặp nhau từ sáu mươi năm trước và đã là những người bạn tốt kể từ đó. Sydney là một người rất khiêm tốn, nhân hậu, nói năng nhỏ nhẹ, nhưng có một cái trí hay tìm hiểu. Người khách thứ ba là Dr. Ravi Ravindra, một giáo sư tôn giáo, vật lý và triết lý, có nguồn gốc từ Ấn độ, lúc này sống và dạy học ở Nova Scotia, Canada. Ông ấy đã viếng thăm Krishnamurti hai hay ba lần trong vài năm vừa qua, và họ đã thiết lập một quan hệ tốt đẹp với lẫn nhau qua nhiều nói chuyện thân mật.

Thật ra không có cách dễ dàng nào để diễn tả Krishnamurti và phân tích lời giảng của ông. Suốt những ngày ở Theosophical Society lúc đầu tiên, ông đã được đón chào như Đấng Cứu thế và Thầy Thế giới, như Đấng Christ,

như một người khai sáng hao hao giống Phật, và như Phương tiện của Lord Maitreya. Sau khi chỗi bỏ vai trò được dành cho ông, ông đợc thấy như một người cách mạng, một người phản kháng tinh thần và người đả phá những tôn giáo có tổ chức. Gần đây hơn, ông đã đợc diễn tả như một người thầy tinh thần, một người giáo dục, một người tâm lý, một người triết lý huyền bí, và một người triết lý tôn giáo. Tự nhiên, điều gì thách thức việc đặt tên theo truyền thống không chỉ là sự tiếp cận tổng thể của ông đến sống, nhưng còn cả sự tổng thể của lời giảng của ông, mà vượt khỏi sự chuyên biệt và sự phê phán thuộc lý thuyết.

Tôi thường nghĩ về ông như một người triết lý trong ý nghĩa khởi nguồn, trung thực của từ ngữ đó. Chính ông, vào nhiều dịp, đã định nghĩa triết lý như ‘tình yêu sự thật’, hay ‘tình yêu sự sống’. Không bao giờ là một người quá khắt khe với những từ ngữ, ông sẵn sàng đồng tình với sự giải thích chính xác ủa từ ngữ triết học như là ‘người bạn, người thương yêu sự thông minh’. Lạ lùng thay, ông thường xuyên nhấn mạnh rằng ông không bao giờ đọc bất kỳ những quyển sách tôn giáo hay ững tác phẩm triết học nào. Ông phủ nhận rằng sự thật có thể đợc ghi lại, kể cả những quyển sách đợc xuất bản dưới tên của ông. Có một lần ông đã nói với những người kết thân ền gũi của ông, “Lời giảng của Krishnamurti là một vật đang sống và những quyển sách, tôi e rằng, không đang sống. Không quyển sách nào đang sống.”

Mới đây, ông đã xem một chương trình truyền hình về Aristotle và Plato. Nó miêu tả sinh động sự tìm hiểu của họ vào, và sự hình thành kết quả của, những ý tưởng triết học, như là vẻ đẹp, công lý, đạo đức, tự do, và hạnh phúc; và làm thế nào, qua hàng thế kỷ, sự suy nghĩ của họ tiếp tục tạo ra những ảnh hưởng đáng kể vào đặc tính của những xã hội hiện nay. Chương trình kích thích sự đam mê của ông với

Aristotle và thái độ phê phán của ông đối với việc làm cho Aristotle – hay bất kỳ người nào về chủ đề này – một cái nguồn của uy quyền thuộc tinh thần. Kiểu đối thoại của Krishnamurti, lắt đầu bằng không-biết và phụ thuộc vào những chất vấn liên tục, thường nhắc nhở tôi nhớ về phương pháp của Socrates, được thực hành trong chợ búa Athen cách đây hai ngàn năm.

*

Trong bữa ăn trưa thứ năm ngày 2 tháng năm, Krishnamurti và Ravi Ravindra tham gia một nói chuyện thoải mái nhưng thâm nhập, được ngắt quãng bởi những tiếng cười thân thiện, về cái trí khoa học và phương cách của nó để quan sát và tìm hiểu một cách vô tư.

“Thưa bạn,” Krishnamurti nhận xét rất khẩn thiết, chạm nhẹ cánh tay của một người khác, “bạn biết sự tiếp cận khoa học – đa nghi, ngờ vực, chất vấn, luôn luôn chất vấn, và hồn nhiên, đúng chứ?”

“Ồ, Krishnaji,” Ravi trả lời, “có thể có rất nhiều cách mà ông thâm nhập vào một chủ đề: khách quan, không thành kiến, và vân vân.”

“Hoàn toàn đúng, thưa bạn, đến mấu chốt đó chúng ta thuộc về một cái trí. Nhưng tại sao hầu hết những người khoa học không áp dụng cùng những tiêu chuẩn vô tư, lý luận đó vào sống hàng ngày của họ – bạn biết, không quan tâm về chính mình, và vân vân? Bạn theo kịp chứ? Hay thậm chí tìm hiểu những kết quả công việc của họ, mà có lẽ được sử dụng cho mọi loại mục đích hủy diệt?” Ông ngừng lại để cho phép những người khác trả lời.

Giáo sư dường như do dự để giải thích hay bảo vệ tình trạng khó xử thuộc luân lý của người khoa học. Thông

thường, Krishnamurti đưa ra những câu hỏi mà là những diễn tả của sự kiện và mà, vì vậy, không có một đáp án tức khắc. Chúng phơi bày một ý nghĩa sâu thẳm hơn, nếu người ta yên lặng thâm nhập chúng mà không vội vàng tìm ra một đáp án.

Ravi cười rạn rỡ và lẩn tránh câu hỏi bằng nhận xét thương yêu, “Krishnaji, thật ra ông là một người khoa học của nội tâm.”

Nó không có ý một nịnh nọt, và mặc dù Krishnamurti không trả lời trực tiếp, có vẻ ông hoàn toàn hài lòng với diễn tả này.”

Ngày hôm sau ai bữa ăn trưa, Krishnamurti hỏi Ravi, đang ở tại Arya, “Thưa bạn, bạn đã tìm hiểu những người triết lý Hy Lạp cổ xưa. Bạn đã đọc Aristotle và tác phẩm của ông ấy. Bạn nghĩ ông ấy có một thấu triệt?”

Ông chuyển tải một ý nghĩa đặc biệt cho thuật ngữ ‘thấu triệt’ – nó là sự soi sáng của hoạt động tổng thể của con người. Ravi có một cái trí nhạy bén và thông minh, và một khiếu hài hước rất hóm hỉnh, thế là ông ấy trả lời bằng một nụ cười, “Ồ, tôi không biết. Có lẽ, vâng, ông ấy có thể có thấu triệt vào những sự việc nào đó...”

Nói chuyện trôi chảy trong nhiều hài hước và thương yêu, dính dáng Plato, St. Thomas Aquinas, Kant, Einstein, Bohm và những người khác, và Krishnamurti thỏa thích vui vẻ. Ravi kể một chuyện vui và, mọi người còn vui hơn nữa khi, Krishnamurti, vẫn còn đang cười, đáp lại bằng một chuyện vui. “Tôi nghe chuyện này hôm nào đó,” ông nói, “Hai người bạn chết và thăng hướng thiên đàng. Họ có cánh và hào quang và đang ở trên những tầng mây. Một người nói với người kia, ‘Nếu chúng ta chết và ở trong thiên đàng, tại sao tôi cảm thấy khiếp hãi như thế này?’”

Khi tiếng cười đã dịu xuống, Ravi đề cập hai người thầy Ấn độ nổi tiếng của quá khứ, Nagarjuna và Patanjali.

Ông ấy giải thích rằng không có sự việc như một trường phái triết học Ấn độ, trong ý nghĩa nghiêm ngặt của học thuyết phương Tây. Krishnamurti trả lời, “Hãy quên đi tất cả cái mớ học thuyết đó trong lúc này – xin lỗi – triết lý có nghĩa gì? Nó là tình yêu sự thật, tình yêu sự sống, không phải tình yêu những quyển sách. Nó là một vật đang sống.”

Ravi Ich sự chiều theo người đàn ông lớn tuổi hơn bằng cách chuyển động khỏi quan điểm học thuyết, và nói chuyện trôi chảy đến truyền thống Brahminism. Tại cơ bản, Krishnamurti phủ nhận tất cả những niềm tin, những hệ thống thờ cúng, những tôn giáo, những triết lý, những đạo sư và uy quyền tinh thần có tổ chức. Tuy nhiên, cùng lúc ông giữ lại một ưa thích cho một số trong những khía cạnh khởi nguồn của những tôn giáo thế giới. Ông thường diễn tả sự kính trọng hoàn toàn về hình thể của Phật, và đôi khi ông có thể được nghe ca tụng những đạo đức của điều gì ông gọi là truyền thống Brahminism ‘khởi nguồn’.

Lúc này ông đang nói với Ravi, “Thưa bạn, ngày hôm đó tôi đang ở trên máy bay, trong khoang hạng nhất, và bên kia dãy ghế có một quý ông lớn tuổi, rất có văn hóa, giàu có, quần áo đẹp, và mọi chuyện như thế. Ông ấy từ một quốc gia Hồi giáo, như ông ấy bảo tôi. Vào giờ ăn, người nữ tiếp viên mang thức ăn trên một cái khay – phần của tôi là thức ăn chay. Quý ông đó nhìn thấy và hỏi tôi về nó. Thế là tôi kể cho ông ấy về truyền thống Brahminism thực sự, truyền thống khởi nguồn, mà đã diễn tiến hàng thế kỷ – bạn biết, thưa bạn, rất nghiêm ngặt, rất khổ hạnh, và không thỏa hiệp: không thịt, không rượu, và vân vân, khẳng định vào sự sạch sẽ tinh khiết – bạn biết họ quan trọng hóa đến chừng nào...” Ông nhấn mặt hài hước, hàm ý rằng ông cũng ưa thích sạch sẽ nhất trong những điều kiện vệ sinh và bảo vệ sức khỏe, nhưng rõ ràng ông không tha thứ những hình thức cực đoan

của cách cư xử của Brahminism, mà cảm đoán một Brahmin chạm vào một người thuộc giai cấp thấp hơn, hay thậm chí chạm vào một vật chất đã được chạm bởi một người không Brahmin. Ông ững không thực hành bất kỳ những hành động tẩy rửa và giặt giũ nghi thức mà những người Brahmin chính thống đều tuân theo.

“Vì vậy tôi giải thích cho ông ấy,” ông tiếp tục, ‘Cái gì đằng sau sự khổ hạnh đó, sự đòi hỏi bắt buộc phải tinh khiết – sự hòa hợp thực sự của cách sống đó – bạn biết, thưa bạn – thực sự.’ Ông nắm chặt tay lại một cách nhấn mạnh, và khuôn mặt của ông trở nên mãnh liệt bởi sức mạnh của sự đam mê bên trong, đang chuyển tải điều gì ông có ý bởi từ ngữ ‘thực sự’ bằng một bùng nổ năng lượng khủng khiếp, mà dường như tràn ngập căn phòng. “Và người kia bắt đầu rất tò mò về mọi việc, thế là ông ấy hỏi người nữ tiếp viên liệu có thể thay đổi thức ăn của ông và cũng có một bữa ăn chay. Và vậy là, ông ấy thử nó.”

Tất cả chúng tôi đều bị ấn tượng. Sau khi ngừng lại một chút, Krishnamurti tiếp tục trong một giọng giống như thổ lộ tâm tình, “~~Nhưng~~ bạn biết, thưa bạn, truyền thống Brahminism thực sự, khởi nguồn này – hầu như không còn hiện diện nữa: không còn ở Ấn độ, cũng như bất kỳ nơi nào khác. Ngày nay ai ~~mang~~ theo kiểu đó được? Không, không,” ông trả lời câu hỏi riêng của ông, “tất cả việc đó đã qua rồi.” Một khoảng ngừng kịch tính khác, sau đó, như thể khẳng định cách sống tinh khiết đó qua con người cá nhân và cách sống riêng của ông, ông thốt lên bằng một ý thức của sự hân hoan khẳng định, “Nhưng sức mạnh và vẻ đẹp nằm trong việc đó; hãy suy nghĩ về nó, thưa bạn!”

Sau một khoảng yên lặng ngắn, Ra vi ãng lễ hỏi, “Nhưng làm thế nào nó đã xảy ra, Krishnaji? Tại sao cách sống không ô uế, thực sự của Brahminism bị tuyệt chủng?”

Krishnamurti nhìn ông ngạc nhiên. “Bạn biết làm thế nào những việc này xảy ra, thưa bạn; nó trở nên có tổ chức và thể chế hóa, với những người lãnh đạo và những người theo sau, những người lãnh đạo thuyết phục và trục lợi những người theo sau, và ngược lại. Trong đó đã có sẵn hạt giống của bạo lực: bởi vì tư lợi là khởi đầu của bạo lực, và tuân phục là bạo lực.

Ravi đề cập chương mỗi tiếng từ thiên sử thi Ấn độ, *Mahabharata*, mà diễn tả đối thoại giữa Krishna, người đánh xe ngựa thiêng liêng, và hoàng tử chiến binh, Arjuna, khi họ ở vị trí giữa hai tiền tuyến đối địch, đang chuẩn bị cho một trận đánh quyết định. Krishna bảo với ông ấy rằng nó là bản phận của người chiến binh, hành động đúng của anh ấy, phải chiến đấu vì nguyên nhân của anh ấy, thậm chí nó dính dáng đến việc giết chóc. Bởi vì sống và chết là một”, người học giả giải thích.

Suốt những nói chuyện trước công chúng ở Ấn độ, Krishnamurti thường xuyên hài lòng đặc biệt trong việc chỉ rõ rằng ông đã không đọc bất kỳ những quyển sách thiêng liêng nào, thậm chí cả quyển *Bhagavad Gita* – chương mà Ravi đang nhắc đến, thường được xuất bản như một quyển sách trong kích cỡ riêng của nó và được coi như là thiêng liêng đối với những người Ấn giáo. Lúc này, ông mau lẹ chuyển động khỏi lý thuyết thuộc kinh thánh đến thực tế đang sống, trả lời, “Nhưng tại sao giết chóc? Tại sao lại giết chóc, thưa bạn? Không ai đã từng đặt ra câu hỏi đó. Luôn luôn một hình thức đặc biệt được chọn ra và chỉ trích – hạt nhân, thú vật trong phòng thí nghiệm – bạn theo kịp chứ? Họ không bao giờ đặt ra nghi vấn tổng thể. Họ tiếp tục nói nó do bởi sự tốt đẹp của quốc gia, và vân vân. Và bạn thừa biết những mưu mẹo mà những người lãnh đạo kiếm được. Ngay cả Gandhi – lúc trước tôi đã biết ông ấy theo cá nhân – cùng

chủ trương tạm gọi là không-bạo lực của ông ấy, nỗ lực để ép buộc những người khác thỏa hiệp với những mong ước và những đòi hỏi của ông qua hành động nhịn ăn. Đó không là không-bạo lực! Hãy suy nghĩ về nó, thưa bạn,” ông quay thẳng về phía Ravi, “Gandhi lúc trước ngủ với một cô gái trẻ, tôi tin rằng nó là cháu gái của ông – không phải ngủ với, nhưng ngủ trong cùng cái giường, và sau đó ông ấy thường nói về không cảm thấy bất kỳ ham muốn tình dục nào, bạn biết, không bị khêu gợi, là trong trắng. Liệu bạn có thể tưởng tượng điều gì chắc chắn đang diễn ra nơi một con người như thế. Tôi bối rối khi nghe về cư xử lạ lùng của người anh hùng quốc gia Ấn độ và hỏi, “Nhưng tại sao ông ấy đã làm như thế?”

“Để tự thử nghiệm mình, để chứng thực chủ nghĩa khỏa hạnh của ông ấy. Nhưng không quan tâm gì đến cô gái, điều gì có lẽ cô ấy cảm thấy...”

Lúc này Ravi nói về vấn đề của người thầy và người theo học, đạo sư và đệ tử, và lời Krishnamurti tại sao ông phủ nhận giá trị của sự liên hệ đó. “Trong một ý nghĩa nào đó, Krishnaji,” ông ấy chỉ ra, “tất cả chúng tôi ở đây đều là những đệ tử của ông. Chúng tôi đang lắng nghe ông, chúng tôi đang học hành từ ông, và ông đang dạy dỗ chúng tôi. Ví dụ Michael ở đây,” ông ấy nói, chỉ tay vào tôi, “ông ấy hiến dâng cho ông, và người ta có thể dễ dàng tưởng tượng ông ấy là đệ tử của ông.”

Ngay khi đề cập tên của tôi, và viễn cảnh của đang được công nhận như đệ tử của Krishnamurti, tôi cảm thấy một bột phát cảm xúc đột ngột, mà bỏ lại tôi trong hai cái trí. Một cái trí, nhận thức của là đệ tử của ông đã hấp dẫn tôi trong một cách nghiêm túc, cổ xưa, mặc dù tôi hoàn toàn không chắc chắn làm thế nào để hòa hợp điều này với là người bạn của ông. (Liệu có thể vừa là đệ tử vừa là người bạn

trong cùng một lúc?) Cái trí thứ hai, tôi có thể thấy sự mâu thuẫn có ẩn trong tình trạng đệ tử, trò ra cũ kỹ của uy quyền và hiểu biết.

Krishnamurti cười vui vẻ, lắc ngón tay của ông về phía Ravi. “À, không, thưa bạn! Đó là trò chơi cũ kỹ của ‘Tôi biết’ và ‘bạn không biết’, của sự khai tâm, của sự chuyển giao hiểu biết bí mật, và mọi điều vô lý truyền thống đó. Chúng ta đang nói điều gì đó hoàn toàn khác hẳn, thưa bạn. Chúng ta đang chuyển động cùng nhau, đang khám phá và học hành cùng nhau – ngược lại, mấu chốt của nó là gì? Chúng ta quay lại những phương pháp, những hệ thống, và một mớ hủ lậu đang diễn ra nhân danh tôn giáo suốt hàng ngàn năm. Và bạn thừa biết việc đó đã sinh ra những hậu quả gì: xung đột, đau khổ, và chiến tranh không kết thúc.”

Chúng tôi không thêm nhập thêm nữa vào nghi vấn này bởi vì Ravi phải rời đi đến phi trường đón chuyến bay về nhà của ông ở Canada. Ông ấy ân cần cảm ơn chúng tôi về sự hiếu khách và chào tạm biệt.

*

Thứ bảy ngày 4 tháng năm, là ngày trăng tròn. Chúng tôi là tám người cho bữa ăn trưa, gồm cả cặp vợ chồng Grobe mới lấy nhau. Nói chuyện về xe hơi. Krishnamurti ưa thích sự hoàn hảo trong mọi lãnh vực của con người. Ông tán thưởng quần áo đẹp, đồng hồ tốt, và những đồ vật do con người chế tạo có hữu ích thực tế trong sống hàng ngày. Ông có một ưa thích đặc biệt cho những chiếc xe hơi, và loại ưa thích nhất của ông là Mercedes. Nhân dịp đó tôi hỏi ông, “Krishnaji, tại sao ông không sử dụng một chiếc Rolls -Royce hay một Bentley, mà mỗi tiếng là những chiếc xe chế tạo tinh vi và khéo léo nhất? Tại sao ông thích một chiếc Mercedes hơn?”

“Xe Rolls-Royce quá phô trương, quá lòe loẹt. Xe Mercedes dịu dàng hơn, và họ có những kỹ thuật giỏi nhất. Họ là hãng đầu tiên chế tạo xe hơi, vì vậy chúng phải rất tốt.”

Khi chúng tôi nói về những chiếc xe đời mới nhất, người nào đó đưa ra một quyển sách quảng cáo những kiểu mới nhất của Mercedes năm 1985. Cùng nhau chúng tôi lật xem hết quyển catalogue, ngưỡng mộ những chiếc xe có kiểu dáng đẹp và giá cả khá cao của chúng. Krishnamurti thú nhận rất thích kiểu dáng và những chi tiết khác của loại xe hai chỗ ngồi 500 SEL. Nhìn danh sách giá cả, ông thắc mắc, “Chiếc xe này giá bao nhiêu nếu người ta mua nó ở đây?”

Erna quay về phía tôi, “Chúng ta không thể tìm được nó giá bao nhiêu hay sao?”

Tôi nhớ có nơi bán xe Mercedes gần nhất ở Santa Barbara, thế là tôi rời ghế và nói, “Tôi sẽ tìm ra, thưa ông.” Một cú điện thoại cho biết giá bán cơ bản là 58.000\$. Ngay tức khắc tôi ghi lại và nó rõ ràng ằng người ta có thể tiết kiệm 10.000\$ nếu mua xe từ cơ xưởng ở Đức và gửi nó tới Mỹ. Krishnamurti trông có vẻ bị ấn tượng lắm nhưng lại không sẵn lòng đưa ra ý kiến, đặc biệt do bởi đã có một chiếc xe thể thao hai chỗ ngồi màu xanh sẫm SLC trong ga rage, chưa đến mười năm và chỉ chạy có 15.000 dặm, còn trong điều kiện mới tinh, và trên thực tế, là xe của ông.

*

Hai ngày sau, khi chúng tôi đang dọn dẹp bàn ghế sau bữa ăn trưa, ông dắt tôi qua một bên và thổ lộ.

“Michael, bạn có thể giúp tôi một việc chứ?”

“Dĩ nhiên, thưa ông.”

“Bạn biết tác giả Leon Uris?”

Ngay lập tức tôi cho rằng ông sắp sửa báo cho tôi biết tác giả của nhiều quyển truyện hành động nổi tiếng sẽ tham gia cùng chúng tôi để dùng bữa ăn trưa. Sau khi nhận ra rằng ông hỏi liệu tôi đã từng nghe cái tên đó trước đây, tôi trả lời, “Ồ, có. Ông ấy viết quyển *Exodus* và nhiều truyện phiêu lưu khác.”

Ông nhè nhẹ nắm tay tôi nhưng bằng một ý thức rất khẩn thiết. “Vâng, đúng rồi, thưa bạn. Liệu bạn có thể vào thị trấn – nhưng làm ơn đừng thực hiện một chuyến đi riêng vì nó...lần tới nếu bạn lái xe vào thị trấn để mua sắm, liệu bạn có thể mua giúp tôi vài quyển của ông ấy tại tiệm sách ở đó? *Topaz* là quyển tôi chưa đọc. Mary Z. rất bận công việc thư từ – tôi không muốn nhờ bạn ấy. Bạn ấy sẽ gửi tiền lại cho bạn.”

“Chiều nay tôi sẽ vào thị trấn mua vài thứ tại chợ. Vì vậy tôi sẽ xem thử liệu có quyển nào của ông ấy hay không.”

“Cám ơn bạn, thưa bạn,” ông nói và rời nhà bếp qua cửa hàng hiên.

Chiều hôm đó, tôi lái xe vào thị trấn và, ngoại trừ mua sắm vài thứ cần thiết, tôi mua hai quyển bìa mềm của Leon Uris tại tiệm sách địa phương ở Arcade.

*

Suốt giữa tuần, trước khi bắt đầu những nói chuyện, chúng tôi có một bữa ăn trưa ít người, chỉ có tất cả bảy người. Chúng tôi nói về Hitler, Mussolini và Stalin, và những chế độ độc tài của họ, mà đã được ghi nhớ mãi mãi về những tội khủng khiếp với nhân loại. Người nào đó nhận xét, “Tội xấu xa nhất trong lịch sử của nhân loại chắc chắn phải là Vụ Holocaust – hàng triệu người Do thái và những con người vô

tội khác đã bị giết chết có hệ thống trong những trại tập trung của Nazi Germany.”

Hiếm khi nào Krishnamurti sẵn sàng đổ hết trách nhiệm cho bất kỳ người nào. Ông được bảm rể trong khoảnh khắc hiện tại và vì vậy dường như có thể có một tầm nhìn toàn cầu. Ông nói, “Những việc khủng khiếp đã xảy ra trong quá khứ và đang xảy ra trong thế giới ngày nay. Những trại tập trung vẫn còn đang hiện diện. Không chỉ là những người Đức phạm tội Giết người hàng loạt, có những vụ giết người hàng loạt đang xảy ra lúc này. Bạn biết việc gì đang xảy ra trong thế giới: Cambodia, Châu phi, Nga và Trung quốc. Không chỉ sáu triệu người của một chủng tộc đặc biệt, có hàng triệu người lúc này, bị hành hạ và bị giết chết vì những học thuyết, và chúng ta đứng dưng với tất cả việc đó . Và bạn có giết người hàng loạt riêng của bạn ở đây, nước Mỹ: sự hủy diệt những người da đỏ – hãy đối diện nó, thưa bạn!”

Lúc này nói chuyện n chuyển sang những xung đột hiện nay trong thế giới : Iran và Iraq, Northern Ireland, Lebanon. Người nào đó phê bình chính phủ Israel về việc kiểm chế quá đáng những người Palestine. Nhưng Krishnamurti, như ông thường làm, trung thành đợ vệ Israel, “Không, thưa bạn. Israel có thể làm gì đây? Nó bị dồn vào bức tường. Nó bị vây quanh bởi những con chó sói, lưng thì kề cận ngay biển. Nó sẽ đi đâu? Nó không còn chọn lựa gì cả ngoại trừ tự phòng ngự. Không, làm ơn, hãy thấy tình huống tổng thể.”

*

Ngày đầu tiên của Những Nói chuyện Ojai 1985 là thứ bảy ngày 12 tháng năm mà cũng tình cờ là sinh nhật lần thứ chín mươi của Krishnamurti. Như tôi thường xuyên làm và o những ngày đó, tôi bắt đầu chuẩn bị bữa ăn trưa từ sáng sớm,

để cho mọi thứ sẵn sàng trước mười một giờ. Vì vậy, tôi có thể lái xe đến Oak Grove, cách Arya Vihara về hướng tây tám dặm và tham gia nói chuyện vào lúc 11:30, mà thông thường kéo dài giữa sáu mươi và chín mươi phút. Sau đó, tôi lái về lại thật nhanh để phục vụ bữa ăn trưa đúng giờ giữa 1:30 và 2:00 p.m.

Krishnamurti không bao giờ ăn mừng sinh nhật; huông chi cho phép bất kỳ người nào chúc mừng ông, thật ra ông không thích bất kỳ người nào đề cập đến nó. Vì vậy, ngay trước khi rời để đi Oak Grove, tôi vào vườn trồng hoa hồng và hái một bông hồng, đặt tại bàn.

Đó là một ngày lạ lùng, rất lạnh, u ám và xám xịt. Khi tôi đến Oak Grove, tôi gặp phải khó khăn khi xác định chỗ ngồi đặt sẵn giữa hàng ngàn người và cuối cùng đành ngồi trên mặt ngoài, nơi người ta vô ra nhiều. Một người đàn ông ngồi kế tôi cứ cựa quậy liên tục và nói lớn tiếng một mình, trong khi hai chiếc trực thăng quân đội bay vòng vòng âm ỉ trên đầu. Tôi bị xao nhãng nhiều và rất khó để theo sát điều gì Krishnamurti đang nói. Nhưng ông ấy mãnh liệt và một vài lần nhờ đến những phát biểu nghịch lý để thực hiện mấu chốt quan điểm của ông. “Đừng lắng nghe người nói,” ông nói, “hãy lắng nghe chính bạn.” Sau đó ông nhận xét một cách mỉa mai, “Vì vậy tất cả những tôn giáo của thế giới... đều nói họ có những soi sáng thiêng liêng, trực tiếp từ nguồn tin đáng tin cậy...”

Ngày hôm sau thời tiết tốt hơn, mặt trời xuyên qua và dần dần làm tan biến những đám mây. Krishnamurti đưa ra nghi vấn phức tạp của tội lỗi: nó được tiếp tế nhiên liệu bởi sự suy nghĩ và ký ức ra sao, nó hoàn toàn vô ích và hủy diệt ra sao, và nó liên quan đến cảm xúc, ham muốn và sợ hãi ra sao. Chúng tôi có mười hai người cho bữa ăn trưa ngày hôm

đó, kể cả Pupul Jayakar, mà nói rất lâu về quyển tiểu sử Krishnamurti của bà gần gần viết xong.

Tuần lễ này bận rộn lắm, và chúng tôi có dòng khách liên tục từ khắp thế giới, đến và ăn trưa cùng Krishnamurti. Suốt gặp gỡ câu hỏi-trả lời vào sáng thứ năm, ông gạt đi những câu hỏi viết tay đã được nộp từ trước và bắt đầu trao đổi hiệp thông cùng khán giả, hỏi họ điều gì họ đang muốn nói. Trong khi trao đổi với nhiều người, ông nhấn mạnh, “Hãy sử dụng Krishnamurti như một cái gương để quan sát chính bạn. Cái gương, cái người đó không quan trọng. Điều gì ông ấy đang nói có lẽ phản ảnh bạn là gì.” Sau gặp gỡ, mười bốn người chúng tôi, kể cả Krishnamurti, đi tới Ranch House Restaurant gần bên để dùng bữa ăn trưa, một thay đổi thú vị.

Đến thứ bảy, ngày 18, thời tiết đã hoàn toàn thay đổi: nắng và quang đặng, với chút ít sự sắc nét hiếm thấy, đã cho phép từng chi tiết nhỏ nhiệm của những triền đồi vây quanh nổi bật trong vẻ đẹp ban sơ. Krishnamurti bắt đầu nói chuyện bằng cách hỏi, “Sáng nay đẹp lắm, đúng chứ? Tôi hy vọng các bạn đang vui vẻ.” Ông tiếp tục nói về yoga và thương mại hóa của nó, và về *raja yoga*, vua của những yoga, mà không có hệ thống hay kỷ luật nhưng đang sống tốt lành sâu thẳm. Ông thêm vào một cách huyền bí, “Và có một yoga mà không được dạy bởi một người khác.”

Ông thực hiện một vài tuyên bố khác gây kinh ngạc, hoàn toàn trái ngược với trí tuệ truyền thống, như là, “Nơi nào có sợ hãi, có Thượng đế”, “thành công là sự tầm thường hoàn toàn”, “~~v~~ vô nghĩa của thông minh được vun quén riêng của người ta”, “chúng ta phải chân thật vô cùng đối với chúng ta, ngược lại không có vui đùa trong nó.” Ông lặp lại chuyện vui về hai người trong thiên đàng, mà ông đã kể tại bàn ăn trưa vài ngày trước, và sau đó nhận xét về khía cạnh

xã hội của hài hước, “Hài hước cần thiết lắm. Có thể cười đùa, tìm được một chuyện vui hay. Có thể cùng nhau cười, không phải khi bạn một mình, nhưng cùng nhau.” Sau đó, khi ông nói về vui thú, sợ hãi và ham muốn, ông nói, “Có một điều cigar thơm, có một bữa ăn ngon...” Đó là lần đầu tiên tôi nghe ông đề cập đến một điều cigar thơm. Krishnamurti không bao giờ hết làm tôi ngạc nhiên bằng một thay đổi mới mẻ, một thoáng nhìn mới mẻ, cái gì đó mà người ta không thể đoán trước được.

*

Ngày hôm sau, chủ nhật, 19 tháng năm, là nói chuyện lần thứ tư và cuối cùng. Không ai trong chúng tôi biết rằng đây sẽ là nói chuyện cuối cùng và vĩnh viễn tại Oak Grove. Giữa tiếng chim hót trong ánh sáng lốm đốm vờn vờn nơi những cái cây, ông gọi lại hai người bạn mà, không có bất kỳ những rào chắn nào giữa họ, chia sẻ những vấn đề riêng tư của họ và cùng nhau thâm nhập vào tự do, tiếp tục và chết. Ông nghiêm túc thốt lên, “Không có chắc chắn khác, không có kết thúc khác, ngoại trừ chết.”

Khi vài khán giả cười bởi một nhận xét về chết của ông, ông khuyên họ một cách khẩn thiết, “Làm ơn, đừng cười. Điều này nghiêm túc lắm. Không phải rằng chúng ta không nên hài hước. Cười thì tốt lắm, nhưng cười có lẽ lại là phương tiện để lẩn tránh đang đối diện những sự kiện. Vì vậy, người ta phải nhận biết được điều đó.” Sau một khoảng khắc, ông an ủi bằng cách nói, “Không phải rằng chúng ta không nên vui đùa. Cười bằng toàn thân tâm của bạn bởi một chuyện vui hay ho.” Giữa những tiếng cười đang gia tăng từ những người lắng nghe của ông, ông thêm vào một cách kỳ lạ, “Người nói suu tầm được nhiều chuyện vui lắm – không

phải những chuyện vui thô tục, nhưng những chuyện vui tốt lành. Nhưng người nói sẽ không kể nó lúc này.”

Thâm nhập vào trật tự, sự tích lũy của hiểu biết, và sự quyền uy, ông vạch rõ, “Chúng ta là những tích lũy rộng lớn của ký ức; chúng ta là một mớ của những kỷ niệm.” Những từ ngữ của ông tác động vào tôi như một soi sáng đột biến, mặc dù tôi đã nghe ông nói những sự việc tương tự trước kia. Chúng quá ư thể, trực tiếp và hợp lý, quá hiển nhiên. Tôi nghe chúng và tôi có thể nhìn ngắm sự kiện. Ông tiếp tục thâm nhập vào chết và kết thúc, và vừa cười vừa kể một chuyện vui, “Lúc trước chúng tôi có quen một người đàn ông mà đã kiếm được nhiều tiền lắm, giàu có khủng khiếp. Ông ấy đang hấp hối, và ông ấy cất rất nhiều trong tủ, chính xác – tôi tình cờ có mặt ở đó. Ông bảo cậu con trai mở cái tủ để nhìn tất cả những kim cương, vàng bạc và tiền giấy. Ông đang nhìn nó đầy hạnh phúc, và ông chết.”

Khi khán giả bắt đầu cười, ông phê bình buồn bã, “Tôi biết.” Và, bây giờ đang cười một mình, “Ông ấy không bao giờ nhận ra rằng ông ấy sắp chết – bởi vì tiền bạc quan trọng nhất, không phải chết.” Đam mê của ông mãnh liệt hơn khi ông thâm nhập vào tôn giáo, mà ông nhìn nó hoàn toàn khác hẳn với công việc đi nhà thờ, những nghi lễ, và những cầu nguyện theo tập quán. “Mọi thứ mà con người sắp xếp vào chung như tôn giáo không là tôn giáo.” Ông thâm nhập vào bộ não và cái trí, vào nhận biết và thiên định, phát biểu bằng sự khiêm tốn vô cùng, “Người nói đã quan sát, không những bộ não nhỏ nhen hèn mọn riêng của ông ấy, nhưng còn cả bộ não của nhân loại.” Cuối cùng ông nói, “Có cái gì đó vượt khỏi thời gian, khi tất cả thời gian đã kết thúc. Đó là thiên định thực sự mà là cái trí tôn giáo thực sự.”

Hiếm khi nào tôi nhìn thấy ông trông không ý thức của ông trọn vẹn như dịp này. Đường như ông đã vất kiệt chính

ông không còn ~~m~~ lượng cuối cùng còn sót lại của năng lượng. Tôi vội vàng ra xe hơi và lái qua thị trấn về cuối hướng đông. Trên Grand Avenue tôi lái qua mặt chiếc sedan Mercedes màu xám, được lái bởi Mary Z., với Krishnamur ti đang ngồi bất động bên cạnh bà ấy.

*

Có mười một người chúng tôi dùng bữa ăn trưa ngày hôm đó. Tôi đã chuẩn bị một xà lách gừng và cà rốt, một xà lách ô liu và a-ti-sô ướp, món hấp bột cà chua nước cốt và phó mát chế biến tươi, măng tây, và xà lách trái cây nhiệt đới. Khoảng dưới nửa tiếng đồng hồ sau khi tôi về, Krishnamurti vào nhà bếp qua hàng hiên, cầm một vài vật trong hai bàn tay của ông.

“Chào buổi sáng, Krishnaji,” tôi nói, mặc dù gần hai giờ chiều rồi.

“Chào buổi sáng, Michael,” ông trả lời và đi đến cửa sổ, nơi ông đặt ba quyển sách bìa mềm và một vật đẹp, nhỏ trong miếng da màu đen đã mòn trên quỳ. Tôi nhận thấy ông đã thay quần áo và lúc này đang mặc quần jeans xanh, một áo len màu xanh navy và đôi gày da Thụy điển. Chỉ cái áo sơ mi lụa thô màu xanh lá cây đã mặc lúc sáng sớm. Tôi nhìn khuôn mặt của ông bằng sự hiếu kỳ nào đó, như thể để bảo đảm rằng đây là cùng con người mà cách đây hai tiếng đồng hồ đã thực hiện một trong những nói chuyện khai sáng hoàn toàn nhất mà tôi đã từng nghe.

“Vậy là, chỉ có thể thôi,” ông nói một cách đơn giản. Tôi đoán rằng ông đang nói về sự kết thúc của những nói chuyện. Nghiêng người dựa vào cái quỳ, trông ông kiệt quệ năng lượng, nhưng bình tĩnh và lạnh lợi một cách yên lặng giống một đứa trẻ. Bỗng nhiên, ông nói, “Chúng tôi thấy bạn

lái xe qua mặt chúng tôi.” Tôi hoàn toàn không **bết** phải nói gì, bởi vì cái trí của tôi vẫn còn rục rờ từ nói chuyện. Thường thường chúng tôi không bình **pẫm** về nội dung hay chất lượng của một nói chuyện – nó đơn **gản** là quá táo bạo – nhưng tôi vẫn còn bị **phấn** khích cực độ bởi nó đến độ tôi cảm thấy bắt buộc phải **lấp** bắp, “Nó, nó...không thể tin được, Krishnaji!”

Ông quay **đầu** nhìn ra ngoài cửa sổ trước khi nói với tôi, “Nó xong rồi, thưa bạn.”

Vậy là chỉ có thể thôi. Sau một khoảng yên lặng ngắn, tôi hít vào **thật** sâu và, trấn tĩnh lại, hướng sự chú ý của tôi đến những vật trên cái quầy, “Đây là gì vậy, thưa ông?” Tôi hỏi.

“Vài quyển truyện trinh thám, Michael,” ông trả lời. “Xem thử liệu bạn đã đọc bất kỳ quyển nào. Và đây là một cái đồng hồ báo thức. Nếu nó có bất kỳ ích lợi nào cho bạn, bạn có thể dùng nó.”

Tôi cảm nó lên **cẩn** thận và ngạc nhiên bởi trọng lượng của nó. Tôi phải mất nhiều khoảnh khắc để phỏng đoán và sờ soạng trước khi tôi tìm được cách mở nó. Cái mặt đồng hồ vuông tô **đem** bằng vàng mang tên của người chế tạo. “Jaeger-Le Coultre,” tôi la lên, **nhớ** ra cái tên từ mục quảng cáo tuần báo New Yorker của những người chuyên môn làm đồng hồ Thụy sĩ nổi tiếng. “Cám ơn ông rất nhiều, thưa ông.”

Ông gạt đi lời cảm ơn dư thừa của tôi, “Tôi nghĩ nó vẫn còn chạy chính xác lắm.”

Đặt nó lại trên cái quầy, tôi nói, “Chúng ta có nhiều khách hôm nay.”

“Mọi thứ sẵn sàng rồi chứ?” ông hỏi. “Tôi mời họ nghe?”

Chúng tôi **ấp** tục gặp chín người khách khác. Nói chuyện không quá sôi nổi: về chuyến đi sắp tới của

Krishnamurti đến Brockwood Park , Anh. Krishnamurti yên lặng và rút lui, trông không những nhu cầu về thời gian, bất tâm những cố gắng thông thường của con người. Chúng tôi rút ngắn thời gian ăn trưa, bởi vì mọi người biết ông cần nghỉ ngơi.

Chương 23

TẠM BIỆT LÂU

“Suy nghĩ không thể giam giữ khoảnh khắc này,
bởi vì khoảnh khắc này không thuộc thời gian.
Khoảnh khắc này là sự kết thúc của thời gian;
thời gian đã không còn tại khoảnh khắc đó,
không có chuyển động tại khoảnh khắc đó
và vì vậy nó không liên quan đến một khoảnh khắc khác.
Nó không có nguyên nhân
và thế là không khởi đầu lẫn không kết thúc.
Ý thức không thể chứa đựng nó.
Trong khoảnh khắc của trống không đó
mọi thứ hiện diện.”

-J. Krishnamurti-
Ghi chép của Krishnamurti

Đó là ngày thứ hai đầu tuần sau kết thúc của Những Nói Chuyện, và trong năm ngày nữa Krishnamurti sẽ rời Ojai để đi nước Anh. Tại bàn ăn, chín người chúng tôi đang ăn khá trầm ngâm, và nói chuyện là những câu nhát gừng. Mọi người có vẻ đắm chìm trong những suy nghĩ riêng của họ. Tôi đang bắt đầu cảm thấy bồn chồn và lo lắng, và bộ não của tôi đang sôi nổi nhất nhặt rồi tung để muốn nói điều gì đó. Nhưng tôi hoàn toàn không ~~th~~ suy nghĩ về bất kỳ điều gì, thậm chí cả một mẩu tin thời sự. Thật ra, tôi không biết phải nhìn nơi đâu, bởi vì tôi đang đối diện Krishnamurti, trông giống như một tảng đá nguyên khối của sự bất động, nghiêm nghị nhưng lại thông dong. Trong khi tôi tập trung vào thức ăn trước mặt tôi, tôi lắng nghe những âm thanh của những con dao và những cái nĩa đụng vào những cái đĩa, và vài từ ngữ được trao đổi giữa những khoảng yên lặng lâu.

Bỗng nhiên tôi ngược lên và gặp phải cái nhìn chăm chú trọn vẹn của Krishnamurti. Tôi đang nhìn thẳng vào hai mắt của ông, đang lặng lẽ nhìn tôi. Ông không nao núng hay thay đổi cái nhìn chăm chú của ông nhưng cứ nhìn chăm chú vào tôi bằng sự yên lặng vô cùng. Trong khoảnh khắc mà hai mắt của chúng tôi gặp nhau, tôi nghĩ rằng tôi đang nhìn chăm chú vào màu đen tuyệt đối, vào trống không vô hạn. Không có phản ứng về phần của ông, không nụ cười, không công nhận, không nhận xét, chỉ đang nhìn. Trong một khoảnh khắc tôi nghĩ rằng toàn bộ sức mạnh tổng thể của thiên nhiên đang hiệp thông cùng tôi, chiều sâu vô hạn của chính không gian đang nhìn ngắm mọi chuyển động của tôi. Tôi cảm thấy một chấn động kinh khủng, không phải là sợ hãi nhưng sự nhạy bén đột ngột. Quả tim của tôi đang đập thật mạnh. Bung ra một hơi thở dài, tôi thư giãn, và chỉ còn lại một cảm xúc lạ thường, bản khoăn nhưng mang máng và khó khăn để định nghĩa.

Người đàn ông ngồi bên cạnh Krishnamurti, một phóng viên đài phát thanh và người quen biết cũ của ông từ Úc, bắt đầu hỏi ông nhiều câu hỏi về sự giải tán của Order of the Star vào năm 1929.

“Tại sao ông đã chọn lựa giải tán tổ chức đó, Krishnaji?”

“Tôi không chọn lựa nó, thưa bạn. Tôi không bao giờ thực hiện một chọn lựa trong sống của tôi. Đơn giản là nó trở thành không thể tránh khỏi. Khi có sự rõ ràng, không có sự chọn lựa.”

Nói chuyện của họ tiếp tục, tập trung vào sự tìm kiếm sự thật của con người. “Người ta không thể tìm kiếm sự thật,” chốc lát sau Krishnamurti nói, “Có một chuyện hay về điều này; tôi không biết liệu bạn đã từng nghe nó. Một thanh niên trẻ rời bỏ nhà cửa đi tìm kiếm sự thật, và anh ấy đi khắp thế giới, học hành với nhiều người thầy, thu lượm hiểu biết và những kỹ năng. Nhưng không hiểu vì sao sự thật luôn luôn lẩn tránh anh ấy: anh ấy không bao giờ có thể nắm bắt nó. Khi anh ấy là một cụ già, anh ấy quay về nhà và mở cửa, và nó kia kìa. Luôn luôn sự thật ở đó; luôn luôn nó đang chờ đợi anh ấy. Sự thật không thể được tìm kiếm,” ông kết luận.

Sau một khoảng thời gian yên lặng lâu, người đàn ông tiếp tục những câu hỏi của ông ấy. “Nhưng tại sao ông nói chuyện, Krishnaji?”

“Tôi thực sự không biết làm việc gì khác nữa ,” Krishnamurti trả lời bằng sự khiêm tốn. “Tôi thực sự không biết làm gì. Tôi đã thực hiện nó suốt sống của tôi, bạn hiểu chứ, thưa bạn? Thoạt đầu tôi nhút nhát lắm, và thật đau khổ cho tôi khi phải nói chuyện trước công chúng. Tôi đã thử qua mọi loại sự việc: có một thời gian tôi thường nói chuyện từ phía sau bức màn , nhưng sau đó tôi – việc đó quá xôn xao.”

Tất cả chúng tôi đều cười òa bởi hình ảnh của một thanh niên trẻ đang nói với khán giả từ phía sau bức màn. Thật nhẹ nhõm khi cười.

Một giáo viên hỏi ông, “Nhưng còn về tất cả sự tôn sùng và kính yêu mà ông nhận được, thưa ông, đặc biệt ở Ấn độ?”

“Không chỉ ở Ấn độ,” Krishnamurti trả lời, “ở đây cũng vậy.” Và ông thoáng nhìn mĩa mai khắp bàn ăn. Mọi người dường như gặp gỡ cái nhìn chăm chú của ông, như thể để khẳng định một cách yên lặng, “Không phải tôi.” Bỗng nhiên ông bật cười hân hoan vô cùng, la lên, “Tất cả nó đều quá điên rồ, tất cả nó đều quá vô lý!”

Mặc dù tôi tham gia cùng ông trong tràng cười không kèm hăm, tôi vẫn còn khó hiểu bởi điều gì ông có ý qua từ ngữ ‘nó’. Sau khi sự cười đùa của chúng tôi giảm xuống, tôi hỏi, “Krishnaji, ông có ý gì qua từ ngữ ‘nó’? Ông có ý những nói chuyện và tất cả điều này?” Tôi ra cử chỉ chung chung hướng về những người khách khác tại bàn ăn, gồm cả nguyên hoàn cảnh mà chúng tôi phát giác mình đang ở trong nó. Vẫn còn có những giọt lệ của cười đùa trong hai mắt của ông, khi ông quay lại nhìn tôi. “Vâng, thưa bạn, tất cả những việc đó, và toàn gánh xiếc quanh ông ta,” ông đáp lại bằng một nụ cười tinh nghịch, chỉ ngón trỏ mảnh khảnh của ông về phía ngực của ông. Thế là, mặc dù tất cả chúng tôi chắc chắn đều là bộ phận của gánh xiếc này, chúng tôi tham gia sự cười đùa của ông.

*

Hai ngày sau, Thống đốc cũ của California, Jerry Brown, và một phụ tá của ông ấy, đến dùng bữa ăn trưa cùng ông. Tôi không có nhiều cơ hội để theo dõi nói chuyện của họ, bởi vì

tôi đang ngồi tại đầu cuối của bàn ăn, nhưng từ những câu mà tôi có thể thoáng nghe được, những tiếp cận và những quan tâm của họ thay đổi đáng kể.

Krishnamurti cứ hướng về toàn cảnh to tát hơn, nhấn mạnh vào sự cần thiết phải có một thay đổi trong ý thức. Tại một mẩu chốt, ông nói với thống đốc, “Thưa bạn, nếu có năm người tập hợp lại và làm việc đúng đắn, ông biết, thực sự thâm nhập vào nó, họ có thể tác động ý thức của tất cả nhân loại.”

Trái lại, Mr. Brown, dường như quan tâm nhiều hơn đến những chủ đề thuộc sinh thái và nói về sự tiêu thụ nhiên liệu nhiều của máy móc tự động, sinh ra sự ô nhiễm, và những dữ kiện thống kê có liên quan. Tiếp cận của ông ấy là qua hành động điều chỉnh phía bên ngoài. Mặc dù họ đồng ý về nhiều chủ đề, họ không chia sẻ cùng quan điểm về những chủ đề cơ bản hơn.

*

Vào nhiều dịp, tôi đã thấy Krishnamurti rửa chiếc xe Mercedes của ông rất nhiệt tình, cả ở đây và tại Brockwood Park, thỉnh thoảng với sự giúp đỡ của một nhân viên trường. Quan sát ông đánh bóng chiếc xe bằng sự cẩn thận vô cùng, tôi cảm thấy một ham muốn lạ lùng phải giúp đỡ ông, cùng làm với ông một công việc đơn giản, hèn mọn nhất. Rốt cuộc, ước ao của tôi được thành tựu chút ít khi, sau bữa ăn trưa cùng Mr. Brown, ông hỏi tôi, “Michael, liệu bạn có thể giúp tôi một việc chứ? Bạn có thể rửa và đánh bóng chiếc xe Mercedes màu xanh lá cây, chiếc hai chỗ ngồi thể thao?”

“Được, thưa ông, tất nhiên. Ông muốn tôi rửa nó khi nào?”

“Nếu bạn có thời gian, chiều nay. Mrs. Zimbalist sẽ đưa cho bạn mọi thứ bạn cần. Tôi xin lỗi tôi không thể phụ giúp bạn được – nó quá nhiều việc với tôi rồi.”

Tôi vội vã bảo với ông rằng tôi có thể dễ dàng làm nó một mình, và, sau khi dọn dẹp sạch sẽ nhà bếp, tôi điện thoại cho Mary Z. để báo cho bà biết là tôi sẽ đến để rửa xe.

Chiều hôm đó âm áp và nắng nhiều. Chiếc xe xanh lá cây kiểu dáng đẹp được đậu trên khúc quanh trước garage dưới cây tiêu. Hàng trăm con ong đang bay vù vù giữa những bông hoa tắng nhỏ xíu, mà trĩu xuống từ những nhánh cây cong. Tôi đi đến nó với miếng da cừu, xà phòng và xi bằng sáp, một cái thùng và những miếng vải khô, và một cái vòi nước dài. Tôi muốn lau chùi chiếc xe đó bởi vì tôi chưa bao giờ lau chùi một chiếc xe nào trước kia. Hơi háo hức, tôi cố gắng cọ rửa mỗi inch vuông của chiếc xe xanh lá cây. Sau khi bôi sáp vào, tôi chà xát nó cho đến khi được láng bóng và lóng lánh. Vấn đề duy nhất là rằng những sợi nhỏ xíu, mịn của miếng vải đánh bóng bám vào bề mặt như gương soi giống như những sợi chỉ có nam châm. Dường như luôn luôn là một đường chỉ không thể cứu vãn được đến độ tôi phải đấu tranh để loại bỏ nó. Cuối cùng, chiếc xe nổi bật lóng lánh dưới ánh sáng mặt trời, sẵn sàng cho chuyến đi đến Lake Casitas.

Ngày hôm sau, khi Krishnamurti vào lớp ngay trước bữa ăn trưa, ông nhận xét về công việc rửa xe của tôi, “Bạn thực sự làm việc nhiệt tình với nó, thưa bạn, lau chiếc xe chiều hôm qua. Tôi đã quan sát bạn từ cửa sổ.”

Ông không có ý như lời khen ngợi, nhưng tôi thấy thật thú vị khi ông bày tỏ như thế.

Có mười tám người khách cho bữa ăn trưa, và sau khi chúng tôi đã dọn dẹp bàn ghế, Krishnamurti đến gần tôi trong

nhà bếp và hỏi, “Bạn có mua sắm chiều nay không, thưa bạn?”

“Có, Krishnaji: tôi có vài ~~điều~~ cần mua. Tôi có thể mang bất kỳ thứ gì cho ông chứ?”

“Bởi vì chúng tôi sẽ rời đây để đi London ngày mai, chúng tôi phải sắp xếp nhiều thứ. Mrs. Zimbalist bận rộn rất nhiều việc – bạn biết, dọn sạch tủ thức ăn, lau chùi tủ lạnh, và vân vân.” Ông chìa ra một hũ nhỏ bằng gốm trắng, đưa nó cho tôi, “Bạn làm ơn đi đến tiệm thuốc tây, cửa tiệm đổi điện bưu điện, và mua một hũ này. Nó là kem bôi da. Nó đắt tiền lắm, khoảng hai mươi đô la. Mrs. Zimbalist sẽ đưa cho bạn số tiền đó.”

Tôi cầm cái hũ nhỏ và tìm hiểu nhãn hiệu của nó. Nó là một loại kem bôi da được chế từ dầu quả hạnh. Thấy rằng một hũ sẽ không đủ dùng cho thời gian lâu và có lẽ thích hợp hơn nên trữ sẵn nhiều hũ cho lần vắng mặt chín tháng này. Vì nghĩ rằng đây là ý kiến tốt cho chính Krishnamurti, tôi hỏi ông, “Ông có chắc, Krishnaji, một hũ đủ dùng? Tôi không nên mua hai hay ba hũ, hay sao?”

Có vẻ ông bức bối bởi lời gợi ý của tôi. Ông nhìn tôi nghiêm nghị và nói một cách nhấn mạnh, “Tôi cần một. Không phải hai, không phải ba, nhưng một và chỉ một. Tôi cần một hũ thôi.”

“Được rồi, thưa ông. Tôi sẽ mua một hũ và mang nó đến Pine Cottage.”

Ông nắm chặt tay tôi bằng một cử chỉ đặc trưng và nói, “Cám ơn, Michael.”

“Không có gì đâu, Krishnaji.”

*

Thứ sáu ngày 24 tháng năm, năm 1985 là ngày khởi hành. Chúng tôi dùng ~~thả~~ ăn trưa sớm lúc 12:30 chiều để cho Krishnamurti, Mary Z., và Mr. và Mrs. Grobe những người đi cùng họ, có thể rời vào lúc 2:00 đi LAX. Có mười một người chúng tôi ~~tại~~ bữa ăn trưa này, và tất cả chúng tôi đều không được biết trước, hóa ra lại sẽ là bữa ăn trưa cuối cùng mà Krishnamurti hiện diện tại Arya Vihara. Lạ lùng thay, nó là một việc khá nghiêm trang. Mọi người, kể cả Krishnamurti, một cách mãnh liệt và bất thường, yên lặng và trầm ngâm. Tôi đang bắt đầu cảm thấy hơi hơi bị thất vọng và trì trệ bởi tâm trạng buồn bã lan tràn đó, và do bởi lý do nào đó câu nói tiếng Phạn mà Krishnamurti đã bảo cho tôi thảng trước lóe lên cái trí ~~ủa~~ tôi. Thật bốc đồng, tôi phát âm có ngữ điệu cụm từ vang vang vào sự yên lặng, “*Anna dathu sukhi bhava.*” Khi tôi ngâm ~~lặng như~~ ngữ, tôi nhìn Krishnamurti và ~~lời~~, “Xin lỗi, Krishnaji, phát âm đó chính xác?”

Lặng lẽ ông nói, “*Anna dathu sukhi bhava.*”

Tôi lặp lại nó sau ông, và ông sửa chữa cho tôi ba lần một cách khá nghiêm túc, ấn tượng, cho đến khi tôi gần gần phát âm chính xác cụm từ đó.

Những người khác tại bàn ăn theo dõi sự trao đổi của chúng tôi ~~bằng~~ sự quan tâm lịch sự, như thể cái gì đó quan trọng hơn và to tát hơn đang thu hút những cái trí của họ. Sau đó, mười một người chúng tôi lại tiếp tục sự trầm tư yên lặng của chúng tôi, ngắt quãng bởi một vài nhận xét vắn tắt. Cuối cùng, bỗng nhiên Krishnamurti tập hợp năng lượng và nói điều gì đó vào bầu không khí đã trầm xuống mà tôi chưa bao giờ đã từng nghe ông nói trước kia. Ngược hai mắt ông lên và cố ý quan sát kỹ càng chúng tôi, ông nói cùng chúng tôi một cách cá nhân cũng như tập thể, “Cám ơn bạn, tất cả các bạn, bởi vì đã giúp đỡ tôi ở đây. Cám ơn các bạn bởi vì tất cả

mọi việc các bạn đã làm cho K. Tôi đã là, K đã là một người khách bất kỳ nơi nào ông ta đi và ở lại.”

Nó là một tuyên bố choáng váng, được nói bằng một ý thức của sự nghiêm túc thăm thẳm, một cao quý vô cùng mà không thể bị ô uế hay nghi ngờ. Cùng lúc, có sự khiêm tốn lạ thường quanh nó, một hồn nhiên đơn giản và chân thật, đến độ nó chạm đến tận trung tâm của thân tâm đang hiện diện của tôi. Có lẽ những người khác, cũng, bị kinh ngạc bởi sự khiêm tốn của ông. Nói một cách chính xác, những cái tôi háo hức và mau lẹ thông thường của chúng tôi phát giác chính chúng không thể phản ứng đến những từ ngữ của ông. Sau một khoảng yên lặng tĩnh táo, nhiều người bắt đầu phản đối rằng Foundation, tài sản, tất cả thực sự là của ông, mang tên của ông, và vân vân. Người nào đó hỏi liệu thật ra tất cả chúng ta không là những người khách ở đây trên quả đất hay sao. Trong khi những trao đổi sinh động này đang diễn ra, Krishnamurti giữ yên lặng. Đang lắng nghe và đang quan sát, dường như ông thoát khỏi sự chấn động. Ông ngồi như thể được bao bọc trong sự cao cả và một nghiêm túc không thể chạm đến được mà nghi ngại trong sự bất động của chính nó. Ông là một tảng đá trong trận đại hồng thủy của tâm trạng hỗn loạn của chúng tôi.

Bữa ăn trưa xong rồi, mọi người đứng dậy. Nửa tiếng đồng hồ sau, nhiều người chúng tôi được xếp hàng dưới cây tiêu già để chào tạm biệt ông. Khi ông bắt tay với một trong những hiệu trưởng, ông nói với ông ấy, “Hẹn gặp bạn ở Ấn độ vào tháng mười hai, thưa bạn”, nhắc nhở về một hội nghị giáo dục quốc tế tại Rishi Valley mà bốn người trong những giáo viên Ojai, gồm cả tôi, sẽ tham gia.

Cuối cùng, ông đến bắt tay tôi và nói bằng một nụ cười, “Hẹn gặp bạn ở Rougemont, Michael.”

Ông đang nói đến ngôi làng gần Saanen ở Thụy sĩ, nơi ông sẽ ở lại suốt Những Gặp mặt tháng Bảy. Từ trước ông và Mary Z. đã yêu cầu tôi đến nấu nướng cho họ ở đó, bởi vì người phụ nữ Ý nấu nướng cho họ trong nhiều năm đã già quá không thể tiếp tục được. Tôi sung sướng đồng ý sự yêu cầu của họ.

“Cảm ơn, Krishnaji,” tôi trả lời. “Chúc ông đi vui về.”

Sau khi chúng tôi đã cột chặt những chiếc va li của họ trên giá để hành lý của chiếc xe van mới của trường, Krishnamurti, Mary Z. và gia đình Grobes vào trong xe, và chúng tôi vẫy tay tạm biệt họ khi họ lái xe đi khỏi.

Liệu bất kỳ người nào trong chúng tôi có ý tưởng mang máng rằng đây là lần chào tạm biệt cuối cùng, lần cuối cùng chúng tôi sẽ vẫy tay giã từ ông dưới cây tiêu?

Chưa đến hai tháng sau, khoảng giữa tháng bảy, năm 1985, một vụ cháy rừng bắt đầu tại đầu phía tây của thung lũng, gần Maricopa Highway, và từ từ tiến tới, lan rộng bởi những cơn gió mạnh và thời tiết nóng và khô, hướng về phần phía đông của thung lũng. Tiếp theo, những ngọn lửa bùng lên dọc theo những sườn núi phía nam, nuốt trọn Sulphur Mountain và Black Mountain. Ngay lập tức toàn thung lũng bị bao vây bởi một vành đai lửa hoành hành suốt năm ngày đêm. Khói dày đặc và tro trắng nhỏ đầy không gian. Mặt trời chỉ nhìn thấy được như một hình cầu màu cam mờ, tỏa một ánh sáng đỏ ối kỳ lạ khắp thung lũng. Hai đêm liên tục chúng tôi phải sơ tán Arya Vihara, bởi vì đám cháy lớn đã đến gần những khu nhà khoảng một trăm yard. Nhờ vào nỗ lực dũng cảm của những người lính cứu hỏa mới khuất phục những ngọn lửa, kết hợp cùng sự may mắn vô cùng mà khiến cho những cơn gió thay đổi phương hướng đúng lúc.

Khi cuối cùng những ngọn lửa tắt ngấm và khói đã tan đi, có vẻ là một phép lạ phi thường: không có bất kỳ người

nào bị thương nặng; không ai đã chết, cũng không có bất kỳ ngôi nhà nào đã bị cháy. Nhưng những hòn núi chung quanh và những con đường mòn đã hoàn toàn bị thiêu rụi. Nó là một vùng đất hoang không thể sử dụng của những gốc cây bị cháy thiêu, cùng những tro màu xám và đen kịt, và những xác chết của nhiều động vật nhỏ.

*

Hóa ra rằng tôi chỉ có thể hoàn tất một phần nhiệm vụ nấu nướng của tôi ở Rougemont, bởi vì tôi đến thung lũng Alpine xanh rì một tuần lễ sau khi những nói chuyện kết thúc. Cũng cảm ơn, tôi không hoàn toàn ~~l~~ lảm, do bởi Krishnamurti đang ở lại thêm hai tuần lễ nữa.

Cũng là một ngạc nhiên dễ chịu khi phát giác rằng tôi sẽ sống cùng chalet với Krishnamurti. Dr. Parchure và Raman Patel, người nấu nướng tại Brockwood Park, đang ở chung căn ~~h~~ dưới lầu và không phiền khi có thêm một người. Krishnamurti và Mary ~~ở~~ căn hộ trên lầu. Suốt những nói chuyện, Raman ~~đ~~ chuẩn bị những bữa ăn tại chalet, và trong hai ~~tu~~ tuần còn lại chúng tôi đồng ý chia sẻ những bồn phận nhà bếp.

Chẳng mấy chốc tôi nhận được một tin tức chấn động: Krishnamurti đã quyết định rằng, sau hai mươi lăm năm, những nói chuyện vừa kết thúc sẽ là Những Nói chuyện cuối cùng ở Saanen. Trong những năm tương lai, chỉ có một Họp mặt hàng năm sẽ diễn ra ở Châu Âu – tại Brockwood Park. Trong cách này, nhu ~~cầu~~ cầu cho sự đi lại khắp nơi và sự căng thẳng gây áp lực vào năng lượng của ông sẽ được giảm đến mức tối thiểu.

Những ngày cuối cùng này tại Saanen cùng Krishnamurti là những ngày của nhàn rỗi, và chúng có một ý

nghĩa lạ thường của sự tột đỉnh. Chalet không có nhiều không gian như người ta quen thuộc ở California, và, vì vậy, những người bạn và tôi sẽ gặp mặt Krishnamurti nhiều lần trong ngày. Sống gần gũi hàng ngày cùng Krishnamurti là một trải nghiệm của sự nhận biết cao độ cho tôi. Tôi được nhận biết một cách tinh tế, không chỉ về những suy nghĩ và những cảm xúc của tôi, nhưng còn cả về những thiếu sót và những giới hạn của tôi. Nó có thể đòi hỏi khát khe, thậm chí ngã lòng chán nản, khi ở quá gần ngọn lửa. Bởi vì bản chất của ngọn lửa là không có một trung tâm, nó có khuynh hướng làm lộ diện hoàn toàn một khối đặc của những cái tôi trong phạm vi ảnh hưởng của nó. Hơn bao giờ hết, tôi tiếp xúc cùng những phương cách mà trong đó tôi so sánh mình và những người khác, với sự ham muốn phải được tán thưởng của tôi, và với kết quả của sự chia rẽ phân chia, ganh tị và ghen tuông đang gây ra kết quả,

Thậm chí như thế, năm người chúng tôi tận hưởng điều gì đó gần gũi như một tình trạng gia đình cho mười hai ngày này vào đầu tháng tám. Có những người khách thường xuyên, như Vanda Scaravelli, người lúc trước đã thuê Chalet Tannegg cho Krishnamurti; Mr. Grobe, người rộng lượng cho phép chúng tôi sử dụng căn hộ của ông, và Asit từ Ấn độ. Họ tham gia cùng chúng tôi cho bữa ăn trưa và ăn tối hầu như mỗi ngày.

*

Từ Rougemont, Krishnamurti và Mary Z. đi đến Brockwood Park, trong khi tôi đi thăm người mẹ của tôi ở Đức, trước khi cũng tiếp tục đến ngôi trường nội trú ở Hampshire. Những nói chuyện trước công chúng tại Brockwood Park diễn ra từ ngày 24 tháng tám đến ngày 1 tháng chín. Mùa thu đầy màu

sắc ở trong không khí và trong những tán lá của nhiều cái cây rục rờ, và dường như một lần nữa Krishnamurti lại tập hợp năng lượng từ những nguồn vượt khỏi.

Một buổi sáng có nắng, tôi ngạc nhiên khi thấy nhiều công nhân đang dựng lên một cần trục màu vàng kế cận hai cái lều lớn. Một cái bục được gắn với cái cần cầu được treo lơ lửng trên những cái lều, từ đó một người quay phim quay cảnh của mọi người nối đuôi nhau đi vào. Một công ty truyền hình độc lập đang sản xuất một phim tài liệu về Krishnamurti, mà sau đó được chiếu trong phim nhiều tập *The Human Factor Nhân ố Con người* trong tháng giêng năm 1986. Sau đó khi tôi xem chương trình nửa tiếng đồng hồ, có tựa đề *The Role of a Flower Vai trò của một Bông hoa*, tôi ngạc nhiên bởi sự sinh động và hài hước mà Krishnamurti phô diễn suốt những phỏng vấn. Tại một mẩu chốt ông trả lời một câu hỏi, ông có lẽ tiếp tục nói chuyện với hàng ngàn người trong bao lâu nữa, “Tôi đã nói với những người bạn của tôi, khoảnh khắc tôi ‘lắm cảm’, ngừng tôi lại.” Bỗng nghiêm túc hơn, ông thêm vào, “Tôi có **riau** năng lượng...”

*

Mặc dù thỉnh thoảng khoác vào cùng loại như những đạo sư thương mại, quảng cáo, Krishnamurti nhìn toàn **lao** động của tinh thần bằng một hài hước kỳ diệu. Một Monsieur Châtelain nào đó **nói** đây đã viết một bài báo trào phúng châm biếm, có tựa đề ‘Làm thế nào để trở thành một Đạo sư Hàng đầu’. Nó diễn tả một cách khôi hài làm thế nào để trở thành một đạo sư thành công: bằng cách luyện tập những diễn tả ban phước lành trước một cái gương, bằng cách nuôi bộ râu quai nón dài, và bằng cách trao tặng những đệ tử của

người ấy sự ảo tưởng của tiến bộ thuộc tinh thần. Khi bài báo này được đọc cho Krishnamurti tại Brockwood Park, ông thấy nó quá khô hài đến độ ông yêu cầu nó được dịch ra và được lưu thông. Thậm chí ông còn đề cập nó trong một nói chuyện, diễn tả nó là được viết rất vui nhộn và khéo léo.

*

Mặc dù bốn nói chuyện và hai gặp gỡ câu hỏi-trả lời trong cái lều lớn chỉ rõ ông đang ở trong tình trạng sức khỏe tuyệt vời, ông trông yếu ớt và mỏng manh và o những ngày khác. Rõ ràng ông đang hao phí hết cả năng lượng sẵn có của ông vào nói chuyện cùng hàng ngàn người mà đã đến từ những nơi gần bên cũng như xa xôi để nghe ông nói. Tôi đang giúp đỡ trong công việc nhà bếp của trường và thỉnh thoảng sẽ mang bữa ăn tối của ông sang phía tây. Buổi chiều sau khi kết thúc những nói chuyện, tôi mang một cái khay đựng bữa ăn tối của ông vào phòng ngủ của ông, nơi ông đã nghỉ ngơi nguyên ngày. Sau khi gõ cửa và nghe tiếng trả lời của ông, tôi đi vào và ngạc nhiên khi thấy những cái màn được kéo xuống để che những tia nắng của mặt trời muộn. Bỗng nhiên tôi cảm thấy một nhút nhát lạ thường. Trông ông giống như một đứa trẻ bé tí trong cái giường to lớn, cái đầu rối bù tóc bông bênh trên một cái gối to, một bàn tay trên quyển sách bìa mềm lật úp xuống.

“Chào bạn,” ông mỉm cười yếu ớt, và tôi đáp lại lời chào hỏi của ông.

“Chỉ cần đặt nó ở đó, Michael,” ông nói, chỉ về một cái bàn thấp bên cạnh giường ngủ. Hiếm khi nào tôi trông thấy ông trông quá phờ phạc, hốc hác, mệt mỏi, già nua, và kiệt quệ như thế này. Nó là một cảm giác đau lòng. Tôi đứng gần giường ngủ một chốc lát, nhận thấy một yên lặng vô cùng

nhưng không thể nghĩ về một nhận xét thích hợp. Ông nhìn tôi bằng một nụ cười âm áp và, nhấc nửa chừng cánh tay ồm yếu của ông, nói, “Cám ơn bạn, Michael.”

“Cám ơn ông, Krishnaji,” tôi nói và lặng lẽ rời phòng.

*

Sau nói chuyện rất lâu với người kiến trúc của tòa nhà Centre rộng lớn, mà sẽ được xây dựng tại Brockwood Park năm sau, Krishnamurti khởi hành đi Ấn độ cuối tháng mười, được theo cùng bởi Mr. Grobe. Ba tuần sau, tháng mười một năm 1985, tôi đi máy bay đến Bombay và từ đó tiếp tục bằng xe lửa đến Varanasi, thành phố cổ của sông Ganges sau chuyến hành trình gian nan suốt ba mươi bốn tiếng đồng hồ.

Rajghat School và Educational Center nằm tại ngã ba sông Varuna Ganges. Nó là một bất động sản rộng lớn, với nhiều người đi quanh quẩn. Ngay khi tôi có được phòng của tôi, tôi đi tìm căn nhà của Krishnamurti. Được vây quanh bởi những cái cây cổ thụ đẹp, nó nằm phía cao trên bờ sông, nhìn thấy toàn cảnh của con sông hoành tráng.

Bóng đêm đang đến gần, cùng sự phong phú lộng lẫy của những màu sắc. Bỗng nhiên tôi nhận thấy một hình bóng trong bộ quần áo trắng rộng đang tiến đến qua ánh sáng yếu ớt màu vàng nghệ – đó là Krishnamurti. Ông được theo cùng bởi một nhóm tám người, tất cả đều mặc quần áo kiểu Ấn độ rộng và xỏ xuống. Sự thôi thúc đầu tiên của tôi là chạy về phía ông như một đứa trẻ, nhưng tôi bị ngăn lại, bởi vì tôi không chắc chắn về những tập tục thích hợp của cách cư xử trong một nơi mà những đạo sư được tôn sùng.

Chắc chắn, ông cũng đã nhận ra tôi. Ông tiếp tục tiến thẳng đến tôi, để lại nhóm người đồng hành phía sau. Nó giống như một cơn sóng mạnh đang ập vào tôi, và những từ

ngữ duy nhất mà tôi có thể lặp bập từ ngân hàng trí nhớ bị xóa trắng của tôi là, “Chào buổi tối, Krishnaji!”

Đến ngay tôi, ông la ón bằng một ngạc nhiên không giấu giếm, “Bạn đang làm cái quái gì ở đây vậy, Michael?”

Có một đợt bột phát tuôn trào của thương yêu bên trong tôi, đến độ hầu như tôi chỉ có thể kềm hãm để không phải ôm chầm ông. Tại khoảnh khắc đó ông nắm chặt hai cánh tay của tôi, và tôi đáp lại bằng cách bóp chặt hai khuỷu tay ốm yếu của ông. Chúng tôi đây nè, tay trong tay, trong ánh sáng hoàng hôn. Nhiều người bạn theo cùng của ông đang chầm biểm cách sử dụng những từ ngữ nghênh đón của ông.

“Vui quá khi gặp được ông, Krishnaji,” tôi lặp bập.

“Làm thế nào bạn đến đây được, Michael!”

Khi tôi bắt đầu giải thích, bỗng nhiên ông nói, “Vâng, bây giờ tôi nhớ ra rồi, bạn đã nói với tôi ở Rougemont. Bạn đang ở lại nơi nào vậy?”

Sau khi ông đã chắc chắn rằng tôi được chăm sóc cẩn thận, chúng tôi chúc nhau ngủ ngon và ông tiếp tục cùng những người bạn đi vào trong nhà.

Bốn ngày sau, lúc chín giờ sáng. Những Nói chuyện trước Công chúng 1985 bắt đầu trong một vùng có bóng mát dưới những cái cây to. Ông bắt đầu bằng cách nói với hàng ngàn người hay khoảng chừng như thế rằng ông không có ý định giúp đỡ bất kỳ người nào. Những khoảnh khắc sau, ông hỏi đây thương yêu, “Liệu tôi đang nói điều gì lạ lùng lắm sao? Tại sao tất cả các bạn lại trông âu sầu như thế.”

Từ khoảnh khắc ông bắt đầu nói, tôi cảm thấy một hân hoan lạ thường đang sùng sục bên trong tôi. Nó ở cùng tôi suốt nói chuyện và ngày hôm sau.

Sáng hôm sau, **sốt** nói chuyện lần thứ hai, ông nhậ n xét, “Những giọt nước mắt và tiếng cười là bộ phận của cảm

xúc; hài hước là bộ phận của cảm xúc”, và nói tiếp, “Đừng nhìn tôi như thể tôi là một người điên rồ nào đó.”

*

Ngày 22 tháng mười một, 1985, ông thực hiện nói chuyện lần thứ ba và lần cuối cùng tại Rajghat. Hầu như từ cái nguồn khởi đầu, ông tràn đầy hân hoan và châm biếm, hỏi một cách mời mọc, “Liệu có bất kỳ ai muốn đến và ngồi ở đây? Tôi thực sự có ý điều đó, thưa bạn, bạn có thể đến đây.” Và, chẳng mấy chốc, một người đàn ông có râu quai nón đang ngồi bên cạnh ông trên bục giảng. Nói về những kỹ năng thực tế khác nhau, ông nói, “Muốn học một kỹ năng: muốn trở thành một người thợ mộc giỏi, một người thợ ống nước giỏi, một người nấu ăn giỏi!” Tại khoảnh khắc đó, ông nhìn về hướng tôi đang ngồi, và khi hai mắt của chúng tôi gặp nhau trong tích tắc ông thì thào dưới hơi thở của ông, “Xin chào, Michael.” Sau đó ông quay về phía khán giả và nói, “Có nhiều người trong số bạn bè của tôi, mà là những người nấu nướng rất giỏi. Và cũng là những người triết lý, những người tâm lý và những người phân tâm rất giỏi – tất cả họ có mặt ở đây.”

Bình phẩm về sự kiện rằng sống là một đấu tranh cho hầu hết chúng tôi, ông trình bày một thuật lại vắn tắt của ông về cách suy luận theo tiến hóa, “Những con khi đấu tranh, vì vậy chúng ta là những con khi. Một tác giả rất nổi tiếng – lúc trước chúng tôi có quen biết ông – đã viết, ‘Có lẽ chúng ta nên ở phía sau những song sắt chứ không phải những con khi.’”

Những khoảnh khắc sau, ông nói cùng những người lắng nghe của ông bằng tiếng cười từ bi, “Các bạn là một đám đông điên rồ.” Tiếp theo sau khi nói về tôn giáo, ông

nói, “Tôi phải kể cho các bạn một câu chuyện rất vui – được chứ? Việc này xảy ra ở địa ngục, và con quỷ hiện diện ở xa xa đằng đó.” Đang chỉ thẳng ra phía trước, ông thêm vào, “Tôi không đang chỉ vào bất kỳ ai. Con quỷ ở xa xa nơi cái góc – bạn biết, con quỷ của Thiên chúa giáo với hai sừng và một cái đuôi.” Và ông giơ hai ngón tay giống như những cái sừng trên đầu của ông, vì những người trong số khán giả không quen thuộc với con quỷ thần thoại đó. “Có hai người đang nói chuyện với nhau, và một người nói với người kia, ‘Ồ đây nóng lắm, phải không?’ Và người kia nói, ‘Vâng, nó không những rất nóng, nhưng còn sấy khô nữa.’”

Ông bắt đầu cười bởi chuyện vui của ông một cách yên lặng, sau đó nhận thấy rằng đa số mọi người không đáp lại. Rõ ràng ông đã bỏ quên một điểm quan trọng rằng hai người trong địa ngục là một người lạc quan và một người bi quan. Ông nhìn quanh bằng một diễn tả viễn vông và hỏi, “Không vui à? Các bạn là những người là lạ. Tôi có nhiều chuyện vui lắm. Thậm chí tôi không thể bắt đầu chuyện nào trước.”

Hai ngày sau, ông rời Varanasi để đi Madras và Rishi Valley.

Đến lúc này, đã bắt đầu rõ ràng rằng ông không khỏe lắm: ông đang sút cân thấy rõ, và dường như năng lượng vật chất của ông đang giảm bớt nhiều lắm. Thậm chí như thế, ông tiếp tục những gặp gỡ cùng những giáo viên, những nói chuyện cùng những học sinh, và những phỏng vấn, mà không hề mất đi động lực.

Suốt nói chuyện cùng những học sinh vào một buổi sáng, ông kể câu chuyện dưới đây: “Một người thầy tôn giáo thường thuyết pháp cho những môn đồ mỗi buổi sáng. Có một hôm ông đang chuẩn bị thuyết pháp thì một con chim bay đến và đậu trên bệ cửa sổ. Nó đang hát bằng tất cả thân tâm, và tiếp tục hát du dương suốt vài phút. Người thầy

không nói một lời, nhưng chỉ lắng nghe con chim hót. Và, sau khi con chim bay đi, ông quay về phía lớp học và nói, ‘Bài giảng sáng nay xong rồi.’”

Đường như ông không bao giờ cạn kiệt những giai thoại và những câu chuyện để kể, thậm chí khi ông đang ở trong tình trạng cơ thể tồi tệ. Sau đó suốt gặp gỡ đối thoại lần thứ ba cùng những giáo viên Rishi Valley School, ông hỏi, “Tôi xin phép kể một chuyện vui nghe? Ngày hôm trước tôi đang đi trên máy bay, đi nơi nào đó. ‘Ông từ đâu đến vậy?’ người nào đó hỏi tôi. ‘Ồ,’ tôi nói, ‘nơi nào đó’. Và ông ấy tiếp tục, ‘Thật ra, ông từ đâu đến? Ông là người Thổ Nhĩ Kỳ, ông là người Ba tư, hay ông là một trong những người của thế giới Hồi giáo?’ Tôi nói, ‘Không, không, không.’ ‘Vậy ông từ đâu đến?’ Tôi trả lời, ‘Tôi từ Valley of Rishies.’ (Nó là một cái tên khá hay cho nơi này.) Ông ấy hỏi tiếp, ‘Nó ở đâu vậy?’ Tôi đáp lại, ‘Bạn sẽ không tìm được nó.’”

*

Ngày 14 tháng mười hai, Hội nghị Giáo dục Quốc tế bắt đầu, được tham gia bởi những giáo viên từ tất cả những trường học của Krishnamurti. Có bốn người chúng tôi từ Ojai và năm người từ Brockwood Park. Mặc dù Krishnamurti chỉ muốn là một người quan sát, không phải mất thời gian lắm trước khi ông tham gia trọn vẹn, thăng hoa những chủ đề lên một mức độ cao hơn. Và thật vui vẻ, ông cũng gây vui cười cho chúng tôi bằng nhiều chuyện vui của ông. Một trong số chúng là một trò chơi đố chữ cùng âm ở Mysore trong bang láng giềng của Karnataka, mà một vài người chúng tôi vừa viếng thăm. “Tôi đã đi khắp Ấn độ và bạn chắc phải thấy sự đau khổ của tôi.”

*

Suốt vài ngày cuối của ông tại Rishi Valley, mười hay mười hai người chúng tôi theo cùng ông trong những dạo bộ giữa những cánh đồng lúa xanh tươi và những rừng xoài thơm ngát trong ánh sáng mịn như bột của hoàng hôn. Mặc dù run rẩy, ông sải bước trước chúng tôi bằng những sải chân dài đầy năng lượng. Dạo bộ cùng ông giữa những quả đồi cỏ xua có những tảng đá rải rác là một ân huệ vô cùng.

*

Trước bình minh ngày 23 tháng mười hai, ông rời đi Madras. Một vài ngày sau, nhiều người chúng tôi tham gia cùng ông tại Vasanta Vihar. Chắc chắn ông không khỏe: ông cảm thấy suy nhược thường xuyên, không thèm ăn hoặc ăn chút ít, và cuối cùng là sút cân và mất khả năng chịu đựng. Mặc dù nhiều bác sĩ theo cùng ông, không ai trong số họ có thể chẩn đoán chính xác những triệu chứng của cái gì đó giống như một tình trạng rất nguy kịch. Nó gây lo lắng lạ lùng.

*

Hôm nay là Christmas Day, và tôi được mời đến để dạo bộ cùng ông vào buổi chiều trên bãi biển Adyar. Nó là cùng bãi biển nơi, bảy mươi lăm năm trước, khi còn là một cậu bé mười bốn tuổi, ông đã ‘được phát hiện’ bởi một số những bậc tiền bối của tổ chức Theosophy: ông đã có một hào quang tinh khiết, không cái tôi và, vì vậy, được chọn làm Phương tiện của Chúa Vehicle of Lord. Một tiếng rưỡi đồng hồ trước khi mặt trời lặn, mười hai người chúng tôi được đưa đến đó trong ba chiếc xe hiệu Ambassador qua khu nhà xây dựng không thứ tự của bộ chỉ huy Theosophical Society.

Tại đầu cuối, chúng tôi nối đuôi nhau qua một cái cổng hẹp trong bức tường bảo vệ khu đó và bước vào một quang cảnh của những kích thích ấn tượng. Thiên nhiên và toàn quả đất tự hiện diện bằng một sinh động hồ hởi, cùng một sức sống vô tận, phơi bày vẻ đẹp vô hạn. Một cơn gió mát mẻ đang thổi đến từ đường chân trời xanh, và sóng đang vỗ trên bãi biển cát vàng. Trong những tia nắng nghiêng nghiêng của mặt trời hoàng hôn, những màu sắc cả bầu trời, hoàng hôn và biển cả rõ ràng lạ thường.

Sự mãnh liệt của khoảnh khắc ập vào những giác quan của tôi. Trong một tích tắc tôi trải nghiệm chính bản thân mình như một cái chấm nhỏ xíu, đang di chuyển thẳng đứng trên bề mặt cong và bao la của quả địa cầu tròn. Và, như thể trao tặng sự nhận biết của tôi một ngữ cảnh của toàn cầu, cái gì đó khổng lồ và trắng xóa trôi dạt nổi lên chậm chậm từ chiều sâu của biển cả trên đường chân trời phía đông: mặt trăng tròn đang lên cao trên những dòng nước đang phản chiếu. Tại cùng khoảnh khắc, nhìn về phía tây, tôi thấy mặt trời đang lặn đằng sau những nền đen của hình bóng những cây dừa và những cây bồ đề.

Chúng tôi đang dạo bộ trong từng nhóm bốn người dọc theo con đường hẹp trải nhựa song song với bãi biển. Chúng tôi đến chân cây cầu bắc qua cửa sông Adyar, tại chỗ đó chỉ còn một phần hẹp sót lại, và thấy Krishnamurti đang đứng ở đó một mình, ba người bạn đồng hành của ông phía sau ông vài feet. Ông đứng bất động, một tượng đài của sự yên lặng, cô đơn cùng vẻ đẹp của quả đất. Gió giật mạnh quần áo của ông, làm chúng bay phấp phật giống như những cánh buồm rực sáng. Ông đang nhìn ngắm nhiều người chài lưới có nước da đen bóng trong những cái khố, đang lội qua những con sóng lớn có bọt trắng náo loạn và đang cố gắng kéo những cái lưới có vài con cá ngọ nguậy đang tìm lối thoát. Sau một

lúc, ông quay lại và đi về từ nơi ông đã đến. Khi ông đi ngang qua tôi, khuôn mặt của ông dường như được chạm trổ trong vàng, hoang vắng nhưng tỏa sáng. Mái tóc bạc của ông đang bay lung tung, và ông đưa vào gió biển khi ông đi qua. Từ bi vô hạn tỏa ra từ ông.

Chương 24

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

*“Khi người ta nhìn chiếc lá chết đó
cùng tất cả vẻ đẹp và màu sắc của nó,
có lẽ người ta sẽ hiểu rõ thăm thẳm,
nhận biết được, chết riêng của người ta phải là gì,
không phải tại điểm kết thúc,
nhưng tại ngay khởi đầu.
Chết không là điều gì kinh hãi lắm,
cái gì đó phải được trốn tránh,
cái gì đó phải bị trì hoãn,
nhưng trái lại cái gì đó phải ở cùng,
ngày sang ngày.
Và từ đó hiện diện,
Một ý thức lạ thường của vô hạn.”*

-J. Krishnamurti
Krishnamurti Độc thoại

Ngày hôm sau, Krishnamurti bất ngờ tham gia cùng những người khách và những ủy viên nước ngoài cho bữa ăn trưa trong phòng ăn dành cho khách. Thấy ông giữa chúng tôi, nói chuyện và ăn uống như lúc trước, áp ủ hy vọng và giảm bớt sự sợ hãi của chúng tôi rằng ông có lẽ không thể sống bình thường bởi một căn bệnh trầm trọng. Những Nói chuyện trước Công chúng Madras sẽ bắt đầu chiều hôm sau, ngày 28 tháng mừi hai năm 1985 , và chúng tôi khá chắc chắn rằng chúng sẽ tiếp tục theo lịch trình. Nhưng suốt đêm nhiều triệu chúng bắt lợi thể hiện một xuống dốc tồi tệ cho sức khỏe của ông. Quan trọng hơn cả, ông đã phát triển một cơn sốt thật cao. Đang lắng nghe kỹ càng lời khuyên của những bác sĩ, ông bày ó sự quan tâm cho những người đã phải cố gắng nhiều để từ xa đến đây lắng nghe những nói chuyện của ông. Cuối cùng, một nhất trí được mọi người chấp thuận: bất kể cơn sốt cao của ông, nói chuyện đầu tiên sẽ xảy ra cùng buổi chiều hôm đó như đã được lên kế hoạch.

Hầu như ngay từ khi bắt đầu của nói chuyện, nó rõ ràng rằng Krishnamurti ‘không là chính ông’. Thái độ và cách nói của ông, và quá nhiều thời gian ông nói, không còn nghi ngờ gì cả, thể hiện rằng ông bị sốt nặng lắm. Sau nói chuyện, ông xoay xở đi xuống một cách run rẩy từ bục giảng và ngay lập tức bị kéo ùa vào bởi những đám đông của những người lắng nghe nhiệt tình. Ông vẫn còn phải lội lợ lửng qua một biển nhân loại đang dâng lên để đến được nhà, cách đó hai trăm yard. Hai hiệu trưởng, từ Ojai và Brockwood Park, mauel cứu thoát ông bằng cách đi cầm tay và đi kề hai bên ông và hộ tống ông qua đám đông hỗn loạn. Một trong hai người, giống như một người truyền lệnh của vua chúa, hét lên ồn tiếng, “Nhường lối, nhường lối!” Được quan sát từ xa, Krishnamurti có vẻ kiệt sức và không còn khả năng hoạt động; ông đang run rẩy và bất tỉnh.

Ngày hôm sau người ta quyết định chỉ có hai nói chuyện nữa tại Brockwood Park vào ngày 1 và ngày 4 tháng giêng năm 1986. Tất cả những chương trình khác, kể cả Những Nói chuyện Bombay, đều bị hủy bỏ.

Đôi diện với tình trạng bệnh trầm trọng cho đến bây giờ vẫn chưa chẩn đoán được của ông, ông yêu cầu quay về California thật mau qua lộ trình Pacific. Bởi vì ông đã lên kế hoạch đến Ojai trong khoảng hai tuần lễ nữa, tôi cũng cần quay lại mau, để cho tôi có thể chuẩn bị công việc nấu nướng cho biến cố bất ngờ này. Cuối cùng, tôi đã mua một vé máy bay mới: tôi sẽ khởi hành từ Madras trở vào buổi chiều ngày 30 tháng mười hai năm 1985.

Trước khi rời, tôi đến chào tạm biệt Krishnamurti. Ông đang nằm trong một cái giường rộng, nhìn khá sinh động. Rất vui mừng khi gặp tôi, ông chào hỏi đầy hứng thú. Tôi bị choáng váng khi thấy ông quá hốc hác, hầu như gầy mòn, và nhận thấy một miếng băng lớn trên trán của ông. Ngay lập tức ông giải thích, “Tôi qua tôi đang ra khỏi giường và bị trượt chân rồi té xuống.” Nhận thấy sự lo ngại đến choáng váng của tôi, ông vội vã thêm vào bằng sự hồn nhiên như đứa trẻ, “Đừng lo lắng, tôi chỉ đập đầu vào cạnh giường – lúc này đã bớt rồi.” Ông chuyển động bàn tay run run của ông đến nơi bị thương. Tôi bảo với ông rằng tôi sẽ rời đây khoảng vài tiếng đồng hồ nữa và lắc hai bàn tay nhạy cảm, mềm mại của ông. Luôn luôn vẫn tất và không cảm tính với những lần tạm biệt, ông tự tin một cách yên lặng khi nói, “Chúc chuyến đi vui vẻ nhé. Hẹn gặp bạn ở California!”

*

Từ Madras tôi đi máy bay đến New Delhi và sau đó quá cảnh Châu Âu để đi California, đến Ojai ngày 6 tháng giêng năm

1986. Năm ngày sau, ngày 11 tháng giêng, chúng tôi lại nghênh đón Krishnamurti một lần nữa dưới cây tiêu. Nhưng nó là một sự kiện đầy thương tâm: ông cạn kiệt năng lượng và trông ốm yếu ghê lắm, không thể xoay xở đi một mình từ xe hơi đến Pine Cottage. Hóa ra ông quá yếu không đến Arya Vihara ăn trưa được, và thay vì thế ông dùng mọi bữa ăn rất ít tại Pine Cottage. Ba người săn sóc ông tại mọi thời điểm – Mary Z., Dr. Parchure, và Scott Forbes, hai người sau đã theo cùng ông trên chuyến bay từ Madras đến Los Angeles.

Bởi vì tôi bận rộn chuẩn bị những bữa ăn cho những người ở đó và những khách viếng thăm tại A.V., tôi không thấy Krishnamurti nhiều nhưng nhận được tin tức về sức khỏe hiện nay của ông chủ yếu từ Dr. P. Thịnh thoảng dường như có một tia hy vọng và sự hứa hẹn hồi phục, như khi ông dạo bộ ngắn tới lui trên đường lái xe vào khu nhà.

Vào ngày thứ ba 21 tháng giêng, tôi đang mang khay đựng thức ăn đến Pine Cottage và đang ra khỏi rừng cam đến khúc quẹo, bỗng nhiên một cảnh lạ thường nhất gặp gỡ mắt tôi, Krishnamurti đang ngồi bất động trên bức tường tròn xây thấp quanh cây tiêu, cùng Dr. P. và Scott đứng chỉ một vài feet phía sau ông, sẵn sàng giúp đỡ ông nếu được cần đến. Ông đang nhìn những đường nét của những quả đồi xanh trong ánh sáng mặt trời, yên lặng hiệp thông cùng quả đất, cùng cái gì đó vượt khỏi những quả đồi và những thung lũng. Tôi cảm thấy một ngưng đọng đột ngột tràn ngập tôi, như thể tôi đang xâm phạm mảnh đất thiêng liêng và đang chứng kiến hành động của tình yêu, chết và sáng tạo. Cùng lúc tôi bị kinh hoàng bởi nước da xanh xao, sự mệt nhọc và hốc hác của ông. Ông không nhận thấy tôi, do bởi tôi kiễng chân đi qua nhóm người, nhưng hai người còn lại yên lặng nhận ra sự hiện diện của tôi.

Bởi vì sự đau đớn kinh khủng, sáng hôm sau ông được chấp thuận vào khu chăm sóc chuyên sâu tại Santa Paula Hospital. Ba người chăm sóc theo cùng ông suốt tám ngày ông ở bệnh viện. Khi ở đó, ông trải qua nhiều thử nghiệm, mà cuối cùng khẳng định rằng ông đang bị một khối u ác tính.

Nó là một thời điểm của những sự kiện xúc động vô cùng. Trong khi ông đang phẫu điều trị bằng tia X quang, những ống thông mũi, nuôi ăn bằng tĩnh mạch, những lần chích morphine, những lần truyền máu, những lần chụp bằng máy rọi cắt lớp, và cuối cùng một sinh thiết gan; càng ngày càng nhiều những bạn bè và những người kết giao của ông từ nước Anh, Ấn độ và những vùng đất khác của thế giới tụ họp tại A.V. để nghe tin rằng ông bị một ung thư tuyến tụy không thể chữa trị. Đến lúc này, vài tuyên bố trước công chúng đã được thực hiện liên quan đến tình trạng sức khỏe của ông, và Những Nói chuyện Ojai tháng Năm chính thức được hủy bỏ. Mía mai thay, chúng sẽ là những nói chuyện đầu tiên tại Ojai có một lệ phí vào cửa cố định. Những cái vé đã được in, những đặt chỗ trước đã được thực hiện, và cuối cùng văn phòng bị bắt buộc phải hoàn lại tiền cho những người đã gửi trước.

*

Vào lúc 10:00 tối năm ngày 30 tháng giêng, một chiếc xe cứu thương ngừng lại dưới cây tiêu, và Krishnamurti được khiêng bằng cáng vào Pine Cottage bởi hai người phụ giúp y tế. Một cái giường bệnh viện và một hệ thống chảy nhỏ giọt vào tĩnh mạch đã được thiết lập, và những y tá sẽ chăm sóc ông suốt ngày đêm. Đến lúc này ông không thể thân nhận bất

kỳ thức ăn nào và được nuôi sống hoàn toàn bởi phương tiện truyền tĩnh mạch.

*

Mang một cái khay vào nhà bếp Pine Cottage khoảng một giờ chiều ngày 1 tháng hai, khi đi ngang qua tôi ắt thấy một cái giường bệnh viện đã được thiết lập trong phòng khách. Một cái giá kim loại có góc cạnh kề giường ngủ có nhiều chai plastic được treo từ một cánh tay bằng chrome, đang cho ăn một chất lỏng trong từng giọt một qua những cái ống trong suốt vào những mạch máu của bệnh nhân đang ngủ. Một nam y tá trong một đồng phục hồ trắng không vết như ngồi bên cạnh giường ngủ đó, yên lặng quan sát bệnh nhân, máy theo dõi và hệ thống nhỏ giọt. Trên lối ra, tôi ngừng chút xíu tại một khoảng cách kính trọng để quan sát quang cảnh hiếm hoi này. Nó là việc gì đó mà trước kia tôi chưa bao giờ thấy: Krishnamurti đang ngủ.

Một đứa trẻ bé tí và mỏng manh bị mất hút trong khăn trải giường bằng vải lanh cuộn cuộn, ông đang thở đều đặn và nhẹ, rõ ràng không bị đau đớn trong thời điểm đó. Mái tóc bạc của ông xõa ra và rối bời giống như một hào quang quanh nét mặt vẫn còn đẹp của ông. Nó là một hình ảnh của sự thương tâm xé ruột. Tôi cảm thấy một thôi thúc đột ngột phải che chở và bảo vệ sự sống quý báu này, và cùng lúc cũng nhận ra sự vô vọng hoàn toàn của tôi. Rõ ràng, không ai được loại trừ khỏi quy luật của sống, mà quy định rằng tuổi già, bệnh tật và chết là số mạng chung của chúng ta. Chính ông đã thường xuyên nói về nó, đưa giỡn trích dẫn một ngôn ngữ của người Ý: *“Tutti gli uomini debbeno morine, forse anch'io.”* Khi tôi hỏi ông nó có nghĩa gì, ông đã giải thích nó, “Tất cả mọi người đều phải chết, có lẽ tôi cũng vậy.” Sau

đó tất cả chúng tôi đều bật cười. Nhưng lúc này, suy nghĩ về sự kết thúc sống của ông, tiếng cười không cất lên nổi.

Khi tôi nhìn ông đang ngủ trên giường bệnh, tôi nhận ra rằng sự bảo vệ bí mật đó, mà ông đã tận hưởng suốt sống dài của ông và mà chính ông thường kinh ngạc, vẫn còn ở đó – nhưng chỉ rất mong manh. Mọi việc chúng tôi có thể làm là, bằng sự hãi yên lặng, quan sát sự phơi bày sống của ông ngay tại hé rạn cuối cùng của nó. Tôi đứng đó như chôn chân lại, đang lắng nghe hơi thở nhẹ nhẹ của ông. Một tiếng thở dài nhẹ bỗng nhiên thoát khỏi hai môi của ông, và cái đầu da đen của ông nổi bật trong mái tóc rối bù trắng như tuyết. Nhớ lại hai mươi người khách trong phòng ăn A.V. đang cần sự chăm sóc của tôi, tôi vội vã rời khỏi Pine Cottage.

Vào căn phòng đầy người đang ăn và đang nói chuyện. Tôi trải nghiệm một tương phản đột ngột rõ ràng: ở đó, hơi thở nhẹ nhẹ của người đàn ông đang hấp hối trong không gian của ngôi nhà yên lặng; ở đây, yên tiệc ăn uống của bạn bè ông, dường như giống hai cảnh khác biệt trong một vở kịch gay cấn? Liệu chúng tôi nhận ra sự bao la của sự kiện mà chúng tôi đang chứng kiến, và chúng tôi là một bộ phận hiệp thông của nó?

*

Vào cuối buổi chiều, chúng tôi tụ họp trong phòng khách A.V. để được nói vấn tất bởi Dr. P. về tình hình hiện nay liên quan đến sức khỏe của Krishnamurti. Không ai trong chúng tôi có thể nuôi ảo tưởng về sự hồi phục căn bệnh trầm trọng của ông. Sự kết thúc đang nhìn thấy. Nó có lẽ tiếp tục trong những ngày, những tuần lễ, hay thậm chí những tháng, nhưng không gì có thể ngăn cản sự tàn tạ suy sụp không thể tránh khỏi. Tình trạng của ông liên tục đang chuyển hướng và

giống như một chuyến đi xe roller-coaster dốc đứng và gập ghềnh tại hội chợ, lên xuống từ con đầu đón cực độ, chắc chắn không được giảm bớt bởi sự trợ giúp của morphine, đến những khoảnh khắc của sự minh mẫn ban sơ và những tình tảo rõ ràng trong tiền định. Vào nhiều dịp, ông cam đoan với những người quanh ông rằng những loại thuốc giảm đau không có ảnh hưởng độc hại nào vào bộ não của ông và không cản trở sự hiểu rõ của ông.

Dr. P. báo cáo rằng, suốt đêm qua, Krishnamurti đã có thể ngủ mà không cần một viên thuốc ngủ hay bất kỳ loại thuốc nào khác, và ông đã thức dậy khỏe khoắn và mạnh mẽ. Buổi sáng trôi qua mà không có bất kỳ những tấn công dữ tợn của sự đau đớn, mà ông đã phải chịu đựng hơn vài tuần qua. Suốt ngày ông đã gặp những người bạn và những ủy viên, những người từ nước ngoài đến để nhận những hướng dẫn cuối cùng của ông liên quan đến những School và những Foundation, và để bày tỏ những kính trọng cuối cùng của họ.

Suốt đêm chủ nhật sang thứ hai, những cơn gió cuồng nộ từ những hòn núi, xoáy tung những bụi thấp, chao đảo những cái cây, và kêu rít trên những mái nhà và quanh những góc nhà giống như những thần linh uy quyền của không khí. Nó là một đêm của sức sống mãnh liệt, của những quyền năng thiên nhiên được giải phóng.

*

Chiều ngày 3 tháng hai, Krishnamurti yêu cầu được đẩy xe lăn ra ngoài, để cho ông có thể nhìn ngắm những quả đồi và những cái cây một lần nữa. Có lẽ ông muốn nói lời tạm biệt với hành tinh mà ông thương yêu nhiều lắm. Thật ra, hóa ra đó lại là lần cuối cùng ông có thể đi ra ngoài dưới bầu trời

mênh mang, trong sự bầu bạn của cây cối, hiệp thông cùng thiên nhiên.

Ngay lập tức chúng tôi ấp ủ một hy vọng vô lý rằng ông sẽ đang thực hiện một quay lại – trông ông có vẻ trong sáng và mạnh mẽ.

Cùng buổi chiều đó, tôi đi bộ đến Pine Cottage, đem theo thức ăn cho những người đang chăm sóc Krishnamurti. Trên đường qua cánh rừng cam tối sẫm, tôi đang tự hỏi liệu có khi nào tôi sẽ gặp lại Krishnamurti và có một cơ hội để nói chuyện cùng ông. Tôi cảm thấy ngượng ngùng về việc phải thỉnh cầu một gặp gỡ, bởi vì tôi không có bất kỳ những câu nói hay những câu hỏi cuối cùng có ý nghĩa nào mà tôi có thể đưa ra cho ông. Tôi cũng không muốn phải ép buộc ông chấp nhận thêm một cái tôi khác cùng những đòi hỏi và những quyền luyến của nó. Dầu vậy, cùng lúc, ông là một người bạn tuyệt vời. Làm thế nào tôi lại không thể ao ước nói những lời tạm biệt ông, thậm chí nó chỉ là một hay hai phút? Đến lúc này những câu hỏi này đã ở trong cái trí của tôi suốt nhiều ngày, và tôi đang dò dẫm không biết phải làm gì cho nó.

Sau khi đặt khay có những bình đựng thức ăn trên quầy của nhà bếp, tôi hỏi Mary Z. liệu bà ấy cảm thấy tôi có thể gặp Krishnamurti một chút xíu. Sau khi suy nghĩ nhanh, bà ấy nhờ ai đó đến hỏi ý kiến của ông.

Chốc lát sau tôi đi bộ qua hành lang dùng nối phần mới xây của Pine Cottage với phần cũ nơi có những phòng của Krishnamurti. Vào phòng ngủ của ông, tôi ngạc nhiên khi thấy nó hoàn toàn tối thui: chỉ một ngọn đèn mờ mờ chiếu sáng căn phòng ban đêm. Tôi phải mất một phút yên lặng nín thở để định hướng và điều chỉnh hai mắt của tôi với những đường nét của căn phòng. Nó là một cảnh lạ thường. Krishnamurti trong bộ quần áo ngủ của ông, nằm sấp sóng xoài trên cái giường bệnh, hai chân của ông quấn chặt trong

một cái mền. Dr. P. đang đứng bên trái ông, xoa bóp thật mạnh hai vai và lưng của ông.

Tôi không thể nghĩ bất kỳ điều gì để nói ra. Thậm chí một chào hỏi đơn giản như, ‘Chào ông?’ dường như sẽ là mơ hồ và không phù hợp. Cũng vậy, không ai trong họ nói bất kỳ điều gì khi tôi đến gần nhờ những cái bóng của căn phòng. Cổ họng của tôi như bị tắc lại, và tôi bị tràn ngập bởi một cơn sóng mãnh liệt của đau khổ, từ bi, và hiệp thông cùng con người vĩ đại mà đã trao tặng quá nhiều – cho tất cả chúng tôi, cho nhân loại, và cho chính tôi. Tôi nhận ra rằng bất kỳ sự bộc lộ cảm xúc của sự thương hại, những giọt nước mắt và thương tiếc sẽ là sự kính tởm đối với ông. Tất cả mọi từ ngữ mà tôi xoay sở để thốt ra chỉ là riu rít, “Ồ, Krishnaji.”

Tôi duỗi tay ra, và ông cầm trong bàn tay của ông, khi ông nhắc mình lên nhẹ nhàng từ vị trí nằm sấp của ông. Trong khi đó Dr. P. liên tục sự xoa bóp của ông ấy, thừa nhận sự hiện diện của tôi bằng một nụ cười thân thiện, yên lặng. Sự tiếp xúc bàn tay của Krishnamurti là sự tiếp xúc mềm mại nhất và dịu dàng nhất mà tôi đã từng cảm thấy. Giống như lụa và nhung, nó êm ái và mềm mại – không mồ hôi, ẩm ướt hay nóng hổi, cũng không cần cỗi, thô ráp, hay lạnh lẽo.

Ông nhìn tôi bằng hai mắt mở lớn, “A, chào, Michael.”

Tôi nhận biết một hiện tượng lạ thường nhất, mà cũng không gây kinh hãi và cũng không gây kinh ngạc cho tôi, nhưng trái lại ngập tràn tôi bằng sự kính trọng và hơi hơi hoảng hốt. Tôi có thể thấy ánh sáng trong Krishnamurti. Ánh sáng thực sự đang chiếu ra từ các cơ quan đó, lúc này gần như đã già gần một thế kỷ và bị ốm nặng vô phương cứu chữa. Một ánh sáng tinh tế nhìn thấy được chiếu sáng qua ông, và nó như thể ông đang chiếu sáng nó vào tôi khi tôi đứng đó, đang cầm bàn tay của ông. Trong khi Dr. P. tiếp tục công việc xoa bóp của ông ấy, Krishnamurti và tôi yên lặng

cầm tay nhau – những người bạn không có những rào chắn. Có một ý thức của trạng thái mới mẻ và sự tự do vô hạn, của một vô nhiễm không thể ô uế mà tự chuyển tải.

Theo đồng hồ, đang nắm tay không rời của chúng tôi không kéo dài lâu hơn một vài phút. Nhưng nó không ở trong những giới hạn của thời gian thông thường. Nó ở trong thời gian chính giữa, trong khoảng trống từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc kế tiếp. Một cách cảm xúc, tôi cảm thấy lặng người. Và rất yên lặng, ông nói, “Tôi rất xin lỗi khi bạn phải nấu nướng cho quá nhiều người.”

Khi hai bàn tay của chúng tôi rời ra, tôi vẫn có thể nhận thấy ánh sáng tinh tế đang tỏa ra từ ông, trong khi Dr. P. tiếp tục sự thao tác khéo léo của ông ấy để dịu bớt sự đau đớn vật chất. Tôi cảm thấy một cơn sóng mãnh liệt của sự biết ơn phát ra phía bên trong tôi. ~~Từ~~ Khi quay lại để rời căn phòng, tôi nói, “Cảm ơn ông, Krishnaji, cảm ơn ông, thưa ông!”

Ông trả lời bằng cách nói, “Tạm biệt, thưa bạn.”

*

Ngày hôm sau ông cảm thấy khỏe lại bất thường, khi suy nghĩ về tiến triển tốt trong căn bệnh của ông. Người bác sĩ cùng chăm sóc ở Santa Paula, Dr. Deutsch, chỉ rõ một khả năng của thuyên giảm. Thậm chí Krishnamurti còn hỏi liệu ông có thể đi lại và nói chuyện. Đây cũng là lần cuối, sự hy vọng nảy ra trong chúng tôi, sự ao ước mãnh liệt cho một điều kỳ diệu, một mong chờ xuẩn ngốc chống lại tất cả số mạng. Điều này cho một ý tưởng của loại cảm tính mà lan tràn suốt những ngày cuối cùng của Krishnamurti trên quả đất. Chuyến xe roller-coaster gập gềnh lên xuống tiếp tục.

Đến ngày 5 tháng hai, anh hết những người bạn và những người kết giao, mà ông muốn chuyển giao những vấn đề cấp thiết cuối cùng, đã đến Ojai. Chúng tôi đếm được ba mươi người, được trọ lại tại Arya Vihara và tại nhà những ủy viên và anh bè địa phương. Ngoài việc dạy lớp Affairs Current World tại Oak Grove High School, tôi cũng đang chuẩn bị cả bữa ăn trưa lẫn ăn tối cho tất cả những người khách mọi ngày trong tuần – mà khiến tôi bận rộn lắm. Có lẽ do bởi tỷ lệ cao độ của hoạt động này mới tạo ra một lớp bảo vệ cho tôi chống lại sự ảnh hưởng của đau khổ trọn vẹn về việc gì đang xảy ra chỉ cách đây một trăm yard ở phía bên kia cánh rừng cam. Tôi cảm thấy bị chết lặng và hoàn toàn được cởi bỏ khỏi những bàn luận sôi nổi của hầu hết những người khách. Thường xuyên, những câu nói được lọt ra về tình trạng sức khỏe hiện nay của ông, và luôn luôn tôi thấy ông trong phòng khách của Pine Cottage khi tôi mang thức ăn đến. Lạ lùng thay, tôi không thể suy nghĩ về ông. Tại một mức độ sâu thẳm hơn, tôi nhận biết rằng sự tưởng tượng và hiểu biết của tôi không thể đo lường chiều sâu của sự đau khổ mà ông đang chịu đựng.

*

Cuối ngày đó, ngày 5 tháng hai, sự suy sụp thông thường từ trước lại bắt đầu. Ông đã yêu cầu tập hợp những người đứng đầu từ những Foundation, và trong tiến hành của nói chuyện cùng họ, sự đau khổ và lo lắng quá mãnh liệt trong ông đến độ ông sụp đổ nhiều lần, khóc vùi do bởi đau đớn và yếu ớt. Ông cầu xin họ rời Ojai và đừng loanh quanh ở đây chờ đợi cái chết của ông. Hầu hết, nhưng không phải tất cả, thể hiện sự tôn trọng thỉnh cầu của ông. Dĩ nhiên, nó là một tình thế tiến thoái lưỡng nan sâu thẳm. Không phải tất cả những

người hiện diện đều thương yêu lẫn nhau, nhưng tất cả chúng tôi, không nghi ngờ gì cả, đều hợp nhất trong thương yêu K quá không hoàn hảo của chúng tôi.

*

Hai ngày sau, một trong những ủy viên người Anh đưa ra một câu hỏi cho ông: “Điều gì thực sự xảy ra cho sự tập trung lạ thường của hiểu rõ và năng lượng đó mà là K sau cái chết của ông ta?” Câu trả lời của ông ngay tức khắc, ngắn gọn và không mơ hồ, “Nó không còn nữa.” Hầu như giống một lời giải thích đến sau, thương tâm, chua xót và thi vị, và không phải không có một xúc động huyền bí, ông thêm vào, “giả như bạn biết được bạn đã bỏ lỡ cái gì – trống không vô hạn đó.”

Khi tôi được hỏi về lời nhận xét này, tôi nghĩ nó là một nhận xét kích thích sự tò mò nhất. Nhưng tôi không bao giờ cảm thấy hoàn toàn chắc chắn liệu ông có ý rằng hầu hết chúng tôi, trong khi còn sống, đã mất một cơ hội tận hưởng sự huy hoàng đẹp đẽ của sống, sự trống không vô hạn của nó trong ý nghĩa đó; hay liệu ông đang bàn đến cụ thể sự kiện rằng chúng tôi đã bỏ lỡ cơ hội để nhận biết sự trống không mà ông đã và đang chỉ ra cho chúng tôi qua những lời giảng của ông và sự hiện diện của ông. Hay cả hai.

Nhiều tiếng đồng hồ sau, với sự chủ động sáng tạo riêng của ông, ông thực hiện câu phát biểu được ghi lại cuối cùng của ông. Trong nó, ông nói về năng lượng và thông minh đó mà đã chuyển qua và đã sử dụng cơ thể của ông. Ông cũng trình bày rõ ràng rằng, trong hai mắt của ông, không người nào đã có bất kỳ sự hiểu rõ thoáng thoáng nào về cái vô hạn của việc gì đã xảy ra, đang nhấn mạnh lặp đi và lặp lại rằng không người nào quanh ông, cũng không người

nào trong thế giới rộng lớn, đã hiểu rõ điều gì ông đã và đang nói. Nó là một tuyên bố chấn động, đặc biệt cho những người đã rất gần gũi ông. Khi tôi được kể lại về điều đó, nó nhắc nhở tôi một cách sinh động về một câu chuyện ông đã kể lại vào nhiều dịp: chỉ có hai người trong số những đệ tử của Phật đã thực sự hiểu rõ Đấng Giác ngộ, và cả hai đều đã chết trước khi người thầy của họ nhập niết bàn.

*

Nó là tuần lễ thứ hai của tháng hai, và nhiều người khách đã bắt đầu rời đi đúng theo sự thỉnh cầu của ông. Nhưng một vài người trong những ủy viên từ nước ngoài đơn giản là không thể tự thuyết phục họ để rời đi trong tình hình này; họ ở lại để theo dõi sự suy sụp chậm chạp của ông từ xa. Vì vậy, số lượng khách dùng bữa trưa và bữa tối tại A.V. rút lại từ ba mươi người còn khoảng hai mươi hay mười lăm người.

*

Vào đầu buổi chiều ngày 10 tháng hai, tôi mang một khay thức ăn đến Pine Cottage. Nếu không phải vì Krishnamurti bị bệnh nặng, khung cảnh trong phòng khách sẽ là một thanh thản. Một vài người đang ngồi trong những cái ghế bành và những sofa, trong khi một ngọn lửa rực sáng đang bùng bùng nơi lò sưởi, mặc dù thời tiết không lạnh lắm. Một cái sofa đã được đặt căng hết chiều dài trước mặt nó. Trên đường đi ra của tôi, tôi nhận thấy Krishnamurti, người đã và đang nằm trên cái ghế sofa, đang được giúp đỡ bởi người y tá nam để ngồi thẳng đứng. Nó khiến cho tôi choáng váng khi thấy ông như thế: suốt sống của ông, ông đã khẳng định sự độc lập, không chỉ của cái trí của ông nhưng còn cả của cơ thể của

ông, và lúc này ông phải phụ thuộc vào một người khác cho hành động ngồi dậy đơn giản. Việc đó làm cho tôi rơi nước mắt. Thật thương tâm.

Tôi cảm thấy bị thúc ép phải di chuyển gần hơn cái hình bóng mong manh được cuốn trong những cái mền, và tôi quỳ xuống bên cạnh ông. Hầu như ông không thể chuyển động bộ đầu của ông; thay vì thế, ông quay hai mắt to của ông về phía tôi. Chúng giống như những cái gương soi, cùng chiều sâu vô hạn của chúng, được cân bằng khi chúng ở giữa sống và chết. Cận thận đi vào tầm mắt của ông, tôi nói lên tiếng, to hơn tiếng kêu lách tách của ngọn lửa đang cháy, “Chào buổi chiều, Krishnaji.” Tôi không thể nghĩ ra bất kỳ từ nào để nói thêm.

Đáp lại, ông nhắc bàn tay phải của ông một vài inch và buông nó xuống do bởi sự kiệt lực hoàn toàn. Không sức mạnh nào còn sót lại nơi ông. Ông từ từ mở miệng ra, lắp bắp điều gì đó, thều thào như người nào đó đang chết khát trong sa mạc. Giọng nói của ông nghe rất yếu, và những từ ngữ của ông bị át đi bởi tiếng lách tách của lửa. Tôi chạm vào bàn tay của ông rất nhẹ bằng những đầu ngón tay của tôi, hầu như không nhận biết được nhịp đập dưới làn da mềm như lụa đó. Nghe ngào nuốt chừng để kiềm chế sự bột phát của thương tâm và đau khổ trong tôi, tôi thì thầm, “Cám ơn ông, thưa ông. Tạm biệt.”



BẢN TIN #1, Ngày 13 tháng hai, 1986: ‘Krishnaji ở Ngọn. Ông không đau đớn hay có bất kỳ bất ổn cơ thể nào. Ông cảm thấy yếu ớt. Ông không muốn nói nhiều. Nhiệt độ, mạch, và hô hấp và huyết áp của ông trong những giới

hạn bình thường. Sự nuôi ăn bằng tĩnh mạch thỏa đáng. Ông thích xem truyền hình và nghe tin tức.’

BẢN TIN #2, cùng ngày (Bản tin Y tế cho những người hỏi về tình trạng của Krishnaji từ ngày 13 tháng hai, 1986): Krishnaji có một đêm nghỉ ngơi yên ổn . Nhiệt độ của ông tăng hai lần trong những thời kỳ ngắn. Ông ngồi dựa thẳng trước lò sưởi thường thức cảnh những ngọn lửa đang nhảy múa. Ông muốn tin tức thế giới được đọc lớn tiếng cho ông nghe. Ngồi 5 hay 6 tiếng đồng hồ như thế này, sau đó nghỉ ngơi. Nuôi dưỡng được duy trì qua phương tiện truyền tĩnh mạch. Ông thay tĩế giấc ngủ của ông bằng những lần ngủ ngắn suốt ngày. Ông xem truyền hình vào buổi tối. Ký tên Dr. P.’

BẢN TIN #3, ngày 14 tháng hai, 1986 (Báo cáo y ế về Krishnaji cho những người bạn hỏi thăm ông [không loan cho báo chí] của ngày 14 tháng hai, 1986):

‘Krishnaji không có một buổi sáng yên ổn . Ông cũng không có một đêm yên ổn, mặc dù ông không bị đau đớn. Trong buổi sáng trước 12 giờ trưa ông có hai đợt đau đớn nhẹ trôi qua mau. Ông thích nằm trong giường, thay vì ra ngoài phòng khách. Ông h s ốt mức độ thấp trong chốc lát. Dr. Deutsh thăm ông vào buổi chiều và họ có vài nói chuyện lý thú về phim ảnh, golf, trượt tuyết. Krishnaji ngủ ngon. Dr. P.’

BẢN TIN #4, ngày 15 tháng hai, 1986: ‘Krishnaji ngủ ngon, liên tục suốt 8 tiếng đồng hồ, và thức dậy tươi tắn và tỉnh táo. Ông cảm thấy yếu ớt và mệt mỏi và có khuynh hướng ngủ lơ mơ. Không có vẻ sốt nhiều nhưng cơ thể toát mồ hôi tiếp tục. Ông xem một cuốn phim vào buổi chiều và trao đổi vài

chuyện đùa với những người chung quanh. Ông đi ngủ lúc 8:30 tối.’

BẢN TIN #5, ngày 17 tháng hai, 1986: ‘Krishnaji ngủ khá ngon giấc đến 3 giờ sáng ngày 16 tháng hai. Từ đó trở đi nó là một ngày rất nặng nề. Nguyên ngày ông bị đau đớn những mức độ khác nhau tại những khoảng thời gian không đều đặn. Đến buổi chiều ông hoàn toàn kiệt sức và muốn ngủ. Lượng thuốc ngủ thông thường của ông được cho lúc 7:00 tối. Ông không thể ngủ suốt một tiếng đồng hồ bởi vì đau đớn, nhưng sau đó, khi sự đau đớn bắt đầu dịu bớt, ông bị bất tỉnh và qua đời lúc 12:30 sáng thứ hai ngày 17 tháng hai, 1986. Dr. Parchure.’

Phân kết

Mười năm đã trôi qua kể từ khi Krishnamurti từ trần, vừa sau nửa đêm ngày 17 tháng hai năm 1986. Suốt những năm này, sự thay đổi lớn lao là sống không có Krishnamurti, người bạn của thông minh, người bạn của sự sống và sự thật. Dĩ nhiên, Schools và Foundations vẫn tiếp tục – mặc dù khá nhiều ủy viên, hiệu trưởng và giáo viên đã đến và đi. Nhiều thay đổi khác đã xảy ra, trong chính chúng tôi và khắp thế giới. Có những thách thức liên tục. Quan trọng nhất trong tất cả là nghi vấn: Chúng ta, cùng nhau và cá thể, sẽ làm gì với viên ngọc quý mà chúng ta đã được trao tặng?

Ông để lại cho chúng ta một di sản vĩ đại – nếu được đo lường chỉ trong số lượng: hai ngàn năm trăm băng ghi lại trên năm trăm videotape, gần một trăm ngàn trang giấy in (sách và bản đánh máy), hàng ngàn trang bản thảo viết tay và thư từ, vô số ảnh, và một lượng đáng kể của những thước phim – nói tóm lại, một núi tài liệu lịch sử, đa số chúng chưa được xuất bản. Rõ ràng, sự giữ gìn và công bố những tài liệu này là quan trọng, cả từ quan điểm lịch sử lẫn thực tế. Nhưng chính Krishnamurti nhấn mạnh rằng những lời giảng của ông là một vật đang sống, và rằng những quyển sách và những ghi lại không phải.

Thế là, đó là cái gì chúng ta được tặng lại – vật đang sống, những sống riêng của chúng ta. Chúng ta đã sẵn sàng như thế nào để thâm nhận sự thách thức mà Krishnamurti đưa

ra cho tất cả chúng ta: nghi vấn của hoàn toàn tự do? Không chỉ sự tự do khỏi sợ hãi và xung đột – mặc dù những việc đó có tầm quan trọng sống còn – nhưng tự do, tự do một cách đơn giản, tự do một cách không bị quy định.

BÀI ĐỌC THÊM

[Trích dẫn từ: *Star in the East Krishnamurti the invention of a Messiah* bởi Roland Vernon.]

Tất cả thế giới là lớp học của ông.

Khi ông già, những thành viên thuộc vòng tròn phía bên trong của ông bắt đầu hỏi ông về vấn đề ông dự tính ‘công việc’ của ông được tiếp tục như thế nào sau khi ông qua đời, và khi nào sự kiện đó có lẽ xảy ra. Thỉnh thoảng ông khẳng định có một ý tưởng rõ ràng về khi nào ông sẽ chết, nhưng bêu lộ những dấu hiệu mâu thuẫn và mơ hồ cho những người khác nhau. Một điều ông quả quyết là rằng ông hiện diện ở đây để thực hiện một công việc, và công việc đó là nói chuyện. Ngay khi ‘cơ thể’ không còn có thể tiếp tục công việc đó nữa, bởi vì bất kỳ lý do nào, cái nguồn của sống và động cơ của ông sẽ rút lui, và chết sẽ theo sau thật mau lẹ. Nhưng khi ông đến giữa những năm 1980, có vẻ đã không có bất kỳ dấu hiệu rút lui nào sắp xảy ra và ông tiếp tục công việc của ông bằng một sinh lực mãi mãi mãnh liệt, càng lúc càng thuyết phục về vai trò độc nhất của ông trong lịch sử. Tuy nhiên, bất kể sự kiên cường của ông, cuối cùng suốt năm 1985 ông bắt đầu biểu hiện những dấu hiệu của sự kiệt lực.

Krishnamurti khởi đầu việc gì sẽ là năm kết thúc của ông ở Ấn độ, nơi ông đã thực hiện nhiều xuất hiện trước công chúng trước khi tiếp tục đến Mỹ cho một vòng khai sáng chói lọi của những nói chuyện, gồm có một tại Liên Hiệp Quốc, bốn ở Ojai, và hai ở Washington, cùng nhiều đối thoại và những câu hỏi-trả lời trước công chúng. Kế tiếp, ông đến

Châu Âu cho mùa hè, thực hiện tám nói chuyện tại Saanen , sau đó bốn nói chuyện tại Brockwood, và tổ chức một loạt những đối thoại cùng những giáo viên và những học sinh ở đó. Cuối cùng, ông rời đó để lại đi Ấn độ vào tháng mười, nơi thời khóa biểu của ông gồm có những nói chuyện tại Varanasi (Benares), Rishi Valley và sẽ được kết thúc tại Madras. Chính ở đây mà nghề nghiệp của ông như một người nói trước công chúng kết thúc, gần sát nơi nó đã bắt đầu, bằng một loạt ba nói chuyện, chấm dứt vào ngày 4 tháng giêng năm 1986.

Trước khi thực hiện chuyến đi kết thúc đến Ấn độ, rõ ràng rằng sức khỏe của ông đang suy giảm, và rằng có thể ông sẽ không thể hoàn tất tất cả những ước hẹn đã lập thời khóa biểu. Sự sợ hãi này được củng cố bởi sự hao hụt khủng khiếp về trọng lượng và sức khỏe của ông suốt những tháng mười một và mười hai, cùng với sự cần thiết liên tục của ông về quần áo và những cái mền ấm áp, ngay cả trong sức nóng của Ấn độ. Giọng nói của ông bắt đầu yếu ớt, ông cảm thấy nôn mửa và chịu đựng một cơn sốt tái diễn. Mọi người quanh ông bắt đầu chờ đợi điều tồi tệ nhất. Ông bày tỏ một mong ước quay về nhà ở Ojai ngay khi có thể được và bắt đầu trao tặng quần áo Ấn độ của ông cho những bạn bè ở Madras. Những nói chuyện cuối cùng của ông được theo sau bởi vài gặp gỡ phiền phức với những ủy viên của Krishnamurti Foundation of India, tại đó những vấn đề quản lý bất hòa được phân loại, trước khi cuối cùng ông đáp máy bay ra khỏi quốc gia nơi ông sinh ra trong buổi sáng rất sớm của ngày 11 tháng giêng. Vài tiếng đồng hồ trước khi rời để đến phi trường, ông thực hiện chuyến dạo bộ cuối cùng dọc theo bãi biển tại Adyar, gần nơi ông đã tình cờ gặp Leadbeater. Trước khi rời đi, ông ngừng lại và nhìn chăm chú hướng ra ngoài biển cả, được

quan sát bởi một nhóm bạn bè từ xa, gió mạnh đang thổi rồi tung mái tóc của ông quanh khuôn mặt hốc hác của ông.

Ông đến Ojai vào buổi sáng ngày 12 tháng giêng và nghỉ ngơi một ngày trước khi thăm bác sĩ tin cậy của ông, Gary M. Deutsch, tại phòng khám Santa Paula của ông ấy. Một chẩn đoán chắc chắn chỉ có thể được thực hiện khi Krishnamurti được chấp thuận nhập viện vào ngày 22 tháng giêng, nơi ông nhận được sự nuôi ăn qua tĩnh mạch và trải qua nhiều chụp cắt lớp và những thí nghiệm khác nhau. Ông ở trong bệnh viện một tuần, được chăm sóc liên tục bởi Mary Zimbalist và Scott Forbes, ột thành viên của khối nh ân viên ở Brockwood Park. Rõ ràng, Krishnamurti không hạnh phúc bởi bầu không khí và sự bất tiện của bệnh viện và mong mỏi quay về Pine Cottage, một ước muốn được chấp thuận ngay khi nó trở nên rõ ràng rằng không việc gì có thể giúp đỡ ông ngoại trừ thuốc giảm bớt sự đau đớn. Tình trạng bệnh tật được chẩn đoán là ung thư tuyến tụy mà đã lan đến một khối u phụ trong gan.

Krishnamurti, lúc này đã bị tàn phá và co rút lại, được đưa trở lại Ojai, bao bọc kín mít vào ngày 30 tháng giêng, và được cho nghỉ trong cùng căn phòng nơi ông đã trải nghiệm sự thức dậy tinh thần lạ thường hơn sáu thập niên trước, cùng người em của ông. Dr. Deutsch đều đặn đến bên giường của ông để khám, cho ông những phụ thêm của thức ăn, thuốc giảm đau và thuốc ngủ. Khi bắt đầu rõ ràng rằng những tuần lễ cuối cùng có lẽ đã dần dần đến và đau đớn lắm. Deutsch ‘một cách cụ thể đã hỏi ông về cách giải quyết sự sống riêng và ông phát biểu rằng ông không muốn chết “một cách nhân tạo” nhưng nói ở điều này bằng cách phát biểu rằng ông không muốn trải nghiệm nó’. Bác sĩ và bệnh nhân đã bắt đầu

một tình bạn khẩn khít trong những ngày cuối cùng, và Deutsch quả quyết đã là người học trò cuối cùng của Krishnamurti.

Hiển nhiên, nhiều bạn bè và những người kết giao từ khắp thế giới đến thăm ông khi tin tức về cái chết sắp đến của con người vĩ đại bắt đầu lan rộng. Họ bị tan nát giữa việc muốn bày tỏ những kính trọng cuối cùng của họ và cùng lúc vẫn chưa từ bỏ hy vọng về một hồi phục kỳ diệu. Không gì là không thể được cho một con người như thế, họ tin tưởng, và khi ngày 4 tháng hai Deutsch bóng gió báo cho biết rằng đã có những dấu hiệu của sự thuyên giảm có thể xảy ra, những hy vọng bắt đầu bay cao. Trong khi đó, Krishnamurti tự chuẩn bị cho sự kết thúc. Ông gửi những tìm hiểu đến những học giả Brahmin ở Ấn độ để tìm ra những sắp xếp chôn cất phù hợp cho một con người thiêng liêng, chỉ để sau đó khước từ chúng ngay lập tức do bởi sự vô lý và đầy mê tín. Ông tiếp tục thực hiện những ghi lại cuối cùng và giải quyết những vấn đề còn sót lại lỏng lẻo về sự xuất bản sách và công việc quản lý. Gần bó cùng ông là những kế hoạch cho một trung tâm học hành mới dành cho những người trưởng thành tại Brockwood, một viên đá đầu tiên mà, nếu sự tài trợ cho phép, sẽ được đặt vào mùa hè sau. Ông cũng đặc biệt háo hức để thấy những người trẻ tuổi quan tâm trong công việc của ông, những người có những sống dài phía trước nhưng lại chẳng có bao nhiêu sự trải nghiệm của ông một cách cá nhân, với mục đích bảo đảm rằng sự cam kết của họ được đặt nền tảng trong những cốt lõi của ông và sẽ không bị thoái hóa.

Cái trí của ông vẫn còn minh mẫn trong những bàn luận này, bất kể những thuốc men mà ông đang thụ nhận từng đợt, và ông cảm thấy sự cần thiết phải lặp lại rằng ông vẫn còn kiểm

soát những công việc của ông. Những người khách viếng thăm, kiềm chế những giọt nước mắt của họ, bị tác động bởi uy quyền phía bên trong liên tục của ông, và cái gì có vẻ là ánh sáng chói lọi đang chiếu sáng từ ông. Ông đang bám vào sự sống bằng một sợi chỉ mong manh, trong sự trợ giúp của một nuôi ăn nhỏ giọt, phụ thuộc vào những cái ống không xứng đáng đang gắn vào cơ thể của ông, và gần như không thể cự quây, họ kể lại, nhưng năng lượng lạ thường của ông vẫn còn ngập tràn căn phòng nhiều như trong quá khứ. Và khi ông nằm trong trạng thái kiệt lực này, ông gây kinh ngạc mọi người và tất cả bằng cách phát bầu vửng vàng rằng trong khi ông còn sống ông vẫn còn là ‘Thầy Thế Giới’.

Bất công thay, vài người cảm thấy rằng không phù hợp cho một con người như Krishnamurti khi phải đầu hàng một căn bệnh như ung thư. Chính ông cũng bày tỏ cảm thấy này trong một dịp, bóng gió rằng căn bệnh có lẽ đã bị gây ra bởi cái gì đó mà ông đã làm sai trái, và không tinh khiết thuộc tâm lý hay cấu tạo cơ thể. Tuy nhiên, ông gợi ý rằng một chẩn đoán khác được cần đến bằng cách tuyên bố công khai bệnh tình của ông cho mọi người đã bị khước từ một cách thông minh, và những học trò của ông được bỏ lại bằng sự thật có lẽ không thể chấp nhận được, rằng ngay cả những bậc thánh cũng có thể phát triển những khối u gây chết người.

Ngày 3 tháng hai, Krishnamurti được khiêng xuống từ hàng hiên của Pine Cottage, trong chiếc xe lăn của ông, và được đặt dưới cây tiêu, không còn là cây non của năm 1922, nhưng lúc này đã ban phát một bóng râm tỏa rộng và dày đặc. Nó sẽ là chuyển động chơi cuối cùng của ông ngoài trời, và ông ngồi trong sự suy nghĩ yên lặng về quang cảnh của những chuyến phiêu lưu quá khứ này. Phía sau ông, chú ý và

táo, một nhóm những người hiền dâng đang đứng, giống hệt như những ngày xa xưa, những người đi trước của họ, đầy say mê và tự hiến dâng như thế, đã qua đời nhiều thập niên trước. Dĩ nhiên, hai thành viên của thể hệ trước vẫn còn sống, và cả hai đã là những vai chính trong những trải nghiệm lạ thường đầy thông tin. Rosalind và Rajagopal vẫn còn cư ngụ không xa lắm, nhưng trong thời gian này hoàn toàn xa lạ Krishnamurti, thậm chí họ có lẽ đã không biết sự nghiêm trọng về tình trạng bệnh tật của ông. Không nỗ lực nào được thực hiện ở cả hai phía để đạt được một hòa giải hay nói lời chào tạm biệt. Rajagopal sẽ còn sống đến tháng tư năm 1993, vẫn còn là một thành viên của Theosophical Society và cũng có tuổi bằng một thế kỷ. Rosalind còn sống đến tháng giêng năm 1996, cũng gần chín mươi ba tuổi, cuối cùng sự bí mật của bà cũng được tiết lộ cho thế giới qua quyển sách của con gái bà.

Khi bắt đầu rõ ràng rằng ngày chính xác của sự chia tay cuối cùng của Krishnamurti sẽ khó khăn để tiên đoán, và rằng không người nào sẽ thích thú khi có một nhóm đông của những người than khóc đang chờ đợi tại Ojai cho sự kiện kinh hoàng này, Krishnamurti ế nhị yêu cầu hầu hết những người đó rời khỏi, và họ miễn cưỡng tôn trọng những mong ước của ông. Khi ông trôi giạt qua nửa thứ hai của tháng hai, ông vẫn còn tỉnh táo nhưng mỗi lúc một phụ thuộc vào thuốc men để làm giảm bớt sự đau đớn. Vào buổi tối cuối cùng của ông, sau khi uống thuốc ngủ, ông dịu dàng chúc Scott Forbes và Mary Zimbalist ngủ ngon. Mỗi người cầm một bàn tay của ông, tin tưởng rằng họ đã nghe những từ ngữ cuối cùng của ông. Tim của ông ngừng đập lúc 12:10 sáng giờ địa phương vào ngày 17 tháng hai.

Cơ thể của ông được rửa sạch và quấn trong lụa mới. Vài tiếng đồng hồ sau ông được khiêng trong quan tài bằng ván đến nơi hỏa táng tại Ventura, được theo cùng trong xe tang bởi Mary Zimbalist, người đang thành tựu lời hứa lúc đầu rằng bà sẽ theo ông đến tận khúc cuối cùng. Với mục đích để bảo đảm rằng tro của ông được giữ gìn tinh khiết, cá nhân Krishnamurti đã đưa ra những hướng dẫn từ trước rằng lò hỏa táng phải được tẩy sạch hoàn toàn và sau đó được kiểm tra bởi một thành viên trong những người riêng của ông. Ngay khi việc này đã được hoàn tất, cùng một nghi lễ tối thiểu và trong sự hiện diện của vài người bạn địa phương, cơ thể của Krishnamurti được giao phó cho ngọn lửa. Phù hợp với những ước muốn của ông, tro được chia thành ba phần, một phần ở lại Ojai, một sẽ được rải tại Brockwood Park, và phần còn lại trong sông Ganges. Ông đã hướng dẫn cụ thể rằng không nghi lễ đặc biệt nào sẽ theo cùng những công việc này, và rằng không đài kỷ niệm nào được dựng lên để tôn vinh ông, lúc này hay mãi mãi.

Ông Không bắt đầu dịch: 14:00 pm ngày 25 tháng 7 năm 2011

Dịch nháp xong: 12:37 pm ngày 10 tháng 12 năm 2011

Ông Q đọc xong bản nháp ngày 26 tháng 12 năm 2011

Ông Không sửa xong bản nháp, in sách:

8:42AM ngày 8 tháng 4 năm 2012

Ông Q đọc lại sách in: 28-4-2012

Đã dịch:

- 1 – Sổ tay của Krishnamurti
Krishnamurti's Notebook
- 2 – Ghi chép của Krishnamurti
Krishnamurti's Journal
- 3 – Krishnamurti độc thoại
Krishnamurti to Himself
- 4 – Ngẫm nghĩ cùng Krishnamurti
Daily Meditation with Krishnamurti
- 5 – Thiền định 1969
Meditation 1969
- 6 – Thư gửi trường học
Letters to Schools
- 7 – Nói chuyện cuối cùng 1985 tại Saanen
Last Talks at Saanen 1985
- 8 – Nghĩ về những việc này
Think on these things
- 9 – Tương lai là ngay lúc này
The Future is now
- 10 – Bàn về Thượng đế
On God
- 11 – Bàn về liên hệ
On Relationship
- 12 – Bàn về giáo dục
On Education
- 13 – Bàn về sống và chết
On living and dying
- 14 – Bàn về tình yêu và sự cô độc [2-2009]
On Love and Loneliness
- 15 – Sự thức dậy của thông minh Tập I/II [2009]
The Awakening of Intelligence

- 16 – Bàn về xung đột [4-2009]
On Conflict
- 17 – Bàn về sợ hãi
On Fear
- 18 – Vượt khỏi bạo lực [6-2009]
Beyond Violence
- 19 – Bàn về học hành và hiểu biết [8-2009]
On Learning and Knowledge
- 20 – Sự thức dậy của thông minh Tập II/II [12-2009]
The Awakening of Intelligence
- 21 – Nghi vấn không đáp án [2009]
The Impossible Question
- 22 – Tự do đầu tiên và cuối cùng [4-2010]
The First and Last Freedom
- 23 – Bàn về cách kiếm sống đúng đắn [5-2010]
On Right Livelihood
- 24– Bàn về thiên nhiên và môi trường [5-2010]
On Nature and The Environment
- 25– Tương lai của nhân loại [5-2010]
The Future of Humanity
- 26– Đoạn kết của thời gian
The Ending of Time [5-2010]
- 27– Sống chết của Krishnamurti – 2009
The Life and Death of Krishnamurti
A Biography by Mary Lutyens [Đã dịch xong]
- 28–Trách nhiệm với xã hội [6-2010]
Social Responsibility
- 29– Cá thể và xã hội [7-2010]
Individual & society
- 30– Cái gương của sự liên hệ [11-2010]
The Mirror of Relationship
- 31– Bàn về cái trí và suy nghĩ [8-2010]

- On mind & thought*
- 32- Tại sao bạn được giáo dục? [2-2011]
Why are you being educated?
- 33- Bàn về Sự thật [3-2011]
On Truth
- 34- Tiểu sử của Krishnamurti – Tập I/II [5-2011]
Krishnamurti's biography by Pupul Jayakar
- 35- Tiểu sử của Krishnamurti – Tập II/II [6-2011]
Krishnamurti's biography by Pupul Jayakar
- 36- Truyền thống và Cách mạng [7-2011]
Tradition & Revolution
- 37- Khởi đầu của học hành
Beginnings of Learning [8-2011]
- 38- Giáo dục và ý nghĩa của sống [9-2011]
Education and Significance of Life
- 39- Cuộc đời trước mặt [10-2011]
Life Ahead
- 40- Gặp gỡ cuộc sống [11-2011]
Meeting Life
- 41- Giới hạn của suy nghĩ [12-2011]
The Limits of Thought
- 42- Lửa trong cái trí [1-2012]
Fire in the mind
- 43- Ghi chép tại nhà bếp [4-2012]
The Kitchen Chronicles
1001 Lunches with J. Krishnamurti[2-2012]

Đón đọc:

- 44- On Freedom [3-2012]
- 45- Commentaries on living-First Series [4-2012]
- 46- Commentaries on Living-Second Series
- 47- Commentaries on Living- Third Series